

ALEXANDER ĐẠI ĐẾ

Các triều đại của Macedonia

Amyntas I	? - 498
Alexander I	498 - 454
Perdiccas II	454 - 413
Archelaus	413 - 399
Orestes	399 - 398
Aeropus II	398 - 395
Amyntas II	395 - 394
Amyntas III	393 - 370
Alexander II	370 - 367
Ptolemy	367 - 365
Perdiccas III	365 - 359
Philip II	359 - 336
Alexander Đại Đế	336 - 323

Các triều đại của Ba Tư

Cyrus Đại Đế	559 - 530
Cambyses II	530 - 522
Bardiya	? - 522
Darius I	522 - 486
Xerxes I	486 - 465
Artaxerxes I	465 - 424
Xerxes II	? - 424
Darius II	424 - 404
Artaxerxes II	404 - 359
Artaxerxes III	359 - 338
Artaxerxes IV	338 - 336
Darius III	336 - 330

GIỚI THIỆU

Alexander Đại đế đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử thế giới. Ông nổi bật trong số những vĩ nhân của lịch sử, bởi vì ông hoàn thành di sản của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn. Đó là nhà chinh phục vĩ đại, đã để lại dấu ấn sâu đậm trong mọi chủng tộc. Ông đã khuất phục phương Đông và thâm nhập vào Ấn Độ, vùng đất của những điều kỳ diệu. Truyền thuyết về ông, ở cả phương Đông và phương Tây, đã đưa ông đến giới hạn của trái đất, thậm chí đến cánh cổng của Thiên đường. Thành quả của cuộc đời ông không chỉ là đế chế mà ông đã giành được nhờ chiến đấu gian khổ, mà còn là sự phát triển của nền văn minh Hy Lạp được lan rộng khắp thế giới. Chính bằng cách đó, ông đã tạo ảnh hưởng đến lịch sử nhân loại thậm chí cho đến thời đại chúng ta.

HY LẠP – THẾ KỶ THỨ TƯ (TCN)

Sau sự sụp đổ của Athens và Đế chế Athen trong Chiến tranh Peloponnesian, Sparta là người chiến thắng và dùng bạo lực tàn bạo để thiết lập quyền lực tối cao của mình đối với người Hy Lạp và đưa ra các thể chế mới thay cho các nền dân chủ mà Athens ủng hộ trước đây. Tuy nhiên, chiến thắng đã không giành được bằng sức mạnh của chính họ, mà thông qua liên minh tai tiếng với Ba Tư, hy sinh vùng đất Tiểu Á cho Đại vương của Ba Tư.

Chiến tranh Peloponnesian, 431 đến 404 TCN, là một cuộc chiến giữa các thành bang Hy Lạp cổ đại. Liên minh Peloponnesian được lãnh đạo bởi thành bang Sparta đã đánh bại liên minh Delos do Athens dẫn đầu. Các nhà sử học thường chia nó thành ba giai đoạn.

Trong giai đoạn đầu tiên, cuộc chiến Archidamius, Sparta phát động cuộc xâm lược Attica nhiều lần, trong khi Athena lợi dụng sức mạnh hải quân để tấn công bờ biển Peloponnesus cố gắng ngăn chặn các dấu hiệu bất ổn trong đế chế, giai đoạn này của cuộc chiến được quyết định năm 421, với hiệp ước hòa bình Nicias. Tuy nhiên hiệp ước không có tác dụng lâu khi một cuộc chiến mới lại xảy ra ở Peloponnesus. Sự đối đầu giữa Sparta và một liên minh của Athena là Argos vào năm 418 TCN lại làm bùng lên cuộc

chiến. Tại Mantinea, Sparta đã đánh bại liên minh Athen. Chiến tranh lại tiếp tục, và Alcibiades đã lên nắm quyền lực tại Athena. Năm 415 TCN Alcibiades đã thuyết phục Quốc hội Athen gửi một lực lượng viễn chinh lớn để tấn công Syracusus ở Sicilia, cuộc xâm lược hoàn toàn thất bại khi toàn bộ lực lượng trên bị tiêu diệt, trong năm 413 TCN. Điều này mở ra giai đoạn cuối của cuộc chiến, thường được gọi là cuộc chiến Decelea, hoặc chiến tranh Ionia. Trong giai đoạn này, Sparta được sự giúp đỡ từ Ba Tư, hỗ trợ các cuộc nổi loạn ở các bang chịu sự ảnh hưởng của Athen ở biển Aegea và Ionia, phá hoại đế chế Athen, và, cuối cùng, lấy đi sự uy quyền của Athen. Việc phá tan hạm đội Athen ở Aegospotami đã đánh dấu sự kết thúc cuộc chiến, và Athen đã đầu hàng ngay trong năm sau.

Cuộc chiến phần nào giúp định hình lại thế giới Hy Lạp cổ đại. Trên mức độ quan hệ quốc tế, Athen, thành bang hùng mạnh nhất ở Hy Lạp trước cuộc chiến đã suy sụp hoàn toàn kéo theo cả chế độ dân chủ, trong khi Sparta trở thành thành bang hùng mạnh nhất Hy Lạp. Các tổn thất kinh tế của cuộc chiến đã được cảm nhận trên khắp Hy Lạp; sự nghèo đói lan rộng khắp Peloponnesus, trong khi Athena thấy bản thân hoàn toàn bị tàn phá, và không bao giờ lấy lại được sự thịnh vượng trước đây. Cuộc chiến cũng là sự xung đột giữa nền dân chủ Athena và chủ nghĩa quân phiệt Sparta, mỗi bên ủng hộ các phe phái chính trị thân thiết trong phạm vi các bang khác, các cuộc nội chiến xảy ra phổ biến trong thế giới Hy Lạp.





* Nhấn nút Play để xem

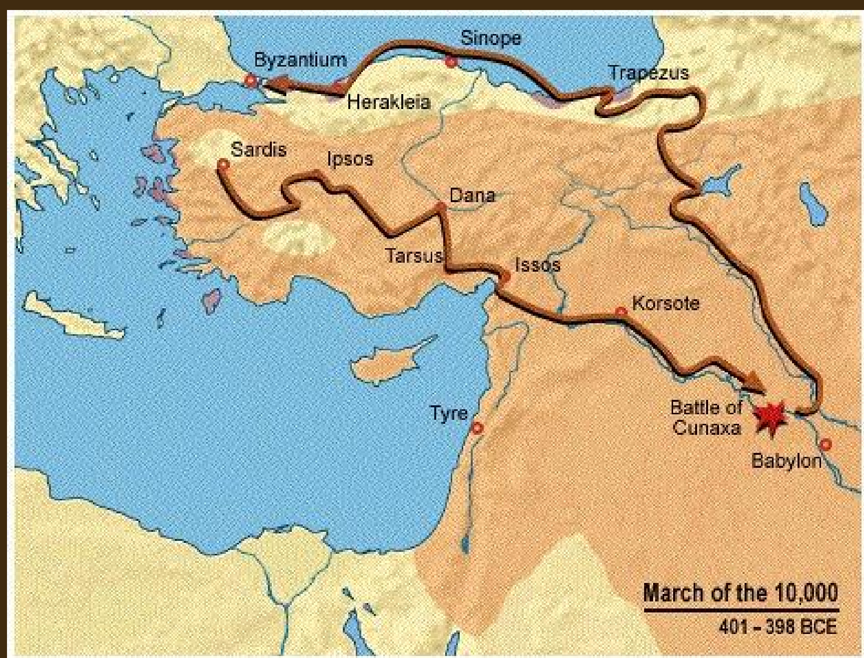
Bực tức trước thái độ của những người dân chủ cấp tiến của Athens - (mặc dù Darius II đã tiến hành đổi mới theo hiệp ước Hòa bình Callias) đã can thiệp vào công việc nội bộ của Đế chế Ba Tư, Đại vương quyết định ủng hộ người Sparta từ năm 412. Để đổi lấy điều này, Ba Tư sẽ có vùng đất Tiểu Á của Hy Lạp. Chính vàng của Ba Tư đã xây dựng nên các hạm đội mà người Sparta dùng để vượt qua sự kháng cự của Athens và cuối cùng (năm 404) khiến nó phải đầu hàng. Đế chế Ba Tư, bất chấp nội bộ yếu kém, đã trở thành nhân tố quyết định trong lịch sử Hy Lạp. Nhưng Sparta đã sớm chia rẻ với đồng minh của mình, và đã tự thỏa hiệp với Susa [thủ đô Ba Tư] bởi sự hỗ trợ bí mật của nó với hoàng tử Cyrus trong cuộc viễn chinh Thập vạn nổi tiếng của anh ấy chống lại anh trai Artaxerxes. Memnon đã rút kiếm chống lại Ba Tư để bảo vệ những người Hy Lạp Á Châu, những người sắp bị trừng phạt vì đã tham gia vào cuộc viễn chinh đó. Nhưng động cơ yêu nước khó có thể là yếu tố quyết định với người Sparta, những người trước đây đã

từng máu lạnh trao các thành phố đó cho người Ba Tư; thay vào đó, đây là mong muốn duy trì vị trí hùng mạnh mà họ đã giành được ở Tiểu Á, chủ yếu thông qua Lysander vĩ đại, và có lẽ cũng là mong muốn, với tư cách là các lãnh chúa của Hy Lạp, tẩy sạch vết nhơ với liên minh Ba Tư.

Susa là thành phố cổ của Đế chế Ba Tư, gần Parthian và Sasanid của Iran. Đây là một trong những thành phố quan trọng nhất Cận Đông. Nó nằm ở phía dưới dãy Zagros, cách 250 km về phía đông của sông Tigris, giữa các sông Karkheh và Dez.



Thập vạn là một lực lượng các đơn vị lính đánh thuê, chủ yếu là người Hy Lạp, được Cyrus thuê để cố gắng giành lấy ngai vàng của Đế chế Ba Tư từ anh trai mình, Artaxerxes II. Cuộc hành quân của họ đến Trận Cunaxa và trở về Hy Lạp (401–399 TCN) được Xenophon, một trong những thủ lĩnh của họ, ghi lại trong tác phẩm Anabasis của ông.



Nhưng trong khi quân đội Sparta, dưới quyền Agesilaus, đang chiến đấu với người Ba Tư ở nước ngoài, thì tại quê nhà, lòng căm thù được khơi dậy bởi sự thống trị tàn bạo của Sparta đã tập hợp Thebes, Athens, Corinth và Argos thành một liên minh buộc Agesilaus phải đình chiến với Ba Tư và đến chiến đấu ở Hellas

chống lại quân liên minh. Sau đó, vàng của Ba Tư một lần nữa đóng vai trò quan trọng, lần này đứng về phía liên minh. Chiến thắng của hạm đội Ba Tư tại Cnidus dưới sự chỉ huy của tướng Athen Conon (394 TCN); dẫn đến sự sụp đổ của quyền lực Sparta trên biển, và Conon đã có thể xây dựng lại các bức tường của thành phố quê hương bằng tiền của Ba Tư. Cuộc nội chiến đã thể hiện rõ những chia rẽ sâu sắc của Hy Lạp.

Sự nổi lên của Athens đã khuyến khích các cuộc nổi dậy từ Ba Tư của hoàng tử Síp Euagoras và cuộc nổi dậy của Ai Cập, và Sparta lại phải liên kết với Ba Tư, qua hiệp ước “Hòa bình của Nhà vua” được ký kết năm 386 (cũng được gọi là “Hòa bình Antalcidas” theo tên của người Sparta đã đàm phán để tạo ra nó). Ngay từ năm 392 TCN, Antalcidas cùng với satrap Tiribazus (tương đương với tỉnh trưởng), đã ký kết các điều khoản hòa bình với đại diện của các đồng minh tại Sardis. Sau đó, người Athen vẫn đủ mạnh để trở thành quốc

gia duy nhất trong liên minh từ chối yêu cầu của người Ba Tư về việc nhượng lại bờ biển của Tiểu Á, trên cơ sở lòng yêu nước, họ không thể thừa nhận những người Hy Lạp sống ở châu Á thuộc về vua Ba Tư. Vì lý do này mà các cuộc đàm phán đã đổ vỡ.



Tiểu Á (Asia Minor) của Hy Lạp cổ chính là phần Châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

Nhưng Antalcidas, người cũng là một đô đốc khéo léo, với sự hỗ trợ của các con tàu từ Dionysius của Syracuse I, đã đóng cửa Dardanelles (eo biển nối Tiểu Á với Hy Lạp) với người Athen, và tạo ra sức ép với họ như năm 405. Sự kháng cự không còn nữa. Người Hy Lạp đã ngoan ngoãn chấp nhận hòa bình, và vua Ba Tư đã gửi cho họ yêu sách khắc nghiệt thông qua Antalcidas, người đã dàn xếp các điều khoản.

Yêu sách bao gồm hai điều khoản và một hình phạt. Điều khoản đầu tiên quy định tất cả các thành phố Hy Lạp ở châu Á cũng như các đảo Clazomenae và Síp phải thuộc về Ba Tư, điều khoản thứ hai quy định tất cả các thành bang Hy Lạp khác, không phân biệt lớn nhỏ, phải được tự do và độc lập, ngoại lệ duy nhất là các công quốc Lemnos, Imbros và Scyros được chuyển về cho Athens. Hình phạt nêu rõ Nhà vua cùng với các quốc gia đồng minh sẽ tiến hành chiến tranh trên biển và trên bộ chống lại bất kỳ ai không chấp nhận hòa bình. Trên

cơ sở của sắc lệnh này, hòa bình đã được xác nhận tại Sparta bằng lời tuyên thệ của tất cả những người có mặt tại đại hội. Vì vậy, những người anh em Hy Lạp ở phía bên kia biển cuối cùng đã được trao cho Ba Tư. Điều khoản về quyền tự trị không chỉ liên quan đến lợi ích của quốc vương Ba Tư, người muốn chia nhỏ vĩnh viễn Hy Lạp thành vô số cộng đồng có chủ quyền. Theo đó, Liên minh Theban ngay lập tức bị giải thể, trong khi Liên minh Peloponnesian, các thành viên trên danh nghĩa là tự trị, vẫn tồn tại dưới sự lãnh đạo của Sparta. Về mặt này, hiệp ước "Hòa bình của Nhà vua" là một chiến thắng đối với Sparta, kẻ giờ phải giám sát việc thực thi nghiêm ngặt các điều khoản như là tay sai của Ba Tư.

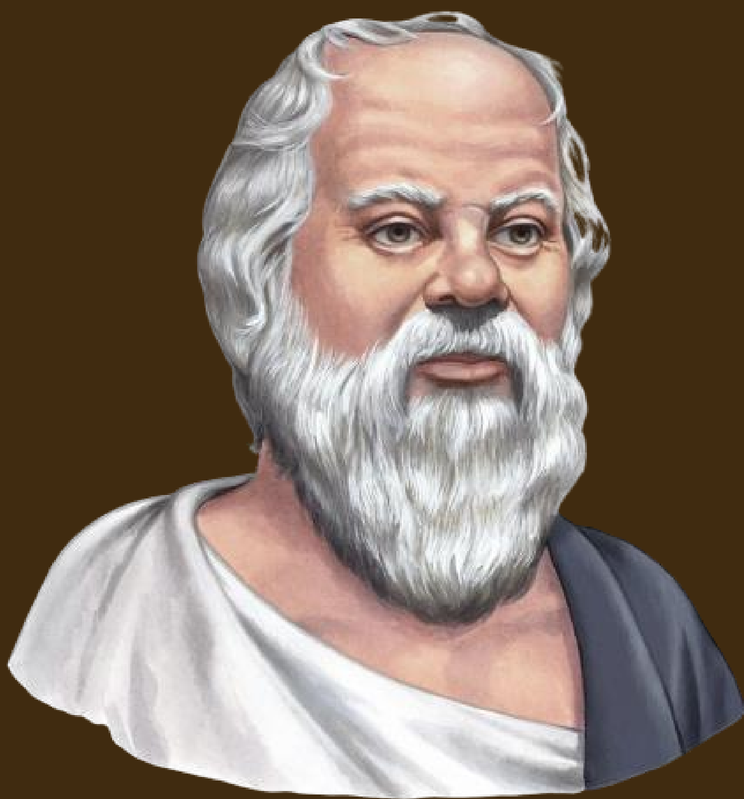
Nhiều người theo chủ nghĩa thống trị thiển cận, những người không có khả năng học hỏi kinh nghiệm, đã rất hài lòng rằng lý tưởng cũ về tự do và độc lập đã được đảm bảo cho mỗi Polis (thành bang Hy Lạp). Nhưng những thành phần tốt hơn cảm thấy đó là một sự ô

nhục, nền hòa bình này, như Socrates đã nói, không phải là một hiệp ước mà là một mệnh lệnh, đã bị ép buộc bởi vua Ba Tư, và ông ta hiện là người có quyền tối cao - kiểm soát Hy Lạp. Sự ô nhục càng đáng hận hơn, vì ưu thế quân sự của người Hy Lạp là không thể nghi ngờ sau cuộc viễn chinh Thập vạn, và có thể thực hiện một cuộc chinh phạt Ba Tư, nếu họ đoàn kết thay vì chia rẽ.

Socrates là một triết gia người Hy Lạp cổ đại (Người Athens), ông được coi là một trong những người đã sáng tạo ra nền triết học phương Tây, và là triết gia đầu tiên của nền tư tưởng đạo đức phương Tây. Ông là một nhân vật rất bí ẩn, không hề viết ra bất cứ điều gì, chỉ được biết đến chủ yếu thông qua các tác phẩm do những tác giả cổ đại cùng thời kể lại, trong đó nổi bật nhất chính là hai môn sinh Plato và Xenophon. Một số tác phẩm khác viết về ông đến từ những tác giả đương thời như Antisthenes, Aristippus và Aeschines xứ Sphettos. Aristophanes, một nhà viết kịch, chính là tác gia đương thời đã tạo ra những vở kịch có nhắc đến Socrates còn tồn tại đến ngày nay, ngoài ra, một đoạn trong cuốn “Sổ tay Du ký” của Ion xứ Chios cũng cung cấp những thông tin rất quan trọng về thời trẻ của Socrates.

Những mẩu đối thoại của Plato là một trong những bằng chứng toàn diện nhất về Socrates vẫn còn sót lại từ thời cổ đại tới giờ, từ đó giúp Socrates trở nên nổi tiếng với những

đóng góp cho các lĩnh vực đạo đức học và tri thức luận. Ông chính là thầy của Plato, người đã đặt tên cho những khái niệm triết học như Sự mỉa mai của Socrates và phương pháp Socrates, hay elenchus. Tuy nhiên, vẫn có những câu hỏi được đặt ra về việc liệu có sự khác biệt nào giữa Socrates trong đời thực với Socrates được khắc họa bởi Plato trong những mẩu đối thoại của mình hay không.



Socrates có một sức ảnh hưởng vô cùng mạnh mẽ đối với những triết gia sau thời kỳ cổ đại và kỷ nguyên hiện đại. Những tác phẩm văn học, nghệ thuật và văn hóa đại chúng miêu tả về Socrates đã khiến ông trở thành một trong những

hình tượng được biết đến rộng rãi nhất trong nền tư tưởng triết học phương Tây.

Hiệp ước Hòa bình đáng xấu hổ năm 386 đã tồn tại trong suốt nửa thế kỷ, và là một gánh nặng đối với Hy Lạp. Philip lần đầu tiên cắt đứt nền tảng của nó bằng cách thống nhất quốc gia trong Liên minh Corinthian của mình, và Alexander đã hoàn toàn xóa bỏ nó thông qua chiến thắng trước Đế chế Ba Tư.

Sự kết thúc của hiệp ước "Hòa bình của Nhà vua" sau nhiều năm khó khăn đối với Hy Lạp, trong đó Sparta sử dụng quyền bá chủ mới của mình để mở rộng quyền lực. Để chống lại sự xâm lấn của người Sparta, Athens đã thành công vào năm 377 trong việc thành lập một liên minh hải quân Attic mới, trong đó theo các điều khoản của hiệp ước "Hòa bình của Nhà vua", đảm bảo quyền tự do và tự chủ cho mỗi thành viên của liên minh. Bằng cách cẩn thận trong việc tránh những sai lầm đã dẫn đến việc giải thể liên minh hải quân đầu tiên vào thế kỷ thứ năm TCN, một tổ chức mới đã được

thành lập, điểm chính là các thành viên mỗi người cử một đại diện đến một hội đồng liên bang (Synhedrion) ngồi tại Athens, phải giữ liên lạc với hội đồng của người Athen.

Trong khi liên minh này trong những năm tiếp theo mở rộng ở miền Bắc và miền Trung Hy Lạp và ở các hòn đảo ở Đông và Tây bởi các hoạt động thành công của các tướng Attic Chabrias và Timotheus, thành bang Thebes đã nhanh chóng lên nắm quyền trong cuộc đấu tranh với Sparta dưới sự lãnh đạo của Epaminondas. Mục tiêu trước mắt của Epaminondas là thành lập một nhà nước Boeotian thống nhất, và tại đại hội hòa bình ở Sparta năm 371, ông đã phản đối các điều khoản của hiệp ước "Hòa bình của Nhà vua". Tại trận chiến Leuctra sau đó, ông đã tạo ra thất bại nặng nề cho Vua Sparta Cleombrotus, biến ưu thế quân sự của Sparta đi đến hồi kết. Trận chiến Leuctra cũng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của hệ thống quân sự Macedonia; cái gọi là chiến thuật "đánh dọc

sườn", mà Epaminondas, người phát minh ra nó, và là một trong những thiên tài quân sự vĩ đại nhất mọi thời đại, lần đầu tiên áp dụng ở đây, sau đó đã được vua Philip tiếp nhận và mở rộng, cùng với nó, Alexander đã giành chiến thắng trong ba trận đánh lớn, cũng như Frederick Đại đế tại Leuthen.

Epaminondas là một tướng lĩnh và chính trị gia của thành bang Thebes vào thế kỷ 4 TCN. Ông nổi tiếng với chiến thuật "đánh dọc sườn" áp dụng trong trận đánh Leuctra, đánh tan đội hình phalanx của thành bang Sparta.

* Phalanx: phương trận

Epaminondas với đội hình Phalanx biến hóa

Mặc dù có khả năng quân sự mạnh mẽ, nhưng lúc đó Sparta có cái nhìn hẹp hòi không xứng với tầm vóc bá chủ của họ. Vì thế mà thành bang Thebes tách ra khỏi liên minh không theo Sparta. Lập tức quân Sparta quyết định tấn công tiêu diệt thành bang Thebes.

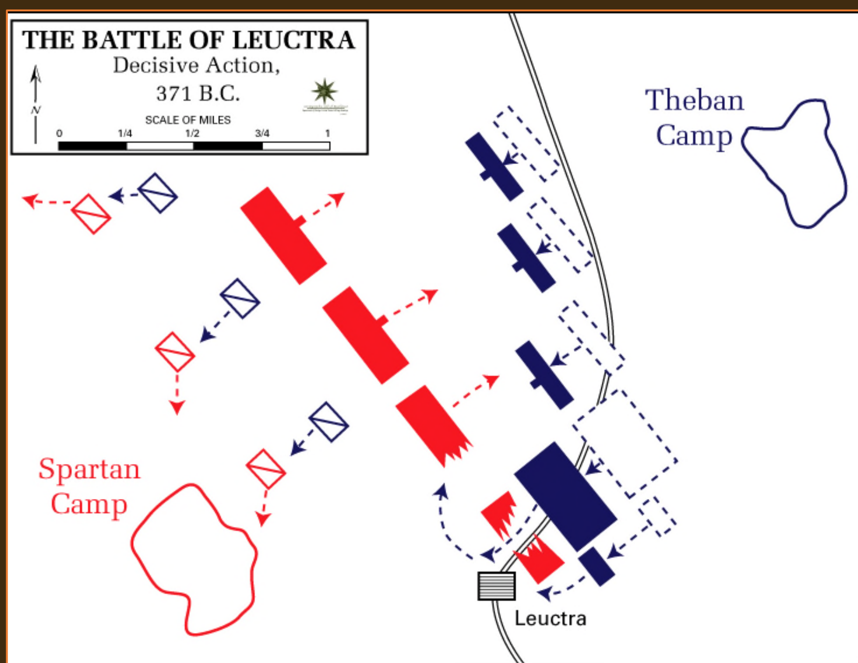
Người Thebes cử tướng Epaminondas, một chiến binh được coi là dũng cảm nhất của Thebes, thống lĩnh ba quân. Quân Sparta tấn công, hai bên gặp nhau ở cánh đồng Leuctra gần thành Thebes.

Quân Sparta có 10.000 bộ binh hạng nặng và 1.000 kỵ binh, trong khi đó quân Thebes có 6.000 bộ binh và 1.000 kỵ binh.

Ưu thế về quân số và khả năng thiện chiến nổi tiếng của người Sparta khiến nhiều người cho rằng họ sẽ lại chiến thắng.

Vua Sparta là Cleombrotus I bố trí 1.000 kỵ binh ở phía trước, 10.000 bộ binh phía sau xếp thành đội hình Phalanx 12 hàng, những binh lính thiện chiến nhất được bố trí ở cánh phải để đánh bại quân Thebes ở cánh này.

Đối mặt với đội quân thiện chiến và hùng mạnh Sparta, Epaminondas rất bình tĩnh, ông bố trí quân Thebes theo đội hình Phalanx khác thường. Đội hình phalanx bình thường thì quân dược dàn đều cả hai cánh, nhưng do quân Thebes ít hơn nên ông bố trí cánh trái (tức đối diện với cánh phải – cánh thiện chiến của quân Sparta) đến 50 hàng ngang, trong đó có 300 dũng sĩ tinh nhuệ bậc nhất. Cánh phải của Thebes ít hơn với 8 hàng ngang. Toàn bộ đội hình tạo thành tuyến nghiêng từ trái sang phải và chếch dần ra sau.



Với cách bố trí đội hình này, Epaminondas muốn dùng cánh phải kiềm chế đối phương, còn cánh trái sẽ đánh mạnh và tiêu diệt quân Sparta, sau đó sẽ tràn sang diệt nốt cánh còn lại.

Cách bố trí quân của Epaminondas độc đáo ở 2 điểm:

Tăng số hàng Phalanx cánh trái lên 50 hàng so với chỉ 8-12 hàng như thông lệ.

Không cố gắng dùng Phalanx cánh phải để tấn công trực diện, mà lại vừa đánh vừa rút.

Sparta thua trận

Mở đầu cuộc chiến là màn đấu kỵ binh của hai bên, kỵ binh Sparta bị đẩy lùi. Sau đó hai bên tung bộ binh Phanlax vào trận. Nhận thấy cánh phải của quân Thebes rất mỏng, vua Cleombrotus I cho thêm bộ binh hạng nặng đánh vào, nhưng quân cánh phải của Thebes có nhiệm vụ là cầm cự nên vừa đánh vừa lùi, bảo toàn vững chắc.

Trong khi đó cánh trái quân Thebes tập trung đa số quân, đánh mạnh vào cánh phải chủ lực của quân Sparta, khiến cánh này của Sparta tan vỡ, vua Cleombrotus I cũng tử trận.

Thế trận lúc này đã làm cho quân Sparta hở toàn bộ sườn phải cho cánh trái mạnh mẽ của quân Thebes. Cánh trái quân Thebes đánh tạt sườn vào cánh trái quân Sparta, toàn bộ quân kỵ và cánh phải cũng phản công.

Trước sức mạnh của quân Thebes, vua lại tử trận, quân Sparta vừa kinh hãi vừa ngạc nhiên và buộc phải rút lui.

Sau trận Leuctra, hơn một nửa số quân tinh nhuệ của Sparta tử trận, vị thế của Sparta suy yếu nghiêm trọng. Quân Sparta

tuy nổi tiếng thiện chiến nhưng rất ít về mặt quân số, chủ yếu dựa vào liên minh với các cánh quân khác. Với sự sụt giảm nghiêm trọng quân số, người Sparta không còn có thể kêu gọi được liên minh như trước. Athens cùng các thành bang khác dần dần mạnh lên.


Epaminondas.

Ngay sau đó Alexander Đại Đế thống nhất các thành bang Hy Lạp, khởi đầu sự hưng thịnh của đế chế này. Ông đã đánh bại đế chế hùng mạnh nhất lúc bấy giờ là Ba Tư, mở cuộc chinh phục của mình khắp 3 lục địa, bao phủ diện tích 5 triệu km2. Alexander Đại Đế cũng sử dụng đội hình Phanlax huyền thoại, tất nhiên là có thêm những cách biến hóa như của Epaminondas.

Sparta đã phục tùng và không thể can thiệp vào những năm sau đó, khi Epaminondas bằng các cuộc viễn chinh liên tiếp đánh vào Peloponnese khiến Sparta hoàn toàn bất lực, đánh chiếm Messenia, nơi cung cấp lao động, có vị trí kinh tế và chính trị quan trọng.

Nhưng mục tiêu của Epaminondas không dừng lại ở đó: ông ta muốn làm bá chủ toàn Hy Lạp. Ý định của ông là thống nhất Hy Lạp, và dưới sự lãnh đạo của Thebes cho một cuộc chiến tranh chống lại Ba Tư. Để thống nhất, ông phải vượt mặt vua Ba Tư. Nhưng khi Epaminondas thất thủ tại Mantineia thì mong muốn của Thebes trở thành một cường quốc đã sụp đổ, vì nó không tương ứng với sức mạnh thực tế, và chỉ được duy trì bởi khả năng của ông.

Giai đoạn nổi lên của Thebes không có giá trị lâu dài với người Hy Lạp; nó chỉ đơn thuần gây ra một khoảng trống quyền lực của quốc gia khi Sparta bị tiêu diệt. Bất chấp những lời hứa của năm 377, Athens bắt đầu quay trở lại chính sách của liên minh đầu tiên trong giao ước với các thành viên, và vào năm 357 Chios, Rhodes và Cos, bị kích động bởi những âm mưu của Maussollus xứ Caria, nổi dậy và ly khai. Không điều gì có thể làm sáng tỏ tình trạng bất lực của Hy Lạp hơn thực tế là Athens năm 355 đã buộc phải im lặng trước đe dọa từ vua Ba Tư: một động thái từ vị vua mạnh mẽ Artaxerxes III. Vì vậy, Athens cũng từ bỏ luôn vị trí của cường quốc có chủ quyền, và kết quả là sự hỗn loạn khắp Hy Lạp. Đối lập với người Hy Lạp là chế độ quân chủ Ba Tư. Chắc chắn đôi khi chế độ này phải chịu áp lực từ các cuộc nổi dậy của các satraps, nhưng với lực lượng lính đánh thuê Hy Lạp, nó liên tục duy trì sự tồn tại của mình; sự thống nhất của đế chế là trên hết, trong khi ở Hy Lạp có một sự chia rẽ

sâu sắc, mà dường như không có cách nào dẫn đến sự thống nhất các lực lượng.

Satraps: người đứng đầu một vùng – thống đốc.

Nếu mối quan hệ giữa Hy Lạp và Ba Tư là không thoải mái, thì nội bộ của các thành bang cũng vậy. Cho dù thành viên dân chủ hay các nhà quân phiệt nắm giữ quyền lực, thì sự chống đối vẫn nổi lên khắp nơi, và sự thống trị của kẻ chiến thắng trở nên tàn bạo hơn bao giờ hết đối với kẻ bại trận. Các khuynh hướng cấp tiến của các nền dân chủ, chẳng hạn như Athens, bắt đầu từ thế kỷ thứ năm, ngày càng trở nên cực đoan hơn. Các toà án thực thi công lý theo giai cấp, không chỉ nhằm vào các đối thủ chính trị mà đặc biệt chống lại các chủ sở hữu tài sản, với mục tiêu là tịch thu tài sản của họ; đáy của nó là cuộc đấu tranh của người nghèo chống lại người giàu, và trong quá trình này, những đòi hỏi cấp tiến nhất đã được đặt ra, chẳng hạn như việc phân chia ruộng đất mới, xóa bỏ các khoản nợ… Ở các thành bang lớn, cuộc chiến giữa các giai cấp đã diễn ra

quyết liệt. Do đó, những người lưu vong và phá sản đã hình thành giai cấp vô sản ngày càng gia tăng mà không có phương tiện hoặc nghề nghiệp, như Socrates mô tả năm 380 và nhấn mạnh hơn vào năm 346.

Điều này trở thành mối nguy hiểm cho toàn bộ Hy Lạp. Việc thiếu việc làm đã buộc nhiều người chuyển sang làm lính đánh thuê nghiệp dư hoặc cướp biển khiến vùng biển không an toàn, nhưng hầu hết trong số họ đều muốn làm lính đánh thuê chuyên nghiệp phục vụ cho người có tiềm lực để được trả lương cao nhất. Hệ thống lính đánh thuê này là một sự đe dọa ảnh hưởng đến tất cả. Vàng của vua Ba Tư là điểm thu hút chính. Sau cú sốc của cuộc viễn chinh Thập vạn, ông ta ngày càng nỗ lực nhiều hơn để củng cố sức mạnh của mình bằng những đội quân lính đánh thuê Hy Lạp. Nhưng những nỗ lực của ông đã bị thất bại một phần, bởi vì những kẻ phản loạn nổi dậy và các quốc gia như Ai Cập cũng chiêu mộ lính đánh thuê Hy Lạp để chống lại ông. Hy Lạp

không chỉ cung cấp binh lính: nước này cũng sản xuất sĩ quan. Nhiều vị tướng nổi bật nhất thời đó, nếu họ thất nghiệp hoặc chán ghét điều kiện chính trị ở quê nhà, đã nhập ngũ và thường xoay chuyển tình thế trong việc tranh giành hoặc chống lại vua Ba Tư. Thật là lãng phí sức lực quốc gia vì lợi ích của người nước ngoài!

Việc dễ dàng tìm thấy lính đánh thuê có một hệ quả khác; ở Hy Lạp, quá nhiều cộng đồng dân cư bắt đầu tuyển dụng đội ngũ lính đánh thuê, để ít nhiều thoát khỏi nghĩa vụ quân sự. Ngay cả khi Athen đang tổ chức một đội quân vũ trang hạng nhẹ mới, có vẻ như các công dân của họ nghĩ rằng thay vì trải qua cuộc tập trận khắc nghiệt, họ nên tuyển dụng lính đánh thuê thì hơn. Kết quả không phải là sự suy tàn của tư tưởng cũ về nhà nước mà trước đây đã từng truyền cảm hứng cho người dân với ý thức tự hào rằng nhiệm vụ cao cả nhất là bảo vệ nhà nước bằng tài sản và máu của mình. Nhà nước ngày càng được coi như một thể chế

với nhiệm vụ chính là đảm bảo cho công dân một cuộc sống dễ dàng và thoải mái nhất có thể và tổ chức cho họ nhiều lễ hội hoành tráng. Do đó, tại Athens, sau khi xung đột Xã hội kết thúc, kết quả tất yếu là sự nổi lên của chủ nghĩa hòa bình, từ bỏ chính sách cường quyền của đế quốc, các lợi ích vật chất được thúc đẩy.

Không chỉ ý tưởng về thành bang (cái chung) bị hạ thấp trong cuộc đấu tranh khó khăn của cuộc sống thực tế, nó còn bị lung lay bởi lý thuyết của những trí thức hàng đầu. Chủ nghĩa cá nhân, được thuyết giảng trong cuộc cách mạng trí tuệ sâu rộng vào thế kỷ thứ năm, đã đe dọa nghiêm trọng đến cảm giác vốn đã thịnh hành cho đến nay về chủ thể nhà nước. Đối với luật pháp, các nhà hùng biện phản đối quyền tự nhiên của cá nhân, và tuyên bố luật chỉ là pháp lệnh thông thường của con người. Khi tuyên bố quyền của kẻ mạnh hơn, họ đã đánh vào gốc rễ của nền dân chủ. Việc chuyển dịch những học thuyết này vào thực tế có thể gây nguy hiểm, xuất hiện từ nỗ lực cố ý của

Akibiades. Socrates chắc chắn đã chống lại sự sai lệch này. Sự sụp đổ thực sự của đồng Pel, diễn ra vào thế kỷ thứ tư, dẫn đến sự củng cố của chủ nghĩa cá nhân và từ bỏ ý tưởng về một nhà nước thống trị. Quan niệm về một cá nhân đủ kiến thức và đạo đức để không cần nhà nước, đã khiến Antisthene, người sáng lập Trường phái Cynic, con trai của một phụ nữ Thracia, người không thể trở thành công dân của Athens với lý tưởng về một cộng đồng toàn nhân loại; và nảy sinh ý tưởng về vũ trụ, được phát triển thêm bởi học trò Diogenes của Sinope, người đã đặt ra từ cosmopolites – "công dân toàn cầu". Tuy có sự khác biệt với đế chế do Alexander tạo ra, nhưng ý tưởng về "công dân toàn cầu" là một trong những nhân tố của thế kỷ thứ tư TCN, đã chuẩn bị tâm trí cho người Hy Lạp trước đế chế vũ trụ của ông.

Trường phái Cynic (chủ nghĩa yếm thế) là một trường phái triết học Hy Lạp cổ đại. Triết lý của thuyết yếm thế cho rằng mục tiêu của cuộc đời là sống một cuộc sống đức hạnh hòa hợp với thiên nhiên.

Nhưng có một phản ứng chống lại khuynh hướng chủ nghĩa cá nhân này. Nhiều nhà tư tưởng đã xuất hiện, những người, mặc dù chán ghét thời cuộc, sẽ không phủ nhận ý tưởng về nhà nước. Ý tưởng táo bạo nhất là Plato, người Athen vĩ đại nhất thời bấy giờ, đã vẽ ra trạng thái lý tưởng về nhà nước trong Republic. Sau đó, ông nhận ra lý tưởng này chỉ phù hợp với các vị thần, và vào cuối đời, ông đã vẽ ra một bức tranh lý tưởng mới, chú ý nhiều hơn đến thế giới thực - thế giới Laus, trong đó ông đặt lên hàng đầu sự gắn kết pháp lý chặt chẽ mà ông đã từ chối trong Republic.

Republic (Cộng hòa - "công việc chung") là một hình thức chính phủ trong đó quốc gia được coi là "vấn đề chung", không phải là mối quan tâm riêng hay tài sản của những người cầm quyền. Các vị trí quyền lực chính trong một nước cộng hòa đạt được thông qua dân chủ chứ không phải do bất kỳ dòng họ hoặc nhóm nhất định nào chiếm giữ. Nó đã trở thành hình thức chính phủ đối lập với chế độ quân chủ.

Tính đến năm 2017, 159 trong số 206 quốc gia có chủ quyền trên thế giới sử dụng từ "cộng hòa" như một phần của tên chính thức - không phải tất cả những nước này đều là nước cộng hòa theo nghĩa có chính phủ được bầu cử, cũng không

phải từ "cộng hòa" được sử dụng trong tên của tất cả các quốc gia có chính phủ dân cử.

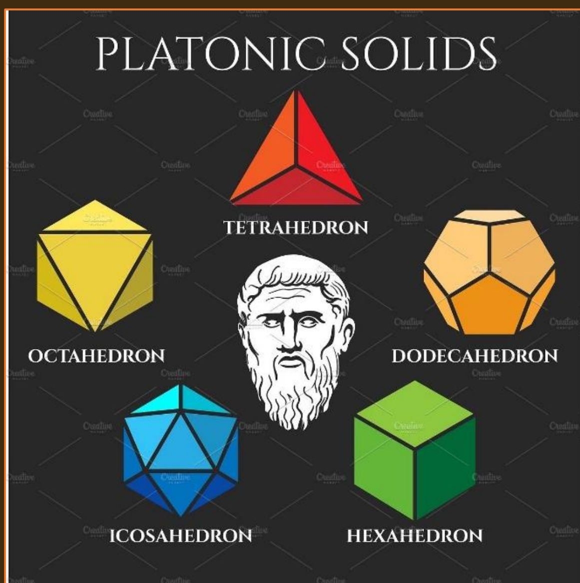
Platon (tiếng Hy Lạp: Platōn, có nghĩa là "Vai Rộng", hay còn được Anh hóa là Plato, 428/427 hay 424/423 - 348/347 TCN) là nhà triết học người Athen trong thời kỳ Hy Lạp cổ đại, người sáng lập trường phái tư tưởng Platon, và Học viện - cơ sở giáo dục đại học đầu tiên ở thế giới phương Tây.

Ông được coi là nhân vật quan trọng trong lịch sử triết học phương Tây và Hy Lạp cổ đại, cùng với người thầy của mình, Socrates, và học trò nổi tiếng nhất của ông, Aristotle. Plato cũng thường được coi là một trong những người sáng lập ra tôn giáo và tâm linh phương Tây. Những cái gọi là chủ nghĩa Tân Platon của các nhà triết học như Plotinus và Porphyry ảnh hưởng rất lớn đến Kitô giáo qua các Giáo Phụ như Augustine. Alfred North Whitehead từng lưu ý: "đặc điểm chung nhất của truyền thống triết học Châu Âu là nó bao gồm một loạt các chú thích của Plato."

Plato là người phát minh ra thể loại đối thoại bằng văn bản và các hình thức biện chứng trong triết học. Plato cũng được coi là người sáng lập ra triết học chính trị phương Tây. Đóng góp nổi tiếng nhất của ông là lý thuyết về hình thức được biết đến bởi lý trí thuần túy, trong đó Plato trình bày một giải pháp cho vấn đề phổ quát được gọi là chủ nghĩa Platon (còn được gọi một cách mơ hồ là chủ nghĩa hiện thực Platon hay chủ nghĩa duy tâm Platon). Ông cũng được nhắc đến trong tình yêu Platon và khối đa diện đều Platon.

* Trong toán học, các khối đa diện Platon là các đa diện lồi đều. Trên thực tế chỉ có đúng 5 đa diện Platon đó là tứ diện

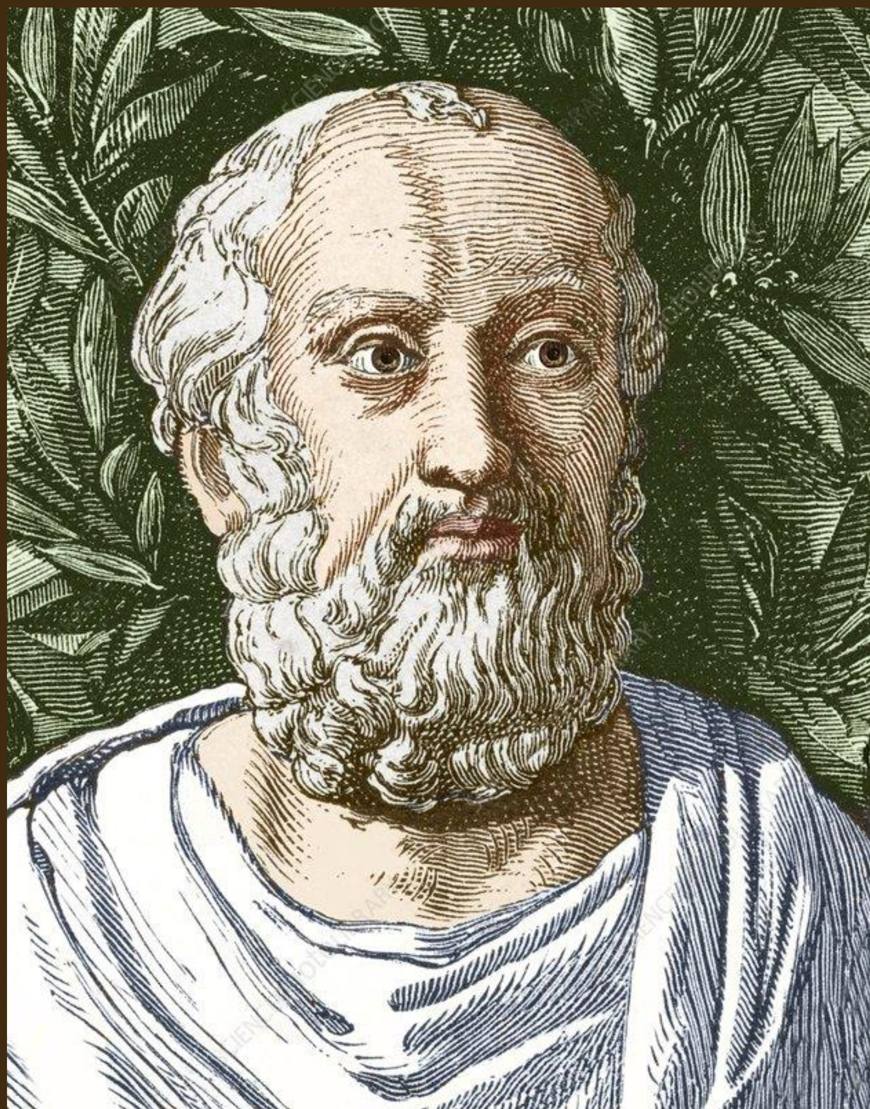
đều (tetrahedron), hình lập phương (hexahedron), bát diện đều (octahedron), thập nhị diện đều (dodecahedron) và nhị thập diện đều (icosahedron).



* Tình yêu Platon: là tình yêu thuần túy không bao gồm tình dục. Nó được đặt theo tên của triết gia Hy Lạp Plato, mặc dù triết gia không bao giờ sử dụng thuật ngữ này.

Những ảnh hưởng về triết học lớn nhất của chính ông thường được cho là cùng với Socrates, Pythagoras tiền Socra, Heraclitus và Parmenides, mặc dù một số tác phẩm của những người đi trước ông vẫn còn tồn tại và phần lớn những gì chúng ta biết về những nhân vật này ngày nay bắt nguồn từ chính Plato. Không giống như tác phẩm của gần như tất cả những người cùng thời với ông, toàn bộ tác phẩm của Plato được cho là vẫn tồn tại nguyên vẹn trong hơn 2.400 năm. Mặc dù mức độ nổi tiếng của chúng dao động trong những năm

qua, các tác phẩm của Plato chưa bao giờ thiếu độc giả kể từ khi chúng được viết ra.



Mặc dù xuất phát điểm và kết luận của các nhà lý thuyết khác nhau nhiều, nhiều người trong số họ đồng ý ở một điểm, chế độ quân chủ là

hình thức chính phủ lý tưởng. Sự thức tỉnh về ý tưởng chế độ quân chủ là một trong những ảnh hưởng đã mở đường ở Hy Lạp cho những thành công của Philip và Alexander. Nó có thể bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân của thế kỷ thứ năm. Trên thực tế, nó được thúc đẩy không chỉ bởi sự suy yếu của thành bang mà còn bởi sự xuất hiện của những nhà cai trị mạnh bên ngoài Hy Lạp, những người bảo vệ hoặc nâng cao các lợi ích của Hy Lạp, chẳng hạn như Dionyriu I của Syracuse, người bảo vệ Người Hy Lạp phương tây chống lại Carthage, hay Jason của Pherae, chúa tể mạnh mẽ của Thessaly, hay thậm chí là Euagorat của Cyprus. Người đầu tiên trong số các nhà lý thuyết đưa ra giải pháp chế độ quân chủ là mô hình Cynic của Antisthene (đã nói ở trên). Kinh nghiệm của thời đại là nhìn lại quá khứ để tìm cơ sở cho các yêu cầu của tương lai, và Antisthene đã mô tả Heracles như một hình mẫu - ân nhân của nhân loại; và từ lịch sử, ông đã chọn Cyrus vĩ đại (vị Hoàng đế khai quốc của Đế chế Ba Tư), và khắc họa ông như một

huyền thoại - vị vua lý tưởng quan tâm đến mọi thần dân. Xenophon cũng coi Cyrus là hình mẫu lý tưởng của người thống trị thế giới, đại diện cho chế độ quân chủ, một hình thức chính phủ công bằng nhất, bởi vì nó đơn thuần - trái ngược với sự cào bằng máy móc ảm đạm của các nền dân chủ. Khi đã cao tuổi Socrates, triết gia vĩ đại, cho rằng chế độ quân chủ sẽ chữa trị cho những đau khổ hiện tại. Trong bài viết gửi cho hoàng tử Síp Nicocles (vào những năm bảy mươi của thế kỷ thứ tư TCN), ông nói khá rõ ràng về lợi thế của chế độ quân chủ. Cuối cùng thì chính ý tưởng quân chủ này đã dẫn ông đến với Philip.

Ngay cả trong nền chính trị ảm đạm của nền văn minh Hy Lạp thế kỷ thứ tư vẫn tiếp tục truyền thống vĩ đại của thế kỷ thứ năm; cả trong lĩnh vực trí tuệ và nghệ thuật, nó đã tạo ra những thành tựu tuyệt vời, Athens dù có sụp đổ về mặt chính trị vào cuối Chiến tranh Peloponnesian, vẫn duy trì vị trí trung tâm hàng đầu mà nó đã giành được vào thế kỷ thứ

năm từ Ionia. Nếu nền văn minh Attic mang đặc điểm Hy Lạp, thì đế chế Attic của thế kỷ thứ năm, bất chấp thời gian tồn tại ngắn ngủi đã có đóng góp không nhỏ. Từ Athens, người đứng đầu một đế chế với hàng trăm thành phố phụ thuộc, nền văn minh Attic đã lan rộng ở Hy Lạp và trên khắp các hòn đảo của Biển Aegean: Luật pháp và thể chế Attic, lời nói và phong tục của Attic đã lan xa, đặc biệt là ở Ionia. Nhưng ảnh hưởng này không chỉ giới hạn trong đế chế. Vì Athens, với bến cảng Piraeus, đã trở thành trung tâm kinh tế không chỉ của các đồng minh mà của thế giới Hy Lạp, nó cũng đã trở thành trung tâm của nền văn minh, có sức hút đối với những trí thức và nghệ sĩ lỗi lạc từ mọi nơi. Các nhà hùng biện được tìm thấy ở Athens, diễn thuyết bằng ngôn ngữ Attic, thậm chí còn giúp xây dựng phong cách văn xuôi Attic, mặc dù hiếm khi một nhà hùng biện là người gốc Athens.



Sự phân bố của các chủng tộc Hy Lạp cổ đại

Tất cả những ảnh hưởng này đã ăn quá sâu để có thể xóa bỏ bởi sự sụp đổ của đế chế. Socrates, đã nói một cách đầy tự hào rằng thành phố quê hương đã vượt xa những nơi khác về tư duy và ngôn ngữ — về triết học và hùng biện — những học giả của nó đã trở thành thầy của những người khác, điều đó khiến ngôn ngữ Hy Lạp không còn là của riêng

mà đã là phương thức suy nghĩ, và điều đó được gọi là Hellenes.

Trong thần thoại Hy Lạp, Hellen là tổ tiên của Hellenes. Tên của ông cũng có nghĩa là tiếng Hy Lạp, một người gốc Hy Lạp hoặc liên quan đến văn hóa Hy Lạp, và nguồn gốc của tính từ “Hellenic”.

Trong những thập kỷ tiếp theo, văn hóa Hy Lạp đã thâm nhập sâu hơn vào các khu vực bên ngoài. Hiện tượng này có tầm quan trọng lớn đối với sự hiểu biết của chúng ta về di sản của Alexander.

Chính tình trạng vô vọng ở đất mẹ, đã khiến nhiều thành phần sôi nổi tìm kiếm hy vọng ở nước ngoài. Chúng ta đã nói về quần chúng vượt biển làm lính đánh thuê ở Tiểu Á hoặc Ai Cập để chống lại Ba Tư. Hàng ngàn lính đánh thuê, những người sống ở nước ngoài trong nhiều thập kỷ, là lực lượng quan trọng, dù có ý thức hoặc vô thức, góp phần vào việc truyền bá phong tục và cuộc sống của người Hy Lạp ở các vùng đất xa lạ. Các nghệ sĩ cũng tham gia vào quá trình này. Ở Peloponnese, nơi các

trường Sicyon phát triển rực rỡ, vào đầu thời kỳ này chúng ta nghe thấy những công trình như ngôi đền nổi tiếng Athena Alea ở Tegea, được xây dựng bởi Scopas, nổi tiếng về kích thước và vẻ đẹp, và những tòa nhà ở Hieronof Epidauru; nhưng Athen vẫn còn nghèo nên các nghệ sĩ Attic đã ra nước ngoài.

Alea là một văn bia của nữ thần Hy Lạp Athena, nổi bật trong thần thoại Arcadian, theo đó bà được thờ phụng tại Alea, Mantineia và Tegea. Alea ban đầu là một nữ thần độc lập, nhưng cuối cùng bị đồng hóa với Athena. Một bức tượng của Athena Alea tồn tại trên con đường từ Sparta đến Therapne.

Nguồn cung từ Hy Lạp đã tìm thấy nhu cầu tương ứng; vì các satraps và những người cai trị ở Tiểu Á muốn tô điểm cho các thành phố của họ bằng nghệ thuật Hy Lạp đã thu hút các nhà thơ, nhạc sĩ và nhà hùng biện Hy Lạp đến với triều đình của họ. Nguyên nhân của hiện tượng này, được coi là “tiền thân của chủ nghĩa Hy Lạp”, được tìm thấy trong nhiều thế kỷ của nền văn minh Hy Lạp, tiếp tục từ lonia, đã thâm nhập sâu vào Lydia, Caria và Lycia. Người ủng hộ mạnh mẽ nhất cho trào lưu này

là Maussollu của Caria. Ông đã mở rộng và cho trang trí những cung điện và đền đài sang trọng được thực hiện bởi các nghệ nhân Hy Lạp. Là một người ngưỡng mộ văn hóa Hy Lạp, nên khi ông qua đời vào năm 353, góa phụ Artemisia đã tổ chức một cuộc thi giữa các nhà thơ và các nhà hùng biện Hy Lạp tại đám tang của ông, và bắt đầu việc xây dựng lăng mộ khổng lồ mà có lẽ chính ông đã lên kế hoạch. Nó là một trong số Bảy kỳ quan của Thế giới cổ đại và được gọi là Lăng mộ, một thuật ngữ vẫn được áp dụng cho những ngôi mộ lớn. Lăng mộ là tác phẩm của nghệ nhân hàng đầu Hy Lạp, kiến trúc sư Pytheus và Satyas, trang trí điêu khắc bởi Scopas và Lcochares. Từ đó cái tên Maussollu được hiểu là "Lăng mộ" – Mausoleum.



Một ví dụ phương Đông khác về nghệ thuật Hy Lạp trong thời kỳ này là quan tài bằng đá cẩm thạch, được làm bởi nghệ nhân Attic cho các vị vua thế kỷ thứ tư của Sidon. Nhưng có

lẽ ví dụ nổi bật nhất về sự du nhập văn hóa Hy Lạp vào những vùng đất này là do một chư hầu của Ba Tư, Hermias Atameus, người thân thiết với Platonisu Erastu và Goriscus, vì lòng biết ơn đã gán tên của họ cho thành phố của mình. Sau cái chết của Plato, Aristotle định cư ở đó và dành ba năm quan trọng của cuộc đời để nghiên cứu và giảng dạy, trong tình bạn thân thiết với Hermias.

Trong khi chúng ta có thể quan sát sự khởi đầu của quá trình thâm nhập văn hóa Hy Lạp ở phương Đông, cũng như ở Ý, Carthage và phương Tây, ý tưởng về một cuộc chiến tranh giữa một Hy Lạp thống nhất chống lại Ba Tư đã nảy sinh cùng lúc và được nhân lên mạnh mẽ. Ý tưởng này, có tầm quan trọng lớn đối với sự hiểu biết của Philip và Alexander: vì chính họ, vì lợi ích của chính sách, đã chấp nhận ý tưởng theo cách riêng của họ, và nó đã được thực thi. Trong cuộc chiến tranh Ba Tư vĩ đại, chính sự thể hiện của cảm giác dân tộc mạnh mẽ đó đã góp phần quyết định vào sự tiến bộ

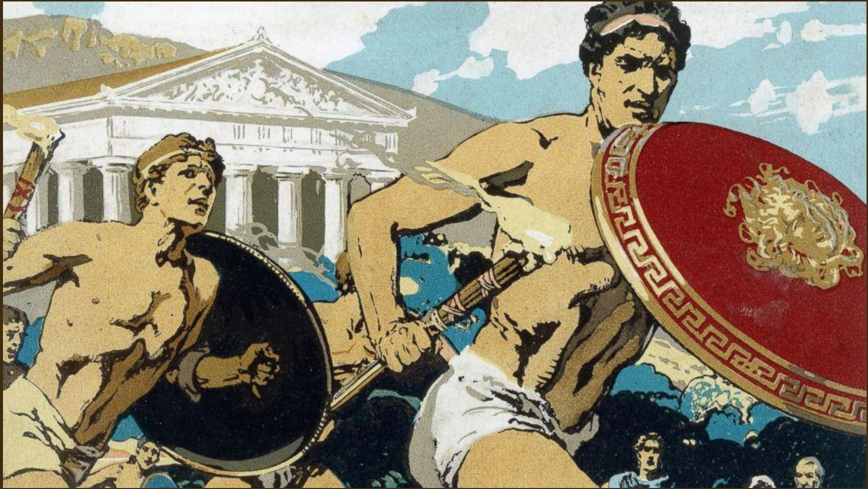
đáng kinh ngạc của quốc gia trong thế kỷ thứ năm.

Sự phản đối này chắc chắn sẽ được cảm nhận rõ hơn bởi những người đang cố gắng ngăn chặn các cuộc nội chiến liên miên của người Hy Lạp, khi mà Ba Tư lại bắt đầu can thiệp vào Hy Lạp. Họ cũng không bị lạc lối bởi thực tế là trong khi đó các nhà hùng biện, bắt đầu tuyên bố quyền bình đẳng của tất cả mọi người và phân biệt Hy Lạp với những kẻ man rợ (Ba Tư). Người đầu tiên công bố điều đó một cách công khai là Gorgias, khi quân Hy Lạp được tập hợp để tham dự Thế vận hội tại Olympia - thật không may, chúng ta không biết nó diễn ra vào năm nào - đã thúc giục họ hòa hợp và chiến đấu chống lại Ba Tư, và kêu gọi họ không chọn các thành bang Hy Lạp mà là lãnh thổ của người Ba Tư như là giải thưởng.

Gorgias là nhà triết học người Hy Lạp. Ông là nhân vật chính trong đối thoại Gorgias do Plato viết.

Olympia là một nơi chứa đựng các công trình văn hóa của Hy Lạp cổ đại ở Elis, địa điểm tổ chức các Thế vận hội trong thời

kỳ cổ đại, về tầm quan trọng ngang hàng với Pythian Games được tổ chức ở Delphi.





Lý tưởng của Gorgias thường xuyên được nhắc đến bởi các nhà hùng biện sau ông, và chúng đã khơi dậy sự quan tâm của công chúng. Lần

đầu tiên nó được Isocrates, học trò của Gorgias nâng lên thành tầm quan trọng lịch sử. Vào năm 380, sáu năm sau hiệp ước “Hòa bình của Nhà vua”, ông đã cho ra đời kiệt tác của mình, đã tạo nên tiếng tăm với tư cách là nhà văn chính trị đầu tiên. Về hình thức, nó là một bài phát biểu trước lễ khai mạc Olympic, theo mô hình của Gorgias; trên thực tế, nó là một cuốn sách nhỏ đã được lưu hành và đọc khắp Hy Lạp.

Isocrates đã trả lời câu hỏi chưa có lời giải bởi những người tiền nhiệm, bằng câu trả lời kép, Athens và Sparta, những người đầu tiên cần hòa giải vì mục đích chung. Tuy nhiên, bằng cách miêu tả một cách dài dòng về sự phục vụ tuyệt vời mà Athens đã cống hiến cho Hy Lạp, cuối cùng ông đã tìm cách chứng tỏ Athens có quyền lãnh đạo cao hơn. Để chắc chắn, Athens trước hết phải kiểm soát các vùng biển một lần nữa, và với quan điểm này, ông đã rất khéo léo đưa ra ý tưởng về một liên minh hải quân Attic mới.



Isocrates là một trong mười nhà hùng biện lớn, có ảnh hưởng nhất ở Hy Lạp.

Ông biện minh cuộc chiến chinh phục Ba Tư sẽ xóa bỏ sự nghèo đói của Hy Lạp, căn nguyên của mọi tranh chấp — ngoài ra, từ quan điểm danh dự quốc gia, hiệp ước “Hòa bình của Nhà vua” là nổi hổ thẹn phải bị hủy bỏ và người Hy Lạp ở Tiểu Á phải được tự do.

Lợi ích cuối cùng của cuộc chiến là người Hy Lạp sẽ đảm bảo một nền hòa bình vĩnh viễn.

Quan điểm của ông đã nhận được sự hưởng ứng vì nó liên quan đến vị thế cường quốc biển mới của Athens; trong ba năm sau đó, và chắc chắn một phần do ảnh hưởng của ông đối với dư luận, liên đoàn hải quân Attic thứ hai được thành lập. Mặt khác, ý tưởng về một sự hòa giải giữa Athens và Sparta và sự chia sẻ quyền lãnh đạo trên biển và đất liền, mà ông đã nhiệt tình thúc giục, đã được chứng minh là không thực tế. Vì Sparta sẽ không dễ dàng từ bỏ quyền chỉ huy tối cao cho Athens. Trong những năm tiếp theo, khi sự đối kháng của các thành bang hàng đầu ngày càng bộc lộ sâu sắc hơn, Isocrates sớm nhận ra Hy Lạp sẽ không bao giờ đạt được hòa giải và từ đó đáp ứng các điều kiện cho một cuộc chiến tranh chung. Vì vậy, ông ấy, giống như nhiều người khác như chúng ta đã thấy, đã chuyển sang giải pháp quân chủ, và nhìn quanh thế giới Hy Lạp để tìm một người đàn ông mạnh mẽ, người

không bị ràng buộc bởi luật pháp và hiến pháp của một thành bang, có quyền lực và thiên hướng để nhận ra ý tưởng thống nhất. Ông đã liên tiếp trình bày quan điểm của mình cho một số nhà cai trị, cho Jason của Pherae, người thống trị mạnh mẽ của Thessaly, được cho là ủng hộ cuộc chiến tranh với Ba Tư, và sau đó là Dionysius I, người cai trị vĩ đại của phương Tây. Nhưng người đầu tiên bị sát hại ngay sau đó (370), còn người thứ hai đã sớm qua đời (367).

Tuy nhiên, Isocrates có thể chờ đợi. Bất chấp thất vọng, ông vẫn kiên trì theo đuổi ý tưởng thống nhất Hy Lạp. Trước sự bành trướng của Macedonia dưới thời Vua Philip, ông nhận thấy ở phía bắc có một thế lực lớn đang phát triển. Do đó, vào năm 346 TCN, sau nhiều năm chiến tranh, Athens đã ký hiệp ước hòa bình với Philip dựa trên quan điểm của Isocrates — lúc đó đã chín mươi — trong niềm vui lớn về sự khôi phục hòa bình, đã viết một bức thư ngỏ cho nhà vua, đặt trước Philip lý

tưởng thống nhất với mong mỏi hòa giải người Hy Lạp và dẫn dắt họ chống lại Ba Tư, kẻ thù truyền thống. Philip này là ai, mà Isocrates có thể hy vọng sẽ thực hiện được ước muốn của ông.



PHILIP II

Sự khởi đầu của lịch sử Macedonia bị bao phủ hoàn toàn trong bóng tối. Có một cuộc tranh cãi gay gắt về vấn đề dân tộc học, liệu người Macedonia có phải là người Hy Lạp hay không. Khoa học ngôn ngữ chỉ lưu trữ rất hạn chế số lượng ngôn từ Macedonia, và việc khám phá khảo cổ học Macedonia hầu như chưa bắt đầu. Tuy nhiên, khi chúng tôi xem xét các điều kiện chính trị, tôn giáo và đạo đức của người Macedonia, niềm tin của chúng tôi được củng cố rằng họ là một chủng tộc Hy Lạp và giống với người Dorian. Ở lại cực bắc, họ không thể tham gia vào nền văn minh tiến bộ của các chủng tộc tiến xa hơn về phía nam, và vì vậy, họ không được coi là người Hy Lạp, mà như những kẻ mọi rợ.

Khi Alexander I của Macedon, mặc dù là một chư hầu của Xerxes, đã tham gia Chiến tranh Ba Tư, đưa ra nhiều bằng chứng về sự đồng cảm của mình với chính nghĩa Hy Lạp, muốn tham gia Thế vận hội Olympic mà chỉ có người

Hy Lạp mới có quyền tham dự, lúc đầu ông đã từ chối với tư cách là một kẻ man rợ, và chỉ khi bằng một câu chuyện hư cấu táo bạo, ông truy tìm lại phả hệ của nhà mình, có quan hệ với nhà Argeadae của Argos, ông mới được thừa nhận. Kể từ đó, các vị vua của Macedonia đã được công nhận là người Hy Lạp, và là hậu duệ của Heracles; nhưng, như trước đây, dân chúng vẫn bị coi là những kẻ man rợ.

Mặc dù trong thời gian đó, nhiều vị vua đã làm rất nhiều để đưa văn hoá Hy Lạp vào đất nước của họ. Ngay cả trong thời của Philip, người Hy Lạp đã thấy ở Macedonia một dân tộc ngoại lai không phải người Hy Lạp, và chúng ta phải nhớ điều này nếu chúng ta muốn hiểu lịch sử của Philip và Alexander, đặc biệt là sự phản kháng và những trở ngại mà họ gặp phải từ người Hy Lạp. Vấn đề quan trọng hơn nhiều so với niềm tin hiện đại của chúng ta rằng người Hy Lạp và người Macedonia là anh em; điều này đều không được biết đến đối với cả

hai, và do đó có thể không có ảnh hưởng chính trị.

Hoàn toàn khác với sự chia cắt cục bộ của hai dân tộc, ấn tượng man rợ mà người Macedonia tạo ra đối với người Hy Lạp được giải thích bởi mối quan hệ thân thiết mà người Macedonia đã sống trong nhiều thế kỷ với những người hàng xóm man rợ của họ, người Illyrian (tổ tiên của người Albania ngày nay) ở phương Tây, và người Thracia ở phương Đông. Ngay cả vùng đất bằng của Macedonia, phía bắc của núi Olympus, trên vùng hạ lưu của các con sông Haliacmon và Axius, nơi mà người Macedonia đã xâm nhập vào trong cuộc tiến công về phía đông từ núi Bermius ra khỏi vùng miền núi Thượng Macedonia, sau đó bị người Illyrian chiếm đóng ở phần phía tây và ở phía đông bởi người Thracia. Người Macedonia phải giành lấy nó dần dần bằng cách chiến đấu. Điều này được chứng minh qua tên của hai thủ đô Macedonia, Aegae và Pella, lúc đầu đặt tên theo tiếng Illyrian là Edessa (thành phố nước)

và Bunomus. Mặc dù hầu hết các cư dân cổ đại đã bị trục xuất, nhưng chắc chắn, như thường lệ, nhiều người ở lại, và tất nhiên, theo thời gian, ở bất kỳ mức độ nào trong nền văn minh, bị đồng hóa với các tầng lớp thấp hơn của những kẻ chinh phục - điều tương tự cũng xảy ra với người Hy Lạp, những người đi xa hơn về phía nam và người Anatolian ban đầu được tìm thấy ở đó. Do đó, ảnh hưởng mạnh mẽ của người Illyrian và người Thracia có thể được nhận ra trong cách nói và cư xử của người Macedonia. Tuy nhiên, những điều này chỉ là chuyện vặt so với ký tự Hy Lạp của quốc tịch Macedonia; ví dụ, tên của người Macedonia, đặc biệt là của các hoàng tử và quý tộc, hoàn toàn là tiếng Hy Lạp.

Núi Ólympos hay núi Olympus, là ngọn núi cao nhất tại Hy Lạp với độ cao 2.919 m. Do chân núi nằm gần như ngang với mực nước biển, nên nó là một trong những ngọn núi cao nhất tại châu Âu khi tính theo độ cao tương đối từ chân tới đỉnh.

Núi Olympus nằm tại tọa độ 40°05 Bắc 22°21 Đông, trong lòng Hy Lạp. Nó cách Thessaloniki, thành phố lớn thứ hai của Hy Lạp, khoảng 80 km.

Núi Olympus đáng chú ý vì sự giàu có về quần thể thực vật của nó với một số loài đặc hữu. Đỉnh cao nhất trên núi Olympus là Mitikas, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “mũi”. Mitikas là đỉnh núi cao nhất tại Hy Lạp, đứng thứ hai là Skolio (2.912 m). Các cuộc leo núi đều bắt đầu từ thị trấn Litochoro, còn được gọi là thành phố của các thánh thần do vị trí của nó tại chân núi.

Trong thần thoại Hy Lạp, núi Olympus là nhà của Mười hai vị thần, các vị thần chính trong đền bách thần (pantheon) ở Athen. Người Hy Lạp cổ đại cho rằng nó được xây dựng bằng các lâu đài pha lê mà trong đó các vị thần, như thần Zeus (chúa tể của các vị thần) đã sinh sống. Trong thần thoại Hy Lạp người ta cũng kể rằng sau khi nữ thần Gaia (nữ thần mẹ đất) sinh ra các thần khổng lồ (Titan - tổ tiên của các thần) thì họ đã dùng các ngọn núi ở Hy Lạp làm ngai vàng do họ quá to, và Cronus (vị Titan trẻ nhất và hùng mạnh nhất) đã ngồi trên núi Olympus. Ý nghĩa của từ Olympus không được rõ ràng, và nó có thể có nguồn gốc trong ngôn ngữ tiền Ấn-Âu.



Trên hết, các đặc điểm cơ bản của thể chế chính trị Macedonia không chỉ là tiếng Hy Lạp mà là tiếng Hy Lạp nguyên thủy. Chế độ quân chủ phụ hệ cũ đối với người dân và quân đội kéo dài ở đây cho đến thời của Philip và Alexander, là một chế độ quân chủ đã từng tồn tại ở tất cả các chủng tộc Hy Lạp, cho đến khi nó phải nhường chỗ cho các hình thức chính phủ quý tộc sau sự tan rã của người Polis. Một trong những yếu tố giải thích cho sự duy trì lâu dài của chế độ quân chủ cũ là tư tưởng tiến bộ của người Polis đã không xâm nhập vào Macedonia. Một điểm khác là quyền lực của nhà vua - vị tướng tối cao, quan tòa và thầy tế lễ, giống với cộng đồng Hy Lạp cổ đại, mà trong đó vai trò của nhà vua - vốn đã từng tồn tại trong thời nguyên thủy Hy Lạp - duy trì cho đến thời Alexander, và xa hơn nữa, trong việc tập hợp quân đội - vốn có những đặc quyền nhất định. Đội quân này, mặc dù bị ràng buộc bởi quyền cha truyền con nối của nhà Argead, nhưng có quyền và nghĩa vụ bầu vị vua mới, nghĩa là xác nhận ông ta bằng cách

tung hô. Không ai được coi là vị vua hợp pháp ngoài người được cả hội đồng quân đội công nhận. Một quyền khác mà quân đội sở hữu là các phiên tòa xét xử tội phản quốc phải được tiến hành trước nó. Hội đồng quân đội xử lý cả bản án và việc thi hành. Ở các khía cạnh khác, nhà vua là người đại diện cho công lý.

Nhưng Argead ban đầu không phải là lãnh chúa của cả đất nước Macedonia. Ban đầu là các bộ lạc ở Thượng Macedonia, Lyncestae, Orestae và Elimiotae có hoàng tử hoặc vua của riêng họ. Những cuộc chiến tranh đã đưa họ vào nhà nước Macedonia, chỉ được hoàn thành dưới thời Philip, từ đó nhà nước Macedonia thống nhất đã được hình thành.

Quân đội ban đầu bao gồm giới quý tộc gắn liền với đất đai, những người này phải phục vụ hoàng tử hoặc vua của họ trên lưng ngựa. Mối quan hệ cá nhân của họ với nhà vua được thể hiện bằng tước hiệu tộc trưởng Hetairoi - những tín đồ của nhà vua, một danh hiệu nhắc lại các điều kiện của Hy Lạp thời kỳ đầu. Khi

nhà vua thành lập một hội đồng gồm một số Hetairoi này, các thành viên được gọi là "Hetairoi của đoàn tùy tùng hoàng gia". Nhưng đây không phải là nguồn gốc của danh hiệu, tước hiệu tôn vinh Homeric cũ vẫn tồn tại ở Macedonia trong nhiều thế kỷ. Đó là điển hình của mối quan hệ của nhà vua với giới quý tộc, rằng ông không bị phân biệt với họ qua cách ăn mặc. Ông không có biểu tượng đặc biệt của hoàng gia, và màu tím của chlamys (áo choàng) và ca-ra-vat (mũ rộng vành) cũng được mặc bởi giới quý tộc. Bên cạnh đội kỵ binh quý tộc này, những người nông dân tự do và những người chăn cừu có thể thỉnh thoảng đến để tham gia chiến đấu, nhưng chỉ đến thế kỷ thứ tư, họ dường như đã được tổ chức thành bộ binh chính quy, được tuyển chọn và bố trí, giống như kỵ binh, theo các quận. Sau đó, danh hiệu danh giá Hetairoi cũng được trao cho bộ binh, dưới hình thức Pezhetairoi (bạn đồng hành). Theo một tuyên bố không rõ ràng, điều này được thực hiện dưới thời Alexander I, anh trai của Philip; tuy nhiên, nó

chỉ được hoàn thành khi Philip tổ chức lại quân đội. Dù sao đi nữa, sự ra đời của danh hiệu Pezhetairoi biểu thị rằng bộ binh từ đó có cùng mối quan hệ cá nhân với nhà vua mà kỵ binh quý tộc từ lâu đã có. Có lẽ chỉ sau khi được phong tước hiệu Pezhetairoi, bộ binh mới được phép tham gia tập hợp quân đội và được hưởng các đặc quyền của quân đội.

Với việc trao các quyền và tự do, chế độ quân chủ Macedonia hoàn toàn dựa vào người dân. Nếu đôi khi có xích mích giữa nhà vua và giới quý tộc, thì toàn cõi Macedonia đều trung thành với nhà vua và tỏ ra tôn trọng ông. Theo phong tục, người lính phải cởi mũ sắt khi đang nói chuyện với vua, mặt khác nhà vua có quan hệ đồng chí với các sĩ quan của mình. Người Macedonia là một dân tộc khỏe mạnh, được đào tạo không giống người Hy Lạp, mà giống như người La Mã, bằng nghĩa vụ quân sự. Nhưng bên cạnh nhiều điều tốt, họ có nhiều thói quen thô bạo hơn, vẫn được giữ lại từ thời trước, chẳng hạn như uống rượu quá mức, có

xu hướng khiến họ xuất hiện như những kẻ man rợ trong mắt người Hy Lạp. Điều này là do người Macedonia đã phát triển thành một thành bang lớn đáng tự hào, với ý thức dân tộc phát triển cao đã coi thường người Hy Lạp. Thực tế này cũng có tầm quan trọng hàng đầu đối với sự hiểu biết về lịch sử sau này.

Việc tiến xa hơn đến biên giới phía đông của Macedonia, mà dưới thời Alexander I đã tới sông Strymon (Struma), đã bị chặn lại bởi sự phát triển rực rỡ của Athens, đứng đầu Liên minh Delian. Athens đã thành lập liên minh trên bờ biển phía bắc của Aegean bao gồm cả bờ biển Macedonia, làm chủ thể cho các thành phố trên bán đảo Chalcidice, và cuối cùng thành lập thuộc địa Amphipolis gần cửa sông Strymon, nhanh chóng trở nên thịnh vượng. Nhưng khi thảm họa khủng khiếp ở Sicily (413) khiến Athens sụp đổ với tư cách là một cường quốc, và Macedonia giống như các quốc gia khác đã tìm thấy cơ hội, Archeclaus, người sau đó lên ngôi, đã lợi dụng tình hình để nâng

cao tầm quan trọng về quân sự và chính trị cho thành bang của mình; ông đã xây dựng các pháo đài, đường quân sự và tổ chức lại cơ bản quân đội, đặc biệt chú ý đến trang bị của kỵ binh. Theo Thucydides, ông đã làm tốt hơn tám người tiền nhiệm của mình. Sự can thiệp của ông vào các cuộc xung đột của giới quý tộc Thessalian là minh chứng cho sức mạnh nổi bật ngày càng tăng của Macedonia. Ông cũng có công lao trong việc giới thiệu văn hóa Hy Lạp, thậm chí còn kỹ lưỡng hơn cả nỗ lực của Alexander I.

Tại triều đình ở thủ đô mới Pella, ông đã thành công trong việc phát triển một đời sống tri thức phong phú, bằng cách mời đến đó những nhà thơ và nghệ sĩ nổi tiếng nhất đương thời. Euripides đã ở bên ông những năm cuối đời, và tại đó đã viết Bacchae để vinh danh ông. Timotheus, người sau đó được đánh giá cao với tư cách là nhạc sĩ và nhà thơ, là một trong những khách mời; ông đã khiến cung điện của

mình tại Pella được trang trí bằng những bức tranh của Zeuxis.

Zeuxis là một họa sĩ nổi tiếng ở thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên.



Tại Dion ở Pieria dưới núi Olympus, nơi có một sự sùng bái lâu đời của các Muses, ông đã tổ chức các cuộc thi để vinh danh thần Zeus và các Muses (thần) trên đỉnh Olympus. Chúng ta không biết các quý tộc Macedonia có thái độ như thế nào đối với việc giới thiệu văn hóa Hy Lạp của nhà vua. Có thể là không dễ dàng

để họ hòa nhập. Nhưng lịch sử sau đó cho thấy hạt giống đã không được gieo một cách vô ích.

Uy tín mà Archelaus giành được đã không tồn tại được lâu. Sau khi bị giết (399), bắt đầu một thời kỳ tai họa kéo dài bốn mươi năm. Các cuộc giao tranh khốc liệt bên trong và bên ngoài, các ứng viên cạnh tranh cho ngai vàng, và cuộc xâm lược từ Illyria và Thrace đã làm suy yếu nhà nước Macedonia và cuối cùng nó phải phụ thuộc vào các thành bang lớn khác, dưới quyền Amyntas họ phải cống nạp cho người Illyria. Sự tồn tại của Macedonia bị đe dọa khi vào năm 359, Vua Perdiccas, con trai của Amyntas, bị người Illyria đánh bại trong một trận chiến lớn và bị giết cùng 4000 người của ông. Từ mọi phía, kẻ thù tràn vào, và không dưới ba kẻ giả danh, được hỗ trợ bởi các thế lực ngoại bang, đã chống lại Philip, em trai út của Perdiccas, người nắm quyền nhiếp chính thay cho cháu trai Amyntas, cậu con trai nhỏ của Perdiccas. Vào thời điểm quan trọng nhất của lịch sử Macedonia, Philip, khi đó hai mươi

bốn tuổi, đã hành động với nghị lực và kỹ năng đáng kinh ngạc. Bằng những chiến công xuất chúng và bằng kỹ năng ngoại giao khôn khéo và tinh tế nhất, ông đã nhanh chóng thành công trong việc giải quyết các mối nguy hiểm từ bên ngoài và bên trong, và được quân đội Macedonia tôn vinh là vua.

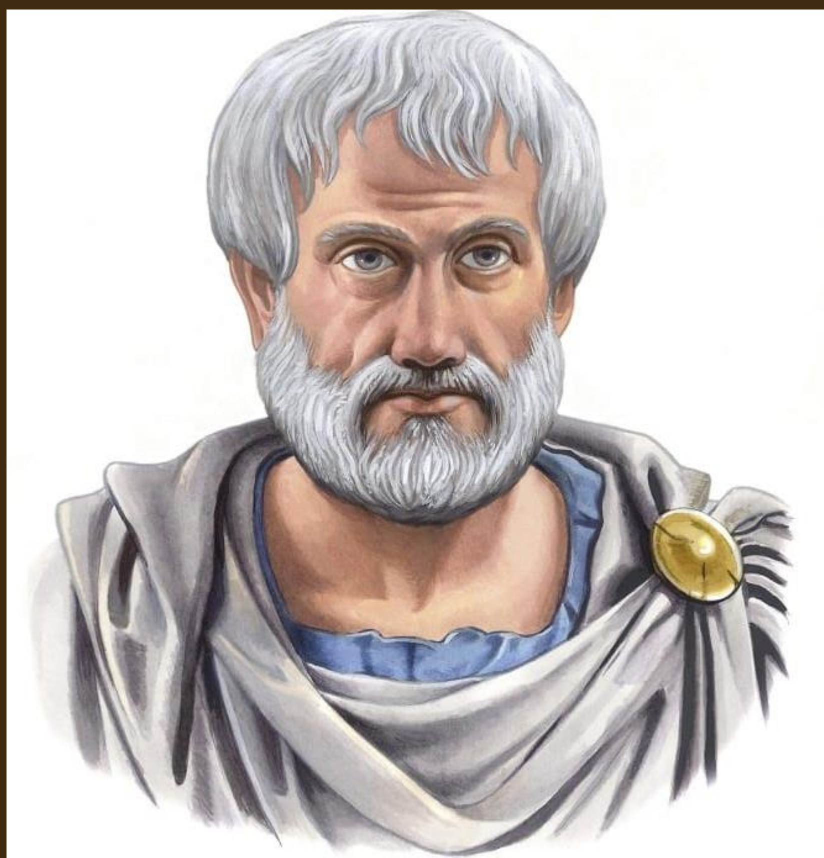
Trong năm đầu tiên trị vì Philip đã đạt đến đỉnh cao quyền lực. Khả năng phi thường của ông với tư cách là một tướng lĩnh, một chính khách và một nhà ngoại giao, đã giúp cứu Macedonia. Tuy nhiên, sự vĩ đại của người đàn ông này vẫn chưa được hiểu cho đến thế kỷ 19. Không chỉ danh tiếng của ông bị che lấp bởi những thành tựu lấp lánh của con trai Alexander. Nhà hùng biện vĩ đại nhất của Hy Lạp, Demosthenes, là đối thủ chính trị của ông, đã cuồng nhiệt tấn công ông trong các bài phát biểu có một không hai của mình, và vì lợi ích của bản thân, đã trình bày cho người Athens một bức tranh - bị bóp méo bởi lòng thù hận - cho Philip là “người man rợ”. Đặc

biệt là trong thời điểm mọi người đều bị lóa mắt bởi những thành công của Demosthenes, và chấp nhận chúng theo nghĩa đen, đánh giá thành tựu của Philip hoàn toàn theo quan điểm của người Athen — và nó cũng là quan điểm của Demosthenes. Điều này được nhấn mạnh bởi các khuynh hướng chính trị của thời kỳ đó. Để ước tính chính xác về Philip, khoa học lịch sử trước tiên phải được giải phóng khỏi quan điểm Athen - Demosthenic. Chỉ riêng nghiên cứu hiện đại, theo sự dẫn dắt của J. G. Droysen, ngày càng có xu hướng đặt ra quan điểm đúng đắn hơn; Vua Philip của Macedonia chỉ được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn về lợi ích của người Macedonia.

Nếu chúng ta làm được điều này, Philip sẽ đứng trước chúng ta như một trong những nhà cai trị vĩ đại của lịch sử thế giới, không chỉ bởi ông đã đặt nền móng cho những chiến công của người con trai vĩ đại Alexander, mà còn với tư cách là một người có mục tiêu và tầm nhìn xa. Philip, bắt đầu từ đất nước nhỏ bé, đã tiến

lên dần dần, ở phía tây ông ấy chiến đấu với người Illyria và giành được ảnh hưởng trước Epirus, ở phía đông chiến đấu chống lại Người Thracia, ở phía bắc đến sông Danube, và phía nam được bảo đảm bằng cách giành được bờ biển, rất cần thiết cho sự phát triển của Macedonia và cả bán đảo Chalcidic, đã chiến thắng Thessaly, và can thiệp ngày càng quyết liệt hơn vào các vấn đề của Hy Lạp. Tất cả những chủ trương đó chỉ là sự phản ánh của một ý tưởng tuyệt vời, đã có trong ông từ khá sớm, có lẽ ngay từ đầu - biến người Macedonia thành chủ nhân toàn bộ bán đảo Balkan. Chủ trương này đã được nâng lên một tầm cao hơn nhờ chính sách giới thiệu văn hóa Hy Lạp kỹ lưỡng hơn của ông và do đó biến Macedonia trở thành một quốc gia thực sự văn minh: chính điều này đã làm cho chủ trương của ông trở nên sâu sắc hơn. Ví dụ về Archelaus đã được theo sau bởi Perdiccas, người đã liên kết với Euphraeus theo chủ nghĩa Platon và học từ ông ấy hình học và triết học. Philip cũng đã thu hút nhiều người Hy Lạp nổi tiếng đến triều

đình của mình. Ông đã rất thành công khi mời Aristotle đến để dạy Alexander, và thực hiện bước quan trọng nhất trong việc thích nghi với văn hóa Hy Lạp: ông đưa ngôn ngữ Athens vào triều đình của mình và cả trong quản lý hành chính, trong việc hình thành hệ thống quân sự theo mô hình Hy Lạp. Điều này chỉ ra ý định chính của ông, Hy Lạp hóa mạnh mẽ Macedonia.



Aristotle (384 – 322 TCN) là một nhà triết học và bác học thời Hy Lạp cổ đại, học trò của Plato và thầy dạy của Alexander Đại đế. Di bút của ông bao gồm nhiều lĩnh vực như vật lý học, siêu hình học, thi văn, kịch nghệ, âm nhạc, luận lý học, tu từ học, ngôn ngữ học, kinh tế học, chính trị học, đạo đức học, sinh học, và động vật học. Ông được xem là người đặt nền móng cho môn luận lý học, và được mệnh danh là “Cha đẻ của Khoa học chính trị”. Ông cũng thiết lập một phương cách tiếp cận với triết học bắt đầu bằng quan sát và trải nghiệm trước khi đi tới tư duy trừu tượng. Cùng với Plato và Socrates, Aristotle là một trong ba trụ cột của văn minh Hy Lạp cổ đại.

Chính sách văn minh hóa này đã có một hệ quả; đó là một phần trong kế hoạch của Philip nhằm thống trị không chỉ bán đảo Balkan mà còn cả Hy Lạp, nhưng ông đã không thể kết hợp người Hy Lạp, như đã làm với người Illyria và người Thracia, vào đế chế Macedonia của mình, ông phải tìm kiếm một số công thức liên kết, điều này sẽ giữ thể diện cho người Hy Lạp. Ông chắc chắn biết rằng việc kiểm soát Hy Lạp sẽ kéo ông vào một cuộc xung đột với đế chế Ba Tư: bởi vì theo hiệp ước “Hòa bình của Nhà vua”, Đại vương Ba Tư có quyền kiểm soát tối cao đối với Hy Lạp. Mặt khác, Philip muốn giành được Thrace và các bờ biển phía

bắc của Propontis và Bosphorus, để đảm bảo con đường thủy quan trọng này, ông không thể thực hiện được nếu không có chiến tranh với Ba Tư. Ngoài mục tiêu trước mắt là bảo vệ bán đảo Balkan, ông còn bị ám ảnh bởi ý tưởng - một mục tiêu xa hơn, sự thống nhất Hy Lạp và một cuộc chiến chống lại Ba Tư.

Dĩ nhiên là Philip, một bậc thầy về ngoại giao, đã giữ kín những ý tưởng và kế hoạch cho tương lai trong đầu mình. Việc ông tổ chức lại quân đội Macedonia là một công trình thực sự thiên tài mà sau này Alexander đã tiếp quản.

Điều quan trọng là Philip thời trẻ đã sống ba năm ở Thebes như một con tin, và do đó đã làm quen với các phương pháp chiến lược của Epaminondas. Khi lên ngôi, ông tiếp quản và lấy điểm khởi đầu cho việc tái tổ chức quân đội của mình bằng "chiến lược đánh tạt sườn", một phát minh của Epaminondas - đã tạo ra một cuộc cách mạng về chiến thuật. Cho đến nay, người Hy Lạp thường chiến đấu theo các đường song song. Epaminondas chia mặt trận

của mình thành một cánh tấn công và một cánh phòng thủ để quyết định các trận chiến. Cánh quân mạnh được tuyển chọn từ những đội quân tốt nhất. Nhiệm vụ của nó là thực hiện một cuộc tấn công tập trung, đột phá và quyết định, trong khi cánh yếu hơn tiến về phía trước một cách chậm rãi và lo phòng thủ nhiều hơn, do đó tại thời điểm xung trận, mặt trận của chiến tuyến thực sự theo hình xiên. Epaminondas, người đã tổ chức cả hai cánh từ bộ binh hạng nặng — kỵ binh của ông chỉ có nhiệm vụ bảo vệ hai bên sườn — cánh trái là hướng tấn công chủ lực. Vì thông thường trong các đội hình chiến đấu song song, quyết định thắng thua thường được thực hiện bởi cánh phải, cuộc tấn công của ông ấy bằng cánh trái càng gây bất ngờ hơn. Những chiến thuật đã mang lại cho Epaminondas chiến thắng tại Leuctra và Mantineia hiện đã được Philip áp dụng, nhưng được sửa đổi để phù hợp với quân đội Macedonia. Ông giao nhiệm vụ tấn công cho các kỵ binh xuất sắc của mình - Hetairoi, và phòng thủ cho bộ binh phalanx.

Ông không giới hạn cuộc tấn công ở một cánh, mà tung ra các cuộc tấn công của kỵ binh đôi khi ở cánh phải, và đôi khi, như ở Chaeronea, ở bên trái, có thể là theo đặc thù của mặt đất hoặc vị trí của địch.

Phalanx, thường được chuyển ngữ Việt là Phương trận, là một đội hình quân sự số đông hình chữ nhật, thường được tập hợp từ bộ binh hạng nặng được vũ trang giáo, kích, hoặc những vũ khí tương tự như vậy. Thuật ngữ này đặc biệt sử dụng cho đội hình chiến tranh Hy Lạp cổ đại.



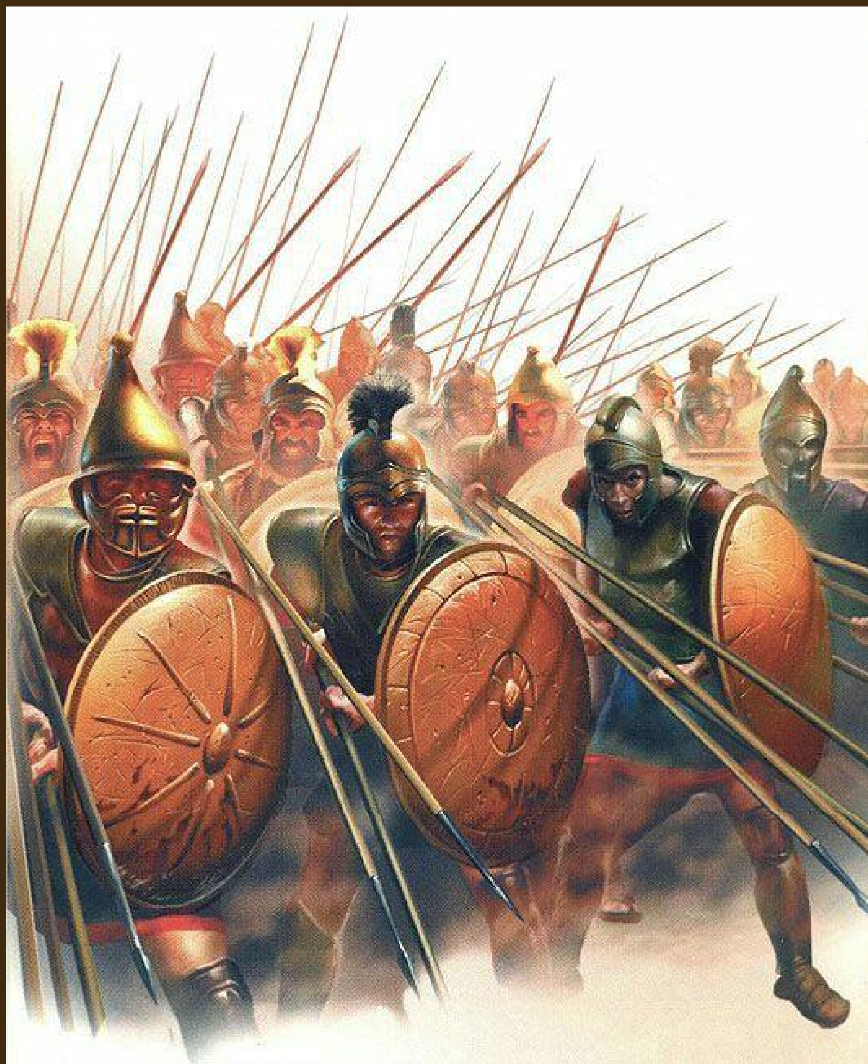
Để thực hiện những chiến thuật này, về cơ bản ông phải tổ chức lại quân đội của mình. Các phi đội gắn kết mà ông tiếp quản đã chuyển thành kỵ binh chính quy, chia nó thành các trung đoàn (Ilae), các đơn vị chiến thuật, được

tuyển chọn theo các quận. Những Hetairoi này được trang bị mũ sắt, áo nịt ngực và kiếm, chiến đấu bằng một ngọn giáo đâm bằng gỗ.



Việc tổ chức lại bộ binh còn triệt để hơn. Để thực hiện đội hình xiên, điều cần thiết là tạo ra bộ binh thích hợp cho cánh phòng thủ. Điều này giải thích cho các thiết bị đặc biệt và việc sử dụng Phalanx. Trên mô hình của những

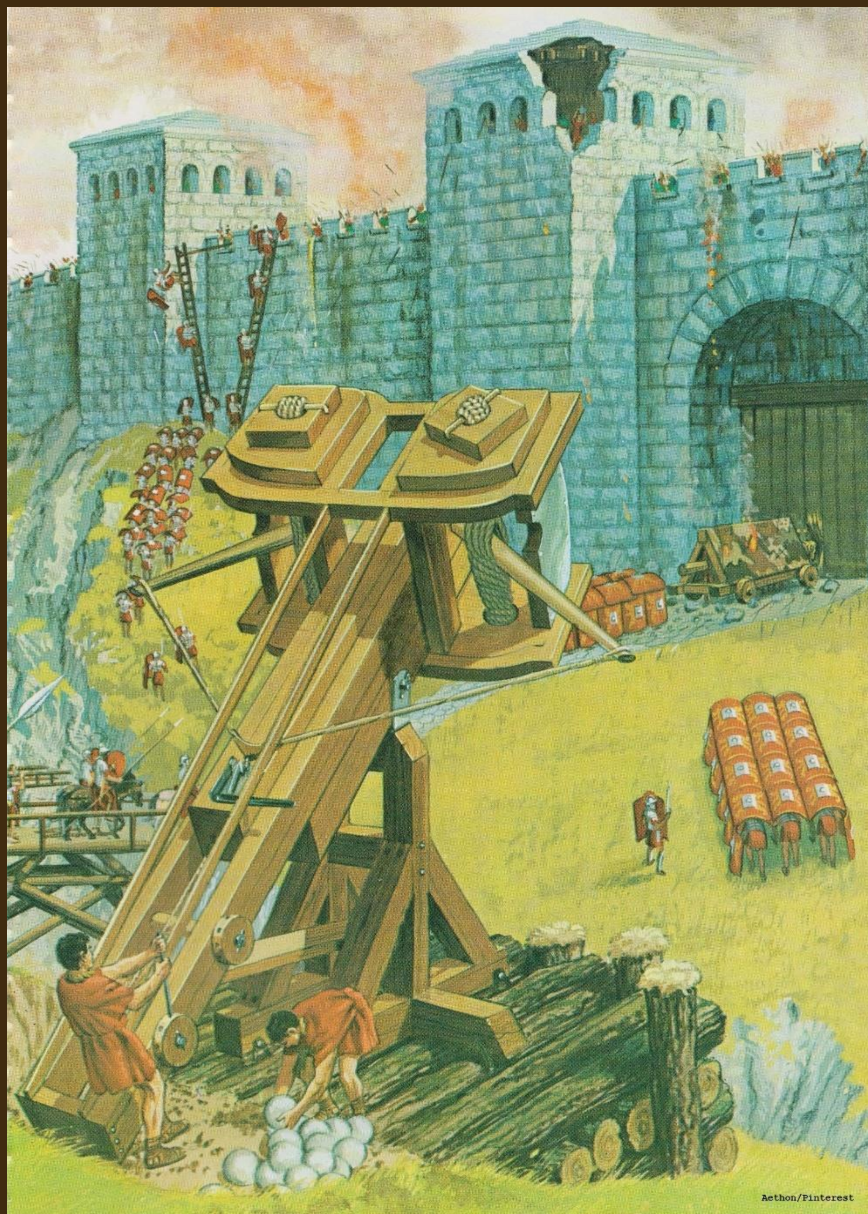
chiếc áo giáp vũ trang hạng nhẹ được giới thiệu bởi Athen - Iphicrates, những người được trang bị giáo dài và chỉ có một chiếc khiên tròn nhỏ (pelta), Philip đã lấy Phalanx làm vũ khí chính, bên cạnh thanh kiếm, những ngọn giáo dài hơn và nặng hơn - sarissae, và ngoài ra còn có một pelta nhỏ được đeo trên tay, một chiếc mũ bảo hiểm, và có lẽ cả những miếng da được bảo vệ bằng kim loại, phù hợp để tiến chậm và duy trì khả năng phòng thủ hơn là di chuyển nhanh, mặc dù trong trường hợp cần thiết vẫn có thể chuyển trạng thái. Được bố trí trong đội hình dày đặc là các trung đoàn (taxeis), trong trận chiến, họ có mặt ở cánh phòng thủ để hổ trợ cuộc tấn công của kỵ binh và kìm chân đối phương. Bên cạnh đó, Philip còn có bộ binh vũ trang hạng nhẹ, Hypaspists, có nhiệm vụ xông lên phía trước khi cần di chuyển nhanh và tạo mối liên kết giữa kỵ binh và phalanx. Đây là hạt nhân của quân đội Macedonia, sau đó được bổ sung thêm quân phụ trợ từ Thrace và các thành bang lân cận khác.



Philip chiếm một vị trí nổi bật trong lịch sử nghệ thuật chiến tranh, là người đầu tiên kết hợp tất cả các đơn vị chiến đấu thành một đội hình chiến thuật. Ông cũng tạo ra bước ngoặt trong việc phát triển chiến lược; vì ông là người

đầu tiên có mục tiêu hủy diệt toàn bộ kẻ thù. Trong khi những trận chiến trước đó thường được người Hy Lạp coi là cuộc cạnh tranh, kẻ chiến thắng là người trấn giữ trận địa và dựng chiến tích, trong khi phe thất thế rút lui, thì Philip sau khi giành được chiến thắng đã tự mình dẫn đầu đội kỵ binh truy đuổi kẻ thù đến hơi thở cuối cùng. Đó là một cuộc rượt đuổi hoang dã.

Philip cũng đánh dấu một kỷ nguyên trong nghệ thuật bao vây thành. Phương pháp cũ là bỏ đói kẻ thù, đối với ông là không đủ. Ông là người đầu tiên sử dụng máy bắn đá. Các cuộc bao vây Perinthus và Byzantium (340) mặc dù không thành công, nhưng đã tạo nên một kỷ nguyên trong khoa học quân sự. Từ đó Athens và các thành phố khác bắt đầu chuyển các bức tường thành bằng đá thay cho gạch.



Rõ ràng là tất cả những đổi mới này, đặc biệt là việc thực hiện đội hình chiến đấu xiên, đòi hỏi sự huấn luyện của quân đội nhiều hơn. Vì

vậy, họ đã được huấn luyện và tập luyện tốt để chiến đấu, hành quân và cơ động. Như Demosthenes đã công nhận với sự ngưỡng mộ, mùa hè hay mùa đông, ngày hay đêm không có gì khác biệt đối với hoạt động của Philip. Trong khi ở các quốc gia tự do của Hy Lạp, thích dùng lính đánh thuê hơn, thì những người Macedonia, quý tộc và nông dân, đều nhiệt thành đi theo vị vua của họ, người đã dẫn dắt họ đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, và như đã được thể hiện qua những vết sẹo trên cơ thể mình, chính ông đã chia sẻ tất cả những nguy hiểm và gian khổ cùng họ. Đặc biệt Philip đã thành công trong việc gắn bó chặt chẽ với các sĩ quan của mình bằng cách tạo ra các "quân đoàn hoàng gia". Bằng cách cho những thanh niên quý tộc đích thân tham dự khóa huấn luyện thể chất và trí tuệ tại triều đình, ông đã tạo ra một loại thiếu sinh quân cho các sĩ quan của mình. Nó cũng là một phương tiện gắn bó lâu dài với lợi ích của triều đình mà giới quý tộc Macedonia, trước đây thường hờ hững.

Ở các khía cạnh khác ngoài lĩnh vực quân sự, chế độ quân chủ này cũng vượt trội hơn. Ông là người duy nhất điều hành chính sách đối ngoại. Trong khi ở các thành bang khác, bị giằng xé bởi các phe phái nội bộ, các câu hỏi về chính sách đối ngoại được quyết định theo đa số sau những cuộc tranh cãi kéo dài. Điều này cũng được Demosthenes công nhận là một lợi thế lớn cho Macedonia. Điều này giúp hình thành một chính sách đồng nhất về tầm nhìn; kế hoạch và điều hành, chính khách và tướng lĩnh được hợp nhất bởi một người.

Đó là vị trí quyền lực của ông. Isocrates vào năm 346, đã khen ngợi việc thực hiện ý tưởng thống nhất của ông. Trong phần đầu tiên của chuyên luận, Isocrates đề cập đến việc hòa giải các thành bang Hy Lạp. Ông đưa ra đề xuất thiết thực với Philip, trước tiên nhà vua nên hòa giải với bốn thành bang hàng đầu là Athens, Sparta, Thebes và Argos, và sau đó các thành bang nhỏ sẽ tự tuân theo. Với tư cách là hậu duệ của Heracles thì điều đó

không có gì khó khăn, vì mỗi thành bang này đều có mối liên hệ nào đó với tổ tiên Heracles của ông. Tình trạng tuyệt vọng sẽ khiến họ nghiêng về một thỏa thuận hòa bình và Philip sẽ giành được vinh quang và thiện chí trên khắp Hy Lạp. Trong phần thứ hai của chuyên luận, ông thảo luận về cuộc chiến với Ba Tư. Đây là thời điểm thuận lợi, vì Đế chế Ba Tư đã thực sự suy yếu do cuộc nổi dậy từ các vùng lãnh thổ rộng lớn. Philip chỉ cần đi đến Tiểu Á và tuyên bố tự do, nhiều satraps sẽ chào đón ông như một người bạn. Ở đây Isocrates cũng chỉ ra tổ tiên của mình là Heracles, người đã từng vượt qua thành Troy trong vài ngày, và Philip cũng có thể sánh ngang với Heracles về lòng nhân ái và thiện chí với người Hy Lạp. Nếu có thể, ông nên tiêu diệt toàn bộ chế độ quân chủ Ba Tư, nhưng nếu không thể, ông nên cắt bỏ Tiểu Á từ Cilicia đến Sinope, tạo nơi định cư cho những người lang thang vô gia cư, những người từng là nỗi kinh hoàng đối với Hy Lạp, và do đó đảm bảo an toàn cho Hy Lạp bằng cách xây dựng một bức tường thành

chống lại phương Đông. Nếu điều này cũng là không thể, thì ít nhất ông cũng nên giải phóng người Hy Lạp ở Tiểu Á khỏi ách thống trị của Ba Tư. Ông chắc chắn nhận được vinh quang và lòng biết ơn lớn nhất từ người Hy Lạp.



Phần màu đỏ là những thành bang Philip đã thống nhất được.

Isocrates kết thúc bằng lời cảnh báo rằng Philip nên đối xử với người Hy Lạp như một ân nhân, đối với người Macedonia như một vị vua chứ không phải bạo chúa, và ông nên giải phóng những người man rợ (những thành bang ở phía bắc) khỏi chế độ chuyên quyền man rợ và thừa nhận họ dưới sự chăm sóc và bảo vệ của người Hy Lạp.

Người đọc hiện đại sẽ ngạc nhiên khi nhận thấy luận thuyết về chính trị này có đầy đủ các lập luận rút ra từ lịch sử thần thoại, và đặc biệt là từ truyền thuyết về Heracles. Nhưng để hiểu được người Hy Lạp ở thời đại này, người ta phải đi vào đặc điểm tâm lý của họ; như Jacob Burckhardt đã từng nói, huyền thoại là "cơ sở lý tưởng cho toàn bộ sự tồn tại của chúng ta". Ngay cả trong những câu hỏi chính trị tỉnh táo nhất khi đề cập đến những sự tương đồng trong thần thoại, hoặc thậm chí, như Isocrates đã làm ở đây một phần, để định hình những câu chuyện thần thoại vì lợi ích của hiện tại và cung cấp cho họ nhiều quyền lực hơn.

Trong cuộc đời của Alexander sau này, việc này đóng một vai trò quan trọng. Khi Isocrates trong chuyên luận này coi Heracles là tổ tiên của Philip, điều này không chỉ có ý nghĩa đối với Philip mà còn đối với công chúng Hy Lạp; vì bức thư ngỏ này gửi cho nhà vua, cũng được lưu hành như một cuốn sách nhỏ trên khắp Hy Lạp, nhằm mục đích kép, đối với Philip sẽ ảnh hưởng đến việc ông trở thành người lãnh đạo trong cuộc chiến tranh quốc gia, và đối với người Hy Lạp để chuẩn bị dư luận cho việc ông lãnh đạo. Sự nhấn mạnh Philip với tư cách là một người Heraclid (dòng dõi của Heracles) và do đó là một người Hy Lạp thực sự, sẽ giúp người Hy Lạp dễ dàng chấp nhận Philip hơn.



Khi Philip đọc cuốn sách, sự khẳng định về dòng dõi Heracles hẳn đã được ông hoan nghênh; vì trong chính sách của mình, ông đã phải nhấn mạnh đến nguồn gốc thần thoại này, như hình Heracles trên đồng tiền thời ông.



Theo Isocrates, điều này là cần thiết cho cuộc chiến của Philip chống lại Ba Tư với những người Macedonia của ông và những người Hy Lạp thống nhất? Ông chỉ phục vụ lợi ích của Hy Lạp: những người Hy Lạp ở Tiểu Á sẽ được giải phóng; bù lại thuộc địa Tiểu Á sẽ giúp Hy Lạp thoát khỏi tình trạng khốn cùng về kinh tế và xã hội; Chính những người Hy Lạp sẽ được hưởng lợi từ sự giàu có và sung túc của

phương Đông. Chính Philip cũng sẽ giành được quyền lực và sự giàu sang, nhưng mục tiêu cao hơn là vinh quang và thiện chí của người Hy Lạp. Isocrates đã đánh giá Philip theo một hướng sai lầm như Demosthenes từng nghĩ. Nếu Isocrates biết những kế hoạch bí mật trong chính sách Macedonia của Philip, thì ông đã không bao giờ hy vọng nhiều như thế ở Philip.

Tuy nhiên, điều có tầm quan trọng lịch sử đó là ông đã quay sang Philip. Mặc dù những gợi ý về việc thực hiện những mong muốn thuần túy của người Hy Lạp có vẻ xa lạ với Philip, người có chính sách bí mật là người Macedonia sẽ thống trị phần còn lại, nhưng không nghi ngờ gì nữa, Philip đã gây ấn tượng sâu sắc với ông. Philip chắc chắn đã chào đón nó với niềm vui: đó là một thành công lớn về mặt đạo đức, có thể mang lại lợi ích vật chất cho những kế hoạch bí mật của Philip. Isocrates - người có ảnh hưởng lớn nhất đến dư luận Hy Lạp, kêu gọi ông thực hiện - dẫn đầu trong cuộc chiến

chống lại Ba Tư mà nhiều người Hy Lạp đã mong muốn từ lâu. Philip không nghi ngờ gì khi ngay lập tức nhận ra những ý tưởng được đề xuất có liên hệ mật thiết với những kế hoạch và ý tưởng bí mật của ông; Philip cần phải sửa đổi những kế hoạch này một cách khéo léo, để che giấu mục tiêu của mình bằng những câu cửa miệng là vì Hy Lạp.

Sự khác biệt lớn nhất giữa kế hoạch của chính ông và của Isocrates là bản thân ông muốn thống trị Hy Lạp trong khi Isocrates coi sự hòa giải của các thành bang Hy Lạp là điều kiện cần thiết cho cuộc chiến chống lại Ba Tư. Isocrates không bao giờ nghĩ đến một nhà nước thống nhất về mặt chính trị dưới sự lãnh đạo của Philip. Nó chỉ đơn giản là sự thống nhất nội bộ của Hy Lạp mà ông kêu gọi Philip thực hiện, sự hòa hợp (Homonoia) của nền dân chủ Hy Lạp, sẽ được thực hiện bằng sự hòa giải của những đối kháng hiện có. Trên thực tế, không có gì được ngụ ý ở Gorgias hoặc trong Panegyricus của Isocrates (380) hơn là sự hòa

giải và hiệp ước nội bộ của người Hy Lạp. Trên thực tế, cả trong thế kỷ thứ IV và trước đó, người dân Hy Lạp không có quan niệm về một quốc gia thống nhất. Quan niệm này, vốn đã quá quen thuộc với chúng ta ngày nay, không nên được nhập vào lịch sử Hy Lạp, và được lấy làm tiêu chuẩn đánh giá trong việc ước tính các hoạt động chính trị của quốc gia. Người Hy Lạp cảm thấy được đoàn kết đơn thuần bởi nền văn minh chung của họ.

Trong khi Isocrates coi Philip là người đủ khả năng hòa giải Hy Lạp, thì chính Philip coi đây chỉ là giấc mơ của một người duy tâm; Trên thực tế, khi nhìn lại những cuộc chiến tranh liên tiếp trong những thập kỷ trước, trong đó người Hy Lạp xâu xé nhau, người ta không thể hình dung được bằng cách nào Isocrates đạt được sự hòa giải. Bằng cách thuyết phục thân thiện - như ông đã dự tính – điều này gần như là không thể. Philip phải thực hiện kế hoạch thống trị Hy Lạp trước tiên. Chỉ khi đó, ông mới có thể cố gắng đạt được sự hòa giải (dùng vũ

lực trước – có vị thế - đàm phán). Tuy nhiên, Philip có thể ngay lập tức áp dụng điểm thứ hai trong chương trình cùa Isocrates là nắm quyền lãnh đạo trong cuộc chiến chống lại Ba Tư. Ông có thể che đậy cuộc chiến chinh phục đã được dự tính từ lâu của mình ở châu Á bằng lá cờ chung Hy Lạp, và do đó sẽ giành được thiện cảm của người Hy Lạp, điều này cực kỳ có giá trị vì chính sách văn hóa của ông là sự biện minh về mặt đạo đức cho dự định hòa giải Hy Lạp.

Philip đã tận dụng chính sách của Isocrates trong chiến thắng tại Chaeronea, ông đã tổ chức lại Hy Lạp tại Corinth và kêu gọi người Hy Lạp cầm vũ khí chống lại Ba Tư. Uy tín của Philip ở Hy Lạp đã được nâng cao hơn nhiều nhờ việc thành công trong cuộc chiến với người Phocia, cái gọi là Chiến tranh thiêng liêng, đã tàn phá miền Trung Hy Lạp trong mười năm. Ông buộc người Phocia phải đầu hàng, gia nhập vào Hội đồng Amphictyonic, và do đó được công nhận là người Hy Lạp.

Ngay sau đó, anh đã giành được vị trí thống trị ở Thessaly bằng cách trở thành Archon của Thessalian League. Trong những năm tiếp theo, ông chiến đấu hết mình và tiến về phía trước một cách nhanh chóng. Sau khi vượt qua vương quốc Odrysian, bảo vệ lãnh thổ mới của mình ở các thuộc địa như Philippolis và mở rộng quyền lực của mình đến Biển Đen, ông đã giành được bờ biển phía nam Thracia trong cuộc va chạm mới với Athens, nơi có vị trí quan trọng — duy trì nguồn cung ngũ cốc từ Biển Đen.

Chính sách của Athens dưới sự phù phép bởi tài hùng biện của Demosthenes, người đại diện cho quan điểm cụ thể của Athen, trong nhiều năm đã coi Philip là kẻ thù của thành phố quê hương mình, và cuối cùng đã không ngần ngại kết hợp với Ba Tư chống lại Philip. Do đó, ở Athens đã xảy ra một cuộc xung đột tư tưởng dữ dội; với quan điểm hoàn toàn trái ngược, nhưng ý tưởng về một cuộc chiến tranh quốc gia chống lại Ba Tư dưới sự lãnh đạo của

Philip, đã thắng thế, đặc biệt là trong giới trí thức, như Học viện, hiện do cháu trai của Plato là Spusippus lãnh đạo. Nhưng hướng dẫn chính sách nằm trong tay Demosthenes, và ông ta thúc giục Athens chiến tranh. Mặc dù Philip cố gắng tránh, nếu có thể, một cuộc xung đột với Athens, và bất chấp mọi hành động khiêu khích đang cố gắng kiên nhẫn không ngừng để đi đến một sự hiểu biết hòa bình bằng các cuộc đàm phán ngoại giao, nhưng cuối cùng chiến tranh vẫn nổ ra, và chính quân đội Athen vào năm 340 đã buộc ông phải bao vây Byzantium. Ngay trước đó, cuộc bao vây Perinthus của ông trên bờ biển phía bắc Marmora đã thất bại bởi sự can thiệp của một kẻ thù mới, Ba Tư.

Vài năm trước, với quan điểm về cuộc chiến chống lại Ba Tư, và để chuẩn bị cho việc vượt qua Tiểu Á, ông đã thiết lập mối quan hệ bí mật với Hermias của Atarneus ở phía bên kia của Dardanelles, nhưng sau đó với tư cách là một nhà ngoại giao xảo quyệt. đã ký kết một

hiệp ước thân thiện với vua Ba Tư, để xoa dịu những nghi ngờ về kẻ thù tương lai của mình. Bất chấp điều đó, nhà vua Ba Tư đã ủng hộ người Perinthians chống lại Philip, vì ông ta sợ quân Macedonia trên bờ biển Thracia đối diện.

Mặc dù Philip cảm thấy khó chịu khi Athens giải vây cho Byzantium, nhưng ông vẫn tránh hành động trực tiếp chống lại họ, và để đảm bảo quân Macedonia có thể đến Dobruja để chiến đấu với người Scythia (339). Chỉ đến khi Hội đồng Amphictyonic (của người Hy Lạp) trao cho ông quyền chỉ huy "Cuộc chiến thiêng liêng" mới chống lại Amphissa thì ông mới chuyển đến miền Trung Hy Lạp bằng con đường Thermopylae (339). Vì vậy, cuối cùng vào tháng 8 năm 338, tại đồng bằng Boeotian của Cephissus gần **Chaeronea**, đã xảy ra một trận đánh lớn và quyết định, Philip đã đánh bại hoàn toàn lực lượng kết hợp của Athens và Thebes.



Một lần nữa Philip thắng trận bằng đội hình xiên. Cuộc tấn công ở cánh trái và quyền chỉ huy kỵ binh được ông giao cho con trai Alexander, khi đó mới mười tám tuổi, trong khi chính ông chỉ huy cánh phải phòng thủ. Vì vậy, đứng đầu kỵ binh Hetairoi, Alexander trẻ tuổi đã tấn công đội quân hùng mạnh của Thebans, trong khi cha anh, đối mặt với người Athen, chỉ huy phalanx của mình và thậm chí lúc đầu còn lùi lại để dụ quân Athen rời khỏi vị

trí thuận lợi của họ. Sau khi thành công trong việc này, ông lại tiến công và giành chiến thắng. Trong lúc đó Alexander đã đánh bay quân Thebans và đánh lái sang bên phải để cán thẳng vào trung tâm của kẻ thù bằng một cuộc tấn công phụ, cuộc chiến đã kết thúc.

Trận Chaeronea đã diễn ra vào năm 338 trước Công Nguyên, gần thành phố Chaeronea tại vùng Boeotia, giữa Quân đội Macedonia dưới quyền vua Philippos II và Liên minh các thành bang Hy Lạp, với các thành phần chủ yếu là Athen và Thebes. Trận đánh này là đỉnh điểm của chiến dịch thống nhất Hy Lạp của Philip II và kết thúc với thắng lợi quyết định của quân Macedonia, khiến Macedonia vươn lên thành bá chủ của toàn bộ Hy Lạp. Trận chiến ghi dấu sự thay đổi sâu sắc về bản chất của nền quân sự Hy Lạp.



Philippos II đã đem lại hòa bình cho một Hy Lạp bị suy kiệt vào năm 346 trước Công Nguyên, bằng việc chấm dứt cuộc Chiến tranh Thần thánh lần thứ ba, và kết thúc 10 năm xung đột Athen để giành quyền bá chủ mạn Bắc biển Aegean, bằng việc ký kết một Hòa ước riêng rẽ. Giờ đây, với một Vương quốc phát triển mạnh mẽ, một quân đội tinh nhuệ và nguồn nguyên liệu dồi dào, Philip II trên thực tế đã trở thành vị "minh chủ của Hy Lạp". Đối với nhiều thành bang Hy Lạp có nền độc lập vững chắc, sự trỗi dậy của Philip II sau năm 346 trước Công Nguyên được xem là mối hiểm họa cho nền tự do của họ, đặc biệt là Athen, nơi nhà chính trị Demosthenes đã bền bỉ đấu tranh nhằm đoạn tuyệt sự ảnh hưởng của Philip II. Khi người Athen liên kết với một thành bang mà Philip II đang vây khốn vào năm 340 trước Công Nguyên, ông đã mất kiên nhẫn và tuyên chiến với thành bang Athen. Vào năm 339 trước Công Nguyên, Philip II thân chinh chỉ huy, buộc các thành bang Hy Lạp phải thành lập liên minh chống lại ông - do Athen và Thebes lãnh đạo.

Sau vài tháng bế tắc, Philip II cuối cùng đã tiến vào được Boetia, với ý định hành binh về Thebes và Athen. Liên quân Hy Lạp với quân số tương đương đã chặn mất con đường gần Chaeronea, bố phòng kiên cố và chạm trán với người Macedonia. Không có nhiều chi tiết về trận đánh ấy, nhưng sau một cuộc giao tranh lâu dài, người Macedonia đã đập tan cả hai cánh liên quân. Tàn binh Hy Lạp buộc phải cuống cuồng tháo chạy. Trong trận giao chiến, hoàng tử Alexander của Macedonia đã chỉ huy kỵ binh Hetairoi tiêu diệt "Đội Thần binh" Thebes hùng mạnh, nên sau thắng lợi vua cha Philip II đã củng cố ngôi Thái tử cho anh và tin tưởng vào tài dụng binh của Alexander.

Trận Chaeronea được xem là một trong những trận đánh quyết định nhất trong thế giới Hy Lạp Cổ đại. Liên quân Athen - Thebes đã bị tận diệt, và không thể nào kháng cự được thêm. Nền độc lập của Hy Lạp bị thủ tiêu. Sau chiến thắng, Philip II đã áp đặt một thỏa thuận lên Hy Lạp, và được sự tán thành của mọi thành bang, ngoại trừ Sparta. Kết quả là, Liên minh Corinth ra đời, giữa Macedonia và các đồng minh của mình, với Philip II là người quản giám nền hòa bình. Đổi lại, Philip II được đề cử làm strategos (Chủ soái) dẫn đầu cuộc chiến tranh giữa toàn cõi Hy Lạp chống lại Đế chế Ba Tư, mà ông đã dự kiến từ lâu.

Một hành động khác thường của Philip là không truy đuổi kẻ thù sau trận chiến, mà ở lại chiến trường, cho phép họ rút lui về phía nam.. Giờ là lúc ông tái tổ chức Hy Lạp đã được thiết kế từ lâu, điều kiện cần thiết là hòa giải với người Hy Lạp. Vì vậy, từ bỏ sự truy đuổi và tiêu diệt kẻ thù là một cử chỉ thể hiện thiện chí. Ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy rõ lợi thế to lớn của sự kết hợp giữa chỉ huy quân sự và quyền kiểm soát chính trị trong tay một người (dĩ nhiên là người đó phải xuất sắc), so với các thành bang khác, phụ thuộc vào các hội đồng.

Thebes thực sự đã phải trả giá cho thất bại khi liên minh với Athen. Họ phải phục tùng Plataea và Orchomenus, cũng như tiếp nhận một đơn vị đồn trú của Macedonia ở Cadmeia. Nhưng đối với người Athen, Philip đã cho thấy sự khoan hồng lớn nhất: ông thả những tù nhân của họ mà không cần tiền chuộc, tro của người chết được Antipater và Alexander đưa đến Athen trong lễ rước long trọng, đồng thời đề nghị tình bạn và liên minh với sự đảm bảo rằng Athens sẽ vẫn còn tự do và độc lập. Tuy nhiên, họ phải giải thể liên minh hải quân của mình và từ bỏ Thracian Chersonese. Người Athen trước đây và Demosthenes trong nhiều năm đã đưa ra một bức tranh biếm họa về Philip là vị vua vĩ đại với mục tiêu duy nhất là hủy diệt Athen, đã chuẩn bị cho một cuộc kháng cự tuyệt vọng. Sự khoan hồng này khiến họ ngạc nhiên đến nỗi gục đầu trong vui sướng và biết ơn. Họ cấp quyền công dân Attic cho Philip và con trai Alexander, và dựng một bức tượng của Nhà vua ở Agora.



Ngay cả trong quá trình đàm phán về một nền hòa bình riêng biệt cho Athens, Philip đã vén nhẹ bức màn khỏi kế hoạch của mình, trong điều khoản ông mời người Athen, nếu họ muốn, gia nhập “Hội đồng Liên minh”

(Synhedrion) mà ông định thành lập. Hơn nữa, để giành được thiện cảm của người Hy Lạp, ông lưu truyền tin đồn rằng ông muốn lãnh đạo Hy Lạp trong một chiến dịch chống lại Ba Tư. Khi ông di chuyển cùng quân đội của mình từ Athens đến Peloponnese, ông đã được chào đón bởi các thành bang đã từng chống lại ông; Chỉ có Sparta từ chối nhượng bộ, và phải khuất phục trước sự tàn phá của người Laconia, Argives và Messenians. Một tòa án trọng tài Hy Lạp đã trao cho những nước láng giềng thù địch tất cả các vùng ranh giới mà Sparta có được trong hàng thế kỷ.

Vì vậy, Philip trên thực tế đã trở thành chủ nhân của toàn bộ Hy Lạp, và bây giờ có thể tiếp tục củng cố quyền lực của mình bằng các hình thức hợp pháp. Ông kêu gọi tất cả các thành bang Hy Lạp có chủ quyền trên đất liền (cho đến tận biên giới Macedonia) và các hòn đảo cũng như gửi các đặc phái viên đến Corinth để tham khảo ý kiến về một trật tự mới ở Hy Lạp. Người Sparta, bất chấp sự bất lực về

chính trị, là người duy nhất từ chối tham gia. Vào cuối năm 338 đã mở ra Hội nghị Hòa bình đáng nhớ ở Corinth, các quyết định của hội nghị này đại diện cho thành tựu cuộc đời của Philip. Chúng ta sẽ xem xét chúng một cách chi tiết, vì chúng cũng là cơ sở cho mối quan hệ của Alexander với Hy Lạp.





Philip mở đầu bằng cách đọc một bản Tuyên ngôn, trong đó ông đưa ra các đề xuất của mình trước các sứ thần. Không nghi ngờ gì về hình thức, điều này gợi lại một thực tế, rằng trong cuộc thảo luận về hiệp ước "Hòa bình của Nhà vua" tại Sardis, một thông điệp của vua Ba Tư đã được đưa ra trước các đại diện của Hy Lạp; họ bị áp đặt bởi những lời đe dọa phải chấp nhận những gì được chỉ định cho họ, trong trường hợp này Philip chỉ gửi tài liệu của mình để làm cơ sở cho các cuộc thảo luận sắp diễn ra. Dù sao thì chúng cũng kéo dài hàng tháng, có lẽ đến mùa xuân năm 337. Trong đại hội các sứ thần được thấy sự hòa nhã của Philip, Ông muốn giành được thiện cảm của người Hy Lạp, điều này rất quan trọng cho việc theo đuổi các mục tiêu. Kết quả của các cuộc đàm phán là một hiệp ước liên minh giữa Philip và những người Hy Lạp đại diện tại Corinth, được xác nhận bởi cả hai bên.

Các điểm chính của nó như sau: Philip đã hòa giải người Hy Lạp và thành lập một liên minh

tấn công và phòng thủ (Symmachia). Liên minh được đại diện trong một Synhedrion (hội đồng liên bang) chung, mà các thành bang riêng lẻ phải cử cấp phó của họ (Synhedroi) với số lượng thay đổi tương ứng với sức mạnh quân sự của họ. Các Synhedrion sẽ tổ chức các phiên họp vào thời gian và địa điểm của bốn lễ hội lớn (tại Olympia, Nemea, Delphi và Corinth), trong khi các cuộc họp bất thường, sẽ được tổ chức tại Corinth và ủy ban thường trực cũng đặt tại đó. Trong giai đoạn đầu, nghĩa vụ triều cống và bị chiếm đóng quân sự, được miễn trừ cho các thành viên. Mặc dù vậy, ngoài Thebes, các đơn vị đồn trú của Macedonia cũng được đặt ở Acrocorinth, Chaicis và Ambracia, điều này là do lợi ích của liên minh và đã được đại hội chấp thuận.

Vương quốc Macedonia của ông không thuộc về Liên minh. Vì thông qua vị trí bá chủ của Philip, các thành viên được đảm bảo bởi hiệp ước, sẽ liên kết vĩnh viễn với Vương quốc Macedonia bằng liên minh cá nhân.

Đây là hình thức pháp lý mà Philip đã tìm thấy cho sự thống trị của ông đối với Hy Lạp, một hình thức, như người ta có thể thấy, cố gắng giải quyết nhẹ nhàng nhất có thể với cảm giác phụ thuộc của người Hy Lạp. Những rắc rối mà ông gặp phải liên quan đến sự nhạy cảm của người Hy Lạp được thể hiện qua mô tả về ông trong hiệp ước, không phải là Vua, mà là "Quyền bá chủ". Đối với hội đồng liên bang, cũng là cơ quan thành lập tòa án liên bang, các quyết định rất quan trọng đã được giao, chẳng hạn như về câu hỏi liệu có nên thực hiện các biện pháp chống lại một bên vi phạm hiệp ước. Theo quy định của liên minh, trong trường hợp một thành viên bị tấn công, Philip sẽ hỗ trợ Liên minh với quân đội Macedonia, và ngược lại nếu ông bị tấn công và cuộc chiến phải được tiến hành dưới sự lãnh đạo của ông, đặt lực lượng dự phòng của họ dưới quyền chỉ huy của ông. Quy định này chính là chuẩn bị cho cuộc chiến với Ba Tư đã được dự định từ lâu. Điều này cho thấy Philip vì những lý do chính trị và quân sự đã cẩn thận tránh đề cập

trực tiếp về Vua Ba Tư trong phiên họp lập hiến. Ông muốn hoàn thiện liên minh Hy Lạp của mình và để nắm chắc trong tay quyền chỉ huy quân đội Hy Lạp bằng đường bộ và đường biển, trước khi công khai kế hoạch về một cuộc chiến với Ba Tư. Tuy nhiên, vì cần phải xác định số lượng đại diện, ông bắt đầu bằng cách chính thức ấn định sức mạnh chiến đấu của từng thành viên. Theo quyền lực tương đối của cả hai bên, Philip không chỉ là nhà lãnh đạo quân sự của liên minh mà còn kiểm soát hoàn toàn chính sách đối ngoại của người Hy Lạp.

Theo cách này Philip đã thống nhất tất cả những người Hy Lạp (ngoại trừ Sparta) thành một Liên minh các thành bang, và như vậy lần đầu tiên trong lịch sử đã tạo ra quốc gia Hy Lạp thống nhất. Rõ ràng, sau những gì đã nói ở trên về ý tưởng hòa giải, như người ta vẫn thường giả định, ông đã không tuân theo lời xúi giục của Isocrates, người không có khái niệm về việc thống nhất Hy Lạp thành một quốc gia. Việc thành lập “Liên đoàn

Corinthian” không phải là sản phẩm của ý tưởng hòa giải, mà là chính sách của Philip nhằm nâng cao sức mạnh của Macedonia. Điều này đã trả lời cho câu hỏi về mối quan hệ Hy Lạp-Macedonia, nhưng bất chấp nỗ lực của ông để tạo cho nó một hình dạng ít xúc phạm đến tính nhạy cảm của người Hy Lạp nhất có thể, đã được đón nhận một cách lạnh lùng hơn ông mong đợi. Người Hy Lạp coi quyền bá chủ của Philip là sự thống trị của ngoại bang; họ không coi người Macedonia là người Hy Lạp.

Mặc dù Liên minh dưới sự lãnh đạo của Philip không phù hợp với ý định của những người theo chủ nghĩa Hy Lạp, nhưng chúng ta có thể nhận ra ảnh hưởng của Isocrates đối với “hòa bình” do Philip tuyên bố tại đại hội. Nếu sự hòa hợp nội bộ của người Hy Lạp, như Isocrates mong muốn, không thể thực hiện được, thì trong khuôn khổ của Liên minh, các biện pháp được tạo ra vẫn có thể được thực hiện để đảm bảo hòa bình trong nội bộ Hy Lạp. Do đó, các điều khoản cho “hòa bình toàn diện” đã được

đưa vào, như một điều kiện quan trọng và cơ bản trong hiệp ước liên minh. Lúc đầu, đó là hòa bình giữa Philip và Liên minh. Mỗi thành viên phải thề rằng anh ta sẽ không cố gắng lật đổ chế độ quân chủ của Philip và con cháu của ông. Việc bổ sung "con cháu" cho thấy hiệp ước là "vĩnh cửu"; vì nếu chỉ là với Philip, người Hy Lạp không phải tiếp nhận các nghĩa vụ đối với con cháu của ông. Tuy nhiên, điều có tầm quan trọng chính trị lớn hơn là người Hy Lạp tự ràng buộc mình bằng lời thề giữ hòa bình vĩnh viễn giữa họ. Không một thành viên nào có thể tham gia vào các cuộc chiến chống lại người khác bằng đường bộ hoặc đường biển. Các thành viên của liên minh bị cấm vi phạm thỏa thuận, tự do và an ninh trên biển được đặt dưới sự bảo vệ của Liên minh. Bất cứ ai không tuân theo đều bị coi là kẻ thù, và phải chịu sự trừng phạt. Hội đồng phải phối hợp với các đại diện của Philip để đảm bảo không có cuộc hành quyết hoặc bản án lưu đày nào được thông qua trái với luật hiện hành và không có việc tịch thu, phân chia đất đai, hủy

bỏ các khoản nợ hoặc phân chia nô lệ. Mỗi thành viên phải thề anh ta sẽ không bãi bỏ các luật đang tồn tại ở các thành bang vào thời điểm tuyên thệ — nhiều người trước đó đã được Philip thay đổi để phù hợp với quan điểm của riêng ông.

Chính dưới hình thức “hòa bình toàn diện” này, Philip đã hiện thực hóa ý tưởng hòa giải của Isocrates. Hòa bình bên ngoài và bên trong của các thành bang đồng minh được đảm bảo bằng các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc trong các điều khoản của hiệp ước. Tất nhiên sự hòa giải thực sự từ trái tim sẽ tốt hơn. Nhưng điều này là không tưởng, như chúng ta đã quan sát, và phải thừa nhận rằng hiệp ước hòa bình bắt buộc của Philip là điều duy nhất có thể thực hiện được trong các điều kiện hiện có; ít nhất nó hứa hẹn một sự trợ giúp cho các thành bang khi gặp khó khăn.

Sau khi dự thảo hiệp ước được nhất trí thông qua, các sứ thần trở về nhà, và nó đã được thông qua và xác nhận bằng lời thề ở khắp mọi

j ... H R • zò bý•u ch , j • j : Ấ H •i di &n ngay l üp

t Âc di)n ra, vì khi k‰¯ • ¯ B ¸ i h• zi, Philip yêu

c ýu h zH •{ng liên minh ho ¯ •zng càng s †m

càng t y¯ S(•ông có th (gi i quy %t các v ûj • '

_ H $ j • š · %n J •‡ ích c Àa Liên minh. Vì v üy, h zi

{ j : • _ H $ j • ñ j :|•ch Âc¯cu zc h , ˜ • ýu tiên

t H • u › H j ¯ Bý• ï• h u¿• ñ • B . • j ó h • ‰• +

_ ¸ • £ B H _ H ˜ • : H†nòcju:• y• cüng trong chính

sách quy 'n l Ãc c Àa mình; gi ˆ ú Ö S • [B H •

trong tay các l Ã • _‡†Ág d Ãphòng Hy L p, ông

có th (xu ût hi &j • ¯ ›†cÁ công chúng v †i k %

ho ch t ûj • x j : • ñ • » Á‡c• ûpÁ Àt Älâu.

+ yi v †H • x j : S • U £ u › ñ ¯p n b£Q B •u •B Áün _ ·

Hy L p v ' m zt cu zc chi %j • ¯ › ñ j B †• s ÃÅlãnh

o c Àa ông. Bây gi ˆ ông ph i th Ãc hi &n ý

¯ ‰ng này. B üng cách d üj • ýu trong cu zc

chi %n, ông có th (hy v ‚ng s 5 : H j B •‡cÁc m

tình c Àa ngay c nh Æ‡: • j : Ấi Hy L p ch yng

l i ông. Philip s 5 v • ‡Ác v Qtrí tuy &t v ˆi, n %u

gi i c Âu nh Æ‡: • j : Ấi Hy L p thu zc Ti (u Á kh „i

ách th yng tr Q Àñ • ñ • » Á SÄ• ïv •È¯y b „ H• u

kho j • ýu tiên c Àa hi &˜ • Á† • r Pa ƒbình c Àa

u B • Ï · ñ sj•Ï • . •ñg lên Hy L p trong
j ó h • h Á … H • j ŭukRo • ‡H Â B ñ H • x j : •Ày • B
b „ b ông ngo i giao, vì theo hi ‰ pháp liên
bang, bây gi ˆ là Philip, ch Â không ph i vua Ba
» Á S • _ ˆ•Hj :•Á b o quy 'n t Ã do và t Ã tr Q Àa
các thành bang Hy L p.

u B Á j : • _ × • u •‰ Bng[tB Ãt s Ã công b yk ‰
ho ch cho cu z c chi ‰ v †H • ñ • » ÁÆj :••u zBg
… • … j•v:àHthu ýn túy Hy L p c Àa Isocrates
_ • Ï x • J B S • x j : • Í j : •([côBxng :b•y¯kB‰
ho ch chinh ph ¾ c Àñ • › H $ j : • h R j B‰g • á •
thông minh n y ra v † ông v ' vi & coi chi ‰
¯ › ñ j B • j BzÁcuhzc chi ‰ xét l H S • ¯ › u j Ã• v
báo thù ph H • ‡Áth Ã c hi & cho nh Æg t z ác
•Ãng gây ra b ‰H • ß › Õ £ • ¯ ›'$ jth ˆ ò Àa
các v Qh ýn Hy L ˜ R • á ‰g¯Áày xu û phát t Ä
Philip; không ph i t Ä U £ u › ñ ¯ £ S • ˆj B Á • ¯
Á‡c gi Qh. Chúng ta th ûÖ • Ï • j Šg m z
cái nhìn sâu sô c tinh t ‰ mà chính khách này có
th (thâm nh ü˜ • Ï u • ¯ ú h • _ ˆ×•Hj :LÁp, và
x j : • • [B x j • j : u ñ j • j ‰Báo•kh¯Bgi Æv Qrí
c Àñ • h R j B • j B¯Á••jh:ˆÁHy L p th Ã c s Ậ trong

vi &c nâng t ým cu zc chi %o qu yc gia thành m zt cu zc chi %o báo th ¿ • ¯ x j • : H ò u • ˆbHyRl • j p: Á v • B ñ (m•cHung nh ût là tôn th ˆ các v Qh ýn Ï • ó h • ¯ B ¿ • ñ • » Á c R •

£ B H _ H ˜Âng d•üy trong phiên h , ˜ • ýu tiên c Àa h zH •{ j : S • Ï '•xu ût ông cùng v †l quân zH • s ñ u j H ñ • Ï {•ng m•inh Hy L p nên gây chi %o v †H • ñ • »(Átr S •thù cho nh Æg t zi ác c Àa Xerxes ch yng l H • ò • ¯ BQH j yBL• p. ® ñ · • v S • iòdi•&j • • „ phi %u cho cu zc chi %j S • Ï • Ï R • ú Ö • [Blàxj m•zt˜Bnh ph t ¯ B x j : • ˆ jB •Á yi v †l m zt thành viên c Àa Liên u j S, • Bõc bi &trao cho Philip quy 'n ch Suy t yi cao trong Chi %j • ¯ › ñ j B • ñ †l ×dÁnhÏhi &u r BSuy (chi %j • _±Á) v †l quy 'n l Ãc vô h j s R

Sau nh Æg thành công r Ãc r Šnày Philip tr %ư ' s ñ u j H ñ R • Ù u • h ¿ ñ • Õ · ú j • j ó h • £ ñ • • :ÅH •%o Dardanelles m z¯ •zi tiên phong g { h • R • j :̂ ÁH • †lÁquy 'n Parmenio và Attalus, là chu ûn b Q ýu tiên cho vi &c gi i phóng các thành ph yc Àa Ti (u Á.

Công vi & • h • x j : • • B u j • ¯ BCọrBnt•h¯
Á‡c mô t là s Ãth „a hi ℘o gi Æ chính sách
quy 'n l Ãc Macedonia c Àñ • x j : • Ï • B Á … j : • ¯
hòa gi i Hy L p c Àa Isocrates, m ƶ th „a hi ℘o
¯ › u j : • ‡ích c Àñ • j : ÂÁ Macedonia là n |i b ü
nh ût. ” m ƶ m Â • z j u • v S Æ j:B• Á‡c mu yn
c Àñ • U £ u › ñ ¯ £‡c• th Ãc hÁ &j S • j B Á j : † Á
nh Æg hình th Âc mà ông không h ' suy tính; vì
B ¸ j : • • ‡cÁth Ãc hi &j • ¯ › $ j • %m •¾£tiêu
chính c Àa Philip, là s Ãth yng tr Q Hy L p. Tuy
nhiên, khi xem xét thành t Ãu c Àa ông t i
Corinth, chúng ta có th (nói r öng n %u ông
không ch % %u |i 47, thì vi &c ti %n hành m ƶ
cu ƶc chi %n ch yng l H • ñ • » Á • Ï | •ch¯Âo H• ¯
L ˜ S •õc bi & là vi & • B u j • ¯ B j B • r B ƒ ñ •
toàn di &j s • • h ñ j :i•s_Ãth Q B • Ï ‡Ág cho
v Á … j : •yš Macedonia c Àa ông, và l ‡ ích cho
toàn Hy L ˜ R • 'u Philip gây ûj • ¯ ‡Ág m nh
m 5 yi v † nh Æ j : • j : ÂĤ • Á … jˆ:H• ¯ ‡BÁth (
hi &n qua nh Æg l ˆi nh ün xét c Àa nhà s Åh ,c
» B u ˜ u h ˜ · £ SˆHj • Á • ˜ B (u ¯v•' PHhilip:

r u B R j• B·j:S• Bú·• ·• BsÁñ sinñ u•:
ra mz¯ • j:ˆÁH • j u• jBÁ• £BH_H˜Àsa• u
hÖj¯ ñ£sR

Philip II và Alexander

MACEDONIA

ALEXANDER ĐƯỢC SINH RA VÀO NGÀY THỨ SÁU CỦA THÁNG HEKATOMBAION THEO LỊCH ATHEN - NGƯỜI MACEDONIA GỌI LÀ LOOS. VÀO CÙNG NGÀY, ĐỀN THỜ ARTEMIS TẠI EPHESUS ĐÃ BỐC CHÁY.

PLUTARCH

L QB • ¯ B j‡c sÁÅd ¾ng %Attica c |, lãnh th | c Àa thành bang ¯ B j R • + x H • [B‡H g • j ,là• l QÁn Hy L p vì t ým quan tr ,ng v ' Ï ó j • B v Ànñ • ¯ B j £ S • j B Á j $là jm z tr Bong nhi 'u l QCh Hy L p c | i.

Tháng Hekatombaion là tháng 7 - 8 theo l Qch ngày nay.

Trong th ýn tho i Hy L p, n Æth ýn Artemis là m zt trong 12 v Q th ýn gi Ævai trò quan tr , j : • ¯ › $ jSh Olympus. Artemis là con

cÀa thýn Zues tyi cao v ǂi n ÆÈh ýn Leto thu zc dòng dõi Titan, {ng th ˆ H • › ¯ h H £ •ˆ H •• jh Á £ H j Bǂ•th ýn H Apollo. Nàng Í j : • _ • ¯ › H Æ j À •Olympus. H ýu h ‰nh Æg câu chuy & v ' › ¯ h H £u•xoay quanh nh Æg chi ‰ công và s Ãtr Äng ph t mà nàng dành cho nh Æ : • j : Ái phàm t zi l }i.

Truy 'n thuy ‰v ' n ÆÈh ýn Artemis

N ÆÈh ýn Artemis có bi (· • ¯ ‡Ág là v ýj : • ¯ › ó j : • [‰ vÖcây nguy & qu ‰xu ût hi &j • Áǂ hình nh m zt trinh n ÆÕ H j B p• m õ • ò u • H • £ ó j S • h ñ j : • Ï · j : • yng tên vàng. Nàng có m zt t ûm thân thu ýn khi ‰ trong tr ông vì nàng không bao gi ˆ Ö $ · V

S Ãl nh lùng c Àa nàng l i là m yi nguy hi (m. Nàng b ôn cung r ût gi „i và là v Ǫh ýn s ó j • ôn, c Âm } H • $ h • › ¯ h vào r•Äng £ ó j •ôn, luôn có m zt b ýy các tiên n Æ H • ¯ B u • j j ; c Ì ÷ ng B bao gi ˆ tr ‰v ' tay không. Trái v †H • ˜ u _ _ u S • h À Á Artemis j • ¯ BˆÁj : • x H • [B H • ¯ › ¸ j : • Ï‡ £ ó j S • Ï ¯ B [B H & ˜ B › õ ¯ • ñ B H • v ch ‰v ǂ m z ¯ • h Í H • ¯ $ j • h : B H • Ï • u ¯ • _ Á j : S ì • j : Ái ngay v • _ • › ¯ h H £ R

Chi ‰ công l ǂn nh ût c À Artermis là vi & tr Äng tr Ǫên kh |ng l { Tityos, k / • ñ j z H ¯ • ¯ › · Ö n• ÆÈh ýn Leto j m - c Àa Apollo và Artermis, v †H • h Á { ám mu zi. Tên kh |ng l { này v yn là con c Àa Zeus và Elara, con gái c Àa nhà vua x ÂOrchomene. Th ýn Zeus l ýj • j Ö { tránh con m ôt soi mói c Àñ • P › ñ(• Á ñ • j : Áˆ H • u j • v • Ü j • u ¯ • › ¯ u j : • _ ƒû j : • j • £ ú ÷ h • ¯ ß |n n ûp. Tityos vì th ‰› ñ • ˆ H • ¯ › u j : • _ ûƒ j • : • j • £ ú ÷ m. ¯ B

Tuy nhiên không hi (u sao mà n ÆÈh ýn Hera v ÿn phát hi &n. … j • : B j • ¯ · x À j : Hera bi ‰ thành m zt tr ùn s ûh • £ ¯ • ¿ j : • ¿ j : S • ùn H Æ giáng xu yj : • Àa con ngoài giá thú c Àa Zeus.

u B Á j : • ¯ › u j : • [B H Äa m †› ñ • Ï › · ÌÜ Tityos thì l H • ‡ Á tin Leto s ộp sinh con v ‡i th ýn Zeus. Hera li 'n sai anh chàng kh |ng l { Tityos truy · |i Leto và Tityos th Äa hành nhi &m v ¾ v • ‡i t ûi c s Ãm ÿn cán c Àa m ¿t anh chàng v Äñ • ‡ Á • B‰ng s Ãkhoan h {ng c Àa Hera.

Th ýj • ˜ u _ _ u • Ï • › ¯ h Äng £ tr Ç ên ¯ kh |ng l { b u • j : Á c v R • Æ B • h Í H • ¯ $ j • Ï Àj :• B ñ H • ñ j B • Åñ • ‡ Á m y i oán h ˆn mà m - h , ph i ch Q • Ã j : • ¯ › ‡ Á khi sinh h , R • Í j : • v • truy 'n thuy ‰ k (l i, không ph i anh em Artemis gi ‰ ch ‰ Tityos mà là th ýn Zeus giáng sét thiêu ch ‰ Tityos. Tityos ch ‰, các v Çh ýn ném xác h ôn xu yj : • Q ng ¾ Tartare. Xác c Àa Tityos n öm che kín chín m ÿ · • ût, hai con i bàng ngày ngày ‰ m | b ¾ j : • ó j • z gan kh |ng l { c Àa h ôn.

Ngoài ra, Artemis còn cùng v ‡i Apollo tr Äng ph t nàng Niobe v ' t ¿i ng o m j S • • [B H j ˆB g • x ¯ú B p Á n h • ‰ n Æh ýn Leto. Có l 5t Äc | B J • [H h • Äg Á cõ m ¯ ¿t cu ¿c tr Äng ph t nào quá Á • [ôB nghi &, tàn nh ÿj • j B Á • ¿c tr Äng ph ¯ • j Ö S • ú Ð • _ • cu ¿c tàn sát kh Àng khi ‰.

Niobe là con gái c Àa Tantale. Nàng l ûy Amphion vua thành » B £ • Ï • £ H ‡j B • • j Á : ˆ Á H • u j • ¯ › ñ H • Ïi con gái vô ¿ j : • Õ H j B • Chính vì v ÿy mà bà tr ‰ nên kiêu ng u • B … j • ñ u gi ˆ h ‰

Trong các v Çh ýn hai anh em th ýj • ˜ u _ _ u • Ï • › ¯ h H £ • _ nh û. Trong m ¿t l ýn nh Æg th ýj • ú j • ‰ •) ¯ cho th ýn Leto, hoàng h ü · • u H u • • j v H T • r ® ñ u • ò • j : Á … Æg • [B x v ü t ‰) v • ú j : • _ $ j • ijm Á tuy & v ˆ H • • £ H j B Æ ‡ › ñ Âj B u j • p nh û ¯ • _ • ¯ ñ s R

S Ãxúc ph m này kh % Leto t Âc gi ün, s Ãtr Äng ph t c Àa th ýn ˜ u _ _ u • •: H ò j : • _ˆ$con trai cÁ Àa Niobe. Ch $hút ch yc • B j : • ¯ › ñng trángH, nh Æ‡: • ¯ B ñ j B • j H $ j • ÀÁ thành¸ • » B £ • Ï H j B • š · ñ jQch %m z cách th h • ¯ B Á … j : • h • không ai bi %¯ • ‡Á • Qn th À Song, t ût c m , H • j :ˆÁ I •u hi (u ngay nh Æg cái ch %b ût ng ˆ 'u là hình ph t mà n Æh ýn Leto giáng xu yng Niobe b %nh Æ‡: • h Í H • ¯ $ j • ¯ › ó h • ˜ B ò ¯ • ¯ › ó c Àa th ýn Apollo.

B Á ñ Äng t H • v S • Æbay jv • ' · j : • &l • j … H • u H u ‰ ñ j : Bây gi ˆ %j • _‡Án Æh ýn Artemis ra tay, nh Æ‡: • h Í H • ¯ $ j • [B x j : bi %t Ä ú · • i_bay xu yj : • ¯ †Á • H •ng s yng c Àñ • • j :ˆiÁcon gái còn l i c Àñ • u H u %Rlúc này thì Niobe không còn s Âc [B v • ¯ B ñ‡c n ÁÆ. Amphion, ch { j : • j j : S • ¯ c›nÁ} H • ñ †n• quá l †j • j B Á üÖ • Ãsát, ch %bên nh Æ‡: • Âa con. Niobe j : • ¯ B $ h • ñ|, xác[Bch %c Àa ch {ng và con b Q „m õc su yt chín ngày tr ˆ H S%ngày th Â h Áˆi, các vQh ýn m † nguôi gi ün, cho làm l) mai táng.

ƒ j • j j : • u H u • Ï x • ¿ j : • | khóc •[B¯ • j †Á m ôt r {i sau v • %l • ¯ B j B • ž¯R• • s.. j • ÿ H vÁ ñ_• j j :'• Ï Sh núi Sipyle, ‰ ú Ö • u H u† khuôn m õt s Æg s ˆ, ngây d H • % thành ò • j B Á j : • [B x j : • ñu • j • H ƒ j : • j †Á m ô¯ • ñ · • ¯ B Á … j nh Æ‡: • ƒ j : • j †Á m ô¯ • ¯ · x j • ¯ › u • Æng con Bu yi b c t Ä £ Á j • j ¸ H • ñ| xu yng.

Ngu {n g yc chòm sao Orion

Artemis là n Æth ýn trong tr ôj : • Ï • ¯ Á ./. nH •û ¯ • Ï ¿ j : •ù Olympus. Trong m zt l ýj • H • £ ó j S • j j : ˆ•g ¯ ôRj B Š•và quen bi %Orion, con trai c Àa th ýj • H • Á … j : • £ u £ yH sau m R• Ù cung thu ût, n Æth ýn nhanh chóng c h • [J B •† ¯ •› ¯Á H • j ó j : • £ ó b ôn c Àa Orion và v / j : u H • ˆ ngÁ tráng c Àa chàng nên ch ŧng ñ u • _ ú · • £ ñ · S • ¯ R jy B n • %gi $Æ ñ • B • ñ j H ˆ •i.j : Á

Chuy &j • %n tai th ýn Apollo, anh trai c Àa Artemis. V Äa tr i qua m zt cu z • ¯ R j B • ñ v •‡ [tiÊn n Æ' ñ ˜ B j • Ï (b o v & cho s Ãtrong tr ôj : • Ï W j B ng • B c Àa n Æth ýn, th ýn kiên quy % ph n yi l ˆi c ýu hôn c Àa Orion dành cho Artemis.

Apollo thách n Æth ýn b ôn trúng m zt v ût trôi n |i trên bi (n. Không do d Ã, Artemis li ' j • : H Á … j : • · j : • _ ô $ j m • Ï Æ ‡ : • h Í H • tên tuy &¯ • J B R • u B Á j : • u ò H • u m ả h • Æ Th ým b ôn trúng B J j B • _ • ýu c Àa • Orion. Th ýn ë · £ • £ ñ · • v • % Orion thành m zt chòm sao trên b ýu tr ˆi.

Í j : • v • ¯ ›n Ö huy ‰ cho r öng, th ýj • ˜ u _ _ u • • £ ñ H • u j
C p xu yng bi (n lùng gi ‰ Orion. Artemis th ûÖ • ‡Á S • ôn
ch ‰ con B , C ˜ S • j B Á j : • € › H u j • c¯ quá n õj : • • š · ñ ˆi:
H y h ün, Apollo • ‰ chàng thành m zt chòm sao trên b ýu
tr ˆi và bi ‰ con B , C p thành chòm sao Thiên H t. T Ä v • B
chòm sao Thiên H t xu ût hi &n thì chòm sao Orion l i m ˆ d ýn.

B u • ‰ • j ñ Ö S • Artemis là m zt trong nh Æg kì quan ki ‰
trúc c Àa th ‰ gi ‡ c | i (th üt trùng h ‡p là trong s y v • v •
j : x H • j • j : Á ˆi anh Apollo ‰ ñ £ £ ñ c R ˆi Ephesus r ût tôn
sùng n Æh ýj • › ¯ h H £ R • ý ¸ S • j : ˆi Á ta ch S xây ‰ ú Ö • zh
'n th ˆ r ût nh „ S • õ ¯ • ‡ Á th ýn trong m zt thân cây r }ng.
u B Á j : • ¿ j ‡ • ïÃ B Á j : • ñ t Äng ngày c Àa Ephesus, vào
kho j : • j ó h • • » u S ˆ • j : Á ¯ ñ • • Ö ngu Ö H • j : x'H nguy
nga tráng l &này v ‡ s Ã : H ¸ ˜ S tài chính c Àa Croesus, m zt v Q
vua n |i ti ‰ g giàu có thu z • Ï Á … j : y š Lydia lân c ün.

Nh Æg nhà khai thác thu z • Q Ai C ü ˜ • ýu tiên ‰ 0 ˜ B £ · £ • •
xây d Ãj : • j : x H'n Artem H £ • b ü La Mã còn g ,i là Diana).
+ 'n th ˆ n Æh ýn Artemis không nh Æg là m zt trong s ynh Æg
j : x H • j • { s z nh ût, mà còn là m zt trong nh Æg công trình
Á ‡ c xây d Ãng hoàn toàn b öj : • ò • m th B • _ ú ˆ • nh ût.

» · Ö • j B H $ j S • Ï u • j ó h • • » u • b B J j B • • + H j ‰ h • _
B u • i), công trình ki ‰ • ¯ › ¸ • j : · Ö • j : ñ • j Q zt k / • H $ j •
cu {ng phóng h „a thiêu h Ày. Trong vòng vài th üp niên sau,
j : Á ˆi ta d Ãng l H • j : x'H m ‡, theo hình dáng c Àñ • j : x H'n •
ñ j • ý · R • u : x'H m ‡ trùng tu v ýn còn t {n t H • ‡ Á h ˆi k Ü
La Mã, khi ûÖ • j : ˆ Á H • i ñ • s • • j: B H $ j • ¯ • { Á B • c ¯ Á
vi &c xây d Ãj : • j : x H' j R • õ bi & là v Q trí c Àa s | ‰ gi Æ t o ra
m zt khoang h ‰ giúp nh Æ : • j : Á ˆi vi ‰ : • 'n có th (nhìn th ûy
v Q Æh ýj • › ¯ h H £ • ¯ › $ î • j … H • ¯ B

u : Ấî truy ' j • ¯ H j • .z. j• • Ẩ ng Ã v ' phía x j : • Ä ¯ B ò j BQ• c Àa th ýj • ë · £ • ¯ › $hj • € _ Ö h ˜ H ñ • š · ñ •{ïÏd¿, ç :theo sông Alpheus.

Alpheus là con sông dài nh ût %Peloponnese, Hy L p. Con sông dài 110 km, ch y qua các khu v Ãc c Àa Arcadia và Elis. Ngu {n c Àa nó n öm g ýn làng Dorizas, n öm gi ÆE Tripoli và Megalopoli %vùng cao nguyên Arcadia.

® ñ · • _ Á j : • ñ j B S • ò Äkh ộịp các ¯thành bang c Àa Hy L ˜ • •| ra kh „i sân v üj • zng sau khi xem k ‰thúc b ût ng ˆ c Àa cu z • · ñ • ng Ãa t i Th ¾v ün h zH R • j B • ¯ ñ • H • ¯ B u •

B u •‰ ngã ba, cách vài dặm t Äthành ph y. M zt nhánh d ÿn v ' ˜ B J ñ • j ñ ‰ • Ï ¿ j : •ût c Àa j : Á ˆ H • ® ˜ ñ › ¯ ñ S • jzB hÁ ành trình c Àa anh l i n öm trên nh Æg ng ,n núi cao c Àa Arcadia ‰phía b ô R •|i ng Ãa m ╫ và tranh th Àch ‡p m ôt b ût c Âkhi nào có th (, chàng trai tr / ÁŠ d ,c theo nh Æ : • ¯ B · j : • _ Í jy • Ï • $ j •╫ Á nh Æ : • $B • j ¸ H • ñ u R • u B • Ï · ñ • ‡ñ j : • ¯ B x j : •p, anh không th (ch üm tr).

u : ñ Ö • £ ñ · • v S • ñyjB • ¯ B • Õ • _ Í j : • › : u ¯ Á . . y HS • • š · $ • B Âa.huy ·'n tho i Hercules, £ ñ · • v • ' H phía b ô • $ j • ╫Áthành c | s Ö j ñ S • j … H • : ñ h h jQ j› Á không› d ÿn quân Hy L p chinh ph ¾ thành Troy.

Trong th ýn tho i Hy L p, Agamemnon là con trai c Àa vua Atreus c Àa Mycenae và n ÆB u j : • › u ˜ U ˜ janh em c Àa Menelaus và ch {ng c Àa Clytemnestra; th ýn tho i cho r öng ông là vua c Àa Mycenae ho ặc Argos.

Thung lũng Argos

Thành cổ Mycenae

+ H •%ó¯ qua thành ph y c ng Corinth, anh ta ch y nhanh, r { H • gó qua m z¯ • uû h - ˜ • (%þ • Ï ¿ j : •û c Àa các Megarians.

g $ j B • u • u › H j ¯zB̄ • [$ j B • yu •ûh Corinth v ǂ v ûh Saronic trong bi (n Aegea. Nó c ô¯ • š · ñ • ûuh • -p Corinth và ¯ ò B • òj •Peloponnesian ra kh „i Hy L ˜ • i l ¾ R • uˆi Áa • u • u j • [$ j B •uš•ûñ•à không c ýn s Åd ¾g nh Æg con ûp ch ôj • j Ác bi (n.

u j • Áng d ÿj • ‰ Athens g ýj • v • Õ u ñ Ö • Ï
˜ B J ñ • x j : S • j B Á j :ˆngu c jÀa Ánh v ÿn luôn
B Áng v ' phía b ôc qua thành bang Thebes, r {i
d , • ¯ B u • u j •-p. ‰ »B › h u ˜ Ö _ ñ S • j …
m zt th ¾k Þ ¯ › ‡Á • v • ¯ñ › ó h • j ˆ: HÁ • ® ˜ ñ › ¯ ñ •
ch yng l i toàn b z š · ú j • ñ • » Á R •

Tr ün Thermopylae là m zt tr üj • ò j B •i jti ‰g trong l Qch s Å,
m zt cu zc ch m trán gi Æ các thành bang Hy L ˜ S • ‡Ás Ã d ÿn
d ôi c Àa Leonidas l x Â ® ˜ ñ › ¯ ñ • ¼ch ‰ ñ • » Á •‡ sÁ Ã ch $huy
c Àñ • ß › Õ £H •¾kéo dài trong kho ng ba ngày. Tr üj • ò j B •
di)n ra cùng m zt th ˆ H •(mHv ‡ tr ün h i chi ‰ Artemisium vào
tháng 8 ho õ • ¯ B ò j : • • j ó h • • »i uhSm ¯núi
» B › h u ˜ Ö _ ñ|ng b Åñ s c Rz • • Õ ú h ‡c_HÁy L p l ýn th Âhai
c Àñ • ñ • » Á •z_¯ ••Bh j Bzj•: • ò ˜ • ¯Ï ›i cu z • Õ ú h ‡c_l_yÁ ýu
¯ H $ j • ûtb ¯ iBsau khi b Qš · ú j •zH • ¯ B j £ • ò j B • ¯ ñ j • ¯ ò
tr üj • s ñ › ñ ¯ B u j ˆH •h•Á ó h • ¯Ï › ‡Á R •(+chu |n b Q¯ ò H • Õ ú‡ch • _ Á
Hy L ˜ S • ß › Õ £üp h ‡˜¯• Ác m z¯ •zi quân và l Ã • _‡Ág
kh |ng l {. V Q¯ Áj : • j : Á H • ¯ B j £ • » B h H £ ¯ u ˆ H • £ '• _ • j :
xu û¯ • ò j B •õn B z binh và tàu chi ‰ c Àñ • ñ • » Ái • ¯
Thermopylae và Artemisium.

Kho ng 7000 quân Hy L p ti ‰ quân lên phía b ô • (ch õn
ò j B •i ¯h / h • j ¸ H • Ï u • h ¿ ñ • B . • j ó h • • » u R • »ÅB u •
h ,c th ˆi c | i, s y _ Áj : • š · ú j • ñ • » Á • _ • B&..Sj• j B Á j H•
th yng kê ngày nay nh „ B … j • |uB(kó nhi 'u k ‰ qu trong
ph m vi 70.000 - R • ‡Á • Á ñ • Äñhi ¯u h ,c gi khác
j B ñ · c R • ¥ ·zHj• ñ • »¼Á• • ú Ö • Ï u •ng[Bcu yi tháng 8 ho õc
ýu tháng 9. Có t ‡ ba tr üj • ò j B•n_di)n ra trong b y ngày,

gi Æ quân Hy L ˜ • Ï • ñ • » Á c khi t Á o nên m z t cu z c t Å chi ‰ tiêu bi (u nh û t trong l Q h s Å. Trong vòng hai ngày, m z ¯ • o quân nh „ • Á i s Ã ch huy c À a vua Leonidas I c À ñ • ® ˜ ñ › ¯ ñ • ch õ j • u j • ˆ ng duy nh û ¯ • h • š · ú j • ñ • » Á (• Á ¯ • • š B ñ (• ti ‰ xu y ng phía Nam. Sau ngày th Â hai, m z ¯ • j : ˆ Á tên là Ephia _ ¯ £ • n ˜ b z l i quân Hy L p b ö ng cách ch S n z t l y i khác ti ‰ ra phía sau quân Hy L p. Sau khi bi ‰ mình b Q ò j B • ¸ ˜ S • i u j H ñ £ • H • c ¯ quân Hy L p và ch S gi Æ l i 300 quân Sparta, 700 quân Thespiae và 400 quân Thebes ho õ c có l 5 _ • Ï H • ¯ › ó ˆ h • Æ Á ên c j B • (ch y ng l i cu z c t û n công, ph ý n l † j • 'u b Q gi ‰ và ch S ó m z t s ýít ch Ö • ¯ B u ộ c. • Á

Sau s Ã ki & n này, h i quân Hy L ˜ • Á i s Å ch S huy c À a » B h H £ ¯ u _ £ • õ ñ h j : • H • B š · ú j • ñ ‰ » » Á ¯ • h H £ H · h • nh üj • Á c tin quân Hy L ˜ • • ¯ û B h À t i Thermopylae. Bi ‰ r ö ng phòng tuy ‰ Thermopylae - › ¯ h H £ H · h Š S • j Ï i Á Hy L ˜ • • š º Ö • Q h rút lui v ' ® ñ _ ñ h H £ R z ¥ • ú ñ • » Á • ¯ › j • Ï u u ¯ H ñ • † ˜ • ˜ Á B ò • ¯ B j B • ¯ B j £ S • ¯ · Ö • j B H $ j • Á ' · • • ‡ Á di d ˆ H • H • j … H • [B ö H y • LP ˜ • • B n b Q cho m z t chi ‰ th ö ng quy ‰ ¯ • Q B • ¯ † c Á n h • z H • ñ • » Á Ș • Ï • • ¯ Ã B hi & j • Á ‡ • (H này trong tr ü n Salamis di)n ra cùng tháng. Sau th û t b i, do s ‡ b Q n õ c k -t t i châu Âu, b Q • ‚a b ‰ thi ‰ • _ Á … j Ã c • và B & h t ü ¯ S • ß › Õ ‡ n • ph ý n l † j • i quân quay tr ‰ l i châu Á, ch S (Mardonius cùng kho ng 300.000 quân (theo Herodotus) ho õ c 70,000 j120,000 (th y ng kê ngày nay) ‰ H (chi ‰ n y ¯ • ò • Ï ¿ j : còn l i c À a Hy L p. Tuy nhiên, m z ¯ • j ó h • £ ñ · • v S z Š • ú ñ • » Á Q • ò j B • i trong tr ü n Platea (479 TCN), và b ô bu z c ph i h À y b „ cu z • Õ ú h ‡ c_n Á y.

C Ïój• ,B c| i và hi &j• H•'·• ¯Bnǵ dùng tr ün Thermopylae làm ví d ¾cho s Âc m nh c Àa m z¯•zi quân yêu j Á‡c, chi ½ j• ûu vì dân t zc vì qu yc gia. Vi &c th Ãc hi &n cu zc phòng th Àt H•» B › h u ˜ Ö _ ñ • zí yí: d ¾v•bcách s Åd ¾ng nhân l Ãc hi &u qu , cách v ün d ¾j:• aQ hình hi (m tr ½làm chi ½ ¯›ˆÁj:•Ï • •½th:ành m zt bi (·•¯‡Ág c Àñ•_ƒ j:• Í j m• ch yng l i ngh Qh c nh.

+H•½Bd õh• j Ö•½ d õm khác trên nh Æg {ng c „ tr i dài c Àñ•» B ££ ñ _ Ö S•Šnghj B• • ½ khi kh yi núi Olympus cao chót vót xu ût hi &j•¯›‡Ám õ¯R• j B• H•ˆš•ñB•‡ Á• x Àa:• $B•j¸H•š·ñ•Ùñ_ •u9•»-phvà sa Õu H j B v• H,• theo b ˆ bi (j• : ñj• B ú½•[B H• H Ï u•Ï¿j:{ng b öng màu m Šc Àa Macedonia.

Vale of Tempe

u : Áî k Ûh • ˜ B H ‡ j• Á H • š · ñ • 'ò th • ˆ ‰
' H u j S • Ï‰ • vù j : • ût thûp r z ng l †n c Àa
s ñ u j H ñ ‡c bÁao quanh b ‰nh Æg ng ,n
núi ‰ Áˆng chân tr ˆ H • Õ ñ R • ˆ µ:j• ‰Á ngôi
m z hoàng gia t i Vergina n öm v ' phía tây,
j B Á j : • ñ j B •' ˜H B • Ï ñ • x j : • š Àñ x • ¯ B _ _ ñ
Ï • Ï Á‡¯ • š · ñ • £ x j : • Õ Š ñ u£'S • d õÁ d ,c
theo b ˆ bi (j • ‰ b ò j • o Chalcidice. Cu y
¿ j : • ñ j B ‰ j • Á‡c tr i quân Macedonia bên
Á† nh Æg b Â • ¯ˆ Ág Potidaea j thu z • Q • Í •
c Àñ • j : Á Corinthian. Trong nh Æ : • j ó h • ýn

úÖS•ĵHÁ• ¯B j•%ọ qu¯H thành ph y j B Á •
m ẑ ph ýn c Àa cu z • ûu tranh lâu dài nh ờm
ki (m soát ngu {n tài nguyên g } và khoáng s n
phong phú c Àñ • s ñ u j H ñ S • j B Á j : •y¯ B
không còn n ờm trong tay h , R • u : ñ Ö‡c ¯k›i Á
ñ j B • %n, Philip II, vua c Àñ • s ñ u j H ñ S •
chi %n • Á‡c thành ph y.

u : Áîi chuy (n tin m &m „ H • ‡Áxu yng và vào
l 'u c Àa Philip. V Qï · ñ •ôc th ông ch Sn ‡ ngoài
B ñ H • h Á|.H H j•B¯Á j : • ñ j : • ¯ˆ›ng $ þi•%Ám ẑ
ï Á … j : •yš y %o ‡t và b Q • ,a %ùa phía b ộc
c Àa n ' j • ï ó j • h H j B • ¯ B j B‡c jhBng•jmÁ nh
nh ût th %gi ‡ Hy L p. Philip, v ‡ tâm tr ng vui
v / sau cu zc chinh ph ¾ • £ u ¯ H ñ ñ • ïyng • ·

khá nhi ' · • › Á u, theo phong t ¾ c Àñ • j : Á
s ñ u j H ñ S • • B u • ˆi v chuy j : n Á tin
j B Á j : & j_B • B u • ñ j B ‡ • v ì ñ m • z ¯ • j : ˆ Á khác
• % j • ¯ › † Á R • u ˆ : H Á • j • x j : • ¯ B x j : • † ò u
nhà vua r ö ng v Q ¯ Á ng yêu thích c À a ông,
£ ñ › h j H u j S • • ò c j B c • b z t z c Illyrian
hoang dã trong m z t tr ü n chi % n l † n, b o v &
biên gi † phía tây c Àñ • Ï Á … j : y • š · ñ j : • ‰
r z ng nhanh chóng c Àñ • £ B H _ H ˜ R • ® ñ · •
chuy (n tin t Ä Olympia ti % j • % n và chào Philip,
thông báo con ng Ã a mà nhà vua tài tr ‡ •
giành gi i nh û t % th % v ü n h z i - Olympic. Sau
v S • j B • Ï · ü ñ • t j B Ö • j : ˆ Á chuy (n tin th Â ba
• Ï u' • · _R • u ˆ : H Á • j Ö • ý ụ • và • thông báo v ‡
ông, Olympias, v Ä a sinh m z t bé trai mà anh ta
s 5 đ t tên là Alexander.

Cu z • Ï · H • B … H • £ i ñ r Ö • • £ Á R ñ j c B À ¯ a nhà
Ï · ñ • $ h • ∀ j • • B_ • ' · • H B Á Ä n g • ¯ có ngay c
theo tiêu chu þ n c Àñ • j : Á H • s ñ u j H ñ R • u
j : ñ Ö • £ ñ · • v • £ B H _ H ˜ • z s ñ ô j • ł c B h j B •
(tôn vinh tin t y t mà ông coi tr , j : • B … û j c ¯
nh Æ j : • j : Á ì khác - ông ra l & j B • ¸ • z n ¯ • { ng

b • õc bi &¯ •(ó j • hÄng cho chi % th ông c Àa con ng Ãa.

Alexander, con trai c Àñ • £ B H _ ‡c ˜sinh rÁ Ï u • j ó h •)n ra Th %v ün h zi th Â106, trong th ˆi k Ü_ j B •o c Àa Elpines t i Athens, vào j ó h • ¯Â B ñ • ‡Á th ˆi cai tr Q Àa Artaxerxes III, + H • Ï Á …Àñ • ñ • »kÁho õc theo cách tính ng Ö • j ñ Ö • _ • Ï u • ¯ B ò j : • • j ó h •}i • bang c Àa Hy L ˜ • 'u có l Qh riêng d Ãa trên các l) h zH •q̃ • ˜ B Á …” j : R B j £ S • j ó ‡ch h$ ôt ý· • [B H • ¯ › óc jl: ýj h ýu tiên sau h chí và l) hi % t %n z¯ • ¯ › ó h • ü uchoÏ các v Qh ýn. Hàng ¯ › ó hõm v ' phía b ôc %Macedonia, các tháng h ñ j : • ¯ $ j • [B ò • j B ñ · S • {òng b Ïng j:ven bi (n v ÿn còn trong cái nóng mùa hè. Vào mùa x j : S • [B Hˆi• Athén t üj • B %ng khí h ü· • +Q Trung H H • x j • B ƒ ñˆiS Macedonia l i rùng mình vì gió b ôc.

¥ · $ • B Á …Àj: Alexander b Qhia c ôt kh „i Hy L p b %b Â • ¯ˆÁ: • j ¸ H • € _ Ö h ˜ · £ • ÏSh núi • xung quanh. Th üt v ÿy, h ýu h %¯ • j :ˆÁHy L p 'u khá hài lòng v ‡ s Ãchia c ôt vì h , u H • jˆi Á

s ñ u j H ñ • j B Á ‡ : • j B : Ái man r ‡ Nh Æ£g ng , j • j ¸ H • Ï {ng b öng %phía b ôc Macedonia Í j : • Õ ñ • v ‡ H • j :ï Á Hy L p %phía nam v †i th o nguyên Scythia hay nh Æ£g khu r Äng t yi c Àñ • j : Á Celt.

Nhìn t Ä ¯ › $ j • ñ u S • Ü ¿ j : • Macedonia là m zt cái bát l †n n öm nghiêng ra bi (n Aegean. ” phía nam, tây và b ôc là nh Æ£g ng ,n núi cao B v ¯ • Ï v ¯ ‡ S • ng ¯ B Á { n c Àa các con sông ch y š · ñ • ò {ng b öng giàu j : Í • y • Ï • {ng c „ + Sn Olympus, cao g ýn m zt v n feet (kho ng 3km), chi %n • Á · • ¯ B trong t ým nhìn v ' mi 'n nam. ” phía tây và b ôc là nh Æ£g ng ,n núi cao, tr H • H • j B Á • h Ã a j t:Ä j $B • € _ Ö h ˜ %£ • t üj • $ j • [H ñ • £ x j : • Õ H u £ R • £ B J õ • x l †n Chalcidice v Á … j • › (m • H

Macedonia c| H • ‡cÁ bao quanh b ‰ nhi 'u ng ,n núi hi (m tr ‰ Các chi% binh l Äng danh c Àa Thessaly ‰˜ B J ñ • j ñ h • ô¯ • Â¯ • Ï Á … j :
qu yc c Àa Philip kh „i Hy L p, trong khi ‰ phía tây, các b zl c hùng m nh c Àa Illyria là m yH • •
d , ñ • ¯ Bng Á xuyên. T Ä phía b ô S • j :îÁ
£ ñ u j H ñ j £ • Ï ˆ H j • Á › H ñ j H ñ|j £ h • Âc các¯
cu zc t ûn công tàn kh yc t Ä các vùng cao nguyên mà h , chia s / v †H • £Å núi¸ g ûu và zng v üi hoang dã. ” ˜ B J ñ • x j,c • theo con Áˆ j : • % Byzantium bên kia sông Strymon
_ • Ï ¿ j :û man r ‡c Àa Thra S • j … H • %ô •

H j B • Õ ó|lch• %¯› ò •{ trang s Âc b ömg vàng tinh x u • Ï • u ǂ˜•• Áv • _ • ˜ B Á& .sjymg¯ H danh giá duy nh ût.

B j • ¯ B ú j • s ñ u j H Q chia thành hai khu v Ã c r û khác nhau. Các ng ,n núi % phía nam, phía tây và phía b ô c là ngôi nhà truy 'n th yng c À a nh Æ : • j : Á̂ H • B ó j • : H ñ, c £ u z S s y ng xoay quanh nh Æ g con c Ä u và dê mà h , nuôi (l ûy th Q s Æ và len. Trong su yt mùa hè, nh Æ : • j : Á̂i Macedonia %ï ¿ j : • ñ u • B ó j • ¯ ¯ B u • j • ¯ › $ j{ngòc „• ñ u • j : · Ö $ j S • j B Á trong nh Æ : • ¯ B ò j : • h ¿ ñ • xh : giá, h , bu z c ph H • Á ñ • : H ñ • y £ :¸ • • ò Õ • Ï ¿ j :û• th ûp ven bi (j R • + ú Ö • _ Ã c [B nh s ïy ng c À a nh Æ : • j : Á̂i nông dân Macedonia, h , tr {ng tr , ¯ • Ï • B ó h • £ ˆ j • • j Ë Á u R • ˆ ü d Á n vùng ñ u • , c Bách hòa nh ûp v ŧ nh Æ : • j : Á̂i anh em % mi 'n xuôi, chia cho h , m z ph ý n gia súc Ï • ¿ j : • ˜ B ú(j • h ¾ v ¾ cho vi & tr {ng tr ,t.

Nh Æ : • j : Á̂i Macedonia trên núi k t Ä các vùng cao c À a Pelagonia, Lyncestis, Orestis, Elimiotis, và Pieria xung quanh Núi Olympus k nh Æ : • j : Á̂i trong vô s y th %h & • B H û ch yng l i nh Æ g con sói, g ûu và nh Æ g k / £ ó j • {h H • ,• ñ • j • : H ñ • À a ¸h ,. C cu z c

ˆi là m ȥt cu ȥc chi %þ • _ H $ j • h ℍ(I $i j Æ cho nh Æg con v ü c Àa h , s ỵng sót trong m ȥt vùng ût kh ôc nghi &c và hi (m tr %R • ỵ+v †i nh Æg j : Áˆi dân vùng cao, b ȥt ȥc là t ût c và m ,i th Â 'u ph ¾thu ȥc vào s Ã Í j : • h S • h Á · • ¯ › J • Ï ngo i giao c Àñ • ò • ¯ ¿%g. ¯N Á% nh Æg k / z¯ • [J B • U _ _ Ö ›ôH ñ j Æg ò c j B • ng Ãa t ỵt nh ût c Àa b ȥl • Ï u • ñ j • $ h S %g ¿ ngày › Á l üp t Âc d ÿj • j : Áˆi c Àa mình ph j • x j : •(b ôt gi Æh Æg con v üt và gi %ch %nh Æg tên tr ȥm m ȥt cá B • [B x j : • ¯ B Á%. N j % • ñ H Æ j : • j : Áˆi nông dân mi ' j • Õ · x H •,a rút l i nh Æj : • õc quy ' j • _ ú ·ˆi v ' {ng c „ Ï u • h ¿ ñ • x j : S • ¯ j : Áˆ H • ¯ ¿%g vùng cao s 5m ˆi h , % m ȥt b Æ ti &c l ȥng l ÿy, tâng b ỵc h , không ng Äng b öng nh Æg câu chuy &n v ' lòng hào hi &p, và h ỵi l ȥm z¯ • ò B • 5 › ch... o • ñ › Æ j : • j : Áˆi lãnh o b öng nh Æg l ˆi h Âa v ' nh Æg con c Äu béo và áo choàng len ûm áp. Các lãnh chúa cao nguyên là vua c Àa th %gi †i Macedonia. Nh Æg j : Áˆi Hy L p %xa v ' phía nam có th (nói v ' dân ch Àvà tranh lu ün v ' lu üt pháp tro ng h ȥi {ng c Àa h , S • j B Á% vùng núi phía b ôc l nh

: H ò S •ˆj:H Á s ñ u j H ñ•yng và £ch ‰ trong nhi ' · • j ó h • ¯ Bˆi ¤ À a_các th À _ W j B R

ò • Ï ¿ j : {•ng b ö•ng c À a Macedonia có nhi 'u lúa m B • Ï • _ ¸ ñ • h R S • j B Á j : • ò • Ï nguyên là ngu { j • ¯ H • j : · Ö $ j • hˆi H•y j L Á p thèm mu yn nh ût. Các thành ph y j B Á • ¯ B j £ t Ä _ ú · • Å•d£¾ng h ‰ ¯ • ±ng Á g } c À a chính h , khi dân s y ¯ ó j : • _ $ j S • j B Á j :,•n m•úi c j À a Macedonia v ÿj • Á‡c bao ph Àb ‰ nh Æ£g khu r Äng thông và s {i cao chót vót c ýn thi ‰ cho các tàu chi ‰ j • Ï • ¯ B Á … j:H •Rh• $ ǂj • nh Á Æ£g khu r Äj : • j Ö Sõ•c bi & là ‰ Ï ¿ j : • j ¸ H • ˜ B J ñ • x Macedonia, là s ût, b c và vàng.

M õc dù nh Æǂ : • j : Áˆi du m ¾ Macedonia ‰ mi 'n núi khác v ǂi nh Æǂ : • j : Áˆi nông dân mi 'n xuôi v ' nhi 'u m õ ¯ S • j B Á, j:ch•iaBs / m ƶ ngôn ng Æ B · j : S • Õ ộ•h •h , là m ƶ dân t ƶc duy nh ût k và tách h , kh „i nh Æǂ : • j : Áˆi Hy L p ‰ ˜ B J ñ • j ñ h R • ‰ n a•y, ti ‰ j : • s ñ u j H ñ •Q • lo i b „ kh „i ti ‰•ng Hy L p c À a Athens ho õc ® ˜ ñ › ¯ ñ • Ï • j v • Í j :(•là v•m ƶ B•ngôn ng Æ hoàn toàn khác. Nhi ' · • j ó h • £ ñ · • [B H •ˆi, B u

[B H • _ Õ ñ j › ‰ Trung Á, m z ¯ • $ h , j
anh n |i gi ün trong m zt b Æ ti & • › ‡Á • ‰ m Âc
anh chuy (n t Ä ti ‰g Hy L ˜ • ¯ B x j : • ˆ ñg B Á
sang quát m ông lính canh c Àa mình b öng
ti ‰ : • s ñ u j H ñ R • ® ñ · • v SÀ ñ • H ñ j B • • _ J j
ch ‰nh o m z ¯ • £ W • š · ñ j • Qêt x: Å Ï R • • j v H
chuy &n v † h , b öng ti ‰g Hy L p thay vì ti ‰g
Macedoni. Ti ‰ : • s ñ u j H ñ ‡c bi Á ‰ • ‰ v †
nh Æg t Äk Ü qu õc và cách phát âm k Ül - h ,
không bao gi ˆ có th (hi (· • ¸ j : • ú h • P ö • i
ngay c khi h , c yg ông. M õc dù các v Qua c Àa
h , mang tên Hy L p c | H S • ˆ j : Macedonia
g ,i vua là Philip Bilip thay vì Phil ip trong ti ‰g
Hy L ˜ R • ' ± Hày ch S khi ‰ h , tr ‰ ¯ B j B y •
¯ Áng b Q hinh b S B … j Æ ñ • y v † nh Æ : • j : Ái
ch S trích kiêu ng o trong h z H • { ng Athen.
Ngôn ng ÆS • Í j : • j B Á • BQ J • B ó j ¯ • › B v ñ S •
nhi 'u th Â khác, c Àng c y š · ñ j • (m c Àñ • j : Á
Hy L p r öj : • j : Ái Macedonia là m zt dân t zc
riêng bi &, nh Æg k / man r ‡t Ä $ j • j : u H S •
Olympus, b û k (các v Qua c Àa h , có c yg ông
Á • ÅÕ j B Á • j : ˆ Á Hy L ˜ • H • B ó Æ ñ • R j • Ù y •
v † h ý u h ‰ • j : ˆ Á H • s ñ u j H ñ S y • v y n |n.

H , u H • jˆi Áy L p là nh Æng k / h ‡m mình y ‰ ‡t, hèn h , coi tr ,ng b n thân, nh Æng j : Áˆi t Ä _ ú · • • ˜ B · j : • ˜ B J • _ ƒ jm•mÁj : • h , v • ‡Á • [B H • ò j B • _ · H • š ‡új • ñÕ•ú›hÁ•• B … j •zhth ‰k Þ¯ ›‡Á. Gi ‡ quý t z Macedonia có th (nghiên c Âu tri ‰ h ,c Hy L ˜ • Ï • ,c thu z • _ ƒ j : • ¯ Àñ…• Þ u h › S • j B Á jˆi: lnjh Á Macedonia b R j B • ˜ng tÁÃhào không ph i là j : Áˆi Hy L p.

Alexander sinh ra trong m z¯ • : H ñ • R j B • ngu {n g yc hoàng gia t Ä j : Áˆ H • ñ j B • B ¿ j i: • Ï W Hercules k ít nh û¯ • v • _ • ú ·&· mà ·gÜa R j B (• q[ho nh Æng v Q[B ò B ‰j • ¯ B ó h 'u¯ › H R j BÀa mình.

Heracles (ti ‰ng Hy L p: " O = H I-D K Q erakles). Trong th ýn tho i La Mã, v Q ñ j B • B ¿ j : • j Ë g ,iÁà Hercules, tên chàng Á‡ • ð cho chòm sao Hercules. Nh Æng chi ‰ công c Àa Heracles vang d z kh ûp b yj • ˜ B Á … j : S • h ñ j : • × • j : ß c,W ñ • £ ¯ Áj : • ¯ › Á j : • Âcum• £nh chinh ph ¾ thiên nhiên c Àa con j : Áˆi th ˆ H • Õ Á ñ R

Th ˆi niên thi ‰u

Vào th ˆ H • (mHúc b ûy gi ˆ, th ýj • ë · £ • ñ j : • ŷu·vi l ˆi phán truy 'n c Àa n Æh ýn S y M & j B T Sh Olympus s 5b QÕ ú h • _ ó j : • b ‰nh Æng Gigantos - + i Kh |ng L { và khi ûy ch Só m z v Qnh

hùng ki &xu û¯ • j :ˆÁtr ýn gian m ╫ giúp Á‡c. Zeus li 'n xu yng tr ýn, gi d ng ch {ng c Àñ • _ h j (•ân ái v ╫ cô ûy, dài g ûp ba l ýj • $ h • R j Bˆng,BÁ‰H • ë · £ • &h cho_th ýn M ôt Trˆ H • [B x j : •‡c Án , • j B Á • R j Bˆng.¯ BÁy hôm sau, Amphitryon, ch {ng th üt c Àa Alcmene tr ‰v ' t Ächi %j • ¯ ›ng, th ûy th ò Hzc Àa v ‡ [B ò • ¯ˆ B:ÁS • ú h • › ñ • j :ˆBòHg•chung th Ày c Àa v ‡ Cu yi cùng, Amphitrion quy %¯ • QB • %j • 'n th ˆ xin l ˆi ch S ÿj R • ‡cÁ ˆi phán truy 'n làm yên lòng, Amphitrion d -p b „ m yi lo v ' Alcmene. M zt th ˆi gian sau, Alcmene có h ñ j : • Ï • £ H j B • Âxch Trai c Àa Amphitryon là Iphicles và Âa con trai c Àa Zeus là Heracles, tuy nhiên lúc này c üu bé có ¯ $ j • _ H £ R • u B Á j : • Ï Æh • ýj¸ P • › ñ • j Í j :%¯ • H ‡Á cu zc tình v ¾g tr zm này, v yn b n tính ghen tuông s øn có, P › ñ • %th À u j • (tr ¯ B ¿ ýu tiên, bà ta ch ,n lúc th ýn ë · £ • ñ j : • Ï · H ơth ýn h Âa r öng s 5trao ngôi báu c Àa x Â Mycenae cho m zt h üu du &thu z • ƒ j : • " H •ˆij anh hùng Perseus (v Äa là t | tiên, v Äa là anh trai c Àa Heracles) vinh quang s ô˜ • › ñ ˆi và nh üj • Á‡c s Ãch ûp thu ün c Àa Zeus, sau v • ta sai n Æh ýn Ilithi chuyên ph ¾trách vi & sinh n ‰u yng tr ýj • : H ñ jby nhanh vi & sinh n ‰c Àa hoàng h üu thu zc x Â s Ö j ñ S • Í j : • ñ j : • h ñ j : • z¯ B üu du &thu zc dòng Perseus, và v Qoàng h ü· • v • • £ H j B • › ñ • 0 · › Ö ˆ£ sa B · £ S này s 5ph ¾trách vi & • Ö ,•ñ • P › ñ _ £ • ¯ › u j : • • j ó h • j Í j : • : v ˜ • ˜ýB gián ti %p t o nên 12 chi ‰ công hi (j • B ò B S • Ï V i c Àa Heracles, m ôc dù h ôn m ╫ n öm trong b ¾g m - có 7 tháng. Vi & này khi ‰ cho th ýn Zeus dù r ût gi ün d Æj B Á j : • Í j : • [B x j : •(¯_B h • : R • [B(ò B u •Âa con c Àa mình tr ‰ thành vua, và bu zc ph i ch ûp nh ün trao ngôi báu cho Eurystheus ym y ‰.

Zeus r û¯ •}i vui m Äng vì có m zt c üu con trai. Vào m z¯ • $ h,• j th ýn xu yng tr ýn b % B ¸ •   • P › ñ   _ £ • _ $ ‡o Olympus H, _ j •ôi vào lòng n Æh ýj • P › ñ (•bú tr zm s Æ. Khi Hera phát hi &j • P › ñ   _ £ |ÿÏ ph ôi c üu ra thì c ü· •   • ¸ ýj • j u R • » Á … j : truy ' j • _ ¸ • P ›ÿñ •c üu ra, s Æ c Àa n Æh ýj • Ï ó j : • [ûB b ýu tr ˆi, t o thành sông Ngân Hà. Nh ˆ   Á‡c u yng s Æ c Àa Hera mà sau này c üu bé m †i tr % nên b ût t Å. Vì v üy, th ýj • ë   · £ ‡ tên m †i cho c ü· •   • _ P• r› ñ   _ £ s S •   v • j : B W ñ • zÀJ H j B • Hera".

Heracles bóp ch %r ôn ngay khi còn trong nôi

N Æh ýj • P › ñ • ¯ B ¿ • : B ¯ • P › ñ   _ £ S • j : ñ Ö • $ h • v • r ôn bò vào nôi c Àñ • B ñÂa tr /   (m | ch % Heracles. Iphicles khóc thét khi % hai v ‡ch {ng Amphitryon ch y t †i. H , nhìn th ûy m zt c j B • ¯‡Ángkì l T • P › ñ   _ £ •ýmñhai •con r ôn trên hai tay và bóp c | chúng cho t †i ch %. Ngay t Äh { H • £ … • £ H j P › ñ   _ £ • zc Ł z s Âc m j B • ˜ B H ˆng.B‾Án lên, c ü· •   Á‡c theo h ,   •   ò   B'•u kHi (n xe ng Ãa, võ thu üt, cung tên... và c âm nh c, ngh &thu üt, khoa h ,c. Heracles vô cùng h Âng thú v †i các môn võ ngh &, còn v ' khoa h ,c và ngh &thu üt, c üu r ût _ Á và h ,c d yt các môn này. Th ýy giáo d y nh c trong m zt l ýn gi ün d Æi Heracles không thu z •   H • j $ j • : H … • ¯ün.Ö • ò Heracles n |i cáu, v †cây   j • _ H ñ • b ˆivo• j:lÁ cái gh %c S • ò j B • Ï u • ýu th ýy. Không may, th ýy d y nh c ngã xu yng ch % do ƒ j •   ò j B • š · ò j•BhR • uˆ:HÁ•   B ñ‡ng ÁAmphitrion lo s ‡ Heracles s 5l i gây ra t zi l }i nên g Å c ü· • % ch } nhân mã Chiron - j : Áˆi t Äng d y d } bi % bao nhân tài c Àñ • ût Hi L p. Ông hi v ,ng c nh thanh bình trên núi cao s 5làm d Q •   H n tính nóng n y c Àñ •   u j • h R j B SÆñB• j.BjÁ•%¯ÍB: • Ë‡p v †i s Ã phóng khoáng và hi % • zng c Àa c üu bé. ” trên núi v †i th ýy

Chiron, Heracles d ýn tr %thành h ,c trò xu ût s ôc nh ût v ' c võ ngh &l ÿj • · j : • ¯ $ j R • u ó h |•H S• ¯P › ñ _ %thành•m ¯ ›z chàng thanh niên kh „e m nh, l Ã • _Šág, cao to, chàng t Ägiã th ýy xu yng núi, b ô¯ •ýu s Ãnghi &˜ • : H ¸ ˜Šdân lành.

Nh Æng chi %j• x j : •ýu tiên và bi k QB • : H ñ • R j B

» › Ác khi l ü˜ • j $ j • • [R • ¯ J B S • P iêu ñ di & ¯ £ •‡Á m• z ¯ u j • £ Å %‡ ¯ ¿ j : • B H ¯ › u j R • Å này v£Á to ¯ l †n v Äa hung d ÆS • j v • • ¯ j • £ ò j ¯: •Á ï xoâa vô t zH R • u v • ô j ¯: •• H • : H ñ súc. Heracles dù lúc này m †i 18 tu | H • j B Á j : • B j : • • ¯ F nguy &j • H & tHÄ ò • ¯ B ¸ R • B j : • m ût ˜5B ngày m †i h n | H • u j • Åb Á öj ¯: • ò B • ¿ j : • B{ gi %nó. Chàng còn h } tr ‡quân thành Thebes chi %n th ôj : • š · ú j • Õ ú ‡ •R_•Á+ v • B J j B là hai chi %n công l †j • ýu tiên c Àa Heracles.

Vua thành Thebes bi %¯ • … j • P › ñ _ £ • j$on gái là công B ¸ ñ • s : ñ › ñ • B u • B j : R •eracles r i h nh phúc và ým ûm, hai v ‡ch { j : • ƒ j • £ H j B • Á •Âa con trai xinh x ôn (có ngu {n k (r öj : • £ H j B‡c nÁ Æ : • • j : ÁH • u j c R • u B Á j : • h , ñ • •| üp xu yj : • ýu h , vì Hera v ÿn mang trong lòng m yi ó h • : B ¯ • u j • › Àa Zeus. N Æh ýn giáng m z¯ • … j • H $ j cu {ng kì l vào Heracles, làm chàng m ût h %lý trí và ra tay sát h i v ‡ u j • h R j B%R khi t nh l i thì m ,i th Â • š · ò • z n, Heracles ch Sòn bi %ôm l ûÖ • Õ ò •ˆij thÁn mà khóc. Chàng %n kh ûn c ýu th ýn Apollo ‰ ' j • ' _˜ B H S • h u‡ ban Ácho l ˆi ch Sl ÿj • (t ly tr Ät z i l }i c Àa b n thân. Th ýn Apollo phán v †i Heracles r öng chàng s 5ph i làm nô l &cho nhà vua Eurystheus x Â s Ö j ñ • ¯ › u j : • • j ó h • Ï • ¯ › u j : • • j ó chàng s 5l ü˜ • Ác 12 k Ü x j : • Ï W. • Vì v üÖ S • P › ñ _ £ • n zp mình làm nô d Qh cho Eurystheus.

® ñ · • [B H • P › ñ _ £ • • B uộc 12 kỳ công, chàng còn
lập nhi ' · • [R • x j : • [B ò • j B Á • ¯ B ñ h • : H ñ • Ï i anh u j •
hùng c Àñ • ¯ · • › : u j ñ · ¯ £ t • l Hb • z lông c Ä · • Ï j : S • ò j B •
h ¯ B j B • » › u Ö R R R • ®hñ À • Á thành Troy, v ‡chàng
- nàng Deianira - t ph • ƒ j : • h ò · • Qhi)m ch û¯ •z c Àa
con long xà ‰Lerna c Àa nhân mã Nessus vì tin r öj : • v • _ • ¿ ñ •
yêu. Heracles sau khi b Qhi)m ch û¯ •z S • Ï x • ¿ j : • †ñ · • •
nh ˆ ¯ › ò j : • £ W • £ B H- mu t tay cung n |i ti ‰g - h „a thiêu
chàng v †i cái giá là bó cung t |m ch û¯ •z c Àa con long xà ‰
Lerna. Sau khi Heracles ch‰ th ýn Zeus - cha chàng - • ‰
chàng thành b ût Å theo th „a thu ün v †i n Æth ýn Hera.

Heracles t Ä v • ýng v †i các v Ïh ýn b û t Å ¯ › $ j Sn Olympus. Chàng còn góp công r ût l †n trong tr ün chi %n c Àa các v Ïh ýn v †H • ò • l H : ñ j(¯tru £...S j• B j : • Í j : • j B Á • iBm vyñthù H h üj • _ ú · • j ó h S • P › ñcon gái mình là n Æth ýn Hebe cho Heracles.

s Á î hai k Ücông c Àa Heracles

Heracles n |i ti %ng nh ût v †H • s îÁhai k Ücông khi ph i làm nô l & B u • Ï · ñ • 0 · › Ö £ (¯dB Q s£Ãtr Äng ph t cho vi &c gi %v ‡ con c Àa mình - m z¯ • B j Bzng là k %qu c Àñ • … j • H $ j • u P › ñ • : ú Ö • j $ îiRhaisk ÁÜcông c Àa Heracles, theo th Ât Ãv ' th ˆi gian, là:

1. Gi %¯ • u j • ®ÅNemea

2. Gi %Quái v üt Hydra %Lerna

3. B ût s yj : • u j • P Á … %Ceryneia c Àa Artemis

4. B ût s yng con l ‡n lòi núi Erymanthus

5. D ,n s ch chu {ng bò c Àa Augeas

6. Di &¯ • j • B H h • Ï • u(ü • Stymphalus

7. B ût s yng con Bò m zj : • o Crete

R • +tuB ýy ng Ãa cái c Àa Diomedes

R • +tuchi %Th ô¯ • _ Á jÀa• Hippolyta, n Æhoàng b z t zc Amazon

10. + u ¯ • j • /À•Geryon

R • +tunh Æng qu Táo vàng c Àa ch Ëm Hesperides

12. B ô¯ • u j • B v ýu Cerberus

Theo nhà s Åh ,c Hy L ˜ • P › u u ¯ · £ˆSH• j : Á•
%n Macedonia m zt th %k Þ ¯ › †ê Alexander và
thu th üp m ,i m þ· • ¯ H{n• mà ông có th (tìm
th ûy v ' Ï Á … j : •yš,‑hoàng gia Macedonia b ôt
ýu khi m z¯ • j :ˆ7Á t Qn n Hy L p tên là
£ › H ñ%6 • ÄArgos %mi 'n nam Hy L p.
Là h üu du & c Àa Temenus thu z • : H ñ • R j
Hercules, Perdiccas b Qtr ¾ xu ût kh „i Argos
cùng v †H • B ñ Hˆi• j.nhÁ trai c Àa mình. Cu yi
¿ j : • ñ • ñ j B • h • •ˆng$vj • phÁía b ô • %n
Macedonia. ” vùng núi phía tây, h , tìm th ûy
j … þl•náu v †l m zt th À _ W j Eð• ˜ B Á … j : • Ï
j : Áˆi v ‡t yt b ¾ng c Àñ • ñ j B • ¯ ñ R • ˆ+H• (mH • ¯
[B v • [B ó ÿ• v †l t ût c m , H • j ˆi,Á vì v üy

Perdiccas tr / tu |i và các anh cÀñ • h R j B • • _
zj : • j B Á • Æng ng Áˆ H • j x j : • ú(ki %n ti 'n.
M ±t ngày n , S • j :ˆiÁv ‡nh ün th ûy nh Æg |
bánh mà cô ûÖ • jÁg m }i ngày cho Perdiccas
to g û˜ • x H Æg B | khác. Khi cô nói v ‡i ch {ng
mình, v Qh À _ W j B ö£: • ú Ö • _z¯ • h'm x ûu
và ra l &h cho ba anh em r ˆ H • H • j ün tÖÂ: _
Ba anh e h • ƒ H j • ¯ H j : S • j B ÁQ¯ : › %g b yi
hét lên r ing t ût c nh Æg gì h , nh üj • Ác là
tia n ông chi % • Ï u • ˜ B ƒ j : R • Pˆñ anh j:aÁ
• ±n sàng chi % • û· S • j B Á j : • B j : •/¯ › ñ
£ › H ñ £ûÖ • _ñ u • Ï • R j B • B¯ W ˆjÁg • Ï
nét c Àa tia n ông trên n ' j • ût và nói h , s 5ch ûp
nh ün l ˆ H • ngh QR • ® ñ · • v S • ñ j B • ¯ ñ • : u h •
m õt tr ˆi vào b zqu ýn áo rách nát c Àa mình và
r ˆ H • ‡H • Ï B ñ Hˆi • j:Ác Àa mình. V Q¯ ¿ • %gÁ
s ‡m nh üj • › ñ • £ › H ñ £Ãe hi &¯ mB±t s y
lo i phép thu ü¯ • ;a s Ãth yng tr Q Àa chính
mình và c Åchi % binh % gi % ba anh em.
u B Á j : • ±con sông g ýj • v • }i d›üy m ±t
cách th ýn k Üc ô¯ • Ât nh Æ: • j : Ái lính và cho
phép Perdiccas và nh Æ: • j : Ái anh tr yn thoát
% nh Æg ng , j • {i Pieria phía b ô • Sh

Olympus. T i m z¯ • j … H‡c•g ,Álà Gardens of
s H ñ £ S • j … H•er tr/tÕ ñ jm z¯ • j : Ö • j u • v
s 5 Á‡c Aristotle d y d }, ba anh em t Ä Argos
• ¯ B jüB̃ • Ï Á … j : yc šm·à theo th ˆi gian lan
r zng t ÄÏ ¿ j : • ñ u • j : · Ö‰ $ j • Ï ¿ j : •û trù phú
d ,c theo b ˆ bi (n.

Gardens of Midas

” Ï ¿ j : • U h ñ ¯ B H ñ‡S•các.v‡h•ýjÁ ¯ › $ jSh Olympus yêu quý và n öh • $ j • †Áng ,n núi Vermio ph À ý tuy ‰ m zt Ï ¿ j : • û ¯ • Õ ñ j B • ¯ Á •… H•†H›Á B ú j • j ¸‡H•S • ÁÁHy L p c | i g , H • _ • r g ìB c•ÀñÁ• s H ñ £ s R • Ù · Àñ•Ï£ jB • Ö : H ñ • Á ñ • ¯ ñ Öh• ÏB u • Ï ¿ j û• ¯ • j Ö • Ï • ñ j‡c˜cBÁnó.

Câu chuy &j • j Ö • •‡cÁk (cho Herodotus
sáu th ‰n &sau Perdiccas b ‰ Vua Alexander I,
t | tiên tr Ãc ti ‰p c Àñ • _ Õ ñ j › H •‰
Alexander I b ô ¯ • ýu cai tr Qkhi các cu zc chi ‰n
c Àa Hy L p ch yng l H • ñ • »)Á • › ñ • Ï ýu•
th ‰k Hth Âj ó h • Ï S • £ ñ‰ th ñHc Àa Athens
và Sparta ch yng l i B ñ • » Áû S•ong mu yn k ‰
n yi hoàng gia c Àa mình v † phe chi ‰ th ông.
Ngu {n g yc Hy L p th ýn thánh c Àa hoàng gia
s ñ u j H ñ • 'u huyHn u S • j B Á jÃlan£
r zng d ýn d ýn c Àa m zt b zt z • ñ u • j : · Ö $Q j •

˜ B Á … jÄnh¯Æng ng , j • {i g ýj • ñh Olympus

%þ • Ï ¿ j : • {ng b öng ven bi (n bên ngoài thành ph y Vergina là khá h ‡p lý. Vi &c ti %p qu j • ò • Ï ¿ jû¯ • B ó j • : ¯Hñ • £ ¸ • h ¿ ñ • x g ýj • v • ‰m zt b zt zc hi %o chi %n t Ävùng cao nguyên s 5cung c ûp m zt h t nhân m nh m 5 B u • Ï Á … jy: • š·ñ u j H ñ • ¯ › u j : • ¯ Á … j

Dù s Ãth üt có là gì trong câu chuy &n, thì Alexander I s 5 [B x j : •(Herodotus ti %p t ¾ chuy %n du hành c Àa mình mà không có thêm m zt vài câu chuy &n n Æñ • (ch Âng minh tình yêu b ût di &c Àñ • x j : • j B • B ûi•Hjy: Á p. Theo l ˆi k (c Àñ • _ Õ ñ j › • U Sˆ•H[B Hñ•j» Á Õ ú h •‡c_Thrace g ýj • vhS, • Ås Âth ýj • %n tri ' · • R j Bà•cha ông, Amyntas, yêu c ýu ông ph i ph ¾ • ¯ ¿ j : •H • Ï Á … j : • ñöng›Áành zj : • ¯ ‡Áj : • ¯ › Á j : • _ • Á ñ • B uz¯x•jJû¯•ñ • Ï • j Ác. Amyntas già vô cùng s ‡ B H • Ï{ng ý, th üm chí còn m ˆi h , d Ãti &c t yH • B x h • v Trong b Æt yi, các s Âth ýj • ñ • » Áô¯ •ýu âu y %n nh Æ[: • j : Âi v ‡và con gái c Àa hoàng gia có m õt t H • ú Ö¯•h ò B • òûj:h•|ÕS • j B Á j : •

v Qua già quá s ‡hãi nên không dám ph j • yi.
Alexander I tr / tu | H • ñ ‰bên c nh v † s Ãt Âc
gi ün, m õc dù anh û y v ÿn t „ › ñ • ' lH• m và ch S
… j • ¯ýB• ' ngh Q B ñ • h R j B • .H Sau khi
j B • Ï · ñ • H ; Alexander I tuyên b y v †
j : Á ˆ H • ñ • »ông •h›, Á‡c hoan nghênh khi
‰ b ýu b n v † ph ¾n Æs ñ u j H ñ R • u B Á
v † m zt cái nháy m ô¯ S • ñ j B • ¯ngh•Q nh Æg
j : Á ˆi ph ¾n Æ Á‡c phép rút lui trong vài phút
(t ôm r Åa s ch s 5 ¯ › †Á khi b ô¯ •ýu. Nh Æg
j : Á ˆ H • ñ • » Á •Âvùi v /B { j : • × S • j B Á j : • [
nh Æ: • j : Á ˆi ph ¾n Æ H • › ñ S • _ Õ ñ j › • U •
th ‰b öng nh Æg chi ‰ binh c Àa mình, che m õt
và m õc qu ýn áo ph ¾n Æng {i bên c nh nh Æg
j : Á ˆi khách. Theo tín hi &u c Àa anh ta, ngay khi
j : Á ˆ H • ñ • »ôÂ¯•ýu c ‰b „ qu ýn áo c Àa h ,,
các chi ‰ binh c H • ¯ › ñ j : • › ¸ ¯ • ñ u • : ôt h • ›
c | j : Á ˆ H • ñ • » Á R • + j • x j : • s ñ (u j H
không coi tr ,ng ph ¾n Æc Àa h , S • j B Á j5th •û
ñ · • †n cho b ût k Üj : Á ˆ H • jtÁngoài nào dám
ch m vào h ,.

B Á ñ ½B n ½ câu chuy &n này là s Ãth ü¯ S 'u H
ò j : • B ¸ • × • S̲Ï̲ • H • B j ó h • £ ñ · S • _ Õ ñ j
j Ö • _ • Ï · ñ S • em • gái c Àa mình cho m z t
quan ch Âc c û˜ • ñ u • ñ • » Á • ‡Ï • • u Á H • {n̲g̲ •
minh trung thành c Àñ • +H • Ï Á … j : • ñ • » Á R
th üh • B J • ƒ j c• ch Á, j • _ h • i s Â ñ • » Á i • ¯
¯ B j £ (• c ý u xin s Ãph ¾ tùng c Àa thành ph y
và chi ½ j • û· • ¿ j : • š · ú j ï • Macedonia c Àa
mình ch yng l i quân Hy L p trong tr ün chi ½n
cu yi cùng t H • £ _ ñ ¯ ñ ñ • j ó m h • õc dù • ông
tuyên b y • J • ü h cho quân Hy L p bi ½k ½
ho ch t ûn công c Àñ • ñ • » Á • Ï u • $ ch c • Àa¯ › Á
tr ün chi ½n. N ½ • £ ñ · • j Ö • î j H y Á L p s øn
£ j : • š · $ j • Ãj H : • ñ £ j : • j : Á c c Àa Alexander I
và th üh • B J • ¯ x j • Ï H j B • x j ¯ : • • j j B ˆ Ấ b • h n
c Àa Hy L p, thì ch S ó th (là h , c ýn tài nguyên
g } và khoáng s j • B … j • _ m u • B yn tr thù cho
s Ãph n b zi c Àa ông.

Alexander I là m zt nhà ngo i giao b ü c th ýy,
j : Á ˆ H • • B î . . t ü H c • Ï ò • $ j (• m ½ r zng
Ï Á … j : • y š c Àa mình. Ông là m zt th ýn dân
trung thành c Àñ • ½ c h ½ ñ • » Á • [B H • j v ‡p ˜ B ¿

v ĩ ông và m z¯ • j : ˆÁ Hy L ˜ • Ö $ · • ị: Khi vua ñ • » Á • š · ñ Ö • _ Á j : R • ® ñ · • [B H Ở m _ Õ sát - m ẓ s Ãki & j • ¯ B ˆ Áng xuyên x y ra trong l Ọ h s Å hoàng gia Macedonia - con trai ông là Perdiccas II ti % p t ¾ • ò • B J j B • £ ò B] • h qu y c t %c À a cha mình trong Chi % n tranh Peloponnesian gi Æ Athens và Sparta. £ › H ñ £ • •] i B hã Ö û nhi 'u l ý n trong cu ẓc Õ · j : • z¯ • % n } H • j :ˆi Á Macedonia không th (¯ B u • " # • ñ Á H • _ ˆi • j à Á , À ng h z trong b û k Ü j ó h • j u R

Perdiccas b Ọ i % b % H Â a con hoang Archelaus - j : Áˆi gi Æ vòng xoáy c À a s Ã ph n b ẓ, b o l Ã • ï • ¯ ñ h • : H ò • ¯ ẓ ÿ B, d Ö ¯ $ J · j • B • ï ng tính, v y n là m ẓ ph ý n c À a cu ẓc s y ng hàng ngày trong tri ' · • R j B • s ñ - u ệ H ñ ngôi và b ô ¯ • ý u m z¯ • B Á … j : • ¯ › R ọ j B ó a ch Ö uyên sâu. Các v Ọ · ñ • ¯ Þ Á v Ä ¯ ú · • • [% kh Õ ch ï ó j • B v ñ • P Ö trong gi ĩ quý t z S • j B Á j : • › B _ ñ · £ • • u H • j v • _ • Á ý u. M ¯ ỗ $ j • B dù ng Áˆ H • ú j • ˆng B ¯ Á % gi)u và ti % p t ¾ s y ng j B Á •, B • v • ¯ › u j : 'u j B % k Þ tri ' · • R j B •

s ñ u j H ñ •ǂ tÁ ˆi vua m †H • •‰Ŧhành trung tâm cho các ngh &£ W • Ï,c •gB Hy L p. Trong s yr ǘ nhi 'u trí th Â • Áǂc m ˆ H •‰ cung Hǖa v ǂ nh Æg món quà xa hoa có nhà vi ‰ k QB • j :ˆÁH • ¯ B j • 0 · › H ˜ H ˆ H£• S • •ǂ: Á ¯ B ó h • ¯ › u jÆ:• j ǂó h • £ · Ö • ¯Àa mình và vi ‰Bacchae ‰ v-•m ǂ câu chuy &n hoang dã v ' tình d ¾, gi ‰¯ • j :ˆÁH • Ï • H{$lj•c› ch ôn mang l i ngu {n c m h Âng s yng cho gi ǂ quý t ǂc Macedonia.

u ó h • S • ¿ j : • j ó h • ® u Q ñu ¯yj : • › Áu ‰Athens, Archelaus b Qsát h i trong m ǂ chuy ‰j • H • £ óÀñ• • j : Á b j • Ï • j : Á yêu Craterus. Macedonia nhanh chóng chìm vào các cu z • ǘu tranh tri ' · • H •ym máu và các cu ǂc chi ‰ tranh biên gi ǂ. Các tri ' · • i nhanh B v j : • ¯ B ñHÖS• • xnHi•'u B yH ch $rong m ǂ j ó h S • h H • ‰B Amyntas III, ông n ǂ c Àa _ Õ ñ j › H+‰S • Ï Á … j •S $ao và giành l ǘÖ • j : ñ H • Ï j : • Ï u • j ó h • R • » ·'Ö • j B i lâu dài c Àñ • x j : • • h ñ ji:ít• ⊥j • Qh cho Ï Á … j : • yš ·và nhÆ: • ú h • h Á · • ¯ › u j : • ·

H&a bùng phát không th (ki (m soát, bao g {m
c m z ¯ • ú h • h Á û• thành c Àa v ‡ ông,
0 · › Ö H S • Ïi h•ýu ÉÁn tr / tu |i c Àñ • •(
gi %¯ • x j : R • g B H • h Ö j ˆï, ñm£z•¯š · ñ • B • ò j :
ng ˆ S • Ï u • j ó h • S • u jÀa ¯ô›ng ñ Hà•
Alexander II k %v QS • j B Á ji: •b Qj : Áˆi em h ,
Ptolemy sát h i v u • j ó h • £ ñ · ‰R• • _‡Á
Ptolemy b Qgi %b %H • £ › H ñ £ • U U U • B ñ
v R • j • ¯ B ú j • £ › H ñ £ • j : ñ Ö • £%ñ · •
khi chi %j• û u ch yng l i nh Æ‡: • j : Áˆi Illyrian
ñ j : • {B H • £ H (lB Sl •Âa con trai cu yi cùng còn
s yng sót c Àñ • h Ö j ¯ ñ(£giành l ûy ngai vàng.
Chàng trai tr / B Á ñ •‡c Án Å¯ B ò B • H˜•yB
m ðt v †i m z tình hu yng g ýj • j B Á • Ï x¸ng•Ï
s ñ u j H ñ • ñ}jn: •l oBn v †i gi †i quý t z • ,
s Âc v †i nhau trong cu zc n zi chi %n, nh Æg k /
man r ‡ Õ ú h •‡c_tÁÂ˜ B J ñ S • Ï ˆi •H jy Á ˜ S •õc
bi &¯ • _ • ĵi: ÁAthen, luôn c yg ôj : • (làm suy
y %u, chia r 5 và th yng tr QÏ Á … j : • yš ·b Qbao
vây. Không ai tin v Qua m †i, Philip, có b ûi k Ü
… z•B • j u(c• Âu Macedonia.

Nhi ' · • j ó h • £ %châu Á, Alexander và nh Æg
j : Á ˆ H • j • x jÀñ • h R j B • &cósjau¯nH Æg
chi % th ông nh ,c nh ön c Àa h , R • g B‡H ch› Ấ
tho i mái, m ‡t s yb j • {ng hành trong b Æt yi
c Àa Alexander b ô¯ • ý· • u H •ˆng BmÁ Æg
thành t Ãu c Àa cha anh, Philip. Alexander tham
gia, t Ãhào r öng chi % th ông c Àa anh t Äsông
' ñ j · • % biên gi †i c Àa j • +zsánh ngang
v †i th ýn Hercules và không th (so sánh v †i
các cu ‡c chinh ph ¾ nh „c Àñ • j : ÁH • B ñ R • g B
m ‡t trong nh Æg v Q¯Áng già c Àñ • £ B H _ H ˜
Âng d üy và g ,i v Qua say x Slà m ‡t th öng vô
… j R • ƒ j : • ¯ · yÖ $gc üu s 5ch ‡ng là gì n %
không có nh Æg thành t Ãu c Àa cha cüu k m ‡t
j : Á ˆ H • j • x j : • ÏHW • B .û.jhi›'u so v †i c üu.

_ Õ ñ j › • • J B • ¯ B ú j • ¿ j : • %H ò u
j : Á ˆ H • j • x j : •ÃxRû••£Õ‡Ác Àa ông ta, m õc
dù anh bi %có s Ãth üt trong l ˆi nói cu yi cùng
c Àñ • j : ÁH • †ngÁ già. L Qn s Å • h $ • ‖n
_ Õ ñ j › •H‡•% % m Âc b „ qua thiên tài
c Àñ • B ñ • ñ j B R • üngÁ ja:jó j : • j : ui giao
tuy &¯ • $ B S • ¯ H • ‡Ávà• n_hÁÆg sáng t o

mang tính cách m ng trong chi % tranh, Philip
• ði n 'n móng cho m ,i th Â mà con trai ông
¯ • ‡Á.

Tuy nhiên, khi Philip tr / tu |i lên ngai vàng sau
cái ch %c Àñ • ñ j B • ¯ › ñ H • h R ˆj B ó Sh • (J ¯ ð j : Á
Á‡ • j : Á i cai tr Q n ‡ ho õ • Ï Á … j : • y c š c À a
anh ta s 5t {n t i. Tho t nhìn, Philip là m ‡t nhà
quý t z • s ñ u j H (ñ • hình - tính tình b y c
h „a, quá chén và c Ã c k Ü thích chi % tranh,
ng Ã a, ph ¾n Æ -p và trai tr / - ˜ R • u B Á j : • x j
có m ‡t s Ã hi (u bi % sâu s ô c v ' trái tim c À a loài
j : Á ˆi và m ‡t t ý h • j B R j • Ï x • H j $ v j ‡
Macedonia.

£ B H _ H ˜ • % ó j chính xác cách ông có th (thay
|i v ü n m & nh h • m c À a Macedonia. Khi m ‡
h Á ˆ H • _ ó j h H S • x j : • Qua anh g Å H • % làm
con tin t i thành ph y Thebes c À a Hy L p.
Thành ph y c | H • » B £ • % • v ¯ ông B Hnh
B Á %ng c Àñ • ¯ B j £ • Ï • ® ˜ ñ › ¯ ñ S • j y B Á j :
th %k Þ th Â ¯ Á S • ¯ B j y B j • Ö B ü n ¯ d ¾ng
kho ng tr y ng quy 'n l Ã • Á c t o ra vào cu y i
Chi % j • ¯ › ñ j B • £ _ u ˜ u j j (x£ây d H n Ã ng quân

zi c Àa mình thành l Ã • _‡ng hùng m nh nh ût
Hy L p R • u ó h • S • » B ñ j £ 'n nát j : B
nh Æg chi ‰ binh gi „i nh ût c Àa Sparta trong
tr ün chi ‰ Leuctra và k ‰ thúc mãi mãi huy 'n
tho i v ' s Ã b ût kh xâm ph m c Àñ • j : Á
® ˜ ñ › ¯ ñ Rˆi Macedonia ngay l üp t Â • ¯ B Á … j :
_ Ág liên minh v †i Thebes và c Å u j • ¯ H%j •
(m b u • × Qh t yt c Àa h ,. N ‰ Macedonia
Á • ÅÕ yt, các con tin s 5 Á‡ • u H • j BÆg • y Q
khách danh d Ã N ‰ không, h , s 5b Qra t ûn và
gi ‰ch ‰

Philip may m ôj • Á‡ • ˜ B ú j • Ï u • : H ñ Àa R j
¯ Áng quân Theban Pammenes, m z¯ • j : ˆÁ
b n tuy & v ˆi c Àa Epaminondas, ng Áˆi chi ‰
th ông Leuctra. Trong khi nh Æg con tin
s ñ u j H ñ • [B ò Ä jó j Ï h • £ ó j |i các cô
: ò H Q • ˜ B Á … j : S • £ B H _ H ˜ ,i kho nhj B •
kh ô • (h ,c nh Æg k àthu üt chi ‰ tranh m †
nh ût t Ä các v Q ¯ Áj : • » B ñ j R • ¥ · ú j •
s ñ u j H ñ ‡c ¯ th Á Philip bao g {m b z binh
nông dân do nh Æg quý t zc vô k Þlu üt c ým
ý · • ¯ › $ j • _ Á Ãa. Gi:y j : • j B Á • òyi tác c Àa

h , trong th ˆi Trung c |, nh Æng hi &˜• £ W •
Macedonia này coi mình là m ÿu m Ãc c Àa chi %n
tranh anh hùng và coi nh Æ[: • j : Ấi nông dân
và du m ¾c th ûp kém trong b z H j B • j B Âc • ¯ B
ó j • B u • : HÀàou/ • ¯ B ¿ R • u B Á j : • £ B H _ H ˜
hi &n ra m zt lo i quân r ût khác %Thebes.

u : Ấˆ H • » B ñ j £ • • B &n ngh ¯&Bthu üt
chi %n tranh hoplite. M }i hoplite là m zt công
dân t Ã B u S • Àkh• j ó j : • ¯ › ñ j Qho mình
m zt chi % • h Í •ô£b öj : • {ng, m zt t ûm áo ng Ãc
dày, nh Æng mi %þ : • &h • (b o v &chân, và m zt
ng ,n giáo nh ,n b öng s ô¯ • H • %n•10 feet
¿ j : • (ú h • Âkhông ph i ném. Ngoài ra,
m } H • j :ˆÁH • j • x j'ıu•mang theo m zt thanh
ki %m s ôt s ô • j B Á • ñouvà chi %c khiên n õng
(hopion) r zng g ýn ba feet trên cánh tay trái. Vì
m } H • B u ˜ _ H ¯ • [‡B xhjc: •chÁn %phía bên
ph i c Àa mình, anh ûy d Ãñ • Ï u{j : • zi bên
c j B • (b o v &m zt ý th Â • u j •%[m nh m 5
trong tr ün chi %n. Khi m z¯ • zi quân hoplite
sánh vai ch yng l i k / ¯ B ¿ S • vzt b Â•h¯ˆÁng
t Åth ýn.

Các hoplite cÀa Theban tûn công không ng Äj : S • ¿ • _ • _ ̂hgB • ¯ kÛÁ hay binh giàu có, ' · • Á‡c cho vào k Þlu ût s ô. Nh Æg chi %o binh Theban xu ût s ôc nh û¯ • • ‡cÁch , j • (tr %thành thành viên cÀa Sacred Band, m zt š · ú j • u j z binh tinh nhu &bao g{m 150 c õp nam yêu nhau do j B • j ‡c tài tr ‡. Là nh Æ‡ : • j : Áîi yêu nhau, nh Æ‡ : • j : Áîi lính chi %o ûu càng ngày càng d Æd z H • B . . (þj • o v &và gây ûj • ¯ ‡Ág v †i b j • ˆi cÀa mình. H , • v j : • Ï ñ H • ¯ › ƒ • š ngñtrj •ng¯ ›vi & • ò j B •i quân Sparta t i Leuctra và là nh Æ‡ : • j : Áîi lính t yt nh ût mà Hy L p t Äng có.

£ B H _ H ˜ • Í j : • ¯ B u¸c• h“„iHt •Ä̈cu•zBh ,p
dân ch Àt i Thebes. Ông nhìn th ûÖ • (nHy ‰
nghiêm tr ,ng c Àa m zt h &th yj : • h • ¯ › u j : • v
m , H • j :ˆ ÁH • j • x j ':u• có th (nói lên ý ki ‰
c Àa mình và b „ phi ‰. Các cuzc tranh lu ün
trong h zH •{ng di)n ra vô t ün, trong khi các
ng phái chính tr Qo ¯ •zj : • (tiêu di & s Âc
m nh c Àñ • ò y• th À Philip b ô ¯ •ýu c m th ûy
m zt ch % z quân ch Àki (· • Í • j B Á • s ñ u j H
có th (B j B •zng quy ‰¯ • u ò j • B …'uj sọ B †H
m zt thành bang Hy L p và không th (j : ó j •
c n trên chi ‰ ¯ › ˆÁg - n ‰ • j v • ‡Ácai tr Q ‰
m zt v Qua phù h ‡p.

® ñ · • ñ • j ‰Thebes, Philip tr ‰ i Macedonia
khi anh trai c Àa ông là Perdiccas gi ‰ ch ‰
j : Áˆi anh em h , Ptolemy và lên ngôi. Khi
£ › H ñ £ • B j B •(šchiú‰ • û v †H • j :ˆiÁ
U _ _ Ö › H ñ j • Ï H • j ó h_•H£ ñ‡c giao quy£ 'B H
nhi ‰ chính. Vài tu ýn sau, Perdiccas và b yn
j : B R j • H j B • £ W • s ñm chu ‰ trên chi ‰
¯ › ˆÁg. Bardylis, vua c Àñ • U _ _ Ö › H ñ sàng • £
t ûn công vào trung tâm Macedonia trong khi

j : Áˆi Paeonians ‰biên gi †i phía b ô • •ü¯n d ¾ng s Ãh }n lo n b öj : • ò Bz kích sâu vào Macedonia. Ngoài nh Æg r ôc r yi bên ngoài, ít nh û¯ • j ó h • š z×••s¯ñ u j H ñ • [B ò • ñ j : •¯ : H j B • j : ñ H • Ï j :ˆR Thu•ac:Áa Àng h z m zt trong nh Æg Âng viên này, Athen Àng h z m zt j : Áˆi khác, trong khi ba anh em cùng cha khác m - c Àa £ B H _ H ˜ • Í j : • ú h ‰thàÁh· v•u¯a›

Philip nhanh chóng b ôt gi Æà x Åt Åm z¯ • j :ˆÁ anh em, b ô¯ • B ñ Hˆi•còj:Ál H • H • Ö S •y£ ñ · • l z nh Æj: • j : Áˆ H • » B › ñ (gH‰¯• • j :ˆÁh , Àng h z Cu yi cùng, ông ký m zt th „a thu ün bí m üt v †H • j :ˆÁH • ¯ B (rút l i s Ã Àng h zt Ä Âng c Å viên c Àa h , S • › : ñ · £ Sˆ•Hj•: Á †m£nh ün ra mình hành quân ch yng l i Philip ch Sv † m zt s y _ J j B • ò j B •¯ B · $ • h • x j : • ¯ông•ti 'n•¯ B c Àa mình. Philip d) j : • ò j B •i ông ta. Vào h ¿ ñ • ¯ B · • j ó h • S • £cBôH làm vua Á Àa s ñ u j H ñ S • j B&Án ôm•Ïg Æ gai vàng c Àa ông ch S_ • h u j : • h ñ j B Rˆ•Hu•:ÙÁ_ _ Ö ›ˆH ñ j S £ ñ u j H ñ j £ ŠH•j•:»ÁB › ñ Hˆ ñS • ¯j :BÁ j Sõe Ï • bi & là các quý t z • s ñ u j H ñ • [B ò •ˆ ñ j :

‡H • zH•(B ü¯ •| j : Áˆi cai tr Ợ / tu |i thông minh này.

Philip b ô¯ •ýu xây d Ãj : • š · ú j •ỉ mà ông h öj : • h … †cÁ‰» B £ • Ï u • h ¿ ñ • x j : • j ó h K Þu üt là trên h %¯ R • ò • H j ‡c • t£p W r • ün Á B u •%ı khi h , có th (th Ãc hi &n các cu zc di)n t üp chi %j • ¯ ˆ›ńg ph Âc t p m zt cách thu ýn th ¾. Philip hành quân v † h , không bi %t bao nhiêu d õm trên các ng , j • j ¸ H • B%u •khi h , ki &t s Âc. Nh Æ : • £ W • š · ñ†j •• ¯ ›úÁÖ • _ · x j • j : mình %trên nh Æng quy t ôc nh „ ¯ › u j : • š · úzj • • £†h • j : B W • [B ờ mÞà quý t z • • ĥ quy 'n ch Šhuy vì vi ph m, m z¯ • j : ˆÁkhác b Q ò j B • ƒ j • x j : • [B ỹj H••ÏÁR R·• u B Á j : • ¯ › u h ¿ ñ • x j : •j B • : H ò • vÆg•cj B cách c Àa Philip b ô¯ •ýu có hi &u qu khi nh Æ : • j : Áˆi j • x j : • Ï • £ W • Ãhào j•'kh j ó j : • h† tìm th ûy c Àa h ,.

Tuy nhiên, Philip bi %r öng k Þu üt và tinh th ýn u j • ‰s 5 [B x j : •À (ch yng l i nh Æng k / man r ‡hoang dã hay nh Æ : • j : Áˆi Hy L p. Ông c ýn m zt lo H • š · úzj •hoàn toàn m † n %

mu yj • ò j B • H • ò h • ĵi:IÁyrian hay la hét
ho õc nh Æg k / chuyên nghi &˜ • j B Á • ® ñ ›
Band. Ông bi ‰¯ • š · ú ịc Àa mình có r û¯ • J ¯ •
h ꝛi trong chi % tranh truy 'n th yj : S •õc bi & là
ch yng l i nh Æg k / thù. Nh Æg chi % áo giáp
h ng n õng c Àñ • B u ˜ _ H ¯ £ô¯ šy ò ǂ nông
dân Macedonia và nh Æ : • j : Á̂ H • B óÄj•k vì
v ÿy Philip quy ‰¯ • QB • ¯ B ñ|Öcác quy t ôc.
Nh Æ : • j : Á̂ H • _ J j B • ¯ꝛ›quân m ǂ c Àa ông
s 5h ý· • j B Á • [B x jõc•áo giáp và ch Smang
theo m ꝛt chi % khiên nh „ S •(ngay c nh Æg
thanh niên nghèo nh ût t Änh Æg ng , j • {i c Àa
s ñ u j H ñ • Í j : •(v À¯ Hu ki & tham gia.
+ H· • j Ö • _ h • ¯ ǂng binh lính ti ' h • j ó j : •
lên nhi ' · • B … ĵ•k Üthành bang nào c Àa Hy
L ˜ R • u B Á j : • _‰nào¯nh Æ : • j : Á̂i nông
ú j • Á̂c trang b Q Í • [B J • ĵB Á •ÿl i có th (
hy v ,ng ch yng l i nh Æ : • j : Á̂ H • ò j ‡•B£… j Y •
Câu tr l ˆi n öm trong m ꝛt s Ã |i m ǂ xu ût s ôc
Á‡c phát tri (n b ‰ Philip k sarissa. Nh Æg
ng ,n giáo hoplite tiêu chu þn có chi 'u dài t Ä
¯ ò h •‰ • h Á̂ H • 9 ¯ S • j B Á j : • £ ñ ýH £ £
h Áˆ H • ¯ ò h • 9 'u¯nay cho phép b z binh

s ñ u j H ñ • B j B • š · ú jzi ̅̀hìBnh gụ ýn v †

nh Æg chi %o sarissas ch{ j : • B u • ‡cÁh

xu yj : • ¯ ›‡cÁm đi h , (xiên nh Æg t ûh • H ñŠ•

¯ ›‡cÁ khi giáo cÀñ • yH • ˜ B Á … j : (•ti %ợ• c¯üB

h ,. T ût nhiên, hi &u qu cÀa sarissa ph ¾ thu zc

vào nh Æ‡ : • j : Á̂i Macedonia có kÐlu üt hành

zj : • j B Á •zh̅ • …ĮN̈•%o ch Sn zt lính b zbinh

vung cây sarissa cÀa mình quá xa sang trái

ho õc ph i, c zi hình s 5 tr ‰nên r yi lo n.

u B Á j : •&̈c Ki (m soát sarissa có th (th Ã̃c hi &n

Á‡c b öng cách lo i b „ ò u • : H ò ˜ • Ï • Ï Ín•g[B J •

n õng, không gi yj : • j B Á •Æ‡B • j : Á̂ H •{ j : • zi

Hy L p ho õ • _ Í • h ñ‡j •có th (s Åd ¾g c hai

¯ ñ Ö(•gi ÆÏ • ú h • : H ồuh•,. Nh Æ‡ : • j : Á̂i

Macedonia s Åd ¾g nh Æg ng , j • : H ò u • %H •

m Ậc hoàn h o, có th (quay cùng nhau theo

b ût k Ü B Á‡ng nào, m ‰Ï • v j : • zt phòng

tuy %o ngay l üp t Â S •{ng th ˆi lao vào k / thù

v † t y • z ò j : • ‡R • ® ñ › H ‡c£ ñu• • ›Áñ(•tiêu

di &t hoplite c Àñ • » B £zS • B R j B • 5h́ọ : t• £

zng t y¯ • [ByHH•ýu v † các chi %o binh man r ‡

t ûn công các chi %o tuy %o Macedonia.

Cùng v ‡ s Ãphát tri (n c Àa m z‡ lo i b z binh m ‡, £ B H _ H ˜i•cách k Û H j B (•ho ¯ •zng ¯ › u j : • ò • Q. h jy•ï ‡p v ‡ b zbinh. Quý t zc Macedonia s 5không còn t Ã h R j B • _ $˜j•ng Á tìm ki ‰n vinh quang n Æñ R • » › u j : • š z ú jÀ• Philip, k Ûbinh ph y h ‡p ch ô ch 5v ‡ b zbinh, ch ˆ ‡ các sarissas m‰a m z‡ kho ng tr yng Àr zng trong chi ‰ tuy ‰ c Àñ • yH • ˜ B Á ..(j : • k Û H j B •‡ï Áqua và t ûn công vào h ü· • ˜ B Á … j : • c Àñ • QB R • £ B H _ H ˜ • zÍ‡ j•ong_nh • Æg v Q ¯ Á‡j : • ýu tiên trong l Qh s Åthành l üp m z ¯ •z j : Í • [à £ Á • ‡Á• u •o ¯bài b n. V ‡ th ˆi gian, nh Æ‡ : • j : Áˆ H • j • x j : •sj 5Öó th (Ï Á‡ qua nh Æg con sông hung hãn, c ô nh Æg con Áˆ j : • ó j : • š · ñ •Æ‡jBng ,n núi cao vút và chi ‰n l ûy b û k Üthành ph ynào b öng cách bao vây v ‡ nh Æ‡ : • zj : • … •‰B‡anh m ‡ tuy & v ˆi.

Dù ûj • ¯‡Ág v ‡ nh Æ‡ : • |i m ‡ c Àa Philip trên sân t üp, không ai bi ‰i & chúng có th (mang l i chi ‰ th ông trong tr ün chi ‰ hay không. Th Åthách l †j • ýu tiên x Ö • › ñ • Ï u • j ó h • £ ñ •

v Qua tr / tu |i c Àa Macedonia m %cu zc t ûn x j : • Ï u • j ˆi ÁIllyrian do Bardylis ch Shuy, j : Áˆi ch Qtrách nhi &m v ' cái ch %c Àa anh trai ô j : • B ñ H • j ó h c• ¯ChiÁi %v ' tr ün chi %n còn £ … • £ H S • j B Á j : • %BPhilip ¯mãng theo ít nh û ¯ • h ˆiÁnghìn binh lính k h ýu h %trong ztu |i chi %þ• û· R • £ B H _ H ˜%tâm• š ·cÖv & biên gi †i phía tây c Àa mình và ch Âng t „ giá tr Q j B Á • ±v Q ¯ Á j : R • + v • _z c anh b c kh Àng khi %þ, vì n %u ông b Q ò j B • i, không ch Sri 'u i c Àa ông k %thúc mà b n thân Macedonia Í j : • £b Quy y %u và b Q ò • j †Á láng gi 'ng kh ôc ch %

M õ • ¿ • ñ › Ö _ H £ • • h ñýj • j B ¯Áû• ¯c • : quân, ông ta v ÿn do d Ãkhi nhìn th ûy l Ã • _±Ág ¯ › †Á m õt mình và g ÅH • B u • £ B H _ H %þ• ¯ B ' ngh Q R j B • %B-Hj B Á j : • Ï · ñ • s ñ u j H không ch ûp nh üj R • ƒ j : • J B • ÿ¯Bn úzbinh c Àa mình ti %n v ' ˜ B J ñ • †¯c ›Áng l i quân Illyrian, m õc dù thay vì t ûn công tr Ãc di &n vào tuy %þ• ýu c Àa h , S • x j : • Åd %£ng m z chi %n _ Ác có v / k Üqu õc là t ûn công k / thù b öng m z

ẓi hình có góc c j B R ¦ + •Hj Ö • v • j : B Wñ • _
tuy ‰ c Àa Macedonia t ün công quân Illyrian ‰
bên trái c Àa h ,, trong khi bên ph i phòng ng Ã
Các ch $huy Illyrian c yg ông gi Æ Qtrí cho cánh
ph i c Àa h , S • j B Áñ j : Æ ‡ : • j : Á H • j • x jÃ • ¯
nhiên b Q u • £ ñ j : • $ j • ¯(› giao chi ‰ v ‡ k /
thù và b o v &b j • ¯ B ú j R • + v • B J j BÆ ÕÒ ò •
: R • £ B H _ H ˜ • ˆ. Khi cánh ph i c Àñ • j : ÁÅ
Illyrian t Ä t Ä b / cong v ' ˜ B J ñ • ‡c, › nÁ ẓ
kho ng tr yj : • • h‰ ra ‰ gi Æ phòng tuy ‰
c Àa h , k và k Ûbinh c Àa Philip phóng lên. Các
k Û H j B • s ñ u j H ñ • • ¯ B j B ẓ ph á j : • [B
vào h ü· • ˜ B Á … Àa Illyrian và ném k / thù vào
h }n lo n. Tr ün chi ‰ di)n ra trong nhi 'u gi ˆ,
cu yH • ¿ j : • ĵ HÁ • U _ _ Ö › Hãj • vây • hoàn
¯ u j • Ï • B j : • j : B R ï b • Q n Á sát trên chi ‰
¯ › ˆÁ j : R • + v • ẓ chh‰ j • _ ‡Á • ý c m h Âng và
sáng t o mà Philip s 5tinh ch $h và s Åd ¾g
v ‡ hi &u qu tàn kh yc trong các tr ün chi ‰
¯ › u j : • ¯ Á … j : • _ ñ H S • Í j : • j B Á • u j • ¯
c Àa ông.

Bardylis yêu c ý· • R j B %þ •Bï H• £ B H _ H ˜ •/ • Ï
ch ûp nh ün. Th ÀÌ ÿ̈B • U _ _ Ö{ng ›ý ñût•kh „i t ût
c các lãnh th | phía tây Macedonia mà ông ta
• B¾h• v j : • ¯†› Á v R •(‡àm d ÛQ
s ñ u j H ñ S • x j': •nghñ ¯QPhilip k ‰hôn v †i
con gái mình là Audata. Gi yj : • j B Á • ˆ¯ng› Á ‡p
‰nh Æ‡ : • j … H • [B ò • ¯%gui j†: c | ¯ B i, hôn
j B ú j • ‡Ás Åd ¾g ‰ï ¿ j : • ñ _ [ñ(j • m b o
các hi &˜ • Á‡c và g ôn k ‰ các liên minh. Tình yêu
[B x j : • _ H $ j • š · ñ j • ¯ › u j : • (òchính tr ịQ • ¯
j B Á •üÿï. Nhi &n v ¾c Àñ • j : Á ph ¾n Æ‡à g ôn
k ‰¯ • B ñ H • Ï Á y c J :i•všt· nhau, sinh con và
_ h • u j • ¯ H j û ¯B ju Á•c Àa cô ûÖ R • ûi :vÁ‡
[B x j : • h u j : ‡ có tình c m nào ngoài vi &c
c ýn ph i có m z ¯ •Âa tr /, t yt nh ût là m z ¯ •Âa
con trai. N ‰ ch {ng cô b ôt v ‡, thê thi ‰ ho õc
u j • ¯ › ñ H • [B ò ˆ•j _ $ j'• uHHay Á không ph i
là m yi quan tâm c Àa cô. T ût c nh Æg gì quan
tr , j : • yi v †i cô dâu trong các cu zc hôn nhân
chính tr Qj B Á •üÖ • _ aQ• v Qc Àa cô ûÖ • j B Áz• h
n ÆB u j : • ‡Á tôn tr ,ng và b ût k Üj : Áˆi con
trai nào do cô ûÖ • £ H j B'•·›•ñ Á‡c dành v Qtrí
thích h ‡p cho ngai vàng.

Philip ti ‰þ• ‰n các liên minh hôn nhân v ‡i m ‡t
s Ãsay mê b û¯ • ¯ˆBgÁngay c ý v ‡i m ‡t v Q
vua Macedonia và n |i ti ‰ng trong th ˆi c | i
v ' vi &c có thêm m z¯ • j :ˆÁv ‡m ‡i m }i khi ông
ra tr üj R • »†› Á[B H • šˆ·Hñ S • x j : • †H • ‡Á7
x • ú · R • ® ñ · • [B H • · ˆñ¸ õ¯ng•kš‰hôn
v ‡i Phila t Ä Ï ¿ j : • j ¸ H • ˜ B J ñ • j ñ h • 0 _ H h
m ‡t ph ýn trong chi ‰þ• _‡Á l ‡n c Àa mình nh öm
ràng bu ‡c các b z l c cao nguyên c Àa
Macedonia v †H • h R j B R • x • Í jˆi•ngšayñ •
£ ñ · • v(S l •i Philip 25 tu |i không có hoàng
h üu và quan tr , j : • B … j • _ • [B x j : ˆi th •Ä j : Á
k ‰Ông nhanh chóng k ‰ hôn v †H • B ñ Hˆi• j : Á
ph ¾n ÆÄ» B £ £ ñ (_¯Öó• j : • ˆÁng quan h &v ‡i
Ï Á … j : •yš ·‰biên gi ‡i phía nam c Àa mình. Cô
ú · • j : ˆÁH • » B £ £ ñ ý_tiÊn•cu ý cùng sinh
cho ông m ‡t cô con gái, tên là Thessalonica,
s 5 Á‡ • õ tên cho m ‡t thành ph y Ï W •i.
u : ˆÁi th Âhai sinh cho Philip m ‡t c üu con trai
Ï u • j ó h • R • u ˆ: ÁH • B ñ • [H $ · õ têên jcBü•
là Arrhidaeus - j B Á j : •ü bé b Qhi (· • j ó j : • ¯ › J
tu & Ï • [B x j : Àkh j ó j : • (th Äa k ‰ngai
vàng. Con trai c c Àñ • £ B H _ ‰ñ õ • 5b•„_ H • Ï •

hi ‰m khi xu ût hi &j•¯ ›†Á công chúng trong ba
 h Á … H•j ó h•£ ñ ·• v R

 ® ñ ·• v S•j B •Ï · ñ‰•Ï¯Á R.h j:•yš‡ Epirus
(gýj•j B Á•_ • _ ñ j H ñ•j: Ö•î ñiÖ(n c•¯
Adriatic ngay phía nam Illyria và phía b ôc Hy
L p. Epirus t Ä _ ú ·•   •ï˜ôB nQ các cuzc t ûn
công c Àa Illyrian, vì v üy liên minh v †
 s ñ   u j H ñ(j•: ó j• ñB k / thù chung c Àa h ,
có l ‡ cho c hai. An ninh c Àa biên gi † phía tây
nam c Àñ•£ B H _ H ˜• Í'ju: t•y_quanHtr ,ng,
 Í j:•j B Á &ïduy trì các tuy %j• Á j:•¯ B Á … j:
m i gi Æ Adriatic và Macedonia.

u : Aˆ H •Âj : • ýu hoàng t zc Epirus, Arybbas, [B x j : • v • u j • : ò H •Ãmình k • ‰hôn v ‡ cháu gái c S • jmgBÁcháu gái nh „ c Àa ông v ÿn B Á ñ‰hôn. Tên cô ûy là Olympias.

u B Á • £ _ · ¯ ñ(S •B£•B[H _ H ˜ • Ï • € _ Öþh ˜ H j B ñ · • Ï H • j ó ‡h • ¯ vÁ ¯ › $gj •Samothrace: r u : Ái ta nói r öng khi còn tr / S • £ B H _ H ˜ • ýu tham gia vào các nghi th Âc thiêng liêng t i Samothrace cùng lúc v †H • € _ Ö h ˜ H ñi £ S • • h{ côi. H , yêu nhau và cam k ‰s 5k ‰hôn, v ‡ s Ã {ng ý c Àa chú cô ûÖ • › Ö ñ £ s R

… •zBvà b yi c nh c Àa cu zc g õp g Šnày th üt k Ül , nó có th (là s Ãth üt, m õc dù cu zc g õp g Š có v / ng ÿu nhiên gi Æñ • B ñ H˜i ţìnÁ tr / có kh j ó jg d Ãa trên chính tr ÇB … j • _ • _ nj.: • h

Samothrace là m z¯ • B ƒ j• nh „ mi 'n núi ‰ phía b ôc Aegean n öm gi Æa Macedonia và thành Troy. Nó là m zt trung tâm tôn giáo trên b ˆ bi (n phía b ôc dành riêng cho các v Çh ýn £ u j : • £ H j Bc•g ,ÁH • _ • ñ H˜i kdùng• jv:‡Á các n Æh ýn quy ' j • j ó j : • ‡Á tôn th ˆ, b o v &

· • [B ò B S • ¯ yBkh •j ó j : • £ H j B • £ h Â
h -n s Ã û t Å B u • ò{ng tu.

u : Á ì Macedonia g ýj • ú Ö • • š · ñ j • ‰ú h •
® ñ h u ¯ B › ñ • Ï • • v j : • : v ˜ • B u • ˜ B
j : x H •n, có l 5t Ä zj : • … • ¯ x j • : H Ã • ¯ B
ho õc nhi 'u kh j ó j : • _ Ä ¯ong mu yn hòa
nh ïp vào m zt giáo phái Hy L p c | i. Không
có gì ng c nhiên khi Philip tr / tu |i ch ,n theo
¯ x j • : H ò Õ • ˜ B Á … , Å ¾ £khéo léo ngo i
giao, tinh th ýn và m õ ¯ • [B ò (x â y d Ãng liên
minh và c Àng c ym yi quan h &c Àa mình v ¶i th %
gi ¶i Hy L ˜ R • u B Á ji: • ¯ m zt công chúa

Epiriote và chú c Àa cô ûy là nhà vua l i tình c ˆ
%n m z¯ • B ƒ jo• h /o lánh xa nhà trong cùng
m zt l) h zi mùa hè v †i m zt hoàng t Å
Macedonia? Có v/ j B Á • › Ö ñ £y•tình•s ộp
x %p m zt cu zc g ộp g Šgi Æi cháu gái c Àa mình
và c üu bé Philip v †i hy v , j : • ợt n 'n móng cho
m zt liên minh gi Æn • ò • Ï Á … jyc • trống
¯ Á … j : • _ ñ th ản• Philip có th (• _ $ j% [
ho B • ¯†› Á [B H%• Samothrace và có kh
j ó j : • _ • ñûjB • š · ñ j • ¯ ún%các cu zc th o
lu ün th Ãc t %v † Arybbas v ' vi &c ch yng l i m yi
d , ñ • U _ _ Ö › H ñ j • B . ümj • _h ü• jv Rj • t B
Olympias tu |i teen. Tuy nhiên, anh ta có th (
thích nh Æng gì anh ta th ûy %j : Áˆi ph ¾n Ær /
k s ô • ‑p, trí thông minh, ni ' h • ñ h • hk$ t • ût
c nh Æng ph |m ch ût h ûp d ÿn m zt hoàng t Å
ñ j : • _ $ j†• hy v ,ng sinh ra m z¯ • j :ˆÁcon
trai x Âj : • ò j : • †ï ngai vàng c Àa mình. Ngoài
› ñ S • : H ñ • R j B • xy • cố¯ ngü$[j • g yc t Ä
B H _ _ £ˆS H • • j Ï ÁV • nh ût trong s y nh Æng
j : Áˆi Hy L p chi %j • ûu t i thành Troy. Vi &c
tr zn l ÿn dòng máu c Àa t | tiên Hercules c Àa

mình v ǂi dòng máu c Àa Achilles h ǂn là m ǂt ǂng l Ãc m nh m 5cho liên minh.

€ _ Ö h ˜ H ñ £ • B Á ñ̃i•tắm·òu•|ikhi k %hôn v †H • £ B H _ H ˜ S • j B ± Átaj:lãoxlu•y_ &htrong nh Æj:• ú h • h Á · • ÏÃ•: £ j B • · ñ • ¯ › u j : • ·
H&n. Tuy nhiên, %Epirus, cô ûy ít nh û¯ • Í j : • v •
m õ¯ • ¯ › u j : • : H ñ • Rjj•B.•S̈ •jngB Á%th À x •
Pella c Àa Macedonia, cô ûy ch Scó m ±t mình.
Ù u • $ h • ¯ ú j • ÀBñx•jh•R j B S •‡cx•dÿn Áào
bu { j : • ¯ ú j • B x j S • £ ñ · • v •†€Bàld_vàH˜ •
v j : • Åa l H R • g B H • x • B u j • ¯ %quan B • j : E
tr ,ng nh ûtc Àa mình v †H • ¯ Á • ò B¯••_j :˜Áh
v ‡l ýj • ýu tiên, m ±t dàn trinh n Æ Âng ngoài
c Åa và hát nh Æg bài thánh ca cho n Æth ýn
sinh s n.

Nh Æg câu chuy &j • £ ñ · • v(•i[j : • Ï u • $ h •
¯ › †Á • ò h • †Ákhi cô n öm ng Àm ±t lu {ng s ûm
sét ûp xu yj : • · j : • &Hvà m ±t tia sét b ôn vào
˜B ƒ j : • x S • ò j B • Â cụng•c¯Àa cô mà
không làm h i cô. Truy 'n thuy %¯ • Í j : (•r[öng
£ B H _ H †h • h• £. ûÖB h R j B • ñj:m•±t con
d û· • v • B R j BÅvàoÁt•Ā̄cung c Àa v ‡mình,
Ḧu mà nhà tiên tri Aristander c Àa Telmessus
gi i thích là m ±t d ûu hi &u cho th ûy Olympias

• h ñ j : • ¯ B ñz H •Âa con trai s 5d j • W • Ï •
gi yj : • £ ÁÅ• Ñh Æng câu chuy &n v ' quan ni &m
k Üdi &u và ngu {n g yc th ýn thánh n B Á •üyÏ là
Ḧ · • ¯ B ng th ûÖ •yi v †i các anh hùng trong
th %gi †i c | H S • j B Á%j: •Philip nghi ng ˆ
Olympias là m zt trinh n Æ[B H • ñ j B • Á ñ • x
: H ˆÁj : • Ï u • $ hýu tiên, cô s 5b Qr l i cho
chú c Àa mình trong s Ãô nh ¾.

Trong vài tu ýj • ýu tiên c Àa cu zc s yng hôn
nhân cùng nhau, Philip ch ôc h ÷j • • j B • ¯ u j
tâm toàn ý cho vi &c sinh con trai v †i Olympias.
Anh ûy s 5s †h • H • %B d Qn trong m zt th ˆi
: H ñ j • H • Ï • [B x j : • zH • ¯ .B ó B • j ‡u h •
ch {ng. Philip là m zt thanh niên m nh m 5n |i
ti %ng v †i ham mu yn tình d ¾, vì v üy cô dâu tr /
% t Ä 0 ˜ H › · £ •ˆ ng B xÁyên nh üj • Á‡c s Ã
quan tâm. Tuy nhiên, theo Plutarch, vào m zt
$ h • h zn trong vài tu ýj • ýu tiên c Àa cu zc
B x j • j B ú j S • £ B H _% H õ phòng • ng À c Àa
Olympias thì nhìn th ûy v ‡ h R j B • ñ j : À • i ên
c nh m zt con r ôn kh |ng l {. Anh bi %Olympias
õc bi &t sùng bái nh Æng hình th Âc th ˆ cúng k Ü

l ¯ BˆÁng dành cho ph ¾n Æ Äš · $ • B Á … ¦n • h H
núi c Àa cô. Anh không ph j • y i nh Æng ho t
zj : • ¯ B H $ j : • _ H $ ü y, nh B Á trong s y v •
v • _ H $ j • š% ñ ¦n, mi) j • _ • B ¸ j : ‡c ti Á%
hành m z¯ • ò B • [J j B Á u : S • ñ j B • Ï x • ¿ j : •
l ông khi cô mang r ôj • Ï u • : ˆng Ác Àñ • h R j (• B
th Ãc hi &n các nghi l) xu ût th ýj • › H $ j : • ¯ Á‡R • i
cô ûy có th (õt m zt câu th ýn chú vào mình
ho õc anh ta có th (xúc ph h • %n s Ãthiêng
_ H $ j : • j u • v S • ñ j B 5 › ¸ • ¯ • _ · H • Ï • £ ñ
ch $n Ãc hi &n nh Æng chuy %j • ¯ B ó h %n B I u %n •
phòng ng Àc Àa cô ûy.

Chúng ta có th (ch ôc ch ôn r öng dù công vi &c
Á‡c th Ãc hi &n b % Philip hay m zt trong nh Æng
v Ôn ýn - j B Á • € _ Ö h ˜ H ñ £ • £ ñ · • j y-Ö h • ¯ · Ö
cô ûÖ • ‡ n£ mang thai. Chín tháng sau, vào
mùa hè nóng n Ãc c Àa s ñ u j H ñ • j ó h •
¯ › u j : • [B H • £ B H _ H ˜ • %j Potidaea j B • ˜ B
ch ˆ tin v ' con ng Ãa c Àa mình t i Th %v ün h zi,
thì v ‡ ñ j B • • £ H j B • ü c con trai. M zt l ýn
n Æñ S • j B ‡Á nh • I 'u anh hùng c | i, nh Æng câu
chuy &j • Á‡c l õp l i trong nh Æ j : • j ó h • £ ñ · • v

v ' nh ÆEg s Ãki &j • ˜ B H •ˆ‾ng B xÁng quanh s Ãra
ˆi c Àñ • _ Õ ñ j › R• t uá n óÁr öj : • j : x H'n•
Ï W i• c Àa n ÆEh ýn Artemis t i Ephesus trên b ˆ
bi (n phía tây c Àa Ti (· • • •Q cháy r ¾ trong
khi n ÆEh ýn b Q˜ B ú j • ‾ ú h • Ï R • ü ñ mj z n• ‰
Macedonia d Ãl) sinh c Àa hoàng t Åm †i. Các
th ýÖ • ‾ · • ñ • »‡ c Áb• i ‰ Á • ‰ v †i cái tên Magi
Á • ‾ ‰ ọ• ˜ B £ · £ • • ˜ B ò ‾' • y j H :$ • j ┃ • i hát
c Àñ • j : x H j• • üp vào m ôt h , và tuyên b y k /
s 5mang tai h , ñ • B u • B ú · • •‡c s• inh Ára
Ï u • j : Ö • B x h • v R • ò kh• á ‾c ờ t h S• n :t á o
B … j •S› ß i • j : x H n • r ût d) B ò Ö • Q t h• iêu r ¾
nhi 'u l ýn trong quá kh Â và nhân d Q˜ • j Ö • Q•
thiêu r ¾ b ‰ m z ‾ • j : ˆÁ H • j • x j Q y• i lo n tâm
th ýn.

Th ˆi niên thi ‰ u c Àa Alexander t H • £ _ _ ñ(n • _ •
hình c Àa b ût k Ü quý t z c tr / Macedonian nào.
Anh s yng trong khu nhà c Àa m - mình trong
· j : • & H và cùng v †H • £ B H _ ˆ H g ˜ x• u ‾ y ê B n Á
chi ‰ j • û u ‰ biên gi †i trong nh ÆE j : • j ó h • š · ñ S
anh hi ‰ n khi nhìn th ûÖ • B ñ • h R j B R z• u B
H · • R j B •ˆ ‾ j :B • Á › u j : • ò • : H ñ • R j B • B u

Olympias chuy (n giao công vi &c hàng ngày c Àa vi &c nuôi d y tr / em cho m z¯ • j :ˆÁv ‡ thu zc m zt g H ñ • R j B • ñ j B • :m H ü ò R Àa Alexander là m zt ph ¾n Æ tên Lanice có anh ¯ › ñ H $ S • g ,i Á là Black Cleitus, m zt ngày nào v • 5c Âu s y j : • _ Õ ñ j › R • u B Á j : • ý¯ › u j nh Æ‡ : • j ó h • ý · • ˆi, m - anh không bao gi ˆ r ˆi xa và dành s Ãquan tâm n {ng nhi &¯ • %n phúc l ‡ c Àa con trai. Cô quy %t tâm anh s 5gi Æ v Qtrí x Âj : • ò j : • Àa mình v †H • ¯ Á • ò B ˆi • th Äa j : Á k %c Àa Philip b öng m ,i giá và c yg ông không m &t m „ H • B %n • cùng. M - Ï • u j • ¯ › ñ H ýn • • : Í H • j : ñ Ã Ö • ý¯ · • Ï • · Ö • ¯ › R ü • trong • sü y t cu z • ˆi c Àñ • _ Õ ñ j › S • x %h • anh [B H Ãc [B H t Âc.

» · Ö • j B H $ j S • _ Õ ñ j › • % thành [B x jzt • ¯ › hoàng t Å Á‡c chi 'u chu zng và nuông chi 'u. T Ängày bi %¯ • H u S b • ô¯ • ý u t üp luy &n. Nh Æng c Ãu binh lão luy &n nh ût c Àñ • £ B H _ H ˜ ûn • luy &n c üu v ' b ôn cung, ki %n thu ü¯ • Ï õc bi & _ • ŠÁng Ãa. Th ˆi gian trôi qua khi Alexander ÁŠ con ng Ãñ • Ö $ · • ¯ B J B • Ï • ó j : • š ·

{ng b öj : • s ñ u j H ñ R • l ýu tiên £ Á m z lãnh chúa già c } H • ¯ $ j • _ • i u j H ˆi có £ S • j : Á c s Ã quy % j • › Í • Ï • ¯ ¾ giBng ¯ tên c À a mình, v Q ua Sparta b û t khu û ¯ • • % B Hû u ch yng l i ng Á ˆ H • ñ • » Á Thermopylae. Leonidas là m z t j : Á ˆi h , hàng c À a Olympias t Ä 0 ˜ H › · £ S • j B Á anh ta không h ' t „ ra thiên v Q † H • j :ˆi Á n ,c trò nh „ c À ñ • h R j B R • u B Á • _ Õ ñ j › • • nh Æ j : • j ó h • £ ñ · • v Sng ×v • ' ¯ b Æ sáng c À a Leonidas là m z t cu z c hành quân b û t bu z c Õ · Ö $ j • $ h S Æ Ï t y j • là m z t b Æ sáng nh -. l H ñ • £ Á • Í j :ˆng ¯ l B ¾ Á tung l {ng ng Ã c c À a ñ j B • (m b o m - anh không gi û u gi % m th Â gì xa x S cho con trai mình. Anh ta th ü ¯ • ò j : • ¯ B Á … j % • m Â c m z t ngày n , khi Alexander l û y c m z t n ôh • B Á … j (: ném lên b % p l Å a bàn th ˆ S • i u j H ñ £ • % trách · c ü u bé, nói r ö ng m z ¯ • [B H • • B ¾ H • j B Á c cã B c th Q ¯ › ˆ Á ng gia v Q c À a châu Á, c ü u có th (_ j : • ˜ B J • B Á y … j : j B Á j : • ú Ö thì không. (Nhi ' · • j ó h • £ ñ · S • [_ Õ ñ j › • % m toàn b z vùng C ü j • + x j : S • ñ j B • Å H • B u ˆ j H • Á : H ñ à £ Å a mình m z t lô hàng kh |ng l { g {m tr ýh • B Á … j : • ü m • j

B Á … j : • [. h • ¯ ˆ ìBnh ûm• gi ˆ ông có th (thôi
hà ti &j • j B Á ü y Ï v ǂ các v Q̈h ý j R c • ƒ j : • j B z Á • h
j : Á ˆ ì cha th Â hai v ǂ c ü u.

Nh Æ ǂ : • j : Á ˆ ì th ý Ö • [B ò • y • Alexander t Ä
s ǂ m v ' ngh & thu ü ¯ •,c và vi % ¯ •(ngay t Ä khi
còn nh „ S • ñ j B • , • B Á ǂ c ni ' h • Ö $ · • ¯ B J B •
h ,c Hy L ˜ S • õ c bi & ¯ • _ • ¯ À B Homer. M z ǂ
trong nh Æ ǂ : • ¯ › ƒ • B ˆ . H H ¯ • ú B B . ý u tiên c À a
Alexander h ǂ n là chi % ǂ • û u v ǂ b j • . S • v j : •
Ï ñ H • _ ˆ ì j H y Á L ˜ • Ï • š · ú j • » › u Ö • ǂ $ Á ǂ c • Á
¯ Á j : • ¯ B j B % ǂ : • Á ¯ ǂ Á g. Hoàng t Å Í j : • ¯ (B
hi & n m z ¯ • ¯ H • j ó j : • [B ò ng v • ' ¯ â B Á nh c và
tr % thành m z ¯ • j : ˆ Á H • B … H • Ä khôi_ H M z •
: H ñ • £ Á • Ö $ · • ¯ B À a B anh [trong nh Æ ǂ g
j ó h • ý u là m z ¯ • j : ˆ Á Hy L p thô l } j B Á j : • Ï · H •
v / ¯ $ j • _ • i Ö £ H h ñ ˆ B n · | £ ti S % g : Á ǂ khi %
B H • ǂ B R Á • ƒ j : õ bi & danh cho Alexander là
r B H _ _ £ Ã g ,Ï H • • ¯ h R j B • _ ǂ ng £ B Á ng
¯ B u • ¯ $ j • : H ñ À a £ Á • hùng c | i.
i Ö £ H h ñ B · £ • £ ñ · • v • • ¿ j : • % _ Õ

châu Á và tham gia vào m ztt trong nh Æœg giai
u n k Qh tính nh ût trong cu z • ˆi c Àa v Qua
tr /.

Đàn Lia

M zt trong nh Æœg câu chuy &n s †m nh ût v '
Alexander k (l H • [B H • £ B H _ H ˜% nh õQ, • H
hoàng t Åtr /, có l 5b y ho õc tám tu | H S • õp • :
ò • i s Ât Ä + H • Ï Á … j : • ñ • » ˆÁ H S • j% Á

tri ' · • R j B • s ñ u j H ñ R • _ û l Õ ñ thi ¢ • • ›
và duyên dáng v ‡ các v Q khách, giàn B • ‡ Á s Ã
tôn tr ,ng c Àa h , b ö ng cách không h „i nh Æ g
v ûj • ' t ý h • ¯ B ng mà h „i v ' z dài và ch û
_ Á ng c À ñ • ò • u ĵ ng Á‰ ñ • » Á S • ò À B x • ¯ B
ñ • » Á • ñ u • Q Õ ñ S • Ï W H • _ • ˆ j H Á j B Á‰ ¯ B
nào và các lo i quân mà ông û y s ‰ a Æ .

Chúng tôi không th (ch ô c ch ô n, j B Á j : • v • [B
j ó j : • j B Æ g s Â gi j Ö • ‰ • £ _ _ (m • ˆ i ba
j : Á ˆ H • ñ • » Á • _ Á · | i • Ï ‰ g tr j ‰ ' nhà. M z
trong nh Æ : • j : Á ˆ i này là Artabazus, m z th À
_ W j B • š · ñ g c À ñ • ñ • » Á S ˆ H j • Á • ¯ B ñ h • :
vào m z cu z c n | i d ü y c À a nh Æ : • j : Á ˆ H • { ng
bào ch y ng l i nhà vu ñ • Ï H • j ó h ‡ • • ¯ › v Á R • u j
r (c À a ông, Memnon, m z ¯ • j : ˆ Á H y L p t Ä o
Rhodes, là m z ¯ • j : ˆ Á khác trong s y nh Æ g
j : Á ˆ H • _ Á · • Ï u j : S ‡ m ¿ z j ¯ : • j Ï : ˆ Á Ai C ü p tên
là Menapis. H , ‰ • s ñ u j H (ñ tìm ki ‰ m
m z ¯ • j … H þ j ¯ • ñ ¸ j • ¯ u (j • ch y ng l i s Ã h } n
lo n c À a tri ' · • j R B • ñ • » Á Æ : • u j B Á ˆ H • j •
ông này h ‡ n là m z kho tàng thông tin v ' Ba
» Á • y v ‡ Alexander tr / tu | H S • Ï • [B x j : (• [B v

¯ Á‰j : • ¯ ‡Ág c ü u bé h ,c m ,i th Âcó th (v ' %
ch %Ï W • ‰˜ B J ñ • x jÄh•, ¯trong th ˆi gian ‰
Pella. Ngay t Ä khi còn nh „ c ü· • • h …' • Ï
nh Æ Ëg v Á … j : • ys̆.·C ü· • ¯ B'Ánǵ phàn nàn v †
b n bè r öng thành công c À a cha Philip trong
chi %j • ¯ › ñ j B • •õj.: •j_ $ j • h R j B T • m, ò •
B ñ • ¯ x H • ñ†˜j : • HÁ ;i th ÂW • ƒ j : • [B x(j : •
l i cho tôi ph ýj • û¯ • j u(•chinh ph ¾ R s

Vi &c Philip m ‰ zj : • j B ñ j B • B v j : • Ï Á ,yc j : • š
Macedon H ñ • [B x j : • v • : R • ò j :c• [Màoj B • j
j ó h • ¯ ‡ Á• [B H • _ Õ ñ j › • £ H j B • › ñ S • x
ph ¾4 ti ' j • { j • h ˜ B H ˜ u _ HÀ£ñ • j Í ‡Á Athen
ó j : • š · ñ • £ x j : • ® ¯ ‰Ö ch gij †v † Thrace.
V † thành ph y ph ýn l †n không b Q B Á • i Bvà
nh Æ Ë: • Á • ú j‰¯ •H… j • Ï R • [B hxûj:gì,Bc Åa
ngõ chi %j • _‡Á • ˜ B J ñ • x j : • j‰thÖành ¯ m ‡
j … H{n trú quan tr , j : • Ï • ¯ › · j : • ¯ ú h • ¯ B Á
m i ki (m soát tài nguyên g } và khoáng s n
c À a toàn b z ¯ B · j : • _ Í j : • ® ¯ › Ö h u j R

¿ j : • j ó h • £ B H _%h • ˜ • ˜ BBồ H u • Àñ l • • j : Ấ
Athen t i Pydna trên b ˆ bi (n Macedonia, ch S
cách Vergina m zt ngày hành quân, m õc dù
ti ' j • {n g ýj • v • i ¯Methone v ÿn n öm trong
¯ ñ Ö • ĵ HÁ • ¯ B j R • u ó h • £ ñ zi S Àš ô n ú g j •
l i t ûn công v ' ˜ B J ñ • x j : S% • th Hành ph y
Crenides c Àa Thracia g ýn Amphipolis. V Qua
Cetriporis c Àñ • j : Ấ Thracia r ût t Âc gi ün khi
m ût t hành ph y S •õc bi & là khi s Ãgiàu có t Äcác

m „ vàng g ýj • v • › … H • Ï u • ¯ ñ Ö • £ B H _ H gi ˆ khiêm t yn, Philip gi ˆ ú Ö • • _ z¯ • •ı H

B Á ñÄ • ¯ng có trong th ‰ gi ¦i Hy L ˜ • _ ã tên thành ph y theo tên mình. T Ä j : Ö • v ‰ ¯ › H •

B u • ‰ j • [B H • » B ò j B ‰ j £ • ñ ¯ · B _ ó • vào th ˆi La Mã và thành l üp nhà th ˆ … • y • : H ò ý u • tiên ‰ B ú · • · • ¯ › ß Ç j • (m H này, thành ph y Thracian c | Á ‡c g ‚i là Philippi.

V ǂ ngu {n thu t Ä các m „ ‰ Amphipolis và
Philippi, v Qua tr / tu |i c Àa Macedonia có th (
m ‰ zj : • š · ú j •i c Àa mình và trang b Qho nó
nh Æ: • Ï Í • [B J • Ï Ãa j : y nh ût. V ǂ nh Æg
ngu {n tài nguyên m †H • j Ö S • £ B H _ H ˜ •
s ¯ B u j • Ï u • j ó h • • ¯ z u j}: l •Ãh cu y
cùng nh öh • ò j B • | H • j :̂ iÁ Athen kh „i vùng
¯ › · j : • ¯ ú h • s ñ u j H ñ Æ cu + z c hi % d Æ
d zH S • j B Á jy:H • · ¿ j : • £ B H _hi H½ñ • Áǂc
thành ph y. Cái giá mà ông ph i tr là m û¯ • H •
m z con m ô¯ R • B u • ¿ • Sá mÖ z vB& xui
x /o hay h ü qu c Àa vi & nhìn ch öm ch öm vào
€ _ Ö h ˜ H ñ £ • ¯ ˆ n§ j v • † H • Á j :̂ iÁ yêu r ôj S • j B Á •

j : Á ˆ H • ¯ ñ • ÷j • [B Qn sau này, Philip v ÿn b Q mù m ʐt m ôt trong su ýt ph ýj • ˆì còn l i.

Cu ʐc vây hãm Methone (cu yH • j ó h • - ý · • j ó h • • ¯c › Á x j : • j : · Ö $ j c • Âng Bi %n Philip II c Àa Macedon chi %m Á‡ • ó j Âti ' h • j ó j : • y· cùng c À ñ • j : Á Athen trên b ˆ bi (n Macedonia.

Methone là m ʐt thành ph y trên V Qn Thermaic, ngay phía nam c Àa b ˆ bi (n Macedonia, và r ût g ýn th À x • : ñ • Ì Àa s ñ u j H ñ yR • th ˆì tr Qì c Àa Philip, Argaeus, m ʐt k / gi ñ j B S • † • Methone cùng v †H • R • Á • ú j • ¯ Bi j R • ¯ B j • • [B x j : • ¯ B j B • x ‡ r • [Argaeus nh öm gây ra m ʐt cu ʐc n |i d üy có l ‡ B u • ñ j B • ¯ ñ S • Ã B Á j di • ‰ c Àa m ʐt c ng Athen g ýj • ¯ › · j : • ¯ ú h • Ï Á . c j h • j š • [B %H Philip lo l ông. Quy 'n l Ãc c Àa Athen %phía b ô • : H ñ • ¯ ó j : • [B

Cersobleptes, con trai c Àa Cotys, vua c Àa Thrace, giao cho h,
h ýu h ‰ các thành ph y trên sông Chersonese.

Ph H _ H ˜ Äng v ü j • zng s Ã Àng h z ‰ » B › ñ S • j B Á j : • • : H
th ût b i, ông quy ‰ ¯ • Qn t ün công Methone.

Nh Æ j : • j : Á H • s ¯ B u j • Æ v • Æ j H • Á‡c m zt th ˆi gian, hy
v ,ng vào s Ã : H ¸ ˜ • Šc Àñ • ¯ B j R • ˆiu Athen có l 5 • _ $ j ‰ [
ho B • : H ¸ Š S • j B Á j : • ¯ B y j B • • ˜ ü B th Àt › Á‡c khi b ût k Ü
s Ãtr ‡ : H ¸ ˜ • j u ‰. Các công dân b Qu zc ph i r ˆi kh „i thành
ph y và ch S Á‡c phép mang theo m zt b z qu ýn áo duy nh ût.
Thành ph y • Qan b öj : • Ï • [B x j : • ‡c Áh ô • ‰ n Æ.

£ B H _ H ˜ Q ¯ B • Á … j : • ¯ › zc j bao vây này, m û ¯ • H • ûn j • h
ph i sau khi b Qúng m z ¯ • h Í H • ¯ $ j R

Polyaenus ghi l i m zt s Ã vi & t Äcu zc bao vây này. Sau khi
m zt s y j : Á ˆi c Àñ • £ B H _ H ‰ j • _ $ B j • ˜ Áng thành b öng thang,
£ B H _ H ˜ • • ¯ B ò u (¯ u B z ñ • j j : • Á ñ c • À a mình chi ‰ j • û u ác
li & ¯ • B … j R

u H $ j • chính xác c Àa các s Ã ki &n trong th ˆi k Ü này là không
› “ • › j : R • ' H u û › s · Æ s • ¾ • | c Àñ • s ¯ B u j • ¿ j : • j ó h • Ï
tr ün Neon (Cu zc chi ‰ thiêng liêng th Â ñ c S • h • B ¸ j : • ¯ ñ •
bi ‰ ¯ • Ï u • j ó h • ‡c ¯ › Áng nguyên.

Không n j • _ ƒ j : • ‡c › v Á ‰ ¯ • ¯ B Á … j : S • ô £ B H
ýu m ‰ r zng j B • B ‰ Ág v ' ˜ B J ñ • j ñ h ‰ •
Thessaly b öj : • ò • _ H $ j • h H j B S • ng £ ñ · •
cách chi ‰ n gi Æ ng quan tr ,ng Pagasae. Vi &c
ông k ‰ h ‡p m zt s y _ Áng l ‡n k Û binh

Thessalian n |i ti %þ : • Ï u • š · új¡ c Àñ • h R j B •
tr %ö thành m ±t thành ph ýn trung tâm trong s Âc
m nh quân s Ãc Àa ông, gi yj : • j B Á •yi v †i
Alexander. Ti %þ theo, Philip l i xâm chi %m
ò j • u • B ñ _ H H • Ï u • j ó ¦ín công • Ï •
thành ph y € _ Ö j ¯ B · £ RQ¦þng • B · Á • ‡c Áb o v &
t yt này t Ä _ ú · • • _ • ¯ › · j :Àa ¯hú ¯h • •zng
¯ B Á … j :i •trong khu v Ãc và t Äng là th À x •
c Àa Liên minh Chalcidic ch yng l i Sparta, sau
v • yBng l i Athens. Thành ph y có quan h &
thân thi &n v †H • s ñ u j H ñ S • j B Á j : • [B
chi %h • u ¯ • h ˜ B H ˜ u _ H £ S • j v • •†_ H $
¯ B j £ (• Á‡c b o v &R • u î Athen h Âa s 5
h } tr ‡S • j B Á j ö j : • ò B • j u • z H S • {ng B
Athen không bao gi ˆ có th (B u j • ¯ u {jng ý
v ' nh Æg gì nên làm. Khi thòng l ‚ng si %ch õt
€ _ Ö j ¯ B · £ ˆS • j :Athen tranh lu ün và trì hoãn
B u •% khi cu yH • ¿ j : • £ B H _ H ˜ • • ñ u • Ï
ph yR • u B • Ï ¡ ñ phá các b Â • ¯ ˆng và b ôn
nh Æ‡ : • h Í H • ¯ $ yng Õnh Æ‡ : • j : Ái phòng th Ậ
nhi ' · • h Í H • ¯ $ij : •• {ng có kh ôc tên c Àa
Philip. L ýn cu yi cùng khi chi %n thành ph y,
Philip t „ ra kh ôc nghi & m ±t cách l ¯ B ˆ Ág.

H ,   Á†p phá thành ph y, san b öj : • Q̃ • (mH và bán nh Æ‡ : • j : Ấi s yng sót làm nô l &R • »†c sÁÃ tàn phá c Àa Olynthus, Philip g ÅH • Hz •thông H&˜ • %j • j : Ấi Hy L p - ông có th (nhân t Ặ j B Á j : •%j ph j • yH S • x j : • Í j : • (•tàn ¯ B nh ÿn.

Nhà hùng bi &n n |i ti %ng c Àa Athen, Demosthenes - là m zt trong nh Æ‡ : • j : Ấi Hy L ˜ • ýu tiên nh ün ra Philip là m yH • ,a ch % j : Áˆ H •y v † các thành ph yc | i c Àa Hy L p. Ông xem các cu zc chinh ph t c Àa Philip %phía b ô • _ •† Á &h • (ti %n t † Athens. Ông • y

g ông h ‰s Â • (t üp h ‡˜ • {ng bào c Àa mình Âng lên ch yng l H • j B • Ï · ñ • s ñ u‡c H ñ • khi quá mu zn.

Demosthenes là m zt chính khách và nhà hùng bi &n xu ût B ¸ j : • j : ˆÁ Athen th ˆi Hy L p c | i. Các bài hùng bi &n c Àa x j : • • ‰ thành d ÿn ch Âng n |i b üt v ' s Âc m nh trí tu &c Àa j : Á ˆ H • ¯ B j • Á ..ˆi và • cũng c ûp m zt cái nhìn sâu s ôc v ' n 'n chính tr Ö • Ï ó j • B và À ñ • Hy L p c | i trong th ‰k Ð th Â4 TCN.

r v • ñ H • ¯ ›ycác•b£ j • B ¸ • ×%s Ãti % b z

c Àa Philip không? B j • • ¯ûyBanh ûÖ • Ï Á … j • _ S

t Äy % • ·yi tr %nên m nh m 5 j B Á • ¯%nBào

B Á ñ Yu•t‡iên anh ta l ûÖ • h ˜ B H ˜ u _ H £ S •

_ • £ Ö j ñ S • (B Á£ñu• ¯H[ñ ñ R • ® ñ · •

s ¯ B u j • Ï • » B £ £ ñ _ Ö R R R • ® ñ · • v

_ Á‡c Thrace, lo i b „ các th À _ W jÀB•h , và thay

th %b öj : • j : Á̂i c Àa mình... Cuyi cùng anh ta

tàn phá Olynt hus k và tôi th üm chí s 5không

' c ü˜ • % các chi % d Qch c Àa anh ta %Illyria

Ï • £ ñ u j H ñ W s

M õc dù kh j ó j : • B ¿ j : •&j•H_ • ‡t Átr zi,

Demosthenes không th (¯ B ¸ •þÖ • j :˜Á

Athen th ˆ … • · j :ûp nhi ' · • B … j • [jB́ j : •

ch yng l H • £ B H _ H ˜ • Ïzi •M̆acé[do•nia. H ýu

h % j : Á̂i Hy L p ch S … j • nHà không mu yn

tin nh Æg k / man r ‡ t Ä $ j • j : u HSn

Olympus có th (gây ra b ût k Üm yH • ,•a

nghiêm tr , j : • j u •% cách s yng c Àa h ,. SÂ

th ýj • h • j : Á̂ Athen c Å % Pella d) dàng b Q

mê ho õc b %trò g þÖ • j • _ Àa ñA•lexander

h Á̂i tu |i, £ ñ · • vQPhilip mua chu z • (làm

B ƒ ñ • Ï • j B R j • ¯ ‡B ng khác B Á trong khi ông nu yt ch Ång thêm lãnh th | Hy L p.

u B Á j : • .z. l • ‡B nh û c Àa Philip cho c tính h ‡p pháp trong m ô ¯ • j : ˆÁ Hy L p và vi &c m ‰ r zng j B • B ‰Á ng c Àa ông xu yng phía nam v ÿn B Á ñ‰. Thánh Q • ' _ ˜ B H S • j .Æ H ì tiê_n Á · • ¯ › H • Ï W h • û c Àa th ýn Apollo, t Ä _ ú · • ‰ ¯ › ¯ B j B • j ¾ n ‚p • linh thiêng c Àa toàn Hy L p.

Delphi là khu b o t{n tôn giáo c | i dành riêng cho th ýn Apollo c Àa Hy L ˜ R • ‡c Á phát tri (n vào th ‰k Þth Â • ¯ ›‡c Á Công nguyên, ¯ B ò j B Q • _ • ‰c. À H • Nhà tiên tri x Â Delphi và n Æ ¯ · • £ W • £ Ö ¯ ˆB n H | ñ t S ‰ng : k Á ‚p th ‰gi ‡ c | i v ' kh j ó j : • ¯ H $ j • u ò j • ¯ Á … j : ‡c _h ñ H • k Ï ‰ j • ¯ Á › ‡c Á m ‚i ch À ¯ › Á … ‡ j. R _• + ú Ö • Í j : • _ • š · $À B T Á ‰v. ü n : h zi Pythian, û· • ¯ › n Á g quan tr ‚ng th Â hai ‰ Hy L p sau Th ‰v ü n h zi - Olympia. Delphi suy tàn cùng v ‡ s Ã tr }i d üy c À ñ • …y c giáo và cu yi cùng b Q B x j • Ï ¿ H ‡ H • Q Á • (m H c Àa m zt ngôi làng m ‡ B u • ‰ cu yi nh Æ ‡ : • j ó h • R

+ 'n th ˆ APOLLO

Ph ýn trung tâm và quan tr ‚ng nh û c À ñ • ' _ ˜ B H • n_th • ˆ Apollo S • j … H • £ Ö ¯ B H ñ ‰ng l Á ñ tiê n tr • j c Àa mình trong adyton, m z ¯ • ó j • ˜ B ƒ j : • › H & $ j R ' • n th H ˆ th ýn Apollo n ö m trên m z ¯ • £ ú j • ‡ng B l Á ‡ j • Á ‡c h } tr ‡ b ‰m zt b Â • ¯ ˆ Á ‡ : • ñ • giác.

các chiến binh Triballi. Họ đã chiếm điểm duy nhất để vượt qua những ngọn núi với những chiếc xe ngựa.

Đèo Shipka

Alexander tiến tới và nghiên cứu địa hình. Đường lên đèo dốc và chỉ đủ rộng cho vài chục người leo lên. Triballi có một lợi thế to lớn khi họ giữ vững vùng đất cao, nhưng Alexander còn thấy một mối nguy hiểm lớn hơn. Những người dân bộ lạc miền núi đã định vị những chiếc xe để chúng có thể lao xuống quân lính

và phá vỡ phòng tuyến của anh. Đây là thử thách lớn đầu tiên của Alexander về khả năng chỉ huy — và anh đã đối mặt với nó bằng một sự táo bạo khéo léo sẽ trở thành dấu ấn cho chức vị tướng lĩnh của mình.



Chiến binh Triballi

Anh ra lệnh cho người của mình tiến lên đường mòn theo đội hình tiêu chuẩn, nhưng phải sẵn sàng mở hàng để xe lao qua. Nếu điều đó là không thể, họ phải ngồi xuống đất và liên kết các tấm chắn phía trước để tạo thành một đoạn đường dốc để những chiếc xe lăn lên tấm chắn và bay lên trên họ. Những người đàn ông sợ rằng họ sẽ bị nghiền thành

bột bên dưới xe, nhưng họ vẫn tiến lên. Ngay sau khi những chiếc xe đầu tiên lao xuống đường, một số người Macedonia được đào tạo bài bản đã di chuyển sang một bên để cho xe vượt qua trong khi những người khác khóa khiên và chuẩn bị tinh thần để chịu va chạm. Những chiếc xe va vào bức tường chắn với một lực cực lớn, nhưng chúng lao qua những người lính và rơi ra từng mảnh khi chạm đất. Alexander trong khi đó di chuyển sang bên trái với những người lính tốt nhất của mình và tiến lên trong khi các cung thủ bắn vào quân Triballi đang kinh ngạc nhưng không nản lòng. Những người trong bộ lạc rất dũng cảm, nhưng họ được trang bị kém và tổ chức tồi. Khi Alexander và người của mình đến đầu con đèo, quân Triballi vứt vũ khí sang một bên và chạy xuống sườn phía bắc của ngọn núi nhanh nhất có thể. Hơn một nghìn chiến binh đã bị giết và một số lượng lớn kho báu bị tịch thu, trong khi nhiều phụ nữ và trẻ em của họ bị bắt làm nô lệ. Họ, cùng với chiến lợi phẩm, đã được gửi trở lại bờ biển Aegean như một dấu

hiệu cho tất cả thấy rằng đây là một vị vua có thể dẫn dắt quân đội của mình đến chiến thắng.

Từ trên đỉnh đèo, Alexander phóng tầm mắt qua những khu rừng và những ngọn đồi nhấp nhô xuống thung lũng Danube bên dưới. Quân đội của anh từ trên núi hành quân xuống và nhanh chóng đến một con sông nhỏ tên là Lyginus, cách sông Danube ba ngày. Vua Syrmus của Triballi đã nghe nói về sự tiến công của Alexander và đã gửi nhiều phụ nữ và trẻ em trong bộ tộc đến nơi an toàn trên một hòn đảo lớn tên là Peuce ("cây thông") ở giữa sông Danube. Các bộ lạc Đồng minh đã tập hợp ở đó và sớm tham gia với Syrmus. Hàng loạt chiến binh Triballi đã khéo léo di chuyển phía sau Alexander khi anh rời sông Lyginus và tiến vào vị trí phòng thủ trong một khu rừng rậm rạp. Ở một vị trí như vậy, quân Triballi sẽ an toàn trước cuộc tấn công ồ ạt của bộ binh hoặc kỵ binh Macedonia. Họ dự định khiến nhà vua Macedonia sẽ phải từ bỏ lợi thế quân sự

của mình với một đội quân có kỷ luật và chiến đấu với họ giữa những tảng đá và cây cối theo phong cách hoang dã thực sự.

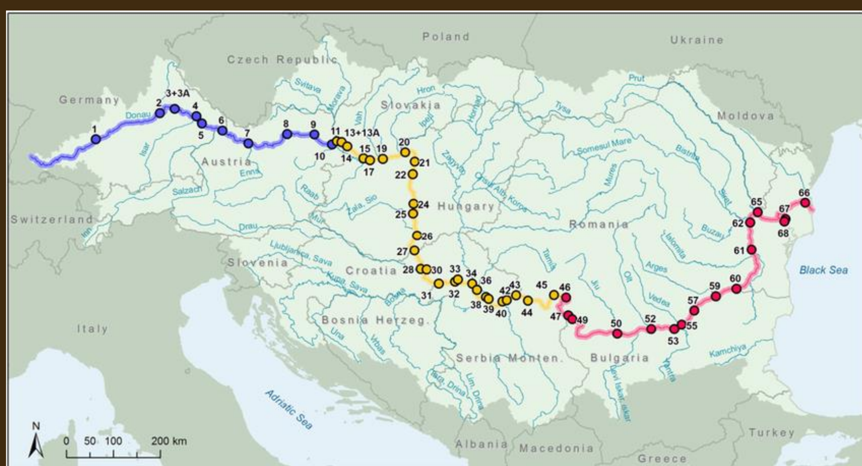
Khi các trinh sát của Alexander báo cáo rằng hầu hết các Triballi giờ đã ở phía sau, anh không ngần ngại xoay chuyển quân của mình và quay trở lại Lyginus. Khi đến nơi, anh nhìn thấy ngay những gì quân Triballi muốn nhưng không hề có ý định rơi vào bẫy của chúng. Anh xếp bộ binh của mình theo đội hình sâu với những ngọn giáo sarissa dài nhắm thẳng vào khu rừng trước mặt. Sau đó, ra lệnh cho con trai của Parmenion là Philotas dẫn đầu cánh kỵ binh ở bên phải trong khi những kỵ binh còn lại tập trung ở bên trái. Alexander tự mình đảm nhận vị trí trong hàng ngũ tiền phương ở trung tâm của bộ binh. Triballi mong đợi một cuộc tấn công, nhưng thay vào đó, nhà vua đã cử các cung thủ và kỵ binh đến trước để kích động Triballi rời khỏi nơi trú ẩn đầy cây cối của họ. Ngay sau đó, các chiến binh Triballi phẫn nộ đến mức lao ra bãi đất trống trước hàng

quân của Alexander, gào thét. Sau đó, nhà vua cho cả bộ binh và kỵ binh tiến lên. Những người cầm giáo xiên Triballi ở những vị trí gần trong khi những kỵ sĩ tiến vào từ hai phía. Tộc Triballi, giống như rất nhiều con cừu, bị dồn thành một khối chặt đến mức kỵ binh Macedonia sử dụng ngựa của họ làm vũ khí chẳng kém gì lao, đẩy người bộ lạc xuống và giẫm đạp họ bên dưới móng guốc. Cuối cùng, Triballi dũng cảm nhưng ngu ngốc đã phá vỡ vòng vây và chạy trở lại rừng, nhưng chỉ một số ít trốn thoát trong bóng tối đang đến gần. Ba nghìn chiến binh man rợ đã bỏ mạng khi bảo vệ quê hương của họ ngày hôm đó, trong khi Ptolemy báo cáo chỉ có khoảng năm mươi người Macedonia chết trong trận chiến.

Ba ngày sau, Alexander đang đứng bên sông Danube. Kể từ nhà thơ Hy Lạp Hesiod vào thế kỷ thứ tám trước Công nguyên, thế giới Địa Trung Hải đã biết sông Danube xa xôi - mà người Hy Lạp gọi bằng cái tên Thracia Ister - là một trong những con sông lớn trên thế giới.

Đối với người Hy Lạp, nó là một con đường thủy bí ẩn phát sinh ở đâu đó trên dãy Alps và đi xuyên qua những khu rừng tối tăm và vùng đất của những bộ lạc man rợ đến Biển Đen.

Sông Danube là sông dài thứ hai ở châu Âu. Sông bắt nguồn từ vùng Rừng Đen của Đức, là hợp lưu của hai dòng sông Brigach và Breg. Lưu vực sông Danube được tính từ vùng Donaueschingen là điểm hai con sông được nhắc tới ở trên gặp nhau. Sông dài 2850 km, chảy qua nhiều nước Trung - Đông Âu và đổ vào Biển Đen.





Trong số những dân tộc sống dọc theo bờ của nó có người Celt, người Đức, người Dacia, người Scythia và người Thracia, bao gồm cả người Getae ở bờ phía bắc đối diện với Alexander. Là một người quan tâm đến nhà sử học Hy Lạp Herodotus, Alexander biết Getae là khác thường trong thế giới cổ đại vì niềm tin của họ vào một vị thần duy nhất và sự bất tử của linh hồn.



Getae là một số bộ lạc Thracia từng sinh sống tại các vùng hạ lưu sông Danube, ở khu vực ngày nay là miền bắc Bulgaria và miền nam Romania. Từ Getae có thể bắt nguồn từ một từ ghép trong tiếng Hy Lạp: khu vực này là vùng nội địa của các thuộc địa Hy Lạp trên bờ Biển Đen, đưa Getae tiếp xúc với người Hy Lạp cổ đại từ rất sớm. Mặc dù người ta tin rằng người

Getae có quan hệ họ hàng với các nước láng giềng phía tây của họ, người Dacia, một số học giả, đặc biệt là trong sử học Romania, cho rằng người Getae và người Dacia là cùng một dân tộc.

Đối với những người dân bộ tộc này, một chiến binh bị giết sẽ đến sống với thần Salmoxis, bậc thầy của sấm và chớp. Cứ 5 năm một lần, họ sẽ đâm một nạn nhân được chọn bằng các mũi giáo của binh lính để gửi thông điệp đến vị thần của họ. Nếu người đàn ông chết nhanh chóng, việc hiến sinh được coi là thành công - nhưng nếu anh ta không chết sớm, họ sẽ chọn một nạn nhân khác thay thế.



Người Hy Lạp từ lâu đã buôn bán với các bộ lạc ở thung lũng sông Danube để lấy ngũ cốc, lông thú và nô lệ. Hơn một thế kỷ trước đó, những kẻ man rợ của những vùng đất phía bắc này thậm chí đã nhìn thấy một đội quân phương nam hùng mạnh trên biên giới của họ. Darius, Đại vương của Ba Tư, đã dẫn lực lượng của mình đến sông Danube và băng qua sông trên một cây cầu phao dài để chiến đấu với người Scythia trên Biển Đen.



Lá cờ của đế chế Macedonia

Lúc này chàng trai trẻ Alexander đang đứng bên dòng sông và xem xét cảnh tượng trước mắt. Triballi và đồng minh của họ chiếm một hòn đảo kiên cố với những bờ dốc ở giữa con sông rộng. Ở các bờ phía bắc là các chiến binh của Getae, hàng ngàn người mạnh mẽ, đang chế nhạo những người lính Macedonia mà họ biết là không bao giờ có thể tiếp cận được họ. Một số tàu tiếp tế của Alexander đã đến trại

sau khi lên đường từ bờ Biển Đen, nhưng chúng không đủ để chở quân. Dường như Alexander không thể đi xa hơn.

Alexander có ý định băng qua sông đến những vùng đất chưa người Macedonia nào từng qua. Darius đã dẫn đầu một đội quân Ba Tư qua phía bắc sông Danube - tại sao không phải là Alexander? Vượt sông là điều mà ngay cả cha anh, Philip, cũng chưa từng mơ tới. Một cuộc phiêu lưu táo bạo như vậy sẽ truyền cảm hứng cho quân đội của anh cho chiến dịch chống lại Ba Tư và tạo ấn tượng với những người Hy Lạp rắc rối. Nhưng làm sao anh có thể chuyển quân sang bờ bên kia? Không có đủ thuyền để chở hoặc thời gian để xây một cây cầu, và quá xa để bơi.

May mắn thay cho nhà vua, anh đã đọc câu chuyện về Xenophon và mười nghìn lính đánh thuê Hy Lạp đã chiến đấu ở Mesopotamia bảy mươi năm trước đó. Đối mặt với tình trạng khó khăn tương tự trên sông Euphrates, Xenophon đã nghĩ ra một giải pháp tài tình: “Những

người lính lấy tấm lều của họ và chất đầy cỏ khô, sau đó gấp các mép lại và khâu để nước không làm ẩm vật liệu. Trên những cái này, họ đã vượt sông.”



Xenophon, con của Gryllus, cũng được gọi là Xenophon của Athens, là một nhà sử học, lính đánh thuê người Hy Lạp và là học trò của Socrates. Trong khi không được những người cùng thời coi là một nhà triết học, vị thế triết gia của ông vẫn là một đề tài gây tranh cãi. Ông được biết đến vì đã viết lịch sử của thời đại ông sống, những năm cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 4 TCN, đặc biệt những ghi chép của ông trong những năm cuối cùng của chiến tranh Peloponnesus. Tác phẩm Hellenica của ông đã kể lại lịch sử thời gian đó, được coi là sự kế thừa của tác phẩm Lịch sử chiến tranh Peloponnesian của Thucydides. Sự tham gia thời trẻ của ông trong chiến dịch thất bại của Cyrus trẻ trong cuộc hành quân Thập Vạn để chiếm ngôi vua Ba Tư đã tạo cảm hứng cho ông viết tác phẩm Anabasis nổi tiếng nhất của mình.

Người của Alexander không rõ ràng, nhưng họ tin tưởng vua của mình và bắt đầu may vá. Với việc bổ sung thêm một số tàu từ Macedonia và tịch thu mọi xuồng độc mộc mà họ có thể tìm thấy, hơn năm nghìn bộ binh và kỵ binh đã lên đường vượt sông vào đêm đó.

Quân đội Macedonia đã đến bờ phía bắc của con sông một cách an toàn và nghỉ ngơi trên một cánh đồng lúa mì cao cho đến rạng sáng. Alexander sau đó ra lệnh cho người của mình âm thầm tiến về phía trại Getae. Ông đặt bộ

binh của mình ở phía trước. Khi họ lên trên bãi đất trống trước trại Getae, Alexander dẫn đầu kỵ binh ở cánh phải trong khi Nicanor, một người con khác của Parmenion, chỉ huy bộ binh. Getae đã hoàn toàn mất cảnh giác. Họ ngạc nhiên khi thấy Alexander đã băng qua sông Danube trong một đêm mà không hề xây cầu, như lời tổ tiên của họ kể rằng Vị vua vĩ đại của Ba Tư đã từng làm. Bây giờ họ phải đối mặt với một bức tường vững chắc của những ngọn giáo Macedonia đang tiến về phía họ trong khi kỵ binh của đối phương tấn công từ bên cạnh. Họ nhanh chóng bị phá vỡ và chạy đến thành phố gần nhất trên một con đường ngắn bên sông, nhưng Alexander đã bám sát suốt chặng đường. Sau đó, người Getae đã đóng gói hành lý và mang theo càng nhiều phụ nữ và trẻ em càng tốt, họ có thể mang theo ngựa và cưỡi trên những cánh đồng cỏ bất tận ở phía bắc. Alexander đến khu định cư và cướp phá mọi thứ có giá trị - chắc chắn bao gồm cả nhiều tác phẩm vàng ròng của người Thracia - và thiêu rụi thành phố.

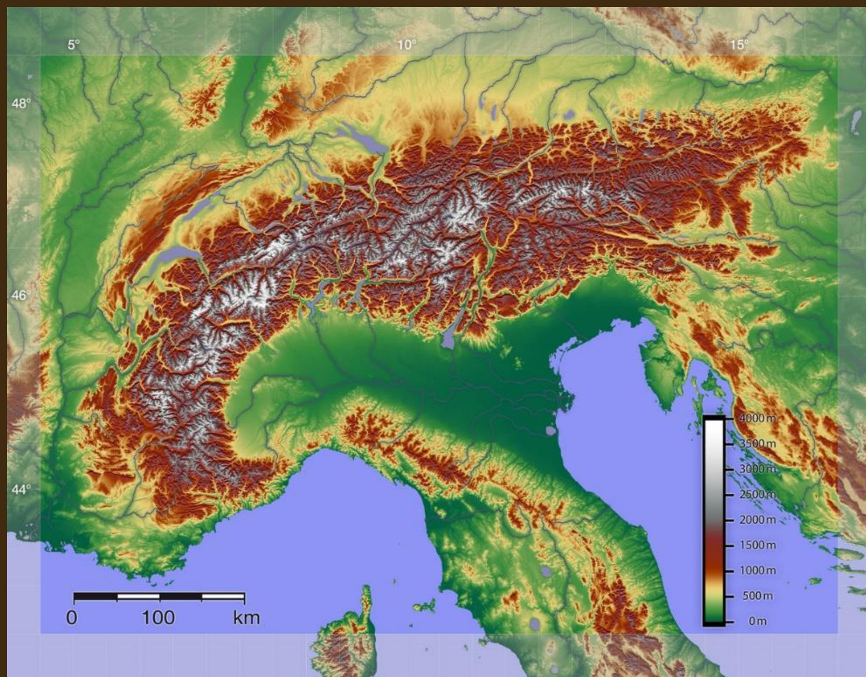
Sau khi gửi lại chiến lợi phẩm qua sông, Alexander tiến hành những gì sẽ trở thành một nghi lễ thường xuyên trong chuyến thám hiểm Ba Tư của mình. Anh đã cúng tế cho Zeus the Soter ("đấng cứu thế" - cùng một từ tiếng Hy Lạp mà người Cơ đốc giáo sau này sẽ dùng cho Chúa Kitô), cho tổ tiên Hercules của mình, và cho vị thần địa phương được nhân cách hóa từ sông Danube, người đã cho phép anh đi qua vùng nước của mình một cách an toàn. Anh không muốn đuổi những người tị nạn Getae xa hơn vì mục tiêu của anh đã được thực hiện. Tin đồn sẽ nhanh chóng lan truyền từ dãy Alps đến Crimea rằng vị vua mới của Macedonia không thể xem thường. Biên giới phía bắc đã an toàn, Alexander trở về trại cùng ngày trên bờ nam sông Danube.

Alps (An-pơ) là một trong những dãy núi lớn nhất, dài nhất châu Âu, trải dài qua 8 quốc gia, lần lượt là: Pháp, Thụy Sĩ, Ý, Monaco, Liechtenstein, Áo, Đức và Slovenia. Dãy Alps được hình thành từ hơn 10 triệu năm trước, khi các mảng châu Phi và Á-Âu đâm hút nhau.

Sự va chạm khiến các lớp đá trầm tích biển nâng lên bởi các hoạt động đứt gãy và uốn nếp hình thành nên những ngọn

núi cao như Mont Blanc và Matterhorn. Núi Mont Blanc kéo dài theo ranh giới của Pháp-Ý, với độ cao 4.810 m, nên đây là ngọn núi cao nhất dãy Alps. 128 ngọn núi của dãy Alps cao hơn bốn ngàn mét, trong đó có 82 ngọn độc lập, 46 chỏm núi, một số ngọn núi ít nhiều bị đóng băng. Dãy núi Alps được chia thành nhiều nhóm núi và chuỗi.

Toàn bộ khu vực Alps có diện tích khoảng 200.000 km2. Nó kéo dài khoảng 750 km từ tây sang đông và khoảng 400 km từ bắc xuống nam và giáp với Thung lũng Rhone (Vallée du Rhône), Miền Trung Thụy Sĩ (Swiss Mittelland), thượng nguồn sông Danube, Đồng bằng Hungary nhỏ, Thung lũng Po và Vịnh Genova ở Biển Ligure. Vùng Alps bao gồm các khu vực của tám quốc gia và tạo thành môi trường sống của 13 triệu người và được xem như một khu vực nghỉ dưỡng thiên nhiên của châu Âu.







Khi Alexander quay trở lại trại, Syrmus, vua của Triballi, đã cử đại sứ đến gặp để hòa giải. Chúng ta không biết chính xác các thỏa thuận, nhưng chắc hẳn bao gồm một đội ngũ binh

lính người Triballi gia nhập quân đội của Alexander vì các nguồn cổ xưa cho biết quân Triballi cùng Alexander tiến vào châu Á. Các ghi chép cũng cho thấy những chiến binh Thracia này đã định cư lâu dài tại một thành phố mà vua Macedonia sẽ thành lập bên bờ sông Oxus ở trung tâm châu Á. Các đại sứ khác cũng đến từ các bộ lạc địa phương để tìm kiếm hòa bình, nhưng chuyến thăm đáng nhớ nhất là từ một bộ tộc Celt. Trong nhiều năm, Alexander đã nhận được nhiều phái đoàn đáng chú ý, nhưng cuộc gặp gỡ sớm này trên sông Danube đã chứng tỏ là một trong những cuộc gặp gỡ đáng chú ý nhất trong sự nghiệp của nhà vua.

Người Celt từ lâu đã sống ở Gaul và Đức gần dãy núi Alps, nơi họ chăn gia súc, thu thập đầu từ những kẻ thù đã chết và đạt được danh tiếng ấn tượng là một trong những chiến binh dũng mãnh nhất trên thế giới. Chỉ một vài thế hệ trước Alexander, họ đã bắt đầu rời khỏi quê hương rừng rậm của mình để đến Anh, Ireland,

miền bắc nước Ý và thung lũng thượng nguồn sông Danube. Ptolemy, bạn của Alexander, người có mặt tại cuộc họp, ghi lại nhóm người Celt này đã đến sau một hành trình dài từ một khu định cư gần Biển Adriatic. Anh ấy ấn tượng nhất về chiều cao của họ, vì họ cao hơn người Macedonia ít nhất một cái đầu, nhưng anh ấy cũng nói họ lao vào trại như thể Alexander nên là người cảm thấy vinh dự khi họ viếng thăm. Họ đến tìm kiếm tình bạn với nhà vua và để trao đổi những cam kết hòa bình. Nhà vua Macedonia đã tiếp đón họ một cách nồng nhiệt và hết sức tò mò vì người thầy của ông là Aristotle đã thường xuyên nhắc đến họ trong các bài giảng về đức hạnh của ông. Aristotle đã dạy rằng lòng dũng cảm ở một người đàn ông là một phẩm chất đáng ngưỡng mộ, nhưng sự táo bạo thái quá là điều không mong muốn. Để làm ví dụ cho hành vi như vậy, ông dẫn chứng người Celt, những người được cho là sẽ tấn công cả những con sóng của đại dương. Khi Alexander “nhậu” với khách của mình, anh hỏi điều gì họ sợ nhất, hy

vọng họ sẽ thổ lộ. Nhưng đại sứ Celt nhìn thẳng vào mắt nhà vua và trả lời họ không sợ gì cả - ngoại trừ, ông ta cười nói rằng bầu trời có thể rơi xuống đầu họ. Nhưng vì lợi ích ngoại giao, ông nói thêm họ coi trọng tình bạn với một người đàn ông như Alexander hơn bất cứ điều gì. Sau khi người Celt rời trại để bắt đầu cuộc hành trình dài ngày về nhà, Alexander quay sang Ptolemy và tuyên bố người Celt là những kẻ khoác lác không thể tin được.



Từ sông Danube, Alexander tấn công về phía tây nam qua những ngọn núi về phía cao nguyên do Langarus, vua người Agrianian cai trị. Alexander đã biết Langarus trong nhiều năm và dự định để người của mình đồn trú trên lãnh thổ của người bạn cũ trước khi trở về Macedonia. Quân đội của anh đã hành quân hàng trăm dặm và từng tham gia nhiều trận đánh khó khăn chỉ trong vài tuần, vì vậy họ cần thời gian nghỉ ngơi. Anh đã dành vài ngày đầu để nối lại quan hệ với Langarus và tuyển mộ một số chiến binh giỏi nhất vào quân đội của mình, những đội quân miền núi cứng rắn sẽ trở thành nhân tố chủ chốt trong lực lượng của anh ở châu Á. Đó là một trong những trường hợp sớm nhất của việc Alexander kết hợp những người lính không phải người Hy Lạp hoặc không phải người Macedonia vào hàng ngũ của mình — một chính sách nhìn xa trông rộng nhưng dù sao cũng sẽ gây ra vô số rắc rối giữa nhà vua và các sĩ quan của anh trong chiến dịch Ba Tư.

Nhưng không có chỗ cho sự nghỉ ngơi. Một người đưa tin nhanh chóng đi vào trại và báo tin người Illyrian đang nổi dậy, dẫn đầu bởi Cleitus, con trai của Bardylis, kẻ thù cũ của Philip. Glaucias, vua của người Taulantia trên bờ biển Adriatic, đã gia nhập cùng Cleitus với bộ tộc Autariatae ở phía bắc.



Người Illyria là một nhóm các bộ tộc Ấn-Âu vào thời Cổ đại, từng sinh sống tại Tây Balkan và duyên hải đông nam bán đảo Ý.

Đây là tin dữ đối với Alexander vì một liên minh các bộ lạc Illyrian thù địch có thể trì hoãn cuộc xâm lược châu Á của anh và thậm chí đe dọa sự tồn vong của vương quốc. Người Illyrian không được tổ chức tốt như người Macedonia, nhưng họ dũng cảm và đông đảo.

Alexander biết mình phải hành động ngay lập tức dù người của anh đã kiệt sức. Anh nhanh chóng thu thập thông tin tình báo về cuộc nổi dậy và phát hiện ra Autariatae, bộ tộc trước đây chưa được biết đến, là mối đe dọa ít nhất. Langarus coi họ như một bộ tộc nhỏ và đề nghị lãnh đạo một số người Agrianian của riêng mình chống lại họ trong khi Alexander xử lý Cleitus. Vua Macedonia biết ơn đến nỗi đã hứa với Langarus sẽ gã người em gái cùng cha khác mẹ là Cyna khi trở về. Cô con gái nổi tiếng của Philip đã từng kết hôn với một trong những kẻ được cho là âm mưu chống lại Philip, và đã bị tiêu diệt - Audata, Cyna một lần nữa trở thành con tốt trong trò chơi bất tận của các liên minh hôn nhân hoàng gia.

Langarus sẽ chết trước khi có thể gặp cô dâu của mình, nhưng vào thời điểm đó, ông ta rất biết ơn về viễn cảnh gia nhập hoàng gia Macedonia nên đã nhiệt tình làm theo lệnh của Alexander và tàn phá Autariatae. Lúc đó Alexander đã tiến sâu vào lãnh thổ Illyrian gần thành phố với bức tường bao quanh Pellium, trụ sở của Cleitus. Alexander đã chạy nhanh đến thành phố để ngăn cản Glaucias và những người Taulant của ông ta liên kết với Cleitus. Người Macedonia đến đột ngột đến nỗi họ làm gián đoạn một cuộc hiến tế đang diễn ra bên ngoài bức tường. Những người đàn ông của Alexander không xa lạ với máu, nhưng họ ớn lạnh khi nhìn thấy hài cốt của ba con chó đực màu đen, ba cậu bé và ba cô gái trên bàn thờ của vị thần địa phương. Hy sinh con người là rất hiếm ở Địa Trung Hải, nhưng nó vẫn được thực hiện ở các vùng rừng núi ở châu Âu.

Điều đáng lo ngại hơn đối với Alexander là tình huống nguy hiểm mà giờ đây anh đã thấy.

Pellium rất kiên cố và chỉ có thể chiếm bằng một cuộc bao vây kéo dài, trong khi những ngọn đồi xung quanh thành phố do người Illyrian trấn giữ. Tệ hơn nữa, anh nhận được tin đội quân của Glaucias vừa mới đến thung lũng. Người Macedonia đã cố gắng dồn Cleitus vào bên trong các bức tường của thành phố, nhưng nếu họ thực hiện bất kỳ động thái nào chống lại những người lính trong thung lũng xung quanh, những người đàn ông trong thành phố chắc chắn sẽ lao ra và tấn công họ từ phía sau. Mặt khác, nếu họ xông vào các bức tường của Pellium, Glaucias sẽ lao vào họ. Anh đã cử Philotas cùng một đội kỵ binh đến các trang trại gần đó tìm thực phẩm, nhưng buộc phải đích thân giải cứu khi họ bị bắt lúc màn đêm buông xuống. Đó là một tình huống tiến thoái lưỡng nan với Alexander. Anh không thể chiếm thành phố cũng như không thể tấn công kẻ thù xung quanh và lương thực đang cạn dần. Cleitus và Glaucias hẳn rất vui mừng khi bẫy được vị vua trẻ của Macedonia vào một vị trí nguy hiểm như vậy. Tất cả những

gì họ phải làm là đóng kín để nghiền nát Alexander một lần và mãi mãi.

Nhưng Alexander một lần nữa cho thấy tư chất thiên tài của mình. Nhà vua biết mình đông hơn và không có cơ hội trốn thoát hay chiếm thành. Đối mặt với tình trạng khó khăn vô vọng này, anh quyết định tổ chức một cuộc diễu hành.

Vào buổi sáng sớm, những người Illyrian trên những ngọn đồi xung quanh đã thấy nhà vua điều bộ binh của mình thành một đội hình chặt chẽ sâu hơn một dặm. Mỗi bộ binh Macedonia cầm một cây sarissa dài 5,4m. Họ đã được lệnh phải di chuyển trong im lặng, khi có tín hiệu mỗi người giơ ngọn giáo của mình lên trời mà không phát ra âm thanh. Nhìn nó như thể một khu rừng đột nhiên mọc lên từ cánh đồng trước thành phố. Với độ chính xác đáng kinh ngạc có được từ quá trình luyện tập không ngừng, bộ binh vung những chiếc sarissas (giáo) trước sau như một, sang phải, rồi sang trái. Theo lệnh của Alexander, họ tiến thẳng

về phía trước mà không nói một lời nào, sau đó quay vòng về mỗi bên trong một đội hình hoàn hảo.

Người Illyrian bị mê hoặc bởi màn diễu hành này. Chính họ đã chiến đấu theo cách cũ, với sự dũng cảm liều lĩnh là quy tắc duy nhất. Nhưng những người Macedonia này đã di chuyển cùng nhau như một cỗ máy, với vẻ đẹp quả là kỳ diệu. Kẻ thù thực sự đã cổ vũ khi quân của Alexander di chuyển nhanh chóng về phía họ, sau đó thực hành các bước phức tạp, kết thúc bằng một phalanx (phương trận) hình nêm nhắm thẳng về phía trước. Sau đó, người Macedonia, theo tín hiệu của Alexander, lấy khiên giơ lên và cất lên một tiếng kêu chiến đấu có thể đánh thức người chết. Người Illyrian hoàn toàn mất cảnh giác trước tác phẩm chiến tranh tâm lý tuyệt vời này đến nỗi họ kinh hoàng bỏ chạy, dọn đường cho quân của Alexander rút lui.

Dù sao thì đó cũng là một cuộc hành quân gian khổ ra khỏi thung lũng. Người Illyrian

nhanh chóng phục hồi các giác quan và đánh trả lại. Họ đã chặn đường rút lui trên một ngọn đồi nhỏ ven đường cho đến khi Alexander cử kỵ binh đến đánh đuổi họ. Người Macedonia đã không sớm đến nơi băng qua sông ở cuối thung lũng khi họ nhìn thấy hàng ngàn chiến binh Illyrian từ những ngọn đồi tiến xuống pháo đài. Alexander xếp các cung thủ ở giữa đường để yểm trợ tốt nhất có thể cho những người đang rút lui của mình, sau đó ra lệnh cho binh lính nhanh chóng bố trí ở phía xa con sông và nhắm máy phóng đá vào những kỵ binh địch đang tiến tới từ xa. Đạn đá bắn trúng những kỵ binh từ khoảng cách xa đến nỗi Glaucias và kỵ binh của ông ta phải dừng lại. Họ đã nghe nói về máy bắn đá trong chiến tranh bao vây, nhưng trước đó rất ít khi Alexander sử dụng chúng để chống lại kẻ thù trên chiến trường. Cách điều động độc đáo này, xuất phát từ trí tưởng tượng của vị vua trẻ vào một thời điểm tuyệt vọng, đã dành đủ thời gian để phần còn lại của quân Macedonia vượt

sông đến nơi an toàn mà không để mất một người nào.

Nếu Alexander là bất kỳ vị tướng nào khác, anh sẽ cảm ơn các vị thần vì đã rút lui thần kỳ về Macedonia. Nhưng nhà vua không phải là người rút lui khỏi một cuộc chiến mà không có chiến thắng. Ba ngày sau, khi Cleitus và Glaucias tin rằng người Macedonia đã ở xa, Alexander lặng lẽ di chuyển trở lại bên kia sông dưới bóng tối bao trùm. Một trinh sát đã nói với anh rằng kẻ thù đã triển khai đúng như anh nghĩ - không có tường phòng thủ, không có chiến hào và không có lính canh. Alexander và người của mình di chuyển vào trại Illyrian và giết kẻ thù đầu tiên khi chúng đang ngủ, sau đó tấn công những kẻ man rợ đang hoảng sợ với tốc độ nhanh đến nỗi chúng vứt vũ khí sang một bên và chạy khỏi thành phố, những người sống sót trốn vào núi. Cleitus phóng hỏa thành phố, bỏ trốn cùng Glaucias và những người Taulant của hắn, không bao giờ được nghe tin tức nữa.

Ngay khi Alexander hy vọng, cuối cùng anh có thể bắt đầu cuộc xâm lược châu Á, thì tin tức từ phía nam lại đến nói rằng các thành bang Hy Lạp lại một lần nữa nổi dậy. Vì anh đã hành quân trong nhiều tuần vượt ra ngoài biên giới của nền văn minh, nên đây dường như là cơ hội hoàn hảo để các thành bang bất mãn của Hy Lạp nổi dậy. Như họ lý luận, một cậu bé thiếu kinh nghiệm chỉ vừa tròn hai mươi mốt tuổi không thể thắng nổi các bộ lạc man rợ của phương bắc. Ngay cả khi Alexander vẫn còn sống, sự vắng mặt quá lâu đã khiến người Hy Lạp có nhiều thời gian để sôi sục trong sự bất mãn. Và như thường lệ, người Ba Tư có trong tay rất nhiều vàng để cung cấp cho quân Hy Lạp và ngăn cản mọi kế hoạch của người Macedonia cho một chiến dịch châu Á.

Nhà hùng biện người Athen Demosthenes một lần nữa đứng đầu trong việc gây rắc rối cho Alexander. Mùa hè năm đó, ông ta leo lên bục diễn giả tại hội nghị Athen và tuyên bố Alexander và toàn bộ quân đội Macedonia đã

bị tiêu diệt bởi Triballi trên sông Danube. Ông ta thậm chí còn tạo ra một cựu binh được cho là đã tham trận được quấn băng đẫm máu, người tuyên bố chính anh đã nhìn thấy Alexander ngã xuống. Người Athen đứng dậy cổ vũ cho sự tái sinh của nền độc lập Hy Lạp. Tin tức lan truyền nhanh chóng là tên bạo chúa trẻ đã chết. Như Arrian đã nhận xét một cách khôn ngoan, "Như thường xảy ra trong những trường hợp như vậy khi không có sự thật nhất định, mọi người tin rằng sự thật là bất cứ điều gì họ mong muốn nhất."

Arrian (86/89 - 146/160 SCN) là một sử gia Hy Lạp, công chức, chỉ huy quân sự và triết gia của thời kỳ La Mã.

Tác phẩm Anabasis of Alexander của Arrian được coi là nguồn tốt nhất về các chiến dịch của Alexander Đại đế.



Không có thành bang nào của Hy Lạp mong muốn nổi loạn hơn Thebes. Chỉ ba năm trước đó, người Thebans đã kinh hoàng chứng kiến quân đội của họ bị Philip và Alexander nghiền nát tại Chaeronea. Sau đó, họ đã hai lần chịu đựng nỗi nhục nhã khi đầu hàng và việc đóng quân của người Macedonia trên thành Cadmeia nhìn ra thành phố của họ. Thebes, thành phố huyền thoại của Oedipus và kẻ chinh phục Sparta, đã bị biến thành một tiền đồn cấp tỉnh của đế chế Macedonia. Nó quá

sức chịu đựng của những người dân. Mặc dù họ đã mất đi nhiều người tốt nhất của mình tại Chaeronea, họ vẫn là một dân tộc tự hào với truyền thống quân sự lâu đời. Theo thần thoại truyền lại từ tổ tiên, họ đã mọc ra từ răng rồng được gieo xuống đất. Bây giờ họ quyết tâm chứng minh rằng họ vẫn có thể cắn.

Tia lửa thắp lên ngọn lửa nổi dậy xuất hiện khi một nhóm nhỏ những người lưu vong ở Thebes bị Philip đánh đuổi vài năm trước đó lẻn vào thành phố với mục đích kích động một cuộc nổi dậy. Các đơn vị đồn trú của Macedonia tại Thebes đã trở nên tự tin vào khả năng bất khả xâm phạm của nó đến nỗi những người đàn ông thường xuyên đi lang thang trên các đường phố của Thebes bên ngoài các bức tường bảo vệ của Cadmeia, không nghi ngờ gì nữa để tìm kiếm rượu và phụ nữ. Một đêm những kẻ lưu vong đã phục kích hai trong số những người lính này, Amyntas và Timolaus, và giết họ một cách trắng trợn. Những kẻ sát nhân sau đó đến

trước hội đồng Theban và khoe khoang hành động của mình, thúc giục người dân trong thành phố tham gia cùng họ bằng cách gợi lên lý tưởng được yêu mến nhất của Hy Lạp: eleutheria — tự do.

Người Thebans hăng hái nhận lời kêu gọi và đổ xô đến Cadmeia. Thành trì là một ngọn đồi hình bầu dục ở cuối phía nam của thành phố nằm sát tường thành. Không có cách nào để người dân xông vào pháo đài, nhưng họ có thể cô lập những người bảo vệ Macedonia. Họ nhanh chóng đào chiến hào và xây dựng các hàng rào để cắt đứt nguồn cung cấp và quân tiếp viện của quân chiếm đóng, sau đó hội đồng gửi tin đến các thành phố thân thiện của Hy Lạp yêu cầu giúp đỡ. Những kỵ sĩ đã tăng tốc đến Arcadia, Argos và Elis, tất cả đều ở Peloponnese xa xôi. Thật không may cho người Thebes, lịch sử hiếu chiến của họ đã tạo ra những kẻ thù ở các quốc gia láng giềng. Ngay cả những người Peloponnesians cũng không muốn giúp. Chỉ Arcadians gửi quân tiếp

viện, nhưng chỉ đóng trại cách ba mươi dặm gần Corinth để chờ xem tình hình. Các sứ giả không gặp may mắn hơn ở Athens, nơi Demosthenes - theo kiểu điển hình - đã dẫn đầu một cuộc bỏ phiếu sôi nổi ủng hộ những kẻ nổi loạn Theban dũng cảm, sau đó không làm gì cả.

Trong khi đó tại Thebes, chỉ huy của đơn vị đồn trú Macedonia đã theo dõi quân Cadmeia khi người dân thành phố xây dựng những bức tường bao vây xung quanh anh ta. Họ thậm chí còn xây dựng những hàng rào chắn bên ngoài các bức tường phía nam của thành phố để ngăn việc trốn thoát. Người chỉ huy đã ra lệnh cho binh sĩ chuẩn bị những gì họ có thể, nhưng nếu không có quân tiếp viện, họ chỉ có thể làm rất ít điều trừ việc chờ đợi.

Alexander không hề nhàn rỗi. Ngay khi nghe tin về cuộc nổi dậy ở Thebes, anh dở trại ở Illyria và bắt đầu chạy đua về phía nam. Bản thân người Thebes là một lực lượng hùng mạnh, và nếu họ tham chiến cùng bộ binh

Peloponnesian và hải quân Athen - tất cả đều được Ba Tư hậu thuẫn - thì họ có thể tạo ra một liên minh đáng gờm. Vì vậy, không để lãng phí thời gian, anh đã hành quân từ Pellium cả ngày lẫn đêm mà không hề nghỉ ngơi dọc theo những con đường mòn núi non hiểm trở ở miền trung Hy Lạp cho đến khi cuối cùng lên được vùng đồng bằng phía tây Thessaly. Từ đó, họ tiến về phía nam qua đèo Thermopylae và băng qua Boeotia đến ngoại ô Thebes. Họ đi hai mươi dặm một ngày qua một số địa hình khắc nghiệt nhất ở châu Âu, đó là một thành tích đặc biệt. Quân Macedonia đã đến cổng Thebes trước sự ngỡ ngàng của quân nổi dậy.

Điều gì xảy ra tiếp theo phụ thuộc vào việc bạn tin sử gia Hy Lạp nào. Hai nguồn chính của chúng ta về cuộc tấn công vào Thebes — Arrian và Diodorus — vẽ hai bức tranh hấp dẫn như nhau về hành động của Alexander tại thành phố. Họ đồng ý về những sự kiện cơ bản, nhưng động cơ thúc đẩy nhà vua và mức

độ anh xử phạt sẽ trở thành một sự kiện đầu nguồn trong lịch sử Hy Lạp.



Cả hai tác giả đều mô tả cách Alexander dựng trại gần cuối phía bắc của bức tường thành để cho người Thebes có thời gian xem xét lại cuộc nổi dậy của họ. Nhà vua không muốn một cuộc chiến nếu có thể ngăn chặn được — không phải vì anh yêu Thebes, mà vì mỗi ngày anh ở

lại Hy Lạp chỉ làm giảm cơ hội thành công ở châu Á. Nếu có thể, Alexander sẽ thích Thebes đầu hàng và được tha thứ. Nếu họ làm như vậy, có lẽ anh sẽ hài lòng với việc hành quyết hoặc đày ải một vài kẻ cầm đầu và hứa hẹn sẽ cư xử tốt hơn trong tương lai từ những người còn lại. Nhưng người Thebes sẽ không có nó. Hội đồng của họ đã thông qua một nghị quyết nhất trí tuyên bố sẽ chiến đấu.

Alexander đã có hàng nghìn binh lính Macedonia và đồng minh vây quanh Thebes, bao gồm, như Arrian nhấn mạnh, lực lượng dự phòng từ Plataea, Orchomenus và Thespiae — ba thành phố lân cận từng bị tàn phá nặng nề dưới tay quân Thebes trong quá khứ. Những người lính này đã lớn lên với những câu chuyện về thành phố của họ bị đốt cháy, lãnh thổ bị tịch thu và mẹ của họ bị xâm phạm bởi những người lính Thebes độc ác. Alexander có thể muốn hòa bình, nhưng nhiều người tham gia cùng anh tại Thebes lại khao khát được trả thù.

Nhiều giờ trôi qua, Alexander chờ đợi một dấu hiệu phục tùng từ Thebes. Thay vào đó, những người dân lao ra khỏi cổng với kỵ binh và một lực lượng lớn quân được trang bị vũ khí để gây bất ngờ cho quân Macedonia. Alexander không ngờ rằng Thebes sẽ tấn công mình trước. Họ đã giết được một vài lính canh của anh trước khi chạy trốn trở lại sau bức tường thành. Với nỗi thất vọng ngày càng dâng cao, ngày hôm sau, Alexander chuyển trại về phía nam thành phố, gần đường đến Athens. Vị trí này cũng gần hơn với quân đội của anh, đang bị phong tỏa bên trong Cadmeia. Anh gửi một sứ giả khác đến các bức tường để thông báo anh vẫn sẵn sàng tha thứ cho Thebes mặc dù họ đã giết một số người của anh. Không nghi ngờ gì với hy vọng chia rẽ các công dân, anh tuyên bố bất kỳ công dân nào của thành phố muốn đều có thể đầu hàng và tham gia vào hòa bình mà anh tặng cho tất cả người Hy Lạp. Thay vào đó, người Thebes bắt đầu hét lên từ các tòa tháp rằng bất kỳ ai trong đội quân của Alexander muốn tham gia cùng họ và vua Ba

Tư, hãy chạy trốn khỏi sự bạo ngược của bạo chúa Alexander, đều được chào đón bên trong thành phố.

Arrian bỏ qua tình tiết này và đổ lỗi cho những gì xảy ra tiếp theo cho một trong những sĩ quan của Alexander, nhưng Diodorus ghi lại một phiên bản mà theo nhiều cách thì đáng tin hơn. Ông nói rằng có điều gì đó bên trong Alexander đã vỡ vụn khi anh nghe người Thebes gọi anh là bạo chúa, đặc biệt là khi họ cầu khẩn Vua Ba Tư như một người giải phóng Hy Lạp. Alexander khi đọc cuốn Cộng hòa của Plato đã biết chế độ chuyên chế là hình thức chính phủ cơ bản nhất, trong mắt nhà triết học nó thậm chí còn đáng khinh bỉ hơn là chế độ dân chủ. Nhà vua nổi cơn thịnh nộ cao ngất và tuyên bố sẽ lấy Thebes làm gương cho tất cả. Như Diodorus nói, “Anh quyết định hủy diệt hoàn toàn thành phố. Bằng hành động khủng bố có chủ ý này, anh hy vọng sẽ dập tắt bất kỳ ai dám chống lại trong tương lai”. Với mục tiêu trong đầu, Alexander kêu gọi các kỹ sư của

mình chuẩn bị máy móc bao vây và lên kế hoạch xóa sổ Thebes khỏi bản đồ Hy Lạp.

Nhưng theo Arrian, những gì đã xảy ra là lỗi của một đội trưởng đội cận vệ tên là Perdiccas. Viên sĩ quan này là một trong những tín đồ trung thành nhất của Alexander và xuất thân từ một gia đình quý tộc ở vùng cao nguyên Orestis của Macedonia. Anh ta đã chiến đấu dũng cảm với Alexander ở Illyria và trong tương lai sẽ trở thành một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của Macedonia, nhưng bây giờ anh ta chỉ đơn giản là một người lính trẻ háo hức muốn gây ấn tượng với nhà vua của mình. Perdiccas đã đóng trại gần các hàng rào của kẻ thù ở phía đông nam thành phố. Anh nhìn thấy cơ hội để xông vào cổng thành với quân của mình mà không hỏi ý kiến của Alexander. Trước khi mọi người biết chuyện gì đang xảy ra, Perdiccas và người của anh ta đã vào trong các bức tường với một tiểu đoàn Macedonia khác. Tại thời điểm đó,

Alexander không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tấn công.

Dù câu chuyện có thật đi chăng nữa thì cuộc chiến giành Thebes cũng rất tàn khốc. Nhà vua ra lệnh cho người Agrianians và các cung thủ từ Crete vào bên trong thành, nhưng vẫn giữ bộ binh của mình trong tình trạng chuẩn bị. Trong khi đó, Perdiccas nóng nảy đã lao sâu vào thành phố và bị thương nặng. Quân lính kéo anh ta đến nơi an toàn và các thầy thuốc đã cứu sống anh ta một cách khó khăn, nhưng người của anh ta vẫn tiếp tục cuộc tấn công gần đền thờ Hercules ngay bên dưới Cadmeia. Ở đó, họ bao vây một đội quân Thebes lớn, tin rằng họ đã bị mắc kẹt, nhưng với tiếng hét, binh lính của Thebes đã đánh bật những kẻ xâm lược. Người của Alexander đã mất cảnh giác và hoảng sợ trên những con đường xa lạ, đến nỗi gần bảy mươi cung thủ đã bị giết trong vòng vài phút.

Alexander nhìn những người của mình sợ hãi lao ra khỏi thành phố. Anh biết mình phải làm

điều gì đó thật nhanh. Anh xếp những người Macedonia kỳ cựu vào đội hình sarissa chết chóc để tấn công những người Thebes đang truy đuổi. Giờ đến lượt người Thebes hoảng sợ khi đối mặt với những ngọn giáo đáng sợ đó. Họ chạy trở lại cổng thành với một đám đông vô tổ chức đến nỗi những người cuối cùng chạy qua quên không đóng cổng. Alexander xông vào và người của anh tỏa ra khắp thành phố.

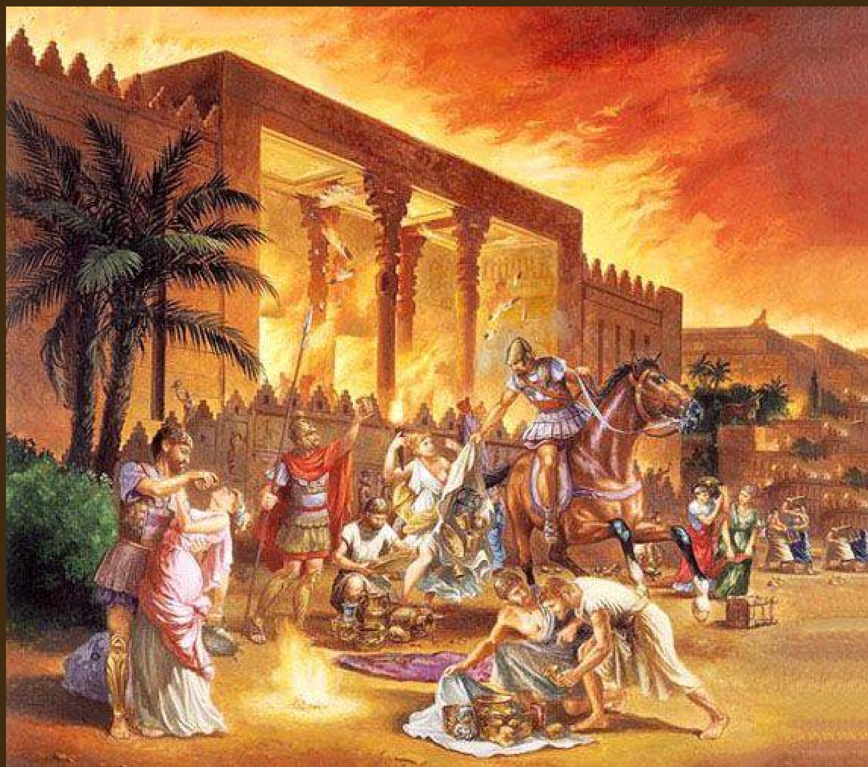
Giống như sự sụp đổ của bất kỳ thành phố nào trong chiến tranh, kết quả là sự thảm sát kinh hoàng. Trong những con phố chật hẹp của Thebes, tiếng la hét và tiếng kim loại va chạm tràn ngập không khí. Một số người của Alexander đã đến được Cadmeia và giải thoát những người lính Macedonia bị mắc kẹt bên trong, nhưng hầu hết đã chiến đấu trong thành phố.



Người Thebes thúc giục nhau chống lại bằng tất cả sức mạnh, nghĩ đến số phận đang chờ đợi gia đình họ nếu thất bại. Alexander ngạc nhiên trước tinh thần của người dân khi họ giữ vững lập trường, nhưng anh vẫn quyết tâm khiến họ phải trả giá đắt cho sự phản bội của mình. Arrian nói rằng chính những người Hy Lạp từ các thành phố gần Thebes đã tàn sát

phụ nữ và trẻ em không thương tiếc, nhưng người Macedonia chắc chắn đã tham dự. Nhà cửa bị cướp bóc, vợ và con gái bị hãm hiếp, những người già bị giết trên giường, và ngay cả những công dân tìm nơi ẩn náu trong các ngôi đền cũng bị giết khi họ đang ôm chặt bàn thờ của các vị thần.

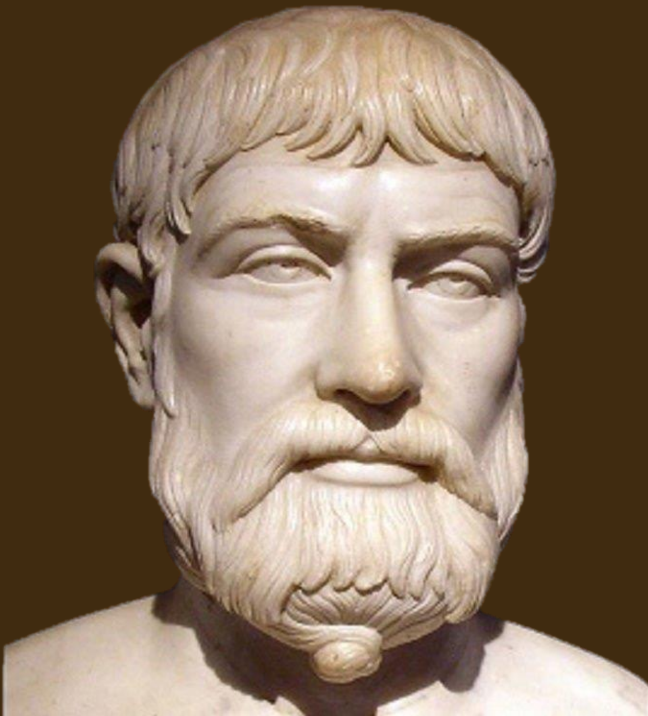
Hơn sáu nghìn người Thebes đã bỏ mạng vào ngày hôm đó, trong khi ít nhất ba mươi nghìn người bị bắt. Đó là một vụ tàn sát không giống như bất cứ thứ gì mà thế giới Hy Lạp từng thấy. Các thành phố khác đã bị phá hủy trong chiến tranh, nhưng chưa bao giờ một trong những thành phố lớn của Hy Lạp bị thất thủ đột ngột và hoàn toàn như vậy. Cứ như thể những câu chuyện cũ về thành Troy đã sống lại.



Alexander viện cớ để cho Liên đoàn Corinth quyết định việc phải làm với tàn tích của Thebes, nhưng đó chỉ là một màn trình diễn. Tuyên bố thành phố sẽ bị san bằng, các vùng đất xung quanh thị trấn được phân phối cho các đồng minh, và những người sống sót ở Thebes bị bán làm nô lệ. Một lượng lớn tiền thu được từ các cuộc đấu giá nô lệ đã được chuyển thẳng đến kho bạc Macedonia. Những công dân duy nhất được Alexander tha là các

linh mục và nữ tu sĩ, những người đã thể hiện tình bạn bền vững với Macedonia, và những hậu duệ của nhà thơ Pindar – người Alexander đặc biệt coi trọng.

Pindar (có lẽ sinh vào năm 518 trước CN tại Cynoscephalae, Boeotia, Hy Lạp - mất sau năm 446, có thể là năm 438, tại Argos), nhà thơ trữ tình vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại và là bậc thầy của epinicia - các bản hợp xướng ăn mừng chiến thắng đạt được trong các thế vận hội Pythian, Olympic, Isthmian và Nemean.



Pindar xuất thân cao quý, có thể thuộc một gia đình Spartan, Aegeids, mặc dù bằng chứng cho điều này là không thuyết

phục. Cha mẹ của ông, Daiphantus và Cleodice, chỉ tồn tại dưới tên gọi; chú của ông là Scopelinus, một người chơi aulos điêu luyện, chắc chắn đã giúp đỡ trong quá trình học âm nhạc ban đầu của Pindar.

Pindar là nhà thơ Hy Lạp đầu tiên phản ánh về bản chất của thơ ca và vai trò của nhà thơ. Giống như các nhà thơ khác của thời cổ đại, ông có ý thức sâu sắc về những thăng trầm của cuộc sống, nhưng cũng thể hiện một niềm tin cuồng nhiệt vào những gì con người có thể đạt được nhờ ân sủng của các vị thần, được thể hiện nổi tiếng nhất qua đoạn thơ:

Sinh vật này là ai?

Chỉ là một cái bóng của giấc mơ

Phàm nhân thôi hay là,

Một tia sáng huy hoàng của thiên đường,

Đặt họ trên ánh sáng của vinh quang

Và ban phước cho họ.

Trên thực tế, câu chuyện về lòng thương xót của Alexander giữa khung cảnh kinh hoàng như vậy là có cơ sở, vì anh đã hành động tử tế với phụ nữ. Theo Plutarch, khi một nhóm lính Thracian đột nhập vào một ngôi nhà lớn trong thành phố, họ gặp một góa phụ trẻ tên là Timocleia, nổi tiếng khắp thành phố vì lòng mộ đạo của cô. Trong khi những người lính

cướp bóc tài sản, thủ lĩnh của họ đã cưỡng hiếp cô, sau đó hỏi cô có bất kỳ kho báu nào được cất giấu không. Cô ấy thú nhận rằng, cô có cất giấu báu vật trong khu vườn của mình. Thủ lĩnh Thracian theo cô đến một cái giếng, cô nói với anh ta là cô đã bỏ những vật có giá trị của mình xuống đó khi cuộc bao vây bắt đầu. Khi người đàn ông tham lam cúi xuống cái giếng, Timocleia tiến đến phía sau và đẩy anh ta xuống. Sau đó cô ném những viên đá nặng vào người đàn ông bị mắc kẹt cho đến khi anh ta bị nghiền nát. Khi những người còn lại của Thracia phát hiện ra, họ trói cô và dẫn đến Alexander để trừng phạt. Người phụ nữ bị trói xuất hiện trước mặt nhà vua với phong thái điềm tĩnh và phẩm giá đáng ngạc nhiên. Alexander hỏi cô là ai và cô mạnh dạn trả lời rằng cô là vợ của chỉ huy Theban, người đã chiến đấu với Philip trong trận Chaeronea. Alexander ấn tượng với Timocleia đến mức để cô rời thành phố tự do cùng với các con.



Khi tin tức về sự hủy diệt của Thebes lan truyền khắp Hy Lạp, các thành phố đã nổi dậy vội vã giải thích rằng họ luôn đứng về phía anh. Những người Arcadia đã cử một đội binh lính tới tận Corinth đã bỏ phiếu cho việc hành quyết những thủ lĩnh đã xúi giục phản loạn. Các thành phố khác đã cử đại sứ đến gặp Alexander để cầu xin sự tha thứ và đảm bảo về lòng trung thành bất diệt của họ với Macedonia. Cả Hy Lạp chợt nhớ rằng họ chưa bao giờ thực sự quan tâm đến Thebes. Thật vậy, chẳng phải người Thebes đã ủng hộ Ba

Tư đáng ghét trong cuộc chiến tranh vào thế kỷ trước sao? Chắc chắn họ xứng đáng với kết cục như vậy.

Giống như Philip, Alexander đã nghe tất cả và biết cách thể hiện vai diễn của mình trong bộ phim mệt mỏi này 🥱. Anh đã tha thứ cho người Hy Lạp và hứa sẽ không trả thù họ - ngoại trừ Athens. Khi những sứ giả đầu tiên từ Thebes đến Attica, người Athens đang cúng tế nữ thần Demeter tại thành phố Eleusis gần đó. Nữ thần đảm bảo mặt trời ấm áp sẽ trở lại sau mùa đông sắp tới, nhưng với người Athen dường như bóng tối sắp buông xuống vĩnh viễn. Họ không thực sự gửi quân đến hỗ trợ Thebes, nhưng họ có thể mong đợi Alexander tha thứ khi đã âm mưu chống lại anh bao nhiêu lần? Họ từ bỏ lễ hội tôn giáo ngay lập tức và quay trở lại các bức tường thành của Athen. Lần này chắc chắn nhà vua sẽ tung quân Macedonia để phá hủy thành phố của họ một lần và mãi mãi.

Chính khách lâu đời của Athen là Demades đề xuất người Athen gửi một đại sứ đến gặp Alexander để chúc mừng anh đã trở về an toàn từ vùng đất man rợ ở phía bắc và chiến thắng lẫy lừng trước Thebes. Hội đồng đã làm ngay lập tức, nhưng Alexander đã gửi họ trở lại Athen với một thông điệp, anh sẵn sàng bỏ qua sự bất trung của Athen nếu họ gửi đến mười kẻ thù lâu năm của anh, bao gồm cả kẻ gây rối chính Demosthenes. Đối với lãnh đạo đảng bảo thủ Phocion, điều này có vẻ hoàn toàn hợp lý. Ông là một cựu quân nhân được kính trọng, từng là học viên của Plato. Ông ta cũng ghét Demosthenes và sẽ rất vui khi thấy kẻ thù lâu năm bị đóng đinh bởi người Macedonia. Ông đứng dậy trước hội đồng và kêu gọi đồng bào nhớ lại câu chuyện về những anh hùng Athen - Leos và Hyacinthus, những người đã hy sinh những đứa con gái để cứu thành bang khi nó phải đối mặt với sự hủy diệt. Quay sang Demosthenes, ông tuyên bố những người con gái đơn thuần này đã sẵn sàng hy sinh để cứu thành phố của họ —

chẳng phải bất kỳ người yêu nước thực sự nào của Athen cũng làm như vậy sao?

Bất chấp Demades, những người ủng hộ Demosthenes vẫn điều khiển hội đồng và ném vị tướng cũ ra khỏi bục. Demosthenes sau đó leo lên các bậc đá và nói trước đồng bào của mình bằng một bài phát biểu được chuẩn bị kỹ lưỡng. Không phải vô cớ mà ông được coi là nhà hùng biện hay nhất thời đại. Đến cuối bài diễn văn của mình, ông ấy đã thu phục được đám đông về phía mình. Demades, bị mua chuộc bởi đảng của Demosthenes, sau đó đề xuất họ gửi một đại sứ thứ hai đến chỗ Alexander để cầu xin anh xem xét lại và tha cho các nhà lãnh đạo Athen. Vì nhà vua vẫn cần hải quân Athen cho cuộc xâm lược Ba Tư, lần này Alexander đã hài lòng với điều kiện họ chỉ giao vị tướng Charidemus cho anh. Đây là một mưu đồ thông minh, vì ông ta không phải là người gốc Athen và không đụng đến lợi ích của tất cả các bên. Charidemus biết điều đó và ngay lập tức lên đường gia nhập quân Ba Tư.

Hài lòng, Alexander đồng ý hòa bình với người Athen.

Từ Thebes, Alexander hành quân về nhà. Bây giờ đã là cuối mùa thu và còn nhiều việc phải làm trước khi quân đội của anh có thể đến châu Á vào mùa xuân. Nhà vua miễn cưỡng triệu hồi Parmenion từ Tiểu Á để làm chỉ huy thứ hai của mình trong chuyến thám hiểm như cái giá cho sự hỗ trợ của vị tướng già. Một chính khách lớn tuổi khác của Philip, Antipater, được phong làm nhiếp chính ở Macedonia để cai trị thay vua và giữ quân Hy Lạp yên vị trong khi anh tham chiến trên khắp Aegean. Cả hai người đều khuyên Alexander kết hôn và tạo ra một người thừa kế trước khi khởi hành cho một chiến dịch có thể là rất dài và nguy hiểm. Đó là lời khuyên đúng đắn và phù hợp với truyền thống Macedonia, nhưng nhà vua không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh chỉ mới hai mốt và với sự tự tin của tuổi trẻ, anh tin mình có quá đủ thời gian để lo lắng cho chuyện lập gia đình trong tương lai.

Anh cũng không còn kiên nhẫn để đợi vợ mang thai và sinh con trai. Kết hôn có nghĩa là phải trì hoãn chuyến thám hiểm châu Á ít nhất một năm nữa, điều này là không thể được đối với Alexander.



Để giải trí cho quân đội của mình và sẵn sàng cho cuộc chiến sắp tới, nhà vua tổ chức các cuộc thi và lễ hội thể thao tại Dion bên dưới Núi tuyết Olympus. Một thập kỷ trước, Alexander đã thuần hóa Bucephalus tại thánh địa này. Bây giờ, con chiến mã dũng mãnh vẫn ở bên cạnh, anh tổ chức các trò chơi thuộc mọi thể loại cho người của mình và trao những phần thưởng huy hoàng cho người chiến thắng. Trong chín ngày, anh đã cúng tế rất nhiều cho Zeus, cha của các vị thần. Một chiếc lều khổng lồ đã được dựng lên để chứa hàng trăm chiếc ghế dài dành cho khách của Alexander. Cả quân đội ăn tối như những vị vua trong nhiều ngày và uống rượu mỗi đêm

như những chiến binh Macedonia thực thụ trước trận chiến. Họ sẽ cần tất cả lòng can đảm mà họ có thể tập hợp để đối đầu với sức mạnh khủng khiếp của Đế chế Ba Tư.

Thần Zeus – Vị thần tối cao trên đỉnh Olympus.

Zeus là vua của các vị thần Olympus, là đấng trị vì của bầu trời, thời tiết, giông bão, sấm sét, gió và mây. Zeus đồng thời cũng là thần của luật lệ, mệnh lệnh, công lý, định mệnh và loài người. Zeus còn được biết đến là “cha của các vị thần” hay “vua của vạn vật”.

Huyền thoại về sự ra đời của thần Zeus

Zeus là con thứ 6 của Titan Kronos và Rhera. Với mặc cảm về tội giết cha, thần Kronos luôn lo sợ quyền lực của mình sẽ không tồn tại được lâu. Ông bị ám ảnh bởi một ý nghĩ cho rằng rồi sẽ có lúc đến lượt các con của mình sẽ lại nổi loạn trừng phạt chính mình, giống như lúc ông đã trừng phạt cha mình.

Vậy nên Kronos liền ra lệnh cho vợ ông là nữ thần Rhera phải đem ngay những đứa con mà bà vừa sinh ra đến cho ông, mục đích là để ông nuốt chửng ngay chúng không chút thương xót. Và thế là thần Kronos lần lượt nuốt 5 người con của mình vào bụng, đó là ba người con gái Demeter, Hera, Hestia và hai con trai là Hades và Poseidon.

Không thể để cho Kronos nuốt chửng mất đứa con út của mình sắp sửa ra đời Rhera liền khóc lóc van xin mẹ nàng là nữ thần Gaia giúp đỡ. Theo lời khuyên của Gaia, bà bỏ trốn đến hòn đảo Crete trên biển Địa Trung Hải. Tại đây, bà trú trong một

chiếc hang sâu trên núi lửa và đã sinh hạ ra thần Zeus. Giấu con ở đó, nữ thần Rhera quay trở về và trao cho Kronos một hòn đá bọc trong một chiếc tã lót thay cho đứa trẻ mới sinh. Không hề nghi ngờ, Kronos liền nuốt ngay cả hòn đá lẫn chiếc tã vào bụng.





Rhera đã bí mật nuôi dưỡng thần Zeus trong hang động Mount Ida tại đảo Crete. Bà đã phái khoảng 3, 5 hoặc 9 linh hồn Daimones, các Kourete và các Daktyloi xuống đảo Crete để bảo vệ đứa con mới sinh bé bỏng. Để giữ cho Zeus được an toàn khỏi người cha ăn thịt con Kronos, bọn chúng đã nhấn chìm tiếng khóc của trẻ con trong những vũ điệu điên cuồng với tiếng loảng xoảng của giáo mác và khiên, tránh cho chàng khỏi phải chịu chung số phận bất hạnh với các anh chị.

Zeus càng lớn càng cường tráng khoẻ mạnh và khôi ngô tuấn tú. Sau khi biết chuyện về các anh chị của mình, Zeus đã nổi loạn chống lại cha và buộc cha phải nhả các anh chị của chàng ra. Kronos già nua không chống lại được sức khỏe của Zeus, lại có thêm sự giúp sức của nữ thần Gaia và nữ thần Trí Tuệ Metis - vợ thứ nhất của Zeus.

Không bao lâu sau, Zeus liên minh với các anh chị của mình, tuyên chiến với Kronos và với các thần khổng lồ Titan để giành quyền cai trị thế giới. Họ tìm đến những người khổng lồ một mắt nhờ chế tạo ra các loại vũ khí quyền lực. Họ đã tạo ra chiếc mũ tử thần cho Hades, cây đinh ba cho Poseidon và tia sét dành cho thần Zeus.

Sau đó Zeus đã giết Kampe (ác nữ rồng canh gác địa ngục) để giải thoát các Cyclop và Hekatonkheire cũng như yêu cầu họ tham chiến. Những Cyclop và Hekatonkheire đã giúp xây dựng nên lâu đài ở đỉnh Olympus và chế tạo vũ khí cho các vị thần Olympus.



Hades


GREEK GOD
POSEIDON
God of The 7 Sea



Một cuộc chiến kéo dài đằng đẵng 10 năm đã nổ ra giữa các Titan và các vị Thần và quân đồng minh. Cuối cùng tất cả Titan, quân đồng minh và toàn bộ những kẻ đi theo Titan như Iapetos, Koios, Krios hay Hyperion đều bị đày xuống vực Tartarus. Kronos bị giết và xé thành trăm mảnh bằng chính lưỡi hái của ông ta trước khi bị ném xuống địa ngục.

Ngoài ra, Atlas bị nguyền rủa phải chống đỡ bầu trời suốt phần đời còn lại, Menoitios bị quật ngã bởi tia sét của thần Zeus và bị ném vào địa ngục Erebos. Còn về phần cung điện của Kronos ở núi Othrys, đã bị các Hekatonkheire chôn vùi bởi hàng trăm tảng đá.



Hekatonkheire

Bên ngoài cổng có các vị thần trăm tay Hekatonkheire ngày đêm canh gác để trông coi không cho một vị Titan nào thoát khỏi được vương quốc tăm tối vĩnh hằng này. Quyền cai trị thế giới của các Titan từ nay chấm dứt. Bắt đầu thời đại của các vị thần trên núi Olympus.



Titan Atlas

Tên gọi các vị thần trên núi Olympus dùng để chỉ các thần thuộc thế hệ thứ hai sau thế hệ các thần khổng lồ, và sở dĩ họ được gọi như vậy là vì các vị thần này đã lấy quả núi Olympus làm đại bản doanh trong cuộc giao tranh với các vị thần Titan. Nhưng nhiều khi tên gọi này lại được dùng để dành cho thần Zeus cùng đoàn tuỳ tùng của thần ngự trên núi Olympus sau khi ông đã phân chia quyền lực và lãnh địa cai quản cho các anh của mình.

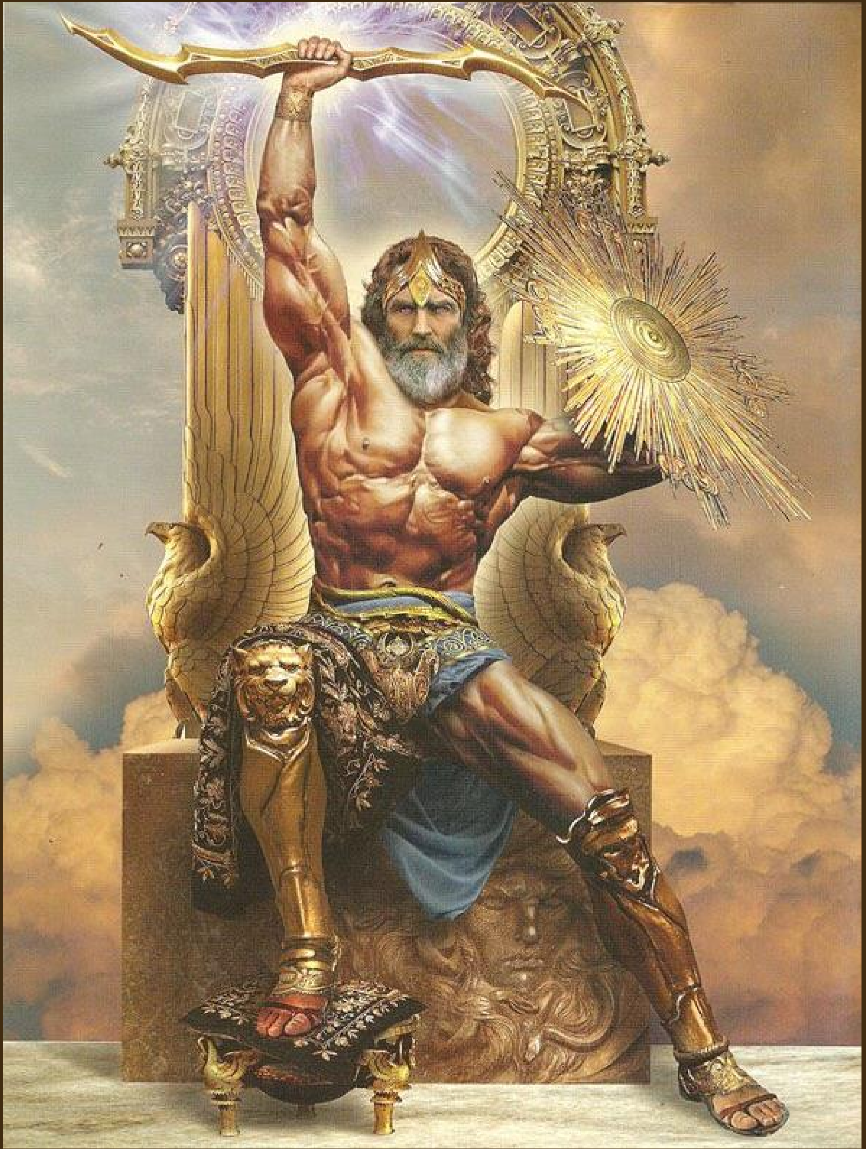
Vị thần tối cao trên đỉnh Olympus

Sau chiến thắng, để thưởng công cho các anh chị ruột của mình thần Zeus đã chia phần biển cả cho thần Poseidon; chia vương quốc của các linh hồn người chết dưới lòng đất cho thần Hades; để cho nữ thần Hera vừa là vợ vừa là chị gái cai quản công việc đời sống hàng ngày của hoàng cung trên thiên đình, cai quản đời sống gia đình và đời sống vợ chồng của muôn loài; giao cho nữ thần Hestia cai quản công việc nội trợ bếp núc; giao cho nữ thần Demeter cai quản mùa màng, nghề nông.

Về phần mình, với tư cách là chủ nhân của sấm sét, thần Zeus giữ lấy quyền cai quản Thượng Giới. Còn mặt đất thì vẫn thuộc quyền cai quản chung của tất cả sáu anh chị em. Mặc dù đã phân chia quyền lực như vậy, nhưng ngự ở trên cùng vẫn là thần Zeus.



Hera



Zeus

Ông là người cai quản tối cao đối với số phận của cả thần linh lẫn người trần, là người sắp đặt mọi việc trên thế gian. Từ nay trật tự được vĩnh viễn thiết lập trong vũ trụ với Zeus là vị thần tối cao của toàn thể muôn loài không có sự tách biệt giữa loài thần và loài người.

Zeus được miêu tả là một người đàn ông da trắng cơ bắp, râu màu đen hoặc nâu, trông rất giống với cha mình là Kronos cũng như các anh trai khác như Poseidon hay Hades. Ông là một trong 3 vị thần mạnh nhất cùng với Poseidon và Hades. Theo truyền thuyết Hy Lạp cổ, Zeus mạnh hơn tất cả các thần ngay cả khi sức mạnh của họ tập hợp lại nên các thần đều e ngại sức mạnh của ông và chẳng một ai muốn đối đầu trực tiếp với ông cả.

Đảm nhiệm vị trí là thần của bầu trời, Zeus hoàn toàn kiểm soát gió, bão, mưa, độ ẩm, mây, sấm chớp và thời tiết. Ngài trị vì các vì sao, ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời, quyết định tuổi thọ của con người và cả thời gian. Ông còn có thể kiểm soát toàn bộ sức mạnh của các con, chị em của ông và Zeus có thể ban tặng hoặc tước đoạt sức mạnh ấy một cách dễ dàng.

Zeus cũng có thể kiểm soát cả vận mệnh tuy nhiên vẫn chưa mạnh bằng các tiên nữ thời khắc – Moirae hay các vị thần thuở sơ khai. Về mặt sức mạnh thể chất, Zeus có thể nâng cả một ngọn núi và di chuyển với một tốc độ kinh ngạc. Zeus mạnh đến mức có thể ra lệnh cho toàn bộ các thần Olympus và các anh chị của mình. Ông mạnh hơn hầu hết các thần nhưng vẫn phải e dè trước sức mạnh của 2 người anh là Poseidon và Hades.

Zeus chính là vua của các vị vua. Ông tạo ra công lý, luật lê, danh dự, trật tự và là người bảo giữ lời thề, nhiệt huyết cũng như sự lãnh đạo. Zeus trừng phạt cái xấu và giết chết bất cứ ai thất hứa. Ông kiểm soát tất cả các cuộc chiến. Zeus chính là đại diện cho cuộc sống của loài người, là bộ mặt của toàn thể cư dân và nền văn hóa Hy Lạp.



Tượng thần Zeus tại Olympia – 1 trong 7 kỳ quan cổ đại

ASIA MINOR

HÃY GỬI LỜI CHÚA TRỜI TỚI CON CHIÊN CỦA NGƯỜI, TỚI CYRUS, NGƯỜI ĐANG NẮM GIỮ, HÃY GIAO NỘP CÁC VƯƠNG QUỐC TRƯỚC ANH TA VÀ CỞI BỎ HOÀNG BÀO, MỞ TẤT CẢ CỔNG THÀNH ĐỂ CHÀO ĐÓN ANH TA.

NHÀ TIÊN TRI ISAIAH

Xưa có một vị vua tên là Astyages cai trị người Medes ở vùng núi phía đông Mesopotamia. Một đêm, ông có một giấc mơ một ngày nào đó, cô con gái Mandane sẽ sinh ra một cậu con trai thống trị toàn châu Á. Lo sợ sẽ mất ngai vàng, ông đã gả cô cho một người đàn ông đến từ một tỉnh Ba Tư tầm thường ở phía nam. Nhưng sau khi Mandane kết hôn được một năm và mang thai, Astyages có một giấc mơ khác, trong đó ông nhìn thấy những dây leo từ trong bụng cô lan rộng ra khắp các vùng đất thuộc đế chế của ông và xa hơn nữa. Ông hỏi ý kiến của các nhà tu thông thái, người đã giải thích giấc mơ và nói với ông rằng đứa bé một

ngày nào đó sẽ trở thành một vị vua hùng mạnh thay thế ông. Astyages quyết định giết đứa trẻ ngay khi nó được sinh ra. Khi đứa bé, tên là Cyrus, được giao, nhà vua đưa nó cho một người hầu với lệnh mang đứa trẻ đi và giết nó. Đến lượt người hầu này đưa đứa bé cho một người chăn bò tốt bụng, người này đã bí mật nuôi nấng nó như con của mình. Mặc dù môi trường sống xung quanh rất bình thường, Cyrus trẻ tuổi đã thể hiện những phẩm chất hoàng tộc ngay từ khi còn nhỏ và xuất hiện trước mặt vị vua già. Sau khi phát hiện ra sự thật, Astyages một lần nữa hỏi ý kiến các Magi – tư tế, người đã nói với ông, không có gì phải sợ Cyrus. Tuy nhiên, khi hoàng tử trưởng thành, anh đã lãnh đạo một cuộc nổi dậy của người dân chống lại ông ngoại của mình và trở thành Đại vương đầu tiên của Đế chế Ba Tư.

Đây là truyền thuyết anh hùng được kể bởi Herodotus, nhưng câu chuyện có thật về Cyrus và sự thành lập của Đế chế Ba Tư còn đáng chú ý hơn. Bắt đầu từ cao nguyên Ba Tư

gần Persepolis ở miền nam Iran ngày nay, Cyrus chinh phục Media vào năm 549, sau đó là vương quốc của người Lydian ở Tiểu Á ba năm sau khi vị vua giàu có của họ, Croesus, đánh giá thấp người cai trị Ba Tư. Tiếp theo là đế chế Babylon vào năm 539, và phần lớn Trung Á.

Cyrus Đại đế (Khoảng 600 TCN hoặc là 576 TCN – Tháng 12 năm 530 TCN) là vị Hoàng đế khai quốc của Đế chế Ba Tư dưới Triều đại nhà Achaemenes. Là một vị vua vĩ đại, sau cuộc chinh phạt vương quốc Tân Babylon, ông xưng làm "Vua của các vua". Nhiều nguồn cho rằng ông là một tín đồ Hỏa Giáo, nhưng nhiều người vẫn không rõ ông có thật sự theo Hỏa Giáo hay không.

Dưới triều đại ông, Đế chế Ba Tư chiếm được tất cả những nền văn minh trước đây của vùng Cận Đông cổ đại, bành trướng đáng kể và cuối cùng đã chinh phạt phần lớn vùng Tây Nam Á và nhiều phần đất của vùng Trung Á, thậm chí những phần đất của châu Âu và vùng Kavkaz. Từ bờ biển Địa Trung Hải và eo biển Hellespont ở phía Tây cho tới sông Ấn ở phía Đông, Cyrus đã gầy dựng nên một đế chế rộng lớn nhất mà trước đây chưa có đế chế nào làm được. Có khi ông được đánh đồng với vua Kay Khosrow trong huyền sử Ba Tư.

Triều đại của ông kéo dài khoảng 29 năm, hoặc 31 năm. Thoạt đầu, ông khởi lập Đế chế qua cuộc chinh phạt vương quốc Media, sau đó chinh phạt người Saka, vương quốc Lydia và

cuối cùng, ông chinh phạt vương quốc Tân Babylon. Có lẽ là trước hoặc là sau khi Đế chế Babylon sụp đổ, ông tiến hành một cuộc chinh phạt miền Trung Á, và kết quả của những cuộc chinh phạt này là ông đã buộc "tất cả mọi dân tộc phải thần phục, mà không hề có ngoại lệ" - theo Herodotos. Cyrus hy sinh tại Trung Á khi giao chiến với bộ tộc Scythia (theo Herodotos và Ctesias), hoặc qua đời bình yên tại Ba Tư theo Xenophon, vào khoảng tháng 12 năm 530 TCN. Con ông là Cambyses II lên nối ngôi, theo Xenophon, ông vua này tiến hành chinh phạt Ai Cập.

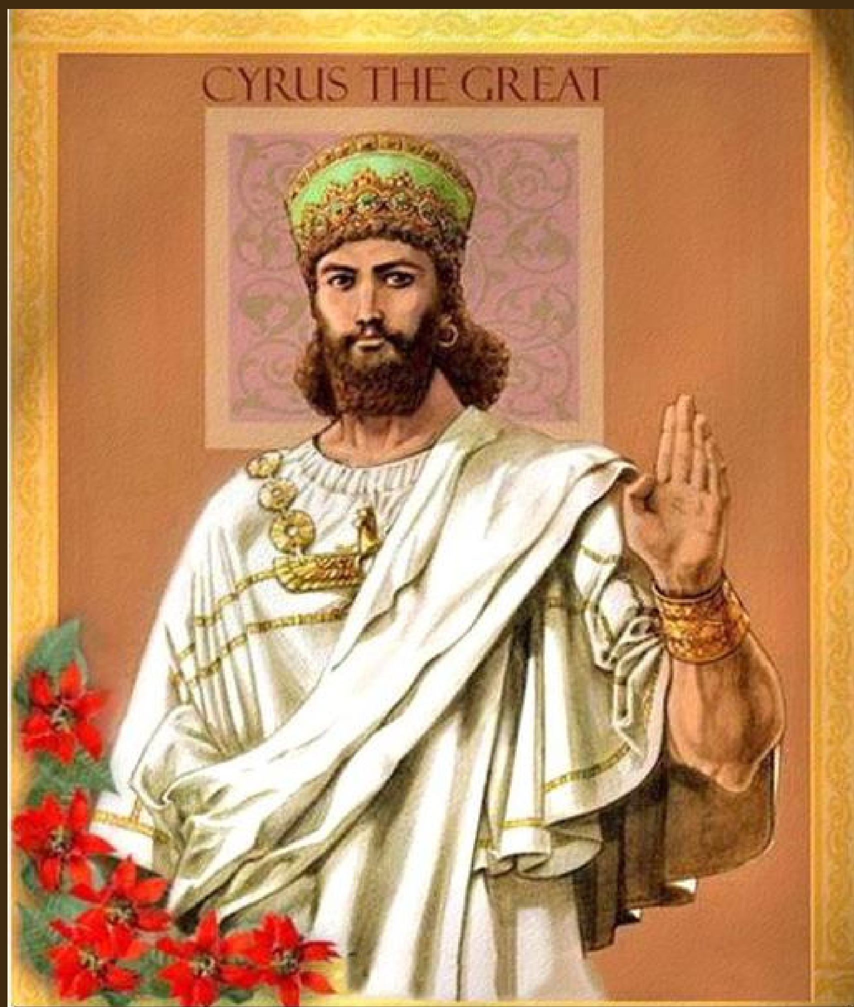


Tuy là một nhà chinh phạt hùng mạnh, ông tôn trọng truyền thống văn hóa và tôn giáo của những vùng đất mà ông chiếm lĩnh. Người ta nói rằng, trong lịch sử nhân loại, Cyrus đã đưa Đế chế Achaemenes trở thành hình mẫu về việc thiết lập một bộ máy hành chính trung ương và một chính phủ làm việc vì lợi ích và hạnh phúc của trăm họ. Các chính sách dựng nước của ông đã được các vua kế tiếp của Vương triều Achaemenes

- xa hơn nữa là các đế chế Hy Lạp và La Mã cổ noi theo. Trên thực tế, bộ máy hành chính thông qua các quan Tổng trấn và nguyên tắc quan trọng của việc thành lập chính phủ tại kinh thành Pasargadae, đều là những công trạng của ông. Bên ngoài quốc gia của chính ông (nay là Iran), Cyrus còn để lại một di sản bền vững đối với tôn giáo của người Do Thái thông qua Sắc lệnh Khôi phục; vì những chính sách công minh tại thành Babylon, ông là người được phong thánh bởi Chúa Trời trong kinh Tanakh của người Do Thái.

Cyrus cũng được công nhận rộng rãi về thành tựu trong các vấn đề nhân quyền, chính trị, chiến lược quân sự, cũng như ảnh hưởng lên cả hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây. Đối với nhiều người Iran sau này, Cyrus và danh tiếng lịch sử của ông đã thể hiện rõ bản chất của dân tộc họ. Trong thế giới cổ đại, danh tiếng của Cyrus và cả Vương triều Achaemenes vang xa, đến tận thành Athena, tại đây, nhiều người Athena xem những khía cạnh của Văn hóa Ba Tư triều Achaemenes là văn hóa của chính họ.

Sau này, các tác gia Cicero và Scipio Africanus đã thể hiện sự hâm mộ đối với những chiến công hiển hách của ông. Trong một loạt văn bản của người Do Thái, cộng thêm những bài viết của Xenophon, ông được ca tụng như một người giải phóng hơn là một ông hoàng chinh phạt. Nhà vua được đề cập đến 22 lần trong kinh Cựu Ước, nơi ông được tôn vinh vô điều kiện. Việc đề cập này bắt đầu sau khi ông giải phóng người Do Thái khỏi Babylon và cho hơn 40.000 người Do Thái trở về quê hương.



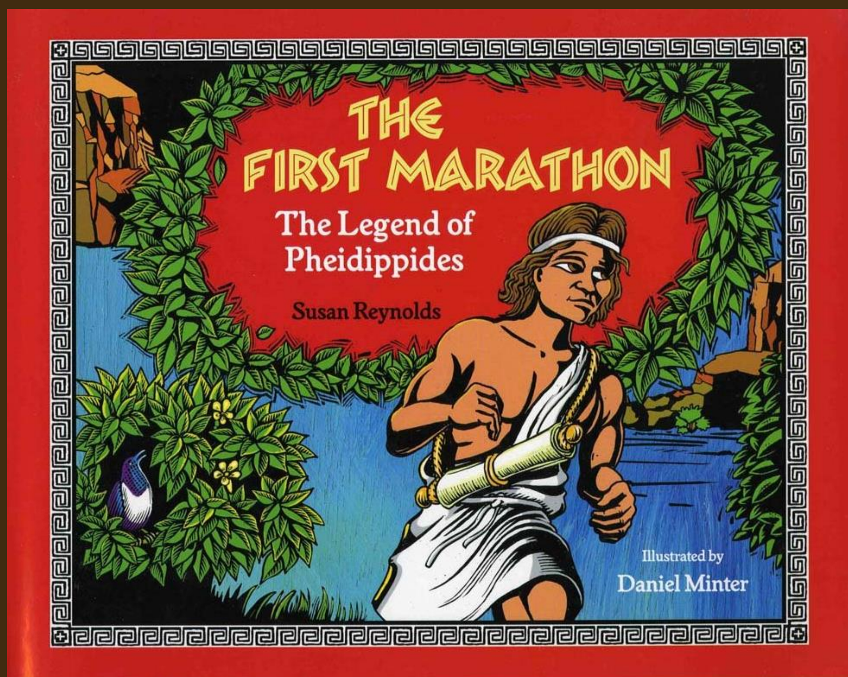
Cho đến ngày nay, nhiều người cho rằng ông vĩ đại hơn cả Alexander Đại đế, xét về những thành tựu của ông. Trên thực tế, bản thân thiên tài quân sự xứ Macedonia cũng vô cùng mến mộ và thán phục Hoàng đế Cyrus - vị vua vĩ đại đã thống nhất hai dân tộc Media và Ba Tư: ngay từ khi còn trẻ, Alexander Đại Đế đã đọc tác phẩm "Cyropaedia" của nhà sử học Xenophon, trong đó thể hiện chí khí hào hùng của Cyrus khi đánh trận và lúc trị quốc, đồng thời thể hiện tài năng lãnh

đạo và lập pháp. Từ đó Alexander Đại Đế ngưỡng mộ, và trong chuyến viếng thăm đến cố đô Pasargadae, vị vua xứ Macedonia đã tỏ ra hết sức kính trọng, qua việc truyền lệnh cho Aristobulus trang hoàng các phòng bên trong lăng tẩm của ông.

Cambyses, con trai cả của Cyrus, lên ngôi vào năm 530 sau cái chết của cha mình và nhanh chóng có thêm Ai Cập vào đế chế. Sau cái chết của Cambyses vào năm 522, Darius I đã giành lấy ngai vàng trong một cuộc đấu tranh đẫm máu. Ông đã giành được Thung lũng Indus cho Ba Tư, nhưng cuộc phiêu lưu của ông ở châu Âu không thành công. Việc ông vượt sông Danube và xâm lược Scythia chỉ là những chiến thắng trên danh nghĩa, trong khi cuộc hành quân tại Marathon gần Athens năm 490 là một thất bại rõ ràng. Mặc dù người Hy Lạp coi Marathon là trận chiến vĩ đại nhất mà thế giới từng biết, nhưng đối với người Ba Tư, đó chỉ là một thất bại nhỏ.

Trận Marathon là trận đánh nổi tiếng diễn ra vào mùa thu năm 490 TCN trong Cuộc xâm lược Hy Lạp lần thứ nhất của Ba Tư. Đây là trận chiến giữa quân dân Athena, được sự giúp đỡ của Plataea, với bên xâm lược là quân đội Ba Tư do Datis và

Artaphernes chỉ huy. Đây là trận đánh điển hình có ý nghĩa trọng yếu trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược của nhân dân Hy Lạp thời cổ đại. Hình tượng người chiến binh chạy quãng đường dài 42 km, vượt qua rừng núi từ nơi diễn ra trận chiến ác liệt tới Athens để báo tin thắng trận đã trở thành biểu tượng cho tinh thần thi đấu của bộ môn chạy Marathon ngày nay.



Marathon nằm cách Athens 42 km, là một thung lũng bằng phẳng có núi rừng bao quanh ba mặt: Bắc, Tây và Nam. Phía Đông Marathon là vùng biển Aegean. Đây là vùng đất đã chứng kiến bao sự kiện oai hùng của người Hy Lạp. Các lực sĩ Hy Lạp đã chọn Marathon là nơi luyện tập để rồi sau đó lập bao chiến công hiển hách.

Tìm hiểu thêm về trận chiến tại:

Trận chiến Marathon lịch sử giữa Hy Lap - Ba Tư





Xerxes, con trai của Darius và cháu của Cyrus, lại xâm lược Hy Lạp vào năm 480. Cuộc chiến phòng thủ nổi tiếng của người Sparta tại Thermopylae không đáng được nhắc đến trong các ghi chép của người Ba Tư còn sót lại, cũng như sự tàn phá của Athens cùng năm. Tuy nhiên, thất bại của Ba Tư tại Plataea gần Thebes vào năm sau đã chấm dứt giấc mơ chinh phục Hy Lạp của Ba Tư. Sau cái chết của Xerxes vào năm 465, biên giới của Đế chế Ba Tư hầu như không thay đổi, mặc dù có những cuộc nổi dậy nội bộ thường xuyên nhưng đều bị dập tắt cho đến khi Darius III lên ngôi vào năm 336, cùng năm Alexander trở thành vua của Macedonia.

Các chính sách của Đế chế Ba Tư bắt đầu dưới thời Cyrus tiếp tục trong gần hai thế kỷ. Cư dân địa phương được yên tâm sống và thờ cúng tùy thích miễn là họ nộp thuế và không gây rắc rối. Tuy nhiên, nếu có cuộc nổi loạn chống lại sự cai trị của Đại vương, thì hậu quả sẽ nhanh chóng và khắc nghiệt. Ai Cập và

Babylon nói riêng đã phải chịu đựng sau khi họ nổi dậy chống lại Ba Tư. Các thành phố bị đốt cháy, quân nổi dậy bị tàn sát, và phải cống nạp nặng nề. Mặc dù người Ba Tư không quan tâm đến việc truyền bá niềm tin tôn giáo của họ đến các tỉnh, hầu hết những người cai trị của họ có ít sự tôn trọng thực sự hoặc hiểu biết về các thực hành tâm linh của người dân thuộc địa. Hết lần này đến lần khác, các vị Vua trừng phạt các cuộc nổi dậy bằng cách phá hủy các ngôi đền địa phương và các biểu tượng thiêng liêng, chỉ làm tăng thêm sự căm phẫn của người bản xứ.

Bản thân người Ba Tư là những người theo thuyết đa thần tin vào nhiều vị thần, hầu hết mọi nền văn hóa trong thế giới cổ đại ngoại trừ người Do Thái cũng vậy. Giống như người Hy Lạp, người Celt và các dân tộc phía bắc Ấn Độ - những người đặc biệt gần gũi về văn hóa và ngôn ngữ với người Ba Tư - những người đồng hương của Đại vương coi thế giới được cai trị bởi nhiều quyền năng thần thánh. Nhưng

người Ba Tư cũng coi vũ trụ là chiến trường giữa các lực lượng ánh sáng và bóng tối. Đứng đầu quần thần của họ là Ahuramazda - Thần của sự khôn ngoan, người đã tạo ra thế giới và hiện thân của tất cả sự tốt đẹp. Đối đầu với thần là Ahriman, một linh hồn mạnh mẽ của cái ác và dẫn dắt con người đi lạc đường. Nhà tôn giáo vĩ đại người Ba Tư Zoroaster, sống trước Alexander hàng thế kỷ, đã dạy rằng tất cả phải chọn người mà họ sẽ theo, nhưng cuối cùng thì Ahriman sẽ bị đánh bại bởi Ahuramazda.

Zoroaster, có tài liệu ghi chép ông sinh vào năm 628 và mất năm 511 TCN. Ông là một nhà tiên tri và triết gia Ba Tư cổ đại, là người sáng lập Hỏa giáo. Đạo này kéo dài gần 2.500 năm và đến nay vẫn còn có tín đồ.



Ngoài ra còn có các vị thần khác, chẳng hạn như nữ thần Anahita, Mithra - người bảo vệ công lý, và Atar - con trai của Ahuramazda và người bảo vệ ngọn lửa thiêng của ông. Việc thờ cúng tất cả các vị thần này và nhiều vị thần khác được thực hiện bởi tầng lớp tư tế cổ đại

được gọi là Magi. Họ hiến tế và tụng thánh ca cho các vị thần, cũng như báo trước tương lai và đọc từ các vì sao để nhận biết những dấu hiệu của những điều chưa xảy ra. Bất cứ nơi nào người Ba Tư đến trong các cuộc chinh phạt của họ, các đạo sĩ đều đi theo, không phải với tư cách là người truyền giáo mà là những người thực hành tôn giáo cho giới tinh hoa Ba Tư. Người Ai Cập tôn thờ các vị thần có đầu chó rừng và người Hy Lạp cầu nguyện với Athena — chính Ahuramazda và các vị thần của ngài đã ban cho người Ba Tư quyền thống trị trái đất.

Đế chế rộng lớn của người Ba Tư - hơn hai ngàn dặm từ đầu đến cuối được chia thành các vùng, cai trị bởi một satrap - thống đốc chịu trách nhiệm trực tiếp với Đại Vương. Thông tin liên lạc được duy trì bởi một hệ thống đường bộ hiệu quả để những người chuyển tin hoàng gia băng qua, người mà theo Herodotus, “Không có tuyết, mưa cũng như nắng nóng và đêm tối có thể cản trở việc hoàn thành nhanh

chóng lộ trình đã định của họ. Giống như người Macedonia, người Ba Tư là một chủng tộc chiến binh đến từ những ngọn núi, những người đã học nghệ thuật của nền văn minh từ các vương quốc cổ đại mà họ chinh phục. Mặc dù họ tự hào về sự giáo dục đơn giản của mình - "cưỡi ngựa, bắn cung, nói sự thật" - nhưng thực tế họ khá dễ tiếp thu những ảnh hưởng bên ngoài và thích nghi với nhiều yếu tố văn hóa khác nhau. Trong khi tiếng Ba Tư được chủ yếu sử dụng cho các tác phẩm chạm khắc hoành tráng, bắt đầu từ thời Darius I, các bản ghi chép hàng ngày của triều đình đã được ghi lại bởi các thư ký bằng tiếng Elamite, Babylon hoặc Aramaic. Từ các đế chế Mesopotamia trước đó, người Ba Tư đã học nghệ thuật, kỹ thuật và kiến trúc từ những nền văn minh khác. Nhưng đóng góp độc đáo của họ cho lịch sử là sự tập hợp hàng chục quốc gia thành một đế chế quốc tế thực sự đầu tiên. Từ sông Nile và bờ biển Aegean đến thảo nguyên ở Trung Á và thung lũng Indus, Đại vương đã cai trị

vương quốc lớn nhất và hùng mạnh nhất mà thế giới từng biết.



Vào đầu mùa xuân năm 334, Alexander cuối cùng đã bắt đầu cuộc chiến chống lại Ba Tư. Anh để lại tướng Antipater ở lại làm nhiếp chính phụ trách Macedonia và Hy Lạp. Mẹ anh - Olympias đã có mặt tại Pella vào ngày hôm đó để chia tay con trai mình. Bà đã bày mưu tính kế và hy sinh nhiều năm để anh theo đuổi định mệnh của mình. Giờ đây, khi cưỡi ngựa băng qua vùng đồng bằng của Macedonia với tuyết vẫn phủ kín đỉnh Olympus ở phía nam, Alexander không thể biết rằng anh sẽ không bao giờ gặp lại mẹ và người thân của mình.

Alexander có một số tiền nhỏ quý giá để trả cho quân đội của mình. Ngân khố Macedonia gần như trống rỗng và người Hy Lạp, trong thời kỳ đẹp đẽ nhất, đã miễn cưỡng đóng góp tài chính cho thứ mà họ tin là sự điên rồ của

Alexander. Điều tốt đẹp duy nhất mà các công dân của Athen và phần còn lại của Hy Lạp nhìn thấy phát sinh từ cuộc xâm lược là sự sụp đổ sắp xảy ra của quân đội Macedonia dưới tay người Ba Tư. Họ ít lo lắng về những người đồng hương của mình vì có rất ít quân Hy Lạp trong đội quân của Alexander. Trên thực tế, có nhiều binh lính Hy Lạp làm lính đánh thuê trong quân đội Ba Tư hơn là hành quân dưới ngọn cờ của Alexander. Nhưng ở Hy Lạp hay Macedonia, nhà vua sẽ không thể nuôi binh lính của mình được lâu trừ khi có thể nhanh chóng làm cho chuyến viễn chinh có lợi.

Các nguồn tin cổ xưa cho biết đội quân Macedonia lên tới gần 50 vạn người, bao gồm cả vài nghìn binh lính của Parmenion đã có mặt ở Tiểu Á chờ đợi Alexander. Dù số lượng là bao nhiêu, lực lượng Macedonia vẫn đông hơn rất nhiều so với quân có sẵn của người Ba Tư. Nòng cốt cho đội quân của Alexander là bộ binh Macedonia đã chiến đấu trong nhiều năm với Philip và theo con trai của ông đến

sông Danube. Ngoài ra, còn có những đội quân phụ trợ chủ chốt từ các bộ lạc đồng minh ở Balkan, đặc biệt là những chiến binh dũng cảm của Thrace. Phần còn lại là kỵ binh từ Macedonia và Thessaly, do thám và cung thủ từ Thrace, và một số lính chuyên nghiệp từ Hy Lạp mà Alexander có đủ khả năng để thuê. Một đội hỗ trợ gồm các thủy thủ Hy Lạp bất đắc dĩ đi theo đoàn quân, và còn có đội ngũ kỹ sư tuyệt vời của Philip, đội ngũ thư ký xử lý thư từ của nhà vua, thầy thuốc, người vẽ bản đồ, nhà khoa học và nhà sử học chiến dịch chính thức, Callisthenes - cháu trai của Aristotle và nhà tuyên truyền cho cuộc viễn chinh.

Cuộc hành quân của Alexander từ Pella đưa quân qua Amphipolis và vượt qua sông Strymon dọc theo bờ biển phía bắc Aegean. Đó cũng là con đường mà Alexander đã đi năm trước trên đường đến sông Danube.



Nhưng giờ đây, thay vì quay về phía bắc, Alexander đã tiến về phía đông qua các đầm lầy dọc theo cửa sông Hebros và xuống bán đảo Gallipoli qua eo biển hẹp Hellespont tới châu Á. Tại thành phố Elaeus đối diện với thành Troy, Alexander đã lần cuối dừng chân trên phần đất châu Âu tại lăng mộ của anh hùng Protesilaus, người Hy Lạp đầu tiên đến được đất châu Á — và là người đầu tiên chết — khi bắt đầu Chiến tranh thành Troy.



Bên dưới cây du của khu rừng thiêng, Alexander cầu nguyện, mong các vị thần sẽ chiếu cố mình. Anh có lý do chính đáng để lo lắng. Một hạm đội lớn của Ba Tư đang hoạt động ở Aegean và biết về kế hoạch của vị vua trẻ. Nếu muốn, họ có thể dễ dàng ngăn chặn cuộc vượt biển của Alexander [qua eo biển hẹp Hellespont - Dardanelles]. Nhưng người

Ba Tư đã quyết định để nhà vua và những người Macedonia tự do đổ bộ vào châu Á trước khi họ ra tay. Thay vì ngăn chặn bước tiến của anh qua eo biển bằng hải quân, họ định kéo anh vào bên trong, nơi họ có thể tiêu diệt quân đội của anh với lực lượng vượt trội.

Khi Đại vương Xerxes vượt qua Hellespont trên đường xâm lược Hy Lạp vào thế kỷ trước, ông đã ra lệnh xây dựng những cây cầu phao qua eo biển để tăng tốc độ qua lại của đội quân khổng lồ của mình — nhưng một cơn bão đã xuất hiện và phá hủy những cây cầu trước khi ông có thể vượt qua. Do đó, vua Ba Tư ra lệnh đánh Hellespont [Dardanelles] ba trăm roi và một đôi cùm ném xuống vùng nước của nó trước khi ông bắt đầu xây dựng những cây cầu mới. Alexander biết câu chuyện này và quyết tâm chuyến vượt biển của chính mình sẽ thuận lợi hơn. Trong khi tướng Parmenion chứng kiến việc đưa quân đội Macedonia qua biển bằng tàu chiến và thuyền chở hàng, Alexander quyết định rời trại và băng qua

Elaeus, tự mình lái con thuyền đến giữa Hellespont. Tại đây, anh hiến tế một con bò đực cho thần biển Poseidon và đổ đồ uống từ một cái bát vàng xuống nước. Sau đó, anh hướng dẫn con thuyền hướng về thành Troy đến nơi mà Homer nói rằng người Hy Lạp đã lên bờ một nghìn năm trước đó. Khi gần đến bờ biển, Alexander lấy ngọn giáo của mình và dùng tất cả sức lực ném nó lên bãi biển, tự nhận là ngọn giáo được trao từ các vị thần. Sau đó, anh nhảy lên bờ trước khi thuyền cập đất liền và lội qua làn sóng vào lãnh thổ Ba Tư.

Hành động đầu tiên của Alexander ở châu Á là hiến tế cho Zeus, người bảo trợ cho chuyến viễn chinh, cũng như Athena và tổ tiên Hercules của chính mình. Anh luôn chỉn chu trong các nghi lễ tôn giáo, thậm chí giờ đây anh vẫn còn bị bao quanh bởi khung cảnh thần thoại ngay từ những câu chuyện thời thơ ấu. Đây chính là bãi biển mà người Hy Lạp đã đóng trại. Ngay phía bên kia là chiến trường rộng lớn, nơi Hector và quân thành Troy đã

chống lại quân xâm lược trong cuộc chiến kéo dài 10 năm vì danh dự của Helen, người đẹp đã khiến hàng nghìn con tàu đến để đưa cô về nhà. Và ở đó, nhô lên trên vùng đồng bằng, chính là thành Troy — chắc chắn không phải là thị trấn ngày trước, nhưng vẫn còn rất lớn trong trí tưởng tượng của Alexander. Anh hùng Achilles của anh, chiến binh vĩ đại nhất của người Hy Lạp, đã chiến đấu và chết bên dưới những bức tường đó, người thích một cuộc sống ngắn ngủi của vinh quang bất diệt hơn tuổi già yên bình được bao quanh bởi gia đình và bạn bè.

Trong thần thoại Hy Lạp, Helen còn được biết đến là Helen thành Troy, hay Helen xứ Sparta là con gái của thần Zeus và Leda, chị em của Castor - con thần Zeus - Polydeuces và Clytemnestra - con vua Tyndareus. Trong thần thoại Hy Lạp, nàng được xem là người phụ nữ xinh đẹp nhất thế giới với mái tóc vàng óng như ánh mặt trời, đôi má ửng đỏ, đôi môi nồng nàn màu mận chín, làn da trắng sứ tỏa ánh sáng lung linh mờ ảo và một giọng nói đầy mê hoặc. Danh tiếng của nàng lớn đến nỗi không một người đàn ông trần tục hay vị thần nào mà không biết đến và muốn có được nàng. Nàng là Vương hậu Laconia, một địa phận trong Hy Lạp, với tư cách là vợ của Menelaus. Nàng đã từng bị bắt cóc bởi Theseus - người anh

hùng nổi tiếng Hy Lạp. Eros đã bắn một mũi tên vào ngực nàng, khiến nàng yêu Paris và theo chàng về thành Troy. Việc nàng bị bắt cóc bởi Paris đã dẫn đến Chiến tranh thành Troy kéo dài hơn 10 năm. Sau cuộc chiến, nàng được Melenaus đưa về Sparta.



Thành Troy Alexander đến thăm chỉ là thành phố mới nhất trong một loạt các thành phố đặt tại địa điểm này trải dài gần ba nghìn năm. Trong nhiều thế kỷ, khu định cư đã bị phá hủy và đốt cháy nhiều lần, chỉ được xây dựng lại trên đỉnh của tàn tích. Thành phố Alexander bước vào chẳng qua là một ngôi làng nhỏ với ngôi đền thờ thần Athena với sự tham dự của một số linh mục địa phương háo hức chào khách thập phương. Đô đốc người Sparta Mindarus đã đến thăm nơi này nhiều năm trước đây, cũng như Đại vương Xerxes trên đường đến Hy Lạp, nhưng sự xuất hiện của nhà lãnh đạo Macedonia và đoàn tùy tùng là sự kiện đáng nhớ nhất tại Troy trong nhiều thập kỷ.

Alexander lần đầu tiên hiến tế tại đền thờ Athena, hiến áo giáp của mình tại bàn thờ của bà. Thay cho tấm che ngực và chiếc khiên cũ của mình, anh lấy cái mới từ ngôi đền được cho là đã bị bỏ lại ở đó kể từ cuộc chiến thành Troy. Những người lính của anh sẽ tự hào khi anh

mang những vũ khí này trong các trận chiến trên khắp châu Á, bao gồm chiếc khiên một ngày nào đó sẽ cứu sống anh ở Ấn Độ.



Trong thần thoại Hy Lạp, nữ thần Athena là vị thần của nghề thủ công mỹ nghệ, trí tuệ và đồng thời cũng là vị thần của chiến tranh chính nghĩa. Athena là vị thần bảo hộ của Athens.

Alexander tiếp theo đến thăm lăng mộ của những chiến binh đã hy sinh trong cuộc chiến để chiếm hoặc cứu thành phố. Cảm động nhất là khoảnh khắc khi anh dành những lời tán dương trước ngôi mộ của người anh hùng thời niên thiếu và tổ tiên Achilles của mình.

Trong thần thoại Hy Lạp, Achilles là nhân vật trung tâm và là chiến binh vĩ đại nhất của quân Hy Lạp trong cuộc chiến thành Troy, được nhắc đến nhiều nhất trong sử thi Iliad. Những tích truyện về sau (bắt đầu với một bài thơ của Satius khoảng thế kỷ thứ nhất sau công nguyên) mô tả Achilles có một cơ thể không thể bị thương ngoại trừ gót chân của anh. Achilles đã chết vì bị thương ở gót chân, từ đó có câu thành ngữ "gót chân Achilles" thường dùng để nói về điểm yếu của mỗi người.

Achilles sinh ra bởi Thetis, nữ thần biển, với vua Hy Lạp Peleus, mẹ thì bất tử nhưng bố là người trần, vì thế Achilles cũng sẽ như bố, không sống mãi mãi được. Khi Achilles được sinh ra đã được tiên tri là chàng sẽ chết trong chiến trận. Để giúp sự trường tồn của con, Thetis đã dốc ngược người cậu bé, hai tay giữ 2 gót chân, rồi nhúng cả người cậu vào nước sông Styx, nhưng nàng lại quên nhúng 2 gót chân vào nước. Vậy là cả người Achilles là bất tử, duy chỉ có 2 gót chân là điểm yếu vì không được nhúng nước. Peleus thấy cảnh đó tưởng vợ mình định giết con bèn giật lại Achilles từ tay vợ. Trong lúc

giằng co, xương ống chân của chàng bị gãy. Thetis tức giận bỏ về thủy cung và không gặp lại chồng nữa. Peleus đưa con trai cho nhân mã Cheiron nhờ ông nuôi dưỡng. Cheiron thay xương ống chân người khổng lồ cho chàng để chàng trở thành người chạy nhanh nhất thế giới, thay gan sư tử, tim gấu cho chàng dũng cảm và không biết sợ gì.

Cuộc chiến thành Troy nổ ra. Có lời tiên tri quân Hy Lạp sẽ không chiếm được thành Troy nếu không có Achilles. Do đó Agamemnon, sai Odysseus tìm Achilles. Nữ thần Thetis biết cuộc chiến nổ ra nên giấu con trai lên một quốc đảo và bắt chàng giả làm thị nữ. Odysseus nghĩ ra cách để tìm chàng. Odysseus đem binh khí và son phấn đến đây bán. Các thị nữ đều vây quanh nhưng có một người cứ săm soi các thứ vũ khí. Odysseus biết ngay là Achilles bèn mời chàng tham gia cuộc chiến. Achilles vui vẻ nhận lời. Thetis biết không cản được con nên đưa cho con cây giáo thần mà bà được tặng trong lễ cưới. Achilles tham gia cuộc chiến. Chàng là chiến binh vĩ đại nhất của Hy Lạp trong trận chiến. Nhưng do mâu thuẫn với Agamemnon quanh việc giành một nữ tù binh mà Achilles rời bỏ cuộc chiến. Thetis bèn cầu xin thần Zeus trừng phạt Hy Lạp vì đã làm nhục con trai bà. Zeus nhận lời và khiến quân đội Hy Lạp gặp phải một trận đại dịch. Khi quân Troy sắp đánh đuổi được quân Hy Lạp về nước thì bạn thân của chàng là Patroclus bị Hector giết chết. Achilles tức giận quay lại trận chiến trả thù cho bạn, chàng được mẹ ban cho chiếc khiên của thần Lửa và nhờ sự giúp sức của thần Athena chàng đâm chết Hector trước mặt cha Hector, vua Priam, rồi kéo lê xác Hector quanh thành Troy bằng xe ngựa. Vua Priam cầu xin Achilles cho ông xin lại xác con trai. Achilles cảm động đồng ý.



Sau đó Achilles tiếp tục lập nhiều chiến công cho quân Hy Lạp như giết 7 người con của vua Priam, giết nữ hoàng Amazon Penthesilea. Nhưng cuối cùng do chàng có thái độ nhục mạ thần Apollo nên bị thần hướng mũi tên độc của Paris

vào gót chân, nơi duy nhất trên cơ thể chàng có thể bị tổn thương. Achilles gục xuống. Từ đó thành ngữ “gót chân Achilles” ra đời. Quân Hy Lạp làm lễ tang cho chàng một cách trọng thể sau khi chiếm được thành Troy.

Sau đó, cùng với những người bạn đồng hành, trong đó có Hephaestion, Alexander lột sạch quần áo và bôi dầu lên cơ thể trần truồng như một vận động viên điền kinh. Để tôn vinh Achilles, Alexander và những người bạn của mình sau đó đã chạy đua xung quanh lăng mộ và trao vương miện bằng vòng hoa. Cuối cùng, anh cúng tế cho linh hồn của vua thành Troy là Priam, người đã bị giết khi đang tìm kiếm sự tôn nghiêm tại bàn thờ thần Zeus. Nhưng con trai của Achilles, Neoptolemus, đã thực hiện hành động đáng xấu hổ [giết vua Priam ngay trước bàn thờ thần Zeus], khiến vị vua trẻ phải cầu xin linh hồn của vua thành Troy đừng trút giận lên hậu duệ Macedonia của mình.

Khi các linh mục dẫn anh đi tham quan lần cuối những tàn tích của thành phố, họ hỏi anh có muốn nhìn thấy đàn lia của Paris trước khi khởi hành không. Vị vua trẻ vốn coi thường

Hoàng tử thành Troy - Paris như một kẻ hèn nhát bị thu hút bởi những phụ nữ xinh đẹp hơn là sự nổi tiếng trong trận chiến: “Tôi không quan tâm lắm đến cây đàn hạc đó,” anh nói, “nhưng sẽ rất vui khi xem đàn lia của Achilles mà từ nó anh ta đã hát lên những giai điệu vinh quang từ những người đàn ông nổi tiếng.” Anh than thở, tiếc nuối lớn nhất của Alexander là không có Homer để ăn mừng vinh quang của chính mình.

Từ Troy, Alexander di chuyển về phía bắc hai mươi dặm dọc theo Hellespont đến thị trấn nhỏ Arisbe, nơi lực lượng chính của anh đang đợi sau khi vượt qua eo biển. Ngày hôm sau, họ diễu hành một quãng ngắn đến làng Percote, từ thành phố lớn và thịnh vượng Lampsacus, nơi canh gác lối vào phía Bắc Hellespont chỉ một vài dặm. Lampsacus từng là đồng minh giàu có của Athens trong Chiến tranh Peloponnesian ở thế kỷ trước và nổi tiếng với nghề đúc vàng. Đang rất thiếu tiền, Alexander cần sự giàu có của thành phố và uy

tín của việc giải phóng nó khỏi sự kiểm soát của Ba Tư. Thật không may cho nhà lãnh đạo Macedonia, các công dân của Lampsacus không có mong muốn được giải phóng. Giống như nhiều thành phố của Hy Lạp dưới sự cai trị của Ba Tư, họ được hưởng tự do và thịnh vượng tương đối với sự can thiệp tối thiểu từ Đại vương Ba Tư. Những người dân của Lampsacus chắc chắn đã nghe nói về các giao dịch của Alexander với các thành phố ở Hy Lạp và đặc biệt là việc anh phá hủy Thebes. Họ có ít lý do để tin tưởng anh và thậm chí còn có ít động lực để đánh đổi ách thống trị dễ dàng của Ba Tư lấy gánh nặng tiềm tàng cho sự thống trị của Macedonia.

Alexander không có thời gian để lãng phí, anh đang cần tiền và cả chiến thắng. Anh phải sớm đánh bại quân Ba Tư trong trận chiến để tạo dựng uy tín của mình với tư cách là một vị tướng. Một khi anh làm vậy, các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á sẽ bắt đầu mở cửa đón anh, cũng như kho bạc của họ, vì sợ hãi và tư lợi.



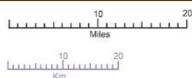
Những câu chuyện về sau kể rằng triết gia Anaximenes, một học giả trong đoàn tùy tùng của Alexander, người tình cờ đến từ Lampsacus, cầu xin vị tướng tha cho quê hương của mình. Điều này giúp nâng cao danh tiếng về lòng nhân từ của Alexander, nhưng chắc chắn anh sẽ thiêu rụi cả thành phố nếu có thời gian.

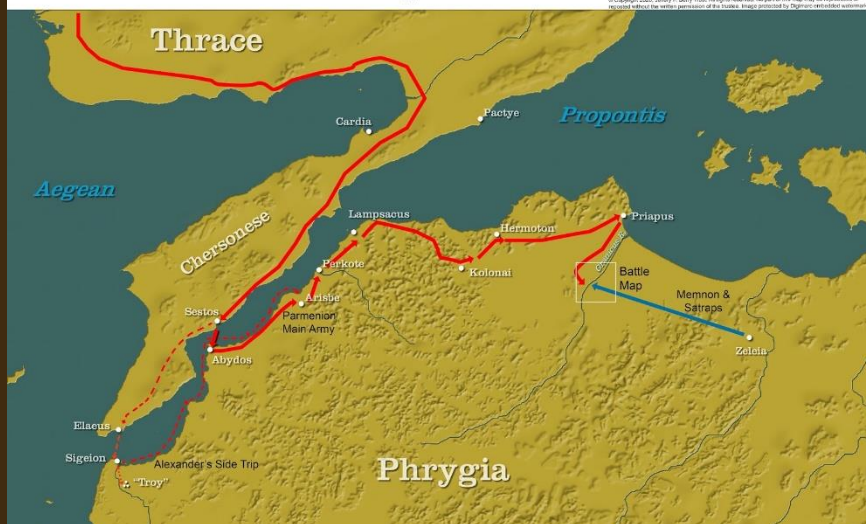
Alexander là một bậc thầy về tuyên truyền trong chiến tranh. Anh ra lệnh cho binh lính không được cướp phá các trang trại và làng mạc gần đó vì sẽ thật ngu ngốc nếu phá hủy những gì sẽ sớm là của riêng họ. Đây là một chính sách đã được chứng minh để xây dựng thiện chí giữa các cư dân của lãnh thổ thù địch, nhưng Alexander khéo léo nói thêm rằng họ nên đặc biệt chú ý để không làm hư hại các điền trang thuộc về vị tướng Ba Tư gốc Hy Lạp là Memnon của Rhodes. Nhà vua biết lời nói đó sẽ nhanh chóng lan truyền trở lại các satrap ở Ba Tư rằng tài sản của Memnon đang được đối xử một cách tôn trọng — như thể vị tướng đang bí mật hỗ trợ người Macedonia. Đó là một nét vẽ đầy cảm hứng của chiến tranh tâm lý sẽ sớm đơm hoa kết trái.

Từ gần Lampsacus, Alexander di chuyển lực lượng của mình trong hai ngày hành quân về phía đông đến thị trấn Hermoton, sau đó đến thành phố nhỏ Priapus, được đặt theo tên một người con trai của thần Dionysus. Các do thám

báo cáo với Alexander rằng công dân của Priapus sẵn sàng giao thành phố cho anh, trao cho vị vua trẻ cơ hội đầu tiên để giải phóng một thành phố Hy Lạp, tuy nhiên nó có thể không đáng kể.

Alexander hài lòng vì cuối cùng cũng được thể hiện mình trong những chuyến trở lại Aegean như một người giải phóng, nhưng mối quan tâm lớn hơn của anh thì rất thực tế - người Ba Tư ở đâu? Vào thời điểm đó, họ đã ở gần hơn nhiều so với những gì anh nhận ra. Các thống đốc Ba Tư và các tướng lĩnh của Tiểu Á đã đóng trại chỉ cách hai mươi dặm qua sông Granicus tại thành phố Zeleia. Cùng với họ là hàng nghìn quân, bao gồm cả kỵ binh từ Bactria xa xôi và hàng nghìn lính đánh thuê Hy Lạp. Trong khi quân đội Macedonia tiến về Granicus, người Ba Tư đang tổ chức một hội đồng chiến tranh để quyết định xem phải làm gì với Alexander.





Arsites, thống lĩnh vùng Hellespont, chủ trì cuộc họp cùng với Spithridates, người cai trị Lydia gần đó và các thành phố Hy Lạp ở bờ biển Aegean. Satrap Arsames cũng đến từ Cilicia trên biển phía nam của Tiểu Á. Những nhà lãnh đạo này và các tướng lĩnh của họ đều cam kết bảo vệ vương quốc của Đại Vương bằng tính mạng của họ. Và nếu danh dự không đủ là động lực, họ biết sự giàu có đến từ đất đai mà họ nắm giữ trong các khu vực họ quản lý. Nếu Alexander thắng, họ sẽ mất tất cả.

Memnon cũng có mặt, có lẽ là vị tướng giỏi nhất trong quân đội Ba Tư. Ông ta đã đánh bại lực lượng tiến công dưới quyền Parmenion vào năm trước và đẩy họ trở lại Hellespont để chờ đợi vị vua của họ. Cuối cùng khi đến lượt phát biểu ý kiến tại hội đồng, ông ta đứng dậy và tuyên bố cách tốt nhất để đánh bại quân Macedonia là phá hủy tất cả các loại cây trồng trong vùng, bỏ trống các thành phố để thực hiện chủ trương "đồng không nhà trống". Không có thức ăn cho ngựa và cho người, Alexander buộc phải rút khỏi Tiểu Á trong thất bại. Ngoài ra, Memnon cảnh báo, bộ binh Macedonia hơn hẳn về kỹ năng nếu không muốn nói là về số lượng so với Ba Tư. Nếu bộ binh Macedonia với những ngọn giáo sarissa dài của họ chống lại người Ba Tư, quân đội của Đại vương sẽ thua. Vị tướng Hy Lạp chắc chắn đã nhắc nhở họ, ông đã từng sống lưu vong tại triều đình Philip và biết trước sức mạnh của quân đội Macedonia.



Memnon of Rhodes

Lời khuyên của Memnon là đúng đắn và nếu được thực hiện, sẽ gần như đảm bảo thế giới sẽ không bao giờ nghe nói về Alexander Đại đế — nhưng các nhà lãnh đạo Ba Tư sẽ không bao giờ đồng ý. Memnon nghĩ ông ta là ai khi khuyên các quý tộc của Đế chế Ba Tư quay đầu chạy trốn khỏi một vị vua trẻ chưa kết hôn đến xâm chiếm đất đai của họ? Họ sẽ không bao giờ để ruộng và nhà của mình bị đốt cháy trước quân đội Macedonia như thể họ là những người nông dân run rẩy trong đôi ủng của mình. Họ nghi ngờ Memnon muốn trì hoãn cuộc chiến để Đại vương, người đã ưu ái ông, sẽ bổ nhiệm ông làm chỉ huy thay cho họ. Chắc hẳn cũng có nhiều câu hỏi về việc tại sao Alexander lại ra lệnh cho quân của mình không được làm hại các điền trang của Memnon. Nhưng cuối cùng, ý thức về danh dự và nhân phẩm sẽ không cho phép họ coi trọng lời khuyên của Memnon. Họ là những chiến binh đến từ vùng cao nguyên Ba Tư, những người thừa kế của Cyrus, những kẻ chinh phục thế giới — và họ sẽ chiến đấu.

Sông Granicus nằm ở vùng núi bên ngoài thành Troy và chảy về phía bắc băng qua đồng bằng ven biển, trước khi đổ ra biển. Nó là một con sông nhỏ được cung cấp nước bởi những cơn mưa xuân, nhưng bờ của nó rất dốc và khó đi lên. Tại đây, vào một buổi chiều cuối tháng Năm, Alexander cuối cùng đã nhìn thấy người Ba Tư. Các trinh sát của anh báo cáo kỵ binh Ba Tư đã tập trung ở bờ xa với bộ binh ở phía sau. Họ đang nắm giữ lợi thế về địa hình. Nếu người của Alexander giao chiến với quân Ba Tư ở đây, họ sẽ phải băng qua sông mà không được bảo vệ, sau đó phải vùng vẫy lên bờ xa khi kẻ thù tấn công họ từ mặt đất cao hơn. Đội hình sarissa chết chóc của người Macedonia sẽ trở nên vô ích khi cố gắng leo từ lòng sông lên bãi đất trống bên kia. Người Ba Tư đã cố tình chọn một trận địa để vô hiệu hóa sức mạnh của bộ binh Macedonia mà thay vào đó sẽ tạo cho mình mọi lợi thế. Họ đã đặt một cái bẫy cho Alexander và dụ anh bước vào đó.

Alexander đã khảo sát địa hình bằng con mắt tinh tường và không thể không đánh giá cao kế hoạch của Ba Tư. Một vị tướng thận trọng hơn có thể đã tìm một vị trí tốt hơn để vượt sông hoặc rút về phía nam dọc theo bờ biển Aegean. Nhưng Alexander tự hào về sự nhanh nhẹn và táo bạo của mình — tất nhiên, đó chính xác là điều mà người Ba Tư đang trông cậy. Họ đang đánh cược rằng vị vua trẻ lém lỉnh không thể cưỡng lại miếng mồi.

Như với cuộc bao vây tại Thebes, chúng ta có hai phiên bản về những gì đã xảy ra tiếp theo. Một từ nhà sử học Diodorus nói Alexander đã dựng trại qua đêm và chuẩn bị cho một cuộc tấn công vào sáng hôm sau.

Diodorus Siculus hay Diodorus xứ Sicily là một nhà sử học Hy Lạp cổ đại. Ông được biết đến với việc viết cuốn lịch sử phổ quát đồ sộ Bibliotheca Historyca, trong bốn mươi cuốn sách, trong đó mười lăm cuốn còn nguyên vẹn, từ năm 60 đến 30 trước Công nguyên.



Nhưng Arrian nói rằng anh đã kéo quân của mình hướng ra sông dù chỉ còn vài giờ ban ngày. Trong phiên bản thứ hai, tướng già Parmenion đã thúc giục Alexander ở lại gần bờ cho đến ngày hôm sau, khi quân đội có thể được tổ chức hiệu quả hơn cho một cuộc chiến cam go. Ông cảnh báo tiến quân vào thời điểm này sẽ là một thảm họa. Trong câu chuyện

này, Alexander bác bỏ sự do dự của vị tướng già và nói anh sẽ rất xấu hổ nếu sau khi băng qua Hellespont rộng lớn, anh lại bị chặn lại bởi một con suối nhỏ. Anh tuyên bố, sự chậm trễ sẽ chỉ khiến người Ba Tư nghĩ anh sợ họ. Arrian mô tả cuộc đối thoại tương tự giữa Parmenion và Alexander thêm bốn lần trong cuộc viễn chinh, luôn diễn ra trước trận chiến, do đó người đọc bắt đầu nghi ngờ người chỉ huy kỳ cựu đang được sử dụng như một tấm giấy bạc để làm nổi bật sự táo bạo của Alexander. Nhưng việc người Macedonia dựng trại hay bắt đầu cuộc tấn công vào tối hôm đó không có gì khác biệt. Alexander đã quyết định chiến đấu với người Ba Tư tại Granicus và mạo hiểm mọi thứ chỉ với một lần tung xúc xắc.

Đối mặt với hàng ngàn kỵ binh Ba Tư và ít nhất là một số lượng tương đương bộ binh bên kia sông, Alexander bố trí quân của mình trong một đội hình tiêu chuẩn với kỵ binh ở cánh và bộ binh ở trung tâm. Anh để Parmenion chỉ

huy kỵ binh Thracian và Thessalian ở bên trái, trong khi chính anh chỉ huy bên phải. Philotas và các đơn vị kỵ binh của anh ta đứng gần anh cùng với các cung thủ và các tay giáo người Agrianian hoang dã từ Thrace. Trong số nhiều sĩ quan khác có Nicanor, một người con khác của Parmenion; Craterus, người sẽ trở thành một trong những chỉ huy đáng tin cậy nhất của Alexander; và Black Cleitus, bạn của cha anh - anh trai của bảo mẫu thời thơ ấu của anh. Bản thân vị vua Macedonia cũng không thể nhầm lẫn trong bộ áo giáp lộng lẫy khi đi bên cạnh con ngựa của mình giữa những người đàn ông, vỗ về và khích lệ họ. Người Ba Tư cũng đã phát hiện ra Alexander và di chuyển các đội kỵ binh tốt nhất của họ đối diện để tấn công anh.

Sau khi hai bên đã ổn định, họ đứng đối mặt với nhau bất động và im lặng trong vài phút dài như thể hít thở sâu trước khi trận chiến bắt đầu. Không bên nào muốn là bên di chuyển trước, cuối cùng Alexander đã nhảy lên ngựa

và di chuyển cánh phải về phía sông với tiếng kèn và tiếng kêu hùng tráng của thần chiến tranh Ares.

Trong thần thoại Hy Lạp, thần Ares là một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. Ares là con trai cả của thần Zeus và nữ thần Hera. Thần Ares được coi tương đương với thần Mars trong thần thoại La Mã.



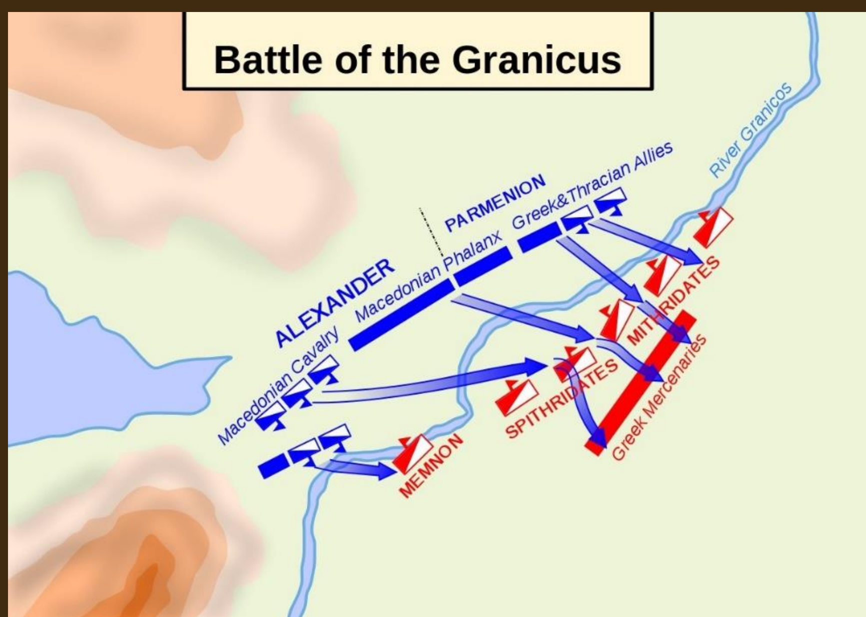
Ares là thần chiến tranh, thần của các chiến binh và của các trận đánh khốc liệt. Ares được xem là vị thần có khả năng quyết định thắng bại của mọi cuộc chiến. Trong thần thoại, thần thường được miêu tả cầm một ngọn giáo dính máu đỏ tươi. Thần Ares có diện mạo khôi ngô nhưng bản tính rất tàn bạo. Tương truyền chiếc ngai của thần trên Đỉnh Olympus được bọc kín bằng da người. Dù Ares là con dứt ruột đẻ ra nhưng Zeus và Hera chẳng thương mến gì Ares vì bản tính hiếu chiến và ngông cuồng.

Thần tạo ra vô vàn các cuộc chiến cả ở hạ giới lẫn trên cõi thần linh chỉ vì Zeus và Hera không xem trọng mình. Là một vị thần bất tử nhưng Ares đã bị người anh hùng Heracles đánh bại trong một trận đánh và có lần còn suýt bị hai tên khổng lồ Otus và Ephialtes ném xuống địa ngục. Khi bị thương trong cuộc chiến thành Troy, thần đã không được Zeus đoái hoài đến.

Giống như các thành bang khác của Hy Lạp cổ đại, nếu như thủ đô Athen thờ phụng thần Athena, thì ở thành Sparta, họ phụng sự tuyệt đối thần chiến tranh Ares.

Alexander qua sông và lên bờ nhanh đến nỗi các kỵ sĩ Ba Tư không thể bắn trúng anh, nhưng nhiều người bạn đồng hành đã bị rớt xuống nước khi những mũi tên từ trên cao bắn xuống. Parmenion tiến vào từ bên trái, còn bộ binh từ trung tâm tiến qua sông Granicus, cầm những ngọn giáo dài. Chiến lược của người

Macedonia là sử dụng hai cánh để đánh bật kỵ binh Ba Tư, nhưng kế hoạch sớm nhường chỗ cho sự hỗn loạn đẫm máu khi ngựa và người của cả hai bên bị dồn chặt đến mức họ không thể di chuyển được. Những người Macedonia đầu tiên qua được sông đã bị quân Ba Tư ở phía xa của con sông đông hơn hạ gục.



Memnon và những người con trai trưởng thành của ông đã đi đầu trong chiến dịch của người Ba Tư tàn sát càng nhiều người của Alexander càng tốt. Khi nhiều người đàn ông sang được phía đối diện, họ bị bao vây bởi kỵ

binh Ba Tư, những người đã đâm họ bằng lao. Alexander nhìn thấy những gì đang xảy ra và trong cơn điên cuồng dẫn những người thân cận nhất của mình lao vào trận địa dày đặc. Dần dần người Macedonia đã có được chỗ đứng ở phía xa của con sông khi kỵ binh của Alexander sử dụng thương của họ từ lưng ngựa để chống lại những mũi lao ngắn hơn của người Ba Tư.



Một cuộc chiến khốc liệt nổ ra xung quanh Alexander khi người Ba Tư cố gắng giết anh và kết thúc chiến tranh bằng một đòn. Cây thương của nhà vua đã bị gãy trong cuộc

chiến, nhưng khi anh gọi phụ tá của mình đưa cho cây khác, nhưng cây thương của chàng trai trẻ cũng đã gãy làm đôi. Bị bao vây và không có vũ khí, thì bất ngờ bạn đồng hành cũ của anh là Demaratus của Corinth, cựu binh của các cuộc chiến ở Sicily xa xôi, lao tới và đưa cho anh vũ khí của mình. Alexander lại tiếp tục chiến đấu, anh lao vào một nhà quý tộc Ba Tư tên là Mithridates và đâm vào mặt anh ta. Cái chết của người con rể Đại vương Ba Tư đã khiến Alexander phân tâm khỏi sự tiếp cận của một nhà quý tộc Ba Tư khác, Rhoesaces, người đã cưỡi lên nhà vua và dùng kiếm đâm vào đầu anh đến nỗi mũ sắt của anh bị tách ra làm đôi.



Nhà vua choáng váng vì cú đánh, nhưng đã quật được Rhoesaces xuống đất và dùng cây thương xiên qua anh ta. Ngay lúc đó, tên thống đốc Spithridates chuẩn bị tấn công Alexander từ phía sau, giơ kiếm lên để giáng một đòn chí mạng thì đột nhiên Black Cleitus ném mình vào lãnh chúa Ba Tư và chặt đứt cánh tay của hắn từ vai. Alexander có thể đã thất vọng trước những sĩ quan cũ của Philip trong hàng ngũ của mình, nhưng ngày hôm đó anh đã mắc nợ sự dũng cảm và kỹ năng của Cleitus.



Trong mỗi trận chiến đều có một bước ngoặt. Lúc này, người Ba Tư biết họ không thể cầm chân quân Macedonia và bắt đầu rút lui. Sau đó trung quân của họ sụp đổ và họ bắt đầu hoảng sợ chạy trốn khỏi Granicus. Hơn một nghìn kỵ sĩ Ba Tư đã bị giết, trong số đó có quý tộc, thống đốc và họ hàng của Đại vương.

Nhưng Alexander vẫn chưa kết thúc khi anh nhanh chóng bao vây những người lính đánh thuê Hy Lạp, những người đã bị quân Ba Tư giữ ở phía sau trận chiến. Những người đàn ông này biết họ đã thua, nhưng với tư cách là lính đánh thuê và theo thông lệ, họ mong đợi được trả một khoản tiền chuộc và sẽ được tự

do. Alexander thay vào đó ra lệnh cho người của mình tàn sát họ, chỉ để lại một số ít làm nô lệ trong các hầm mỏ của Macedonia. Chúng sẽ là một bài học cho những người Hy Lạp khác, những người có thể cùng phe với người Ba Tư chống lại anh.

Alexander đã đến thăm những người bị thương và tự mình kiểm tra vết thương của họ, đưa ra lời khuyên cho các thầy thuốc dựa trên những nghiên cứu của anh với Aristotle. Đối với hàng chục người Macedonia đã ngã xuống, anh ra lệnh chôn cất danh dự tại địa điểm chiến đấu trong khi gia đình của họ ở Macedonia được đặc quyền đặc biệt. Đối với những nhà quý tộc đã chết của mình, anh đặt hàng những bức tượng đồng được dựng lên tại Dion bên dưới đỉnh Olympus do Lysippus, nhà điêu khắc vĩ đại nhất thời đó tạc.

Lysippus là một nhà điêu khắc người Hy Lạp vào thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong ba nhà điêu khắc vĩ đại nhất của thời đại Hy Lạp cổ đại, mang đến sự chuyển tiếp sang thời kỳ Hy Lạp hóa. Các vấn đề đau đầu khi nghiên cứu Lysippus là khó xác định

phong cách của ông trong số các bản sao tồn tại. Ông không chỉ có một xưởng lớn và nhiều đệ tử mà còn có một thị trường cho các bản sao tác phẩm của ông, được cung cấp từ bên ngoài vòng tròn của ông, cả trong cuộc đời ông và sau này ở Hy Lạp và các thời kỳ La Mã. The Victorious Youth hoặc tượng đồng Getty, xuất hiện trở lại vào khoảng năm 1972, được gắn liền với ông.



The Victorious Youth

Anh cũng hào phóng với kẻ thù đã chết, cho phép những người lính đánh thuê Hy Lạp được chôn cất tử tế. Anh cho vận chuyển tất cả những chiếc cốc uống nước cao cấp, áo choàng tím và những món hàng xa xỉ khác mà anh lấy được từ người Ba Tư cho mẹ mình.

Cuối cùng, anh đã gửi ba trăm bộ áo giáp của quân Ba Tư đến Athen để làm chiến lợi phẩm trên Acropolis. Anh đã ra lệnh khắc một dòng chữ trên chúng để cho tất cả đọc:

ALEXANDER, CON TRAI PHILIP VÀ TẤT CẢ HY LẠP — NGOẠI TRỪ SPARTANS — GỬI NHỮNG CHIẾN LỢI PHẨM NÀY TỪ LŨ MAN RỢ Ở CHÂU Á.

Alexander không phải là không có khiếu hài hước. Anh muốn mọi người ở Hy Lạp biết rằng cuộc thập tự chinh Panhellenic của anh chống lại người Ba Tư đang tiến hành một cách huy hoàng với sự hỗ trợ của tất cả người Hy Lạp - ngoại trừ người Sparta.

Niềm vui mà Alexander cảm thấy sau chiến thắng đầu tiên đã sớm được thay thế bằng thực tế phải lo quản lý lãnh thổ mới giành được. Anh bổ nhiệm chỉ huy kỵ binh Calas làm thống đốc vùng Hellespont thay cho Arsites của Ba Tư, người vì xấu hổ đã tự sát sau trận chiến tại Granicus. Trên thực tế, quyết định hành chính có vẻ nhỏ nhặt này của Alexander đã gây ra những hậu quả to lớn cho tương lai.

Khi bổ nhiệm Calas làm satrap, nhà vua đã sử dụng danh hiệu và giữ nguyên cơ cấu chính phủ Ba Tư. Sự liên tục này càng trở nên rõ ràng hơn khi Alexander tuyên bố các thành phố ở Tây Bắc Tiểu Á sẽ tiếp tục nộp thuế theo cùng một cách thức và mức thuế đã áp dụng dưới thời Đại vương Ba Tư.

Những quý tộc địa phương đã chạy trốn đến những ngọn đồi giờ đã trở về dinh thự của họ và được ân xá. Các khoản phí phạt đã được đưa ra cho thành phố Zeleia, nơi đã tổ chức hội nghị Ba Tư xấu số vài ngày trước đó và đóng vai trò là trụ sở quân sự chống lại người Macedonia. Tuy nhiên, Alexander đã tha thứ cho thành phố trong một hành động nhân từ có tính toán. Chiến dịch của anh vẫn còn non trẻ và anh muốn các thành phố phía trước biết anh là một người hào phóng - một động thái thận trọng vì nó sẽ khuyến khích người dân đầu hàng khi biết họ sẽ không bị lên án vì những thiện cảm với người Ba Tư trước đây. Alexander sau đó cử Parmenion đến tiếp quản

Dascylion, thủ phủ của Ba Tư trong khu vực. Đó là một thành phố thịnh vượng của Hy Lạp từ lâu đã quen với việc phục vụ cư dân Ba Tư.



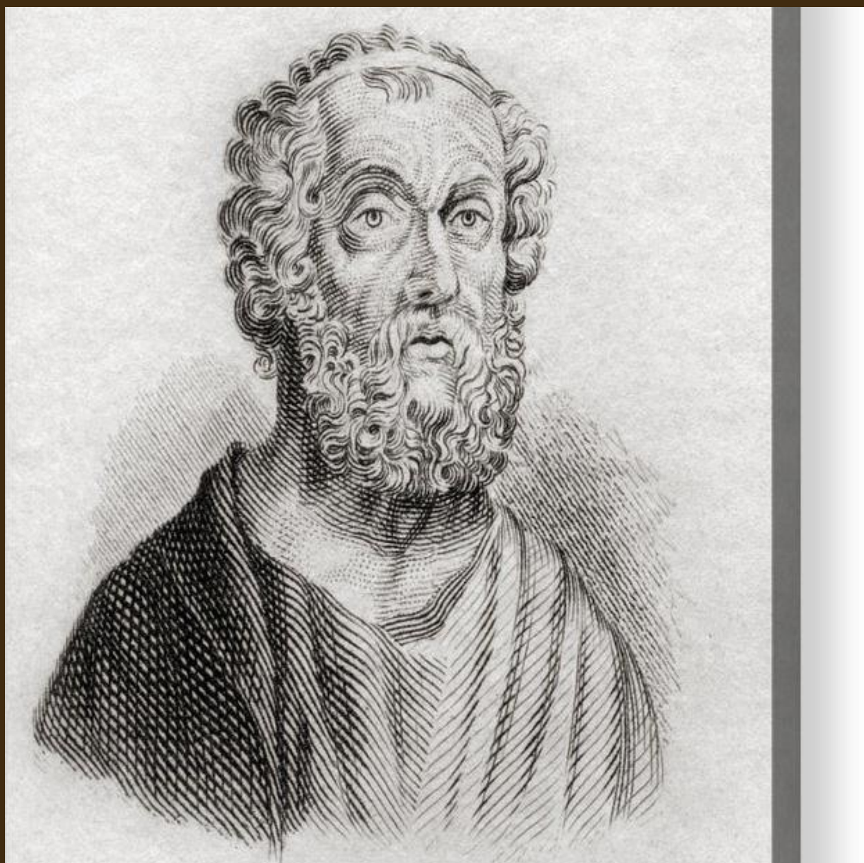
Với những người Macedonia hiện đang nắm quyền, các cơ chế cai trị — và có lẽ là rất nhiều người ghi chép, người thu thuế và các công chức khác - sẽ được giữ nguyên dưới thời Alexander. Vị vua mới hiểu rõ không nên làm gián đoạn một nền hành chính đang hoạt động trơn tru. Anh cần tiền để tài trợ cho chiến dịch, có thể là thông qua thuế hoặc tiền cống nạp, và những nhân viên lâu năm tại cung điện satrapal rất giỏi trong việc chăn dắt người địa phương.

Cuộc sống trên chiến dịch, bất chấp sự tàn khốc của chiến tranh, hẳn là thú vị đối với vị vua trẻ. Anh thức dậy vào mỗi buổi sáng và bắt đầu một ngày bằng cách cúng tế cho các vị thần. Đây là nghĩa vụ tôn giáo với tư cách là vua của Macedonia, nhưng Alexander dường như khá thành tâm trong sự sùng kính của mình, đặc biệt là đối với Athena và tổ tiên xa xôi của anh là Zeus và Hercules.

Sau khi làm xong nhiệm vụ trước bàn thờ, anh sẽ ngồi ăn sáng. Nếu quân đội không dở trại, anh sẽ dành cả ngày để tổ chức các công việc quân sự, trả lời thư từ, quản lý tư pháp, hoặc nếu có thời gian, đi săn với bạn bè. Anh thích đọc sách và dành những giây phút rảnh rỗi trong ngày để đọc các tác phẩm Hy Lạp của các nhà sử học Herodotus và Xenophon, các nhà viết kịch Sophocles và Euripides, hoặc các nhà thơ, đặc biệt là Homer yêu quý của anh.

Homer được coi là một trong những nhà thơ Hy lạp cổ đại xuất sắc nhất. Hai tác phẩm Iliad và Odyssey của ông đã có ảnh hưởng lớn đến văn chương hiện đại phương Tây. Theo truyền thuyết thì ông bị mù và là một người hát rong tài năng.

Herodotus ước tính Homer sống 400 năm trước thời đại của ông, điều này ước chừng Homer sống vào khoảng 850 trước Công nguyên. Trong khi nguồn khác cho rằng ông sống trong khoảng thời gian của cuộc chiến thành Troy, tức là vào những năm đầu thế kỷ XII trước Công nguyên. Hầu hết các học giả sau này đặt Homer vào giai đoạn lịch sử thế kỷ VIII hoặc VII trước Công nguyên.



Ảnh hưởng cơ bản của các thiên anh hùng ca Homer trong việc hình thành văn hóa Hy Lạp đã được công nhận rộng rãi, và Homer đã được mô tả như là người thầy của Hy Lạp. Các tác phẩm của Homer, trong đó khoảng một nửa là các bài

hùng biện, đã cung cấp các bài mẫu về văn nói và văn viết có sức thuyết phục trong suốt thế giới Hy Lạp cổ đại và trung cổ. Các đoạn rời rạc của các tác phẩm Homer được ghi lại trong gần một nửa của tất cả các tác phẩm văn chương Hy Lạp được phát hiện trên giấy cói.

Hai tác phẩm nổi tiếng, Iliad và Odyssey, của ông được ghi chép lại chính thức vào thế kỷ thứ VI TCN theo lệnh của Bạo chúa Athena lúc bấy giờ là Peisistratos. Tác phẩm Iliad có nội dung dựa trên các thần thoại về Cuộc chiến thành Troy. Còn nội dung của Odyssey là trường ca kể về cuộc phiêu lưu của nhân vật chính Odyssey và hành trình trở về quê hương gian nan của người anh hùng này.

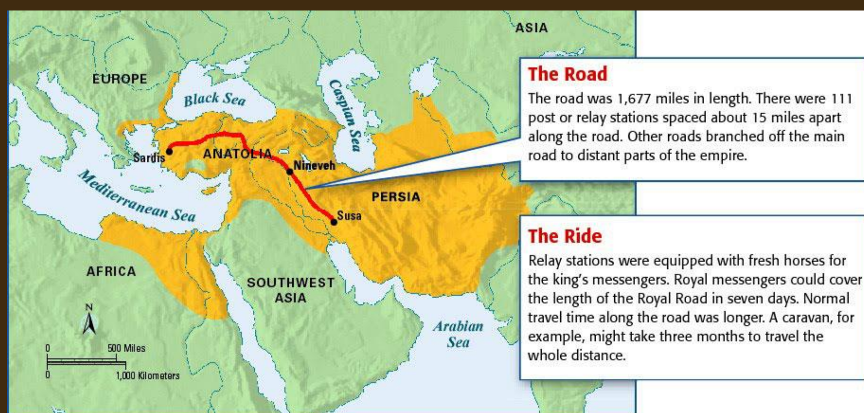
Dù đang di chuyển hay ở trong một thành phố, anh sẽ kết thúc một ngày bằng việc tắm rửa hoặc xức dầu và cạo râu theo cách Hy Lạp. Trước khi tắm, anh sẽ hỏi các đầu bếp và thợ làm bánh đã chuẩn bị những gì cho bữa tối. Anh yêu thích những loại trái cây khác nhau và cá tươi, vì vậy chuyến đi dọc theo bờ biển là một điều đặc biệt. Bữa tối của anh luôn hoành tráng, với Alexander và bạn bè ngả lưng trên những chiếc ghế dài để dùng bữa như bất kỳ người văn minh nào. Anh luôn đảm bảo những người bạn đồng hành của mình đã nhận đủ đồ

ăn và thường tự mình chọn món ngon cho bạn bè.

Anh thích uống nhiều rượu, theo phong cách Macedonian, nhưng ít nhất ở giai đoạn này của cuộc đời, anh không phải là người say xỉn. Anh có nhiều đức tính, nhưng giống như hầu hết các nhà cầm quyền, anh thích xu nịnh và thường khoe khoang những việc làm của mình như một người lính bình thường. Những người bạn đồng hành đôi khi cạnh tranh với nhau để khen ngợi nhà vua, khiến những người kín tiếng hơn trong số họ trở nên khó chịu vì sợ họ sẽ tụt lại phía sau những người khác trong lời khen ngợi. Đối với Alexander, đó là một lỗ hổng bi thảm, hay hamartia, một từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là bắn trượt hồng tâm (những người theo đạo Thiên chúa sau này cũng dùng từ này để chỉ "tội lỗi"). Việc thích khen ngợi là một lỗi có thể tha thứ của Alexander nhưng theo thời gian sẽ trở thành một vấn đề nghiêm trọng.

Từ Granicus, Alexander hành quân về phía nam dọc theo những con đường cổ xưa xuyên qua những ngọn núi để đến thành phố Sardis. Đây vốn là vùng nội địa thịnh vượng của Lydia - một thành phố quan trọng của Đế chế Ba Tư và điểm cuối của con đường Hoàng gia - kéo dài hơn một ngàn dặm từ Susa ở Lưỡng Hà.

Con đường Hoàng gia [Royal Road] là một xa lộ cổ đại được Darius Đại đế của Ba Tư tổ chức và xây dựng lại vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên. Darius đã xây dựng con đường để tạo điều kiện liên lạc nhanh chóng xuyên suốt đế chế rất rộng lớn của mình từ Susa đến Sardis.



Thành lũy kiên cố của thành phố cao hàng trăm mét trên thung lũng của sông Hermus, chảy ngay phía bắc của thành phố xuống biển Aegean. Pháo đài được coi là không thể phá

vỡ đối với tất cả những người đã đến thăm địa điểm và chắc chắn là một nguyên nhân chính khiến Alexander quan tâm khi đến gần thành phố.



Người Lydian không phải là người Hy Lạp mà là hậu duệ của những người định cư sớm ở Tiểu Á. Họ vẫn nói ngôn ngữ liên quan đến ngôn ngữ của người Hittite, người đã cai trị vùng đất này một nghìn năm trước đó, nhưng người dân Sardis đã quen với những du khách và cách thức của người Hy Lạp. Lãnh thổ của họ rất giàu vàng và ngựa, một vương quốc hùng mạnh được nhiều kẻ chinh phục ao ước

từ lâu. Người Lydian giàu có và sáng tạo đến mức họ là quốc gia đầu tiên đúc tiền xu. Vào thế kỷ thứ sáu, vị vua bản xứ cuối cùng, Croesus, đã tích lũy được quyền lực đến mức ông mong muốn truyền bá quyền thống trị của Lydian ra ngoài biên giới của mình. Ông là một người ủng hộ rất nhiều cho các lời tiên tri của người Hy Lạp, vì vậy khi dự tính tấn công vương quốc Ba Tư đang trỗi dậy dưới thời Cyrus, ông đã cử sứ giả đến Delphi để xin lời khuyên của Apollo. Sau khi quyên góp xa hoa cho nhà tiên tri, ông hỏi có nên xâm lược Ba Tư hay không. Nữ tu sĩ, bị thần ám, đã thốt ra câu trả lời khó hiểu: “Nếu Croesus gửi một đội quân lớn chống lại Ba Tư, một đế chế hùng mạnh sẽ sụp đổ.”

Croesus rất phấn khởi trước tuyên bố này và chuẩn bị cho chiến tranh. Điều ông ta không nhận ra là đế chế của chính mình sẽ sụp đổ. Thông qua việc sử dụng sáng tạo những con lạc đà để làm khiếp sợ các kỵ binh Lydian, Cyrus đã đánh chiếm Sardis và trở thành

người cai trị Tiểu Á. Sau khi suýt chút nữa bị thiêu sống trên giàn thiêu khổng lồ như một vật hiến tế cho các vị thần, Croesus trở thành cố vấn đáng tin cậy cho Cyrus, và Sardis trở thành thành phố Ba Tư quan trọng nhất ở phía tây.

Alexander không có lạc đà và không có ý tưởng rõ ràng về cách đánh chiếm Sardis ngoài một cuộc vây hãm dài ngày mà anh không đủ khả năng chi trả. Mỗi ngày anh bỏ đói thành phố để khiến nó phục tùng thì đồng thời cũng làm tiêu hao nguồn tài nguyên hạn chế của chính anh và cho Darius thêm thời gian để gây dựng một đội quân hùng mạnh chống lại anh. Nhưng một cứu cánh to lớn đã đến với Alexander khi Mithrenes, chỉ huy Ba Tư của thành phố, gặp anh vài dặm bên ngoài Sardis và xin đầu hàng. Tại sao Mithrenes lại làm điều này là một câu đố. Anh ta có thể đã không thể giữ vùng nông thôn xung quanh chống lại quân đội của Alexander, nhưng anh ta đã có thể chống lại quân Macedonia từ sự

an toàn của pháo đài trong nhiều tháng. Dù lý do là gì, Alexander đã chào đón Mithrenes một cách nồng nhiệt và cho phép anh ta giữ lại cấp bậc trước đây của mình. Chỉ huy người Ba Tư phải đi cùng tùy tùng của nhà vua trong suốt chiến dịch ở Tiểu Á, nhưng thay vì là một vinh dự, đây có thể là dấu hiệu cho thấy Alexander không tin tưởng một người đã phản bội vua của mình một cách dễ dàng.

Thành phố Sardis bây giờ thuộc về Alexander, và niềm vui của anh, bao gồm một kho bạc chứa đầy vàng của người Lydian. Số tiền sẽ không tồn tại mãi mãi, nhưng nó cho phép nhà vua tiến hành cuộc chiến khi biết rằng cuối cùng anh cũng có thể trả lương cho quân của mình. Những người lính và nhân viên phục dịch cùng hồi hộp như nhau vì sau nhiều tuần hành quân và chiến đấu, cuối cùng họ cũng có một vài đồng trong túi. Từ trại của mình bên ngoài thành phố, Alexander tuyên bố tất cả người Lydian giờ đã được tự do và sẽ được phép tuân theo các phong tục cổ xưa của họ.

Đây là một cử chỉ dễ chịu nhưng vô nghĩa vì người Ba Tư luôn cho phép cư dân trong đế chế của họ tuân theo phong tục của tổ tiên. Đối với tự do, nó chỉ đúng theo nghĩa là người Lydian bây giờ đã được giải phóng khỏi Ba Tư nhưng lại phụ thuộc Đế chế Macedonia. Miễn là các công dân của Sardis đóng thuế và làm như những gì họ được chỉ dẫn, họ có thể coi mình là tự do. Alexander sau đó bước vào thành phố với tư cách là một kẻ chinh phục và leo lên đỉnh của thành, nơi có tầm nhìn tuyệt đẹp ra thung lũng rộng lớn của Hermus. Nhà vua kiểm tra khả năng phòng thủ của ngọn đồi và cảm ơn các vị thần một lần nữa khi không cần phải bao vây một pháo đài cao chót vót như vậy. Sau đó, một cơn bão mùa hè bất ngờ ập đến từ trên trời kèm theo sấm sét và mưa rào. Nhà vua đã dự tính xây dựng một ngôi đền cho tổ tiên của mình là thần Zeus trên đỉnh của tòa thành, và bây giờ anh chắc chắn mình nên làm như vậy.

Alexander bổ nhiệm một người Macedonia tên là Pausanias làm chỉ huy mới của thành và giao cho Nicias, một người Hy Lạp, quản lý và thu thuế cho khu vực. Asander, người có thể là anh trai của Parmenion, đã được chọn làm hộ vệ cho Lydia và được để lại đủ kỵ binh và bộ binh hạng nhẹ để duy trì trật tự. Nhà vua đã cử hầu hết quân đội Hy Lạp theo anh từ Macedonia trở về đồn trú ở khu vực xung quanh thành Troy trong khi anh đóng quân tại thành phố đồng minh Argos gần thành Sardis.

Những thay đổi có vẻ nhỏ này mở ra một tầm nhìn quan trọng trong tâm trí Alexander ở giai đoạn này của chiến dịch. Anh đã thành công trong giai đoạn đầu và hiện đã chiếm được thành phố trọng yếu của Đế chế Ba Tư. Anh cảm thấy mình có thể không cần phần lớn quân Hy Lạp trong đội quân của mình và gạt sang một bên đây là chiến dịch giải phóng của người Hy Lạp. Kể từ bây giờ, đó là cuộc chiến tranh chinh phục của người Macedonia. Tất nhiên, người Hy Lạp vẫn có thể sử dụng

chúng, nhưng Alexander không còn muốn chia sẻ vinh quang của mình với họ nữa. Anh cũng bắt đầu loại bỏ càng nhiều bà con và những người ủng hộ Parmenion càng tốt khỏi dàn chỉ huy của mình, bắt đầu với Asander. Anh vẫn cần sự hỗ trợ của Parmenion, nhưng anh sẽ giảm dần ảnh hưởng của ông tướng già khi sức mạnh của anh lớn lên. Cuối cùng, số lượng các quan chức khác nhau mà Alexander để lại để điều hành đế chế đang phát triển của mình cho thấy sự nhận thức sâu sắc về sự nguy hiểm của quyền lực tập trung. Như người Ba Tư đã làm trước anh, nhà vua biết rằng cạnh tranh giữa các quan chức là sự kiểm tra chắc chắn nhất cho tham vọng không bị lay chuyển. Asander sẽ là satrap – thống đốc, nhưng Nicias sẽ nắm binh quyền trong khi Pausanias chỉ huy vùng đất cao. Không ai trong số những người đàn ông này có lý do để tin tưởng lẫn nhau - đó chính xác là vấn đề. Alexander có thể tiếp tục cuộc hành quân của mình khi biết rằng không ai có thể thống trị vùng Lydia giàu có và hùng mạnh.

Điểm dừng chân tiếp theo của Alexander là thành phố ven biển Ephesus, cách Sardis bốn ngày đường. Thành phố đã được thành lập bởi những người Hy Lạp Ionian nhiều thế kỷ trước đó, nhưng đã nằm dưới sự cai trị của Croesus-Lydia và sau đó thuộc quyền kiểm soát của Ba Tư. Người Ionians cùng nhánh người Hy Lạp với người Athen, mặc dù người Ephesus không phải lúc nào cũng ủng hộ đồng loại của họ trong chiến tranh. Đối với người Ba Tư, những người ít thấy sự khác biệt giữa các bộ lạc và phương ngữ Hy Lạp khác nhau, tất cả người Hy Lạp được gộp lại với nhau thành Ionians, hoặc Yauna, trong ngôn ngữ Ba Tư. Thành phố Ephesus được biết đến nhiều nhất với ngôi đền nổi tiếng của Artemis, nữ thần săn bắn, được cho là đã bị thiêu rụi vào đêm Alexander sinh ra và vẫn đang được xây dựng lại. “Artemis tuyệt vời của người Ephesus”, các thế hệ sau này sẽ ca tụng, và các công dân thời Alexander không thể đồng ý hơn.



Những người ủng hộ nền dân chủ ở Ephesus đã mở cửa cho Parmenion hai năm trước đó, thậm chí còn dựng một bức tượng của Philip tại ngôi đền. Nhưng Memnon đã chiếm lại thành phố và khôi phục tầng lớp quý tộc cai trị ủng hộ Ba Tư. Bây giờ các nhà dân chủ trở về từ cuộc sống lưu vong tìm cách báo thù. Họ phát động một cuộc chiến chống lại các quý tộc và giết bất cứ ai họ có thể tìm thấy từ những người không có chung niềm tin chính trị, kể cả những người đã phá hủy tượng Philip. Một tên đầu sỏ tên là Syrphax đã bị lôi ra khỏi ngôi đền cùng với các cháu trai của mình và bị ném đá công khai đến chết. Alexander không

mấy thiện cảm với tầng lớp quý tộc và để cho cuộc đổ máu tiếp tục diễn ra trong vài ngày, nhưng cuối cùng ngay cả anh cũng cảm thấy mọi thứ đã đi quá xa. Anh biết rằng chẳng bao lâu nữa bạo lực sẽ dẫn đến tình trạng hỗn loạn vì những hận thù cá nhân không liên quan gì đến chính trị. Để đánh lạc hướng người Ephesus khỏi cuộc đấu đá nội bộ, anh đề nghị quyên góp tiền để giúp xây dựng lại đền thờ Artemis và khôi phục hoạt động buôn bán du lịch sinh lợi. Đáng ngạc nhiên là các công dân đã từ chối, mặc dù việc từ chối này có thể do Alexander dàn dựng để tiết kiệm cho mình một khoản chi phí khổng lồ. Tuy nhiên, nhà vua ra lệnh tất cả các khoản thuế thành phố đã nộp trước đây cho người Ba Tư sẽ được dùng để xây dựng lại ngôi đền vĩ đại. Để giải trí và đe dọa những người dân ngoan cố, Alexander đã tổ chức một cuộc diễu hành lớn và diễn tập chiến đấu trên các đường phố với quân đội trong trang phục chiến đấu.

Đại diện từ các thành phố Magnesia và Tralles gần đó nhanh chóng đến để đầu hàng. Nhà vua đã ân cần chấp nhận và cử Parmenion với một lực lượng lớn kỵ binh và bộ binh đến để đảm bảo thành ý. Anh cũng điều động quân đến các thành phố Hy Lạp khác trên bờ biển để đánh đuổi quân đồn trú của người Ba Tư, lật đổ các nhà cai trị quý tộc, và tuyên bố dân chủ và tự do cho tất cả mọi người. Giờ đây, họ đã là những thành phố tự do, họ sẽ không phải chịu các khoản nộp thuế khó chịu cho Vị vua vĩ đại ở Persepolis xa xôi. Thay vào đó, với tư cách là những người Hy Lạp được giải phóng, họ sẽ được phép đóng góp nhiều cho chính nghĩa Macedonia.



Họa sĩ nổi tiếng Apelles đang cư trú tại Ephesus khi Alexander đến và nhà vua không thể cưỡng lại việc giao Apelles vẽ một bức chân dung của chính mình trên lưng

Bucephalus. Nhà vua đã từng xem tác phẩm của Apelles trước đó, bao gồm cả bức tranh của chính cha mình, Philip, và đã kỳ vọng rất nhiều vào một tác phẩm độc nhất vô nhị. Tuy nhiên, khi bức tranh hoàn thành, Alexander không mấy ấn tượng. Apelles sau đó mang nó đến cho Bucephalus xem, con ngựa rất thích. Người nghệ sĩ táo bạo sau đó nói với Alexander rằng con ngựa có thiên hướng thẩm mỹ tốt hơn Alexander. Nhưng nhà vua, người đã học lý thuyết nghệ thuật với Aristotle và tự cho mình là một người sành về hội họa, đã yêu cầu Apelles thử lại. Lần này Apelles đã chơi đùa trước sự phù phiếm của Alexander và vẽ anh ta là thần Zeus đang cầm một tia sét. Ông thậm chí còn sử dụng một công thức sơn bóng bí mật để tạo cho bức chân dung một tông màu nổi bật. Nhà vua hài lòng với phong cách vẽ chân dung rất khác kiểu Hy Lạp này và tặng Apelles một túi vàng lớn để thanh toán.

Apelles of Kos là một họa sĩ nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại. Pliny già, người mà nhiều kiến thức của các học giả hiện đại về nghệ sĩ này đều có được từ ông, đánh giá Apelles vượt trội so với các nghệ sĩ trước và sau này.

Để có hình dung sơ bộ về sự vĩ đại của Apelles, độc giả chỉ cần nhớ danh hoạ Sandro Botticelli (1445 – 1510) từng tự coi mình là "Apelles tái thế", còn Titian (1488/1490 – 1576) được người đương thời gọi là "Apelles thứ hai" và cả Leonardo Da Vinci đại tài cũng được coi là "Apelles của thời đại mình".

Tranh của Apelles có một vẻ duyên dáng hết sức đặc biệt mà không một hoạ sĩ tiền bối hoặc kế tục nào có. Apelles thường công khai xác nhận điều này trước công chúng. Có lần, chiêm ngưỡng một bức tranh được vẽ rất công phu của Protogenes, ông thừa nhận Protongenes ngang tài ông về mọi mặt, có khi còn vượt ông, chỉ trừ một điểm: Apelles khác Protogenes ở chỗ biết khi nào cần dừng tay. Bằng nhận xét đó, Apelles đã dạy cho các hoạ sĩ một bài học nhớ đời: Đó là cầu toàn thái quá có thể gây hại.

Apelles và các vị quân vương

Alexander Đại Đế – vua Macedon – rất ngưỡng mộ tài năng của Apelles. Một lần Alexander Đại Đế tới thăm xưởng vẽ của Apelles. Nhà vua không hiểu rõ về hội hoạ nhưng lại thao thao bất tuyệt nói về đề tài này. Apelles khẽ đề nghị nhà vua chuyển đề tài, kẻo lũ học trò đang nghiền màu trong xưởng nghe thấy, chúng nó cười cho. Giai thoại này cho thấy Apelles phải có uy tín tới mức nào đối với Alexander Đại Đế để nhà vua, vốn bẳn tính, khỏi phật ý trước một đề nghị như vậy.



Alexander Đại Đế – bích hoạ ở Pompeii, được cho là bản sao bức tranh Apelles vẽ trong đó Alexander Đại Đế được mô tả như thần Zeus tay giơ cao tầm sét.

Apelles được trả 20 talents vàng cho bức chân dung Alexander Đại Đế ông vẽ bày tại đền thờ thần Diana ở Ephesus. Số vàng được tính theo trọng lượng bức tranh. Tương truyền các ngón tay ngón chân trong bức tranh này trông nổi như lồi ra khỏi mặt phẳng bức tranh, còn ánh sét như đánh thẳng từ bức tranh về phía khán giả.



Apelles vẽ Pancaste với sự hiện diện của Alexander

Alexander Đại Đế còn đặt hàng Apelles vẽ nàng Pancaste khỏa thân. Pancaste là cung phi được Alexander Đại Đế sủng ái nhất. Trong khi vẽ, Apelles đem lòng say mê nàng. Chuyện đến tai Alexander, song nhà vua, thay vì trừng phạt Apelles, đã tặng nàng Pancaste cho hoạ sĩ. Hành động này của nhà vua đã gây tiếng vang trong dư luận, khiến dân chúng kính trọng và yêu mến nhà vua hơn trước. Nhiều người cho rằng nàng Pancaste cũng chính là người mẫu trong bức "Vệ Nữ hiện lên từ biển" (Venus Anadyomene) của Apelles.



Pancaste cởi bỏ xiêm y trước mặt Apelles

theo lệnh của Alexander Đại Đế



Bích hoạ tại Pompeii được cho là bản sao bức "Venus Anadyomene" của Apelles

Từ khi còn là tướng của Alexander Đại Đế, Ptolemy đã không ưa Apelles. Sau khi Ptolemy lên ngôi vua Ai Cập, có lần các đối thủ của ông đã bí mật hối lộ một tên hề đồng của nhà vua và xui tên này mời Apelles tới dự một dạ tiệc tại hoàng cung. Thấy Apelles, Ptolemy nổi giận sai người tới yêu cầu Apelles chỉ ra kẻ nào đã mời ông đến dự tiệc. Apelles nhặt một cành củi đầu đã cháy thành than từ lò sưởi trong phòng tiệc, vẽ chân dung một người lên tường, giống đến nỗi, chỉ sau vài nét vẽ của Apelles nhà vua đã nhận ngay ra tên hề của mình.

Các phát hiện của Apelles trong hội hoạ đã giúp ích cho nhiều người, nhưng có một thứ không ai có thể bắt chước được. Sau khi vẽ xong, Apelles thường phủ lên mặt tranh một loại varnish đen rất mỏng (attramentum). Lớp varnish này vừa có tác dụng bảo vệ bức tranh khỏi bụi bẩn, vừa phản quang khiến màu sắc bức tranh lung linh hơn. Lớp varnish còn làm màu sắc dịu đi, hòa quện với nhau, khiến bức tranh có chiều sâu, trông như nhìn qua đá kính (specular stone).

Apelles chỉ dùng 4 màu để vẽ. Dựa theo mô tả của Pliny, người ta cho rằng đó là màu trắng, vàng đất, đỏ đất, và đen. Đây là những màu mà các hoạ sĩ Phục Hưng sau này từng dùng để vẽ lót.

Trong khi Parmenion vắng mặt, Alexander và phần còn lại của đội quân rời Ephesus đến thành phố quan trọng Miletus cách ba mươi dặm về phía nam.



Trên đường đi, anh dừng chân tại một thành phố nhỏ là Priene ở cửa sông Meander. Con sông này đáng chú ý vì dòng chảy ngoằn ngoèo của nó (do đó thuật ngữ hiện đại là uốn khúc - meander) và theo thời gian nó sẽ bồi

lấp toàn bộ vịnh giữa Priene và Miletus. Alexander muốn đến thăm đền thờ Athena mới hoàn thành ở Priene, do chính Pythius, kiến trúc sư của Lăng Halicarnassus - một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại, thiết kế.

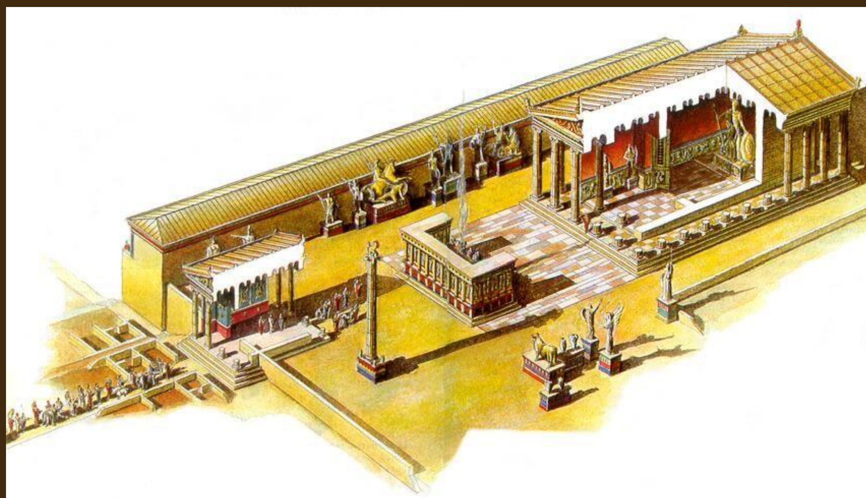
Tại Priene, Alexander đã quyên góp đủ tiền để, không giống như ở Ephesus, anh được coi là người bảo trợ cho ngôi đền mới. Dòng chữ dâng hiến bằng tiếng Hy Lạp còn tồn tại cho đến ngày nay, là một trong số ít các bằng chứng đương thời mà chúng ta sở hữu về việc đặt tên cho vị vua Macedonia:

ΒΑΣΙΛΕΥΣ ΑΛΕΞΑΝΔΡΟΣ ΑΝΕυΗΚΕ

ΤΟΝΝΑΟΝ ΑυΗΝΑΙΗΙ ΠΟΛΙΑΔΙ

VUA ALEXANDER DÀNH TẶNG NGÔI ĐỀN NÀY CHO ATHENA, NGƯỜI BẢO VỆ THÀNH PHỐ





Đền thờ Athena ở Priene

Alexander hiếm khi bỏ lỡ cơ hội kết hợp lòng sùng kính chân chính của mình với các vị thần cùng những lời tuyên truyền hữu ích.

Parmenion và lực lượng của ông tái hợp với Alexander tại Miletus. Đây là một khu định cư cổ có từ Chiến tranh thành Troy và từng là một trung tâm hải quân lớn trong nhiều thế kỷ. Giờ đây, khả năng trú ẩn của hạm đội Ba Tư là điều Alexander quan tâm nhất ở thành phố. Vị Vua vĩ đại có bốn trăm tàu, chủ yếu đến từ Síp và Ai Cập, hoạt động ở phía đông Địa Trung Hải, trái ngược với hạm đội chưa qua thử nghiệm của riêng anh, ít hơn một nửa, đến từ các thành

phố Hy Lạp có lòng trung thành đáng ngờ. Nếu người Ba Tư được phép sử dụng Miletus làm căn cứ hải quân, họ có thể cản trở bước tiến và tấn công anh ở bất cứ đâu trên biển Aegean.

Chỉ huy đơn vị đồn trú tại Miletus đã gửi một thông điệp đến Alexander đề nghị đầu hàng, nhưng khi nghe tin hạm đội Ba Tư sắp đến gần, ông đã rút lại lời đề nghị của mình và đóng các cổng thành với người Macedonia. Alexander sau đó ra lệnh cho hạm đội nhỏ của mình chạy đua đến Miletus để ngăn chặn quân Ba Tư chiếm giữ bến cảng và các hòn đảo gần đó. Hải quân Hy Lạp đến trước đã thiết lập cơ sở trên đảo Lade ở ngoài khơi trong khi người Ba Tư đến trễ bị buộc phải neo ở vị trí bất lợi cách mười dặm phía bắc. Alexander đã đưa hàng nghìn người Thracia và những người lính đánh thuê khác đến đảo Lade để giúp giữ hòn đảo trước bất kỳ cuộc tấn công nào của người Ba Tư.



Bây giờ Parmenion là người thúc giục chống lại hạm đội Ba Tư. Ông khuyên nhà vua tiến hành cuộc tấn công hải quân, đặc biệt là khi ông nhìn thấy một con đại bàng, một loài chim ưa thích của thần Zeus, đậu trên đuôi của một trong những con tàu. Vị tướng này tuyên bố sẽ là một chiến thắng lớn nếu họ thắng, nhưng chỉ là thất bại nhỏ nếu họ thua. Tuy nhiên, Alexander thận trọng một cách đặc biệt. Anh có ít kinh nghiệm về hải chiến và ít tin tưởng vào các thủy thủ Hy Lạp. Anh phản bác rằng thật ngu ngốc khi giao chiến với một hạm đội lớn hơn nhiều so với lực lượng hải quân thiếu kinh nghiệm của mình. Anh sẽ bố trí bộ binh

Macedonia trên mỗi con tàu để chiến đấu với quân Ba Tư trên biển, một viễn cảnh đáng sợ đối với những người đàn ông đến từ vùng núi. Hơn nữa, một thất bại thực sự sẽ rất nghiêm trọng và mang lại cho các thành phố Hy Lạp dũng khí để chống lại anh. Cuối cùng, con đại bàng mà Parmenion nhìn thấy đang quay mặt về phía đất liền chứ không phải biển, vì vậy Zeus rõ ràng muốn anh gây chiến trên đất liền.

Khi quân đoàn kỹ sư của Alexander đến Miletus, nhà vua đã cho họ vào cuộc để đánh sập các bức tường thành. Đó là cơ hội đầu tiên mà các kỹ sư có được trong chiến dịch để chứng minh họ có thể làm việc thần kỳ. Ngay sau đó, một lỗ hổng đủ rộng được tạo ra trên tường thành để quân Macedonia vào thành.



Người của Alexander tràn qua thành phố, giết tất cả những người bảo vệ mà họ có thể tìm thấy, và tiến về bến cảng. Tại đó, hạm đội Hy Lạp đã tiến vào để ngăn chặn quân Ba Tư đổ

bộ tiếp viện. Những người lính Ba Tư trong thành phố, phần lớn gồm vài trăm lính đánh thuê Hy Lạp được Memnon thuê, đã bị đẩy ra biển, nơi nhiều người trèo lên tấm khiên lõm của họ và chèo đến một hòn đảo nhỏ gần bến cảng. Họ đã nghe nói về số phận của những người đồng đội tại Granicus và quyết tâm đánh cược mạng sống của mình. Nhưng Alexander đã tự mình đi thuyền đến hòn đảo và nói với những người lính đánh thuê rằng anh ngưỡng mộ lòng dũng cảm và trung thành của họ. Anh đề nghị họ gia nhập quân đội của anh. Trước hiểm cảnh, họ không còn cách nào khác ngoài việc chấp nhận. Các công dân của thành phố sống sót sau cuộc tấn công cũng thoát khỏi nỗi kinh hoàng của sự nô dịch và được phép ở lại thành phố, chắc chắn là sau khi trả một khoản tiền đền bù lớn.



Thành phố cảng Miletus

Hải quân Ba Tư tiếp tục quấy rối quân Macedonia ngay cả sau khi Miletus thất thủ. Mỗi ngày, họ sẽ đi thuyền từ căn cứ đến trước bến cảng, cố gắng dụ Alexander tham gia cuộc chiến trên biển. Nhưng vô ích, nhà vua vẫn kiên định trong kế hoạch tránh một trận thủy chiến. Thay vào đó, anh gửi con trai của Parmenion là Philotas đến bờ biển gần khu neo đậu của người Ba Tư để ngăn họ lấy nước ngọt. Trong sự thất vọng, họ đi thuyền đến hòn đảo Samos gần đó để tiếp tế và sau đó tấn công Miletus một lần nữa. Năm chiến

thuyền của Ba Tư cố gắng tiến vào bến cảng bên trong, hy vọng bắt được Alexander, nhưng nhà vua nhanh chóng tập hợp quân và tung ra mười tàu để tấn công đáp trả. Người Ba Tư đã tự thuyết phục rằng người Macedonia sợ phải đối mặt với họ trên mặt nước, vì vậy họ rất ngạc nhiên khi thấy Alexander cầm đầu một lực lượng lớn gấp đôi đang chèo thuyền về phía họ trên bến cảng. Họ quay lại và chạy trốn, nhưng Alexander vẫn kịp bắt được một trong những con tàu của họ.



Bất chấp chiến thắng hải quân khiêm tốn của mình, Alexander giờ đây đưa ra một quyết định quan trọng đó là xác định hướng đi cho phần còn lại của cuộc chiến - anh ra lệnh cho hạm đội giải tán. Các nhà sử học cổ đại và hiện đại từ lâu đã tranh cãi về lý do tại sao anh làm điều này, nhưng lý do mà nhà sử học Arrian đưa ra có vẻ hợp lý, đó là anh không có đủ tiền

để hỗ trợ hải quân và ngay cả khi làm vậy, hạm đội của anh cũng không thể sánh được với người Ba Tư. Người ta có thể nói thêm rằng anh thấy các thủy thủ Hy Lạp không đáng tin cậy và gặp nhiều rắc rối hơn họ đáng có. Nhưng việc ngừng hoạt động hải quân có nghĩa là anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đánh bại hạm đội Ba Tư trên bộ. Cách duy nhất có thể làm là từ chối cho họ một bến cảng an toàn ở bất cứ đâu trên Địa Trung Hải. Trên thực tế, Alexander đã cam kết bản thân và quân đội Macedonia sẽ chiếm toàn bộ bờ biển từ Troy đến Ai Cập.



Vùng biển từ Troy tới Ai Cập [EGYPT]

Cho đến khi thực hiện được điều này, anh phải chấp nhận để mình dễ bị tấn công bởi hải quân Ba Tư tại Tiểu Á, Hy Lạp và thậm chí cả Macedonia. Nhưng để chinh phục toàn bộ phía đông Địa Trung Hải là một kế hoạch đầy tham vọng. Hầu hết các sĩ quan và binh lính của Alexander có lẽ đã cho rằng họ sẽ giới hạn chiến dịch của mình ở bờ biển Aegean, nhưng vị vua trẻ đã lên kế hoạch ngay từ đầu để điều động quân đội của mình tới tận các kim tự tháp nếu không muốn nói là đến trung tâm của Ba Tư và hơn thế nữa.

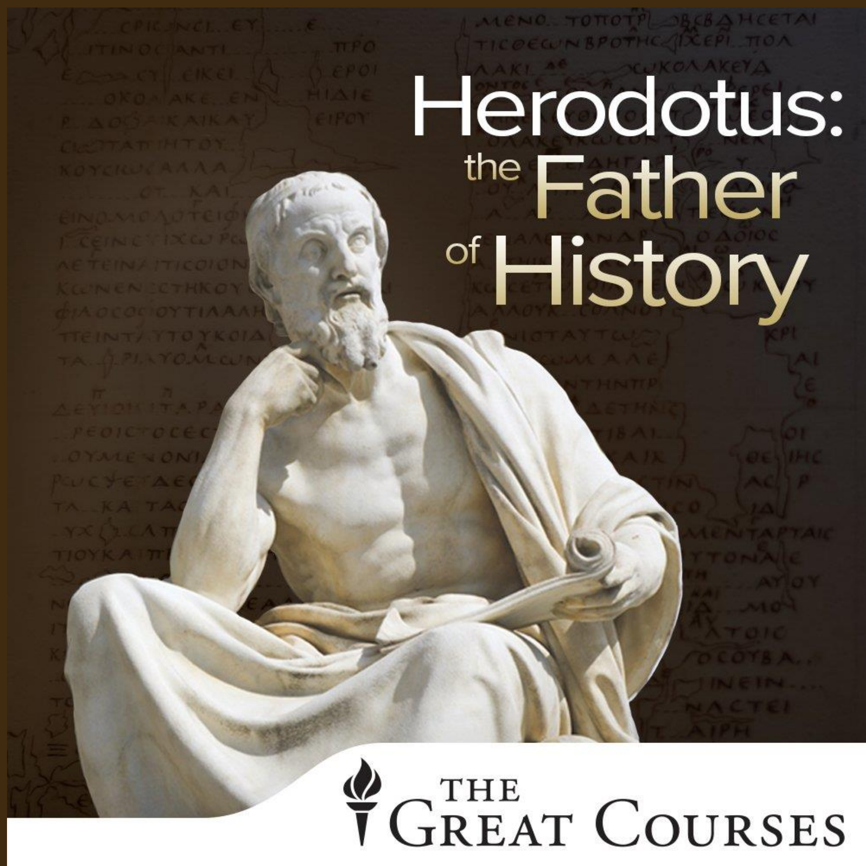
Alexander nhanh chóng nhận được tin Đại vương đã bỏ qua sự phản đối của các quý tộc, bổ nhiệm Memnon làm chỉ huy quân đội và hạm đội Ba Tư trong cuộc chiến chống lại người Macedonia. Cái giá phải trả cho việc này là Memnon phải gửi vợ mình, Barsine và các con đến triều đình Darius làm con tin. Vị chỉ huy mới sau đó đã chuyển lực lượng của mình tới thành phố ven biển Halicarnassus, phía nam Miletus. Về phía Memnon, đó là một

quyết định sáng suốt vì Halicarnassus nằm ở cực nam của Tiểu Á và có một trong những bến cảng đẹp nhất trên bờ biển Aegean, được bao quanh bởi những bức tường thành ghê gớm.

Halicarnassus nằm ở vùng đất Caria, nơi sinh sống của một dân tộc không có nguồn gốc Hy Lạp, có ngôn ngữ liên quan đến người Lydian. Người Dorian Hy Lạp, họ hàng của người Sparta, đã định cư dọc theo bờ biển từ nhiều thế kỷ trước đó và thành lập các tiền đồn như Halicarnassus. Trong thời gian sau đó, các thành thị Caria của Hy Lạp đã trở thành Ionian trong văn hóa và sản sinh ra những nhân vật nổi tiếng như nhà sử học Herodotus, người gốc Halicarnassus.

Herodotos xứ Halicarnassus, là một nhà sử học người Hy Lạp sống ở thế kỷ 5 trước Công nguyên (khoảng 484 TCN - 425 TCN), ông được coi là “cha đẻ của môn sử học” trong văn hóa phương Tây. Herodotos là nhà sử học đầu tiên sưu tầm tài liệu một cách có hệ thống, kiểm tra độ chính xác ở một mức độ nào đó và sắp xếp thành những thể truyện sống động và có cấu trúc tốt. Ông được biết đến nhiều nhất qua tác phẩm Lịch sử - Historiai, một tài liệu ghi chép những cuộc tra cứu

của ông về nguồn gốc cuộc chiến tranh Ba Tư - Hy Lạp xảy ra vào giai đoạn từ 490 đến 479 TCN, và rộng hơn về huyền sử, lịch sử hoặc phong tục của rất nhiều chủng tộc sinh sống trên ba châu Á, Âu, Phi - những châu lục mà ông đã đi qua.



Herodotus là một trong những nhà sử học vĩ đại nhất mọi thời đại. Ông là tác giả đầu tiên đề cập đến lối sống, truyền thống văn hóa, thậm chí bộ máy thống trị và việc làm ăn kinh tế của tộc người Scythia - một dân tộc cư ngụ ở phía bắc Hắc Hải, từ sông Danube cho đến sông Đông. Ông cũng đã góp phần lập lên danh sách bảy kỳ quan thế giới cổ đại qua những chuyến đi của mình. Một trong các kỳ quan này là lăng mộ của

Mausolus đã được dựng lên tại Halicarnassus, quê hương của ông, khoảng 70 năm sau khi ông qua đời. Bên cạnh danh tiếng, ông bị chỉ trích là "Ông tổ nói láo" vì ghi cả những câu chuyện cổ tích và truyền thuyết vào sử sách.

Người Hy Lạp và người Carian sống thân thiện bên cạnh nhau, nhưng những người cai trị là một triều đại bản địa được gọi là Hecatomnids. Như ở Macedonia, giới quý tộc tiếp nhận văn hóa Hy Lạp trong khi đại đa số người dân tiếp tục con đường của tổ tiên họ, ngay cả ở các thành phố Hy Lạp hóa. Đối với người Carian kiêu hãnh, người cha là ted[dad] và mẹ là en[mam], chứ không phải cha là pater[father] và mẹ là meter[mother] như trong tiếng Hy Lạp. Chủ nghĩa mục vụ cổ đại là nền tảng của kinh tế và nó được thực hành phần lớn từ các ngôi làng trên đỉnh đồi biệt lập nằm rải rác khắp vùng. Nhưng bất chấp các sáng kiến của hoàng gia nhằm thúc đẩy văn hóa Hy Lạp, người Carian vẫn trung thành với các vị vua và nữ hoàng của họ và phớt lờ những nỗ lực truyền bá văn hóa Hy Lạp.

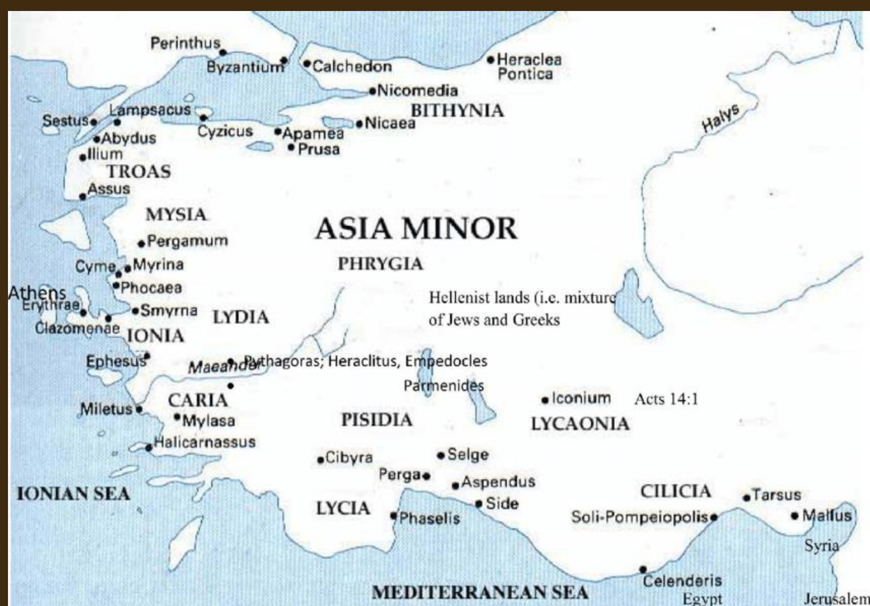
Caria đã rơi vào quyền kiểm soát của Ba Tư vào cuối thế kỷ thứ sáu cũng như phần còn lại của Tiểu Á, nhưng hoàng gia tiếp tục cai trị dưới danh nghĩa của Đại vương. Nổi tiếng nhất trong số các vị vua này là Mausolus, người, theo phong tục hoàng gia Carian được chia sẻ với các pharaoh Ai Cập và các vị vua Ba Tư, đã kết hôn với em gái của mình. Sau đó, ông chuyển thủ đô của Carian từ thành phố nội địa Mylasa đến Halicarnassus. Ông đã tham gia một thời gian ngắn vào cuộc nổi dậy của các satraps ở Tiểu Á vào những năm 360, nhưng nhanh chóng được tha thứ và dành phần còn lại của triều đại để gia tăng quyền lực của người Carian trong khu vực trong khi vẫn trung thành với Ba Tư. Thành tựu đỉnh cao của ông là việc xây dựng Lăng mộ nổi tiếng, được đặt theo tên của chính ông, để phục vụ như là tượng đài cho sự cai trị của ông. Nó thực sự là một kỳ quan của thế giới, cao gần 150 feet và trên cùng là một kim tự tháp. Nó được trang trí công phu với các cột Ionic lộng lẫy và tác

phẩm điêu khắc của sư tử, người Amazon và nhân mã.



Khi Mausolus chết và được chôn cất như một anh hùng trong lăng mộ tráng lệ của mình, quyền lực hoàng gia đã chuyển sang Pixodarus, người mà Alexander lúc bốc đồng đã cố gắng sắp xếp một liên minh hôn nhân vài năm trước đó. Pixodarus đã giành lấy quyền lực từ em gái mình, Ada, và sớm gả con gái của mình cho một nhà quý tộc Ba Tư tên là Orontobates, người đã tiếp quản quyền cai trị Caria sau cái chết gần đây của Pixodarus. Tuy nhiên, Ada tháo vát, vẫn giữ pháo đài núi tại Alinda chỉ cách thành phố năm mươi dặm.

Các gia đình Carian khó chịu trước sự cai trị của một lãnh chúa nước ngoài và khao khát được nhìn thấy Ada lên ngôi một lần nữa. Đó là một tình huống mà Alexander có thể khai thác để mang lại lợi ích cho mình.



Trên đường hành quân từ Miletus đến Halicarnassus, người Macedonia đã chiếm được một số thành phố nhỏ hơn trên đường đi, có lẽ bao gồm cả lời tiên tri thiêng liêng của thần Apollo tại Didyma. Alexander dường như không thể từ chối cơ hội đến thăm địa điểm trên đỉnh đồi nhìn ra biển này, vì nó từng là

một trong những trung tâm tiên tri vĩ đại nhất trong thế giới Hy Lạp trước khi vua Ba Tư Darius I phá hủy nó vào đầu thế kỷ thứ năm. Darius trục xuất giới tư tế cầm quyền, được gọi là Branchidae, đến trung Á mặc dù họ đã hợp tác với người Ba Tư, để bảo vệ họ khỏi sự trả thù của các nước láng giềng Hy Lạp. Alexander hẳn đã biết về số phận của họ và những nghi lễ từng được tiến hành tại đền thờ. Như ở Delphi, một nữ tiên tri được thần nhập đã truyền đạt ý chí của thần cho người phàm. Tại Didyma, cô ấy tắm trước, sau đó bước vào điện thờ để nghe những câu hỏi của những người thỉnh cầu. Cô ngồi trên một chiếc trục treo lơ lửng trên một con suối thiêng, nhúng chân xuống nước trước khi trả lời. Chắc hẳn nhà vua trẻ đã làm tiếng nói của thần Apollo trở nên im lặng tại nơi linh thiêng này, và anh có thể đã ra lệnh tái lập lời tiên tri.



Tìm hiểu đền thờ thần Apollo tại Didyma

Tại thành phố ven biển Lasus, Alexander gặp một phái đoàn gồm các quan chức đến chào đón anh và nóng lòng yêu cầu anh khôi phục các quyền đánh cá mà họ đã mất dưới thời Ba Tư. Những vấn đề tầm thường như vậy dường như không được quan tâm bởi một số nhà vua, nhưng Alexander biết rằng sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo địa phương là rất quan trọng và vui lòng chấp nhận yêu cầu của họ. Tại đây, anh cũng gặp một cậu bé đã thuần hóa một chú cá heo thân thiện. Nhà vua rất ấn tượng về chàng trai và tài năng của cậu với các sinh

vật biển nên sau đó đã phong cậu làm trưởng tư tế của thần Poseidon tại Lasus.

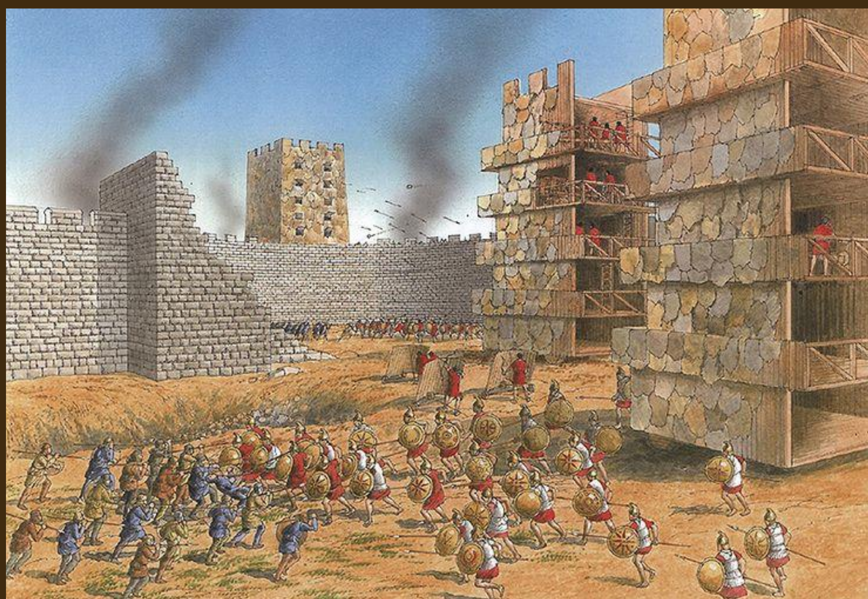
Khi đến gần biên giới Caria, Alexander gặp cựu nữ hoàng Ada trên đường. Người cai trị Macedonia chưa bao giờ tỏ ra quan tâm nhiều đến những người khác giới cùng tuổi với mình, nhưng luôn hòa thuận với những phụ nữ lớn tuổi. Ada chào mừng Alexander đến Caria và tiến hành thỏa thuận với anh. Alexander cần một người mà anh có thể tin tưởng để cai trị vùng đất sau khi đã chiếm được. Ada được người dân yêu mến và tôn trọng, họ coi bà là người cai trị hợp pháp của Caria hơn là kẻ soán ngôi người Ba Tư Orontobates. Bà sẽ ủng hộ Alexander để đổi lấy ngai vàng. Ngoài ra, bà sẽ chính thức nhận Alexander làm con trai riêng của mình, do đó mang lại cho anh tư cách lãnh chúa hợp pháp trong mắt người Caria. Anh sẽ không xâm lược đất nước của họ như một người nước ngoài khác chỉ muốn chinh phục, mà là một người giải phóng đang phục hồi vị trí cho mẹ mình, nữ hoàng yêu quý

của họ. Alexander bị Ada quyến rũ, nhưng cũng nhìn thấy những lợi ích thiết thực từ đề xuất của bà và sẵn sàng đồng ý. Phản ứng của người Caria thực sự thuận lợi khi các phái đoàn từ các thành phố trên khắp vùng đất bắt đầu đến trại của Alexander mang theo vương miện vàng và những lời hứa hợp tác. Bản thân Ada đã sớm gửi cho con trai những món ngon mới từ nhà bếp của chính mình.

Mặc dù Ada và người dân Caria có thể đồng cảm với Alexander, nhưng Halicarnassus sẽ rất khó để chinh phục. Khi quân Macedonia đến thành phố, Alexander thất thần nhìn xuống những ngọn đồi xung quanh tại các công sự của quân Ba Tư. Sở chỉ huy hạm đội ở lối vào bến cảng không thể tấn công bằng đường bộ, trong khi những bức tường nặng bao bọc toàn bộ thành phố, bao gồm hai pháo đài ở hai phía đối diện. Vì đã giải tán hạm đội, Alexander không thể ngăn cản việc cung cấp hoặc tiếp viện đến Halicarnassus bằng đường

biển. Cách duy nhất để chiếm thành phố là tìm đường xuyên qua các bức tường.

Vào ngày đầu tiên của cuộc bao vây, một số quân của Memnon xông qua cổng đông bắc và tấn công đội quân đang bị bất ngờ của Alexander. Họ dễ dàng bị đẩy lùi, nhưng đó mới chỉ là khởi đầu cho một chuỗi dài các cuộc tấn công dồn dập của quân Ba Tư. Alexander sau đó ra lệnh cho quân của mình bắt đầu lấp các chiến hào mà quân trú phòng đã đào xung quanh thành phố. Nhiều ngày trôi qua khi quân Macedonia cố gắng bảo vệ các con hào, nhưng liên tục bị quân Ba Tư trên các bức tường đánh lui. Alexander đã cố gắng che chở quân của mình bằng những chiếc lán có thể di chuyển được để tránh đá và mũi tên, nhưng cơn mưa đạn từ trên cao vẫn trút xuống.



Trong thất vọng, anh dẫn đầu một cuộc tấn công nghi binh tại Myndus – cách mười dặm về phía tây, với hy vọng sẽ thu hút một số quân của Memnon tại Halicarnassus. Tại đây, anh phải đối mặt với những khó khăn tương tự ngay cả khi các kỹ sư đã đào một đường hầm dưới bức tường để làm sập nó từ bên dưới. Khi quân tiếp viện của Memnon đến, họ đã liên kết với những người bảo vệ Myndus và đánh đuổi quân Macedonia.

Quay trở lại Halicarnassus, Alexander đã tăng gấp đôi nỗ lực của mình trong việc chiếm lấy

tường thành và mang đến các tòa tháp lớn, di chuyển trên bánh xe để bắn tên vào quân phòng thủ trong khi cố phá tường đá bên dưới họ. Để đối phó, quân Ba Tư đã thực hiện một cuộc đột kích vào ban đêm để đốt cháy tháp, nhưng đã bị phát hiện bởi lính canh Macedonia. Người Ba Tư đã mất gần hai trăm người vào đêm đó trong khi chỉ có mười sáu người của Alexander thất thủ, nhưng ba trăm người Macedonia đã bị thương nặng tại trận chiến hỗn loạn trong bóng tối.

Sự bế tắc kéo dài khi mùa hè chuyển sang mùa thu và cái nóng gay gắt của bờ biển Caria bắt đầu suy yếu. Tuy nhiên, Alexander vẫn không tiến gần đến việc lấy được Halicarnassus hơn so với khi anh mới đến. Người của anh cũng thất vọng. Một đêm, hai người lính Macedonia làm nhiệm vụ canh gác quyết định rằng họ sẽ hành động. Với rượu để cung cấp sự can đảm và tăng sự liều lĩnh, họ tự trang bị vũ khí và xông vào một trong các cổng thành trong một nỗ lực điên cuồng để giành lấy vinh quang.

Một vài người bảo vệ đã phát hiện và giết họ. Điều này đã thu hút nhiều quân hơn từ cả hai bên cho đến khi có một trận chiến chính thức bên ngoài cổng thành. Hàng chục người đã thiệt mạng ở cả hai phía khi quân Macedonia gần như xông vào các bức tường, nhưng bị chặn lại cho tới rạng sáng và những kẻ tấn công đã buộc phải rút lui.

Alexander quyết định phải sớm chiếm thành hoặc rút lui trước khi mùa đông bắt đầu. Trong vài ngày tiếp theo, nhà vua đã tự mình dẫn đầu một loạt các cuộc tấn công vào các bức tường, gây ra rất nhiều thiệt hại, nhưng quân phòng thủ cũng không kém phần. Alexander đã mất quá nhiều sĩ quan và binh lính sau mỗi cuộc tấn công, nhưng quân Ba Tư lại mất nhiều hơn. Cuối cùng thì Memnon quyết định quân của ông ta không còn có thể giữ được toàn bộ thành phố. Ông ta ra lệnh cho người của mình đốt cháy thành phố. Rời các đơn vị đồn trú tại các pháo đài của thành phố, Memnon và hạm

đội sau đó lên đường vào ban đêm đến hòn đảo Cos gần đó, ngoài tầm với của Alexander.

Vị vua Macedonia cuối cùng đã chiến thắng trong trận chiến khốc liệt nhất của mình. Giờ đây, anh đã kiểm soát toàn bộ bờ biển Aegean của Tiểu Á từ Hellespont đến Caria. Anh đã tha mạng cho người dân Halicarnassus, nhưng kết thúc những gì người Ba Tư đã bắt đầu và đốt cháy thành phố. Alexander đặt Ada lên ngai vàng của Caria và đóng đủ quân gần đó để đánh đuổi những người Ba Tư cuối cùng ra khỏi thành của họ. Nhưng ngay cả khi đang ăn mừng, nhà vua biết rằng ngay bên kia eo biển hẹp trên đảo Cos, quân Ba Tư đang đợi. Lực lượng hải quân của họ còn nguyên vẹn và họ có hàng nghìn quân. Memnon đã mất Halicarnassus, nhưng kẻ thù mạnh nhất của Alexander còn lâu mới bị đánh bại.

Nhiều binh lính của Alexander mới kết hôn và đã bỏ lại cô dâu trẻ khi họ rời Macedonia vào mùa xuân năm trước. Bây giờ chiến dịch đã tạm dừng và toàn bộ bờ biển Hy Lạp ở Tiểu Á đã nằm trong tay Alexander, nhà vua đã gửi những chú rể về nhà để nghỉ đông cùng vợ và gieo mầm cho một thế hệ chiến binh Macedonia mới. Vào mùa xuân, họ sẽ tái gia nhập quân đội để tiếp tục cuộc chiến chống lại Ba Tư. Đó là một quyết định phổ biến với những người đàn ông và là một động lực tuyệt vời cho tinh thần. Đây cũng là một mưu đồ tuyên truyền thông minh vì những người đàn ông có thể kể về những chiến thắng của Alexander trước quân Ba Tư và xây dựng sự ủng hộ ở quê nhà. Để dẫn dắt những người đàn ông, Alexander cử Coenus và Meleager, cả hai đều mới cưới. Meleager là một sĩ quan trung thành từ vùng cao nguyên Macedonia, người đã phục vụ Alexander trên sông Danube và tại Granicus. Coenus cũng đã dũng cảm chiến đấu vì nhà vua, nhưng cô dâu mới của anh lại là em gái của Philotas, khiến anh

trở thành con rể của Parmenion. Không có gì ngạc nhiên khi Alexander muốn loại bỏ càng nhiều người thân của Parmenion càng tốt, ít nhất là trong mùa đông. Đồng thời, anh cử Cleander, anh trai của Coenus, đến Peloponnese ở miền nam Hy Lạp để chiêu mộ lính đánh thuê từ các nước láng giềng của Sparta. Ngoài nhiệm vụ hôn nhân, Meleager và Coenus được lệnh tuyển mộ những người lính mới ở Macedonia trong thời gian ngắn lưu trú và đưa họ trở lại châu Á vào mùa xuân. Bản thân Parmenion đã được điều động cùng với hầu hết các kỵ binh về phía bắc đến Sardis với lệnh đến điểm hẹn tại Gordium trong vùng cao nguyên Phrygia ở Trung Á trong vài tháng nữa. Việc chia tách quân đội không chỉ giải phóng Alexander khỏi những lời khuyên không mong muốn từ Parmenion mà còn giảm lượng thức ăn cho người và ngựa.

Sự khôn ngoan thông thường trong thế giới cổ đại cho rằng chiến tranh không nên xảy ra vào mùa đông. Tuy nhiên, Alexander không phải

là người tuân theo truyền thống. Với đội quân tinh nhuệ và cứng cỏi của mình, anh khởi hành từ Halicarnassus đến vùng cao nguyên hoang dã của Lycia dọc theo bờ biển phía nam của Tiểu Á ngay khi những chiếc lá đang rơi khỏi cành. Đó là một bước đi táo bạo, nhưng không có Parmenion ở bên để nói cho anh biết tại sao anh lại là một kẻ ngốc, Alexander cuối cùng cũng được tự do làm theo ý mình. Mục tiêu của là chinh phục khu vực, đặc biệt là các căn cứ hải quân quan trọng trên bờ biển, trong khi quân Ba Tư chưa chuẩn bị. Nhưng ngoài các mục tiêu quân sự, Alexander còn tìm kiếm vinh quang đến từ việc chấp nhận một rủi ro bất ngờ - và chiến thắng.

Chống lại cái lạnh ngày càng tăng, quân của Alexander đi qua những ngọn núi và dọc theo bờ biển gần một trăm dặm về phía cảng Telmessus, quê hương của nhà tiên tri yêu thích của Đại vương, Aristander. Theo một câu chuyện, Nearchus, người bạn đồng hành thời thơ ấu của Alexander, có một người bạn ở

thành phố do Ba Tư kiểm soát, người này đã gợi ý một mưu mẹo để chiếm thành mà không cần giao tranh. Với sự giúp đỡ của bạn mình, Nearchus đã đưa một đội các cô gái nhảy múa vào một bữa tiệc tối dành cho binh lính của Đại vương. Sau bữa tối và giải trí, khi tất cả binh lính đã uống nhiều rượu, các cô gái rút dao găm từ giỏ của họ và tàn sát quân đồn trú. Cho dù câu chuyện có thật hay không, Alexander vẫn có thể chiếm thành Telmessus mà không cần giao tranh và giành quyền kiểm soát một cảng quan trọng ở bờ biển phía nam.

Từ Telmessus, đoàn quân vượt qua những ngọn núi hiểm trở đến sông Xanthus và xuống thành phố cùng tên trên bờ biển. Tại đó, đại diện từ hơn ba mươi thành phố Lycia, bao gồm cả cảng trọng yếu Phaselis, đã gặp nhà vua và đề nghị thần phục. Gần Xanthus, Alexander tìm thấy con suối thiêng có một bảng đồng khắc chữ cổ. Có lẽ chính nhà tiên tri Aristander đã đọc dòng chữ và tuyên bố một ngày nào đó đế chế của người Ba Tư sẽ bị tiêu diệt bởi

người Hy Lạp. Alexander đã được khích lệ bởi lời tiên tri này khi vật lộn trên những con đèo phủ đầy tuyết để đến phía đông Lycia.

Alexander và người của mình cuối cùng đã đến cảng Phaselis, được thành lập bởi người Hy Lạp ba thế kỷ trước. Con đường phía bắc từ thành phố phù hợp với số lượng nhỏ hơn là đội quân hàng nghìn người, vì vậy nhà vua đã cử binh lính Thracia đục một con đường qua đèo và xuống đồng bằng Pamphylia. Anh cho phép những người còn lại trong quân nghỉ ngơi vài ngày và tự mình thưởng thức rượu địa phương. Một đêm nọ, sau bữa tiệc nhậu nhẹt đặc trưng của người Macedonia, anh dẫn bạn bè vào quảng trường thành phố, nơi họ tìm thấy một bức tượng ở nhà thơ địa phương của Theodectes quá cố, một người bạn của Aristotle trong những năm nhà triết học ở Athen. Alexander hẳn đã nghe người thầy của mình nói tốt về người đàn ông này, vì nhà vua và những người bạn đã đội nhiều vòng hoa lên bức tượng của ông.

Khi ở Phaselis, Alexander nhận được một báo cáo đáng lo ngại từ Parmenion. Thông điệp của vị tướng nói rằng thủ lĩnh của kỵ binh Thessaly trong bộ tham mưu của ông, Alexander của Lyncestis, đang âm mưu với Đại vương để sát hại Alexander. Parmenion đã bắt được một đặc vụ Ba Tư trên đường đến Phrygia, người bị tra tấn đã thú nhận Darius đang cung cấp cho kẻ được cho là chủ mưu một khoản tiền là vàng của Đại vương và sự ủng hộ hết mình cho anh ta trong việc chiếm lấy ngai vàng Macedonia để đổi lấy sự hợp tác của anh ta. Alexander của Lyncestis đã là một nhân vật bị tình nghi đối với một số người vì các anh trai của anh ta đã bị hành quyết vì âm mưu giết Philip. Nhưng anh ta là người đầu tiên tôn Alexander lên làm vua và tháp tùng anh như một người bảo vệ. Ngoài ra, mẹ của Alexander, Olympias, đã cảnh báo con trai mình nên cẩn thận với Alexander của Lyncestis nhiều tháng trước, cho dù vì bà đã nhận được báo cáo về lòng trung thành của anh ta hay chỉ vì bà không thích người đàn ông

này. Tuy nhiên, con trai bà đã quen với những lời khuyên không được chính xác từ mẹ mình. Sau đó, anh phàn nàn rằng bà đã tính một khoản tiền rất cao cho anh vì chín tháng trong bụng bà.

Các cáo buộc đã đặt nhà vua vào tình thế khó khăn. Anh biết Alexander kia là một sĩ quan dũng cảm và có năng lực, đã chỉ định anh ta làm chỉ huy của đội kỵ binh Thessaly quan trọng sau khi anh đã biến thủ lĩnh cũ, Calas, làm satrap của vùng Hellespont. Alexander của Lyncestis cũng là con rể của Antipater, người mà nhà vua đã để lại làm nhiếp chính của Macedonia. Anh ngay lập tức triệu tập một hội đồng gồm những người bạn thân nhất để xin lời khuyên, và họ đồng ý với Parmenion rằng một người như vậy nên bị loại bỏ. Họ cũng nhắc nhở Alexander trong khi anh vẫn đang bao vây Halicarnassus, một con chim én đã chồm lên đầu anh trong lúc chợp mắt và hót cho đến khi anh thức giấc. Nhà tiên tri Aristander đã giải thích điều này là một điềm

báo rằng ai đó thân cận với nhà vua sẽ sớm âm mưu chống lại ông. Nhưng Alexander vô cùng nghi ngờ về những cáo buộc. Parmenion rất muốn loại bỏ người được bổ nhiệm của nhà vua khỏi tay chân của mình và thay thế bằng sự lựa chọn của riêng ông ta. Còn cách nào tốt hơn là buộc tội một người đàn ông từ một gia đình có mưu đồ phản bội? Ngoài ra, Alexander đã gặp Sisines vài năm trước, khi ông ta đến Pella với tư cách là một sứ giả bí mật từ Ai Cập, cố gắng thuyết phục cha anh ủng hộ một cuộc nổi dậy chống lại Ba Tư. Ông ta là một nhân vật mờ ám về tính chính trực, di chuyển giữa các vị vua và vương quốc, phục vụ bất cứ ai trả cho ông ta nhiều nhất. Đối với Aristander và con chim, Alexander cũng không tin tất cả những gì mà ông ta đã dự báo.

Tuy nhiên, sẽ không thận trọng nếu xem thường nguy cơ khi đến Phrygia, vì vậy Alexander đã cử một phái viên thân tín bí mật đến gặp Parmenion, ăn mặc như một người bộ lạc miền núi. Nhiệm vụ quá quan trọng đến nỗi

nhà vua không viết thư mà chỉ yêu cầu sứ giả ghi nhớ chúng — để phòng việc bị bắt bởi các mật vụ Ba Tư. Vị sứ giả đã chỉ thị cho Parmenion giam giữ Alexander của Lyncestis, nhưng không được hành quyết. Đích thân nhà vua sẽ điều tra các cáo buộc trong thời gian thích hợp. Alexander sau đó bổ nhiệm người bạn cũ của mình là Erigyius để lấp vào vị trí còn trống là người đứng đầu đội kỵ binh Thessaly để ngăn cản Parmenion chọn một trong những người thân cho vị trí này.

Khi những người xây dựng đường Thracia đã hoàn thành công việc, Alexander tập hợp phần còn lại của đội quân và hành quân về phía bắc từ Phaselis qua con đèo ở Mount Climax, sau đó đi xuống con đường mòn nhỏ dọc biển. Đó là một con đường khó khăn trong những cơn bão mùa đông vì gió nam sẽ thường xuyên đưa những con sóng tràn vào bờ. Nhà sử học Arrian, dựa trên thông tin chính thức của Callisthenes, nói rằng gió bắc bắt đầu đẩy nước trở lại ngay khi Alexander đến.

Sau đó, người ta cho rằng các vị thần đã đánh bại những con sóng một cách thần kỳ để cho phép người Macedonia qua lại an toàn. Tuy nhiên, Diodorus sử dụng một thông tin tỉnh táo hơn có lẽ được viết bởi một người lính mệt mỏi trong hàng ngũ, nói đội quân đã đi cả ngày trong nước đóng băng đến ngang lưng của họ.

Ở một nơi nào đó trong vùng này, trong khi người của anh bị cột thành một đường dài, Alexander bị một bộ tộc địa phương gọi là Marmares tấn công. Họ đã giết nhiều lính canh phía sau của anh và bắt những người khác, giữ nhiều ngựa cùng với những vật dụng quan trọng khác. Các Marmares rút lui đến một pháo đài trên đỉnh núi có tên là Rock, tự tin họ an toàn trước cuộc tấn công. Người bản xứ không nhận ra Alexander không giống bất kỳ kẻ thù nào mà họ từng đối mặt và đặc biệt nguy hiểm khi anh tức giận. Trong khúc dạo đầu cho các cuộc tấn công mà nhà vua sẽ thực hiện nhằm vào các thành lũy cao chót vót ở

Hindu Kush, Alexander đã phát động một cuộc tấn công toàn diện vào ngọn núi. Trong vòng hai ngày, những người bản xứ đã nhận thức rõ họ không có hy vọng chống lại quân Macedonia, nhưng họ cũng sẽ không đầu hàng gia đình và tự do của mình cho những kẻ xâm lược. Các trưởng lão của bộ tộc kêu gọi các chiến binh giết vợ con của họ chứ không để rơi vào cảnh nô lệ và lạm dụng dưới tay kẻ thù. Những người đàn ông trẻ đồng ý và lui về nhà để dự buổi tiệc cuối cùng trước khi cuộc tàn sát bắt đầu. Tuy nhiên, khi thời điểm đến, một số ít không thể thực hiện hành động bằng tay của mình và thay vào đó, họ đã phóng hỏa ngôi nhà, thiêu sống gia đình họ. Không bị cản trở bởi phụ nữ và trẻ em, các chiến binh của Marmares sau đó đã vượt qua phòng tuyến của Macedonia vào đêm đó và chạy trốn vào núi.

Để lại cảnh tượng khủng khiếp này ở phía sau, Alexander và quân của mình cuối cùng tiến vào Pamphylia, một đồng bằng đẹp kéo dài

khoảng năm mươi dặm dọc theo bờ biển và được bao quanh bởi các dãy núi. Thành phố lớn nhất trong khu vực là Perge, nổi tiếng với ngôi đền thờ thần Artemis xoay quanh một vật thể sùng bái có lẽ là một thiên thạch lớn. Các công dân nói một dạng ngôn ngữ cổ xưa của tiếng Hy Lạp nghe có vẻ khá kỳ lạ đối với Alexander, nhưng họ đã đầu hàng một cách hòa bình. Trên đường hành quân trong một ngày tại thành phố Aspendus trên đỉnh đồi, được cho là của những người thuộc địa từ Argos ở Hy Lạp nhưng trung thành với người Ba Tư, những người từ lâu đã sử dụng nó làm căn cứ. Thành phố này nổi tiếng với sự giàu có mà nó đã gây dựng được từ việc buôn bán muối và dầu ô liu. Một phái đoàn gồm các trưởng lão đã gặp nhà vua và đề nghị phục tùng nếu anh không đóng quân trong thành phố của họ. Alexander đồng ý với điều kiện là họ phải cung cấp cho anh tất cả những con ngựa mà họ đã lai tạo cho Đại vương trên đồng cỏ tươi tốt của họ và quyên góp một khoản tiền khổng lồ để trả cho quân đội của

anh. Đây là một vụ tống tiền, nhưng các công dân của Aspendus không có lựa chọn nào khác ngoài việc đồng ý.



Alexander sau đó chuyển đến Side, thành phố cực đông của Pamphylia, đóng quân trước khi quay trở lại Aspendus để thu tiền và ngựa của mình. Nhưng trong một thời gian ngắn anh rời đi, người dân Aspendus đã tìm thấy can đảm và đóng cửa thành lại. Thành phố phía dưới được bao quanh bởi một bức tường ngắn mà quân Macedonia có thể dễ dàng tấn công, nhưng thành phố phía trên kiên cố nằm trên

một ngọn đồi dốc với một bên là sông. Quân Macedonia ở trong những ngôi nhà thấp hơn và chờ đợi vì Alexander rất cần tiền và ngựa. Là một thẩm phán sắc sảo về bản chất con người, anh đã đánh cược rằng người dân Aspendus sẽ tan vỡ khi thấy nhà cửa bị chiếm đóng và thành phố của họ bị cắt đứt. Anh đã sớm được chứng minh là đúng khi một trưởng lão xuất hiện cầu xin nhà vua chấp nhận sự đầu hàng của họ theo các điều khoản đã đồng ý trước đó. Alexander hẳn đã mỉm cười khi lắc đầu và trả lời bây giờ họ không chỉ phải cung cấp cho anh những con ngựa mà còn phải tăng gấp đôi số vàng đã thỏa thuận trước đó. Ngoài ra, anh sẽ để lại một đơn vị đồn trú lớn trong thành phố của họ, bắt những công dân hàng đầu của họ làm con tin, thu thêm một khoản thuế hàng năm, và — nhân tiện — anh sẽ xem xét kỹ những lời phàn nàn rằng họ đã thôn tính đất một cách bất công từ những người hợp tác hơn của họ, các hàng xóm ven biển. Các công dân của Aspendus đã hiểu rằng đừng đùa với Alexander.



Với kỵ binh cưỡi trên những con ngựa mới và vàng từ Aspendus chất đầy trên các con la, Alexander lên đường đến Gordium để gặp phần còn lại của đội quân. Vấn đề duy nhất là anh không đi đúng đường. Anh bắt đầu đi sai hướng, đi về phía tây đến pháo đài Termessus. Tòa thành, được bao quanh bởi các hẻm núi và vách đá, đã bị chiếm đóng bởi những người dân vùng cao chưa từng chịu khuất phục trước quân Ba Tư. Trong một vài ngày, quân Macedonia đã giao tranh với những đội quân này, nhưng vô ích. Nếu có đủ thời gian, Alexander có thể đã chiếm được Termessus, nhưng nhà vua không muốn sa lầy vào một

cuộc bao vây kéo dài. Đó là thời điểm mà những người đưa tin từ thành phố Selge gần đó đến trại của anh để ký hiệp ước hữu nghị. Họ cũng chỉ ra Alexander đã đi sai đường. Có một con đường dễ dàng hơn nhiều gần làng của họ xuyên qua những ngọn núi đến Gordium. Vuốt lòng kiêu hãnh của mình, nhà vua bỏ mặc Termessus và tiến quân về phía bắc vào trung tâm Tiểu Á.



Điểm dừng chân đầu tiên của Alexander trên đường tới Gordium là thành phố Sagalassus ở vùng núi Pisidia. Người dân hiếu chiến và thành phố của họ được củng cố rất tốt, nhưng đây là địa điểm mà nhà vua không thể bỏ qua vì nó nằm trên con đường quan trọng về phía

nam. Mặt khác, đó là bối cảnh tồi tệ nhất có thể xảy đến cho một trận chiến. Người Macedonia sẽ phải chiến đấu vượt dốc cả quãng đường mà không có sự hỗ trợ của kỵ binh vì mặt đất quá gồ ghề cho ngựa.

Quân đội tỏa ra và tấn công kẻ thù với bộ binh, cung thủ và binh sĩ Thracia. Đó là một trận chiến khốc liệt trong cái lạnh mùa đông, nhưng cuối cùng những người Pisidia đã bắt đầu lùi bước vì họ không có áo giáp và đang chịu những vết thương nặng nề. Hầu hết các chiến binh từ Sagalassus đã trốn thoát vì quân Macedonia đã kiệt sức để truy đuổi họ, nhưng ít nhất năm trăm người đã chết để bảo vệ ngôi nhà của họ.

Băng bắt đầu vỡ ra trên các dòng suối của cao nguyên Anatolia khi những người Macedonia cuối cùng đến Celaenae - ở giữa trong cuộc hành quân đến Gordium. Cư dân trong khu vực được biết đến với hoạt động buôn bán muối kết tinh tự nhiên từ các hồ nước trong khu vực. Nó cũng nằm trên con đường chính

nối Ba Tư với bờ biển Aegean. Đó là thành phố mà Alexander tuyệt đối phải chiếm lấy nếu muốn kiểm soát đường dây liên lạc của mình giữa Macedonia và tất cả các điểm phía đông. Thành cổ của thành phố rất ghê gớm, đặc biệt là nó đã bị chiếm đóng bởi hơn một nghìn lính đánh thuê người Caria và Hy Lạp - những người chiến đấu vì tiền. Họ cử một phái đoàn đến gặp nhà vua đề nghị đầu hàng quân Macedonia nếu không có sự giúp đỡ nào trong hai tháng. Alexander ghét thực hiện những giao dịch kiểu thế này, nhưng anh không muốn lãng phí hàng tuần để vây hãm thành phố. Anh đồng ý với các điều khoản, để lại một phần quân để bảo vệ thành phố dưới sự chỉ huy của vị tướng một mắt Antigonus, người được nhà vua chỉ định làm thần vệ [người bảo vệ] của vùng. Lựa chọn vị tướng đầy tham vọng và có khả năng này để giám sát một phần quan trọng của đế chế Macedonia đang phát triển theo thời gian sẽ có hậu quả sâu sắc.

Alexander đến Gordium ở vương quốc cổ đại Phrygia ngay khi mùa xuân bắt đầu ở vùng cao nguyên Tiểu Á. Vua Midas đã từng cai trị vùng đất trù phú này, nhưng trong gần hai trăm năm, nó đã là tiền đồn then chốt của người Ba Tư.



Midas là tên của một trong ít nhất ba thành viên của hoàng gia Phrygia. Vị vua nổi tiếng nhất Midas được mọi người nhớ đến trong thần thoại Hy Lạp vì khả năng biến mọi thứ ông chạm vào thành vàng. Điều này được gọi là chạm vàng, hoặc cảm ứng Midas.

Alexander hy vọng có thể gặp Parmenion và quân tiếp viện từ Macedonia tại thành phố và

không phải thất vọng. Vị tướng già đang chờ, cũng như đội quân mới cưới trở về cùng với ba nghìn bộ binh Macedonia bổ sung, ba trăm kỵ binh và hai trăm chiến binh được trang bị từ Thessaly. Theo sau là một phái đoàn từ Athen đã lên đường từ Hy Lạp để cầu xin nhà vua khoan hồng cho những người lính đánh thuê Athen bị bắt vài tháng trước đó trong trận chiến trên sông Granicus. Những người đàn ông bất hạnh này đã bị đưa đến các hầm mỏ của Macedonia để lao động và chết dưới lòng đất như một hình phạt vì đã đứng về phía người Ba Tư. Alexander tỏ ra lịch sự, nhưng đã thông báo cho người Athen rằng anh rất tiếc không thể đáp ứng yêu cầu của họ vào lúc này. Tuy nhiên, anh đã đồng ý trả tự do cho những người đồng hương của họ khi cuộc chiến chống lại Ba Tư kết thúc. Vì tuổi thọ của những nô lệ vùng mỏ cực kỳ ngắn, nên đây thực tế là một xác nhận cho bản án tử hình của họ.

Nhưng nhà vua phải lo lắng nhiều về mùa xuân đó hơn là những người Athen bất mãn.

Tin tức đến từ Gordium báo rằng tướng Ba Tư Memnon đang bận rộn ở biển Aegean trong khi Alexander đang vận động ở Tiểu Á. Memnon đã đưa hạm đội về phía bắc từ đảo Cos sau thất bại ở Halicarnassus và chiếm đảo Chios, sau đó đi thuyền đến Lesbos, nơi mà ông ta mới chỉ chiếm được thành phố Mytilene. Cùng lúc đó, ông ta đã kích động những người Hy Lạp bất mãn trên đất liền, đặc biệt là người Athen và Sparta. Nếu họ ủng hộ Đại vương Ba Tư, ông ta sẽ phát động một cuộc xâm lược Hy Lạp và Macedonia để đánh đuổi những người Macedonia đáng ghét. Hầu hết quân Hy Lạp đều hào hứng trước viễn cảnh quân Ba Tư can thiệp và nhiều người đã cử phái đoàn đến chào đón Memnon và quân đội của ông ta. Đó là một cảnh khiến tổ tiên của họ phải kinh ngạc, những người đã hy sinh mạng sống của mình để đánh đuổi người Ba Tư tại Marathon và Thermopylae vào thế kỷ trước.



Các báo cáo từ Hy Lạp là một đòn nặng nề đối với Alexander. Anh đang chiến thắng trong cuộc chiến ở Tiểu Á, giờ phải đối mặt với nguy cơ mất Hy Lạp và Macedonia. Với việc quân Hy Lạp nổi dậy và quê hương bị đe dọa, làm thế nào Alexander có thể tiếp tục chiến dịch của mình ở Tiểu Á? Anh chắc chắn sẽ phải trở về phía tây, nếu làm vậy, những chiến thắng anh giành được trước Ba Tư sẽ chẳng là gì cả. Giấc mơ chinh phục sẽ tan biến và anh sẽ chỉ được nhớ đến như một vị vua nhỏ bé đã dám làm những việc lớn chỉ để thất bại.

Giờ đây, một trong những sự kiện tình cờ trong lịch sử đã xảy ra và thay đổi mọi thứ. Khi đang bao vây thành phố Mytilene trên đảo Lesbos, Memnon bất ngờ đổ bệnh và chết. Alexander không thể tin vào vận may của mình khi nhận được tin. Memnon đã giao quyền chỉ huy Aegean cho cháu trai người Ba Tư của mình là Pharnabazus trên giường bệnh, nhưng người đàn ông trẻ tuổi, mặc dù là một người lính khéo léo, không phải là Memnon. Anh ta tiếp tục cuộc chiến và chiếm Mytilene, sau đó chiếm được hòn đảo nhỏ nhưng quan trọng của Tenedos ở cửa Hellespont. Pharnabazus tiếp tục lên kế hoạch xâm lược Hy Lạp và Macedonia, nhưng mọi thứ đã thay đổi vì cái chết của Memnon. Người Hy Lạp bắt đầu có suy nghĩ khác về cuộc nổi dậy. Quan trọng hơn, Đại vương nghi ngờ mình có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến ở phía tây mà không có vị tướng yêu thích của mình. Ông đã cử một trong những người cháu khác của Memnon, một người Hy Lạp tên là Thymondas, đến gặp Pharnabazus và đưa hầu

hết binh lính đến Babylon. Chiến dịch ở Aegean vẫn tiếp tục, nhưng đó là một nỗ lực nửa vời, phải chờ cho đến khi Darius quyết định bước đi tiếp theo.

Đại vương đã triệu tập một cuộc họp của các cố vấn thân cận nhất để thảo luận vấn đề này. Liệu ông có nên cử các tướng lĩnh của mình về phía tây để tiến hành cuộc chiến với một đội quân lính đánh thuê hay nên tự mình chỉ huy và đối mặt với Alexander trong một trận chiến quyết định ở châu Á? Hầu hết các cố vấn lập luận ông nên đích thân lãnh đạo quân đội và đánh bại vị vua Macedonia mới nổi này một lần và mãi mãi bằng toàn bộ sức mạnh của quân đội Ba Tư. Đó sẽ là một chiến thắng đầy cảm hứng khi vị Vua vĩ đại dẫn dắt binh lính của mình từ chiến xa trên chiến trường vinh quang. Nhưng thủ lĩnh lính đánh thuê giàu kinh nghiệm từ Athen tên là Charidemus, người trước đó đã bị lưu đày theo lệnh của Alexander, cực kỳ phản đối và thúc giục Darius không nên mạo hiểm mọi thứ trong

một trận chiến với quân Macedonia. Ông ta khuyên Đại vương giữ quân dự bị ở Babylon trong khi cử một vị tướng tài giỏi dẫn đầu một đội quân gồm phần lớn là lính đánh thuê Hy Lạp để chống lại Alexander. Anh ấy cũng mạnh mẽ ám chỉ bản thân sẽ sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ này.

Darius bị ấn tượng bởi lập luận của anh ta, nhưng các ủy viên hội đồng Ba Tư bắt đầu chống lại Charidemus, cho rằng anh ta chỉ muốn một đội quân để có thể giành được vinh quang cho bản thân và có thể phản bội cả Đại vương. Charidemus trở nên cáu kỉnh và bắt đầu chê bai các cố vấn của Darius và người Ba Tư nói chung là những kẻ hèn nhát không thể đối mặt với những người đàn ông thực thụ trên chiến trường. Darius cảm thấy bị xúc phạm trước sự bùng nổ này đến mức ông lao xuống khỏi ngai vàng, nắm lấy thắt lưng Charidemus và ra lệnh xử tử ngay lập tức. Khi bị đưa đi xử trảm, Charidemus thách thức hét lên: Darius sẽ sớm chứng kiến đế chế của mình sụp đổ

thành từng mảnh. Sau cuộc hành quyết, Darius hối hận vì đã quá vội vàng khi giết một trong những vị tướng giỏi nhất của mình. Ông ta bị ám ảnh bởi những giấc mơ về Alexander và những người lính Macedonia đứng trước mặt mình. Ông tìm kiếm một người thay thế xứng đáng cho Memnon trong vô vọng để lãnh đạo quân đội của mình chống lại những kẻ xâm lược, nhưng ngay sau đó ông quyết định mình sẽ tự chỉ huy. Ông ta sẽ tập hợp những lãnh chúa hùng mạnh từ khắp đế chế và đích thân dẫn dắt họ chống lại Alexander. Sẽ mất nhiều tháng chuẩn bị, nhưng khi quân đội đã sẵn sàng, họ sẽ nghiền nát quân Macedonia thành cát bụi.

ISSUS

“HỠI CÁC BINH LÍNH MACEDONIA,” ALEXANDER NÓI. “CÁC BẠN SẼ ĐỐI MẶT VỚI NGƯỜI MEDIA VÀ BA TƯ, NHỮNG NGƯỜI ĐÃ TỪ LÂU SỐNG TRONG SUNG SƯỚNG. TRONG KHI CHÚNG TA ĐÃ CHỊU ĐỰNG SỰ GIAN KHỔ CỦA CUỘC VIỄN CHINH VÀ CAN ĐẢM ĐỐI MẶT VỚI HIỂM NGUY.”

ARRIAN

Câu chuyện về nút thắt Gordian bắt đầu với một ông già, một cái cày và một con đại bàng. Ngày nọ, có một người nông dân nghèo tên là Gordius đang xới ruộng thì một con đại bàng đến và đậu trên cái ách của cái cày. Chim thánh của thần Zeus là một cảnh tượng đáng kinh ngạc đối với Gordius và anh đã ngay lập tức đến gặp một gia đình tiên tri ở địa phương để giải đoán điềm báo. Khi đến gần làng của họ, anh nhìn thấy một cô gái đang múc nước ở giếng và hỏi cô có phải là một trong những nhà tiên tri không. Cô ấy nói đúng và khi anh kể với cô những gì đã xảy ra, cô nói rằng anh

phải trở lại vị trí cũ và cúng tế cho thần Zeus. Gordius chỉ là một nông dân bình thường và không biết gì về các nghi thức tôn giáo, vì vậy anh đã yêu cầu cô gái quay trở lại với mình và tiến hành nghi lễ hiến tế. Cô đã làm vậy và quyết định ở lại làm vợ anh. Cùng thời gian, họ có một cậu con trai tên là Midas, lớn lên thành một người đàn ông đẹp trai. Vùng đất Phrygia trong những ngày đó đã bị xé nát bởi xung đột, nhưng một lời tiên tri cổ xưa đã báo trước rằng một người đàn ông với một chiếc xe ngựa sẽ đến, người sẽ trở thành vua và mang lại hòa bình. Khi người dân Phrygia nhìn thấy Midas trẻ tuổi đến bằng xe ngựa của cha mình, họ đã phong anh làm vua. Anh sớm chấm dứt bất hòa trong vùng đất và dâng chiếc xe ngựa của gia đình tại đền thờ thần Zeus như một lời cảm ơn vì sự ban ơn của thần. Một truyền thuyết nói rằng bất cứ ai có thể tháo gỡ nút thắt của chiếc xe ngựa sẽ thống trị toàn bộ châu Á.



Alexander đã nghe câu chuyện này từ khi còn là một cậu bé ngồi dưới chân của Aristotle trong Vườn Midas ở Macedonia. Có một truyền thuyết khác nói rằng Midas ban đầu đã cai trị ở Macedonia trước khi dẫn dắt dân tộc của mình đến châu Á - một câu chuyện được hỗ trợ bởi thực tế là tiếng Phrygian giống với tiếng Hy Lạp hơn là các ngôn ngữ cổ của Tiểu Á. Trong mọi trường hợp, nhà vua không thể cưỡng lại cơ hội nhìn thấy chiếc xe ngựa nổi tiếng và thử tháo nút thắt. Nó được làm bằng vỏ cây thô ráp và không có đầu dây nào được nhìn thấy cho dù Alexander đã xem xét kỹ

lưỡng nút thắt. Đám đông và bạn bè của nhà vua bắt đầu lo lắng. Sẽ rất tệ nếu Alexander rời khỏi ngôi đền với nhiệm vụ chưa hoàn thành, nhưng rõ ràng là không ai có thể gỡ nút thắt Gordian.

Có hai câu chuyện về những gì xảy ra tiếp theo. Một đến từ người viết tiểu sử và sĩ quan quân đội tên là Aristobulus, người đã đồng hành cùng Alexander trong chiến dịch. Anh nói nhà vua, sau khi xem xét cẩn thận nút thắt, đã rút chiếc đinh ghim xung quanh nút thắt và sau đó có thể nới lỏng nó. Nhưng một truyền thuyết khác, có nhiều khả năng là do bản chất của Alexander, nói nhà vua đã nhanh chóng rút kiếm ra và cắt nút thắt làm đôi. Dù câu chuyện nào là sự thật, thần Zeus rõ ràng rất hài lòng với sự tài tình của Alexander vì đêm đó có một cơn bão sấm sét lớn trên trời.



Năm thứ hai trong chiến dịch chống lại Ba Tư bắt đầu bằng một cuộc hành quân qua các vùng cao nguyên ở Trung Á [thuộc Tiểu Á]. Anh rời Gordium và đi vài ngày về phía đông đến Ancyra, nơi anh gặp một sứ thần từ Paphlagonia láng giềng trên bờ biển phía nam của Biển Đen. Họ phục tùng, nhưng yêu cầu anh không dẫn quân vào đất của họ. Vì Paphlagonia là một quốc gia miền núi với những ngôi làng nhỏ, ít giàu có ngoài gỗ, nhà vua đồng ý và nói giờ đây họ phải phục tùng Calas, thống đốc vùng Hellespont.



Từ Ancyra, quân Macedonia quay ngược về phía nam theo hướng Địa Trung Hải. Alexander băng qua sông Halys và sau nhiều ngày đã đến vùng cao nguyên Cappadocia.

Cappadocia thuộc tỉnh Nevsehir, ở miền Trung Thổ Nhĩ Kỳ, cách thủ đô Ankara 290 km. Đây là một trong những kỳ quan nổi tiếng nhất Thổ Nhĩ Kỳ, được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới từ năm 1985. Thung lũng Cappadocia được hình thành từ lớp đá trầm tích và đá núi lửa. Trải qua sự tác động của thiên nhiên, các lớp đá bị bào mòn, tạo nên nhiều hình thù thú vị.

Với hàng ngàn cột đá chóp nhọn như ống khói trong truyện cổ tích, nơi đây còn được biết đến với cái tên “thung lũng nấm”. Dựa vào sự ưu đãi của thiên nhiên, người dân vùng

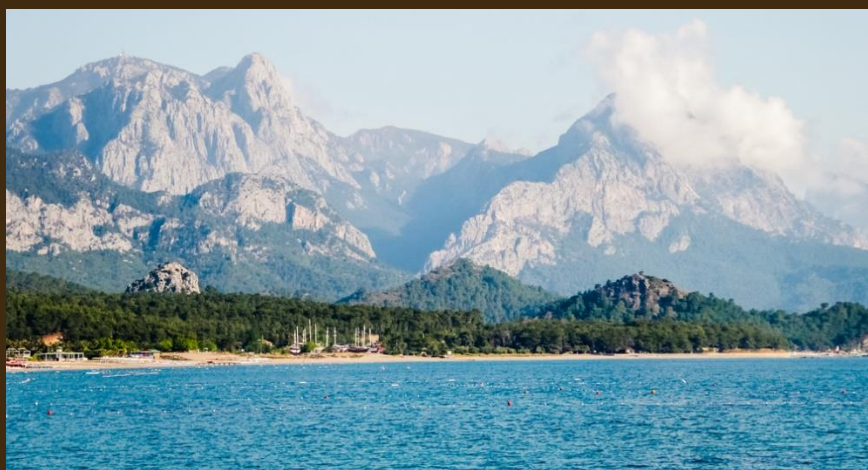
trung tâm Cappadocia đã đục đẽo và chạm khắc hang động thành nhà ở, tu viện và nhà thờ...



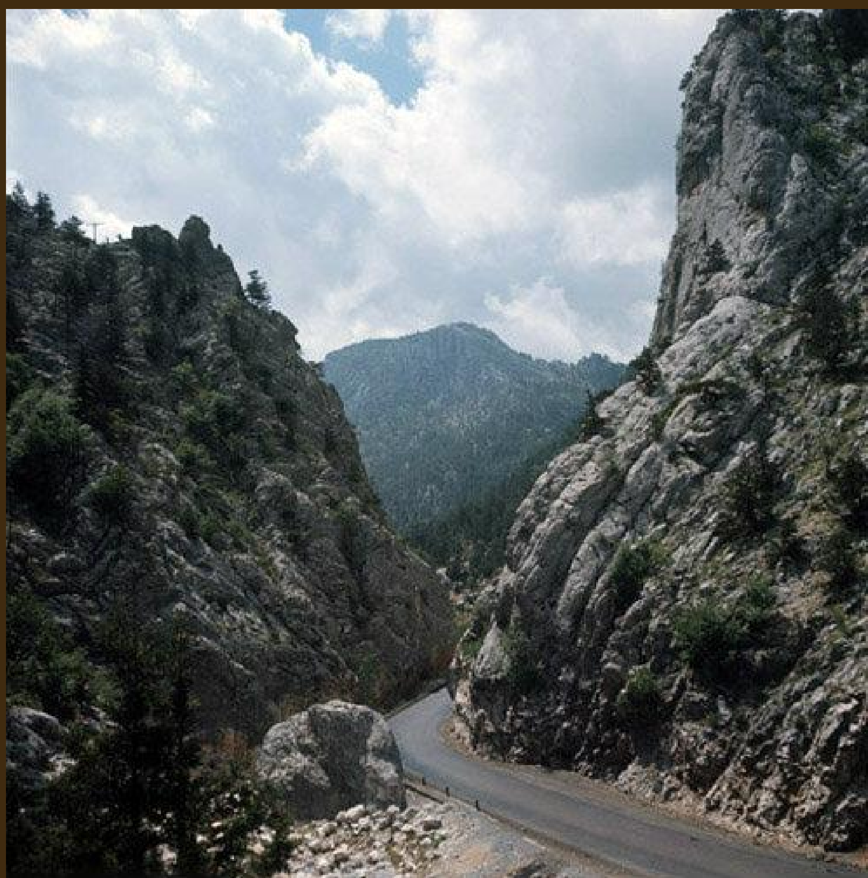
Các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra một loạt thành phố ngầm như Kaymakli, Ozkona, Derikuyu... Tuy ở trong lòng núi, các thành phố ngầm có đầy đủ phòng ốc, nhiều tầng, đủ cho hàng nghìn người sinh sống. Thiên nhiên ở Cappadocia gây ấn tượng mạnh với bất cứ ai đặt chân đến vùng đất này. Đặc biệt là khu vực có địa hình được ví như "bề mặt mặt trăng" xung quanh các thị trấn Urgup, Goreme, Uchisar, Avanos và Mustafapasa.



Các nguồn tin của chúng tôi nói rất ít về phần này của chiến dịch - nó hẳn là rất nóng bỏng - ngoại trừ việc những kẻ xâm lược đã chiến thắng. Vài tuần sau khi rời Gordium, quân đội Macedonia đến Dãy núi Taurus ngăn cách vùng cao của Tiểu Á với bờ biển Địa Trung Hải.



Con đường duy nhất xuyên qua hàng rào này là một con đèo khét tiếng được gọi là Cổng Cilician, một nơi chật hẹp chỉ đủ rộng cho một số ít người đi bộ. Alexander ra lệnh cho binh lính của mình đóng trại trên một cánh đồng lớn ở phía bắc của con đèo.



Quân đội của Xenophon cũng đã từng đóng quân ở đây vài thập kỷ trước, như nhà vua đã biết từ việc đọc sách của ông. Đây là lối vào vùng đất màu mỡ của Cilicia và là cửa ngõ vào Syria. Nếu người Macedonia có thể vượt qua, bờ biển phía đông Địa Trung Hải sẽ rộng mở với họ.

Thống đốc Ba Tư của Cilicia là Arsames, người đã có mặt tại hội nghị trước trận chiến Granicus, tại đó Memnon đã đưa ra chính sách "đồng không nhà trống" để cản trở người Macedonia. Arsames giờ đã ghi nhớ lời khuyên này và bắt đầu đốt cháy mọi thứ trên con đường của Alexander. Với lòng háo hức đốt cháy vùng nông thôn, ông ta chỉ để lại một lực lượng nhỏ để trấn giữ Cổng Cilician. Không bao giờ bỏ lỡ một cơ hội nào, nhà vua để lại Parmenion với lực lượng chính và tự mình dẫn một lực lượng nhỏ vào ban đêm để vượt qua đèo. Những người phòng thủ hoảng sợ khi nhìn thấy Alexander và chạy trốn về phía nam nhanh nhất có thể trong bóng tối. Đến gần

sáng, quân Macedonia chiếm vị trí chiến lược nhất ở Tiểu Á.

Thống đốc lúc này đang hoảng loạn và lao vào đốt cháy thủ đô Tarsus bên bờ biển của mình trước khi Alexander kịp đến. Nhà vua đã nghe nói về điều này từ những người do thám và sẽ không để điều đó xảy ra. Anh đẩy hết tốc lực tiến công của mình xuống thung lũng sông Cydnus đến Tarsus và có mặt tại cổng thành đúng lúc để thấy Arsames đang chạy về phía Ba Tư. Để chắc chắn đã kiểm soát con đường phía đông, nhà vua ngay lập tức cử Parmenion canh gác các con đường từ Syria vào Cilicia. Giờ đây, cuối cùng, người Macedonia có thể nghỉ ngơi sau chuyến đi của họ. Trong tuần kể từ khi Alexander rời Gordium, anh và quân đội mệt mỏi của mình đã hành quân hàng trăm dặm trên sa mạc, núi, và các vùng đất hoang vu, nhưng cuối cùng họ lại trên bờ biển Địa Trung Hải. Nhà vua bây giờ không chỉ cai trị Macedonia và Hy Lạp, mà còn là cả Tiểu Á.

Đồng bằng Cilicia giống như một cái lò khi Alexander đến Tarsus. Nhà vua quá nóng nên điều đầu tiên anh làm khi đến thành phố là lột sạch quần áo trước sự chứng kiến của toàn quân và khỏa thân lao xuống sông Cydnus. Con sông được nuôi dưỡng bởi tuyết tan từ núi và lạnh như băng. Nhà vua chắc hẳn đã biết Cydnus nổi tiếng với đặc tính chữa bệnh, đặc biệt là đối với các cơ sưng và bệnh gút.



Nhưng ngay sau khi Alexander ngâm mình trong nước, chân tay anh bắt đầu co cứng, máu chảy ra trên mặt, và cái lạnh thấu xương. Anh có lẽ đã bị ốm trước đó, có lẽ bị nhiễm trùng phế quản hoặc thậm chí là sốt rét, cú sốc đột ngột khiến anh bị liệt khi bạn bè khiêng anh

lên. Đối với đội quân đang dõi theo mình, anh hẳn đã giống như một người chết khi họ vội vã đưa anh về lều.

Những ngày tiếp theo anh lơ lửng giữa sự sống và cái chết. Cơ thể nóng ran với cơn sốt đe dọa tính mạng khi anh rơi vào bất tỉnh. Đối với những người lính của anh, đây là một sự kiện đáng sợ. Họ xa quê hương ở một vùng đất thù địch với Đại vương Ba Tư đang tiến quân về phía họ cùng một đội quân khổng lồ. Hơn bao giờ hết, họ cần Alexander. Nếu anh chết, làm sao họ sống sót trở về nhà? Làm sao họ có thể quay trở lại Tiểu Á với quân Ba Tư đang truy đuổi? Họ đã bị xé nát vì lo lắng cho cả nhà vua và bản thân khi đứng đợi bên ngoài lều.

Các ngự y đi cùng không biết làm thế nào để điều trị cho Alexander và thậm chí còn ngại thử. Nếu nhà vua chết dưới sự chăm sóc của họ, chắc chắn họ sẽ bị đổ lỗi cho cái chết của anh và gánh chịu hậu quả. Ngự y duy nhất dám đưa ra phương pháp chữa bệnh là Philip đến từ vùng đất Acarnania, tây bắc Hy Lạp.

Ông đã là một ngự y đáng tin cậy của triều đình Macedonia từ khi Alexander còn là một cậu bé và đã chữa trị cho vị vua trẻ trong nhiều năm qua. Trong một lúc tỉnh dậy, Alexander lắng nghe Philip giải thích về phương pháp điều trị mà ông đang đề xuất. Đó là một cuộc thử nghiệm khó khăn sẽ làm cho nhà vua trở nên ốm yếu hơn trước khi nó hiệu quả, vì vậy sẽ có rất nhiều nguy hiểm trong khi thực hiện. Nhưng cuối cùng, nếu thành công, sức khỏe của anh sẽ phục hồi.

Y học Hy Lạp dựa trên khái niệm cân bằng. Hippocrates of Cos đã dạy rằng các chất lỏng khác nhau của cơ thể — cụ thể là máu, mật vàng, mật đen và đờm — duy trì trạng thái cân bằng tự nhiên ở một người khỏe mạnh. Khi một hoặc nhiều những chất này vượt quá mức, nhiệm vụ của thầy thuốc lành nghề là khôi phục sự cân bằng cho cơ thể. Điều này có thể được thực hiện theo nhiều cách, nhưng phổ biến nhất là liệu pháp đối lập, chẳng hạn như dùng ớt cho người bị cảm lạnh hoặc thoa dầu

làm mát lên các nốt mẩn ngứa. Cây thuốc phiện cũng là một thành phần thường xuyên trong dược học Hy Lạp vì tác dụng làm dịu của nó.

Alexander lắng nghe liệu pháp do Philip đề xuất bằng tai của một sinh viên đã được Aristotle đào tạo và tự mình thực hành một số loại thuốc. Anh biết đợt điều trị rất rủi ro, nhưng cũng biết quân đội của anh đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng mỗi ngày khi anh nằm bất lực trên giường. Darius chắc chắn đã nghe nói về tình trạng bệnh tật của anh thông qua mạng lưới gián điệp và đang gấp rút lên kế hoạch tấn công. Nhà vua biết mình phải nhanh chóng khỏe lại. Anh ra lệnh cho Philip chuẩn bị thuốc và mang đến cho anh ngay khi nó đã sẵn sàng.

Vào lúc này, một bức thư đến từ Parmenion mang thông điệp ngắn gọn: Hãy coi chừng Philip! Có tin Darius đã mua chuộc ông ta để đầu độc. Giống như vụ trước đó liên quan đến Alexander của Lyncestis, lời cảnh báo từ

Parmenion về sự phản bội giữa những người bạn của anh đã đặt nhà vua vào tình thế khó khăn. Anh đã biết Philip cả đời mình, nhưng bất kỳ người đàn ông nào cũng có thể bị cám dỗ, đặc biệt là khi được nhà vua hối lộ. Anh cũng nhớ những người đồng hương của Philip ở Acarnania đã từng nổi loạn và chiến đấu chống lại người Macedonia tại Chaeronea. Có phải lúc này vị ngự y đang lên kế hoạch giết Alexander và trốn thoát qua chiến tuyến Ba Tư để nhận phần thưởng của mình? Mặt khác, đây có thể là một thủ thuật của Parmenion nhằm ngăn cản Alexander điều trị và đẩy nhanh cái chết của anh. Vị tướng già sẽ là sự lựa chọn đương nhiên với tư cách là thủ lĩnh quân đội tiếp theo và thậm chí là vua. Khi Alexander chết, có lẽ ông ta sẽ đạt được thỏa thuận với Darius và rút về Macedonia, giữ các tỉnh giàu có của Tiểu Á như một phần của thỏa thuận. Cũng có thể Darius đang khuyến khích những nghi ngờ sai lầm của Alexander với bạn bè mình. Tất cả những người Macedonia đều biết Đại vương đã ban thưởng rất lớn cho bất

cứ ai giết được Alexander. Ai sẽ ở vị trí tốt hơn để làm việc này hơn là một ngự y đáng tin cậy?

Philip, không biết gì về thông điệp từ Parmenion, giờ đã trở lại lều của Alexander mang theo bát thuốc. Những gì xảy ra tiếp theo cung cấp một cái nhìn sâu sắc về Alexander. Anh cầm lấy cái bát và bắt đầu uống thuốc trong khi đưa cho Philip bức thư từ Parmenion.



Khi uống cạn đến giọt cuối cùng, anh nhìn ngự y đọc bức thư. Nét mặt Philip không thay đổi, ông chỉ nhún vai và nói với nhà vua rằng thuốc sẽ nhanh chóng có hiệu lực. Alexander nằm lại trên giường và nhanh chóng bất tỉnh vì hơi

thở ngày càng dồn dập. Philip vẫn ở bên giường, xoa bóp dầu cho nhà vua và chờ đợi khi thuốc lan truyền khắp cơ thể. Sau nhiều giờ, Alexander bắt đầu cựa quậy. Cơn sốt của anh từ từ dịu đi trong khi nhà vua ngày càng khỏe hơn cả về tinh thần và thể chất. Sau ba ngày, anh bước ra khỏi lều của mình trong tiếng reo hò chói tai của toàn bộ quân đội Macedonia.

Có rất ít thời gian rảnh rỗi trước khi đối mặt với Darius trên chiến trường, nhưng Alexander đã dành hai tuần tiếp theo để giữ vững Cilicia. Một trong những hành động đầu tiên là tiếp quản xưởng đúc tiền của đế quốc Ba Tư ở Tarsus và ra lệnh cho những người thợ khắc chế tạo ra một đồng bạc mới. Ở mặt trước của nó là đầu của Hercules trẻ tuổi, tổ tiên của nhà vua, mặc bộ da sư tử theo phong tục của mình. Mặt sau là Zeus ngồi giống như thần Baal của người Semitic — sự pha trộn giữa Hy Lạp và phương Đông đã trở thành một dấu ấn của đế chế mới của Alexander. Đồng bạc là cách hữu

ích nhất đối với nhà vua để thanh toán cho quân đội của mình. Tiền đúc cũng là một biện pháp tuyên truyền quan trọng vì tiền sẽ nhanh chóng tìm đường đến các thị trường và nhà chứa trên khắp phía đông Địa Trung Hải. Nếu có ai thắc mắc người đã ban hành nó, tất cả những gì anh ta phải làm là đọc tên của Alexander được in chìm bên cạnh hình ảnh của thần Zeus.



Sau đó, nhà vua đã hành quân trong một ngày về phía tây nam dọc theo bờ biển đến Anchiale, từng là một thành phố vĩ đại trong một vương quốc xa xôi của Đế chế Assyria. Ở đó, các hướng dẫn viên địa phương đã chỉ cho Alexander tượng đài do vua Assyria

Sardanapalus để lại bốn trăm năm trước. Trên đó là bức phù điêu chạm khắc vị vua phương đông đang búng tay cùng với dòng chữ hình nêm. Các hướng dẫn viên đã nhanh chóng dịch nó cho Alexander: "Sardanapalus, con trai của Anakyndaraxes, đã xây dựng Anchiale và Tarsus chỉ trong một ngày. Nhưng ngươi, một người lạ, ăn, uống và làm tình — cuộc sống của những người đàn ông khác so với ta chẳng đáng là gì".



Cái chết của Sardanapalus (La Mort de Sardanapale) là một bức tranh sơn dầu trên vải của Eugène Delacroix, đề năm 1827. Hiện nó được treo tại Bảo tàng Du Louvre, Paris. Một bản sao nhỏ hơn, được vẽ bởi Delacroix vào năm 1844, hiện đang ở Bảo tàng Nghệ thuật Philadelphia.

Cái chết của Sardanapalus dựa trên câu chuyện về Sardanapalus, vị vua cuối cùng của Assyria, từ thư viện lịch sử của Diodorus Siculus, nhà sử học Hy Lạp cổ đại, và là một tác phẩm của thời đại Chủ nghĩa lãng mạn. Bức tranh này sử dụng màu sắc phong phú, sống động và ấm áp, nét vẽ rộng. Nó được lấy cảm hứng từ vở kịch Sardanapalus (1821) của Lord Byron, và lần lượt là cảm hứng cho cantata của Hector Berlioz, Sardanapale (1830), và cả vở opera của Franz Liszt, Sardanapale (1845–1852, chưa hoàn thành).

Điều này nhắc đến cái búng tay của vua Assyria. Dù không thiếu tự tin nhưng Alexander cũng phải thán phục lời của Sardanapalus. Anh đã gửi một bản sao của bản dịch lại cho Aristotle, người nói rằng văn bia thuộc về ngôi mộ của một con bò đực.

Chỉ vài giờ đi xuống bờ biển là thành phố Soli giàu có, nơi Alexander đòi một khoản tiền chuộc khổng lồ để đổi lấy quyền được sống sót. Anh sử dụng thành phố làm trụ sở của mình trong tuần tiếp theo trong khi anh và

người của mình lùng sục những ngọn núi gần đó để tìm kiếm những người dân vùng cao Cilician nổi loạn. Khi anh quay trở lại Soli, một công văn đang đợi từ phía tây thông báo cho nhà vua, quân của anh cuối cùng đã chiếm được các pháo đài còn lại bên trong Halicarnassus, cùng với thành phố Myndus gần đó, đảo Cos, và một số khu định cư khác ở Caria. Mẹ nuôi của anh là Nữ hoàng Ada giờ đây có thể cai trị như một vị thần trên khắp quê hương của bà. Tin tốt lành từ Aegean sẽ không kéo dài, nhưng vào lúc này, nhà vua rất vui mừng kỷ niệm chiến thắng của mình bằng lễ tế thần, cùng với các cuộc thi thể thao và âm nhạc cho quân đội của mình.

Alexander đã ra lệnh cho Parmenion đi trước, nhưng bây giờ ông ta gửi Philotas tới thành phố Mallus trong khi bản thân đi đường vòng đến khu định cư ven biển Magarsa để hiến tế tại ngôi đền địa phương của Athena. Ngày hôm sau, anh bắt kịp Philotas tại Mallus và hiến tế cho Amphilochus, một chiến binh nổi

tiếng trong Chiến tranh thành Troy. Nhà vua biết một trận chiến quyết định sắp đến nên đã cầu nguyện tại đền thờ của mọi vị thần và anh hùng trong cuộc hành quân.

Tuy nhiên, không phải người Macedonia nào cũng tin trời sẽ ưu ái cho họ trong cuộc chiến sắp tới. Harpalus, người bạn thời thơ ấu của Alexander, đồng thời là thủ quỹ chiến dịch bất ngờ chạy trốn đến Hy Lạp cùng với một người tên là Tauriscus. Các nguồn tin cổ xưa không bao giờ đưa ra động cơ của anh ta một cách rõ ràng, nhưng thật hợp lý khi nghĩ Harpalus đã bỏ trốn với số tiền nhiều nhất có thể mang theo.

Đồng bằng Cilicia được ngăn cách với Syria bởi một dãy núi hẹp nhưng hiểm trở. Khi đọc Xenophon, Alexander biết có một con đèo được gọi là Cổng ở cuối phía nam của những ngọn núi này, là lối vào Syria. Theo đó, anh di chuyển nhanh chóng quân của mình xuống bờ biển qua thành phố Issus và qua sông Pinarus để đến thành phố nhỏ Myriandrus gần đèo.

Anh nghe được từ những người do thám nói rằng Darius và quân đội của ông ta đang ở phía bên kia dãy núi chờ đợi. Anh cũng biết Đại vương đã cẩn thận chọn một vùng đồng bằng rộng lớn ở đó cho trận chiến sắp tới. Nó nằm gần sông Orontes, ngay phía bắc địa điểm tương lai của Antioch, và là địa điểm hoàn hảo cho chiến tranh theo quan điểm của người Ba Tư — đồng cỏ rộng mở, nơi Đại vương có thể sử dụng số lượng vượt trội, kỵ binh vô song và chiến xa đáng sợ để có được lợi thế lớn nhất.

Vấn đề duy nhất đối với Darius là Alexander đã không vào bẫy. Darius biết kẻ thù của mình đã bị bệnh tại Cilicia, nhưng do thám của ông ta báo rằng quân Macedonia đã tiến về phía Tây tới Soli khi vua của họ hồi phục, sau đó dành một tuần để săn lùng những người bộ lạc miền núi và chơi các trò thể thao. Darius bắt đầu lo lắng rằng Alexander, bất chấp danh tiếng của mình, sợ phải đối mặt với ông ta trong trận chiến. Các cố vấn Ba Tư đã thúc giục Đại vương tiến hành cuộc chiến tại Cilicia

và đè bẹp quân Macedonia ở đó. Tuy nhiên, một người tị nạn từ triều đình Macedonia tên là Amyntas đã cảnh báo Darius không nên thay đổi kế hoạch như vậy, thúc giục ông đợi Alexander tại địa điểm chiến đấu đã chọn.

Darius không hề ngốc và là một vị tướng giỏi hơn nhiều so với những gì các sử gia cổ đại khẳng định, nhưng ông ta đang ở thế khó. Ông ta không thể nán lại Syria với quân đội của mình trong khi Alexander chỉ đợi trên núi. Quyền lực của ông ta phụ thuộc vào khả năng triển khai lực lượng quân sự ở bất kỳ đâu trong đế chế vào bất kỳ lúc nào. Nếu ông ta tỏ ra sợ hãi khi đối mặt với Alexander, quyền kiểm soát vương quốc rộng lớn có thể sụp đổ. Do đó, ông đã ra lệnh cho quân đội của mình hành quân vào Cilicia, nhưng không phải bằng con đèo phía nam. Ông tin người Macedonia vẫn ở gần Tarsus nên đã di chuyển qua một con đèo phía bắc vào vùng đồng bằng phía trên thành phố Issus.

Alexander, trong khi đó, quá tập trung vào những cuốn hồi ký của Xenophon vì lợi ích riêng của mình, đã vượt ra khỏi Issus mà không biết đến các đường khác vào Syria. Trên thực tế, anh không sợ phải đối mặt với Darius ở đó ngay cả khi người Ba Tư đã chọn địa điểm chiến đấu. Nhà vua Macedonia hoàn toàn tin tưởng vào bản thân và người của mình sẽ giành chiến thắng, trong bất kể hoàn cảnh nào. Anh đang ở con đèo phía nam chuẩn bị băng qua những ngọn núi thì những người do thám báo cáo quân Ba Tư hiện đang ở phía sau anh trên đồng bằng ven biển hẹp gần Issus. Alexander nghĩ các trinh sát chắc chắn đã nhầm và cử người quay lại để xác minh. Trong khi đó Darius đã đến Cilicia chỉ để nghe tin quân Macedonia hiện đang ở phía trước. Đó là một cuộc tranh giành hoàn hảo cho cả hai vị vua và không hoàn toàn như những gì cả hai đã lên kế hoạch. Darius đang ở trong tâm trạng tồi tệ đến mức ông ta bắt một số người Macedonia bị thương được ở lại Issus để hồi phục và tra tấn họ, chặt cả hai tay của họ để

cảnh cáo. Ông ấy có lý do chính đáng để buồn bực. Ông ta không cần thiết phải đánh đổi vùng đồng bằng rộng lớn của Syria để lấy một dải đất liền hẹp nằm giữa núi và biển.

Giống như Darius, Alexander ngay lập tức nhận ra tình hình mới đã làm tổn hại nghiêm trọng đến quân Ba Tư. Giống như trận đại chiến trên biển tại Salamis vào thế kỷ trước, trong đó hải quân Athen nhỏ hơn đã kéo hạm đội Ba Tư lớn hơn vào một eo biển hẹp, cuộc chiến trên đồng bằng Issus sẽ làm giảm bất kỳ lợi thế nào về quân số. Mặc dù vậy, đó sẽ là một cuộc chiến rất khó khăn. Các chiến tuyến của Ba Tư có thể không rộng, nhưng chúng sẽ sâu và chứa đầy những binh lính thực thụ mà Đại vương đã triệu tập từ nhiều vùng từ đế chế của mình.

Darius đã bắt đầu tập hợp quân đội của mình ngay sau trận chiến Granicus hơn một năm trước đó. Việc tuyển quân không diễn ra nhanh chóng trong Đế chế Ba Tư, nhưng một khi quân đội được tập hợp thì đó là một cảnh

tượng tuyệt vời để chiêm ngưỡng. Đại vương ra lệnh cho quân đội từ toàn cõi tập trung tại Babylon ở Lưỡng Hà. Mặc dù số lượng không được như ý, nhưng lực lượng này được coi là đủ để đối phó với quân Macedonia. Một số nguồn tin cổ đại cho biết quân đội Ba Tư lên tới sáu trăm nghìn người. Đây chắc chắn là một sự phóng đại điển hình của các sử gia Hy Lạp về phe chiến thắng, nhưng đội quân lớn tập hợp tại Babylon phải mất cả ngày mới diễu hành qua trước mắt nhà vua.

Người Ba Tư bản địa là những đội quân dũng cảm, những người tự hào hiến dâng mạng sống của mình để bảo vệ danh dự và mạng sống của Đại vương. Bên cạnh những người đồng hương của mình, Darius cũng triệu tập bộ binh và kỵ binh từ Medes và Tapurians về phía bắc, cũng như người Armenia từ vùng núi Caucasus. Người Hyrcani hoang dã từ bờ biển phía nam của Biển Caspi cung cấp một loạt kỵ binh, cũng như Barcani từ Trung Á, những người chiến đấu bằng rìu hai lưỡi. Người

Derbices, từ cùng vùng đất với người Barcani, chiến đấu với những ngọn giáo bằng đồng và bằng sắt, mặc dù một số thích sử dụng những chiếc cọc gỗ được nung cứng bởi lửa. Cũng có mặt ở đây là hàng nghìn lính đánh thuê Hy Lạp - những đội quân cứng rắn, giàu kinh nghiệm và không hề sợ hãi trước quân Macedonia. Những người lính chuyên nghiệp này cùng với những người Ba Tư bản địa sẽ tạo thành trung tâm của đội hình chiến đấu. Nhiều quốc gia khác từ khắp đế chế cũng có mặt, mặc dù tên của họ không được ghi lại.



Ngoài binh lính Ba Tư còn có vô số thị vệ, nô lệ, đầu bếp, thầy thuốc, người lái xe, kinh sư, thầy tu và thái giám làm nhân viên hỗ trợ cho Đại vương. Theo phong tục Ba Tư, Darius cũng được tháp tùng cùng gia đình trong cuộc diễu hành, gồm mẹ, vợ và ba đứa con. Họ mang theo phong cách hoành tráng và cắm trại trong những chiếc lều được trang trí xa hoa với đầy những kho báu tráng lệ. Sự sang trọng của môi trường xung quanh Đại vương trong chiến dịch hầu như ít xa hoa hơn so với khi ông ở trong cung điện của mình tại Persepolis.



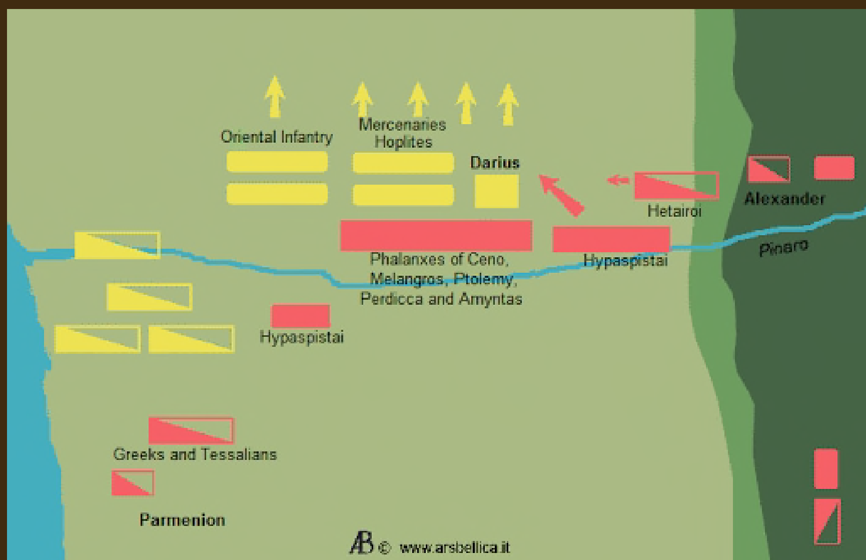
Đêm hôm đó, trời bắt đầu đổ mưa. Chẳng mấy chốc, toàn bộ quân Macedonia đã ướt sũng và rùng mình trong gió tháng mười một. Họ ướt, lạnh, và bị mắc kẹt trên một đồng bằng nhỏ hẹp với đội quân hùng mạnh nhất trên thế giới - chỉ cách một vài dặm, đang chờ để tiêu diệt họ. Con đường rút lui duy nhất ở phía sau họ, qua Cổng vào Syria, nhưng điều này sẽ chỉ đưa họ vào sâu hơn lãnh thổ của kẻ thù. Giống như vị vua của họ, quân đội Macedonia nhận ra họ phải chiến đấu tại Issus và giành chiến thắng, nếu không tất cả sẽ bị diệt vong.

Khi cơn mưa ngừng, người Macedonia có thể nhìn thấy hàng ngàn ngọn lửa trại của quân Ba Tư ở đằng xa như những vì sao trên bầu trời. Alexander ra lệnh cho người của mình ăn một bữa tối thịnh soạn và chuẩn bị rời đi trước bình minh. Trong khi binh lính cố gắng ngủ, nhà vua leo lên một ngọn đồi gần đó và nhìn toàn cảnh đội quân Ba Tư rộng lớn. Đây là điều anh đã mơ ước cả đời, nhưng giờ đây, anh đã biết sợ hãi. Không phải vì mạng sống của

anh hay vì những người dũng cảm của mình, mà sợ sẽ có điều gì đó không ổn. Anh đã dành cả đêm để cúng tế các vị thần địa phương, cầu mong họ sẽ tốt với anh.

Trong khi trời còn tối, Alexander dẫn quân tiến về Issus. Định kỳ, anh dừng quân trên đường để nghỉ ngơi và làm quen với cảnh quân thù trải dài khắp đồng bằng từ miền núi đến miền biển. Khi họ đến gần sông Pinarus, anh sắp xếp đội hình cho trận chiến. Ở phía xa bên phải so với chân đồi, anh đặt con trai của Parmenion là Nicanor cùng với một đơn vị bộ binh. Bên cạnh họ là kỵ binh Macedonia, sau đó là hàng nghìn bộ binh trải dài gần một dặm khắp trung tâm chiến trường, và cuối cùng là kỵ binh Thessaly tinh nhuệ cạnh biển. Parmenion chỉ huy tổng thể phía bên trái, trong khi Alexander định vị mình ở bên phải. Đó là đội hình cổ điển mà anh đã sử dụng tại Granicus — kỵ binh di chuyển từ cánh để bao vây kẻ thù, và hàng loạt bộ binh ở trung tâm

đâm và chém chúng qua phòng tuyến của quân Ba Tư.



Bên kia sông, hàng chục nghìn người Ba Tư đã được tập hợp thành đội hình sâu với cung thủ phía trước và phần còn lại của bộ binh kéo dài trên toàn tuyến ra biển, nơi Darius đã đặt toàn bộ kỵ binh của mình để truy quét phía sau quân Macedonia. Ông ta cũng cho một số bộ binh đứng trên đồi cao phía cánh phải của Alexander để lao xuống vào thời điểm thích hợp. Bản thân Đại vương đứng ở trung tâm với những người lính đánh thuê Hy Lạp và đội quân Ba Tư giỏi nhất ở bên cạnh.

Khi quân Macedonia tiến tới dặm cuối cùng, quân Ba Tư vẫn giữ nguyên vị trí ở phía xa sông. Bờ sông Pinarus phẳng lặng ở phía quân Macedonia khi họ đang tiến đến, nhưng dốc khi họ băng qua sông. Đó cũng là kế hoạch mà các tướng lĩnh của Đại vương đã sử dụng trong trận chiến Granicus - buộc quân Macedonia tấn công qua sông và phải trèo lên một bờ kè cao. Mặc dù chiến lược này đã thất bại trước đó, nhưng người Ba Tư, vượt trội về quân số, lại tiếp tục phòng thủ trước một kẻ thù hung hãn.

Ngay trước khi họ ở trong tầm bắn của kẻ thù, Alexander cho quân dừng lại và đi xuống toàn bộ phòng tuyến của Macedonia để khích lệ tướng sĩ. Anh không chỉ cổ vũ các tướng lĩnh và sĩ quan của mình, mà cả những người lính bình thường. Anh gọi tên những người này và nhắc nhở về sự dũng cảm của chính họ trong những trận chiến đã qua. Một tiếng hét hùng hồn cất lên từ quân đội Macedonia vang vọng khắp đồng bằng. Alexander sau đó ra lệnh

cho họ tiến lên khi anh quay ngựa về phía sông và dẫn họ vào trận chiến.

Alexander và những người bạn đồng hành của mình lao tới với tốc độ nhanh đến nỗi họ đã ở dưới tầm tên của người Ba Tư trước khi các cung thủ có thể nhắm bắn. Họ phi nước đại xuống sông và xuyên thủng đội hình địch, đánh vào quân tiền tuyến đang hoảng loạn. Những người Ba Tư ở gần Alexander kinh hoàng lùi lại khi quân Macedonia cắt qua hàng phòng thủ của họ. Nhưng đột nhiên những người lính đánh thuê Hy Lạp đang chiến đấu cho Darius tấn công mạnh vào trung tâm quân Macedonia và mở ra một khoảng trống trong phòng tuyến của Alexander, xé toạc bộ binh của anh. Họ đẩy lùi quân Macedonia xuống sông và giết nhiều người, trong khi hai bên hét lên những lời xúc phạm xấu xa nhất với nhau bằng tiếng Hy Lạp.

Trong khi trung tâm của phòng tuyến Ba Tư đang được trấn giữ, kỵ binh của Đại vương ở gần biển lao qua sông và đẩy lùi các kỵ binh

Thessaly. Cuộc chiến trên lưng ngựa dọc theo bờ biển diễn ra không ngừng vì không bên nào chịu nhường. Trong khi đó, cánh phải của Alexander, một phần trong chiến tuyến của anh đang tiến công chống lại quân Ba Tư, đã tìm cách đột phá và vòng qua phía sau những người lính đánh thuê Hy Lạp. Đây là thời điểm trận chiến xoay chuyển. Không thể chiến đấu cả phía trước và phía sau, những lính đánh thuê đã lùi lại. Trung quân Ba Tư bắt đầu sụp đổ và kỵ binh, nhìn thấy các tuyến bộ binh của họ sụp đổ theo, quay đầu bỏ chạy trở lại qua sông, đạp trên người của họ để trốn thoát.

Darius kinh hoàng nhìn những điều không thể tưởng tượng được diễn ra xung quanh mình. Nhưng ngay cả khi nhận ra quân Macedonia sẽ thắng trận, ông vẫn từ chối rút lui. Ông ta đứng trên chiến xa của mình sẵn sàng hạ gục bất cứ kẻ thù nào đến gần. Alexander không thể từ chối một mục tiêu hoàn hảo như vậy. Nếu anh có thể giết Darius bằng chính tay mình, không chỉ chiến tranh kết thúc mà vinh

quang của anh, giống như của Achilles, sẽ sống mãi. Khi Alexander lao về phía Darius, một trong những người anh em của Đại vương dẫn đầu đoàn kỵ mã của mình lao vào giữa hai vị vua. Nhưng anh ta đã bị chém. Atizyes, cựu binh của Phrygia, đã chết để bảo vệ vua của mình, cũng như Rheomithres, người đã chiến đấu dũng cảm tại Granicus, cùng với Sabaces, thần vệ của Ai Cập. Khi quân Macedonia tiến vào, có thể chính Darius đã chém Alexander, khiến anh bị thương ở đùi. Dù vậy, vị Đại vương lúc này đã bị mất quân và sắp chết.

Những gì xảy ra tiếp theo khiến thời gian như bị đóng băng, được bảo quản trong một bức tranh khảm chi tiết tinh xảo được chôn bên dưới đống tro tàn của Núi Vesuvius ở thành phố Pompeii của La Mã. Trên đó, chúng ta thấy Alexander đang lao tới từ bên trái, đầu trần nhưng đeo tấm băng ngực với đầu của Gorgon nhìn ra ngoài để biến kẻ thù của mình thành đá. Với ngọn giáo của mình, anh xiên

một tên lính Ba Tư đang đứng giữa anh và Darius.



Mặt đất ngổn ngang xác chết của cả hai bên. Một cái cây trơ trọi ở hậu cảnh. Một con ngựa màu nâu sẫm chảy máu đến chết ở trung tâm. Một người lính Ba Tư trút hơi thở cuối cùng khi nằm trên mặt đất nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của chính mình trên mặt chiếc khiên. Một rừng giáo Ba Tư mọc lên khi những người đàn ông lao về phía trước để cứu vua của họ - người cuối cùng đã quay đầu bỏ chạy khỏi chiến trường trên chiến xa của mình. Nhưng hình ảnh ám ảnh nhất trong tất cả là khuôn mặt của Darius, người đã nhìn chằm chằm vào

Alexander, không phải vì sợ hãi hay tức giận mà là kinh ngạc.



Các nguồn tài liệu của chúng tôi vẽ ra cùng một bức tranh, với việc Darius rút lui vào phút cuối trước sức mạnh không thể cưỡng lại của Alexander. Darius sau đó vượt qua sự hỗn loạn của trận chiến và chạy trốn cùng với phần còn lại của đội quân về phía đông băng qua các ngọn núi. Alexander và quân của mình đuổi theo Darius hàng dặm, ra khỏi chiến trường đầy xác chết của quân Ba Tư. Tổng cộng, hàng nghìn người Ba Tư đã bị giết, trong khi thiệt hại của người Macedonia, mặc dù nặng nề nhưng ít hơn nhiều. Alexander vô cùng thất vọng vì Darius đã trốn thoát, nhưng khi những người bạn vây quanh để chúc mừng, anh có thể vui mừng vì ở tuổi hai mươi ba, anh vừa đánh bại Đại vương Ba Tư.

Khi Alexander đến trại Darius, trời đã khuya. Anh đã kiệt sức vì cuộc chiến và truy đuổi, ngoài ra đã không ngủ trong hai ngày. Anh có thể thấy những người lính của mình đang cướp phá trại và phân chia các phụ nữ Ba Tư mà họ bắt được. Người của anh đã dành riêng lều

hoàng gia của Đại vương cho Alexander. Anh bước vào khu lều tráng lệ và ngay lập tức bị ấn tượng bởi đồ đạc và kho báu tuyệt vời nằm rải rác khắp nơi. “Vì vậy, đây là ý nghĩa của việc trở thành một vị vua,” anh nghĩ. Đĩa, thìa và thậm chí cả bồn tắm đều được làm bằng vàng, trong khi mùi nước hoa và gia vị đậm đà tràn ngập trong không khí. Các đầu bếp hoàng gia Macedonia đã chuẩn bị một bữa đại tiệc cho anh với đồ ăn Ba Tư thu được và đã chuẩn bị sẵn sàng một bồn tắm nước nóng. Alexander cởi bỏ bộ giáp đầy bụi và đi đến bồn tắm, nói với một trong những người bạn của mình rằng anh muốn rửa sạch mồ hôi chiến đấu trong bồn tắm của Darius. “Không,” người bạn đồng hành sửa lại, “đúng hơn nó là tài sản của Alexander”.

Sau khi tắm rửa xong, nhà vua và những người bạn đang ngồi ăn cơm thì nghe thấy tiếng than khóc từ một khu lều gần đó. Hỏi ai đã gây ra tiếng động khủng khiếp như vậy, Alexander được cho biết đó là mẹ của Darius, cùng với vợ

của nhà vua, hai cô con gái và một cậu con trai nhỏ. Họ đã xé quần áo và khóc thương cho Darius, người mà họ tin là đã chết. Alexander đã cử một trong những người bạn đồng hành của mình, Leonnatus, đến để trấn an họ. Anh đến khu lều của họ, nhưng không chắc mình có nên vào mà không thông báo hay không. Cuối cùng, anh sữa lại tà áo và đến trước mặt những người phụ nữ, họ kêu lên sợ hãi vì nghĩ anh đến để giết họ. Họ cầu xin anh cho phép họ ít nhất là chuẩn bị thi thể của Darius một cách thích hợp để chôn cất trước khi họ bị giết. Leonnatus đảm bảo với họ rằng Đại vương vẫn còn sống và Alexander sẽ không để họ bị hại. Trên thực tế, anh ta khăng khăng rằng họ được đối xử với sự tôn trọng tối đa như những quý bà hoàng gia. Những người phụ nữ cuối cùng cũng bình tĩnh lại và bày tỏ sự biết ơn đối với lòng tốt của nhà vua.

Sáng hôm sau, Alexander, cùng với người bạn thân nhất của mình là Hephaestion, đã đích thân đến thăm những người phụ nữ Ba Tư để

trấn an về sự an toàn của họ. Khi cả hai bước vào khu lều, những người phụ nữ quỳ sấp mặt trước Hephaestion, nghĩ anh là vua vì anh cao hơn, điều này khiến Alexander thích thú.



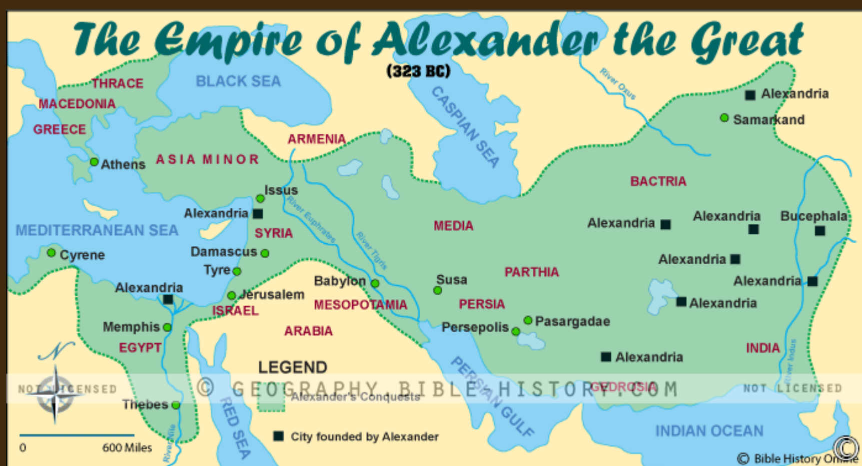
Mẹ của Đại vương, Sisyngambris, đã hết sức xin lỗi sau khi người phiên dịch giải thích, nhưng Alexander trấn an. Anh nâng người phụ nữ lớn tuổi lên khỏi mặt đất, xưng hô bà là "mẹ" và nói Hephaestion cũng là một Alexander - phản ánh lời dạy mà cả hai nhận được từ Aristotle khi còn là các cậu bé: "người bạn chân thành nhất chính là một phiên bản của mình." [tuy hai mà một]

Các nhà văn cổ đại đã coi việc đối xử với những phụ nữ của Darius như một minh họa cho bản chất nhân hậu của Alexander. Mặc dù điều này có thể đúng, nhưng lòng nhân từ của anh cũng rất thực tế. Bằng cách bảo vệ những người phụ nữ trong gia đình của Đại vương, Alexander đã đảm nhận vai trò biểu tượng của người con, người chồng và người cha trong mắt các đối tượng mới của mình. Cũng như khi được Nữ hoàng Ada của Caria nhận làm con nuôi, vua Macedonia đang sử dụng mối quan hệ gia đình để xây dựng quyền lực. Anh trao cho thái hậu Ba Tư một món trang sức và đảm bảo với bà rằng phẩm giá của bà sẽ không bị giảm đi dưới sự cai trị của anh. Đối với vợ của Darius, cũng là em gái của Đại vương, anh hứa cô sẽ được hưởng tất cả các quyền lợi trước đây với tư cách là hoàng hậu và sẽ không bị ai động đến. Anh đảm bảo với cô - hai cô con gái của cô sẽ là bất khả xâm phạm và sẽ được cấp của hồi môn từ ngân khố của chính anh khi đến thời điểm kết hôn. Sau đó anh gọi cậu con trai nhỏ của Darius đến và hôn cậu bé, cậu bé

không hề sợ hãi. Alexander ngưỡng mộ lòng dũng cảm của chàng trai trẻ và thề sẽ nuôi nấng cậu như con ruột của mình. Tất cả đều rất cảm động, nhưng kể từ ngày này trở đi, gia đình Darius biết họ là con tin của Alexander.

Ngày hôm sau, sau khi thăm hỏi những người bị thương, Alexander tập hợp một đội quân chỉnh tề được trang bị bộ giáp tốt nhất. Anh đã tiến hành một lễ tang cho những người đã ngã xuống trong trận chiến, sau đó vinh danh những người còn sống xứng đáng nhất với những thành tích đặc biệt và phần thưởng tương đương với sự dũng cảm của họ. Nhà vua bổ nhiệm một trong những cận vệ của mình, Balacrus, làm vệ thần của Cilicia và thăng chức cho những người bạn đồng hành khác vào các vị trí mới. Alexander đã có tâm trạng thoải mái sau chiến thắng đến nỗi anh thậm chí còn giảm tiền phạt trước đó cho thành phố Soli. Anh cũng dựng lên những bàn thờ để tạ ơn thần Zeus, Athena và Hercules, dâng những lễ hiến tế lớn cho những vị thần mà anh

yêu thích. Là một tượng đài lâu dài cho chiến thắng của mình, giờ đây anh thành lập thành phố đầu tiên trong chiến dịch của mình — Alexandria, gần Issus. Khi vẫn còn là một thiếu niên, anh đã đổi tên thành phố Thracia bằng tên mình sau thành công đầu tiên, nhưng thành phố Alexandria đầu tiên này là một thành phố mới - một khu định cư của người Macedonia thuộc văn hóa Hy Lạp ở một vùng đất xa lạ. Được thành lập ở một vị trí chiến lược gần lối vào Syria, đây là bước đầu tiên quan trọng trong việc truyền bá nền văn minh Hy Lạp, mà nhà vua sẽ lặp lại trên toàn bộ con đường đến Ấn Độ.



Alexander đã giành được vinh quang và danh dự tại Issus, nhưng không phải là số vàng khổng lồ mà anh mong đợi vì Darius đã để lại phần lớn kho bạc của mình tại thành phố Damascus của Syria, cách chiến trường vài ngày. Số vàng thu được từ lều của Darius không ít, nhưng Alexander cần nhiều hơn nếu anh muốn chi trả cho phần còn lại của chiến dịch. Do đó, anh đã cử Parmenion với một đội hơn một nghìn kỵ binh Thessaly phi nước đại nhanh chóng đến Damascus để chiếm lấy kho bạc của Đại vương trước khi quân Ba Tư có thể đến đó. Anh có thể không thích ông già, nhưng Alexander biết Parmenion có thể hoàn thành nhiệm vụ nguy hiểm này khi vào sâu trong lãnh thổ kẻ thù.

Trong khi đó, người cai trị của Ba Tư tại Damascus đang cân nhắc rất kỹ về tương lai của mình. Khi nghe tin Alexander chiến thắng Issus, ông biết quân Macedonia sẽ đến lấy kho báu. Vì vậy, ông quyết định giao sự giàu có của Darius cho Alexander với hy vọng được đối xử

ưu tiên vì lợi ích tốt nhất của mình. Ông đã cử một sứ giả đến chỗ người Macedonia để nói rõ ý định của mình, nhưng Parmenion ngay lập tức nghi ngờ có một cái bẫy và tiến vào Syria một cách hết sức thận trọng. Ông vượt qua Cổng Cilician và di chuyển về phía nam cùng với kỵ binh của mình bất chấp cái lạnh mùa đông qua những ngọn núi và sa mạc cho đến khi đến thành phố ốc đảo Damascus.



Thành phố cổ Damascus là trung tâm của thành phố Damascus, Syria. Đây là một trong những thành phố cổ có người ở liên tục lâu đời nhất thế giới, là nơi chứa nhiều di tích khảo cổ, bao gồm một số nhà thờ và giáo đường lịch sử. Nhiều

nền văn hóa đã để lại dấu ấn nơi này, đặc biệt là Hy Lạp, La Mã, Byzantine và Hồi giáo.



Thành phố Syria từng là trung tâm của chính quyền Ba Tư trong vùng khô cằn này. Nó cũng là một thành phố giàu có theo đúng nghĩa của nó, được biết đến với quả sung và thương mại caravan về phía đông đến Lưỡng Hà và phía nam tới A Rập. Tên satrap xảo quyệt đã lên kế hoạch không chỉ dâng sự giàu có của Đại vương cho Alexander, mà còn cả nhiều vị khách Ba Tư và con tin đã được Darius giao phó cho hắn. Để tạo điều kiện thuận lợi cho

cuộc trao đổi này, ông ta nói với những người Ba Tư đang cư trú rằng họ sẽ cùng ông ta chạy trốn đến Babylon cùng với kho báu của Darius. Hàng nghìn con la được gấp rút chất đầy tất cả những gì chúng có thể mang theo, sau đó đoàn xe khổng lồ tiến qua các cổng thành.

Đêm đó tuyết đã rơi. Trời lạnh đến mức những người phục vụ cho bầy thú phải kéo quân phục trong hành lý ra để che thân trên hành trình, trong khi đám đông người tị nạn sợ hãi rùng mình và hy vọng họ có thể trốn thoát trước khi quân Macedonia đến. Đó là lúc Parmenion và đội kỵ binh của ông xuất hiện ở chân trời. Vị tướng nhìn thấy một nhóm đàn ông ăn mặc như binh lính Ba Tư và vội vàng bố trí người của mình vào trận chiến, cho rằng họ phải tham gia vào một cuộc chiến khó khăn. Những người lái xe la và người tị nạn nhìn thấy dòng kỵ mã đang lao vào họ và bỏ chạy. Vô số của cải chẳng mấy chốc đã nằm rải rác trong tuyết và dọc theo con đường mòn. Khi Parmenion

phát hiện ra đó không phải là đội quân, ông ra lệnh cho người của mình thu dọn kho báu. Ông ta đề nghị những người lái xe la lựa chọn hướng dẫn những con vật chở hành lý trở lại hoặc bị giết ngay tại chỗ.

Sau nhiều ngày dưới sự giám sát của Parmenion, đoàn xe kho báu đã đến được trại Macedonia. Alexander đã rất vui mừng khi sự giàu có được dỡ xuống — những chiếc bình trang trí, chiến xa, lều hoàng gia, năm trăm bảng bạc, một chiếc hộp được trang trí đẹp mắt mà từ đó nhà vua đã sử dụng để đựng ấn bản thơ Homer yêu thích của mình và đủ vàng để trả cho quân đội nhiều tháng tới. Nhưng trong số những hàng hóa quý giá còn có những người tị nạn Ba Tư, những người giờ đã trở thành quân tốt của vua Macedonia. Những người này bao gồm vợ và ba cô con gái của Đại vương trước đó, Artaxerxes IV, cũng như một người anh của chính Darius. Ngoài ra còn có hai sứ thần kinh hãi từ Athen, những người đã bí mật giao dịch với Darius bất chấp sự ủng hộ

chính thức của thành phố đối với chiến dịch của Alexander. Bốn người Sparta khác cũng bị bắt, mặc dù thành phố của họ không có cam kết với người Macedonia.

Phần thưởng chính trong mắt Alexander là Barsine, góa phụ của đối thủ Memnon of Rhodes. Cô cùng với các con trình diện trước nhà vua, mong chờ sự thương xót từ Alexander. Trước sự ngạc nhiên của cô, Alexander đã đối xử với cô rất tử tế. Barsine từng là một người tị nạn trẻ tuổi trong triều đình Philip nhiều năm trước đó khi cha cô và Memnon tìm kiếm nơi ẩn náu ở đó. Cô ấy có thể đã biết Alexander ở Macedonia và hai người có thể là bạn. Chắc chắn có điều gì đó bất thường về Barsine, vì cô ấy là người phụ nữ đầu tiên mà Alexander yêu. Anh không cưới cô ấy, nhưng hai người bắt đầu một cuộc tình lâu dài. Theo tất cả, cô là một phụ nữ tuyệt vời, xinh đẹp và quyến rũ. Cô là người Ba Tư khi sinh ra, nhưng đã nhận được một nền giáo dục Hy Lạp xuất sắc. Theo thời gian, cô

sẽ sinh đứa con đầu lòng cho Alexander, một cậu con trai tên là Hercules. Tuy nhiên, kẻ phản bội ở Damascus lại không có một kết thúc có hậu như vậy. Một trong những người tị nạn Ba Tư đã chặt đầu ông ta trong đêm và trốn thoát cùng nó như một món quà cho Darius.



Alexander – Barsine và con trai đầu Hercules

Trong khi Alexander chuẩn bị gặp quân Ba Tư trên chiến trường, các đặc vụ của Đại vương ở Aegean đang bận rộn. Cháu trai của Memnon là Pharnabazus đã chiếm được một số hòn

đảo quan trọng và chiếm lại Halicarnassus. Sau đó, anh ta đi thuyền đến đảo Siphnus để có một cuộc gặp bí mật với kẻ thù cũ của Alexander - Agis, vua của Sparta. Agis đã đến gặp người Ba Tư và ký kết một hiệp ước sẽ củng cố mặt trận thứ hai chống lại Alexander. Vua Sparta đã nhận được ngân quỹ dồi dào từ Pharnabazus cùng với mười tàu để tiến hành các hoạt động hải quân chống lại người Macedonia.

Nhưng khi cả hai đang vui mừng vì liên minh mới, tin tức đến, báo Alexander đã đánh bại Đại vương tại Issus. Pharnabazus chết lặng và ngay lập tức lên đường đến Chios ngoài khơi bờ biển Tiểu Á để bảo vệ hòn đảo quan trọng của Hy Lạp chống lại quân nổi dậy. Agis dứt khoát không nản lòng trước chiến thắng của Alexander và tiếp tục kế hoạch của mình. Ông thuê các thủy thủ cho những con tàu mới và cử anh trai đến Crete để thiết lập một căn cứ hải quân mới ở đó. Trong khi đó Agis đặt nền móng cho một cuộc nổi dậy ở Hy Lạp.

Các sự kiện ở Aegean không thoát khỏi Alexander, nhưng anh phải đối mặt với một quyết định khó khăn vào thời điểm này trong chiến dịch. Darius đã bị làm nhục tại Issus, nhưng không bị đánh bại. Đội quân mà ông ta tập hợp ở Syria chỉ đại diện cho một phần nhỏ các lực lượng có sẵn. Có đủ thời gian, Đại vương có thể triệu tập một lực lượng lớn hơn nhiều để đánh bại quân Macedonia trên chiến trường. Alexander biết cơ hội duy nhất để ngăn Darius xây dựng một đội quân mới là truy đuổi hắn không ngừng vào trung tâm đế chế Ba Tư. Nhưng đây là một đề xuất nguy hiểm khi người Hy Lạp nổi loạn và người Ba Tư vẫn kiểm soát phần lớn Địa Trung Hải. Nếu anh theo đuổi Darius vào thời điểm này, anh có thể mất tất cả những gì đã chinh phục ở phía tây.

Khi Alexander cân nhắc các lựa chọn, giải pháp tốt nhất là tiếp tục kế hoạch đánh chiếm bờ biển Địa Trung Hải của Liban, Palestine và Ai Cập trong khi các tướng lĩnh ở Macedonia

và Tiểu Á cố gắng ngăn chặn mối đe dọa từ Ba Tư. Anh biết sẽ phải đối mặt với Darius vào một lúc nào đó vì Đại vương không thể cho phép anh tàn phá đế chế của mình mà không bị trừng phạt. Darius sẽ cần ít nhất một năm để tập hợp quân đội từ bốn phương trong vương quốc để đối mặt với Alexander, nhưng khi ngày đó đến thì đây sẽ là trận chiến vĩ đại nhất mà thế giới từng biết.

Alexander phá doanh trại tại Issus và hành quân qua Cổng vào Syria, sau đó đi về phía nam đến bờ biển Liban. Anh đi qua thuộc địa thương mại của người Hy Lạp cổ đại tại al-Mina gần cửa sông Orontes, sau đó đi dọc theo vùng đồng bằng hẹp giữa biển và núi cho đến khi đến thành phố Marathus của người Phoenicia. Nhưng các con tàu của người Phoenicia trong hạm đội của Đại vương không có mặt ở đó để chống lại anh vì chúng đang bận ở Aegean. Vị vua địa phương của Marathus trên thực tế đã để con trai phụ trách thành phố trong khi phục vụ Darius ở phía tây.

Hoàng tử biết việc chống lại Alexander là vô nghĩa, vì vậy đã gặp nhà vua trước cổng thành và trao cho anh một chiếc vương miện vàng, dấu hiệu truyền thống của sự thần phục. Người đàn ông trẻ tuổi cũng giao nộp hòn đảo Aradus gần đó và tài sản nội địa của thành phố.

Marathus là một cảng của người Phoenicia, ngày nay nằm gần Tartus ở Syria. Được thành lập vào thiên niên kỷ thứ III trước Công nguyên, Marathus là thành phố quan trọng cực bắc của Phoenicia cổ đại và là một đối thủ của Arwad lân cận.

Alexander hài lòng với sự tiếp đón mà anh nhận được và ở lại Marathus vài ngày. Trong khi anh ở đó, hai sứ giả từ Darius đến với một lá thư từ Đại vương. Alexander mang tài liệu vào phòng riêng và tự đọc. Nội dung của bức thư khác nhau tùy theo các sử gia cổ đại, nhưng rõ ràng Darius sẵn sàng thực hiện một thỏa thuận. Ông bắt đầu bằng cách hù dọa Alexander vì đã xâm lược đế chế của ông mà không bị khiêu khích. Ông chỉ ra người Ba Tư và người Macedonia là những người bạn cũ, mặc dù Philip đã thể hiện sự thiếu tôn trọng

đối với người Ba Tư và giờ đây con trai ông vẫn tiếp tục. Kết quả của trận chiến gần đây có lợi cho Alexander là kết quả không may do sự can thiệp bí ẩn của một số vị thần, và người Macedonia không thể trông chờ vào phước lành của thiên đàng trong tương lai. Dù vậy, Đại vương vẫn thương xót và mời Alexander ký kết một hiệp ước hòa bình với Ba Tư. Nếu rút quân, ông sẽ trao cho anh chủ quyền đối với toàn bộ lãnh thổ của Tiểu Á từ Aegean đến sông Halys gần Gordium. Ngoài ra, ông sẽ trả cho Alexander một khoản tiền chuộc hậu hĩnh để trả lại gia đình. Tất cả những điều này là của Alexander nếu anh ngừng xâm lược Ba Tư. Nếu từ chối lời đề nghị hào phóng này, có thể hiểu Darius sẽ tung quân đội của mình chống lại người Macedonia tại thời điểm và địa điểm do chính Alexander lựa chọn và tiêu diệt họ.

Alexander biết nếu anh trình bức thư này cho Parmenion hoặc bất kỳ sĩ quan nào khác, họ chắc chắn sẽ vui mừng. Darius đang cung cấp

mọi thứ mà họ từng mơ ước. Họ sẽ nắm giữ những phần giàu có nhất của Tiểu Á bao gồm tất cả các thành phố Hy Lạp ở Aegean. Người Ba Tư sẽ dừng các cuộc phản công và rút hải quân về. Macedonia sẽ phát triển từ một vương quốc nhỏ bị bao vây thành một đế chế cai trị tất cả các vùng đất từ Adriatic đến vùng cao nguyên Anatolia. Họ sẽ là những người giàu có và có thể trở về nhà như những người hùng.

Nhưng Alexander phải tìm cách thuyết phục người của mình tiếp tục cuộc chiến. Anh đã nếm trải chiến thắng và sẽ không dừng lại cho đến khi toàn bộ Đế chế Ba Tư là của riêng mình. Anh nghĩ đến cảnh mình và quân đội đang hành quân dọc sông Nile, dùng bữa giữa các khu vườn của Babylon, phủ vàng lên mình tại Persepolis, và ngạc nhiên trước những kỳ quan của Ấn Độ xa xôi. Nhưng làm thế nào để thuyết phục người Macedonia? Kế hoạch anh nghĩ ra là một chiến thuật yêu thích của các chính trị gia trong suốt thời gian qua - anh đã

nói dối. Nhà vua đã soạn một bức thư giả mạo với đầy những yêu cầu vô lý, những lời lăng mạ đối với người Macedonia, và không đề cập đến việc nhượng bộ lãnh thổ. Khi anh trình bày nó với hội đồng cố vấn của mình, họ đã cắn câu và giận dữ từ chối các điều khoản của Đại vương.

Alexander sau đó đã soạn một bức thư của riêng mình cho Darius, được tạo ra một cách khéo léo để chọc tức Đại vương bằng mọi cách có thể. Anh bắt đầu với tiêu đề trịch thượng “Vua Alexander đến Darius — Xin chào,” việc bỏ qua các tước hiệu của người cai trị Ba Tư là một sự xúc phạm rất có chủ ý. Sau đó, anh tiếp tục đổ lỗi cho Darius về cuộc chiến hiện tại vì tổ tiên của ông ta đã bắt đầu nó khi xâm lược Hy Lạp tại Marathon vào thế kỷ trước. Sau đó anh tố giác sự liên hệ của người Ba Tư trong vụ giết cha mình và thậm chí còn buộc tội Darius thông đồng trong vụ ám sát vị vua Ba Tư trước đó. Alexander tự xưng là Chúa tể của Châu Á, nói rằng anh sẽ sẵn lòng trả lại gia

đình cho ông ta mà không cần tiền chuộc chỉ cần Darius xuất hiện trước mặt anh với tư cách là một kẻ phục tùng thấp hèn. Cuối cùng, anh cảnh báo Darius hãy đầu hàng ngay lập tức nếu không sẽ truy đuổi ông ta đến cùng trời cuối đất.



Hai ngày hành quân dọc theo bờ biển đã đưa Alexander đến trung tâm buôn bán quan trọng của người Phoenicia ở Byblos. Cảng cổ đại này đã có quan hệ thương mại với Hy Lạp kể từ thời Chiến tranh thành Troy. Byblos từ lâu đã là một trung tâm vận chuyển hàng hóa của Ai Cập, bao gồm cả giấy cói, vì vậy những người Hy Lạp đầu tiên sử dụng vật liệu này cho các cuộn giấy đã gọi sách của họ là biblia (tiền thân của từ Kinh thánh - Bible).

Phía nam của Byblos là Berytus (Beirut) trên một mũi đất nổi bật, sau đó là cảng Sidon nổi tiếng của người Phoenicia ở lưng chừng bờ

biển Leban. Người dân Sidon coi thường người Ba Tư, đặc biệt là sau khi thành phố nổi loạn của họ bị quân đội của Đại vương cướp phá chỉ vài năm trước đó.



Kẻ thống trị bù nhìn của Ba Tư bị dân chúng gây áp lực, buộc phải mở cửa cho Alexander, người đã nhanh chóng phế truất kẻ thống trị đáng ghét và chỉ định người bạn thân nhất của mình là Hephaestion tìm người thay thế. Hephaestion đang ở trong thành phố tại nhà của hai người đàn ông trẻ tuổi xuất sắc mà anh sẽ cân nhắc để trao vương miện cho một trong hai. Họ lịch sự từ chối, giải thích thành phố của

họ theo phong tục chỉ được cai trị bởi một vị vua có dòng máu quý tộc. Hephaestion sau đó ủy quyền cho họ tìm một ứng viên phù hợp.

Sidon là thành phố của người Phoenicia cách Tyre 25 dặm. Sidon được cai trị bởi các vị vua và có quan hệ mật thiết với Tyre. Sidon là thành phố Phoenicia đầu tiên đưa thuyền ra biển, và là thành phố đầu tiên trong khu vực qua lại với người Hy Lạp. Sidon được nhắc đến nhiều lần bởi Homer.

Người Assyria khuất phục Sidon và các thành phố Phoenicia khác, và họ phải cống nạp. Vua Ahab kết hôn với Jezebel, con gái của Ethbaal, là vua của Sidon, và bà đã giới thiệu các tôn giáo bản địa của mình cho người Israel. Đức Chúa Trời hướng dẫn nhà tiên tri Elijah đến nhà bà ở vùng Sidon, để sống trong ba năm hạn hán.

Nebuchadnezzar đã chinh phục Sidon trên đường đến Judah, nhưng khi Babylon thất thủ, Sidon được hồi sinh và dưới sự bảo vệ của Ba Tư đã trở nên hùng mạnh trở lại.

Khi Alexander Đại đế chinh phục Tyre, Sidon đã thoát khỏi ràng buộc và được hưởng lợi từ sự sụp đổ của Tyre. Năm 198 trước Công nguyên, nó bị chinh phục bởi Seleucids của Syria, và vào năm 64 trước Công nguyên, nó bị Pompey chiếm. Chúa Jesus đã từng du hành đến vùng Sidon, Tyre và chữa khỏi bệnh cho con gái của một phụ nữ Syrophoenicia.

Thánh Paul, khi đó là một tù nhân được đưa về Rome, đã được phép ghé thăm bạn bè khi con tàu của ông cập cảng Sidon. Ngày nay Sidon là một thành phố ở Leban.





Sống ở rìa thành phố là một người đàn ông nghèo tên là Abdalonymus (hay trong tiếng Phoenicia, Abd-elonim, “người hầu của các vị thần”), người có quan hệ họ hàng xa với hoàng gia Sidon. Sự trung thực trong giao dịch kinh

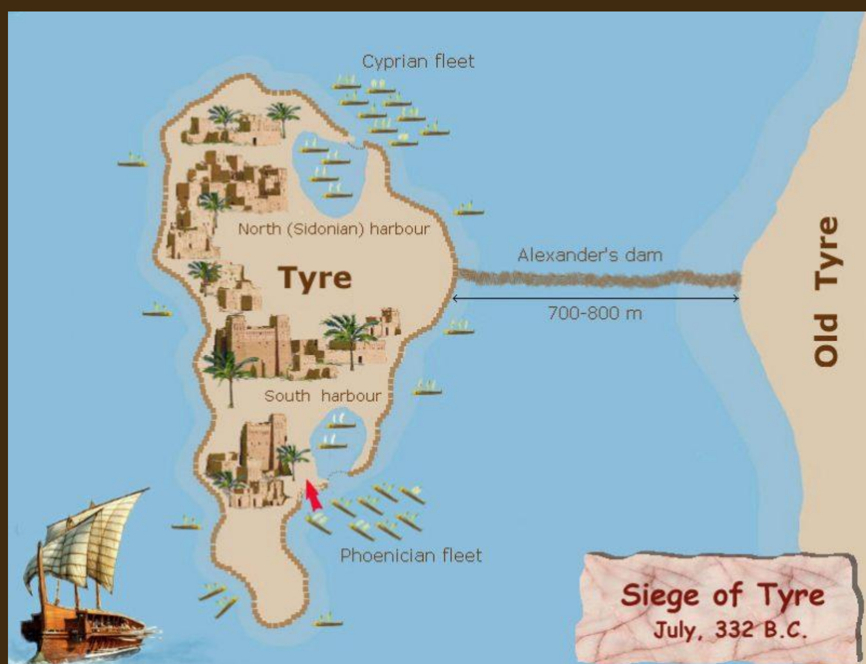
doanh với những người hàng xóm Phoenicia xảo quyệt đã khiến ông chỉ còn lại túp lều nhỏ với khu vườn chật chội. Hôm đó ông ấy đang bận làm cỏ cho rau của mình đến nỗi không nghe thấy hai thanh niên đến gần và tung hô ông là vua. Abdalonymus không có thời gian để nói đùa và bỏ qua hai người, nhưng họ giải thích ông cần phải thay bộ quần áo bẩn của mình nếu định cai trị Sidon. Người làm vườn nghĩ họ bị điên và quay lại với cỏ dại của mình, nhưng những người đàn ông trẻ cuối cùng đã thuyết phục ông bằng những lời thề đáng sợ rằng thông điệp của họ là thật. Abdalonymus thậm chí chưa nghe nói về Alexander và không biết thành phố đã bị quân Macedonia chiếm đóng, nhưng ông mặc bộ quần áo đẹp nhất của mình và đến cung điện để gặp người đã đánh đuổi quân Ba Tư. Alexander thích người đàn ông đó ngay lập tức và nhìn thấy ở ông ta hình mẫu của một người cai trị công bằng bất chấp - hoặc có lẽ vì - bộ móng tay bẩn và đôi lông mày cháy nắng. Ông vui vẻ

ban phước cho Abdalonymus - vị vua mới của Sidon.

Cuộc hành quân trong ngày về phía nam dọc theo bờ biển Leban đến Tyre, thành phố hùng mạnh và quan trọng nhất trong tất cả các thành phố Phoenicia. Nó là đối thủ truyền kiếp của Sidon và là một trong những trung tâm thương mại giàu có nhất trên toàn Địa Trung Hải. Phần chính của thành phố nằm trên một hòn đảo và được bao quanh bởi những bức tường cao hơn một trăm feet, khiến nó hầu như không thể chạm tới bởi bất kỳ đội quân xâm lược nào. Đây cũng là căn cứ hải quân quan trọng nhất của người Ba Tư ở phía tây đế chế của họ.

Khi Alexander đến gần thành phố, anh đã được gặp các sứ thần của Tyre, những người đã chào đón anh đến thành phố của họ với những điều khoản cho quân đội của anh và một chiếc vương miện vàng để phục tùng. Họ lấy làm tiếc vì vua của họ, Azemilcus, không có mặt để chào đón, vì ông đang tham gia

cùng hạm đội Ba Tư ở Aegean. Alexander lịch sự cảm ơn họ về đồ dùng và vương miện, sau đó tình cờ đề cập rằng anh muốn dâng lễ vật cho tổ tiên Hercules tại ngôi đền nổi tiếng của ông trên hòn đảo của họ. Anh đến Tyre ngay khi bắt đầu lễ hội nổi tiếng của Melqart - tương đương với Hercules của người Phoenicia - cùng với những người hành hương từ những nơi xa như Carthage. Các sứ thần Tyre đã hội ý với nhau, sau đó thông báo với vua Macedonia rằng rất tiếc là không thể cho phép anh vào thành phố vào lúc này vì điều này có vẻ là một sự khiêu khích đối với người Ba Tư. Tuy nhiên, có một ngôi đền Hercules rất đẹp trên đất liền đối diện với thành phố của họ mà anh được hoan nghênh nhất khi đến thăm.



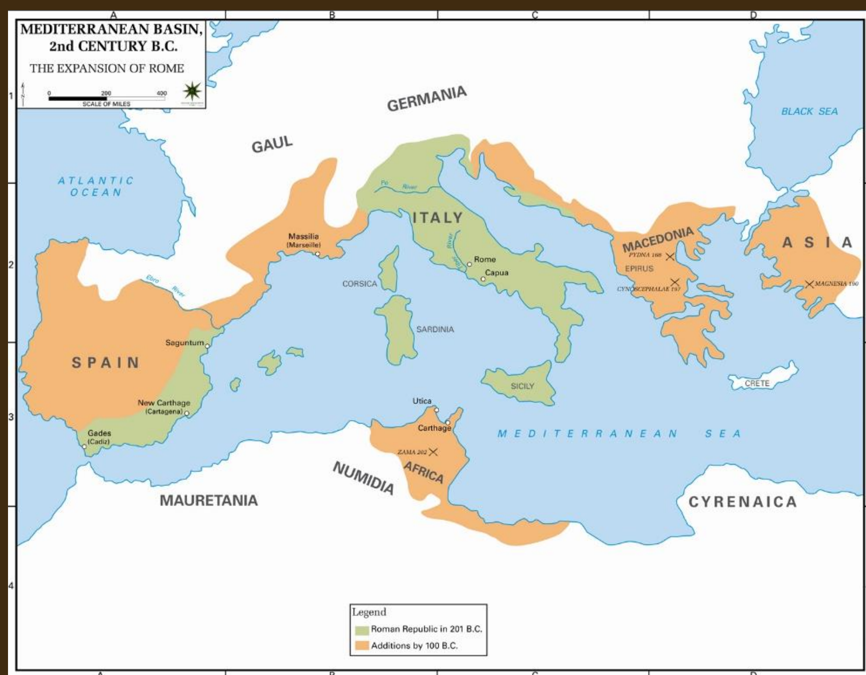
Các sứ thần Tyre nhận ra nếu họ cho phép Alexander vào trong thành, anh sẽ chiếm thành phố và đóng quân ở đó. Alexander biết Tyre không thực sự phục tùng mà chỉ đơn thuần là câu giờ để xem liệu cuộc tấn công của hải quân Darius ở Aegean có buộc anh quay trở lại phía tây hay không. Những người thương nhân của Tyre không đặc biệt quan tâm đến việc Alexander hay Darius thắng trong cuộc chiến. Họ chỉ muốn duy trì sự thống trị thương mại rất có lợi ở Địa Trung Hải như

họ đã có trong hơn một nghìn năm, với càng ít sự can thiệp từ bên ngoài càng tốt.

Alexander bình thường có thể kiểm soát tính khí dữ dội của mình, nhưng anh không quen bị từ chối. Anh bật dậy khỏi ghế và trút toàn bộ cơn thịnh nộ của mình lên các sứ thần Tyre: "Các người có thực sự nghĩ rằng mình được an toàn trước ta vì sống trên một hòn đảo không? Ngươi khinh thường đội quân này đến vậy sao? Ta sẽ cho các ngươi thấy sức mạnh! Chào đón ta vào thành phố hoặc ta sẽ bao vây nó!"

Các sứ thần vô cùng sợ hãi và trở về thành phố với thông điệp của anh. Các trưởng lão Tyre thảo luận về tình hình và kết luận họ sẽ an toàn trước Alexander. Thành phố của họ cách bờ biển nửa dặm, bị ngăn cách bởi vùng nước sâu và được bảo vệ bởi các dòng chảy mạnh và gió dữ dội. Chúng ở xa tầm bắn của máy phóng và các loại pháo khác trên đất liền. Các bức tường bao quanh thành phố chưa bao giờ bị phá vỡ, kể cả những kẻ xâm lược đã bao vây thành phố trong nhiều năm. Người Macedonia

không có hải quân để ngăn cản người Tyre đến và đi bằng tàu của họ. Những vị khách đến từ Carthage cũng hứa sẽ cung cấp bất kỳ nguồn cung cấp hoặc sự giúp đỡ nào mà Tyre có thể cần. Hãy để Alexander cố gắng chiếm thành phố - họ sẽ cười nhạo anh ta từ các bức tường thành.



Carthage (nghĩa là thành phố mới) là một thành bang Phoenicia cổ đại nằm ở phía bắc cộng hòa Hồi giáo Tunisia ngày nay. Carthage được thành lập năm 814 TCN, sau đó trở thành một liệt cường hùng mạnh, kiểm soát các tuyến hàng hải và thương mại quan trọng nhất phía tây Địa Trung Hải,

trải dài khắp Bắc Phi, phía nam bán đảo Iberia và nhiều hòn đảo khác ở Nam Âu ngày nay.

Ban đầu, thành phố này là thuộc địa của Tyre - thành bang lớn nhất của người Phoenicia cổ đại. Đến năm 650 TCN, Carthage tuyên bố độc lập và ngay lập tức thiết lập bá quyền chính trị lên các thuộc địa Phoenicia khác trên cả vùng miền tây Địa Trung Hải. Tầm ảnh hưởng của Carthage lan khắp lãnh thổ của nhiều dân tộc láng giếng, tạo ra một siêu cường đa sắc tộc, nhưng vẫn lấy văn hóa Phoenicia làm chủ đạo. Khi đạt đến đỉnh cao vào thế kỷ III TCN, Carthage bao gồm những thành phố giàu có và hùng mạnh nhất thế giới cổ đại, trở thành một trung tâm công nghiệp, thương mại sầm uất ở Địa Trung Hải.



Thành bang này kiểm soát một mạng lưới giao thương rộng lớn, trải dài từ mẫu quốc Phoenicia ở vùng Canaan, đến tận tây bắc Châu Âu và Tây Phi, nhằm phân phối nông sản, kim

loại quý, và hàng tiêu dùng. Để bảo vệ an ninh cho tuyến hàng hải này, người Carthage đã xây dựng lực lượng hải quân hùng hậu.

Đến giữa thế kỷ III TCN, Carthage trở thành bá chủ ở Địa Trung Hải về thương mại, chính trị và quân sự, khiến cho các quốc gia láng giềng như các bộ tộc người Amazigh Bắc Phi phải nhún nhường, nhưng họ cũng có một số kình địch như cộng hòa La Mã hay các thành bang Hy Lạp ở phía bắc Địa Trung Hải. Sau những cuộc chiến tranh với người Hy Lạp tại Sicily (600-250 TCN), Carthage đã leo thang các cuộc chiến tranh Punic kéo dài với La Mã không lâu sau đó (264-146 TCN), thời kỳ chứng kiến những cuộc chiến lớn và kinh điển bậc nhất thời cổ đại. Đến chiến tranh Punic lần III, La Mã đã hủy diệt Carthage và thành lập thành phố mới của họ tại đây, khiến Carthage nói riêng và hầu hết các thành bang Phoenicia nói chung đều nằm dưới sự thống trị của cộng hòa La Mã (tiền thân của đế quốc La Mã sau này) vào thế kỷ I.



Carthage được biết đến nhiều qua các cuộc chiến kéo dài và tàn khốc với La Mã. Trong một số thời điểm, họ thậm chí đã đe dọa đến sự tồn tại của văn minh La Mã và cả phương Tây. Tuy nhiên, đáng tiếc là những dấu tích La Mã và Hy Lạp về nền văn minh Carthage đều đã bị tiêu hủy do hậu quả của các cuộc chiến tranh Punic.

Các công dân của Tyre đã chứng kiến những kẻ xâm lược đến và đi trong nhiều thế kỷ mà không ảnh hưởng nhiều đến mạng lưới thương mại rộng lớn của họ. Người Phoenicia thuộc dân tộc Canaan nói một ngôn ngữ gần giống với tiếng Do Thái. Bị ép vào một vùng đồng bằng ven biển hẹp dọc theo bờ biển phía đông Địa Trung Hải khô cằn, họ nghiễm nhiên nhìn ra biển để mưu sinh.

Canaan, một vùng ở Cận Đông cổ đại, trong suốt cuối thiên niên kỷ thứ 2 TCN. Theo mô tả trong Kinh Thánh, tương ứng với vùng Levant. Ngày nay là Liban, Israel, Palestine, phần phía Tây Jordan và Tây Nam Syria. Nó còn được hiểu là Ngã tư Tây Á.

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 11 trước Công nguyên, các thành phố như Tyre và Sidon bắt đầu thiết lập các trạm buôn bán ở những địa điểm xa hơn về phía tây. Đảo Síp, Sicily, bắc Phi và Tây

Ban Nha đều là những nơi sinh sống của các thuộc địa Phoenicia thời kỳ đầu ở Địa Trung Hải. Carthage trên bờ biển châu Phi đối diện với Sicily là nơi nổi tiếng và thành công nhất trong số các tiền đồn này, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với thành phố mẹ của nó, Tyre, trong suốt nhiều thế kỷ. Nhưng người Phoenicia không dừng lại ở eo biển Gibraltar. Họ đi thuyền ra Đại Tây Dương, có lẽ đến tận Anh ở phía bắc và Senegal ở phía nam. Herodotus kể rằng họ thậm chí còn đi vòng quanh châu Phi. Trên đường đi, họ đã giao thương với nhiều người và phát triển danh tiếng như những nhà kinh doanh khôn ngoan - và như những tên trộm và cướp biển. Văn học Hy Lạp từ thời Homer tràn ngập những câu chuyện về những thương nhân người Phoenicia độc ác đã đánh cắp trẻ em và bán chúng làm nô lệ. Dù sự thật của điều này là gì, họ chắc chắn đã truyền bá nghề thủ công và văn hóa của mình khắp thế giới cổ đại. Bảng chữ cái Hy Lạp đã được người Phoenicia vay mượn và điều chỉnh vào thế kỷ thứ tám trước Công nguyên, do đó, aleph, bet

và gimel của Phoenicia trở thành alpha, beta và gamma của tiếng Hy Lạp. Những thương nhân trên phạm vi rộng này đặc biệt nổi tiếng với việc buôn bán cây tuyết tùng của Liban từ những ngọn núi ven biển của quê hương họ và một loại thuốc nhuộm màu tím quý hiếm có nguồn gốc từ vỏ murex ở bờ biển Liban.



cây tuyết tùng của Liban

Những người hàng xóm Hebrew của họ ngưỡng mộ kỹ năng của người Phoenicia và thuê họ xây dựng đền thờ của Vua Solomon,

nhưng họ cũng lên án các thực hành tôn giáo của họ, chẳng hạn như việc hiến tế trẻ em cho các vị thần.

Salomon (theo tiếng Latinh; tiếng Hebrew: שְׁלֹמֹה, Shlomoh; tiếng Hy Lạp: ∑ολομών Solomōn), hay Solomon, cũng được gọi là Jedidiah (Hebrew יְדִידְיָהּ), theo Kinh Thánh Hebrew, Kinh Koran. Ông là con trai của David. Nhiều tài liệu lịch sử cho rằng Vua Solomon sống vào khoảng năm 965-928 trước công nguyên, ông là chính trị gia, nhà cầm binh lỗi lạc đồng thời cũng là một vị quân vương xuất sắc của Vương quốc Israel thống nhất.

Theo Talmud, Solomon là một trong 48 nhà tiên tri. Trong kinh Koran, ông được xem như một nhà tiên tri lớn, và người Hồi giáo thường nói về ông bằng biến thể A rập, Sulayman, con trai của David. Theo kinh Koran, Solomon (Arabic سليمان Sulaymān) là vua của Israel cổ đại và cũng là con trai của David (và Goliath)



Kinh thánh Hebrew ghi nhận ông là người xây dựng Đền Solomon ở Jerusalem. Kinh Hebrew miêu tả ông là một người trí tuệ, giàu có và quyền lực vượt trội hơn tất cả các vị vua tiền nhiệm. Solomon là chủ đề của nhiều tài liệu và huyền thoại, đáng chú ý nhất là Cựu ước Solomon được viết vào thế kỷ thứ nhất.



Có lẽ câu chuyện nổi tiếng nhất về trí tuệ của ông chính là Phán quyết của Solomon; có hai người phụ nữ cùng khẳng định mình là mẹ của cùng một đứa trẻ. Solomon dễ dàng giải quyết tranh chấp bằng cách ra lệnh cắt đôi đứa trẻ và chia cho cả hai. Một người lập tức từ bỏ tranh chấp, chứng tỏ cô thà từ bỏ con mình còn hơn nhìn thấy nó bị giết chết. Solomon tuyên bố người phụ nữ ấy, người đã tỏ lòng trắc ẩn chính là mẹ của đứa trẻ.

Cuộc bao vây Tyre bắt đầu bằng việc phá hủy các khu vực cũ của thành phố trên đất liền để

lấy vật liệu xây dựng con đập cao đến đảo. Alexander sau đó đã cử các nhóm vào sâu trong núi để chặt cây tuyết tùng làm cột mà các kỹ sư sẽ cần cắm xuống đáy biển. Anh cũng sai sứ giả đến gặp thầy tế lễ tối cao ở Jerusalem để yêu cầu tiếp viện cho anh tại Tyre. Anh thông báo cho những người Do Thái biết món quà mà họ đã trả cho Darius trước đây sẽ thuộc về anh. Alexander khuyên nếu ông[thầy tế lễ tối cao] có bất kỳ sự do dự nào, thì ông ta nên yên tâm việc lựa chọn tình bạn với người Macedonia sẽ có lợi hơn cho ông ta.

Lúc đầu, việc xây dựng con đập cao diễn ra tốt đẹp. Nước gần bờ cạn và không khó để lùa cọc xuống bùn mềm. Khoảng trống giữa những tấm gỗ được lấp đầy từ những đống đổ nát, tạo nền tảng vững chắc cho một con đường rộng ra biển. Con đập cao sẽ phải chịu sức nặng của hàng nghìn người và máy móc, vì vậy việc xây dựng nó đã được chăm chút kỹ lưỡng. Alexander có mặt hàng ngày, trao đổi với các

kỹ sư, khuyến khích quân lính và tự mình vác đá ném xuống biển.



Người Tyre thấy tất cả những điều này thật thú vị. Khi thời tiết thuận lợi, họ sẽ chèo những chiếc thuyền nhỏ đến chỗ quân Macedonia ngay ngoài tầm bắn của mũi tên và chế nhạo những người lính. Họ hét lên rằng những người lính nổi tiếng như vậy giờ đã trở thành những con la mang gánh nặng trên lưng, đúng là lũ lừa. Họ hỏi Alexander có nghĩ mình là Poseidon, vị thần của biển cả. Nhưng khi con đường tiến triển đều đặn tuần này qua tuần khác, tiếng cười của người tuổi Tyre không còn

nữa. Họ vẫn không tin người Macedonia có thể đến được hòn đảo, vì họ đã đến phần sâu nhất và công việc đã chậm lại đáng kể, nhưng người Tyre bắt đầu lo lắng con đập đắp cao có thể đến đủ gần để Alexander tiếp cận tường thành bằng pháo binh của mình. Đáp lại, họ sơ tán một số phụ nữ và trẻ em đến Carthage. Sau đó, họ bắt đầu nỗ lực phối hợp để cản trở dự án xây dựng bằng mọi cách có thể. Người Macedonia bây giờ đã ở trong tầm bắn từ các bức tường thành cao của thành phố, vì vậy người Tyre đã bắn vào họ từ trên cao không ngừng. Vì người Macedonia phải bỏ áo giáp vì công việc, họ rất dễ bị thương. Một số mũi tên được nhúng dầu và đốt cháy bất kỳ thiết bị nào bắn trúng. Người Tyre còn cho thuyền nhỏ ra gần con đập để bắn quân lính đang xây dựng. Đáp lại, Alexander ra lệnh cho các tòa tháp được đặt trên con đập do các cung thủ điều khiển để tấn công lại. Anh cho che các tòa tháp này bằng da để chặn các mũi tên từ tường thành và cho phép người của mình làm việc an toàn.



Đáp lại, những người Tyre khéo léo đã tạo ra một trò chơi gây cháy. Họ tìm thấy một con tàu vận chuyển kỵ binh cũ và chất đầy gỗ khô mà họ có thể nhồi nhét vào nó. Sau đó, họ nâng thành tàu và thêm gỗ vụn, mùn cưa, và bất cứ thứ gì khác dễ cháy, nhét lưu huỳnh vào các vết nứt và đổ cao su lên trên. Họ đã lắp những chiếc vạc chứa đầy chất lỏng dễ cháy lên cột buồm. Sau đó, họ bổ sung thêm chấn lưu vào đuôi tàu để nâng mũi tàu lên cao nhằm tạo điều kiện cho con tàu đang tăng tốc lao lên con đập cao khi nó va vào.

Họ đợi cho đến khi có một cơn gió mạnh thổi về phía con đập và sau đó phóng con tàu được kéo bởi một vài chiếc thuyền về phía trước. Khi người Macedonia nhìn thấy con tàu rất lạ này đang tiến đến, họ không hiểu tại sao người Tyre lại muốn tấn công họ bằng một chiếc thuyền lớn. Sau đó, họ bắt đầu lo lắng khi con tàu tiến lại gần hơn với ngọn lửa bắt đầu bùng lên từ boong của nó. Thủy thủ đoàn trên tàu đã nhảy xuống và bơi về phía những chiếc thuyền nhỏ đang chờ sẵn. Với con tàu rực lửa lao về phía mình, tất cả những gì mà người Macedonia khiếp sợ có thể làm là bỏ chạy. Ngay khi con tàu bay lên con đập cao và lao vào tháp, các cột buồm bị đốt cháy và thả những chiếc vạc xuống đống lửa bên dưới. Khi chất lỏng chạm vào ngọn lửa, nó bùng nổ thành một địa ngục lửa dữ dội không giống bất cứ thứ gì mà người Macedonia từng thấy. Con đập chìm trong lửa và những ngọn tháp cháy như diêm. Bất kỳ người thợ xây không may nào vẫn còn sống đều bị các cung thủ người Tyre hoặc các nhóm đột kích lao vào

giết hại. Đúng như những gì các vị thần mong muốn, đêm đó có một cơn bão khủng khiếp ập đến khiến con đập bị hư hỏng, làm lỏng các cọc và làm trôi hàng tấn đất đá và gạch vụn xuống nước. Đến sáng hôm sau, hàng tháng trời vất vả đã biến mất dưới đáy biển.

Khi Alexander khảo sát đống đổ nát, anh tự tranh luận với bản thân mình nên làm gì tiếp theo. Mỗi ngày anh trì hoãn ở Tyre có nghĩa là Darius có thêm thời gian để thu thập một đội quân lớn hơn. Nhưng nếu anh bỏ mặc Tyre, nó sẽ tiếp tục phục vụ như một căn cứ cho hải quân Ba Tư và thậm chí tệ hơn, nó như một biểu tượng rõ ràng cho sự thất bại của anh. Do đó, anh quyết định bắt đầu lại trên một quy mô lớn hơn với một con đập rộng hơn và bảo vệ nhiều hơn cho người của mình. Tuy nhiên, bây giờ anh biết sẽ không thể chiếm thành phố chỉ với các kỹ sư và bộ binh. Anh phải có tàu để chinh phục Tyre.

Sau khi tiếp tục xây dựng trên phần còn lại của con đập cũ bị hỏng, anh dẫn một số người của

mình trở lại Sidon để thu thập bất cứ chiếc thuyền nào có thể tìm thấy. Chính ở đó vận may của anh bắt đầu thay đổi. Các vị vua của Phoenicia tại Sidon và Marathus, khi nghe tin Alexander hiện đang nắm giữ các thành phố của họ, đã đào ngũ khỏi hạm đội của Darius ở Aegean và lên đường trở về nhà để gia nhập lực lượng Macedonia. Điều này đã bổ sung tám mươi chiếc thuyền và thủy thủ đoàn của họ vào hải quân của anh. Trong vài ngày tiếp theo, các con tàu khác đến từ đảo Rhodes của Hy Lạp, các thành phố Soli và Mallus của người Cilicia, các thành phố từ bờ biển Lycia, và thậm chí năm mươi con tàu từ Macedonia do Proteas, con trai của bảo mẫu thời thơ ấu của Alexander chỉ huy. Ngay khi nhà vua đang chào đón những con thuyền này, anh nhìn thấy một đoàn tàu từ Síp đang tiến vào bến cảng Sidon. Các vị vua của Síp đã quyết định người Ba Tư là bên thua cuộc và cầu xin Alexander chấp nhận sự phục vụ của họ. Anh vui mừng tha thứ cho mọi vi phạm trong quá

khứ, đặc biệt là hiện nay anh có hơn hai trăm tàu chiến theo ý mình.

Đầu tiên, Alexander quyết định thực hiện một cuộc tấn công nhanh chóng chống lại những người bản địa A Rập ở vùng núi gần đó, những người đang dẫn đầu một chiến dịch du kích chống lại các đội đốn gỗ. Anh cần những cái cây đó để đóng cọc và làm máy vây hãm, không muốn để các lữ đoàn vùng cao phá hỏng kế hoạch của mình. Anh đã đích thân dẫn đầu một đội chiến binh Thracia và cung thủ khó khăn băng qua thung lũng Beqa'a xinh đẹp để chấm dứt cuộc đột kích. Đó là kiểu chiến đấu trên núi mà cả anh và các chiến binh Thracia đều thích thú. Vì một lý do nào đó không rõ, gia sư cũ của Alexander, Lysimachus, người đã đi cùng đoàn thuyền từ Macedonia, hỏi liệu ông có thể đi cùng không, đảm bảo với nhà vua rằng ông không yếu hơn Phoenix, người thầy lớn tuổi của Achilles, người đã cùng học trò của mình đến thành

Troy. Alexander hẳn đã cười, nhưng anh có một chút mềm lòng với ông già và đồng ý.

Quân đội phi nhanh vào núi, nhưng buộc phải bỏ ngựa lại khi địa hình quá dốc. Họ tiến lên vùng cao, nhưng Lysimachus gặp khó khăn trong việc theo kịp. Alexander đã cử những người còn lại đi trước vào ngày đầu tiên để cắm trại, còn mình ở lại với một số ít bạn bè đi bên cạnh vị gia sư già. Nhà vua khuyến khích Lysimachus và giúp ông lên những con đường mòn, nhưng khi màn đêm buông xuống, họ đã cách xa nhóm chính và bị lạc trong núi. Bây giờ đã là mùa xuân, nhưng khi bóng tối buông xuống, nhiệt độ giảm nhanh. Vì lều và dụng cụ bắt lửa đã đưa cho nhóm đi trước nên giờ đây họ không thể dựng trại và nhóm lửa. Một nhóm nhỏ người Macedonia xúm lại với nhau khi nhà vua cố gắng tuyệt vọng để giữ cho người thầy lớn tuổi của mình khỏi chết cóng. Rồi từ xa Alexander nhìn thấy ánh sáng của một ngọn lửa trại. Anh rời Lysimachus và tự mình băng qua những tán cây để hướng tới

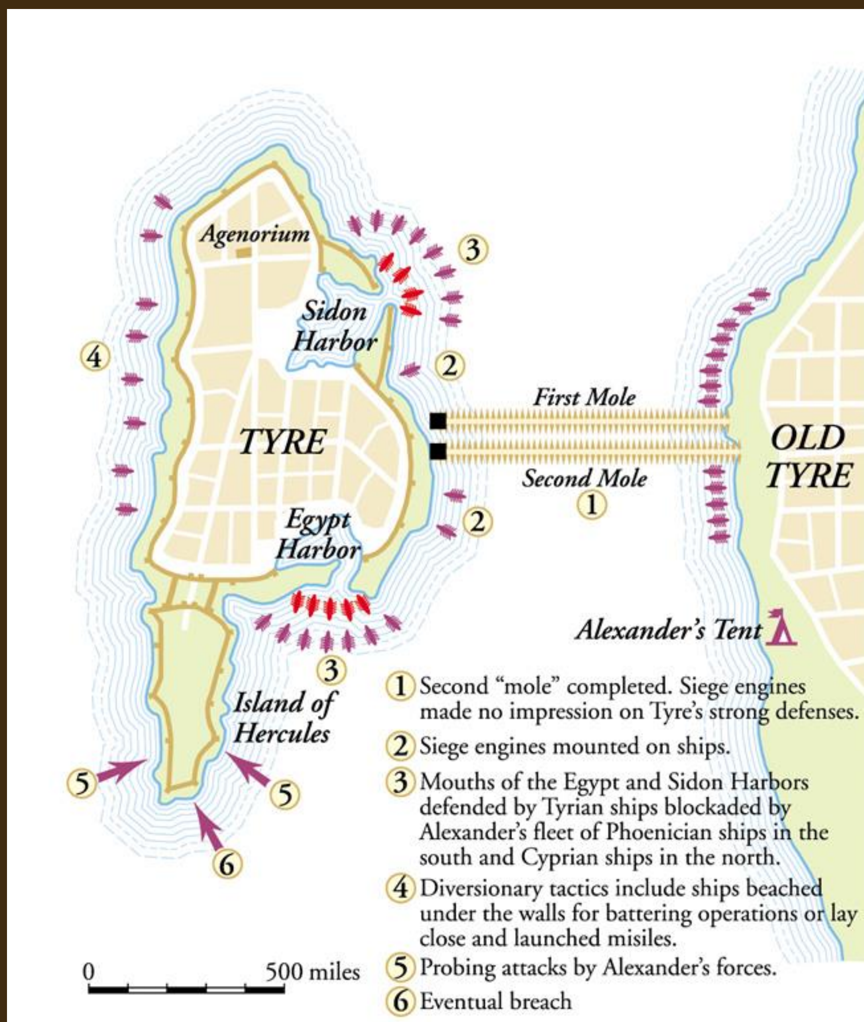
ánh sáng phía trước. Khi đến gần, anh thấy có hai người đàn ông đang thức canh, cùng với một đám cướp A Rập đang say ngủ. Với sự cẩn thận tối đa, Alexander một mình len lỏi đến phía sau những người lính gác và âm thầm cắt cổ họ. Sau đó anh lấy trộm một cây củi từ đống lửa mà không đánh thức bất kỳ ai đang ngủ quanh đó. Di chuyển nhanh nhất có thể xuyên qua bóng tối, anh quay lại và nhóm một đống lửa lớn. Những người A Rập thức dậy và nhìn thấy ngọn lửa gần đó, nhưng bỏ chạy vì nghĩ một lực lượng lớn đã bất ngờ phát hiện ra họ. Alexander đã dành phần còn lại của đêm bên cạnh Lysimachus, sưởi ấm cho người thầy cũ và gợi ý lần sau ông nên ở lại thành phố.

Khi Alexander quay trở lại Sidon sau khi đánh bại các cánh quân A Rập trên đồi, anh thấy bốn nghìn lính đánh thuê Hy Lạp đang chờ lệnh của mình. Anh đã cử Cleander đến tuyển mộ họ hơn một năm trước đó, nhưng người Macedonia không dư dả cho đến khi đánh bại Darius tại Issus. Giờ đây, với chiến thắng lẫy

lừng và rất nhiều vàng trong kho, Alexander không gặp khó khăn gì khi chiêu mộ binh lính chuyên nghiệp từ Hy Lạp. Nhà vua cho tất cả mọi người lên tàu mới của mình và lên đường đến Tyre. Chiến tranh trên biển là một điều mới lạ đối với Alexander, nhưng anh đã tiếp cận nó như một thủy thủ bẩm sinh. Anh đặt các đội tàu Síp và Phoenicia ở bên trái gần đất nhất và nắm quyền chỉ huy ở bên phải, với tàu Macedonia mới đến đóng vai trò là chủ hạm.

Người Tyre đã nghe tin Alexander tuyển mộ một hạm đội ở Sidon, nhưng họ không nghi ngờ gì rằng họ có thể vượt qua bất kỳ đội quân nào mà người Macedonia đưa tới. Họ bố trí hạm đội của mình ở phía bắc hòn đảo để tấn công mạnh mẽ vào những con tàu mà Alexander gửi đến. Điều họ không ngờ là buổi sáng mùa xuân đó có hơn hai trăm tàu chiến tấn công thành phố. Alexander khao khát một trận chiến trên biển, nhưng đô đốc Tyre phụ trách ra hiệu cho hạm đội của ông nhanh chóng rút lui vào bến cảng được bảo vệ ở phía

bắc thành phố. Người Macedonia thấy thuyền Tyre quay về và đuổi theo xem ai có thể đến bến cảng trước. Đó là một cuộc đua sát nút, người Tyre đã hy sinh ba chiếc thuyền để ngăn chặn bước tiến của Alexander và cho phép phần còn lại của hạm đội tiến vào thành phố an toàn. Sau đó, họ chặn cái miệng hẹp của cảng phía bắc bằng những chiếc thuyền hướng ra ngoài, tạo thành một bức tường chắn ngang lối vào của bến cảng. Cố gắng hết sức, Alexander không thể đột phá và chiếm thành phố từ bên trong như anh đã hy vọng, vì vậy anh quyết định điều tốt nhất tiếp theo là phong tỏa cả bến cảng phía bắc và phía nam hướng về phía Ai Cập. Trừ khi họ có thể tìm thấy một lối thoát, hạm đội chiến đấu lớn của Tyre đã bị mắc kẹt.



Các kỹ sư của Alexander đã làm việc suốt ngày đêm khi anh đi vắng và giờ đây họ đã nỗ lực gấp đôi để sửa chữa và mở rộng con đập cao. Đã có những bước lùi, chẳng hạn như một cơn bão mạnh ập vào, xé toạc công trình mới. Cơn bão cũng kéo theo một khối kỳ lạ mà một

sử gia cổ đại gọi là quái vật biển khổng lồ. Nó tựa như một khối nhà lớn trôi lên một lúc rồi bơi ra biển. Đây có lẽ là một con cá voi, không hiếm gặp ở Địa Trung Hải, nhưng chắc chắn là một sinh vật không quen thuộc với những người đàn ông sinh ra trên núi trong quân đội của Alexander. Mê tín và hy vọng như mọi khi, cả người Macedonia và người Tyre đều coi sự xuất hiện của con quái vật như một dấu hiệu cho thấy Poseidon đứng về phía họ.



Sau nhiều tuần lao động liên tục dưới sự che chở của các tháp bảo vệ được cải tiến, cuối cùng con đập đã đủ gần để Alexander tiếp cận các bức tường thành của Tyre bằng máy bắn của mình. Anh tung những cú ném đá cực mạnh xuống tường thành. Đồng thời, cho đặt những chiếc xà ngang lên các con thuyền của mình và che chúng bằng những tấm chắn chắc chắn bên trên. Họ đập những bức tường thành hướng ra biển của thành phố ngay cả khi quân phòng thủ Tyre đối diện đang đẩy những tảng đá khổng lồ xuống.



Tuy nhiên, người Tyre cũng biết cách chống trả. Người dân thành phố bắn những mũi tên lửa vào quân Macedonia để giữ họ tránh xa các bức tường. Họ nung những tấm khiên lớn đầy cát cho đến khi bên trong có màu đỏ rực, rồi dội xuống những người lính. Cát nóng xâm nhập vào các tấm lót ngực của những người lính khiến ngực họ nóng ran. Những người lính cởi áo giáp để đáp trả, nhưng sau đó họ rất dễ bị các cung thủ trên bức tường phía trên tấn công. Người Tyre cũng thiết lập các bánh xe quay trên tường với các nan quay nhanh chóng bắn các mũi tên đi nhiều hướng. Những người thợ rèn của thành phố đã rèn ra những chiếc đinh ba gai được buộc vào những sợi dây thừng mà quân phòng thủ phóng ra chống lại lá chắn của quân Macedonia, kéo lá chắn ra và khiến những người tấn công mất chỗ che chắn. Một số ném lưới đánh cá xuống để nhấn chìm và vô hiệu hóa người của Alexander. Người dân thành phố còn bố trí những tấm màn lớn bằng da thú để làm giảm lực của những tảng đá bay tới từ máy phóng. Các thợ lặn được cử

đến để cắt dây thừng của các con tàu Macedonia cho đến khi Alexander ra lệnh thay dây thừng bằng dây xích. Lưỡi hái được đặt ở phía biển để tránh bất kỳ người Macedonia nào đến gần. Các xưởng của Tyre luôn bận rộn ngày đêm sản xuất những thứ này và những dụng cụ chiến tranh khéo léo khác để sử dụng chống lại quân của Alexander.

Tuần này qua tuần khác, các cuộc tấn công và phòng thủ tiếp tục mà không bên nào có thể tiến bước. Người Tyre, để đảm bảo các vị thần vẫn đứng về phía họ, đã buộc các bức tượng của họ trong các ngôi đền trên đảo bằng dây xích vàng. Các thủy binh của thành phố đã dũng cảm để phá vỡ và tấn công hạm đội Macedonia, nhưng bị đuổi trở lại cảng. Người dân Tyre cuối cùng đã đặt hy vọng vào một lực lượng cứu trợ từ thành phố Carthage – đồng minh của họ. Nhưng một nhóm đại sứ gồm ba mươi người từ Carthage bằng cách nào đó đã tiến vào bên trong các bức tường để thông báo cho các trưởng lão rằng đáng tiếc

là họ đang tham gia vào một cuộc chiến tranh bắt buộc ở phía tây chống lại thành phố Syracuse của Sicilia và không thể giúp gì cho Tyre.

Đã gần một năm kể từ trận chiến Issus và hơn sáu tháng đã trôi qua một cách lãng phí mà không có chiến thắng trước Tyre. Alexander giờ đây đã tổ chức sinh nhật lần thứ hai mươi tư với quyết tâm chiếm thành trì mới bằng bất cứ giá nào. Sau đó, khi tháng bảy nóng như thiêu đốt kết thúc, con đập cao cuối cùng đã đến được hòn đảo.

Alexander cho người của mình hai ngày để nghỉ ngơi, sau đó mở một cuộc tấn công lớn vào thành phố từ mọi phía. Các ngọn tháp đã được lăn xuống để đứng sẵn sàng với những cây cầu vươn qua các bức tường, nhưng bước đột phá ban đầu đến bằng đường biển chứ không phải đường bộ. Nhà vua lên con tàu dẫn đầu và ra lệnh cho hạm đội tấn công các bức tường hướng biển xung quanh thành phố tại mọi điểm để người Tyre không biết phải tập

trung phòng thủ vào đâu. Cuối cùng, một trong những con tàu bọc thép của anh đục thủng một lỗ trên tường, cho phép một chiếc tàu nhỏ neo đậu tại khoảng trống. Đội tấn công được dẫn đầu bởi một sĩ quan dũng cảm tên là Admetus, người đã dẫn quân đột nhập vào thành. Admetus sớm bị hạ, nhưng quân lính vẫn tiếp tục đổ vào chỗ trống trên tường, bao gồm cả chính Alexander, người đầu tiên lên đỉnh tường thành. Người Tyre chống lại bằng tất cả những gì họ có thể, nhưng những con tàu khác đã lợi dụng sự mất tập trung của họ để vượt qua những chiếc thuyền chắn ngang hai bến cảng và tiến vào trung tâm thành phố. Sau đó, hàng loạt quân di chuyển xuống con đập cao và lên các tháp để vào thành.

Sự dữ dội của cuộc tàn sát khiến người ta choáng váng. Người Macedonia đã mất bảy tháng dài lao lực để chiếm lấy thành phố cứng đầu. Họ đã từng chứng kiến nhiều người bạn của mình bị đè bẹp bởi đá ném từ tường thành

hoặc chết cháy bởi lửa. Họ tức giận, kiệt sức và căm thù người Tyre vì đã đưa họ xuống địa ngục. Alexander thậm chí không cố gắng giữ họ lại vì quân lính giết mọi người, đàn ông, phụ nữ và trẻ em. Người Tyre đã chống trả với sự tuyệt vọng. Hàng ngàn người chết trong vài giờ đầu tiên sau cuộc tấn công. Một số trốn tại một ngôi đền dành riêng cho Agenor, người sáng lập huyền thoại của Tyre. Alexander tự mình dẫn đầu cuộc tấn công chống lại họ và giết tất cả những người bảo vệ. Nhưng lúc đó cơn khát máu của người Macedonia đã nguội dần và những công dân vẫn còn sống đã bị bắt làm nô lệ, tổng cộng là khoảng ba mươi nghìn người. Một số ít người vào được đền thờ Hercules để tìm kiếm nơi tôn nghiêm đã được nhà vua tha, kể cả các sứ thần người Carthage. Nhưng hai nghìn người đàn ông trong độ tuổi chiến đấu bị bắt trong cuộc tấn công đã bị đưa đến một bãi biển trên đất liền đối diện với thành phố và bị đóng đinh - hình thức chết đau đớn nhất được biết đến trong thế giới cổ đại. Giờ đây, cuối cùng, thành phố đã bị chiếm đoạt

và tang lễ được tiến hành cho nhiều người Macedonia đã ngã xuống ở đó, Alexander đi bộ đến trung tâm thành phố đổ nát và dâng lễ cúng tế đã bị trì hoãn từ lâu của mình tại đền thờ Hercules.

Alexander và quân đội vui mừng bỏ lại đống đổ nát của Tyre khi họ tiếp tục cuộc hành quân xuống bờ biển Địa Trung Hải. Con đập cao mà họ đã dày công xây dựng chẳng bao lâu bắt đầu tích tụ phù sa và cát, đã bồi đắp và phát triển trở thành một dải đất nối liền đảo Tyre trước đây với bờ biển.



Bờ biển của Palestine đang rực rỡ dưới ánh nắng mùa hè khi quân Macedonia tiến về phía nam. Các ghi chép cổ không đề cập đến việc Alexander đi vào nội địa qua Galilee và xuống thung lũng sông Jordan. Riêng nhà sử học Do Thái Josephus khẳng định Alexander đã đến đền thờ tại Jerusalem để tỏ lòng thành kính với thầy tế tối cao, nhưng đây gần như chắc chắn là hư cấu. Thay vào đó, người Macedonia đi con đường ngắn hơn xuống bờ biển qua Núi Carmel, sau đó đến Joppa, nơi Jonah được cho là đã lên tàu trước khi bị một con cá lớn nuốt chửng.



Jonah hay Jonas là một nhà tiên tri trong Kinh thánh Do Thái của vương quốc phía bắc Israel vào khoảng thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên. Ông là nhân vật trung tâm của Sách Jonah, trong đó ông được Chúa kêu gọi du hành đến Nineveh và cảnh báo cư dân về cơn thịnh nộ thần thánh sắp xảy ra.

Ở đâu đó dọc theo con đường khô cằn này, các sứ thần của Đại vương đã gặp Alexander với một lời đề nghị hòa bình mới. Chiến dịch của người Ba Tư tại Aegean đã sụp đổ hoàn toàn với sự đào tẩu của người Phoenicia, do đó cuộc nổi dậy hy vọng ở Hy Lạp giờ đây dường như khó xảy ra. Ngay cả khi các đại sứ Ba Tư đến trại, các sứ giả từ các thành phố Hy Lạp - tất nhiên là ngoại trừ người Sparta - đã có mặt, chúc mừng Alexander về chiến thắng. Darius mất nhiều thời gian hơn dự đoán để thu thập một đội quân từ các vùng xa xôi của đế chế. Ông ta cần ít nhất một năm nữa để chuẩn bị cho chiến tranh, vì vậy tốt nhất là câu giờ bằng cách thỏa thuận với Alexander. Do đó, Đại vương sẵn sàng tăng số tiền chuộc mà ông ta sẽ trả cho gia đình, cho phép Alexander kết hôn với con gái lớn của mình và cấp cho anh

tất cả các vùng đất phía tây sông Euphrates nếu anh kết thúc chiến dịch của mình. Darius nhắc nhở vị vua trẻ rằng Đế chế Ba Tư rộng lớn và đầy những người hiếu chiến. Nếu anh đủ ngu ngốc để cố gắng chinh phục nó, anh sẽ già đi trong nỗ lực đó - trong trường hợp không thể đánh bại quân Ba Tư trong trận chiến. Thà chấp nhận những vùng đất phía đông Địa Trung Hải như một món quà còn hơn là vứt bỏ mạng sống của mình trên một chiến trường nào đó ở Ba Tư hoặc trên những vùng đất hoang của Bactria.

Khi Alexander đọc lá thư trước hội đồng của mình, Parmenion nói nếu ông là Alexander, ông sẽ chấp nhận các điều khoản của Darius. Nhà vua nói rằng anh cũng sẽ chấp nhận chúng - nếu anh là Parmenion. Thay vào đó, Alexander viết thư lại cho Darius nói anh có tất cả số tiền cần thiết mà không cần tiền chuộc của Darius và anh có thể kết hôn với cô con gái đang bị giam lỏng của Darius bất cứ lúc nào anh muốn mà không cần sự cho phép

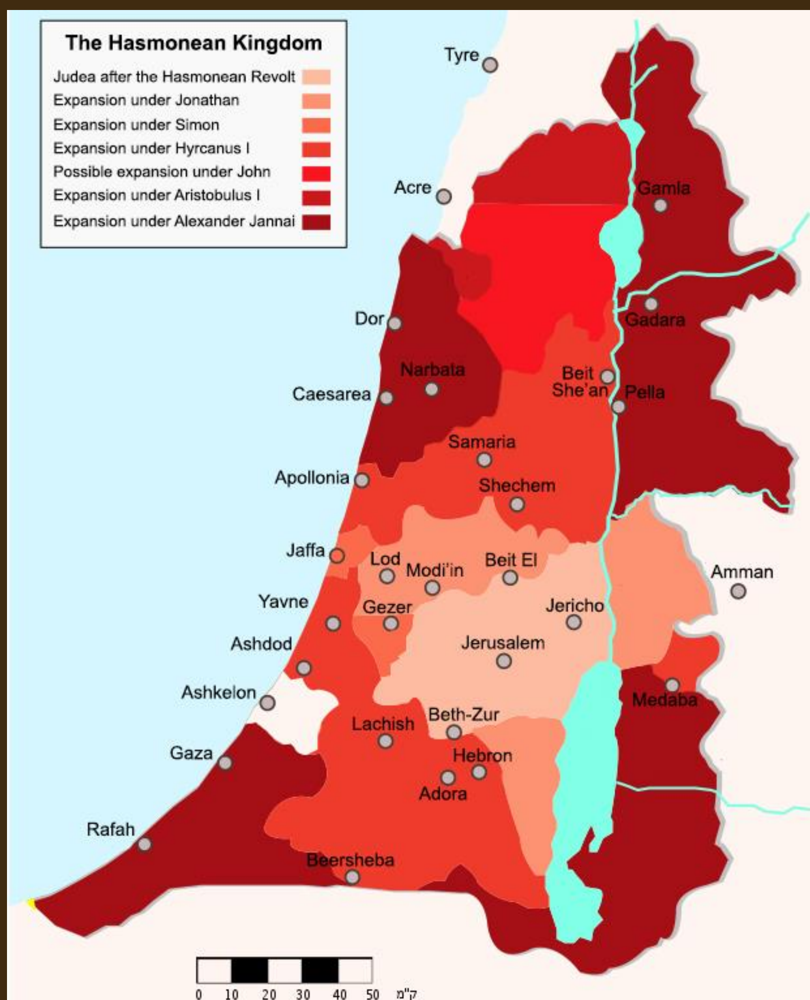
của cha cô ấy. Đối với những vùng đất mà Darius đưa ra, chúng chẳng là gì so với đế chế mà anh sắp chinh phục. Lydia, Cilicia và Phoenicia mới chỉ là khởi đầu. Đế chế Ba Tư và thậm chí cả Ấn Độ đều sẽ là của anh. Alexander gạt bỏ các sứ thần và nói lời cuối cùng dành cho Darius rằng họ sẽ sớm gặp lại trên chiến trường.

Trở ngại duy nhất còn lại đối với Alexander trong hành trình đến Ai Cập là thành phố pháo đài Gaza trên vùng đồng bằng ven biển ở rìa sa mạc Negev. Giống như Troy, nó là một thành phố cổ trên đỉnh đồi gần biển. Kể từ thời của người Philistines, nó đã thống trị giao thương của các đoàn lữ hành vào sâu trong A Rập. Vàng, nhũ hương và myrh đều được bán qua các chợ của nó, nơi Herodotus coi là một trong những chợ lớn nhất ở châu Á.

Myrh là mộc dược, là nhựa thơm lấy từ một số loài cây nhỏ, có gai thuộc chi Commiphora, như C. myrrha, C. gileadensis. Đây là một loại gôm tự nhiên, có thể chiết lấy tinh dầu gọi là oleoresin. Xuyên suốt dòng lịch sử, mộc dược đã được sử dụng làm nước hoa, hương đốt và dược phẩm.



Gaza từng được cai trị bởi các pharaoh, nhưng đã lần lượt được chuyển giao cho người Assyria, người Babylon và cuối cùng là người Ba Tư. Thống đốc của Đại vương tại Gaza, một hoạn quan tên là Batis, tin người Macedonia không thể chiếm thành phố của ông ta. Đằng sau những bức tường cao, ông có rất nhiều nước và ngũ cốc để duy trì một cuộc vây hãm lâu dài. Hơn nữa, ông ta đã thuê những lính đánh thuê A Rập cứng rắn để chiến đấu trên sa mạc. Bất chấp sự thành công của Alexander tại Tyre và những hậu quả khủng khiếp đối với cư dân của nó, Batis đã thách thức Alexander chiếm Gaza.



Khi nhà vua và các kỹ sư đi vòng quanh thành phố vào ngày đầu tiên, họ phải thừa nhận rất khó để chiếm được. Thành phố nằm cao hơn vùng đồng bằng đến nỗi các động cơ vây hãm của Macedonia không thể tiếp cận các bức tường. Vì vậy, Alexander đã chỉ huy người của

mình xây dựng một gò đất xung quanh thành phố bằng với chiều cao của nó. Khi hoàn thành, anh sẽ đặt các tòa tháp trên thành lũy này và xông vào thành phố. Đó là một nhiệm vụ to lớn đối với những người lính, những người vừa trải qua hàng tháng trời để xây dựng một con đập cao vượt biển đến Tyre, nhưng họ đã làm theo lệnh.

Vào một buổi sáng khi Alexander đang cúng tế bên dưới thành phố, một con chim săn mồi đã sà vào người anh và đánh rơi một viên đá mà nó đang mang trên móng. Nhà vua quay sang nhà tiên tri Aristander để giải thích điềm báo này. Nhà tiên tri già nói Alexander sẽ chiếm thành phố, nhưng anh không được chiến đấu vào ngày hôm đó. Nhà vua miễn cưỡng tuân theo ý muốn của các vị thần, nhưng khi những người lính đánh thuê A Rập đột kích bất ngờ chống lại quân Macedonia vào chiều hôm đó, Alexander không thể không lao ra tiền tuyến. Anh gần như ngay lập tức bị trúng một mũi tên bắn ra từ một máy

phóng xuyên qua khiên và áo giáp vào vai. Nhà vua nguyền rủa nhưng ra lệnh băng bó vết thương và tiếp tục cuộc chiến, ít nhất là cho đến khi anh gục xuống bất tỉnh vì mất nhiều máu. Batis và người dân Gaza mừng rỡ, tưởng anh đã bị giết.

Alexander chưa chết, nhưng anh rất tức giận. Cuối cùng khi các tháp bao vây mà anh sử dụng ở Tyre đến bằng tàu thủy, nhà vua đã ra lệnh cho các kỹ sư đặt chúng vào vị trí trên các mô đất mà họ đã xây dựng. Quân Macedonia sau đó đã mở một cuộc tấn công lớn vào thành phố nhưng đã bị quân phòng thủ đẩy lùi ba lần. Sau đó, Alexander, bất chấp vai bị băng bó, đã dẫn quân tấn công lần thứ tư, cuối cùng đã chọc thủng tường thành. Người dân Gaza đã chiến đấu anh dũng chống lại quân xâm lược như những người dân ở Tyre, nhưng họ không thể chống lại sự cuồng nộ của người Macedonia. Tất cả những người đàn ông ở Gaza đều chết tại các chốt bảo vệ thành phố, phụ nữ và trẻ em bị bắt và bán làm nô lệ. Batis

bị thương nặng nhưng vẫn thách thức được đưa đến trước Alexander, người đã đe dọa ông ta bằng những hình phạt tàn nhẫn nếu không chịu cúi đầu trước anh. Viên thái giám chỉ nhìn nhà vua với vẻ khinh thường. Sau đó, Alexander trong cơn tức giận đã làm một việc kinh khủng đến nỗi hầu hết các sử gia cổ đại đều bỏ qua phần này. Trong Iliad, Achilles đã lấy xác của đối thủ thành Troy bị giết của mình là Hector và kéo nó quanh trại Hy Lạp sau một cỗ xe. Alexander bây giờ đã bắt Batis, vẫn còn sống, dùng dây da buộc vào cổ chân, trói ông ta vào cỗ xe của mình, và kéo qua sa mạc đá quanh thành phố Gaza cho đến khi chết.

Alexander triệu tập các bộ lạc Bedouin địa phương để xây dựng lại và tái định cư Gaza như một pháo đài, lần này thuộc quyền kiểm soát của Macedonia. Anh đưa hạm đội của mình đi trước, sau đó cùng quân đội tiến vào các sa mạc ven biển phía bắc Sinai. Đó là tháng mười một, nên thời tiết mát mẻ, dễ chịu, nhưng vẫn có những khó khăn. Trên đường đi

rất khan hiếm nước và những con đường quanh hồ Serbonis nước lợ ở đoạn cuối cùng nổi tiếng với cát lún. Nhưng sáu ngày sau khi rời Gaza, Alexander đến thành phố biên giới Pelusium. Ở đây gần hai thế kỷ trước đó, vua Ba Tư Cambyses, con trai của Cyrus Đại đế, đã đánh bại đội quân của pharaoh. Herodotus nhìn thấy xương của cả hai bên vẫn còn tẩy trắng trong ánh nắng mặt trời khi ông đến thăm nhiều năm sau đó. Tại Pelusium, nhánh cực đông của sông Nile chảy vào Địa Trung Hải. Và chính tại đây, Alexander đã tiến vào Ai Cập, vùng đất sẽ thay đổi cuộc đời anh mãi mãi.



Sông Nile (tiếng A Rập: النيل, an-nīl, tiếng Ai Cập cổ đại: iteru hay Ḥ'pī - có nghĩa là sông lớn), là dòng sông thuộc châu Phi, là sông chính của khu vực Bắc Phi, thường được coi là con sông dài nhất trên thế giới, với chiều dài 6.853 km và đổ nước vào Địa Trung Hải, tuy vậy có một số nguồn khác dẫn nghiên cứu năm 2007 cho rằng sông này chỉ dài thứ hai sau sông Amazon ở Nam Mỹ. Sông Nile được gọi là sông “quốc tế” vì lưu vực của nó bao phủ 11 quốc gia gồm Tanzania, Uganda, Rwanda, Burundi, Cộng hòa Dân chủ Congo, Kenya, Ethiopia, Eritrea, Nam Sudan, Sudan và Ai Cập.

Đây là dòng sông có ảnh hưởng nhất ở châu Phi, gắn liền với sự hình thành, phát triển và lụi tàn của nhiều vương quốc cổ đại, góp phần tạo dựng nên nền Văn minh sông Nile.


ALEXANDRIA
CAIRO
NILE
EGYPT
LUXOR
ASWAN
LAKE NASSER
KHARTOUM
SUDAN
ERITREA
BLUE NILE
LAKE TANA
GRAND ETHIOPIAN RENAISSANCE DAM
ETHIOPIA
SOUTH SUDAN
WHITE NILE
JUBA
UGANDA
LAKE ALBERT
DEMOCRATIC REPUBLIC OF CONGO
JINJA
KENYA
RWANDA
BURUNDI
LAKE VICTORIA
TANZANIA

Sông Kagera đổ vào hồ Victoria gần thị trấn Bukoba của Tanzania là nguồn cung cấp nước dài nhất (mặc dù các nguồn tài liệu khác nhau không công nhận nó là nhánh dài nhất) và là nguồn xa nhất của sông Nile. Nguồn khác là Sông Ruvyironza từ tỉnh Bururi, Burundi, hoặc Nyabarongo chảy từ rừng Nyungwe ở Rwanda. Hai nguồn cung cấp này gặp nhau tại thác Rusumo tại ranh giới của Rwanda-Tanzania.

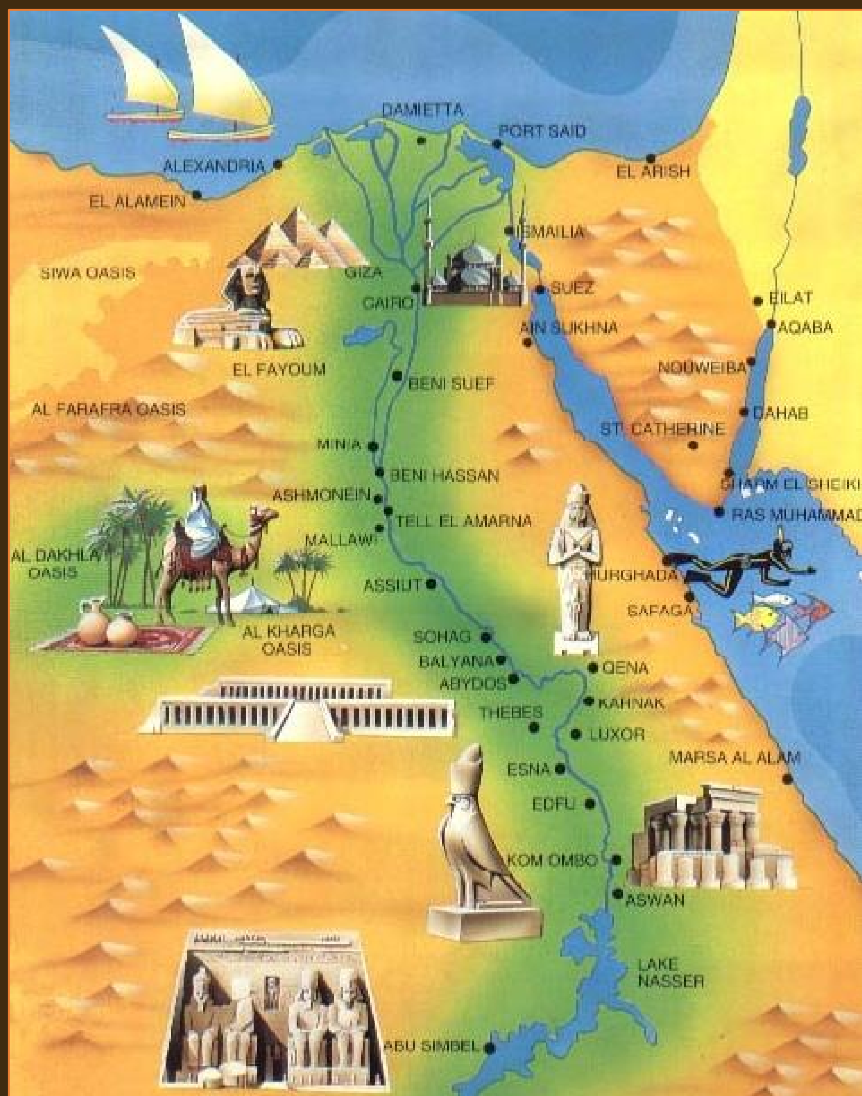
Năm 2010, một nhóm khảo sát đã đến đây miêu tả về nguồn của nhánh Rukarara, và đi theo một con đường trên sườn núi đã tìm thấy (trong mùa khô) nguồn nước lộ ra chảy nhiều dặm ở phía thượng lưu, và đã tìm thấy nguồn mới, do đó chiều dài sông Nile là 6.758 km. Vịnh Gish được xem là nơi có "nước thánh" vì chảy giọt nước đầu tiên của sông Nile.

Nile Trắng

Sông Nile có hai nguồn chính, quan trọng nhất là sông Nile Trắng bắt nguồn từ vùng xích đạo Đông Phi, rồi đến sông Nile Xanh bắt nguồn từ Ethiopia. Hồ Victoria, nằm giữa Uganda, Kenya và Tanzania, được xem là nơi bắt nguồn của dòng sông Nile trắng.

Nile Xanh

Sông Nile Xanh bắt nguồn từ Hồ Tana trên vùng cao nguyên của Ethiopia. Dòng Nile Xanh chảy được khoảng 1.400 km (850 dặm) tới Khartoum thì hai dòng Nile Xanh và Nile Trắng gặp nhau, hợp lưu tạo nên sông Nile. Phần lớn nguồn nước của sông Nile được cung cấp từ Ethiopia, chiếm khoảng 80-85% lưu lượng lệ thuộc vào mùa. Mùa mưa diễn ra vào mùa hè khi nhiều trận mưa rào trút xuống, góp nước cho sông Nile.



Đoạn sông Nile ở phía Bắc chủ yếu chảy qua sa mạc. Phần lớn cư dân Ai Cập, ngoại trừ một số dân cư ven biển, sống dọc theo bờ sông Nile bắt đầu từ phía bắc thành phố Aswan. Di tích nền văn minh Ai Cập cổ đại cũng tập trung dọc theo hai bên bờ sông Nile.

AI CẬP

KHI VIẾT VỀ AI CẬP, TÔI SẼ PHẢI MÔ TẢ NHIỀU HƠN BÌNH THƯỜNG VÌ ĐẤT NƯỚC NÀY CÓ NHIỀU ĐIỀU KỲ DIỆU HƠN CÁC VÙNG ĐẤT KHÁC.

HERODOTUS

Hầu hết mọi thứ Alexander biết về Ai Cập đều đến từ các tác phẩm của Herodotus, nhà sử học Hy Lạp ở thế kỷ trước, người đã viết về những điều ông nhìn thấy dọc sông Nile trong chuyến du hành của mình, cũng như ghi lại một số sự kiện và những câu chuyện truyền kỳ có tính chất khó hiểu hơn. Herodotus biết thung lũng sông Nile ngập lụt hàng năm, bồi đắp phù sa cho những cánh đồng màu mỡ ở hai bên sông, nhưng ông không biết tại sao điều này lại xảy ra. Ông viết một vị pharaoh trước đó đã phát hiện ra ngôn ngữ gốc của loài người bằng cách nhốt hai đứa trẻ sơ sinh giữa những người câm lặng cho đến khi chúng thốt ra từ đầu tiên, có lẽ sẽ có trong ngôn ngữ của tổ tiên chúng ta (đó là bekos, từ Phrygian có

nghĩa là "bánh mì"). Herodotus cũng ghi lại người Ai Cập tôn kính mèo và thường xuyên ướp xác chúng. Ông nói quá về kích thước của cá sấu sông Nile, nhưng cho rằng có thể bắt chúng bằng cách dùng một con lợn nhỏ làm mồi.

Cá sấu là một mối nguy hiểm thực sự đối với người Ai Cập và cũng giống như những loài động vật nguy hiểm khác, được ban cho địa vị thần thánh (trong trường hợp của họ là thần Sobek) với hy vọng đổi lại chúng sẽ không tấn công con người. Cá sấu sông Nile có thể dài tới 6m, và có nhiều câu chuyện kể về việc người Ai Cập cổ đại bị chúng giết chết.



Ông bị mê hoặc bởi các kim tự tháp và kể lại câu chuyện mà ông nghe được từ các thầy tu Ai Cập về cách chúng được xây dựng. Ông đặc

biệt quan tâm đến tôn giáo Ai Cập, tuyên bố người Hy Lạp đã học được nhiều nghi lễ thiêng liêng của họ từ Ai Cập. Ông cũng viết về nguồn gốc thần thánh của lời tiên tri vĩ đại của thần Zeus-Ammon ở ốc đảo phía tây xa xôi của Siwa. Alexander lớn lên đã nghe những câu chuyện về địa điểm linh thiêng này mà vua Ba Tư là Cambyses đã từng cố gắng phá hủy, chỉ để mất năm vạn quân - có lẽ trước một cơn bão cát. Đối với Alexander, Ai Cập hẳn là một vùng đất kỳ diệu và bí ẩn.

Đội quân biến mất

Vào năm 524 trước Công nguyên, vua Cambyses Đệ nhị đã gửi một đoàn quân gồm hơn 50.000 binh lính chống lại Ethiopia. Họ hành quân và san phẳng nhiều ốc đảo, nhưng rồi tất cả biến mất một cách bí ẩn mà không để lại dấu vết.

Vào tháng 11 năm 2009, hai nhà khoa học Angelo và Alfredo Castiglioni đã công bố phát hiện những tàn tích, công cụ và vũ khí của con người trong thời kỳ của quân đội Ba Tư. Theo hai nhà khoa học này thì đội quân thực chất đã bỏ mạng trên sa mạc vì gặp phải một cơn bão cát hung dữ.

Theo kết quả của cuộc khai quật tại Ốc đảo Dakhla, vào năm 2015, Olaf E. Kaper thuộc Đại học Leiden lập luận rằng đội quân mất tích không bị bỏ mạng bởi một cơn bão cát, mà bị phục kích và đánh bại bởi pharaoh Ai Cập nổi loạn, Petubastis

III. Petubastis sau đó đã bị đánh bại bởi người kế nhiệm của Cambyses, Darius I, người đã cố tình tạo nên câu chuyện về cơn bão cát để làm biến mất chiến thắng của kẻ thù Petubastis.

Ai Cập là một vương quốc cổ đại đến nỗi các kim tự tháp vĩ đại của Giza gần như lâu đời với Alexander cũng như đối với chúng ta. Những người nông dân đã sống bên bờ sông Nile trong vài nghìn năm, theo truyền thống, người Menes thống nhất các vương quốc Ai Cập ở thượng (phía nam) và hạ (phía bắc) vào cuối thiên niên kỷ thứ tư trước Công nguyên.

Giza, còn được đánh vần là Gizah, còn được gọi là Al-Jīzah hoặc El-Giza, thành phố, thủ phủ của Al-Jīzah muḥāfaẓah (thống lĩnh) ở Thượng Ai Cập, nằm trên bờ tây của sông Nile, ngay phía nam Cairo.

Nó có từ thời tiền sử. Các đồ vật thời đồ đá mới đã được tìm thấy ở đó. Phía tây nam thành phố là ba kim tự tháp lớn của các pharaoh: Khufu (Cheops), Khafre (Chephren) và Menkaure (Mykerinos), tất cả đều thuộc triều đại thứ 4 (khoảng 2575 – 2465 TCN). Do kích thước to lớn và cấu tạo chính xác, chúng đã được du khách ghé thăm trong hàng thiên niên kỷ. Các di tích khác bao gồm tượng Nhân sư, các kim tự tháp nhỏ hơn, lăng mộ và đền thờ.



Vương quốc Cổ bắt đầu vài thế kỷ sau đó với một chính phủ tập trung cao độ dưới thời các pharaoh. Chẳng bao lâu những người cai trị Ai Cập đã cho xây dựng các tượng đài lớn và thiết lập quan hệ ngoại giao với các vương quốc ở Lưỡng Hà và hơn thế nữa.

Lưỡng Hà hay Mesopotamia, là một khu vực lịch sử của Tây Á thuộc hệ thống châu thổ sông Tigris và Euphrates, nằm ở phía bắc vùng Lưỡi liềm Màu mỡ, ngày nay tương ứng với phần lớn Iraq, Kuwait, phía đông Syria, Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và các vùng dọc biên giới Thổ Nhĩ Kỳ - Syria và biên giới Iran - Iraq.

Sau sự sụp đổ của Vương quốc Cổ, có một thời kỳ cai trị bản địa hóa cho đến khi các pharaoh của Vương quốc Trung cổ thiết lập lại quyền hành trên toàn quốc. Một dân tộc được gọi là Hyksos sau đó đã giành quyền kiểm soát thung lũng phía bắc sông Nile, nhưng Vương quốc Mới đã xuất hiện vào giữa thiên niên kỷ thứ hai trước Công nguyên và mở rộng sức mạnh của nó đến tận sông Euphrates. Hatshepsut, một phụ nữ mang dòng máu hoàng gia, trị vì như một pharaoh trong thời kỳ

này, cũng như Tutankhamun và Rameses Đại đế trường tồn, nổi tiếng với những bức tượng bằng đá khổng lồ mà ông đã xây dựng tại Abu Simbel cũng như cuộc chiến chống lại người Hittite ở châu Á. Nhưng trong thời đại của Chiến tranh thành Troy, Người biển bí ẩn đã tấn công Ai Cập từ phía bắc, mở ra một thời kỳ suy tàn kéo dài và các cuộc xâm lăng của nước ngoài từ người Nubia, Assyria, Babylon và cuối cùng là người Ba Tư.



Tutankhamun là một pharaon Ai Cập thuộc Vương triều thứ 18, trị vì vào khoảng những năm 1332-1323 TCN, trong giai

đoạn Tân Vương quốc của Lịch sử Ai Cập. Ông thường hay được gọi theo cách thông thường là Vua Tut.

Ramesses I, hay Ramses I, là vị pharaon sáng lập ra Vương triều thứ 19 của Ai Cập cổ đại; sử gọi là triều Tiền Ramessid. Ông vốn là một vị Tể tướng tài giỏi của pharaon Horemheb, vị pharaon cuối cùng của Vương triều thứ 18.

Đại vương Ba Tư Cambyses đã chinh phục Ai Cập vào cuối thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên và bắt đầu một thế kỷ hà khắc khi ông ta đốt các ngôi đền trên khắp đất nước và giết con bò thần Apis linh thiêng tại Memphis trong cơn tức giận.

Người Ba Tư sau đó được coi là những kẻ áp bức, những kẻ nhạo báng các truyền thống tôn giáo của Ai Cập và làm đất nước khô cạn bằng các loại thuế cao. Cuối cùng, sau nhiều thập kỷ cai trị của Ba Tư, người Ai Cập nổi dậy và đánh đuổi quân đội của Đại vương. Trong sáu mươi năm Ai Cập độc lập cho đến khi Artaxerxes III dẫn đầu quân đội Ba Tư vào vùng đất này một lần nữa. Vị pharaoh bản địa cuối cùng của Ai Cập, Nectanebo, đã chạy trốn về phía nam

đến Nubia và một hộ thần được chỉ định để một lần nữa áp đặt ý muốn của Đại vương.

Hai năm đã trôi qua kể từ khi người Macedonia tiến vào châu Á. Hạm đội của Alexander đã theo anh xuống bờ biển Sinai đến Pelusium, nơi nhà vua tìm thấy những con tàu đang neo ở sông Nile. Cũng đang đợi anh là Mazaces, nhà cai trị Ba Tư mới được bổ nhiệm của Ai Cập. Người tiền nhiệm của ông, Sabaces, đã đưa hầu hết quân đội của Đại vương từ Ai Cập đến Issus một năm trước đó. Vì Sabaces và nhiều binh lính của ông ta đã chết trong trận chiến ở đó, Mazaces quyết định đầu hàng. Để giành được sự sủng ái của Alexander và, chắc chắn anh ta hy vọng, cứu được mạng sống của mình, Mazaces mang theo toàn bộ ngân khố và tất cả đồ đạc hoàng gia mà anh ta có thể chất vào xe đẩy. Trong một ngày, vua Macedonia đã có thêm một vùng rộng lớn và giàu có hơn toàn bộ Hy Lạp vào đế chế đang phát triển của mình.

Nhưng ngay cả khi các đơn vị đồn trú của Ba Tư ở Ai Cập đã đầu hàng, Alexander nhận ra việc thực sự chiếm hữu được vùng đất này đòi hỏi sự khéo léo và ngoại giao cao nhất. Người Ai Cập rất có thể nắm bắt thời điểm này để mở màn cho một cuộc nổi dậy khác của họ chống lại lãnh chúa ngoại bang mới. Alexander đã phải tiến hành rất cẩn thận để người Ai Cập sẵn sàng chấp nhận anh làm người cai trị của họ, nhưng để làm được điều này, anh phải có các thầy tế ở bên. Alexander do đó đã dành vài tháng tiếp theo để cho người dân thung lũng sông Nile thấy rằng anh không chỉ tôn trọng tôn giáo của họ mà còn là một người ủng hộ nhiệt tình các vị thần Ai Cập.

Đưa hạm đội của mình lên sông Nile, Alexander và quân đội đã hành quân qua các vùng đồng bằng phẳng bất tận của châu thổ sông Nile. Quân đội di chuyển cùng với sông Nile ở bên phải và sa mạc cằn cỗi ở bên trái.



Họ đi qua những cánh đồng lúa mì và lúa mạch, cây chà là và cây sung, gia súc và ngư dân, và những bãi cây cói rộng lớn được sử dụng để làm tài liệu viết được đánh giá cao nhất trong thế giới cổ đại.





giấy và cây cói Ai Cập [papyrus]

Trên đường đi, các ngôi làng của nông dân và giới quý tộc địa phương đã chào đón vị vua mới - với đội quân bên cạnh, họ có rất ít lựa chọn. Alexander đi qua vùng đất Goshen, nơi những câu chuyện kể rằng người Hebrew đã từng định cư sau một nạn đói ở quê hương. Anh cũng đi qua địa điểm Avaris, nơi mà gần một nghìn năm trước đó Rameses đã xây dựng một thành phố huy hoàng chỉ để nó bị cát sa mạc nuốt chửng.

Sau một tuần du ngoạn dọc sông, Alexander đến thành phố cổ đại Heliopolis, trung tâm học tập và hoạt động tôn giáo của Ai Cập trong nhiều thiên niên kỷ. Tại đây trên một gò đất cao nơi nhánh cực đông của sông Nile gặp nhánh chính của sông là ngôi đền nổi tiếng của thần Ra, được người Hy Lạp gọi là thần mặt trời Helios. Nhà vua chắc chắn đã đối xử hết sức tôn trọng với các thầy tế lễ tại Heliopolis - trái ngược hoàn toàn với vua Ba Tư Cambyses, người đã cố gắng phá hủy thánh địa và phá bỏ các tháp pháo gần đó.



Băng qua sông Nile cách Heliopolis chỉ một ngày về phía nam là Memphis. Kể từ những ngày đầu tiên của Vương quốc Cổ, thành phố đã là trung tâm tôn giáo quan trọng nhất ở hạ Ai Cập. Ngay cả khi đặt thủ đô ở nơi khác, các pharaoh vẫn duy trì cung điện tại Memphis và hỗ trợ xa hoa cho các tư tế và đền thờ của thành phố.



Ở phía tây của thành phố là kim tự tháp bậc thang Saqqara, công trình kiến trúc vĩ đại đầu tiên được xây dựng ở Ai Cập.



Thành phố cũng là một trung tâm thương mại lớn với thế giới Hy Lạp, nhưng nó nổi tiếng nhất với ngôi đền của thần sáng tạo Ptah.





Biểu hiện trên trần thế của ông là con bò thần Apis linh thiêng, một con vật được lựa chọn cẩn thận và chăm sóc trong sân của ngôi đền. Những người hành hương sẽ đến từ khắp Ai Cập để tìm kiếm sự ban phước của con bò đực ở Memphis. Khi mỗi Apis chết, nó được ướp xác và mang đến một phòng chôn cất đặc biệt ở Saqqara.



Đối với việc Đại vương Ba Tư giết con bò đực Apis vào thế kỷ trước là sự xúc phạm niềm tin và một hành động mà người Ai Cập sẽ không bao giờ quên. Do đó, Alexander đã đến gần đền thờ Ptah với lòng tôn kính lớn lao và dâng những lễ vật cúng tế phong phú cho vị thần, trái ngược với người cai trị Ba Tư. Các thầy tế không thể hài lòng hơn. Và mặc dù các nguồn tài liệu cổ đại tốt nhất không xác nhận điều đó, nhưng rất có thể Alexander đã lên ngôi pharaoh của Ai Cập. Các bức tượng của anh ở Ai Cập sớm cho thấy anh mặc quần áo như chúa tể của Thượng và Hạ Ai Cập, trong khi các dòng chữ khắc tên anh là dấu của Ra, con trai của Amun. Sau đó, để kỷ niệm vị thế mới của mình và để giải trí cho người dân địa phương cũng như quân đội, Alexander trước đó đã sắp xếp cho các vận động viên và nhạc sĩ nổi tiếng nhất từ Hy Lạp đến gặp anh tại Memphis. Ở đó, người Ai Cập và người Macedonia ăn uống, rượu chè, cổ vũ cho các cuộc đua và cuộc thi đấu vật, thưởng thức các vở hài kịch và bi kịch trên sân khấu, và lắng

nghe những bản hợp xướng, tất cả vào một ngày mùa đông đẹp trời bên bờ sông Nile được bao quanh bởi các di tích lịch sử huy hoàng của Ai Cập. Nó phải rất ngoạn mục.

Các nhà sử học cổ đại viết về chiến dịch Ai Cập của Alexander bất đồng về việc nhà vua đã đi đâu từ Memphis. Một số người nói rằng anh ngay lập tức đi về phía bắc dọc theo sông Nile về phía Địa Trung Hải. Nhưng các nguồn khác cho rằng anh muốn đi ngao du về phía nam để xem các cung điện và di tích cổ xưa của Thượng Ai Cập. Cũng có những báo cáo rời rạc nói anh đã cử cháu trai của Aristotle là Callisthenes vào sâu trong Ethiopia để tìm kiếm nguồn sông Nile. Không có lời giải thích nào trong số này là viển vông vì Alexander vô cùng tò mò về các vùng đất thuộc đế chế của mình và những vùng đất xa hơn. Một cuộc thám hiểm đến Thebes Ai Cập hoặc đến gần Aswan sẽ không mất quá vài tuần. Thebes sẽ đặc biệt hấp dẫn như một trung tâm chính của đời sống tôn giáo ở Ai Cập, cũng như là địa

điểm của nhiều ngôi đền lớn nhất trong thung lũng sông Nile. Để củng cố quyền cai trị của mình ở miền nam đất nước và thiết lập mối quan hệ bền vững với tầng lớp tư tế ở đó, Alexander chắc chắn sẽ coi một hành trình ngắn ngủi lên sông Nile là một sự đầu tư khôn ngoan cho thời đại của mình.

Thebes là một trong những thành phố quan trọng nhất của Ai Cập cổ đại; hai vương triều thứ 11 và thứ 18 đã dùng nó làm thủ đô. Thebes nằm bên bờ đông của sông Nile và cách Địa Trung Hải khoảng 800 km về phía Nam.







Cho dù Alexander đi về phía nam hay ở lại Memphis trong những tuần này, thì đến tháng Giêng, anh đang trên đường ra biển về phía

bắc. Dọc theo hành trình này, chỉ một ngày ngắn đi thuyền xuôi dòng sông Nile, là cao nguyên Giza ngay phía trên sông về phía tây. Ở đó, ba kim tự tháp vĩ đại nhất của Ai Cập sừng sững trên sa mạc xung quanh trong khi tượng Nhân sư đang cúi mình nhìn không chớp về phía mặt trời mọc như nó đã tồn tại hơn 2.000 năm. Điều kỳ lạ là không có nguồn cổ xưa nào đề cập đến việc Alexander đến thăm những di tích nổi tiếng này, nhưng không thể tin được rằng anh sẽ không dừng lại để tham quan địa điểm này.



Một nghìn năm sau, hầu hết lớp vỏ đá vôi trắng bao phủ các kim tự tháp sẽ bị tước bỏ để

làm vật liệu xây dựng, nhưng trong chuyến thăm của Alexander, các di tích vẫn tỏa sáng rực rỡ dưới ánh nắng ban mai. Nhà vua hẳn sẽ đi bộ trên con đập cao nối sông Nile với quần thể kim tự tháp, rồi ngạc nhiên nhìn những ngọn núi nhân tạo này, mỗi ngọn núi được làm từ vài triệu viên đá khổng lồ được ghép lại với nhau một cách hoàn hảo. Herodotus cho biết các khối đá đã được nâng lên từng cấp bằng máy móc, nhưng Alexander hẳn đã nghi ngờ lời giải thích này vì trọng lượng rõ ràng của những khối đá khổng lồ. Nếu anh đi vào các kim tự tháp và đi qua các đường hầm chật hẹp, ngột ngạt bên trong, anh sẽ tìm thấy các phòng chôn cất của các pharaoh cổ đại đã bị bọn trộm mộ cướp phá từ lâu. Một khi trở lại với bầu không khí trong lành, Alexander có thể đã tham quan các kim tự tháp và đền thờ nhỏ hơn trong khu phức hợp, nhưng anh sẽ không bỏ lỡ Great Sphinx.



Cao hơn 50 feet [15m] và được chạm khắc từ tảng đá tại chính địa điểm, hình dáng thấp thoáng với đầu người và thân sư tử này luôn trông như thể nó sắp nói. Alexander chắc chắn còn nhớ câu chuyện về Oedipus trẻ tuổi, người đặt ra câu đố về một nhân sư: Cái gì có bốn chân khi còn trẻ, hai khi lớn và ba khi già? Sinh vật này đã giết chết những người đang lúng túng chưa tìm ra câu trả lời, nhưng Oedipus biết đó là một con người, bò lúc nhỏ, đi bằng hai chân khi lớn và dùng gậy khi già. Tuy nhiên, Sphinx không hỏi Alexander mà vẫn

tiếp tục lời cảnh giác vĩnh viễn khi nhà vua quay trở lại sông Nile.

Khi con tàu của Alexander đến gần Heliopolis, dòng sông này chia thành các kênh khác nhau trải dài khắp vùng châu thổ. Nhưng thay vì đi theo nhánh phía đông quay trở lại Pelusium, hạm đội nhỏ lại đi xuống nhánh phía tây, được gọi là Canopic, hướng tới thương điếm của Hy Lạp tại Naucratis. Thành phố cách năm mươi dặm từ biển, nhưng trong ba thế kỷ nó đã là điểm giao thương chính giữa thế giới Hy Lạp và vùng đất của các pharaoh. Đối với Alexander, đó là một khu định cư nhỏ quá xa Địa Trung Hải đối với ước mơ của anh về một đô thị quốc tế đang bùng nổ. Với việc Tyre bị phá hủy, Anh cần một cảng mới để làm trung tâm thương mại không chỉ cho thị trường Ai Cập mà cho cả phía đông Địa Trung Hải. Một bến cảng trên biển gần cửa sông Nile sẽ là nơi giao thương tự nhiên cho xuất khẩu ngũ cốc quan trọng của Ai Cập, cũng như hoạt động buôn bán gia vị của A Rập và hàng hóa chảy

lên bờ biển phía đông châu Phi. Với giao thông thương mại qua Vịnh Suez và xuôi theo Biển Đỏ xung quanh A Rập, nó cũng có thể là điểm cuối cho thương mại từ Ba Tư và Ấn Độ.

Cảng Naucratis nhỏ bé, đơn giản sẽ không phù hợp cho một tầm nhìn như vậy. Alexander biết mình cần một thành phố hoàn toàn mới tại một địa điểm được chọn để dễ dàng tiếp cận cả biển và sông Nile, cũng như một cảng nước sâu dễ dàng bảo vệ khỏi những kẻ xâm lược và cướp biển, với khí hậu trong lành, gió mát và nguồn nước ngọt dồi dào. Khi đến cửa nhánh sông Canopic và nhìn thấy một rặng núi đá vôi rộng ở phía tây giữa Địa Trung Hải và Hồ Mareotis, anh biết mình đã tìm thấy địa điểm cho thành phố mới của mình. Nó có một bến cảng trên một eo đất chỉ có thể tiếp cận từ phía đông hoặc phía tây dọc theo một bờ biển hẹp. Nó đủ gần với cửa sông Nile để có thể dễ dàng tiếp cận dòng sông và nguồn cung cấp nước ngọt ổn định, nhưng cũng đủ xa để phù sa sẽ không tác động vào nó. Cách

đó chưa đầy một dặm là đảo Pharos, một đê chắn sóng tự nhiên được người Hy Lạp biết đến từ lâu. Ngay đêm hôm đó, Alexander được cho là đã có một giấc mơ, trong đó một ông già xuất hiện trước anh và trích dẫn những dòng quen thuộc của Homer:

Có một hòn đảo trong cơn bão biển

Nằm trước Ai Cập — Họ gọi nó là Pharos.

Dù thực sự có tầm nhìn như vậy hay không, nhà vua vẫn tin bến cảng đối diện Pharos sẽ là nơi hoàn hảo cho Alexandria mới của anh.



Nhà sử học Arrian nói rằng một lần nữa ham muốn lại vây bắt Alexander, vì vậy anh quyết định tự mình vẽ ra hình mẫu của thành phố. Các chi tiết khác nhau tùy theo các nguồn khác nhau, nhưng hầu hết đều đồng ý anh đã quá vội vàng để bắt đầu công việc mà không có thời gian để tìm phấn đánh dấu ranh giới của thành phố. Thay vào đó, một người lính đi cùng đề nghị sử dụng một số lúa mạch mà họ đã mang theo. Alexander nghĩ đây là một ý tưởng tuyệt vời và háo hức bắt đầu dạo quanh địa điểm, tay cầm bao ngũ cốc, phác thảo nơi anh muốn có công sự, đường phố rộng rãi, chợ trung tâm và đền thờ. Anh đặc biệt quan tâm đến việc có những đền thờ các vị thần Ai Cập để thể hiện sự tôn kính của mình đối với tín ngưỡng địa phương. Ngôi đền thờ nữ thần Isis bản địa nổi tiếng sẽ là điểm nổi bật, một vị thần được người Hy Lạp biết đến như một người mang lại sự sống cho vùng đất cũng như nhân loại.



Nhưng đột nhiên Alexander và những người bạn đồng hành chứng kiến hàng ngàn con chim từ hồ nước gần đó lao xuống khu vực và nhanh chóng ăn từng hạt lúa mạch mà anh đã cẩn thận đặt xuống. Nhà vua vô cùng lo lắng trước những điềm báo như vậy. Có phải các vị thần chống lại việc thành lập thành phố? Không bao giờ nhanh chóng biến một dấu hiệu từ trên trời thành tin tốt, nhà vua yêu cầu nhà tiên tri Aristander tuyên bố những con chim yến thực sự là những cánh cổng tuyệt vời, vì chúng cho thấy thành phố mới của Alexander sẽ thịnh vượng và nuôi dưỡng tất cả các quốc gia trên trái đất.

Trong khi nhà vua vẫn ở Alexandria, tin tức chào mừng đến từ Hy Lạp. Người tới là một người Macedonia tên là Hegelochus, đồng chỉ huy hạm đội của nhà vua ở Aegean. Vị đô đốc báo cáo công dân của hòn đảo chiến lược Tenedos gần thành Troy đã nổi dậy chống lại người Ba Tư và buộc họ phải ra ngoài biển. Tuyệt vời hơn nữa, hòn đảo quan trọng Chios đã đưa người Macedonia đến để đánh đuổi người Ba Tư. Tại đây, đã bắt được chỉ huy hạm đội Ba Tư, cháu trai của Memnon quá cố là Pharnabazus. Chiến dịch diễn ra suôn sẻ đến nỗi một trong những đồng minh Hy Lạp của người Ba Tư, Aristonicus của Methymna trên đảo Lesbos, đã bị bắt sau khi ông ta đi thuyền vào bến cảng ở Chios vì nghĩ nó vẫn nằm trong tay Ba Tư. Toàn bộ hòn đảo Lesbos, chìa khóa của phía bắc Aegean, sau đó đã bị lực lượng của Alexander đánh chiếm. Ngoài ra, đảo Cos ở phía nam gần Halicarnassus đã giúp người Macedonia đánh đuổi quân Ba Tư. Toàn bộ Aegean và đông Địa Trung Hải ngày nay thuộc về Alexander.

Hegelochus mang theo Aristonicus và tất cả các nhà lãnh đạo quý tộc của Chios và Lesbos, những người đã đứng về phía Đại vương, nhưng anh xin lỗi vì Pharnabazus bằng cách nào đó đã trốn thoát khi họ cập cảng Cos. Tuy nhiên, Alexander hài lòng với nhóm tù nhân đang co rúm lại trước anh và nhanh chóng quyết định số phận của họ. Các nhà lãnh đạo từ Lesbos được đưa về nhà để bị xét xử bởi chính người dân của họ, những người sau đó đã tra tấn và hành quyết họ. Alexander sau đó đã ban hành một sắc lệnh cho người dân Chios rằng giờ đây họ đã thoát khỏi sự thống trị áp bức của Ba Tư và được chào đón những người lưu vong đã rời khỏi hòn đảo trở về nhà. Anh cũng đặt một đồn lính Macedonia ở đó để giám sát các vấn đề dân sự đề phòng các công dân quá coi trọng quyền tự do của mình. Nhưng các trưởng lão của Chios khôn ngoan biết các giới hạn của tự do và đã soạn thảo một bản hiến pháp khiêm tốn, nhanh chóng trình Alexander phê duyệt. Nhà vua có một điều gì đó đặc biệt trong tâm trí đối với những người

cai trị quý tộc trước đây của Chios, những người đã chọn lòng trung thành với Darius hơn anh. Để những quý tộc này cảm thấy như ở nhà trong một khung cảnh quen thuộc, anh đã đày họ đến hòn đảo nhỏ bé Elephantine ở giữa sông Nile trên biên giới cực nam của Ai Cập. Cách một ngàn dặm từ quê hương, họ có thể dành cả ngày để quan sát Nilometer nổi tiếng của hòn đảo, đo thời gian về sự tăng giảm lượng nước mỗi năm của dòng sông cho phần còn lại của cuộc đời.



Một nilometer là một cấu trúc để đo độ trong và mực nước của sông Nile trong mùa lũ hàng năm. Có ba loại nilometers chính, được hiệu chỉnh theo hình lập phương của Ai Cập: cột thẳng đứng, cầu thang hành lang dẫn xuống sông Nile, hoặc giếng sâu có cống.

Với thành phố Alexandria được thành lập và các vấn đề chính trị trong thế giới Hy Lạp đã ổn định, Alexander giờ đây đã hình thành một mong muốn mạnh mẽ là đến thăm ốc đảo xa xôi ở Siwa. Ngôi đền này cách ba trăm dặm về phía tây của thung lũng sông Nile ở giữa sa mạc Sahara mênh mông. Đó không phải là một trung tâm tôn giáo, nhưng ngày càng nổi tiếng đối với Hy Lạp. Truyền thuyết kể rằng cả Hercules và anh hùng Perseus đã đến thăm địa điểm này vào thời cổ đại, nhưng phải đến một thế kỷ trước Alexander, người Hy Lạp mới biết đầy đủ về tín ngưỡng thờ cúng ở Siwa. Vị thần được tôn vinh ở đó là thần Amun, một vị thần cai trị của đền thờ Ai Cập. Người Hy Lạp, những người gọi ông là Ammon, tự nhiên nhìn thấy ở vị thần một đối tác với thần Zeus của chính họ và thường gọi lời tiên tri là thần Zeus-

Ammon. Có thể thế giới Aegean đã biết đến trung tâm sùng bái của vị thần này, người thường được miêu tả với sừng của cừu đực, thông qua thuộc địa của Hy Lạp tại Cyrene trên bờ biển châu Phi phía tây Ai Cập. Các đoàn lữ hành từ ốc đảo sẽ giao dịch tại thành phố và mang lời kể về lời tiên tri tuyệt vời của Ammon qua sa mạc. Từ đó, các thủy thủ đã lan truyền tin tức về vị thần và sức mạnh của ngài tới Hy Lạp. Chẳng bao lâu sau, có một ngôi đền thờ Ammon ở Athen, trong khi nhà thơ nổi tiếng Pindar ca ngợi và dựng tượng thần ở quê hương Thebes. Lời tiên tri của Zeus-Ammon được coi là ngang hàng với Dodona hoặc Delphi, mặc dù chỉ một số ít thực hiện được chuyến đi gian khổ đến ốc đảo.

Ốc đảo Siwa là một ốc đảo đô thị ở Ai Cập nằm giữa vùng lõm Qattara và Biển Cát Lớn, cách biên giới Libya 50 km về phía đông, cách Cairo 560 km về hướng tây-tây nam. Dài 80 km, rộng 20 km, ốc đảo Siwa là một trong những điểm dân cư hẻo lánh nhất Ai Cập, dân số chừng 33.000 người đa số là người Berber.

Mediterranean Sea
ISRAEL
Alexandria
Cairo
Suez
Sinai
JORDAN
Siwa
Siwa Oasis
Nile
River
SAUDI
ARABIA
Ras
Mohammed
N.P.
Sharm
el-Sheikh
Arabian Desert
Hurghada
Western Desert
Eastern Desert
LIBYA
EGYPT
Luxor
Esna
Edfu
Red Sea
Aswan
Lake Nasser
Abu Simbel
SUDAN



Chuyến thăm của Alexander đến chỗ nhà tiên tri ở Siwa là một trong những phần gây tranh cãi nhất trong cuộc đời anh. Các nhà văn cổ đại suy đoán không ngừng về lý do tại sao anh thực hiện cuộc hành trình và những gì anh học được ở đó. Các chi tiết của chuyến đi là mâu thuẫn, không đầy đủ, và đôi khi được phát minh bởi những nhà sử học đã viết về nó. Nhưng bất chấp những mâu thuẫn gay gắt trong các nguồn tin, sự thật đơn giản vẫn là Alexander đã dành vài tuần quý giá giữa cuộc chiến, liều mạng đi qua một trong những sa mạc khắc nghiệt nhất trên thế giới để nghe những lời tiên tri từ một vị thần.

Người đọc hiện đại khó có thể tin động lực tôn giáo là lý do đủ để thực hiện một cuộc hành trình vào một thời điểm bất tiện như vậy. Nhưng để chúng ta đánh giá cao bản chất của Alexander và thế giới mà anh ấy đang sống, chúng ta phải gạt bỏ những định kiến, sự hoài nghi của riêng mình để nhận ra thế giới cổ đại là một thời đại vô cùng bí ẩn và ma thuật. Chắc

chắn là có những người nghi ngờ, nhưng đối với hầu hết mọi người, kể cả Alexander, các vị thần ở khắp mọi nơi và kiểm soát mọi khía cạnh của cuộc sống. Tiếng bay của một con chim đơn độc trong không trung, tiếng gió thổi qua tán cây, một giấc mơ phiền muộn trong đêm — tất cả đều có thể là dấu hiệu từ các vị thần. Những lực lượng thần thánh này, ở những nơi đặc biệt trên trái đất, thực sự đã nói chuyện với con người, mặc dù không phải lúc nào cũng rõ ràng. Nhưng nếu một người sẵn sàng thực hiện cuộc hành trình đến một địa điểm như vậy, thì có thể đặt câu hỏi và nghe những lời đáp lại từ một vị thần.

Alexander có nhiều câu hỏi, nhưng có ba câu hỏi đè nặng tâm trí anh nhất. Đầu tiên, liệu anh có thể đánh bại Darius và chinh phục các vùng đất phía đông không? Anh đang chống lại một đế chế hùng mạnh và rộng lớn. Bất kể tài năng của một vị tướng và sự lạc quan tràn đầy của tuổi trẻ, rất có thể anh sẽ thất bại. Thứ hai, nhà vua muốn biết liệu những kẻ giết cha

anh là Philip có bị trừng trị hay không. Cho rằng nhiều người nghi ngờ chính Alexander là lực lượng đứng sau vụ ám sát, câu hỏi này có vẻ giống như một màn khói để làm giảm sự nghi ngờ khỏi thủ phạm thực sự. Nhưng giả sử Alexander vô tội, điều quan trọng là anh phải tìm ra và trừng phạt bất kỳ ai nhúng tay vào cái chết của cha mình. Nếu không sẽ làm vấy bẩn sự cai trị của anh và mang đến cơn thịnh nộ của thiên đàng. Câu hỏi thứ ba và là câu hỏi cuối cùng - kỳ lạ nhất và táo bạo nhất - Alexander muốn biết liệu Philip có thực sự là cha của mình hay thực tế anh là con trai của một vị thần. Mẹ đã nói rằng anh được thụ thai bởi Zeus, không phải Philip, khi vị thần này sở hữu bà ấy dưới hình thức một tia chớp. Chính Philip đã mơ thấy mình bị niêm phong với tử cung của vợ mình bằng hình ảnh một con sư tử, một khải tượng mà nhà tiên tri Aristander giải thích là một dấu hiệu cho thấy bà đã mang thai một đứa trẻ thần thánh.

Có thể nào Alexander thực sự đã quá háo danh và si mê đến mức thực sự tin rằng mình được thụ thai bởi vua của các vị thần? Điều này dường như là dấu hiệu tối thượng trong cái mà người Hy Lạp gọi là kiêu ngạo, phẩm chất của sự kiêu ngạo tự coi trọng bản thân là khúc dạo đầu cho sự hủy diệt của một người dưới bàn tay của thần thánh. Có nhiều người Hy Lạp tuyên bố có nguồn gốc từ các vị thần. Ở phương đông, từ Ai Cập đến Ba Tư đến Ấn Độ, các nhà cai trị thường tuyên bố dòng dõi thần thánh của họ. Đây có phải là một hành động tuyên truyền được tính toán một cách khôn ngoan từ phía Alexander để khiến người dân châu Phi và châu Á dễ dàng chấp nhận? Hay Alexander có thể thực sự đã nghi ngờ cha mình là ai? Độc giả hiện đại sẽ cảm thấy bối rối khi nghĩ anh thực sự tin mình có thể là con trai của một vị thần, nhưng một lần nữa chúng ta phải gạt bỏ những định kiến của riêng mình và nhìn Alexander trong bối cảnh thế giới của chính anh. Đối với thần dân, binh lính, bạn bè và với chính mình, ý tưởng về nguồn gốc thần

thánh là táo bạo và không quá lố. Chàng trai trẻ đã đánh bại Đại vương trong trận chiến và chinh phục nhiều vùng đất hơn bất kỳ người Hy Lạp nào từng mơ ước. Đối với những người đi theo, nếu những thành tích đó không phải là dấu hiệu của dòng máu thần thánh, thì có thể là gì? Do đó, chúng ta nên cho rằng câu hỏi của Alexander về nguồn gốc - dù lạ đến mức nào đối với chúng ta và bất cứ cách sử dụng nào mà nó có thể phục vụ cho việc tiếp tục chương trình chính trị của anh ấy - là chân thành.



Từ Alexandria, nhà vua và một vài người bạn đồng hành thân cận nhất đi về phía tây với những con lạc đà và hướng dẫn viên địa phương theo đường biển. Con đường dễ nhất đến Siwa là từ vùng châu thổ sông Nile đi dọc theo bờ biển Địa Trung Hải trong hơn 150 dặm về phía thành phố nhỏ Paraetonium, một trong số ít các bến cảng an toàn trên bờ biển

cằn cỗi này. Chờ anh ở đó là một phái đoàn từ thành phố Cyrene, xa hơn nhiều ngày về phía tây. Những đại sứ này không chỉ đại diện cho thành phố của họ mà còn cho tất cả các cộng đồng xung quanh. Họ cung cấp cho Alexander chiếc vương miện truyền thống của sự thần phục và những món quà lộng lẫy, trong khi nhà vua nồng nhiệt đón nhận lòng trung thành và lập một hiệp ước hữu nghị với họ.

Cyrene là khu định cư lớn của Hy Lạp ở châu Phi, được thành lập như một thuộc địa từ đảo núi lửa Thera ba trăm năm trước đó. Hầu hết những người định cư sau này là người Dorian cứng rắn có liên quan đến người Sparta và các bộ tộc khác ở miền nam Hy Lạp.

Cyrene là một thành phố Hy Lạp cổ đại và sau đó là La Mã, ngày nay nằm gần thị trấn Shahhat của Libya. Đây là thành phố lâu đời và quan trọng nhất trong số năm thành phố Hy Lạp trong khu vực. Cái tên của thành phố, ngày nay được lấy để đặt cho khu vực phía đông Libya là Cyrenaica.

Cyrene là một khu vực xanh tươi và phì nhiêu ở rìa của sa mạc cát lớn, với thành phố nằm cao trên một ngọn đồi. Mối quan hệ với người

châu Phi bản địa lúc đầu rất khó khăn, nhưng những người thuộc địa đã kịp thời thiết lập quyền bá chủ đối với các bộ lạc bản địa trong khu vực. Cyrene nổi tiếng với ngựa và xuất khẩu silphium – loại thực vật có giá trị nhưng cay nồng, được sử dụng trong gia vị và nhiều loại thuốc, bao gồm cả thuốc tránh thai. Thành phố thậm chí còn đặt một thân cây silphium trên tiền đúc của nó.



Silphium là một loại thực vật không rõ nguồn gốc được sử dụng trong thời cổ đại như một loại gia vị, nước hoa, kích thích tình dục và thuốc. Nó cũng được sử dụng như một biện pháp tránh thai bởi người Hy Lạp và La Mã cổ đại. Nó là mặt hàng thiết yếu của thương mại từ thành phố Cyrene cổ đại, và rất quan trọng đối với nền kinh tế Cyrenia. Sản phẩm có giá trị là nhựa của cây (laser, laserpicium, hoặc lasarpicium).

Silphium là một loài quan trọng trong thời cổ đại, bằng chứng là người Ai Cập và người thiểu số Knossos đã tạo ra một biểu tượng đại diện cho cây silphium. Nó đã được sử dụng rộng rãi bởi hầu hết các nền văn hóa Địa Trung Hải cổ đại; Người La Mã đã đề cập đến loài cây này trong các bài thơ hoặc bài hát, coi nó “đáng giá bằng đồng denarii” (đồng bạc), hoặc thậm chí là vàng. Truyền thuyết coi đó là món quà của thần Apollo.



Cyrene đã được cai trị trong nhiều thế kỷ bởi gia đình hoàng gia đã cam kết trung thành với Ba Tư, chỉ để bị lật đổ bởi chính công dân của

mình. Thành phố và khu vực của nó là một trung tâm xa xôi nhưng quan trọng của hoạt động buôn bán kết nối các đoàn lữ hành qua Sahara với thế giới Hy Lạp. Việc cam kết trung thành với Alexander khiến họ phải trả giá rất ít và khiến nhà vua Macedonia tạm dừng cuộc hành quân dọc theo bờ biển châu Phi. Nhưng để có quyền kiểm soát thậm chí trên danh nghĩa đối với khu vực là một yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo biên giới của đế chế Macedonia ở phía tây.



Ngoài Cyrene là Carthage, một thế lực hung hãn đã gây hấn với nhà vua ở Tyre. Ngay cả bây giờ, Alexander có thể đã lên kế hoạch cho cuộc chiến trong tương lai chống lại Carthage và mở rộng sang phía tây Địa Trung Hải với Cyrene là một căn cứ chính.

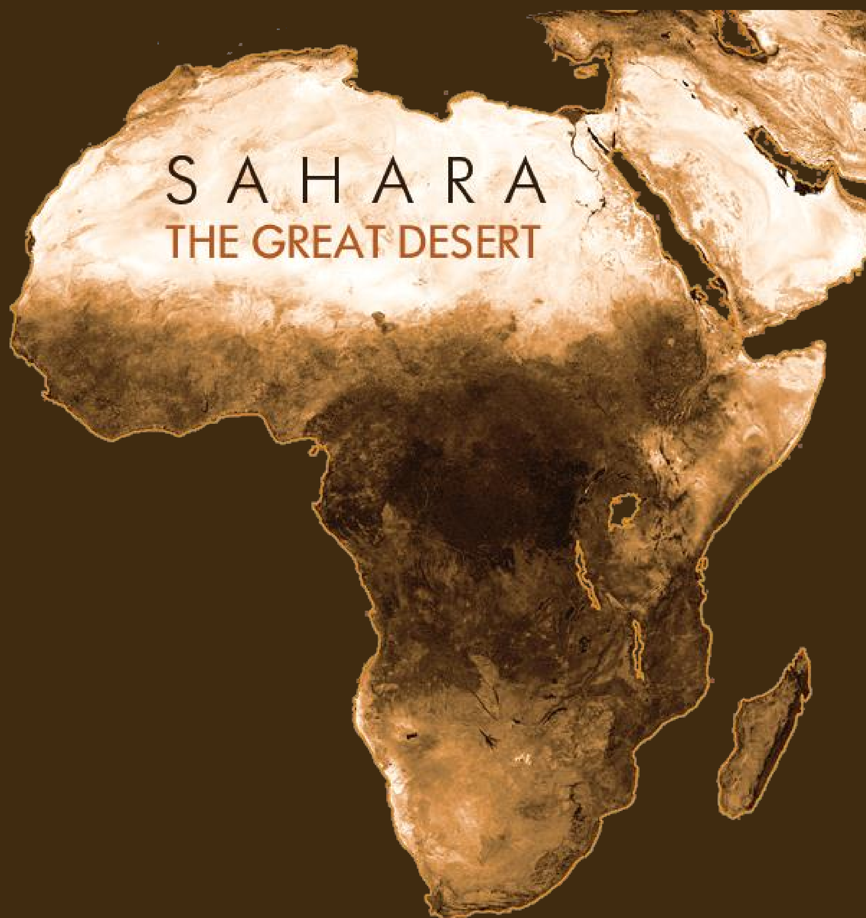




Từ thị trấn ven biển Paraetonium, Alexander và nhóm rẽ về phía nam sa mạc. Các hướng dẫn viên nói với nhà vua cần vượt qua gần hai trăm dặm để đến Siwa qua một vùng hoang dã - địa ngục của bão cát và gió nam khốc liệt, nhưng Alexander vẫn quyết tâm thực hiện cuộc hành trình. Ngay sau khi họ rời khỏi vùng đồng bằng ven biển, đội quân Macedonia nhỏ bé thấy mình bị nhấn chìm trong một khung cảnh không giống bất cứ thứ gì họ từng thấy. Những ngọn đồi khô cằn không một dấu vết của thảm thực vật trải dài khắp đường chân trời, trong khi bãi cát sâu mà họ phải vật lộn gợi cho họ về một vùng biển vô tận. Gió thổi cát lùa vào mắt và trùm lên quần áo.



Không quen với việc đi lại trên sa mạc, những người đàn ông đã uống toàn bộ nước mang theo chỉ trong vài ngày mà không có dấu hiệu của một ốc đảo nào. Tệ hơn nữa, những người dẫn đường đã bị lạc trong bão cát. Ở một nơi nào đó giữa sa mạc vô tận vào đêm hôm đó, nhà vua và những người bạn nhận ra tất cả họ sẽ chết.



Sahara (tiếng A Rập: الصحراء الكبرى, aṣ-Ṣaḥrāʾ al-Kubrā , nghĩa là sa mạc lớn) là sa mạc lớn nhất trên Trái Đất, là hoang mạc lớn thứ 3 trên Trái Đất (sau Châu Nam Cực và Bắc Cực), với diện tích hơn 9.000.000 km², xấp xỉ diện tích của Hoa Kỳ và Trung Quốc. Sahara ở phía bắc châu Phi và có tới 2,5 triệu năm tuổi.

Được bao bọc bởi biển Đại Tây Dương ở phía Tây, dãy núi Atlas và Địa Trung Hải ở phía Bắc, Biển Đỏ (Hồng Hải) và Ai Cập ở phía Đông; Sudan và thung lũng sông Niger ở phía Nam. Điểm cao nhất trong sa mạc là đỉnh núi Emi Koussi với độ cao 3415m so với mực nước biển, thuộc dãy núi Tibesti phía Bắc nước Chad.

Trong suốt kỷ nguyên băng hà, vùng Sahara đã từng ẩm ướt hơn ngày nay rất nhiều. Và cũng đã từng có rất nhiều loài động, thực vật sinh sống nơi đây. Tuy nhiên ngày nay, ngoại trừ vùng thung lũng sông Nile là có thể trồng được nhiều rau và một số ít nơi khác như vùng cao nguyên phía Bắc, gần Địa Trung Hải là có thể trồng cây ôliu còn phần lớn vùng này không thể canh tác được.

Với diện tích tương đương Hoa Kỳ nhưng chỉ có 2,5 triệu người sinh sống trong vùng. Chủ yếu tập trung ở Ai Cập, Mauritanie, Maroc và Algérie. Các dân tộc chính bao gồm chủng Tuareg, A Rập, và nhóm người da đen như Tubu, Nubians, Zaghawa, Kanuri, Peul hay Fulani, Hausa và Songhai.

Thành phố lớn nhất vùng là Cairo, thủ đô của Ai Cập nằm ở thung lũng sông Nile. Một số thành phố quan trọng khác bao gồm Nouakchott, thủ đô của Mauritanie; Tamanrasset,

Algérie; Timbuktu, Mali; Agadez, Niger; Ghat, Libya; và Faya, Chad.

Khí hậu Sahara đã trải qua những biến đổi to lớn giữa ẩm và khô trong vài trăm nghìn năm qua. Trong kỷ băng hà cuối cùng, Sahara lớn hơn ngày nay, trải dài xa hơn về phía nam so với biên giới hiện tại. Sự kết thúc của kỷ băng hà mang tới giai đoạn ẩm ướt hơn cho Sahara, từ khoảng 8000 TCN đến 6000 TCN, có lẽ vì các vùng áp suất thấp trên khắp các phiến băng đang sụp đổ ở phía bắc.



Khi các phiến băng đã mất đi, vùng phía bắc Sahara bắt đầu khô đi. Tuy nhiên, không lâu sau sự chấm dứt các phiến băng, gió mùa hiện nay mang mưa tới Sahel thổi xa hơn nữa về phía bắc và xung đột với xu hướng khô ở phía nam Sahara. Gió mùa tại châu Phi (và các nơi khác) xuất hiện vì sức nóng mùa hè. Không khí trên lục địa trở nên nóng hơn và tăng lên, kéo không khí ẩm và lạnh từ biển vào. Hiện tượng này gây ra mưa. Vì thế, một cách nghịch lý, Sahara từng ẩm hơn khi nó nhận được nhiều ánh nắng trong mùa hè. Trái lại, những thay đổi

trong sự hấp thu nhiệt Mặt trời bị gây ra bởi những sự thay đổi trong tham số quỹ đạo Trái Đất.

Tới khoảng năm 2500 TCN, gió mùa rút về phía nam tới gần vị trí hiện nay, dẫn tới sự sa mạc hoá Sahara. Sahara hiện nay khô như điều kiện nó từng có trước kia khoảng 13.000 năm.

Người Phoenicia đã tạo ra một liên bang các vương quốc ngang qua toàn bộ Sahara tới Ai Cập, nói chung các vương quốc này đều nằm trên bờ biển nhưng cũng có một số trường hợp nằm trong sa mạc.

Tới năm 2500 TCN Sahara đã trở nên khô như ngày này và trở thành một bức tường chắn không thể xâm nhập đối với con người, chỉ có rải rác một số khu định cư xung quanh các ốc đảo, nhưng buôn bán và thương mại xuyên qua xa mạc hầu như chưa xuất hiện. Một trong những ngoại lệ chính là Thung lũng sông Nile. Tuy nhiên, con sông Nile có nhiều thác không thể vượt qua khiến thương mại và giao lưu khó thực hiện.

Ở khoảng thời gian nào đó giữa năm 633 và 530 TCN nhà hàng hải Hanno đã lập ra hay tăng cường các thuộc địa của Phoenicia ở phía Tây Sahara, nhưng mọi dấu tích quá khứ đều đã mất và thực sự không còn lại một dấu vết gì.

Tới năm 500 TCN ảnh hưởng mới từ Hy Lạp và Phoenicia đến tới vùng này. Các thương gia người Hy Lạp đi dọc bờ biển phía đông sa mạc, thành lập lên những khu vực buôn bán dọc theo bờ Biển Đỏ. Người Carthaginia đã khám phá bờ biển Đại tây dương của sa mạc. Vì thiếu nước và thị trường nên bước chân của con người chưa bao giờ vượt quá phía nam Maroc hiện nay. Vì thế, các nước chỉ bao quanh sa mạc ở phía bắc và phía đông; nó vẫn nằm ngoài quyền kiểm soát của các nước này.

Những cuộc chinh phục của người du mục Berber vào sa mạc luôn làm những người sống bên rìa lo ngại.

Sự thay đổi lớn nhất trong lịch sử Sahara đến cùng cuộc chinh phục của người A Rập, chính họ đã đưa lạc đà vào vùng này. Lần đầu tiên một mạng lưới thương mại hiệu quả xuyên sa mạc Sahara có thể thực thi. Các vương triều Sahel, đặc biệt là Đế quốc Ghana và Đế quốc Mali sau này trở nên hùng mạnh và giàu có nhờ xuất khẩu vàng và muối sang Bắc Phi. Các tiểu vương quốc dọc Địa Trung Hải đã mang hàng hóa và ngựa của họ xuống được phía nam. Muối được xuất khẩu từ chính Sahara. Quá trình này biến những cộng đồng ốc đảo rải rác trở thành các trung tâm thương mại, và nằm dưới quyền kiểm soát của các đế quốc trên bờ sa mạc.



Hệ thống thương mại này đã tồn tại qua hàng thế kỷ tới khi sự phát triển ở châu Âu và sự phát triển kỹ thuật hàng hải cho phép các con tàu, ban đầu từ Bồ Đào Nha nhưng ngay sau đó là toàn bộ Tây Âu, đi quanh sa mạc và thu thập các nguồn tài

nguyên ở Guinea. Sahara nhanh chóng rơi lại vào tình trạng cô lập.

Các cường quốc thuộc địa cũng không chú trọng tới vùng này, nhưng ở thời hiện đại một số mỏ và các cộng đồng dân cư đã được phát triển để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong sa mạc. Các nguồn tài nguyên này gồm khối lượng lớn khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên ở Algérie và Libya cũng như một lượng lớn khoáng sản phosphate tại Maroc và Tây Sahara.

Những phân tích DNA đã cho thấy nhiều cộng đồng dân cư đã góp phần tạo nên sắc dân hiện nay ở vùng Nam Maroc gồm Berber, A Rập, Phoenicia, Sephardic Do Thái, và người Phi Hạ Sahara. Trên toàn bộ Sahara, người Berber, A Rập, và người Phi Hạ Sahara đều có liên quan về mặt di truyền.

Nhưng rồi giống như một món quà của các vị thần, bất ngờ có một cơn mưa bão phá vỡ bầu trời phía trên họ. Vui mừng vì được cứu sống, Alexander và người của mình chạy quanh trại với miệng há hốc khi họ lấy nước từ các lỗ trên mặt đất. Mưa làm sạch không khí bụi bặm và để lại sự trong lành tuyệt vời trên khắp sa mạc, đồng thời làm cho cát trở nên mềm và dễ đi hơn. Nhưng bất chấp sự ban ơn của trời, họ vẫn bị lạc. Sau đó, nhà vua nhìn thấy hai con quạ bay trên đầu, loài chim đủ phổ biến ở sa

mạc Libya. Những con chim bay vòng quanh và quay về hướng Tây Nam, vẫy chào những du khách bên dưới. Nhận ra những con quạ chắc hẳn đang hướng về một ốc đảo, Alexander đã ra lệnh cho nhóm nhanh chóng đi theo chúng. (Người bạn đồng hành của anh là Ptolemy, người sau này viết tường thuật về cuộc hành trình của họ, tuyên bố thay vì quạ thì chính rắn đã dẫn người Macedonia đến nơi an toàn.) Họ nhanh chóng đến Gara Oasis hẻo lánh, được biết đến trong thời cổ đại là Alexander's Camp. Họ vẫn còn cách xa mục tiêu của mình, nhưng ít nhất họ có thể nghỉ ngơi và bổ sung nguồn cung cấp nước trước khi đi tiếp qua những hẻm núi khô và trên những ngọn đồi sỏi đá trơ trọi. Cuối cùng, sau ít nhất hai ngày nữa, họ phải vật lộn đến rìa của một cao nguyên cằn cỗi và nhìn xuống từ những vách đá tại ốc đảo Siwa rộng lớn và xanh đến khó tin.



Trải dài năm mươi dặm trên sa mạc Sahara trong một thung lũng xanh tươi ngay dưới mực nước biển, Siwa thực sự là một loạt các ốc đảo và làng mạc. Sự tương phản hoàn toàn giữa sa mạc cằn cỗi và những cây lựu, ô liu và cọ tươi tốt hẳn là một cảnh tượng gây sốc nhưng đáng hoan nghênh đối với Alexander và những người bạn. Bên ngoài những lùm cây trái và những con suối sủi bọt từ mặt đất là một vùng đất hoang khô cằn trải dài theo mọi hướng, nhưng ở đây tại Siwa có những đàn gia súc gặm cỏ, trẻ em cười đùa, và một nền văn hóa phong phú phát triển trong sự biệt lập

tuyệt đẹp. Người Ammonii, như người Hy Lạp gọi là cư dân, không bao giờ là một phần của Ai Cập, mặc dù họ giao thương với thung lũng sông Nile. Xung quanh các ốc đảo là những mỏ muối phong phú, được các thầy tu Ai Cập coi trọng cho các nghi lễ tôn giáo. Người bản xứ Hie thường xuyên chất muối vào những chiếc giỏ đan từ lá cọ và vận chuyển bằng lạc đà về phía đông đến Memphis. (Một loại muối mỏ đặc biệt được tìm thấy ở Siwa có giá trị về các đặc tính hóa học đã được biết đến rộng rãi như muối của Ammon - chính là thuật ngữ amoniac ngày nay.) Cùng với muối, người bản địa vận chuyển chà là, nô lệ và hàng hóa khác đến nơi định cư của họ bằng đoàn caravan từ xa qua Sahara.

Caravan là thuật ngữ chỉ một nhóm lữ hành có thể bao gồm những thương nhân, người hành hương, người đi du lịch... đi cùng nhau. Từ caravan có nguồn gốc từ Karwan: Kar có nghĩa là nhiệm vụ hay yêu cầu và wan có nghĩa là người.



Hồ muối Siwa

Một điểm thu hút ở Siwa mà Alexander có thể biết từ Herodotus là Mùa xuân của Mặt trời. Hồ bơi ở trung tâm của một khu rừng thiêng liêng đối với Ammon được cho là đổ nước ấm vào lúc mặt trời mọc, nước mát vào giữa buổi sáng và nước lạnh vào buổi trưa. Khi một ngày trôi qua và mặt trời lặn trên những đồi cát ở phía tây, mùa xuân sẽ ấm áp cho đến khi nó bắt đầu lại chu kỳ vào đầu ngày hôm sau.



Nhưng Alexander đã quá vội vàng khi đóng vai khách du lịch. Anh đã hành quân hàng trăm dặm băng qua sa mạc để tham khảo ý kiến nhà tiên tri của Ammon, vì vậy không hề thay quần áo, anh đi thẳng vào thành đá ở trung tâm của ốc đảo nơi có đền thờ của vị thần. Ngọn đồi cũng là nơi ở cổ xưa của gia đình cầm quyền Siwa, với những bức tường ngăn cách nơi ở của thủ lĩnh với những người vợ, thê thiếp và con cái của ông. Alexander dường như không để ý đến giới quý tộc địa

phương khi anh leo lên thành và mạnh dạn bước vào thánh địa của vị thần vĩ đại Ammon.



Thầy tế lễ tối cao đã đợi anh ở đó. Thông thường, một đoàn khách hành hương quan trọng sẽ được chào đón bởi một dàn đồng ca gồm những phụ nữ bản địa hát thánh ca dâng lên vị thần, người được thể hiện không phải bằng một bức tượng như trong một ngôi đền Hy Lạp mà bằng một chiếc thuyền nhỏ bằng vàng với những chiếc cốc bạc treo bên hông. Vì Alexander đến thăm bất ngờ và không có thời gian để tổ chức các lễ chào đón thông thường, nhưng dù sao thì thầy tế tối cao cũng muốn tạo ấn tượng tốt với anh. Ông ta dường

như biết đủ tiếng Hy Lạp để trò chuyện với những vị khách không thường xuyên từ bên kia biển, nhưng giọng của ông ta khiến anh khó hiểu. Khi những người bạn của nhà vua đứng chứng kiến bên ngoài cửa điện, thầy tế chào Alexander bằng tiếng cha O payon, có nghĩa là "Hỡi con tôi" — nhưng với cách phát âm khập khiễng của mình, ông đã thay đổi chữ cái cuối cùng để nó phát ra thành O payos. Alexander mỉm cười với sai lầm này, nhưng nhìn thấy trong đó một dấu hiệu từ thần. Đối với nhà vua, nó nghe giống như O pai dios, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Hỡi đứa con của thần Zeus". Alexander muốn biết cha ruột của mình là ai. Lần trượt lưỡi này là manh mối đầu tiên của anh.

Ptolemy và những người bạn đồng hành khác đứng đợi bên ngoài khi Alexander bước vào đền thờ và đóng cửa lại. Chính xác thì điều gì xảy ra tiếp theo là một bí ẩn có thể dẫn đến suy đoán vô tận, nhưng điều chúng ta có thể nói chắc chắn là trải nghiệm của Alexander

trước lời tiên tri về Zeus-Ammon đã thay đổi anh một cách sâu sắc. Tất cả những câu hỏi và nghi ngờ đã đặt ra cho anh trong cuộc đời ngắn ngủi nhưng đầy sóng gió đã được đặt lại. Sau đó, anh viết thư cho mẹ nói rằng anh đã nghe được tin tức đáng kinh ngạc trong khu đền, nhưng sẽ trực tiếp kể cho bà nghe chi tiết khi anh trở về Macedonia. Vì anh không bao giờ trở về nhà nên những bản báo cáo cổ xưa mà chúng ta sở hữu được dựa trên những lời mà nhà vua đã kể cho bạn bè trong những năm sau này hoặc dựa trên những tuyên truyền do các nhà văn thời kỳ đầu nghĩ ra. Dù là gì đi chăng nữa, các nguồn tin nói rằng Alexander đầu tiên hỏi liệu những kẻ giết cha mình có bị trừng phạt hay không. Nhà tiên tri, chủ yếu thông qua một loạt cái gật đầu để trả lời các câu hỏi của nhà vua, chỉ ra không thể giết cha đẻ của anh, vì ông không phải là con người. Alexander có thể đặt tâm trí của mình để nghỉ ngợi vì những kẻ ám sát Philip thực sự đã bị trừng phạt. Nhà vua bây giờ không cần phải hỏi về quan hệ cha con của mình vì câu

hỏi đã được trả lời, vì vậy thay vào đó, anh đặt ra một truy vấn cuối cùng là liệu anh có định mệnh làm chủ nhân của toàn thế giới hay không. Về điều này, nhà tiên tri đã đưa ra một cái gật đầu đồng ý đơn giản nhưng sâu sắc. Như nhà sử học Arrian nói, đó là câu trả lời mà trái tim anh mong muốn nhất.

Giờ đây, Alexander cuối cùng cũng biết mình là ai và vận mệnh trải dài trước mắt. Anh đã tặng những món quà lộng lẫy cho vị tư tế của Zeus-Ammon như một lời cảm ơn và rời khỏi thành phố. Chẳng bao lâu sau, anh sẽ bắt đầu tự gọi mình là con trai của vị thần có giọng nói mà anh đã nghe thấy ở Siwa. Anh thậm chí còn đúc những đồng xu có hình chiếc sừng đặc trưng của vị thần ở hai bên đầu của chính mình. Anh vẫn là một người đàn ông có thể chảy máu và chết như bao người khác, nhưng kể từ ngày đó, Alexander đã biết một tia lửa thần thánh bùng cháy bên trong anh.

Alexander đã dành rất ít thời gian ở Siwa sau chuyến viếng thăm nhà tiên tri. Mùa xuân

đang đến rất nhanh và Darius sẽ đợi anh đâu đó ở Mesopotamia[Lưỡng hà]. Sau chuyến lưu trú ở sa mạc phía tây, anh bắt buộc phải trở về với quân đội của mình tại Memphis càng nhanh càng tốt. Anh vẫn cần tổ chức chính phủ Ai Cập và giải quyết các vấn đề quân sự trong vùng trước khi rời thung lũng sông Nile. Hầu hết các nguồn tin cổ xưa đều nói anh đã trở lại theo cách đã đến, băng qua sa mạc để đến Paraetonium, sau đó đến Alexandria và lên nhánh Canopic của sông Nile đến Memphis. Nhưng Ptolemy, bạn đồng hành của Alexander nói nhà vua đã chọn con đường ngắn nhất đi thẳng về phía đông băng qua sa mạc. Đây vẫn còn hơn ba trăm dặm qua một số địa hình hoang vắng nhất trên trái đất. Tuyến đường phía đông là con đường được cư dân Siwa sử dụng từ lâu để giao thương với vùng đất của các pharaoh, vì vậy có lý khi cho rằng Alexander đã tuyển một số người dân địa phương làm hướng dẫn viên. Con đường trực tiếp rất nguy hiểm, nhưng với hồ sơ của

Alexander về việc chấp nhận rủi ro, đó chính xác là loại thử thách mà anh sẽ thích thú.

Khi nhìn lại thung lũng xanh tươi và đền thờ thần Zeus-Ammon lần cuối, đoàn lạc đà của nhà vua đã rời khỏi thiên đường sa mạc Siwa và tiến về phía đông sông Nile. Con đường mòn ảm đạm như con đường mà Alexander đã đi từ bờ biển Địa Trung Hải. Những người đàn ông băng qua những bãi sỏi cằn cỗi và những đụn cát cao chót vót, sau đó cưỡi ngựa bên cạnh những tường thành đã bị xói mòn, khiến chúng trông giống như những cây nấm khổng lồ mọc lên từ sa mạc. Trong hai ngày đầu tiên sau khi rời Siwa, không có dấu hiệu của nước, vì vậy người Macedonia hẳn đã tự hỏi liệu những người dẫn đường có đang dẫn họ đi lạc hay không. Nhưng ngay sau đó họ tìm thấy một loạt ốc đảo nhỏ nằm rải rác giữa các cồn cát. Những người đàn ông đổ đầy bình nước và uống thoải mái vì phải đi nhiều hơn một trăm dặm nữa trước khi họ nhìn thấy ốc đảo tiếp theo. Cuối cùng, sau ít nhất một tuần lê

bước về phía mặt trời mọc, Alexander và những người bạn đồng hành đã nhìn thấy ốc đảo Bahariya ở phía chân trời.



Bahariya là điểm dừng chân chính trên tuyến đường thương mại giữa Siwa và sông Nile, nhưng nó cũng là một trung tâm thương mại quan trọng của một chuỗi ốc đảo trải dài như một vòm lớn xuyên qua sa mạc phía tây. Bên ngoài thị trấn, mặt đất đen kịt từ đống đổ nát

bị xói mòn của những ngọn núi cổ, nhưng bản thân thị trấn lại giống Siwa với nhiều cây ăn quả, nho và những cánh đồng lúa mì. Ngoài ra còn có những suối nước nóng và lạnh mà Alexander hẳn đã đến thăm để rửa sạch những lớp bụi bẩn đã thu thập được trong vùng hoang dã.



Nhà vua rất chú trọng đến thương mại khi anh đi khắp châu Phi và châu Á, vì vậy chắc chắn đã hỏi về các thành phố xa xôi và các mặt hàng có giá trị từ những thương nhân mà anh gặp ở Bahariya. Trong các thời đại sau này, các nhà khảo cổ học sẽ phát hiện ra một nhà nguyện

nhỏ thờ Alexander ở rìa thị trấn dọc theo con đường dẫn đến Memphis, một khu bảo tồn có thể được người bản xứ thành lập để gây ấn tượng với vị vua đến thăm.



Nhưng không có thời gian để nán lại Bahariya để thờ phượng hay thư giãn. Quân đội của anh đang chờ, vì vậy Alexander lại lên đường về phía đông bắc trên sa mạc khắc nghiệt hơn cho đến khi cuối cùng đến được thung lũng màu mỡ của sông Nile và thành phố Memphis. Cuộc hành trình mệt mỏi đến Siwa và trở về đã mất ít nhất một tháng, nhưng ngoài sự tự

tin mới mà nó mang lại cho Alexander về sự ra đời thần thánh và khả năng chinh phục thế giới, đó hẳn là một cuộc phiêu lưu vĩ đại mà vị vua trẻ và những người bạn của anh sẽ nhớ trong suốt quãng đời còn lại.

Trở lại Memphis, có nhiều việc phải làm nhưng thời gian còn lại rất ít cho đến khi Alexander phải rời Ai Cập. Lần đầu tiên anh tổ chức một lễ hội để tôn vinh thần Zeus, người mà bây giờ anh coi như cha mình, và tổ chức nhiều trò chơi thể thao và lễ hội âm nhạc hơn cho quân đội trước khi cuộc chiến lại bắt đầu. Antipater, nhiếp chính tại Macedonia, đã cử thêm một lực lượng lính đánh thuê và kỵ binh Thracia đến khi anh trở về từ Siwa, nhưng ít hơn một nghìn người, một dấu hiệu cho thấy tình hình ở Hy Lạp đang không ổn định, đặc biệt là với Vua Agis của Sparta vẫn đang gây rắc rối từ căn cứ của mình ở Peloponnese. Bất kể quy mô quân đội Ba Tư đang chờ đợi ở Lưỡng Hà, Alexander sẽ phải đối mặt bằng đội quân mà anh hiện có trong tay.

Các đại sứ từ Aegean cũng đang đợi anh trở về. Một người từ Miletus báo cáo mùa xuân đã trở lại một cách kỳ diệu ở Didyma gần thành phố khô cằn từ lâu của họ. Người Ba Tư đã trục xuất gia đình tư tế Branchidae của Didyma đến Trung Á nhiều năm trước, nhưng các tân tư tế và nhà tiên tri của họ đang làm việc để dự đoán tin tức thuận lợi cho Alexander. Họ khẳng định anh sẽ đánh bại Darius trong một chiến thắng lớn và Đại vương sẽ sớm gặp cái chết. Sparta, họ tuyên bố, sẽ tiếp tục nổi dậy nhưng thất bại. Ngay khi nghe về câu chuyện của nhà vua ở Siwa, họ chợt nhớ lời tiên tri đã báo trước điều tương tự, khẳng định Alexander thực sự là con của Zeus. Không chịu thua kém, một phái đoàn khác từ thành phố Erythrae của Ionian gần đó tuyên bố nữ tiên tri của họ tại đền thờ Athena cũng đã báo trước Alexander là con trai của thần Zeus. Nhà vua hoàn toàn nhận ra những lời tuyên bố chính thống mới này chỉ đơn giản là những thành phố khác nhau đang cố gắng lấy lòng, nhưng anh sẵn sàng sử dụng chúng để đạt

được mục đích của mình. Nếu họ loan tin cho người Hy Lạp rằng anh là con của thần Zeus thì càng tốt. Có lẽ các công dân của Athen, Sparta và Thebes sau đó sẽ suy nghĩ kỹ trước khi gây ra cho anh bất kỳ rắc rối nào nữa trong khi anh đang bận chiến đấu ở châu Á.

Công việc cuối cùng ở Ai Cập là việc bổ nhiệm các nhà cai trị quân sự và dân sự. Đó là một tình huống khó khăn vì vùng đất dọc sông Nile rộng lớn, đông dân cư và vô cùng giàu có. Bất kỳ satrap nào anh chọn để cai trị sẽ có khả năng trở thành một vị vua hùng mạnh theo ý mình nếu anh ta nổi dậy. Do đó, anh đã áp dụng các biện pháp phân chia quyền lực thận trọng tương tự như đã sử dụng tại Sardis ở Lydia, nhưng ở quy mô lớn hơn. Để giữ cho người Ai Cập bản địa hạnh phúc, anh đã bổ nhiệm hai nhà cai trị bù nhìn, Doloaspis và Petisis, tiếp tục các hình thức cai trị cổ đại dọc theo thung lũng sông Nile. Petisis đã từ chối vinh dự trống rỗng này, nhưng Doloaspis rất vui khi được đóng vai của mình. Những nông

dân Ai Cập sẽ tiếp tục canh tác trên cùng một mảnh đất và nộp thuế giống như thời các pharaoh đầu tiên, chỉ có điều bây giờ sẽ được chuyển vào ngân khố Macedonia. Các quan chức địa phương phần lớn được giữ lại. Một quan chức Ai Cập biết ơn tên là Petosiris đã ca ngợi Alexander trong một dòng chữ tượng hình là "hoàng tử Ai Cập công chính" vì những hành động của anh, trái ngược với những người Ba Tư áp bức và bất công đến trước.

Alexander phân chia quyền kiểm soát quân đội chính quy mà anh để lại cho hai sĩ quan Macedonia đáng tin cậy, một ở Memphis và một ở Pelusium. Một sĩ quan từ phía tây bắc Hy Lạp sẽ chỉ huy lính đánh thuê, nhưng anh ta sẽ chia sẻ quyền lực với một người Macedonia, người luôn theo dõi anh ta. Theo dõi cả hai chỉ huy lính đánh thuê sẽ là hai giám thị báo cáo trực tiếp với nhà vua. Một sĩ quan khác sẽ có quyền chỉ huy hải quân tự trị, bảo vệ cửa sông Nile với một hạm đội ba mươi chiếc. Trong sự phân chia quyền lực hơn nữa,

bờ biển châu Phi phía tây Ai Cập và các vùng A Rập xung quanh bán đảo Sinai đã được trao cho các quản trị viên riêng biệt, sau này thuộc về một người Hy Lạp từ thuộc địa của Naucratis tên là Cleomenes. Có rất nhiều người đàn ông khác nhau phụ trách Ai Cập và các khu vực lân cận nên Alexander tin sẽ không thể để bất kỳ ai có thể giành được quyền kiểm soát. Điều này sau đó chứng tỏ là một sai lầm, nhưng hiện tại đó là một chính sách hiệu quả.

Với sự phô trương tuyệt vời, Alexander, pharaoh của Ai Cập, đã rời Memphis vào một buổi sáng mùa xuân đi thuyền xuôi dòng Nile đến Pelusium. Sự kiện chỉ bị hủy hoại bởi cái chết của một trong những người bạn của nhà vua, Hector, con trai út của tướng Parmenion. Chàng trai trẻ quá phấn khích với lễ hội đến nỗi anh ta đã nhảy xuống một trong những chiếc thuyền nhỏ hơn và cố gắng đua theo chiếc thuyền lớn của Alexander. Nhưng chiếc tàu rất nặng với người và vật dụng, bị lật trên

sông với sự mất mát của hầu hết người trên thuyền. Người Macedonia không nổi tiếng về kỹ năng bơi lội, nhưng Hector đã đấu tranh anh dũng trong bộ quần áo ngập nước của mình cho đến khi xác nổi trên bờ sông. Nhà vua thực sự đau lòng trước sự mất mát, mặc dù ông có rất ít tình cảm với những người còn lại trong gia đình Parmenion. Ký ức đau buồn cuối cùng của Alexander về Ai Cập sẽ là thi thể của chàng trai trẻ Hector bị đốt cháy trên một giàn hỏa táng bên bờ sông Nile.

MESOPOTAMIA

VÀO NGÀY THỨ MƯỜI BỐN CỦA THÁNG TASHRITU... ALEXANDER, VUA CỦA THẾ GIỚI ĐÃ ĐẾN BABYLON.

NHẬT KÝ THIÊN VĂN CỦA NGƯỜI BABYLON

Lịch Babylon là lịch âm với các năm gồm 12 tháng âm lịch, mỗi lần bắt đầu khi một mặt trăng lưỡi liềm mới lần đầu tiên được nhìn thấy trên đường chân trời phía tây lúc hoàng hôn.

Tháng TASRITU là tháng 7 theo lịch Babylon, tương đương tháng 8-9 theo lịch ngày nay (lịch dương – theo mặt trời).



Hai trăm người đàn ông, phụ nữ và trẻ em tuyệt vọng đã băng qua các hẻm núi sa mạc ở phía tây sông Jordan, ôm lấy một ít đồ đạc khi chạy vào sâu trong núi.

Sông Jordan là một sông ở Tây Nam Á, chảy từ chân núi Hermon vào biển Chết. Sông này được coi là một trong các sông thiêng liêng nhất thế giới. Sông dài 251 km.

Sông này chảy nhanh trong đoạn dài 75 km vào hồ Hula lầy lội, dòng chảy hơi thấp hơn mực nước biển khoảng 25 km tới Biển hồ Galilee. Đoạn chót dòng chảy ít dốc hơn, và sông bắt đầu uốn khúc trước khi chảy vào biển Chết, nơi thấp hơn mực nước biển khoảng 400 mét và không có lối thoát ra. Hai chi lưu lớn chảy từ phía đông vào sông Jordan ở đoạn cuối là sông Yarmouk và sông Jabbok.

Đoạn ở phía bắc Biển hồ Galilee nằm trong biên giới của Israel, đồng thời tạo thành ranh giới phía tây của Cao nguyên Golan. Phía nam của Biển hồ Galilee, sông Jordan tạo thành biên giới giữa Jordan (ở phía đông) và Israel cùng Bờ Tây (ở phía tây).

Sông Jordan là nguồn cung cấp nước hết sức quan trọng cho các vùng đất khô cằn trong khu vực, nhưng lại là vấn đề có sự bất đồng giữa các nước Liban, Syria, Jordan, Israel và Palestine.



Sidon
MT. LEBANON
MT. HERMON
LITANI R.
Tyre
Upper Jordan
JORDAN R.
Dan
THE GREAT SEA
(Mediterranean Sea)
Hazor
Accho
SEA OF GALILEE
MT. CARMEL
MT. TABOR
KISHON R.
Dor
Beth-Shan
Megiddo
Samaria
MT. EBAL
JORDAN R.
MT. GERIZIM
Shechem
JABBOK R.
Joppa
Lower Jordan
Rabbath-ammon
Jericho
MT. NEBO
Jerusalem
WILDERNESS OF JUDAH
SALT SEA
Lachish
Mamre
Gaza
Hebron
DEAD SEA
ARNON R.
Raphia
BeerSheba
Kir-moab
ZERED R.
RIVER OF EGYPT
WILDERNESS OF ZIN
EGYPT
ARABAH
The Jordan River
During the Time of Abraham
Kadesh-Barnea
N
0
20 Miles
© Bible History Online

Trong lịch sử Kinh Thánh, sông Jordan là nơi diễn ra nhiều phép mầu, trong đó phép mầu thứ nhất là người Israel dưới sự lãnh đạo của Joshua vượt qua sông Jordan, ở khúc gần thành Jericho. Sau đó định cư ở phía đông sông Jordan, đã xây một bàn thờ lớn trên bờ đông như sự làm chứng giữa họ với các bộ tộc khác. Các nhà tiên tri Elijah và Elisha cũng qua sông Jordan ở các chỗ khô cạn. Elisha đã tạo ra hai phép mầu khác trên sông này: lần thứ nhất ông chữa lành viên tướng Naaman bằng cách cho ông này tắm bảy lần ở sông này; lần thứ hai Elisha quăng một khúc cây xuống sông khiến cho lưỡi rìu của một người dân đốn cây bị rớt xuống sông nổi lên.

Kinh Tân Ước cho biết Thánh John Tẩy giả đã làm phép rửa khi rao giảng sự thống hối ở bên sông Jordan, được tường thuật là diễn ra tại Bethabara.

Chúa Jesus được Thánh John Tẩy giả làm phép rửa tội (phép rửa tội để tỏ lòng sám hối của dân chúng, không phải phép rửa tội cho Chúa Jesus) tại khúc sông này. Cũng tại khúc sông Jordan này, Thánh John Tẩy giả đã chứng thực Jesus là Con Thiên Chúa.

Kinh Tân Ước nhiều lần nói tới việc Chúa Jesus vượt qua sông Jordan trong khi Ngài giảng đạo và những người tin theo đã vượt sông Jordan tới nghe Người giảng và để được chữa lành bệnh tật. Khi các kẻ thù tìm cách bắt Người, Chúa Jesus đã ẩn tránh bên sông Jordan ở chỗ Thánh John Tẩy giả làm phép rửa tội lần đầu.

Những người tị nạn mang theo đồ trang sức quý giá, đồng bạc, nhẫn, khăn trải giường cao cấp, và các tài liệu pháp lý trên giấy cói chứng minh địa vị đặc quyền của họ với tư cách là tầng lớp quý tộc được tôn vinh của dân tộc. Họ là những người Samaritans, một nhóm bị những người hàng xóm Do Thái coi là những người bán ngoại giáo, họ đã đi lạc khỏi đức tin chân chính kể từ khi họ trà trộn với những người ngoại quốc định cư trên đất này ba trăm năm trước. Mặt khác, người Samari tự cho mình là những người thực sự tuân giữ đức tin cổ xưa của Israel, mặc dù họ chỉ chấp nhận năm cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh làm sách hướng dẫn cho cuộc sống. Và ngay cả những người Do Thái cũng phải thừa nhận những luật lệ tôn giáo mà người Samari đã tuân giữ là đúng. Trong khi người Do Thái có thể thưởng thức một bữa ăn ngon và đi bộ ngắn vào ngày Sabbath, thì người Samari cấm ăn đồ nóng và ở gần nhà. Họ coi Núi Gerizim gần đó là trung tâm đức tin của họ thay vì Jerusalem. Họ tự hào là những doanh nhân

ngoan đạo và trung thực, không cấp tiến, dễ gây rắc rối với cuộc diễu hành của các cường quốc Assyria, Babylon và Ba Tư cầm quyền đã đi qua vùng đất của họ qua nhiều thế kỷ. Vì vậy, khi họ đi qua vùng hoang dã, họ phải tự hỏi tại sao họ lại thiêu sống vị thống đốc mới được Alexander chỉ định.

"Hãy nhớ ngày Sabbath, để giữ nó là thánh" là một trong Mười Điều Răn được tìm thấy trong Kinh Thánh Do Thái. Toàn văn điều răn có đoạn: "Hãy nhớ ngày nghỉ đang làm nên ngày tháng. Sáu ngày bạn sẽ lao động và làm mọi công việc của mình, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sabbath dâng lên CHÚA, Đức Chúa Trời của bạn."

Alexander nghe được tin tức đáng lo ngại khi đang hành quân từ Ai Cập trở về Phoenicia. Năm trước, nhà vua đã bổ nhiệm Andromachus, người phụ trách hạm đội của mình trong cuộc vây hãm Tyre, làm thống đốc của tỉnh nhỏ Samaria. Bây giờ anh nhận được tin những người Samari bình thường đã bắt giữ Andromachus, trói anh ta vào một cái cọc, và đốt cháy. Có thể là với sự thay đổi trong chế độ, tầng lớp quý tộc địa phương đã quyết định

đây là thời điểm thuận lợi để tuyên bố độc lập. Các quý tộc có lẽ đã tính rằng Alexander sẽ vội đến gặp Darius ở Mesopotamia, anh sẽ không có thời gian vòng vào vùng cao nguyên để trừng phạt. Họ đã nhầm, Alexander lên đường ngay lập tức đến những ngọn đồi ở Samaria với những đội quân tốt nhất để truy lùng và trừng phạt những kẻ dám giết thống đốc được bổ nhiệm của anh. Khi đến thủ đô của họ, anh đã phá hủy nó và thành lập một thuộc địa Macedonia tại địa điểm này. Một số người Samari ở lại đã chuộc mạng sống của họ bằng cách tiết lộ tung tích của những quý tộc đã sát hại Andromachus và dẫn Alexander vào núi tìm đồng hương của họ.

Nhóm người tị nạn rách rưới có thể nghe thấy tiếng người Macedonia đang tiến đến từ thung lũng bên dưới khi họ chạy lên những con đường hẹp trong núi chỉ đủ rộng cho một con lừa đi qua. Những đứa trẻ khóc lóc và kiệt sức đã im lặng khi cha mẹ nhận ra những người lính đang tới. Cuối cùng, họ tìm thấy một hang

động trên sườn đồi với một đường hầm dẫn sâu vào bóng tối. Dơi phủ kín phía trên trong khi những lớp phân chim dày trên nền hang bốc ra mùi hôi thối đến mức khó thở, nhưng chỉ còn cách tiếp tục di chuyển khi họ mò mẫm tìm đường trong hang hốc. Ở đó, họ co ro trong bóng tối ngột ngạt với hy vọng quân Macedonia sẽ không tìm thấy. Nhưng Alexander không gặp khó khăn gì khi lần theo dấu vết và nhanh chóng tới miệng hang, ra lệnh đốt những ngọn đuốc lên ngay lập tức. Không hề nghĩ đến phụ nữ và trẻ em hay phân biệt những người Samari tốt xấu, anh dẫn quân của mình vào hang động và tàn sát mọi linh hồn sống. Những bộ xương lộn xộn để lại cho các nhà khảo cổ học khám phá hơn hai nghìn năm sau kể một câu chuyện sống động hơn bất kỳ lời nào về sự báo thù chóng vánh và tàn nhẫn đối với bất cứ kẻ nào chống lại ý muốn của Alexander.

Từ những ngọn đồi ở Samari, Alexander hành quân ngược xuống biển và đến bờ biển Tyre.

Anh thực sự rất muốn gặp Darius trong trận chiến, nhưng còn việc phải giải quyết ở Phoenicia. Đó hẳn là một trải nghiệm thỏa mãn nghiệt ngã khi đi qua con đập cao tới Tyre mà anh và những người đàn ông của mình đã phải vất vả xây dựng năm trước. Thành phố đang dần hồi phục khi những cư dân mới chuyển đến để thay thế những người bị giết hoặc bị bán làm nô lệ. Các ngôi đền vẫn hoạt động, vì vậy một lần nữa Alexander đã cúng tế tại đền thờ Hercules. Cũng có những cuộc hẹn và công lý phải thực hiện. Samari cần một thống đốc mới, vì vậy nhà vua đã chọn một người Macedonia tên là Menon để thay thế Andromachus bị sát hại. Người Athen đã cử một đại sứ khác, để cầu xin một lần nữa hãy thả đồng bào của họ bị bắt và làm nô lệ trong trận chiến sông Granicus ba năm trước đó. Không biết vì Alexander ngày càng mệt mỏi với những lời cầu xin hay vì số nô lệ này còn sống không sau một thời gian dài trong hầm mỏ, anh đã chấp nhận yêu cầu của họ. Anh cũng nhận được báo cáo về việc Vua Agis và

người Sparta đang phát động một cuộc nổi dậy mới ở Peloponnese và trên đảo Crete. Anh cử một người bạn cũ của gia đình, Amphoterus, người mà anh đã sử dụng cho những nhiệm vụ khó khăn trong quá khứ, để giúp những người Hy Lạp trung thành với anh đối phó với Agis. Alexander không đặc biệt lo lắng về người Sparta, nhưng điều cuối cùng anh muốn khi tiến sâu vào châu Á là phải dẹp cuộc nổi dậy đang diễn ra ở hậu phương của mình. Anh tin tưởng Amphoterus và nhiếp chính Antipater sẽ giải quyết mọi rắc rối ở Hy Lạp.

Cũng có vấn đề về Harpalus. Người bạn thời thơ ấu đã bỏ trốn đến Hy Lạp ngay trước trận chiến tại Issus hai năm trước đó với nhiều vàng nhất có thể nhét vào hành trang của mình, nhưng bây giờ anh ta đang cầu xin Alexander cho trở lại với sự hối hận. Harpalus, người được giao trách nhiệm phụ trách tài chính của nhà vua thay vì làm chỉ huy quân sự vì khuyết tật về thể chất, đã thề rằng tất cả chỉ là sự hiểu

lầm và anh ta đã bị một đồng nghiệp Hy Lạp lừa dối. Vì một lý do nào đó, Alexander đã tha thứ cho Harpalus và không chỉ cho phép tên vô lại này trở về trại mà một lần nữa giao cho anh ta phụ trách kho bạc, bây giờ là một vị trí béo bở hơn nhiều kể từ chiến thắng trước Darius và chinh phục Ai Cập.

Nhà vua đã có những cuộc hẹn khác và sắp xếp thông qua nhiều lời thỉnh cầu hơn từ các thành phố ở Hy Lạp và Tiểu Á, nhưng anh cũng tìm thấy thời gian để tổ chức một loạt các cuộc thi thể thao và văn nghệ cho quân đội của mình. Anh biết cuộc chiến khó khăn nhất mà quân đội của anh sẽ phải đối mặt ở phía trước trên vùng đồng bằng của Lưỡng Hà và muốn quân đội bước vào giai đoạn quan trọng này của chiến dịch một cách thoải mái nhất có thể. Các vị vua của Síp rất mong muốn có được sự ưu ái của Alexander và đề nghị tài trợ cho chương trình. Có những vở bi kịch cổ điển cũng như các vở hài kịch và các bài hợp xướng để tôn vinh thần Dionysus.

Dionysus trong thần thoại Hy Lạp là vị thần rượu nho, con trai của thần Zeus với một công chúa người trần tên là Semele. Khi có thai với thần Zeus, nàng (do bị Hera sai người xúi giục, có bản nói chính Hera đã làm việc đó) đã đòi hỏi thần Zeus bày tỏ sức mạnh thật của mình. Vì không thể thuyết phục được nàng, thần Zeus liền lộ rõ sức mạnh và quyền uy của mình, nhưng nàng công chúa, vì là người trần nên không chịu nổi sấm sét kinh thiên động địa, đã chết. Khi nàng chết, thần Zeus kịp thời đưa đứa bé ra khỏi bụng nàng, rồi khâu vào đùi của mình. Và thế là một thời gian sau, Dionysus được sinh ra từ đùi của cha mình.

Vì phải tránh cơn ghen tuông của Hera, thần Zeus đã đem đứa bé về hòn đảo mà mình được nuôi lớn năm xưa để các nàng tiên chăm sóc. Cậu bé được đặt tên là Dionysus, và sống vui vẻ giữa các nàng tiên cho đến khi thành một chàng trai khoẻ mạnh.

Một ngày, đi hái nho về, cho tất cả vào chậu, rồi để ở chân tường. Khi chàng với tay lên lấy đồ ở trên giá, chàng vô tình giẫm vào chậu nho. Chàng không biết nên làm thế nào, liền đem bỏ trong hang rồi ra về. Vài ngày sau, chàng quay trở lại thì thấy có một mùi rất thơm toả ra từ chậu nho bị giẫm nát hôm trước. Khi uống nước nho vào thì có cảm giác sảng khoái và nước cũng rất ngon. Dionysus rất thích thứ nước đó và đặt tên nó là rượu nho. Chàng quyết định sẽ làm cho cả thế giới phải tôn vinh nó. Trải qua bao cuộc hành trình, những hiểu lầm, chàng đã thu nạp được đệ tử, được cha chàng là thần Zeus đón về đỉnh Olympus và trở thành một trong Mười hai vị thần trên đỉnh Olympus.

Sau này được sự đồng ý của thần Zeus, Dionysus đón mẹ từ địa ngục lên đỉnh Olympus.



Nhà vua thích thú vô cùng và có tâm trạng hào sảng. Khi diễn viên người Hy Lạp Lycon chèn một câu thoại trong vở kịch của mình để xin

tiền, Alexander đã cười cùng với những khán giả còn lại và đưa cho anh ta vàng. Là một người ủng hộ nhiệt tình của sân khấu Hy Lạp, Alexander đặc biệt quan tâm đến cuộc thi giữa hai diễn viên, Athenodorus và Thessalus, người từng cùng anh đến Ai Cập trong lễ hội trước đó tại Memphis. Athenodorus là một trong những nghệ sĩ nổi tiếng và được săn đón nhiều nhất trên thế giới Hy Lạp, đã chiến thắng nhiều cuộc thi trong hơn hai mươi năm qua. Mặt khác, Thessalus là người bạn đồng hành lâu năm của nhà vua, người có thể không tài giỏi như Athenodorus nhưng lại trung thành với Alexander. Philip đã bắt Thessalus nhiều năm trước và tống vào tù khi anh ta làm sứ giả của Alexander đến gặp Vua Pixodarus của Caria để đề nghị một liên minh hôn nhân bí mật. Alexander không muốn thể hiện sự ưu tiên cho người bạn của mình nên đã cho phép ban giám khảo trao vương miện chiến thắng cho Athenodorus. Nhà vua ghét chứng kiến cảnh Thessalus thua cuộc đến nỗi sau đó anh tuyên bố thà từ bỏ một phần vương quốc của

mình còn hơn nhìn Athenodorus chiến thắng. Nhưng Alexander không phải là người có ác cảm với các vấn đề nghệ thuật. Khi biết Athens đã phạt Athenodorus vì đã phá hợp đồng và hủy bỏ một buổi biểu diễn ở thành phố của họ để đến chỗ mình, anh vui vẻ trả tiền phạt cho Athenodorus.



Con đường ngắn nhất từ Tyre đến Babylon dài khoảng năm trăm dặm [800km] dọc theo hướng đông thẳng từ bờ biển Địa Trung Hải. Tuy nhiên, chỉ có một kẻ điên mới có thể dẫn đầu quân đội của mình trên con đường này, băng qua sa mạc hoang tàn của A Rập. Thay vào đó, Alexander đã đi theo các tộc trưởng và các vị vua trong suốt lịch sử bằng cách đi đường vòng dọc theo Fertile Crescent về phía bắc bên dưới những ngọn núi của Leban, sau đó về phía đông qua vùng cao nguyên Assyria, và cuối cùng về phía nam dọc theo sông Tigris và Euphrates đến Babylon.

Khoảng cách gần như xa gấp đôi, nhưng nó là con đường thực tế duy nhất, đặc biệt là vào mùa hè, vì nó cung cấp nhiều nước, thức ăn cho ngựa và nhiệt độ mát hơn.

Fertile Crescent [Lưỡi liềm Màu mỡ] là vùng đất có hình dạng giống như lưỡi liềm hay hình trăng non, là nơi mà nền nông nghiệp và văn minh sơ khởi của nhân loại phát triển rực rỡ, thuộc các khu vực Lưỡng Hà, Levant, và Ai Cập.



Có thể trong cuộc hành trình này, vợ của Darius, người mà quân Macedonia đã bắt được sau trận chiến ở Issus, đột ngột qua đời. Các nguồn cổ xưa đưa ra một bức tranh khó hiểu về thời gian và nguyên nhân dẫn đến cái chết

của nữ hoàng. Một số người nói cô ấy đã chết trước đó trong cuộc bao vây ở Tyre chỉ vài tuần sau khi cô bị bắt, trong khi những người khác cho rằng cô ấy đã chết trong cuộc hành trình dài tới Mesopotamia. Nguyên nhân được một số người liệt kê là do kiệt sức và đau buồn, nhưng một số nhà sử học cho rằng cô qua đời do biến chứng sau sinh nở. Đã hai năm kể từ khi cô gặp Darius, truyền thống này vẽ nên một bức tranh đen tối hơn về mối quan hệ của cô với Alexander, trong đó nhà vua không đối xử với cô bằng sự tôn trọng như anh từng tuyên bố. Trong mọi trường hợp, tất cả các nguồn đều đồng ý Alexander đã tổ chức một đám tang lộng lẫy cho cô.

Cũng trong cuộc hành trình này, một trận chiến đã diễn ra, mặc dù không chính xác giữa người Macedonia và người Ba Tư. Như với tất cả các đội quân cổ đại, có những nhóm lớn theo sau những người lính của Alexander ở bất cứ nơi nào họ tham gia chiến dịch. Đó là những thương gia, ma cô, gái mại dâm và đủ

loại thường dân cung cấp dịch vụ cho quân đội một cách không chính thức. Các tướng lĩnh có thể không tán thành, nhưng chúng là một phần của chiến tranh giống như đôi dép bẩn và bệnh kiết lỵ. Vào một buổi tối, khi công việc đã xong và mọi người cảm thấy buồn chán, những người đi theo chia thành hai nhóm và đặt các chỉ huy cho mình, gọi một người là Alexander và người kia là Darius. Họ bắt đầu bằng cách ném tất cả các cục đất mà họ có thể tìm thấy vào nhau, sau đó tiến đến đánh đối thủ bằng nắm đấm trước khi họ lấy gậy và đá để bắt đầu giết nhau thật. Nhà vua nghe nói đến cuộc chiến và gần như lập tức chạy đến hiện trường. Đó là một tình huống tế nhị. Nếu Alexander không thể kiểm soát được một nhóm dân thường manh động theo sau quân đội của mình, tình trạng hỗn loạn và thiếu kỷ luật có thể lan sang quân đội. Vì vậy, trong một hành động xuất sắc, một lần nữa thể hiện sự hiểu biết của mình về bản chất con người, anh đã gọi hai thủ lĩnh của các phe về phía trước và cho họ chiến đấu trong trận chiến đơn

lẻ trước toàn bộ quân đội. Điều này không chỉ xoa dịu tình hình căng thẳng mà còn mang đến sự giải trí cho quân đội. Khi hàng ngàn binh lính tập trung xung quanh, Alexander giả và Darius giả đã chiến đấu với nhau. Quân đội - luôn mê tín - bắt đầu xem kết quả của cuộc chiến như một điềm báo về trận đại chiến sắp tới. May mắn cho nhà vua, kẻ giả Alexander đã chiến thắng sau một cuộc ẩu đả mệt mỏi. Alexander thật sau đó đã thưởng cho người chiến thắng một chiếc áo choàng Ba Tư và bổ nhiệm anh ta làm quản lý của mười hai ngôi làng.

Sau nhiều tuần hành quân, cuối cùng người Macedonia đã đến được thành phố Thapsacus trên sông Euphrates vào đầu tháng 8. Ngay cả đi dọc theo Fertile Crescent, nhiệt độ vẫn rất cao và dòng nước mát lạnh của dòng sông hẳn là một sự cứu trợ đáng mừng cho những người lính mệt mỏi. Euphrates bắt đầu từ vùng núi Armenia và chảy về phía nam tới Vịnh Ba Tư gần như song song với sông Tigris, đó là nhiều

dặm về phía đông. Vùng đất màu mỡ giữa sông Euphrates và Tigris được người Hy Lạp gọi là Mesopotamia (“vùng đất giữa các con sông”). Alexander đã cử người bạn thân nhất của mình, Hephaestion, đi trước cùng một đoàn kỹ sư để xây dựng một cây cầu phao bắc qua sông. Người bạn đồng hành của anh đã thành công và cây cầu đã sẵn sàng, nhưng Hephaestion đã cố tình bỏ dở nhịp cuối cùng ở phía xa để ngăn chặn kẻ thù bên kia sông tấn công nó.

Euphrates (tiếng A Rập: الفرات نهر, Nahr ul-Furāt; Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ: Fırat; tiếng Syria: ܦܪܬ, Prāṯ) là con sông phía tây trong hai con sông làm nền tảng cho nền văn minh Lưỡng Hà (sông kia là Tigris), khởi nguồn từ Anatolia.

Tên Euphrates bắt nguồn từ tiếng Sumer và tiếng Akkad, lần lượt là Buranun và Purattu. Cái tên sau được ghi nhận từ thế kỷ 22 trước công nguyên, dưới triều vua Gudea.

Về mặt từ nguyên học, “Euphrates” là tiếng Hy Lạp, Phrat, có nghĩa là “sinh sôi nảy nở” hay “màu mỡ, tốt tươi”.

Ngoài ra, phần sau của từ "Euphrates" có thể có nguồn gốc từ tiếng Ba Tư “Ferat” hoặc tiếng Hy Lạp *φέρω* - đọc là fero, đều có nghĩa là “mang tới”, “đưa tới”.

Sông Euphrates dài khoảng 2.781 km. Nó được tạo thành bởi hai nhánh chính:



Nhánh Karasu khởi nguồn từ dãy núi Karrgapazari, cách Erzurum khoảng 30 km về phía đông bắc.

Nhánh Murat khởi nguồn từ một điểm nằm giữa hồ Van và núi Ararat, cách khoảng 70 km về hướng đông bắc của hồ Van.

Hai nhánh Karasu và Murat chảy song song về hướng tây tới khi gặp nhau ở gần thành phố Keban, tại độ cao 610 m so với mực nước biển. Từ điểm này, hai dòng chảy tạo thành sông Euphrates. Dòng chảy phía trên hòa vào Euphrates qua những rặng đá và những hẻm núi dốc đứng, về phía đông nam qua Syria, và xuyên qua Iraq. Sông Khabur và sông Balikh,

đều khởi nguồn từ Thổ Nhĩ Kỳ, hòa vào Euphrates ở phía tây Syria. Sông Euphrates sau đó chảy qua đồng bằng Syria, ở phía bắc khu di tích cổ đại Carchemish.

Ở hạ lưu, dù rất dài, Euphrates không còn nhánh phụ lưu đáng kể nào. Phía bắc Basra thuộc miền nam Iraq, nó nhập làm một với sông Tigris để tạo thành dòng Shatt al-Arab, rồi sau đó đổ ra vịnh Ba Tư. Theo Pliny và một số nhà sử học cổ đại, ban đầu sông Euphrates đổ ra biển theo một cửa tách rời với sông Tigris. Từ đó, nhiều người tin rằng phù sa bồi đắp của hai con sông đã tạo nên vùng đồng bằng ở cuối vịnh Ba Tư và ban đầu bờ biển kéo dài xa hơn về phía bắc, có lẽ đến tận thành phố cổ Ur của người Chaldea.



Con sông bị chia làm nhiều kênh đào ở Basra, tạo nên những vùng đầm lầy rộng lớn. Trong những năm 1990, để đàn áp quân nổi dậy ở đây, chính quyền Iraq đã rút hết nước của vùng

đầm lầy. Kể từ sau năm 2003, các chính sách thủy lợi được phục hồi, nhưng có lẽ còn lâu mới khôi phục được vùng đầm lầy như xưa.

Chỉ những chiếc thuyền nhỏ có lòng cạn mới đi lại được trên dòng Euphrates. Người ta có thể đi bằng thuyền về phía thượng nguồn tới tận thành phố Hit thuộc Iraq, cách cửa biển 1.930 km và ở độ cao chỉ 60m so với mực nước biển. Tuy nhiên, từ Hit trở đi, những bãi cát ngầm và thác dựng đứng khiến thuyền bè thương mại không thể đi lại được. Mùa lũ hàng năm của sông Euphrates, là hệ quả của tuyết tan từ các đỉnh núi ở đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ, được hạn chế phần nào bởi các đập nước và hồ trữ nước nhân tạo ở các nhánh sông nơi thượng nguồn. Khoảng 885 km kênh đào nối sông Euphrates với sông Tigres là đường đi quan trọng cho tàu thuyền trong vùng.

Dòng sông có tên là Perath (là tiếng Hebrew của Euphrates) là một trong bốn dòng sông chảy từ vườn Địa đàng theo sách Sáng thế. Từ Hebrew này, có nghĩa là “dòng chảy” hoặc “hướng về phía trước”, đã được dịch thành Euphrates. Đó là dòng sông thứ tư, cùng với các sông Pishon, Gihon và Tigris (tên tiếng Hebrew là Hiddekel) tạo thành bốn dòng sông chảy xuống từ vườn Địa đàng. Dòng sông có tên tương tự là ranh giới cho vùng đất mà Thượng đế đã hứa cho Abraham và con cháu ông. Sông Euphrates còn được đề cập ở sáu chỗ khác trong sách Sáng thế.

Sông Euphrates là nền tảng cho nền văn minh trồng trọt đầu tiên ở Sumer, khởi nguồn từ thiên niên kỷ 4 trước công nguyên. Rất nhiều thành phố cổ đại quan trọng nằm dọc theo con sông, bao gồm Mari, Sippar, Nippur, Shuruppak, Uruk, Ur

và Eridu. Thung lũng dọc sông tạo nên vùng trung tâm của khu vực sau này sẽ trở thành những đế chế hùng mạnh của người Babylon và Assyria. Trong vài thế kỷ, dòng sông là ranh giới tự nhiên giữa các đế chế Ai Cập và La Mã cổ đại với đế chế Ba Tư. Ngoài ra, trận Karbala đã diễn ra trên bờ sông Euphrates.

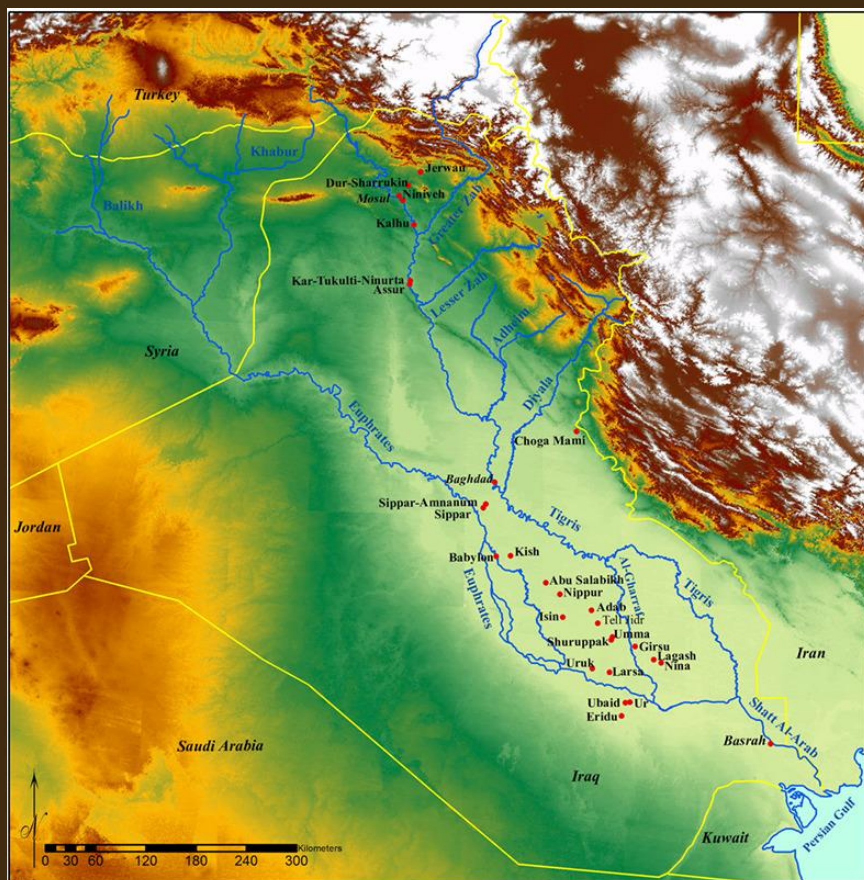


Nơi Euphrates và Tigris gặp nhau tại Al Qurna, Iraq

Sông Tigris dài khoảng 1.900km, bắt nguồn từ Dãy núi Taurus phía đông Thổ Nhĩ Kỳ và chảy theo hướng đông nam đến khi nhập vào Euphrates gần Al Qurna ở phía nam Iraq. Hai sông cùng nhau tạo ra đường thủy Shatt al-Arab chảy vào Vịnh Ba Tư. Sông Tigris có nhiều nhánh, bao gồm Diyala và thượng - hạ lưu của các sông Zab.

Thủ đô Baghdad của Iraq nằm bên hai bờ của Tigris. Thành phố cảng Basra nằm ở tuyến đường thủy Shatt al-Arab. Trong thời kỳ cổ đại, nhiều thành phố của nền văn minh Lưỡng Hà nằm hai bên hoặc gần sông Tigris, những cư dân thời đó

lấy nước sông để tưới nước cho những khu vực nông nghiệp của người Sumeria. Các thành phố đáng chú ý bên sông Tigris có Nineveh, Ctesiphon, và Seleucia, còn thành phố Lagash lấy nước từ Tigris qua một con kênh từ khoảng năm 2400 trước Công Nguyên. Thành phố của Saddam Hussein, Tikrit, cũng nằm bên sông này và lấy tên từ con sông.



Sông Tigris từ lâu đã là một con đường vận tải quan trọng ở quốc gia phần lớn là sa mạc này. Nhưng việc buôn bán qua con sông này đã giảm sút trong thế kỷ 20 khi các tuyến đường sắt và đường bộ đã thay thế đường thủy.

Ngoài sông Euphrates rộng lớn, Alexander có thể nhìn thấy hàng nghìn kỵ binh Ba Tư đang theo dõi, những người lính đầu tiên của Darius mà anh đã thấy trong gần một năm. Họ bao gồm một đội lớn lính đánh thuê Hy Lạp do Mazaeus, thần vệ của Babylon chỉ huy. Nhiệm vụ của họ không phải là ngăn cản quân đội của anh vượt qua; thay vào đó họ là lực lượng đi trước được giao nhiệm vụ canh chừng dòng sông và báo cáo cho Darius khi Alexander băng qua. Vì trong tâm trí của Đại vương không có chút nghi ngờ gì về việc người Macedonia sẽ đi theo phía nam Euphrates, ông đã ra lệnh cho Mazaeus đốt tất cả hoa màu dọc sông trên đường trở về Babylon.

Nhưng giờ Darius lẽ ra phải biết rằng Alexander rất vui khi làm được điều bất ngờ. Người Macedonia đã băng qua sông, nhưng thay vì quay về phía nam, Alexander hành quân về phía đông bắc bên dưới dãy núi Armenia về phía Tigris và thủ đô Nineveh của Assyria.



Mazaeus rời đi ngay lập tức để báo tin cho Darius, người không hài lòng về sự việc này. Ông đã dành hai năm qua để lập kế hoạch đối đầu với Alexander trên vùng đồng bằng phía bắc Babylon. Đại vương mong đợi Alexander sẽ hành xử như bất kỳ vị tướng nào và dẫn quân của mình dọc theo con đường được tưới mát và vững chắc. Thay vào đó, vị vua Macedonia đã đi một đường vòng dài và có vẻ sai hướng. Rõ ràng Alexander hiện đang có ý định dẫn quân của mình đến Tigris trước khi

quay về phía nam. Darius sẽ nhanh chóng phải thay đổi kế hoạch của mình.

Trong khi Alexander và quân của mình hành quân qua miền bắc Lưỡng Hà, thì Đại vương đang điều động quân đội của mình. Ông ta có thể đã mất cảnh giác trước sự chuyển hướng bất ngờ của kẻ thù sang phía đông, nhưng hoàn toàn có thể thích ứng — một minh chứng cho cả Darius và kỹ năng của các chỉ huy quân đội Ba Tư. Đại vương đã rút ra nhiều bài học trong trận chiến Issus hai năm trước đó. Đầu tiên là không bao giờ cho phép quân số vượt trội chiến đấu trên một vùng đồng bằng hẹp [không phát huy được lợi thế]. Ông ta tin nếu buộc Alexander ra trận trên một cánh đồng rộng lớn như dự định ban đầu, ông ta sẽ loại bỏ được mối đe dọa từ người Macedonia. Một bài học khác là tăng số lượng và chất lượng của lực lượng kỵ binh hạng nặng của mình như một phản ứng trước bộ binh tuyệt vời của Alexander. Với tốc độ và khả năng cơ động, những kỵ binh được trang bị tốt có thể là một

đối thủ hiệu quả đối với bộ binh Macedonia và giáo sarissa của họ. Darius cũng nhận ra những ngọn giáo dài của người Macedonia đã mang lại cho bộ binh của họ một lợi thế quan trọng so với bộ binh của ông ta, vì vậy ông đã ra lệnh phân phát những cây thương dài cho người của mình trên mặt đất. Bài học cuối cùng mà Đại vương học được ở Issus là tận dụng lợi thế của nhiều quốc gia trong đế chế của mình để tập hợp lại một đội quân đông đảo. Darius quyết tâm tấn công, lấn lướt, giao tranh và áp đảo hoàn toàn Alexander với quân số vượt trội. Với những mục tiêu này, ông đã dẫn đầu đội quân khổng lồ của mình lên phía bắc dọc theo Tigris để tìm kiếm chiến trường hoàn hảo.

Alexander có ít hơn năm mươi nghìn quân, chủ yếu là người Macedonia, dưới quyền chỉ huy của mình, với một đội ngũ hổ trợ người Thracian và Thessalian. Mặt khác, Darius có ít nhất gấp đôi số lượng binh lính, có lẽ nhiều hơn nữa, được rút ra từ những chiến binh giỏi

nhất của các vùng đất trải dài từ Syria đến Ấn Độ và phía bắc đến thảo nguyên châu Á. Ông có đội kỵ binh mạnh từ phía đông đế chế của mình. Cũng có những người da đỏ từ vùng cao nguyên gần đèo Khyber mang theo voi chiến — lần đầu tiên đội quân từ thế giới Địa Trung Hải sẽ đối đầu với những con thú này trong trận chiến.



Những người bộ lạc miền núi từ Bactria và Sogdiana xa xôi cũng có mặt, dẫn đầu bởi một người bà con và là đối thủ tiềm tàng của Darius tên là Bessus, người đã phục vụ Đại vương như thần vệ của Bactria. Các cung thủ

của Sacae cũng ở đó, những chiến binh độc lập và hung dữ từ vùng đồng bằng Scythia, những người tự hào chiến đấu với tư cách là đồng minh chứ không phải thần dân của Ba Tư. Những người thuộc bộ lạc Arachosian từ vùng núi biên giới phía tây Indus đã thực hiện một cuộc hành trình dài đến Babylon, cũng như người Parthia và Hyrcani từ vùng cao nguyên phía nam Biển Caspi. Người Medes, anh em họ của người Ba Tư, cũng có mặt, cùng với các nước láng giềng của họ là Cadusian, Sacesinian và Albani từ gần Dãy núi Caucasus. Những kỵ sĩ A Rập từ bờ Biển Đỏ đã đi chiến đấu với Darius. Người Babylon địa phương cũng tham gia vào chiến dịch, cũng như người Armenia và người Syria, cùng với người Cappadocia từ Tiểu Á, những người được cho là đã đầu hàng Alexander hai năm trước đó. Có rất nhiều lính đánh thuê Hy Lạp tham gia cuộc hành quân, những người lính chuyên nghiệp vẫn thích phục vụ cho Đại vương hơn là chiến đấu cho một nhà cai trị Macedonia mới nổi. Và, tất nhiên, hàng ngàn

người Ba Tư đã thành lập trung tâm của đội quân xung quanh Darius, những người dũng cảm với truyền thống lâu đời về chiến tranh kỵ binh.

Người Macedonia đến Tigris vào giữa tháng 9. Mặc dù trời vẫn còn là mùa hè, nhưng dòng sông chảy xiết và sâu qua ngã ba duy nhất trong khu vực. Alexander chưa chuẩn bị cầu nên tự mình dẫn bộ binh xuống nước, mực nước ngang ngực. Sau khi những người đàn ông nhìn thấy nhà vua ở bờ xa, họ sẵn sàng qua sông, nhưng họ đã ngu ngốc đội lên đầu những chiến lợi phẩm thu thập được trong ba năm qua, khiến họ mất thăng bằng trong nước. Alexander bảo họ hãy quên mọi thứ trừ vũ khí và anh sẽ bù đắp cho mọi tổn thất, nhưng người Macedonia không định để mất kho báu của mình. Nhà vua nguyền rủa sự ngoan cố của họ, nhưng lại lội xuống sông và ra lệnh họ nối đuôi nhau, tạo thành một chuỗi người có thể chuyển động hỗ trợ nhau chống lại sức mạnh của dòng nước. Anh cũng cho kỵ

binh đi bên cạnh bộ binh để giúp hãm dòng chảy. Khi đội quân đã qua hết, Alexander dựng trại và cho mọi người nghỉ ngơi một ngày ở bờ xa của sông Tigris.

Ngay sau đó, vào đêm ngày 20 tháng 9 năm 331 TCN, một sự kiện phi thường đã xảy ra mà người Macedonia sẽ nhớ mãi. Khi những người đàn ông đang ăn bữa ăn tối dưới bầu trời sa mạc trong vắt, họ nhận thấy mặt trăng tròn đang dần trở nên tối hơn. Không lâu sau, toàn bộ mặt trăng bị màu máu bao phủ. Đó là hiện tượng nguyệt thực, điều mà hầu hết mọi người đều đã thấy trước đây, nhưng thời điểm diễn ra sự kiện trước trận chiến khiến ngay cả những người hoài nghi nhất trong quân đội cũng phải hoảng sợ. Một tấm bảng tại Babylon đã ghi lại sự kiện này, ám chỉ về thảm họa mà nó đã báo trước:

NGUYỆT THỰC TOÀN PHẦN... SAO MỘC HIỆN LÊN... TRONG BÓNG ĐÊM GIÓ TÂY THỔI QUA, SAU ĐÓ LÀ GIÓ ĐÔNG... CÁI CHẾT VÀ TAI ƯƠNG.



Những người có học thức như Alexander biết rằng trái đất, mặt trăng và mặt trời là những hình cầu và nguyệt thực xảy ra khi trái đất nằm giữa mặt trời và mặt trăng, đổ bóng của nó lên bề mặt mặt trăng. Nhưng đối với hầu hết những người bình thường, chắc chắn là đối với những người lính Macedonia, chuyển động của các thiên thể là một bí ẩn thiêng liêng. Họ bắt đầu lo sợ mặt trăng máu là dấu hiệu từ các vị thần rằng họ sẽ bị tàn sát trong trận chiến sắp tới. Alexander nghe thấy tiếng la hét hoảng loạn từ lều chỉ huy của mình và hành quân đến trung tâm trại cùng với nhà tiên tri Aristander để trấn an đội quân đang sợ hãi. Anh đảm bảo với họ rằng máu trên mặt trăng thực sự là một dấu hiệu từ các vị thần, nhưng

là một dấu hiệu thuận lợi cho họ. Aristander đã tuyên bố mặt trăng tối là biểu tượng của người Ba Tư, người sẽ bị lu mờ bởi đội quân của Alexander trong trận chiến. Đó là một thời khắc tế nhị đối với nhà vua, đòi hỏi phải dùng tâm lý nhạy bén và khả năng kiểm soát đám đông, khi quân lính vui lên, anh biết họ đã tin mình và được khuyến khích bởi điềm lành. Alexander sau đó đã cúng tế công khai cho mặt trời, mặt trăng và trái đất như một lời tạ ơn cho dấu hiệu chiến thắng thần thánh này.

Người Macedonia tiếp tục cuộc hành quân về phía nam qua vùng đồng bằng với những ngọn núi Armenia ở bên trái và Tigris ở bên phải của họ. Không có dấu hiệu của lực lượng Ba Tư cho đến bốn ngày sau khi vượt sông, các trinh sát phát hiện một đội kỵ binh địch ở đằng xa. Quân do thám báo cáo có ít hơn một nghìn kỵ binh Ba Tư, những người này là đội bảo vệ đi trước của đội quân chính. Alexander ra lệnh cho một số đội kỵ binh của riêng mình, bao gồm cả Ariston, thủ lĩnh của kỵ binh Paeonian,

và người của anh ta từ vùng cao nguyên phía bắc Macedonia, đi theo anh để truy đuổi các kỵ binh. Ariston là hoàng tử của hoàng gia Paeonia và đã chứng tỏ mình trong trận chiến ở Granicus và Issus. Những người dân vùng cao này tự hào về kỹ năng chiến đấu từ trên lưng ngựa và chiến đấu với một vẻ hung dữ man rợ, xa lạ với những người Hy Lạp văn minh. Alexander, ít quan tâm đến những điều này, miễn là công việc được hoàn thành.

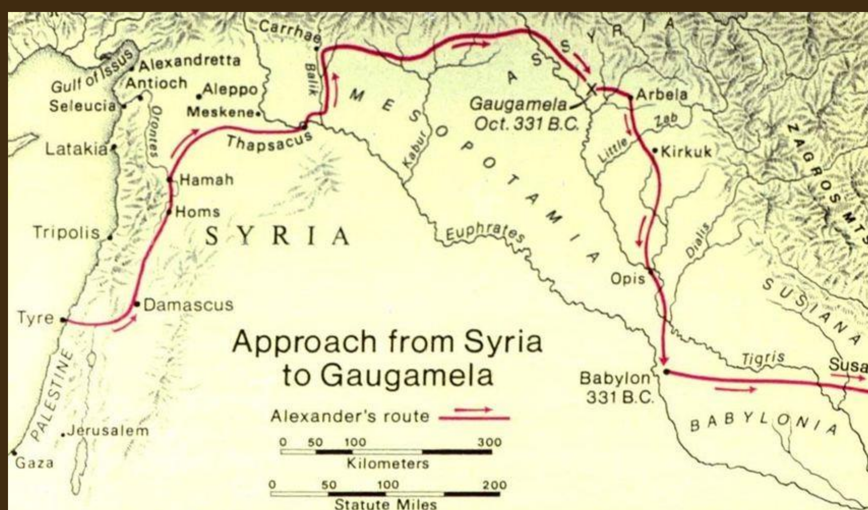
Ngay sau khi Alexander và quân của anh đi qua ngọn đồi, quân Ba Tư nhìn thấy và bỏ chạy nhanh nhất có thể. Nhà vua đuổi kịp và bắt đầu tấn công họ trên đường chạy trốn, giết hầu hết nhưng giữ một số ít còn sống để thẩm vấn. Người Paeonian đã đi đầu trong cuộc chiến và giết chết nhiều người Ba Tư nhất có thể. Ariston đã để mắt đến chỉ huy của kẻ thù, một người Ba Tư tên là Satropates. Đội trưởng Paeonian lao thẳng vào kẻ thù bằng ngọn giáo giơ cao và đâm thẳng vũ khí qua cổ họng của người đàn ông, hất anh ta từ trên ngựa xuống

đất. Sau đó, Ariston nhảy khỏi ngựa và dùng kiếm chặt đầu tướng Ba Tư. Với niềm vui và tự hào, hoàng tử sau đó cưỡi ngựa đến trước Alexander và đặt đầu của Satropates dưới chân mình, khiến nhà vua vô cùng thích thú. Sự kiện này trở nên nổi tiếng trong truyền thuyết Paeonian đến nỗi họ đã đúc một đồng xu với thần Apollo ở một bên và Ariston ở bên kia, đặt ngọn giáo lên trên kẻ thù đã ngã của mình.



Từ những tù nhân bị bắt, Alexander biết được Darius và quân đội của ông ta đang ở gần đó, vượt ra khỏi những ngọn đồi ở phía đông của Nineveh, không xa thành phố Arbela. Họ đã cắm trại trên một vùng đồng bằng rộng lớn tại một địa điểm gọi là Gaugamela. Đó là một

ngôi làng nhỏ, yên tĩnh với cái tên có nghĩa là "ngôi nhà của lạc đà" từ câu chuyện về một vị vua cổ đại đã từng trốn thoát khỏi kẻ thù của mình trên một con lạc đà nhanh nhẹn và chạy trốn đến đó. Ông rất biết ơn con vật nên đã xây dựng một ngôi nhà cho nó và lệnh cho dân làng chăm sóc nó cho đến cuối đời.



Không giống như Issus, có rất nhiều không gian rộng mở để Darius triển khai quân đội của mình. Trong vài ngày qua, Đại vương đã tỉ mỉ san lấp những chỗ lõm và lồi lên trên mặt đất để tạo cho kỵ binh và chiến xa của mình một bề mặt nhẵn để chiến đấu trong trận chiến sắp tới. Darius sẽ không bỏ lỡ cơ hội ở Gaugamela.

Khi đã biết vị trí của quân Ba Tư, Alexander ra lệnh cho quân của mình bỏ lại tất cả trang bị ngoại trừ vũ khí và chuẩn bị xuất quân vào ban đêm. Người Ba Tư vẫn còn cách bảy dặm, nhưng các ngọn đồi đã phân tách hai đội quân khiến họ không thể nhìn thấy nhau. Họ chỉ còn cách ba dặm vào lúc bình minh khi người Macedonia đã qua quả đồi cuối cùng và nhìn xuống đồng bằng Gaugamela. Ít nhất một trăm nghìn người Ba Tư đang ở bên dưới. Một cơn rùng mình chạy qua đội quân và ngay cả Alexander cũng có vẻ lo lắng. Anh gọi các tướng của mình lại để hỏi ý kiến. Liệu anh có nên tấn công ngay bây giờ và tạo yếu tố bất ngờ trước quân Ba Tư hay không? Parmenion kêu gọi nhà vua hoãn trận chiến và khảo sát thực địa trước khi quyết chiến vì họ biết người Ba Tư đã chuẩn bị sẵn các cọc và mương. Vị tướng khuyên nên cẩn thận tìm hiểu thế đất trước khi giao tranh với kẻ thù. Alexander đã đồng ý và ra lệnh cho người của mình dựng trại tạm để sẵn sàng chiến đấu khi họ hành quân vào ngày hôm sau.

Trong khi đó nhà vua đưa một đội kỵ binh và bộ binh hạng nhẹ xuống đồng bằng để tự mình xem trận địa. Thật mạo hiểm khi đến gần các cung thủ Ba Tư như vậy, nhưng Alexander vẫn quyết tâm kiểm tra mặt đất mà người của anh sẽ chiến đấu vào ngày hôm sau. Khi trở về trại, anh lại gọi các chỉ huy của mình để ra lệnh hành quân. Alexander nói: Không cần những bài phát biểu dài dòng hay những lời động viên hoa mỹ trước trận chiến. Họ là những nhà lãnh đạo dũng cảm và có năng lực, những người đã nhiều lần chứng tỏ bản thân bằng hành động. Nhưng ngày mai họ sẽ chiến đấu không phải vì Syria hay Tyre hay Ai Cập mà là vì chủ quyền của toàn châu Á. Mọi thứ phụ thuộc vào kết quả của trận chiến này. Nếu quân Ba Tư có thể bị tiêu diệt ở đây và Đại vương bị giết, thế giới sẽ là của họ. Ba Tư đông hơn, nhưng nếu họ chiến đấu như anh biết họ có thể thì sẽ giành chiến thắng. Nhưng không được phép có sai sót. Trật tự và kỷ luật là điều cần thiết trong cuộc tấn công. Những người đàn ông phải im lặng khi anh ra lệnh im lặng,

hét lên khi họ cần hét, và tru lên như những con sói để khơi dậy nỗi kinh hoàng trong lòng người Ba Tư khi đến thời điểm.

Nhà vua cho các tướng lĩnh lui ra và ra lệnh cho quân đội ăn uống và nghỉ ngơi thật tốt, sau đó lui về lều riêng của mình để nghỉ ngơi vào buổi tối. Parmenion đến một mình và đưa ra một đề nghị táo bạo trái ngược với lời khuyên công khai trước đây — tại sao không tấn công người Ba Tư ngay trong đêm đó khi trời vẫn còn tối? Alexander nhanh chóng từ chối đề nghị này với lập luận anh không muốn đánh cắp chiến thắng. Nhưng có nhiều vấn đề thực tế hơn cần xem xét trong quyết định đợi đến sáng của anh. Các cuộc tấn công ban đêm rất hiếm trong thế giới cổ đại vì lý do đơn giản là chúng quá khó đoán. Đội quân tấn công có thể đạt được yếu tố bất ngờ khi bắt đầu, nhưng trận chiến có thể nhanh chóng rơi vào hỗn loạn với việc binh lính giết chết đồng đội của họ do nhầm lẫn. Ngoài ra, Alexander đã đúng khi không thể cướp được chiến thắng từ tay

Darius. Nếu người Macedonia giành chiến thắng trong một trận chiến ban đêm, tin tức sẽ lan truyền rằng anh sợ phải đối mặt với Đại vương trong một cuộc chiến công bằng. Điều này có thể thổi bùng ngọn lửa kháng chiến trong nhiều năm tới. Không, anh cần phải đánh bại Darius một cách công khai trong ánh sáng ban ngày để chứng minh - như người Ba Tư gọi người cai trị của họ, Vua của các vị vua. Bất chấp những lời lẽ của mình với các chỉ huy, Alexander không hề ảo tưởng, phần còn lại của đế chế sẽ không dễ dàng rơi vào tay mình ngay cả khi giành được chiến thắng tại Gaugamela. Nhưng để đè bẹp đội quân Ba Tư hùng mạnh trong trận chiến mở màn sẽ là một lợi thế lớn trong việc đối phó với những cuộc đấu tranh chưa tới.

Tuy nhiên, Parmenion có thể đã cho Alexander một ý tưởng có giá trị. Nhà vua sẽ không tấn công vào đêm đó, nhưng tại sao không để người Ba Tư nghĩ anh sẽ làm? Các nguồn cổ xưa nói rằng Darius đã mong đợi

Alexander mở một cuộc tấn công trong bóng tối và giữ cho người của mình sẵn sàng và thức suốt đêm để chuẩn bị. Có thể Alexander đã cho phép tin đồn lan truyền qua mạng lưới gián điệp trong quân Ba Tư rằng người Macedonia đang lên kế hoạch tấn công bất ngờ. Trong khi người của mình nghỉ ngơi và chuẩn bị cho cuộc chiến diễn ra vào ngày hôm sau, những người lính Ba Tư sẽ buộc phải thức suốt đêm với vũ khí, chờ đợi một cuộc tấn công sẽ không đến cho đến khi mặt trời mọc. Họ sẽ kiệt sức, nhưng người Macedonia sẽ sẵn sàng chiến đấu.

Tuy nhiên, Alexander cũng không dễ ngủ đêm đó. Anh biết người Ba Tư đông hơn ít nhất hai lần và đã chọn một chiến trường phù hợp với thế mạnh của họ. Trong một vùng đồng bằng rộng lớn, hàng chục nghìn kỵ binh được thu hút từ mọi ngóc ngách của đế chế sẽ dễ dàng kéo dãn chiến tuyến của anh và chắc chắn sẽ áp đảo quân Macedonia, bao quanh bộ binh của anh cho đến khi từng người lính bị tiêu

diệt. Hoặc họ có thể tập trung thành một cái nêm không thể ngăn cản và ép qua bộ binh Macedonia. Anh phải nghĩ ra cách để chọc thủng phòng tuyến của quân Ba Tư bằng chính kỵ binh của mình và tấn công thẳng vào Darius. Nếu anh có thể giết Đại vương hoặc thậm chí đuổi ông ta chạy khỏi chiến trường, quân Ba Tư sẽ sụp đổ. Nhưng với rất nhiều kỵ binh bọc thép dày đặc trên chiến tuyến của Ba Tư, kéo dài ra ngoài chiến tuyến của chính anh ở cả bên phải và bên trái, đó dường như là một tình huống bất khả thi. Sau đó, trong đêm, Alexander nảy ra một ý tưởng - một ý tưởng tuyệt vời, táo bạo. Kể từ đó, nhà vua ngủ ngon.

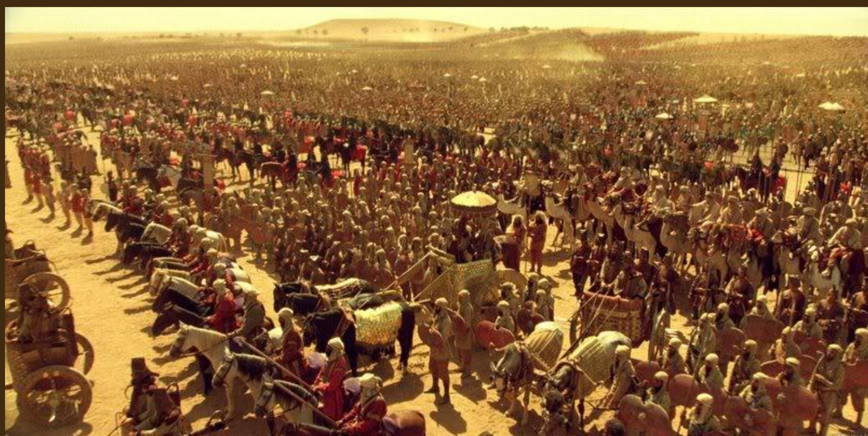
Khi các sĩ quan của Alexander đến vào lúc mặt trời mọc vào sáng hôm sau, họ không thể tin nhà vua vẫn còn trên giường. Họ không dám đánh thức, vì vậy họ yêu cầu tất cả những người đàn ông phải ăn sáng nhanh. Cuối cùng, khi mặt trời mọc trên dãy núi ở phía đông, Parmenion cuối cùng bước vào lều và lớn tiếng gọi anh hai hoặc ba lần trước khi nhà vua

mở mắt. Vị tướng già phẫn nộ hỏi làm thế nào mà anh có thể ngủ say như thể đã giành được chiến thắng khi trận chiến vẫn còn ở phía trước. Alexander chỉ cười và nói, “Tại sao ông biết chúng ta sẽ thắng?” Nhưng không còn thời gian để nghỉ ngơi. Alexander nhanh chóng tự mình ăn sáng, sau đó mặc bộ giáp lộng lẫy của mình và sải bước ra khỏi lều trước sự hò reo của quân đội. Với nhà tiên tri Aristander đứng bên cạnh, anh mặc áo trắng, cúng tế cho thần Zeus trước toàn quân. Sau đó, anh gọi các sĩ quan lại và tiết lộ cho họ biết kế hoạch mà anh đã nghĩ ra vào đêm đó.

Đội quân của Darius trải dài trước quân Macedonia trên khắp đồng bằng theo hai đường rộng, với kỵ binh ở phía trước và bộ binh ở phía sau. Alexander có thể nhìn thấy những kỵ sĩ Bactria huyền thoại đang hướng mặt về phía bên phải của mình cùng với những người khác từ Trung Á do Bessus chỉ huy. Các đơn vị kỵ binh từ nhiều quốc gia đã tạo thành tiền quân, cùng với các đội chiến xa có răng cưa,

hàng nghìn cung thủ và những con voi mà người da đỏ đã mang theo.

Đối diện với bên trái quân Macedonia lại là một bức tường thành kiên cố của kỵ binh. Phía sau kỵ binh là bộ binh, sẵn sàng tiến lên chống lại người của anh khi kỵ binh đột phá phòng tuyến. Bản thân Darius đối diện với quân Macedonia, được bao quanh bởi những người Ba Tư trung thành và những người lính đánh thuê Hy Lạp cứng rắn, giống như ở Issus hai năm trước đó.



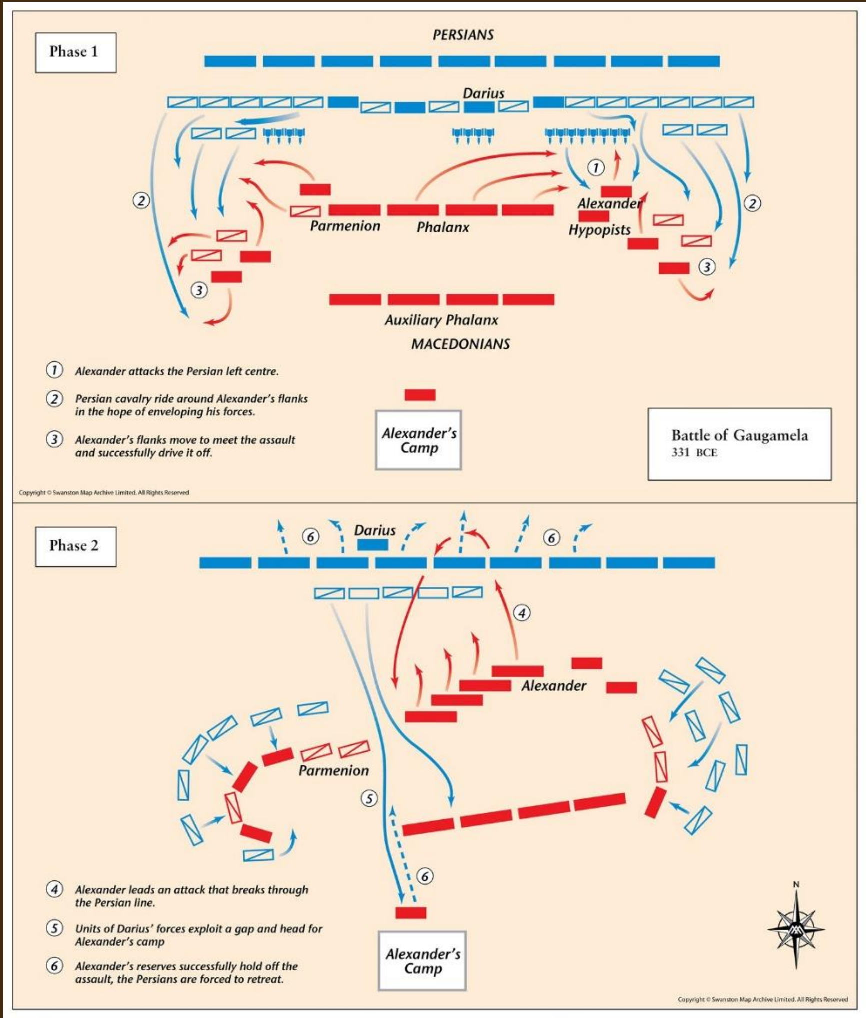
Parmenion chỉ huy cánh trái, Alexander bên phải. Nhà vua cho các kỵ binh Thessaly đi cùng với Parmenion, nhưng cũng giữ một đội kỵ binh lớn cho riêng mình. Ngoài ra còn có

một tuyến bộ binh thứ hai, chủ yếu là lính đánh thuê Hy Lạp, ở phía sau trung tâm phòng trường hợp quân Ba Tư đột phá, nhưng họ sẽ không thể trụ vững lâu nếu tiền tuyến sụp đổ. Nắng nóng gay gắt ngay cả vào cuối tháng 9 và đất bị khuấy động bởi vô số người và ngựa đe dọa bao phủ đồng bằng Gaugamela bằng một đám bụi mù mịt. Không lâu sau, cả hai đội quân đều đã có mặt tại chỗ, chờ người kia ra tay trước.

Alexander cưỡi trên Bucephalus. Con chiến mã anh đã làm chủ đầu tiên bên dưới đỉnh Olympus cách đây rất lâu, giờ đã qua thời đỉnh cao, nhưng trong tim anh, nó vẫn là nhất. Alexander sẽ không mơ được cưỡi một con ngựa khác ra trận vào ngày định mệnh đó.

Như trong các trận giao tranh trước đây, Alexander dự định tấn công trước bằng bên phải để kéo đội hình địch ra khỏi trung tâm và mở ra một khoảng trống để tiến vào trái tim của chúng. Nhưng với rất nhiều binh lính Ba Tư trải dài ngoài chiến tuyến của anh ở cả hai

bên, anh sẽ phải thử một điều mà chưa một vị tướng nào trong lịch sử làm được.



Giờ đây, anh bắt đầu với lực lượng kỵ binh ở nửa bên phải của cánh phải, đi xa hơn về bên phải của chiến trường mà không bao giờ tiếp xúc với kẻ thù. Điều này hẳn có vẻ nực cười đối

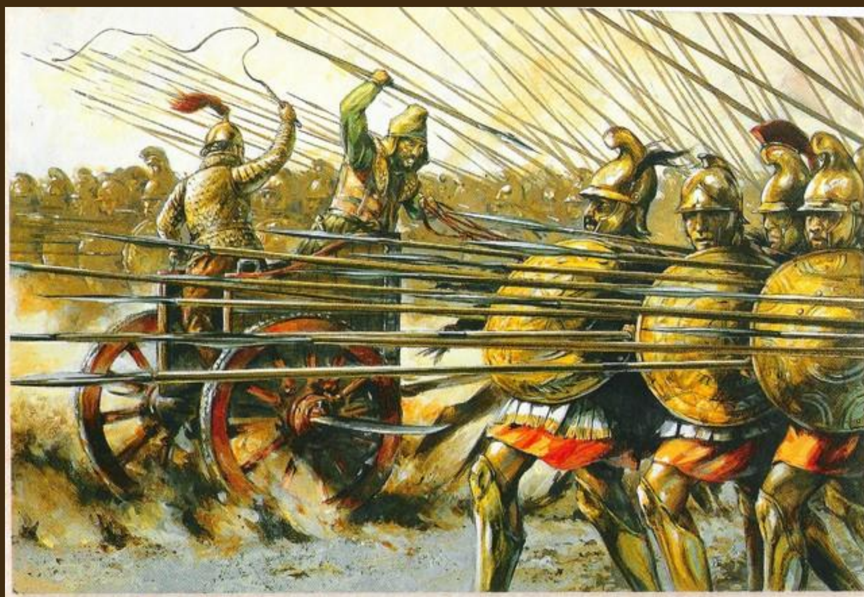
với Darius, như thể nhà vua Macedonia đang hy vọng vây quanh lực lượng vượt trội của ông ta. Nhưng Alexander đã có một kế hoạch. Nếu anh có thể kéo đủ quân Ba Tư ra khỏi trung tâm của họ, anh có thể tạo ra một khoảng trống trong phòng tuyến của họ. Ngay lúc đó, anh sẽ cho kỵ binh của mình vòng lại và chạy về phía Darius khi quân Ba Tư đang truy đuổi anh ở phía xa.

Có rất nhiều điều có thể xảy ra với kế hoạch này và Alexander có lẽ đã cố gắng không tính đến hậu quả của thất bại. Nó phụ thuộc vào việc Darius gửi đủ quân theo sau anh để làm mỏng trung tâm Ba Tư. Sau đó, Alexander sẽ phải quay kỵ binh của mình đủ nhanh để bỏ lại kỵ binh Ba Tư đang đuổi theo mình. Nếu có thể đến được, anh vẫn sẽ phải vượt qua hàng loạt binh lính Ba Tư để tấn công thẳng vào Darius. Trong thời gian này, các lực lượng vượt trội của Đại vương sẽ tấn công phần còn lại của quân đội Macedonia bằng tất cả những gì họ có. Điều tối cần thiết là Parmenion phải giữ

được đội quân của mình trong lúc bị tấn công mạnh đủ lâu để Alexander có thể phá vỡ khoảng trống mà anh hy vọng sẽ mở ra ở phòng tuyến Ba Tư. Nếu Darius không chịu cắn câu hoặc Alexander không thể đột phá hoặc phòng tuyến Macedonia sụp đổ, tất cả sẽ chết.

May mắn cho Alexander, ngay khi Darius nhìn thấy anh đang tiến về phía xa bên phải của chiến trường, ông ta đã cử Bessus và kỵ binh đuổi theo. Đại vương lo lắng nếu Alexander có thể đến được phần đồng bằng mà ông đã không kịp san lấp trong những ngày trước đó, các kỵ binh của ông có thể không theo kịp quân Macedonia. Khi họ gần đến, người Ba Tư đã vượt lên trước Alexander và bắt đầu di chuyển xung quanh anh ở bên phải, đe dọa tấn công anh từ phía sau. Đáp lại, Alexander ra lệnh cho lính đánh thuê Hy Lạp và kỵ binh Paeonia dưới quyền của Ariston tấn công Bessus và người của ông ta trong một nỗ lực lớn để giữ họ ở phía xa chiến trường.

Trong khi đó Darius đã tung lực lượng chính chống lại quân Macedonia. Kế hoạch của người Ba Tư là sử dụng chiến xa - những cỗ xe chết chóc có gắn lưỡi dao vào bánh xe - trước tiên để xé toang kẻ thù và khiến các phòng tuyến trở nên hỗn loạn, mở lỗ hổng trong phòng tuyến quân Macedonia.



Điều Darius không nhận ra là Alexander đã nghiên cứu kỹ cách dụng binh của Ba Tư trong nhiều tuần về cách đối mặt với những cỗ máy đáng sợ này. Khi những cỗ xe đến gần, những người Thracia ở phía trước hàng đã phóng một

loạt lao vào những người lái xe và giết chết nhiều người trong số họ trong khi xe vẫn đang lao tới. Những người khác có thể giật lấy dây cương khi xe ngựa lao qua và kéo xác lái xé xuống. Những người vượt qua được quân Thracia thấy bộ binh Macedonia đã ngay lập tức bước sang một bên để cho xe vượt qua, sau đó khép lại phòng tuyến. Đó không phải là một kế hoạch hoàn hảo vì một số người của Alexander đã bị những lưỡi dao xoay tròn giết chết, nhưng thương vong tương đối ít. Các chiến xa chỉ là người đi đầu trong cuộc tấn công của quân Ba Tư.

Ngay sau đó, một số lượng lớn kỵ binh tấn công phòng tuyến Macedonia, tiếp theo là bộ binh. Người của Alexander lúc này đang trấn giữ bên trái, nhưng quân Ba Tư đang đe dọa phá vỡ bất cứ lúc nào.



Cuối cùng thì Alexander cũng nhìn thấy những gì anh chờ đợi – trung quân Ba Tư thưa dần. Anh ra lệnh cho người của mình quay ngược trở lại và tấn công theo đội hình nêm. Các lực lượng Ba Tư ở bên phải chiến trường đã bị giữ lại bởi những người lính đánh thuê Hy Lạp và Paeonian, để nhà vua tự do chạy đua về phía Darius. Với một tiếng kêu xung trận lớn, Alexander và người của mình bay về phía Đại vương và tiến vào chiến tuyến của Ba Tư. Darius đã không nghĩ tới việc Alexander sẽ có thể đột phá như đã từng làm ở Issus, nhưng bây giờ ông ta thấy vị vua trẻ Macedonia đang chiến đấu theo cách của

mình bằng giáo và kiếm để đến được chỗ ông ta. Đó là một cuộc đấu tranh tàn bạo của cả hai bên, với các quý tộc Ba Tư đã hy sinh mạng sống để giữ người Macedonia tránh xa Darius. Nhưng cuối cùng Alexander và người của anh đã tiến gần đến mức Đại vương ra lệnh cho người đánh xe quay đầu và bỏ chạy khỏi chiến trường.



Vào lúc vui mừng này, Alexander nhận được tin Parmenion và người của ông đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng. Người Ba Tư dưới sự chỉ huy của satrap Babylon - Mazaeus đã vượt qua ranh giới với những người Bactria và thổ dân da đỏ phía sau. Họ đã xé nát quân đội của anh đến tận phía sau và đang giải thoát cho

các con tin Ba Tư ở trại quân Macedonia, với nhiều tù nhân trong số này tham gia giết những kẻ bắt giữ người Macedonia. Nhưng quan trọng hơn, người của Parmenion đang bị tàn sát và cần được giúp đỡ.



Alexander phải đối mặt với một quyết định khó khăn. Nếu đuổi theo Darius và bắt được ông ta, đó sẽ là một đòn giáng mạnh vào quân Ba Tư. Nhưng nếu anh truy đuổi Đại vương, một nửa quân của anh sẽ bị diệt vong với nhiều trận chiến vẫn còn phía trước. Alexander không có lựa chọn nào khác ngoài

việc xoay người của mình và chạy đến cứu viện Parmenion, cuối cùng bao vây những kẻ tấn công Ba Tư và hạ gục chúng. Khi anh và Parmenion tiêu diệt được cuộc kháng cự cuối cùng của quân Ba Tư, thì Darius đã chạy xa.

Người Macedonia đã chiến thắng một trong những trận chiến vĩ đại nhất trong lịch sử. Khi một tấm bia tại Babylon ghi lại:

VÀO NGÀY 24 CỦA THÁNG ULULU... VÀO BUỔI SÁNG, VỊ VUA CỦA THẾ GIỚI... HỌ ĐÃ CHIẾN ĐẤU VỚI NHAU VÀ ĐÁNH BẠI ĐỘI QUÂN VĨ ĐẠI... NHỮNG CHIẾN BINH CỦA ĐẠI VƯƠNG ĐÃ CHẠY TRỐN CÙNG ÔNG TA... HỌ ĐÃ TẨU THOÁT ĐẾN VÙNG ĐẤT MEDIA.

Tháng ULULU: theo lịch Babylon là tháng 6 âm lịch.

Người Ba Tư đã mất hàng chục nghìn người, trong khi Alexander thu được một loạt chiến lợi phẩm phong phú — chưa kể một vài con voi. Tổn thất của Macedonia tương đối ít, mặc dù Hephaestion và một số chỉ huy bị thương nặng. Nhiều con ngựa của họ cũng bị giết trong trận giao tranh. Nhưng thậm chí không

chỉ là một chiến thắng quân sự, phần thưởng lớn nhất của Alexander là vinh quang. Anh đã mạo hiểm mọi thứ và giành chiến thắng, đánh bại đội quân Ba Tư lớn nhất từng tập hợp. Đúng là anh chưa giết hay bắt được Đại vương, nhưng nỗi nhục nhã khi bị đuổi khỏi chiến trường một lần nữa khiến vị thế của Darius suy yếu nghiêm trọng. Con đường đến thành phố Babylon huyền thoại đã rộng mở, với sự giàu có của Susa và Persepolis ở ngay phía xa. Cuộc chiến giành Ba Tư vẫn chưa kết thúc vì những người khác chắc chắn sẽ đứng lên để bảo vệ trung tâm của đế chế và các vùng đất trù phú ở phía đông, nhưng vinh quang hoàng gia tuyệt vời giờ đã chuyển sang tay Alexander.

Trong suốt chiến dịch, dù anh ở Ai Cập, Lưỡng Hà hay Ấn Độ, luôn có một luồng sứ giả đi qua lại giữa trại Macedonia và phần còn lại của đế chế. Các lá thư gửi về nhà cho mẹ tại Pella đặc biệt thường xuyên, nhưng cũng có các chỉ thị cho các quần thần và chỉ huy quân sự khác

nhau, thư cho các đồng minh và các thành phố nước ngoài, và lời tuyên truyền cho chiến dịch của cháu trai Aristotle là Callisthenes đến các thành phố Hy Lạp. Bất cứ nơi nào Alexander tình cờ đến vào lúc này đều là thủ đô tạm thời của vương quốc. Khả năng điều khiển hàng triệu đối tượng phụ thuộc vào kiến thức của anh về các sự kiện địa phương, từ vụ thu hoạch ngũ cốc mới nhất ở Gyrene đến các báo cáo về các cuộc di chuyển của bộ lạc dọc sông Danube. Tương tự như vậy, điều cần thiết là tất cả các tỉnh phải biết nhà vua đang ở đâu, anh đang làm gì và quân đội đã chiến đấu thành công chống lại kẻ thù của mình. Vì vậy, khi tin tức truyền đến Aegean rằng Alexander đã đánh bại Darius tại Gaugamela, người dân Hy Lạp đã rất kinh hoàng. Hầu hết đều hy vọng Đại vương sẽ xóa sổ Alexander và loại bỏ mối đe dọa Macedonia mãi mãi. Liên minh Corinth vui vẻ sẽ bị lãng quên và tất cả các thành phố Hy Lạp có thể quay trở lại tranh giành với nhau như họ đã có từ thời xa xưa. Nhưng với chiến thắng của Alexander, dường

như không có cách nào để nới lỏng sự kìm kẹp của Macedonia đối với Hy Lạp.

Không phải là một số không sẵn sàng thử. Ngay cả trước Gaugamela, người cai trị được chỉ định của Thrace, một thủ lĩnh giàu kinh nghiệm tên là Memnon, đã phát động một cuộc nổi dậy khuấy động các bộ lạc từ vùng núi phía đông Macedonia. Memnon đã tập hợp lại một đội quân đông đảo và hung hãn đã khiến nhiếp chính Antipater buộc phải hành quân chống lại ông ta. Vua Agis của Sparta đang theo dõi các sự kiện ở Thrace một cách cẩn thận và quyết định đây là thời điểm để đưa ra lời kêu gọi người Hy Lạp đoàn kết và vứt bỏ ách thống trị của người Macedonia. Các sứ giả đã đi đến các thành phố từ Athens đến Thebes, nhưng như thường lệ, hầu hết người dân đều tỏ ra ấm ức về việc phải cầm vũ khí. Người Athen nói riêng do dự, tước đi sự hỗ trợ quan trọng từ hải quân cho Agis. Vị vua của Sparta đã làm chao đảo một số thành phố để buộc đi theo ông ta, nhưng hầu hết người Hy

Lạp đều hài lòng chờ đợi bên lề và xem liệu người Sparta có thành công, trước khi họ tham gia.

Ngay sau khi Antipater nhận được tin về cuộc nổi dậy của người Sparta, ông đã tiến hành một thỏa thuận hòa bình nhanh chóng với Memnon ở Thrace và hành quân về phía nam đến Hy Lạp. Antipater mang theo bốn mươi nghìn quân, bao gồm nhiều người Hy Lạp trung thành, nhiều hơn gấp đôi tổng quân số phục vụ Agis. Tại Megalopolis ở phía bắc Sparta, hai lực lượng đã gặp nhau trong một cuộc đụng độ đẫm máu khiến hàng nghìn người của cả hai bên thiệt mạng. Antipater quyết tâm quét sạch sự kháng cự của người Hy Lạp một lần và mãi mãi, nhưng Agis cũng quyết tâm khôi phục tự do cho vùng đất. Khi trận chiến chống lại ông, vị vua Sparta đang ở tiền tuyến chiến đấu chống lại người Macedonia cũng dũng cảm như tổ tiên của ông, những người đã chống lại người Ba Tư tại Thermopylae. Nhưng với vô số vết thương,

cuối cùng ông ta cũng được các đồng đội cõng đi. Ngay cả khi đó kẻ thù đã bao vây các chốt giữ cuối cùng của Sparta. Agis ra lệnh cho những đồng minh của mình chạy trốn, nhưng ông ta bị thêm một nhát kiếm. Vết thương quá nghiêm trọng đến nỗi ông ta không thể đứng vững khi quân Macedonia áp sát, nhưng ông đã cố đứng dậy và chém vào bất kỳ người lính nào của Antipater đến gần. Vị vua cao quý cuối cùng của Sparta đã bị giết bởi một mũi giáo và bỏ mạng trên chiến trường.

Sau trận chiến tại Gaugamela, Darius đầu tiên chạy trốn đến thành phố Arbela gần đó, nhưng chỉ một thời gian ngắn khi biết Alexander sẽ ở gần phía sau mình. Từ đó, ông tiến về phía đông vào các ngọn núi ở phía thủ đô cũ Ecbatana của Media. Nơi ở vào mùa hè của Đại vương tọa lạc trên đỉnh một tòa thành cao với một cung điện nguy nga được trang trí bằng vàng, bạc và đồ gỗ tinh xảo. Ecbatana cũng nằm trên con đường chính nối Mesopotamia với các tỉnh của Trung Á.



Khi đi đến vùng cao nguyên, Darius đã thu thập những người sống sót sau trận chiến. Đội kỵ binh Bactria dưới quyền người họ hàng của ông là Bessus đã ở bên ngay từ đầu, cùng với những người thân nhất của ông và người bảo vệ riêng, được gọi là Spearmen of the Golden Apples. Hai nghìn lính đánh thuê Hy Lạp cũng tham gia, dẫn đầu bởi đội trưởng của họ là Patron và Glaucus. Họ biết sẽ không được chào đón tại trại của Alexander vì sự phản bội của họ đối với chính nghĩa Hy Lạp.

Darius trang bị vũ khí cho tất cả những người lính bị mất từ các kho của Ecbatana và cử sứ giả đến các bộ lạc lân cận yêu cầu binh lính cho cuộc chiến tiếp theo. Ông cũng gửi thư đến các satraps ở Trung Á để xác nhận lòng trung thành của họ. Kế hoạch của ông là di chuyển về phía đông đến các sa mạc và núi ở Parthia, Bactria, Sogdiana, và vùng biên giới của Ấn Độ để thực hiện một chiến dịch du kích chống lại người Macedonia. Ông đảm bảo với những người đi theo rằng họ còn lâu mới bị đánh bại. Alexander đã chiếm được bờ biển Địa Trung Hải và đang hành quân qua vùng Lưỡng Hà, nhưng một nửa Đế chế Ba Tư vẫn còn nguyên. Darius sẽ đích thân dẫn đầu nhóm chiến binh cơ động của mình trong những trận chiến oanh liệt chống lại quân ngoại xâm. Họ sẽ sống như tổ tiên ngày xưa, cưỡi ngựa và ngủ dưới các vì sao. Người Ba Tư không cần cung điện và sự giàu có. Hãy để người Macedonia ăn chơi ở Babylon và lãng phí sức lực của họ bằng cách ăn những quả nho do các hoạn quan tẩm hương thơm.

Những người đi theo Darius không mấy hứng thú trước viễn cảnh về một cuộc nổi dậy bất tận được tiến hành từ các hang động và những ngôi làng trên núi biệt lập. Họ không thể tin Đại vương lại sẵn sàng giao lại sự giàu có của Babylon và thủ đô mùa đông Susa cho Alexander. Ông ta không có kế hoạch chiến đấu cho Persepolis và trung tâm của Ba Tư. Bất chấp sự đảm bảo của Darius rằng các cuộc chiến sẽ giành chiến thắng với những người dũng cảm, các quý tộc của đế chế đã khá quen với cuộc sống đặc quyền và xa hoa. Việc đột nhiên trở thành một nhóm rách rưới như những chiến binh nghèo khổ nhưng anh hùng ăn thịt dê tái trong vùng đất hoang của Bactria có vẻ chẳng hấp dẫn gì. Họ vẫn duy trì lòng trung thành bên ngoài cho đến hiện tại, nhưng chắc hẳn ở Ecbatana, nhiều sĩ quan đã bắt đầu nói chuyện với nhau — và đặc biệt là với Bessus — về sự cần thiết của một vị Vua mới.

Darius đã vội vàng rời Arbela và chạy trốn đến Ecbatana, đến nỗi ông ta để lại một kho lương

thực, đồ trang sức và một gia tài bạc dồi dào. Alexander tìm thấy nó ở đó vào ngày hôm sau và chở bằng xe ngựa trở về trại của mình gần chiến trường. Anh nhanh chóng tiến hành các nghi thức tang lễ trọng thể cho những người lính đã ngã xuống, nhưng mùi hôi thối của hàng nghìn xác Ba Tư đang thối rữa dưới ánh nắng mặt trời khiến anh phải hành quân về phía Babylon ngay sau khi lễ hiến tế cuối cùng được thực hiện cho những người đã chết.

Alexander nóng lòng muốn đến miền nam Lưỡng Hà, các chức sắc địa phương đã đón tiếp dọc đường đi. Con đường đến Babylon đã đưa người Macedonia đi dọc sông Tigris qua những cánh đồng được canh tác - kể từ khi người Lưỡng Hà lần đầu tiên khám phá ra nghệ thuật nông nghiệp hàng thiên niên kỷ trước đó. Họ đi qua các thành phố cổ đại, nơi chữ viết đã được phát minh và đường đi của các ngôi sao được vẽ trên tường, khi tổ tiên của người Hy Lạp vẫn còn là những người du mục.

Tại một thành phố, nhà vua được xem một cột nước đen sủi bọt trên bề mặt tạo thành một vũng nhỏ trên sa mạc. Dầu mỏ là một thứ mới lạ đối với Alexander, người đã đọc về chất lỏng từ Herodotus nhưng chưa bao giờ tận mắt chứng kiến. Có rất ít nguồn hóa dầu trên thế giới Aegean, nơi hệ thống sưởi và năng lượng hầu như chỉ được cung cấp bằng cách đốt củi. Trong khi ở Mesopotamia, dầu đã được dùng để đóng thuyền (như trong câu chuyện về Noah trong Kinh thánh) hoặc làm vữa trong các bức tường, không được đốt để sưởi ấm hoặc nấu ăn.

Các công dân của thành phố nóng lòng muốn gây ấn tượng với nhà vua nên đã lấy xô đựng chất lỏng và đổ một vệt dầu dọc theo con phố dẫn đến khu nhà anh sẽ ở. Khi bóng tối buông xuống, họ đốt sáng vệt dầu. Anh quan sát khi một vệt lửa bùng lên ngay lập tức trong đêm đen, di chuyển nhanh hơn bất kỳ ngọn lửa nào anh từng thấy. Sau đó anh đi dọc theo con

đường có ánh sáng đến chỗ ở của mình, theo một dòng lửa liên tục.

Nhà vua bị cuốn hút bởi chất lỏng mới lạ này đến nỗi một trong những người hầu, một người Athen tên là Athenophanes, đề nghị bôi chất này lên một người hầu khác tên là Stephanus để xem điều gì sẽ xảy ra khi nó cháy trên cơ thể người. Chàng trai trẻ háo hức lấy lòng và vui vẻ bôi dầu vào người. Alexander không thể ngu ngốc đến mức nghĩ rằng điều này sẽ vô hại với cậu bé, nhưng sự tò mò rõ ràng đã vượt qua cả lòng trắc ẩn và sự thông minh thông thường của anh. Khi Stephanus, mặt đầy dầu, chạm vào một ngọn đèn gần đó, cậu ta bùng cháy. Nhà vua bay khỏi chỗ ngồi của mình và cố gắng dập lửa, nhưng nó không giống như các vụ hỏa hoạn khác mà anh từng đối phó. Ngay cả những chiếc bình đựng nước để tắm cũng khó có thể dập tắt ngọn lửa. Những gì bắt đầu như một thí nghiệm khoa học hài hước khiến một thanh

niên tội nghiệp suýt chết, người đầy vết bỏng khủng khiếp.



Alexander tiếp tục cuộc hành quân về phía nam dọc theo sông Tigris qua Ashur và Takrit ra khỏi vùng cao nguyên Assyria đến vùng đất rộng lớn và màu mỡ của Babylonia. Các đồng cỏ giữa Tigris và Euphrates được cho là có rất nhiều giàu cỏ ngon cho các đàn gia súc. Dưới miền nam Lưỡng Hà, hai con sông lớn khá cạn, Alexander dễ dàng vượt từ bờ tây sông Tigris tới Euphrates. Ở một nơi nào đó về phía bắc của Babylon, người Macedonia đã nhìn thấy một đoàn rước lớn đang tiến về phía họ. Mazaeus, người cai trị của thành phố đi đầu. Các tư tế từ tất cả các ngôi đền và các quan chức hàng đầu mang những món quà tuyệt vời cho vị vua mới. Mazaeus, người chỉ vài tuần trước đó đã dẫn quân của mình chống lại Alexander tại Gaugamela, đã phủ phục trước vị lãnh chúa mới cùng với những người con trai

đã trưởng thành của mình. Parmenion nói riêng chắc hẳn đã khao khát được chém chết Mazaeus sau khi để mất rất nhiều người của mình vào tay quân Ba Tư trong trận chiến, nhưng Alexander đã thận trọng hơn. Gần như chắc chắn cuộc gặp của nhà vua và satrap đã được diễn ra sau nhiều ngày thương lượng. Nếu không, không chắc Mazaeus đã dám liều mạng xuất hiện trước Alexander.

Trên tất cả, Mazaeus là một người rất thực tế. Ông ta biết khi Darius chạy khỏi chiến trường thì kỷ nguyên của Đế chế Ba Tư đã kết thúc. Alexander bây giờ là người đàn ông quyền lực nhất trên thế giới — và Mazaeus muốn đảm bảo họ cùng phe. Nhiều người Ba Tư khác hẳn cũng cảm thấy như vậy, nhưng satrap người Babylon đã dẫn đầu trong việc chuyển lòng trung thành sang vua Macedonia. Những gì Mazaeus phải cung cấp Alexander là thành phố giàu có nhất trên thế giới. Người Macedonia có thể đã chiếm được Babylon bằng vũ lực, nhưng đó sẽ là một nỗ lực to lớn.

Tốt hơn nhiều là tránh được một cuộc bao vây Tyre khác và thay vào đó nhận được thành phố như một món quà. Ngược lại, Mazaeus sẽ tiếp tục giữ vai trò thống đốc Babylon. Việc Alexander đồng ý với thỏa thuận này là bằng chứng cho thấy cuộc chiến của anh chống lại người Ba Tư giờ đã thay đổi về cơ bản.

Babylon là một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại. Các di tích của thành quốc này được phát hiện ngày nay nằm ở Hillah, Babil, Iraq, khoảng 85 km về phía nam thủ đô Baghdad. Babylon từng được ước tính là thành phố lớn nhất thế giới trong giai đoạn 1770 - 1670 TCN, và 612 - 320 TCN. Có lẽ là thành phố đầu tiên có dân số trên 200.000 người.



Mặc dù nó đã được tái tạo, tài nguyên lịch sử cho chúng ta thấy Babylon ban đầu là một thị trấn nhỏ, đã phát triển nhanh chóng vào thời kỳ đầu của thiên niên kỷ 3 trước Công nguyên.

Thị trấn phát triển mạnh và đã đạt được sự nổi bật và tầm quan trọng chính trị với sự trỗi dậy của triều đại Babylon đầu tiên. Tự xưng là người kế thừa của Eridu cổ, Babylon đã làm lu mờ Nippur với tư cách là thành phố thánh địa của Lưỡng Hà vào khoảng thời gian vua Hammurabi lần đầu thống nhất Đế quốc Babylon, và cũng có thể trở thành kinh đô của đế quốc Tân Babylon vào năm 612-539 trước Công nguyên. Dưới triều vua Nebuchadnezzar II, Đế quốc Tân Babylon trở nên vô cùng hùng mạnh. Ông vài lần mang quân tiến đánh thành Jerusalem, đày ải những người Do Thái về làm nô lệ tại thành Babylon.

Vào năm 539 TCN, với lực lượng Quân đội hùng cường của mình, vị Hoàng đế sáng lập ra Đế quốc Ba Tư - Cyrus Đại Đế tiến hành chinh phạt Đế quốc Tân Babylon, đánh bại Quốc vương Nabonidus và từ đó, Đế quốc Tân Babylon sụp đổ. Tuy nhiên, kinh thành Babylon vẫn đóng vai trò quan trọng đối với những vị vua mới của họ. Các Hoàng đế của nhà Achaemenes xưng những danh hiệu Hoàng gia Babylon xưa, và còn được gọi là “Đức Vua của Babylon, Đức Vua của các vùng đất”. Không những xưng làm “Đức Vua của Babylon”, Cyrus Đại Đế vẫn tôn kính những truyền thống văn hóa và tôn giáo của dân tộc Babylon. Ông cho tiến hành dự án xây dựng những ngôi đền Babylon đã bị quên lãng dưới các đời vua Belshazzar và Nabonidus, đồng thời giải thoát những người nô lệ ở thành Babylon ra khỏi kiếp khổ sai - trong số đó có những người Do Thái.



Vào tháng 10 năm 331 trước Công Nguyên, vị vua Achaemenid cuối cùng của Đế quốc Ba Tư, đã bị đánh bại bởi quân đội của vua Hy Lạp cổ đại Alexander Đại đế trong Trận Gaugamela. Một ghi chép về cuộc xâm lược này đã ghi lại Alexander đã ra lệnh không xông vào nhà của cư dân sinh sống tại thành phố.





Dưới triều đại của Alexander, Babylon lại phát triển rất rực rỡ như một trung tâm của học thuật và thương mại.



Vườn Treo Babylon là một trong Bảy kỳ quan thế giới cổ đại được nhắc đến trong văn hóa Hy Lạp cổ đại. Nó được ca ngợi là một thành tựu nổi bật về kỹ thuật xây dựng với một chuỗi vườn bậc thang, có đủ các loại cây, cây bụi và cây leo đa dạng,

tạo nên một ngọn núi xanh lớn được đắp bởi gạch bùn. Vườn treo được cho là được xây dựng tại thành phố cổ đại Babylon, gần thành phố Hillah tỉnh Babil, Iraq ngày nay. Tên của nó được lấy nguồn gốc từ chữ Hy Lạp kremastós (κρεμαστός có nghĩa là "treo qua"), dùng để chỉ những cây cối được trồng trên một cấu trúc trên cao như là ban công hay sân thượng.

Theo truyền thuyết, vườn treo nằm kế bên một cung điện rất lớn được biết đến với cái tên Kì quan của nhân loại, được xây dựng bởi Nebuchadnezzar II thời Tân Babylon (trị vì 605-562 TCN), dành tặng cho vợ của mình, Amytis người Media, để làm bà khuây khỏa nỗi nhớ quê hương, nơi vốn có những ngọn đồi và thung lũng xanh tươi. Điều này được ghi chép lại bởi một tu sĩ người Babylon, Berossus, vào khoảng 290 TCN, sau này được dẫn lại bởi Josephus. Vườn treo cũng được gắn với vị nữ vương huyền thoại Semiramis, người được cho là đã trị vì Babylon vào thế kỷ thứ 9 TCN, do đó còn có một tên gọi khác là Vườn treo của Semiramis.



Vườn treo là công trình duy nhất trong số Bảy kỳ quan thế giới cổ đại mà vị trí vẫn chưa được xác định chính xác. Không có văn bản thời Babylon còn tồn tại nào nhắc tới vườn treo, và không có bằng chứng khảo cổ vững chắc nào được tìm thấy tại Babylon. Có ba giả thuyết được đưa ra để giải thích cho vấn đề này. Thứ nhất, công trình chỉ là một huyền thoại, và các mô tả được nhắc đến trong ghi chép của các tác giả Hy Lạp và La Mã cổ đại như Strabo, Diodorus Siculus và Quintus Curtius Rufus đã tô vẽ một hình ảnh lý tưởng hóa về một khu vườn phương Đông. Thứ hai, Vườn treo đã từng tồn tại tại Babylon, nhưng đã bị phá hủy hoàn toàn trong khoảng thời gian thế kỷ 1 SCN. Thứ ba, khu vườn được nhắc đến trong truyền thuyết thực chất là khu vườn treo do vua Sennacherib của Assyria (704–681 TCN) xây dựng tại thủ đô Nineveh bên bờ sông Tigris, gần thành phố Mosul thời hiện đại.





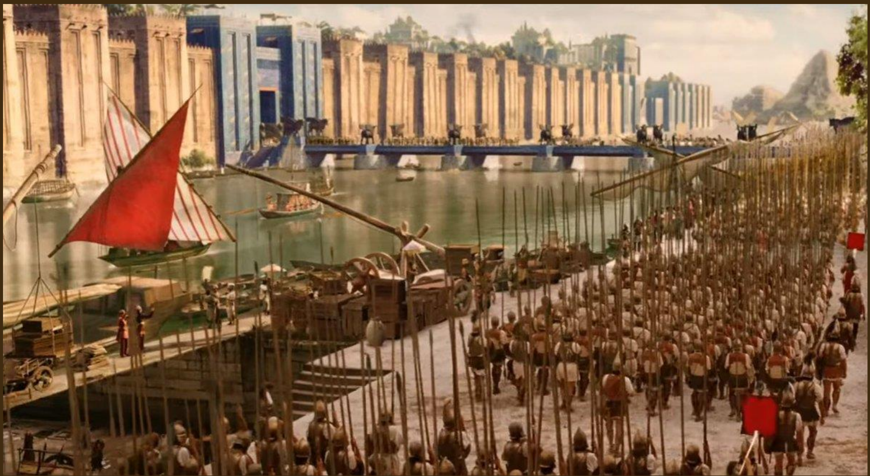
Cho đến thời điểm này, nhà vua Macedonia đã thực hiện một cuộc thập tự chinh ở vùng đất ngoại quốc, cắt bỏ từng phần của Đế chế Ba Tư để thêm vào lãnh địa của mình. Ngay cả ở Ai Cập, những nhà cai trị bản địa mà anh bổ nhiệm chỉ là bù nhìn dưới sự thống trị của Hy Lạp và Macedonia. Nhưng Mazaeus phải là một satrap chính hiệu có quyền hành thực sự đối với thành phố quan trọng nhất trong vương quốc của Alexander. Nhà vua không hề ngu ngốc và bổ nhiệm người Macedonia làm chỉ huy các đơn vị quân đội trong khu vực, nhưng dù sao sự nổi lên của Mazaeus đã đánh dấu một sự thay đổi chính sách bất thường. Alexander không còn cố gắng chinh phục Ba

Tư và giết Darius nữa - bản thân anh giờ đã là Đại vương với tất cả đặc quyền và trách nhiệm của vị trí đó. Để cai trị nhiều vùng đất trong đế chế, anh sẽ cần những người đàn ông có kinh nghiệm như Mazaeus, người biết ngôn ngữ, văn hóa, con người và chính trị của từng tỉnh. Người Ba Tư đã có hai thế kỷ cai trị một cách khéo léo với quyền thống trị lớn nhất từng được biết đến. Các sĩ quan được đào tạo và có năng lực là điều cần thiết đối với Alexander - nếu anh có thể có được lòng trung thành của họ. Bằng cách công khai thưởng cho Mazaeus quyền kiểm soát một thành phố quan trọng như vậy, nhà vua đang gửi một tín hiệu không thể nhầm lẫn đến những người đã từng phục vụ Darius rằng chúa tể mới của vùng đất là người nhân từ và hợp lý. Nếu họ sẵn lòng tham gia cùng anh, họ có thể nhận được phần thưởng phong phú cho sự phục vụ của mình.

Khi ưu ái những người quản lý như vậy thậm chí hơn cả những người đồng hương của mình, Alexander không hề từ bỏ nguồn gốc của

mình; đúng hơn, điều cần thiết là anh bắt đầu nghĩ đến việc cai trị theo một cách hoàn toàn mới. Vương quốc của anh không còn chỉ là Macedonia và Hy Lạp, mà là một đế chế quốc tế thực sự bao gồm ba lục địa và hàng chục vương quốc riêng biệt. Người Thracia, người Lydian, người Caribe, người Phrygian, người Cappadocia, người Syri, người Phoenicia, người Do Thái, người A Rập, người Ai Cập và người Babylon hiện nằm dưới sự cai trị trực tiếp của anh; còn người Medes, Elamite, Parthia, Bactria, Scythia và người da đỏ vẫn chưa đến. Mặc dù nhiều người Macedonia đã phản đối kịch liệt những thay đổi này, Alexander muốn làm cho họ thấy hệ thống phong kiến được sử dụng để cai trị quê hương của họ hoàn toàn không đủ để cai trị một đế chế rộng lớn. Nếu anh muốn thành công trong tham vọng lớn của mình, anh sẽ phải hợp nhất các quan chức bản xứ vào chính quyền đế chế của mình giống như người Ba Tư đã làm trước đó. Khi hành quân về phía Babylon, anh biết thời kỳ vương quốc Macedonia của cha anh đã

qua - thời đại của Đế chế Macedonia của Alexander đã bắt đầu.



Babylon là một thành phố khổng lồ hơn hai nghìn năm tuổi khi Alexander tiếp cận các bức tường của nó. Theo truyền thuyết, nó được thành lập trong quá khứ xa xôi bởi Nữ hoàng Semiramis, người đã xây dựng những con đê lớn để kiểm soát lũ lụt thường xuyên quét xuống sông Euphrates từ phía bắc. Herodotus khẳng định thành phố có hình vuông, với các cạnh dài hơn mười ba dặm, chu vi lớn hơn năm mươi dặm, mặc dù con số thực tế chắc chắn là ít hơn. Một con hào sâu hình thành ranh giới

bên ngoài của nó, được cho là rộng hơn 70 feet [21m] và cao hơn 300 feet [90m].

Trên toàn bộ chu vi của bức tường là một con đường đủ rộng cho một cỗ xe bốn ngựa chạy qua.



Một trăm cổng bằng đồng dẫn vào thành phố, nhưng không có lối vào nào ngoạn mục hơn Cổng Ishtar tuyệt đẹp, được tạo thành từ hàng trăm viên ngói tráng men màu xanh lam được trang trí bằng những con bò và rồng vàng, tất cả được bao quanh bởi các dải trang trí và hoa thị.

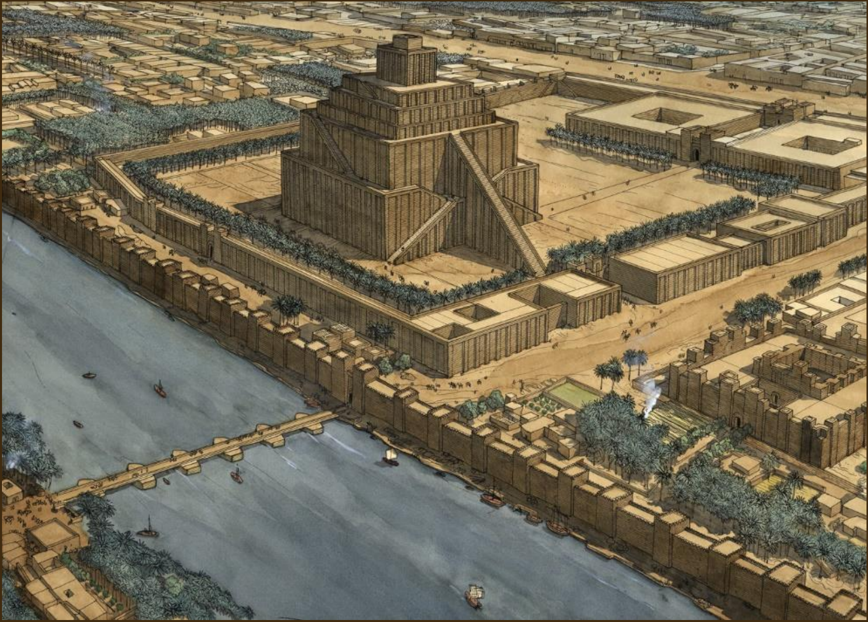


Sông Euphrates chia đôi thành phố, nhưng có một cây cầu nối hai bên. Không giống như nhiều thành phố cổ đại phát triển lộn xộn trong nhiều thế kỷ, Babylon được bố trí trong một mạng lưới với các đường phố thẳng song song hoặc vuông góc với dòng sông.

Hàng nghìn ngôi nhà bên trong các bức tường cao từ ba đến bốn tầng, xen kẽ với các cơ sở kinh doanh và cửa hàng bán đủ thứ từ lụa Trung Quốc đến hổ phách từ biển Baltic.

Ở phía đông của thành phố là một bức tường thứ hai, bao quanh cung điện hoàng gia, và

một bức tường khác bảo vệ ziggurat trung tâm, một kim tự tháp dốc có chứa đền thờ Bel-Marduk, vị thần chính của Babylon.



Ziggurat cao đến nỗi các nhà thiết kế đã thiết kế một nơi nghỉ chân ở lưng chừng để cho những người hành hương nghỉ ngơi khi leo lên. Trên đỉnh là một ngôi đền mà chỉ các thầy tu mới được vào. Bên trong là một chiếc giường lớn được phủ những tấm khăn trải giường tốt nhất bên cạnh một chiếc bàn vàng, nhưng — không giống như hầu hết các ngôi đền — không có bức tượng nào cho chính vị thần.

Không ai từng ngủ trên giường ngoại trừ một người phụ nữ được chọn đặc biệt, người được cho là cô dâu của Bel-Marduk cho đêm đó.

Hơn một nghìn năm trước đó, thành phố đã được cai trị bởi Hammurabi, người đã soạn ra bộ luật nổi tiếng cho thần dân của mình tuân theo. Đây là một ảnh hưởng quan trọng đến nhiều nền văn hóa Cận Đông cho các thời đại sau này. Trên một tấm bia đá bên dưới hình thần mặt trời Shamash có khắc nhiều luật lệ cai quản vùng đất. Công lý rất đơn giản và khắc nghiệt dưới thời Hammurabi:

Nếu một người phá hủy con mắt của một người khác, anh ta sẽ đền bằng con mắt của chính mình.

Nếu một người nhổ răng của người khác, anh ta sẽ mất răng của chính mình.

Nhưng cũng có một mức độ thương xót trong bộ luật: "Nếu vợ của một người đàn ông bị bắt gặp đang lén lút với người đàn ông khác, anh ta sẽ trói cả hai người lại và ném xuống nước cho chết đuối. Nhưng nếu người chồng muốn tha vợ, nhà vua có thể đồng ý".

Vương quốc của Hammurabi nhường chỗ cho Đế chế Assyria, sau đó là thời kỳ Tân Babylon dưới những người cai trị như Nebuchadnezzar, một nhà xây dựng vĩ đại đã khôi phục lại thành phố vinh quang trước khi người Ba Tư chinh phục Lưỡng Hà. Những kẻ xâm lược từ phía đông đã khiến người bản xứ vô cùng phẫn nộ vì đã tỏ ra ít tôn trọng tôn giáo cổ xưa của Babylon. Cũng như ở Ai Cập, người Ba Tư coi thành phố giàu có không hơn gì một kho báu để bị cướp bóc. Xerxes đã dỡ bỏ một bức tượng vàng nguyên khối của Bel-Marduk khỏi ngôi đền, giết chết vị tư tế đã cố gắng ngăn cản ông ta, và nấu chảy nó thành đồng xu để trả cho cuộc chiến của mình. Xerxes đã xúc phạm người Babylon ở quy mô lớn hơn khi sau đó ông đã phá hủy phần lớn ngôi đền sau một cuộc nổi loạn trong thành phố, để lại một đống đổ nát của vinh quang trước đây.

Mặt khác, Alexander quyết tâm bày tỏ sự tôn trọng đối với các truyền thống tôn giáo của Babylon, mặc dù cũng rất thận trọng. Anh đã

ra lệnh nghiêm ngặt cho người của mình không được cướp bóc và không cho phép một người lính Macedonia nào vào một ngôi nhà Babylon mà không được mời. Anh hy vọng sẽ chiếm được Babylon một cách hòa bình và duy trì quan hệ tốt đẹp với người bản xứ. Do đó, bên dưới các bức tường thành với hàng nghìn đàn ông, phụ nữ và trẻ em đang ném hoa vào những người lính bên dưới, Alexander tiến vào thành phố vào ngày mùa thu rực rỡ qua Cổng Ishtar. Không có sự thù địch nào từ cư dân, những người, giống như người Ai Cập, rất vui khi thấy người Ba Tư bị tước bỏ quyền lực mặc dù họ chưa biết người Macedonia sẽ áp đặt luật lệ nào.





Thay vì giáo và mũi tên, là vòng hoa và nước hoa, tiếp theo là trầm hương quý giá và những chiếc lồng chứa đầy sư tử và báo. Các thầy tu bản xứ hát thánh ca bằng tiếng cổ để chào đón vị vua mới trong khi âm nhạc tràn ngập không khí. Đông đảo người dân hòa vào đám rước sau lưng quân lính như trong một ngày lễ trọng đại. Alexander chưa bao giờ thấy bất cứ điều gì như thế. Đối với những người đàn ông đến từ những ngôi làng nghèo khó của Macedonia, họ như thể đã bước vào một thế giới khác.

Đầu tiên, nhà vua đến đền thờ Bel-Marduk và ra lệnh sửa chữa những thiệt hại mà Xerxes đã

gây ra cho khu vực linh thiêng. Sau đó, cẩn thận làm theo hướng dẫn của các thầy tế, anh hiến tế cho vị thần, xung quanh là những người bản xứ đang cổ vũ.



Sau đó, anh và các sĩ quan của mình lui về cung điện ở cuối phía bắc của thành phố gần Cổng Ishtar và sống xa hoa lộng lẫy trong tháng tiếp theo. Anh ngạc nhiên trước một cây cột trong cung điện liệt kê các yêu cầu ăn uống cho đoàn tùy tùng hoàng gia của Darius, bao gồm hàng chục chiếc bánh mật, hàng trăm giạ bột mì, thùng dầu mè và giấm, cùng những rổ

bạch đậu khấu thái nhỏ. Alexander ra lệnh phá hủy bia ký để thể hiện sự đoạn tuyệt với lối sống hoang phí của người Ba Tư trong quá khứ và nói với các sĩ quan của mình rằng những ai đam mê những cách xa hoa đó sẽ nhanh chóng bị đánh bại trong trận chiến.



Với bản sao của Herodotus trong tay vào ngày hôm sau, Alexander đã đi tham quan thành phố kỳ lạ và tuyệt vời. Khi đi qua các con phố, anh nhận thấy các thành viên trong gia đình và bạn bè sẽ bế những người bệnh vào quảng trường công cộng và để họ ở đó nói chuyện với những người đi bộ. Người Babylon không tin tưởng vào các thầy thuốc, mà họ tin tưởng vào lời khuyên của những người lạ, những người sẽ đến gần người bệnh và đưa ra phương pháp chữa trị. Nhiều người đã từng mắc phải căn bệnh tương tự và đã trực tiếp tìm hiểu một phương pháp điều trị hiệu quả, trong khi những người khác đã nghe nói về cách chữa trị ở nơi khác. Với tính chất quốc tế của thành phố, với du khách đến từ hầu hết mọi miền đất, không thiếu sự thông thái về y tế và những câu hỏi hay dành cho người bệnh.

Một trong những địa điểm đầu tiên mà những người đàn ông của Alexander đến thăm, nếu không phải là chính nhà vua, là đền thờ của nữ thần Ishtar, được người Hy Lạp gọi là

Aphrodite, người cai trị các khía cạnh tình dục của cuộc sống. Ở Babylon, một quy tắc không thể phá vỡ được là mọi phụ nữ của thành phố này đôi khi trong đời phải dâng mình cho một người đàn ông trong đền thờ như một hành động thờ phượng. Phụ nữ giàu và nghèo đều đến khu vực linh thiêng và ngồi với những vòng hoa trên đầu để đánh dấu sự sẵn sàng của họ. Những người đàn ông đến thăm sẽ đi lên và đi xuống các con đường giữa những người phụ nữ để tìm kiếm một tín đồ hấp dẫn.



Khi tìm được người phụ nữ thích hợp, họ sẽ ném bạc vào lòng cô ấy và gọi cô ấy đến với danh nghĩa của nữ thần. Một vị tư tế đang đợi

sẽ đưa tiền vào kho bạc của đền và hộ tống cặp đôi đến một căn phòng gần đó. Không một người đàn bà nào có thể từ chối bất kỳ người đàn ông nào, để một người chăn cừu nghèo ở nông thôn có thể được hưởng những ân huệ của một quý bà trong triều, ít nhất là trong một dịp duy nhất đó. Phụ nữ đẹp không bao giờ phải đợi lâu, nhưng những người thiếu hấp dẫn có thể ngồi trong sân nhiều năm trước khi được chọn. Nhà văn Hy Lạp Prudish đã nói rằng toàn bộ khu đền không là gì khác ngoài mại dâm trên quy mô lớn, nhưng đối với các công dân của Babylon, đó là một hành động của sự tận tâm thực sự - như sự hy sinh trang trọng nhất cho Athena hoặc Zeus.

Alexander sẽ không thể bỏ qua Vườn treo Babylon, được xếp hạng cùng với Đại kim tự tháp ở Giza là một trong những kỳ quan của thế giới. Nhiều thế kỷ trước, một vị vua Assyria cai trị ở Babylon đã xây dựng những khu vườn cho người vợ ngoại quốc của mình, người luôn khao khát những khu rừng và lùm cây ở quê

hương. Ở đó, giữa một thành phố sa mạc, nhà vua đã xây dựng một loạt các bệ nâng phía trên các đường phố được hỗ trợ bởi các cột đồ sộ. Hàng tấn đất được đưa lên ruộng bậc thang bởi một đội quân nô lệ và nước liên tục được dẫn từ sông vào và được kéo lên bằng những chiếc đinh vít khổng lồ để lưu thông qua các khu vườn. Cây ăn quả, cây cọ và cây lá kim được trồng khắp nơi, phát triển thành một khu rừng trên cao của thành phố. Trong cái nóng gay gắt nhất của mùa hè, du khách có thể đi bộ qua những lùm cây mát mẻ và dã ngoại dưới bóng râm trên thảm cỏ tươi tốt.





Như mọi khi, Alexander dường như đã quan tâm đến các vấn đề tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi chính trị đơn thuần để hòa nhập bản

thân với người dân địa phương. Ở Babylon, một phần đặc biệt của thành phố được giao cho người Chaldea, các nhà tư tế - triết học cổ đại của Lưỡng Hà nổi tiếng vì nghiên cứu chính xác các vì sao. Các ghi chép của họ về các sự kiện thiên văn được cho là đã có từ hàng nghìn năm trước, nhưng vì chúng được viết bằng chữ tượng hình nên thế giới Hy Lạp chưa biết đến, nhà vua phải nghe theo lời của các thầy tế lễ về vấn đề này. Không giống như hầu hết các hệ thống số, toán học được người Chaldea dạy dựa trên số sáu mươi chứ không phải mười - một cách đo thời gian và không gian được truyền lại cho các nền văn minh sau này như một giờ - sáu mươi phút, một phút - sáu mươi giây và 360 độ (sáu lần sáu mươi). Rất lâu trước Alexander, người Babylon đã khám phá ra cách sử dụng phân số phức, phương trình bậc hai, và cái được gọi là định lý Pythagore.

Pythagoras của Samos (570 - 490 TCN) là một nhà triết học tiền Socrates, được coi là **Cha đẻ của Toán học** và người sáng lập Pythagore, một phong trào triết học. Ông đã đóng góp

đáng kể trong việc phát triển các nguyên tắc toán học của thời đại, về số học, hình học, vũ trụ học và lý thuyết âm nhạc.



Học thuyết của Pythagoras là sự kết hợp giữa thần bí và toán học. Người Chaldea cũng quan tâm không kém đến tôn giáo và khoa học, những thứ không thể chia cắt và là một phần của cùng một lối sống. Họ lo lắng về việc làm sáng tỏ những bí ẩn của vũ trụ và vận mệnh của linh hồn cùng một lúc.

Nhiều tiến bộ trong toán học Hy Lạp sau này trên thực tế bắt nguồn từ cuộc gặp gỡ ở Babylon vào mùa thu năm đó với sự xuất hiện của người Macedonia. Vì người Chaldean cũng là những chuyên gia về bói toán, Alexander đã mang theo vài người trong số họ trong phần còn lại của chiến dịch để đọc các dấu hiệu của các sự kiện sắp xảy ra. Chắc hẳn anh cũng đã nói chuyện với họ về các vị thần và nguồn gốc của thế giới. Nếu vậy, anh sẽ biết được sự tương đồng đáng chú ý giữa các thần thoại về sự sáng tạo của người Babylon, với những câu chuyện về các thế hệ vị thần liên tiếp chiến đấu với nhau để kiểm soát vũ trụ, và những câu chuyện anh đã đọc từ nhà văn Hy Lạp Hesiod.

Nhưng Alexander không thể dành toàn bộ thời gian ở Babylon để xem các thắng cảnh và

tham quan với các học giả bản xứ. Cũng có những cuộc hẹn và những việc quân sự đã được sắp xếp. Gần mười lăm nghìn tân binh vừa đến thành phố sau một cuộc hành quân dài từ Macedonia. Những người này bao gồm kỵ binh và bộ binh do Antipater gửi đến và do Amyntas, chỉ huy kỳ cựu được Alexander cử đến Macedonia nhiều tháng trước đó để mang thêm quân trở lại. Nhà vua vô cùng thất vọng vì Amyntas đã không đến cùng những người lính rất cần thiết trước trận chiến tại Gaugamela, nhưng anh biết sẽ còn rất nhiều cơ hội để chiến đấu. Viên chỉ huy cũng mang theo năm mươi người con trai của các quý tộc Macedonia hàng đầu để trang hoàng dưới quyền nhà vua. Những chàng trai này phải phục vụ trong các bữa ăn hoàng gia, tham dự cuộc săn bắn và chiến đấu của nhà vua, và đứng canh bên ngoài phòng của anh vào ban đêm. Đó là một vị trí vinh dự dành cho những chàng trai trẻ đầy tham vọng, là nơi đào tạo quan trọng cho các nhà lãnh đạo Macedonia trong tương lai.

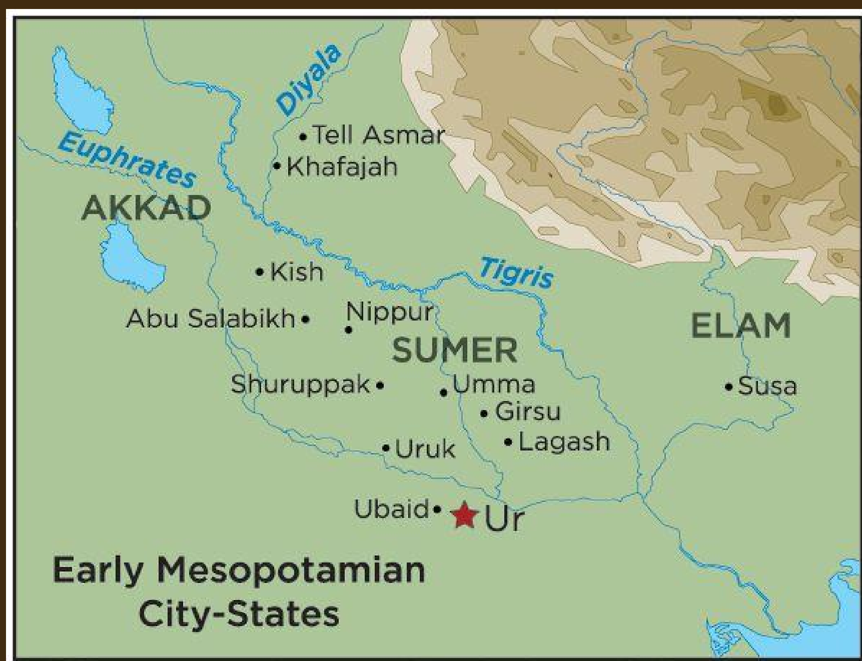
Trước khi rời thành phố, Alexander đã bổ nhiệm Agathon từ thành phố Pydna ven biển Macedonia làm chỉ huy quân sự tại Babylon với một nghìn quân dưới quyền. Tổng chỉ huy quân sự ở vùng Babylonia được giao cho một người Macedonia khác, Apollodorus từ Amphipolis, cùng với 2.000 binh lính và tiền để thuê thêm. Asclepiodorus, có lẽ là một người Hy Lạp, được giao trách nhiệm thu thuế, trong khi Mazaeus đã được nhận lại văn phòng trước đây của ông. Để giữ cho quân đội vui vẻ — và có lẽ để dụ họ rời xa những thú vui của thành phố — anh đã thưởng cho mỗi kỵ binh Macedonia khoản tiền thưởng tương đương một năm. Những kỵ sĩ nước ngoài nhận được gần bằng và bộ binh Macedonia mỗi người bỏ túi nhiều hơn số tiền kiếm được trong sáu tháng. Alexander muốn người của mình không có lý do gì để càu nhàu khi tiếp tục cuộc hành quân vào Ba Tư. Họ biết sẽ có nhiều điều hơn nữa đến từ vị vua hào phóng trên con đường phía trước.

Sau khi những người lính cuối cùng của mình trở ra từ các nhà thổ ở Babylon, Alexander lên đường cùng với đội quân đông đảo đến thủ đô mùa đông của Đế chế Ba Tư tại Susa. Darius vẫn còn trong vùng núi phủ đầy tuyết của Media, nhưng vấn đề cấp bách nhất đối với Alexander là phải đảm bảo kho bạc tại Susa và Persepolis càng sớm càng tốt. Susa là điểm bắt đầu của con đường hoàng gia chạy xuyên đế chế tới Sardis của Lydia.



Thành phố nổi tiếng nóng vào mùa hè đến nỗi những con thằn lằn cố gắng băng qua đường bị nướng chín trước khi đến được phía bên kia, nhưng trong những tháng mát mẻ, đó là thành phố dễ chịu nhất. Cuộc hành trình ở đó đã đưa người Macedonia đến phía bắc của những đầm lầy vô tận, nơi sông Tigris và Euphrates gặp Vịnh Ba Tư, một vùng đất được gọi là Sumer từ xa xưa. Từ đây, tổ phụ Abraham[của người Do Thái] được cho là đã lên đường đến

xứ Canaan. Người Sumer, những người đã xây dựng thành phố ba nghìn năm trước, là một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên trái đất. Nhà vua chắc hẳn đã nghe những câu chuyện từ những người đồng hành Chaldean mới của mình về những vinh quang của Sumer cổ đại.



Sumer là một nền văn minh cổ đại và cũng để chỉ khu vực lịch sử ở phía nam Lưỡng Hà (Iraq ngày nay), bao gồm vùng đồng bằng rộng lớn nằm giữa sông Tigris và Euphrates, phía đông nam giáp Vịnh Ba Tư. Nền văn minh Sumer phát triển từ cuối thiên niên kỷ 4 cho đến hết thiên niên kỷ 3 TCN, và là một trong những nền văn minh đầu tiên được biết đến trên thế

giới, cùng với Ai Cập cổ đại, Norte Chico và văn minh lưu vực sông Ấn.

Ngôn ngữ chính ở Sumer là tiếng Sumer, một ngôn ngữ biệt lập chưa rõ nguồn gốc, tồn tại song song với các ngôn ngữ khác, chủ yếu là tiếng Akkad, một ngôn ngữ Semit đến từ phía bắc của Hạ Lưỡng Hà. Trong các nghiên cứu gần đây về Sumer, thuật ngữ Sumer bao gồm toàn bộ lịch sử của Hạ Lưỡng Hà trong giai đoạn này chứ không để chỉ riêng các quốc gia Sumer.

Nền văn minh Sumer trải qua một số giai đoạn chính. Thời kỳ Uruk cuối cùng (3400–3100 TCN) đánh dấu sự ra đời của chữ viết, cùng với thể chế nhà nước và thành thị, lan tỏa ảnh hưởng văn hóa từ miền nam Lưỡng Hà đến các khu vực lân cận. Các triều đại đầu tiên (2900–2340 TCN) bao gồm nhiều tiểu vương quốc độc lập cùng tồn tại và đối nghịch với nhau, thường được gọi là các “thành bang” (Uruk, Ur, Lagash, Umma-Gisha, Kish,...). Cuối cùng chúng được thống nhất bởi Đế chế Akkad (2340–2190 TCN), cai trị bởi người Semit từ phía Bắc và bao gồm toàn bộ Lưỡng Hà cùng một số khu vực lân cận. Sau sự sụp đổ của đế chế Akkad, triều đại thứ ba của Ur (2112–2004 TCN) của người bản địa Sumer nổi dậy và thống trị hầu hết Lưỡng Hà, là sự “phục hưng Sumer” cuối cùng trong lịch sử khu vực. Trong giai đoạn này, tiếng Sumer đã không còn là ngôn ngữ chính nhưng vẫn là ngôn ngữ của giới thượng lưu.



Ngôn ngữ Sumer [1 trong 5 ngôn ngữ cổ nhất]

Sau khi nền văn minh Sumer được tái phát hiện vào thế kỉ 19, các tư liệu khảo cổ cho thấy người Sumer có ảnh hưởng rất lớn đến các nền văn minh cổ đại sau này, đặc biệt là ở Lưỡng Hà. Tuy họ không phải nhân tố duy nhất, song người Sumer đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nền văn minh Lưỡng Hà. Đặc biệt, họ đã góp phần xây dựng những nhà nước đầu tiên với thể chế và chính quyền phức tạp, phát triển những xã hội thành thị đầu tiên cũng như các kỹ thuật khác nhau trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, luyện kim và thương mại. Hệ thống số đếm của người Sumer có ảnh hưởng đến những nền văn hóa sau này và vẫn được áp dụng cho đến tận ngày nay.

Từ thành phố Uruk trên sông Euphrates, một vị vua vĩ đại tên là Gilgamesh đã từng trị vì. Câu chuyện có thể đã bị thất lạc vào thời của Alexander, nhưng nếu nó tồn tại một lần nữa, anh sẽ ngạc nhiên vì những điểm tương đồng với văn học Hy Lạp cổ. Gilgamesh, giống như Achilles của Homer, một phần thần và một phần con người, một anh hùng vĩ đại tìm kiếm vinh quang, người đã chiến đấu với quái vật và các vị thần cùng với người bạn yêu quý Enkidu. Giống như Patroclus, người bạn đồng hành của Achilles, Enkidu đột ngột qua đời, khiến bạn mình chìm sâu trong tuyệt vọng. Nhưng không giống như Achilles, người đã trút bỏ nỗi

thất vọng trước chiến binh thành Troy Hector, Gilgamesh thay vào đó lên đường tìm kiếm sự sống vĩnh cửu. Cuối cùng, nhiệm vụ đã đưa anh đến hòn đảo Utnapishtim, nơi một người đàn ông đã từng sống sót sau trận lụt lớn do các vị thần gửi đến để tiêu diệt loài người và được ban thưởng bằng sự bất tử. Gilgamesh đã thất bại trong bài kiểm tra sẽ ban cho anh cuộc sống vĩnh cửu, nhưng những bài học mà anh học được là niềm an ủi cho độc giả trong hàng thiên niên kỷ.

Gilgamesh là một vị vua trong lịch sử của thành bang Uruk của Sumer cổ đại, một anh hùng trong thần thoại Lưỡng Hà cổ đại, và là nhân vật chính của Sử thi Gilgamesh, được viết bằng tiếng Akkad vào cuối thiên niên kỷ 2 trước Công nguyên. Ông có thể đã trị vì vào khoảng giữa năm 2800 và 2500 trước Công nguyên và sau khi chết đã được thần thánh hóa.

Ông trở thành một hình tượng lớn trong các truyền thuyết của người Sumer trong suốt Triều đại thứ ba của Ur (2112-2004 TCN). Những câu chuyện về các chiến công thần thoại của Gilgamesh được tường thuật lại trong năm bài thơ Sumer còn tồn tại. Sớm nhất trong số này có lẽ là bài thơ Gilgamesh, Enkidu và Thế giới cõi âm. Trong đó Gilgamesh đến trợ giúp nữ thần Inanna xua đuổi những sinh vật nhiễm bệnh khỏi cây huluppu của bà. Bà thưởng cho ông hai thứ gọi là mikku và pikku, nhưng sau ông lại làm mất. Enkidu xuống Địa ngục để

tìm chúng, sau khi quay về đã kể với Gilgamesh về sự ảm đạm ở Địa ngục. Bài thơ Gilgamesh và Agga mô tả cuộc nổi dậy của Gilgamesh chống lại vua Agga của Kish. Một bài thơ Sumer khác nhắc đến đến việc Gilgamesh đánh bại quái vật Huwawa và Thiên ngưu, và bài thơ thứ năm không được bảo tồn đầy đủ, mô tả cái chết và đám tang của Gilgamesh.



Vào thời Babylon sau này, những câu chuyện này bắt đầu được kết nối liền mạch. Bản Sử thi Gilgamesh chuẩn tiếng Akkad được biên soạn bởi một người kí lục có tên Sin-lēqi-unninni, có lẽ trong thời kì Trung Babylon (1600-1155 TCN), tổng hợp từ những nguồn cổ hơn. Trong sử thi, Gilgamesh là

một vị bán thần có sức mạnh siêu phàm. Ông kết bạn với Enkidu và cùng nhau đi phiêu lưu, đánh bại Humbaba (tên của Huwawa trong tiếng Đông Semitic) và Thiên Ngưu Gugalanna, thứ đã được nữ thần Ishtar (tên của Inanna trong tiếng Đông Semitic) cử đến để tàn phá Uruk sau khi Gilgamesh từ chối trở thành chồng bà.



Sau khi Enkidu chết vì sự trừng phạt từ các vị thần, Gilgamesh trở nên sợ hãi cái chết, và đến thăm nhà hiền triết Utnapishtim, người sống sót sau trận Đại hồng thủy, với hy vọng tìm thấy câu trả lời về sự bất tử. Sau khi liên tục thất bại

trong các thử thách đi tìm sự bất tử, Gilgamesh trở về Uruk, nhận ra sự bất tử nằm ngoài tầm tay con người.

Hầu hết các nhà sử học cổ đại đều đồng ý Sử thi Gilgamesh có một ảnh hưởng đáng kể đến cả Iliad và Odyssey, hai thiên sử thi được viết bằng tiếng Hy Lạp cổ đại trong thế kỷ thứ tám trước Công nguyên. Sử thi Gilgamesh được phát hiện lại ở Thư viện Ashurbanipal năm 1849. Sau khi được dịch vào đầu những năm 1870, nó đã gây nên một cuộc tranh cãi lớn do sự tương đồng giữa một số phần của nó và Kinh thánh Hebrew. Gilgamesh vẫn tương đối có ít người biết đến cho đến giữa thế kỷ 20, nhưng từ cuối thế kỷ 20, ông bắt đầu trở thành một hình tượng nổi bật trong văn hóa hiện đại.

Thành phố Susa là thủ đô cũ của vương quốc Elam, một vùng đất phía nam Lưỡng Hà kéo dài đến dãy núi Zagros của Ba Tư về phía đông. Nó đã từng là một lãnh thổ rộng lớn bao gồm các vùng của Ba Tư trước khi tổ tiên của Cyrus Đại đế tiếp quản vùng cao nguyên. Elam từng là đường dẫn thương mại chính giữa phương đông và vùng Lưỡng Hà đối với hàng hóa như gỗ và khoáng sản. Người Elam, giống như người Sumer, đã viết trên các bảng đất sét bằng chữ hình nêm hàng nghìn năm trước Alexander. Khi người Ba Tư đưa người Elamite của đồng bằng Mesopotamian vào đế

chế của họ vào thế kỷ thứ sáu, họ đã biến ngôn ngữ của mình thành một trong những ngôn ngữ chính thức của nhà nước. Ngôn ngữ Elam không liên quan đến bất kỳ ngôn ngữ nào khác trong khu vực, mặc dù nó có thể có chung nguồn gốc với những ngôn ngữ được nói vào thời cổ đại ở các vùng của Ấn Độ. Trong mọi trường hợp, nó là một phương tiện giao tiếp quan trọng trong đế chế mới của Alexander và yêu cầu nhà vua phải thuê những người ghi chép thông thạo ngôn ngữ này.

Sau cuộc hành quân kéo dài hai mươi ngày từ Babylon, quân đội Macedonia đã đến Susa. Cung điện hoàng gia trải rộng ở đó trên ba ngọn đồi dốc là bối cảnh cho câu chuyện kinh thánh về Esther, trong khi ngay bên dưới thành là lăng mộ của nhà tiên tri Daniel. Đứng đầu trong số các đặc điểm của cung điện Hoàng gia là khán phòng mở với hàng chục cây cột cao hơn 60 feet. Những người tiếp cận phòng hoàng gia sẽ leo lên một loạt cầu thang qua những bức phù điêu bằng vàng tuyệt đẹp

của người bảo vệ nhà vua và bức tượng lớn của chính Darius I.



Các cống hiến của cả đế chế được xây dựng trong cung điện như một lời nhắc nhở về quyền lực tuyệt đối của nhà vua - gỗ tuyết tùng từ Liban, ngà voi từ Ấn Độ, các bức tường trang trí bởi người Ai Cập, đá có hình những người thợ Hy Lạp từ bờ biển Aegean. Bên trong hội trường là một sự bùng nổ của màu sắc, với hình ảnh nhân sư và sư tử bằng vàng, trong khi phần đầu của các cột được chạm

khắc giống như đầu của những con bò đực khổng lồ.





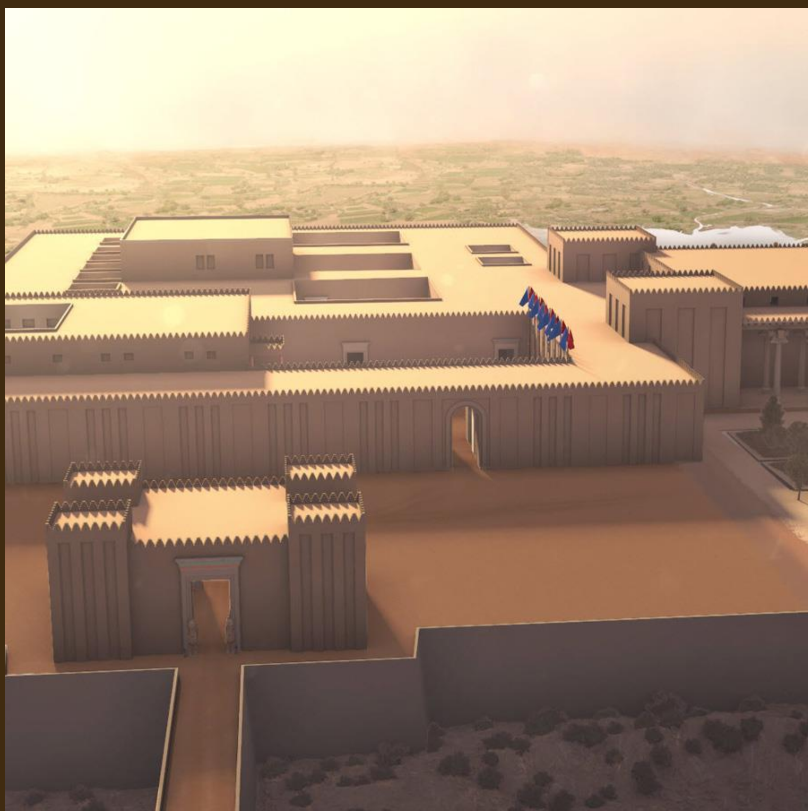




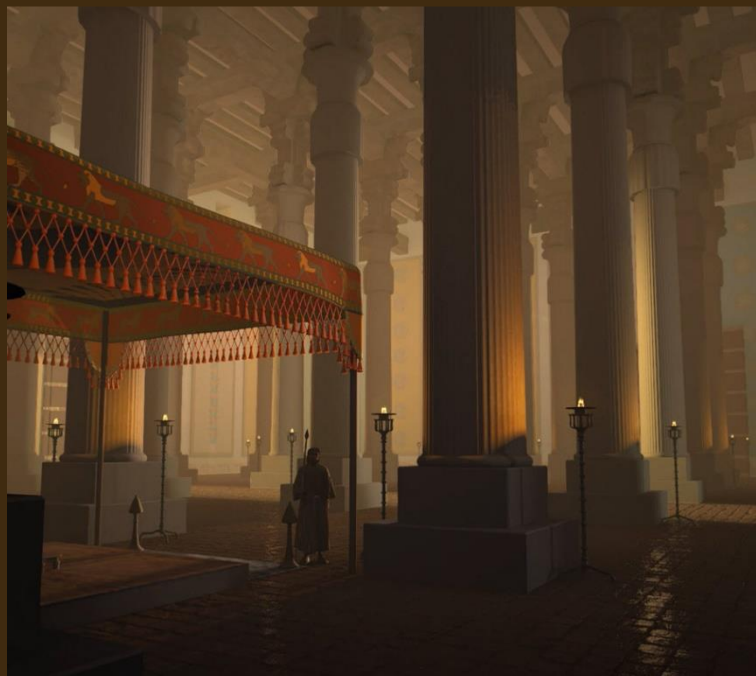
Bên kia sông, bên cạnh khu phức hợp rộng lớn là cung điện nhỏ hơn của Vua Artaxerxes II, được xây dựng vào thời ông nội của Alexander. Vị vua Ba Tư này đã xây dựng một công trình kiến trúc ít hoành tráng hơn nhưng vẫn sang trọng như một nơi yên tịnh thoát

khỏi những yêu cầu vô tận của hoàng gia. Một dòng chữ ở đó cầu nguyện các vị thần sẽ ban cho ông ta và cung điện của mình sự bảo vệ khỏi tất cả những điều xấu xa, nơi này có thể là một paradayadam cho ông ta. Trong tiếng Ba Tư sau này, từ tương tự sẽ trở thành pairidaeza và được chuyển sang tiếng Hy Lạp là Paragoisos, hay thiên đường – paradise.

Bản dựng 3D của cung điện







Alexander đã cử một trong những sĩ quan của mình trực tiếp đến Susa sau trận chiến tại Gaugamela với yêu cầu satrap địa phương của Ba Tư, Abulites, chuẩn bị cho thành phố đầu hàng cùng với một lời cảnh báo nghiêm khắc để kho báu không bị ảnh hưởng. Satrap đã tuân theo và bây giờ cử con trai của mình đến gặp nhà vua và hộ tống anh đến thành phố bằng con sông Choaspes gần đó — một cử chỉ biểu tượng quan trọng vì đây là dòng sông mà Đại vương đã uống. Abulites đã chính thức trao Susa và ban cho vị vua mới của nó những món quà vương giả là tấm vải màu tím tốt nhất, những bộ trang phục và voi từ Ấn Độ. Quan trọng hơn đối với Alexander, satrap còn mang theo bốn vạn tài sản vàng và bạc thỏi đáng kinh ngạc, đủ tiền để tài trợ cho quân đội Macedonia và thực sự là cả đế chế trong nhiều năm tới. Alexander hẳn đã đánh giá cao món quà bổ sung là hàng ngàn đồng tiền vàng đúc thường được gọi là darics mô tả vị Vua đầu tiên Darius là một cung thủ. Giờ đây nhà vua

có kho báu nằm ngoài những giấc mơ hoang đường nhất của mình.

Khi Alexander leo lên cầu thang để đến thành cổ và bước vào khán phòng hoàng gia, anh nhìn chằm chằm vào những đồ trang trí lộng lẫy và chiến lợi phẩm thu thập được trong hai thế kỷ từ khắp đế chế. Anh nhận thấy ở một bên là bức tượng của hai thanh niên Athen là Harmodius và Aristogiton do Xerxes cho vẽ trong cuộc xâm lược Hy Lạp. Những người đàn ông trẻ tuổi đã âm mưu ám sát một bạo chúa thống trị của Athens, nhưng đã bị giết và sau đó được nâng lên thành anh hùng. Alexander ra lệnh gửi những bức tượng trở lại Athen cùng với lời khen ngợi của mình — có lẽ như một lời nhận xét mỉa mai về quan điểm của người Athen rằng bản thân anh giờ là bạo chúa vĩ đại nhất. Tuy nhiên, các công dân của Athen rất biết ơn điều này và đặt họ bên cạnh con đường dẫn đến Acropolis.

Ở cuối sảnh là ngai vàng của chính Darius. Bất cứ ai ngoài Đại vương ngồi ở đó đều là cái chết,

nhưng Alexander đã cố tình công khai ngồi lên ngai vàng. Vấn đề duy nhất là vị vua mới thấp hơn chiều cao trung bình và đôi chân của anh lơ lửng trên bậc thang thấp nhất. Điều này vừa đáng xấu hổ vừa buồn cười, vì vậy một trong những người hầu hoàng gia nhanh trí đã gạt khối đặt chân sang một bên và thay vào đó một chiếc bàn có chiều cao lớn hơn để Alexander có thể đặt chân.



Ngai vàng của Darius

Sau đó, nhà vua nhận thấy một thái giám lớn tuổi đang lặng lẽ khóc trong góc. Khi được hỏi tại sao lại buồn như vậy, ông ta trả lời mình đã phục vụ bữa ăn cho Đại vương trên chiếc bàn đó từ lâu và rất đau lòng khi thấy nó được dùng làm bệ kê chân. Alexander đang định ra lệnh dỡ bỏ chiếc bàn để tránh bị buộc tội nhẫn tâm vi phạm lễ nghi và xúc phạm các vị thần, thì Philotas, con trai của tướng Parmenion, thúc giục anh dừng lại. Đó là một điềm báo, anh ấy tuyên bố, chiếc bàn từng được sử dụng bởi kẻ thù lớn, bây giờ đã trở thành bệ đỡ chân của anh. Alexander đã nhìn thấy sự khôn ngoan trong biểu tượng như vậy và ra lệnhchiếc bàn từ đây trở đi vẫn giữ nguyên vị trí của nó.

Nhà vua đi vào cung điện và thấy gia đình Darius, những người đã đi cùng anh từ Issus, được ở trong khu nhà cũ của họ. Anh không cần phải kéo họ theo sau trong chiến dịch, vì vậy anh ra lệnh cho họ ở lại Susa và được chỉ định gia sư để học ngôn ngữ Hy Lạp.

Alexander đặc biệt nóng lòng muốn để lại ấn tượng tốt với Sisyngambris, mẹ của Darius, và tặng một món quà bằng vải tốt vừa đến từ Macedonia cho bà. Để thể hiện tình cảm của mình, anh thậm chí còn đề nghị gửi cho bà những người phụ nữ Macedonia, những người sẽ dạy bà và các cháu gái cách dệt những tấm vải lộng lẫy cho chính họ. Điều nhà vua không biết là anh vừa xúc phạm thái hậu theo cách tồi tệ nhất có thể. Phụ nữ Ba Tư trong triều không may quần áo - đây là nhiệm vụ dành cho nô lệ. Khi nghe tin Sisyngambris đang hờn dỗi và biết được lý do tại sao, anh đã đích thân đến gặp và gửi lời xin lỗi chân thành nhất. Ở đất nước của mình, anh giải thích, các hoàng hậu và công chúa như mẹ và các chị em gái của anh coi việc dệt vải là một vinh dự. Phải giải thích khá nhiều nhưng cuối cùng Sisyngambris hiểu cử chỉ đó không nhằm mục đích xúc phạm.

Mùa đông đang lắng xuống trên dãy núi Zagros ở phía đông khi năm mới bắt đầu tại Susa. Nếu Darius mong đợi Alexander hưởng thụ một cách thoải mái trong sự ấm áp của cung điện, ông ta nên nghĩ lại. Chỉ sau một thời gian ngắn ở Susa, Alexander đã chỉ huy quân đội của mình chuẩn bị hành quân. Anh bỏ lại Abulite trong văn phòng trước đây của mình, theo khuôn mẫu mà anh đã thiết lập với Mazaeus tại Babylon, nhưng một lần nữa chỉ định những người Macedonia trung thành chỉ huy quân đội. Alexander đã chinh phục các vùng Địa Trung Hải và Lưỡng Hà cho đế chế của mình, nhưng trung tâm của Ba Tư và các tỉnh phía đông vẫn còn ở phía trước. Cho đến thời điểm này của chiến dịch, những người bản xứ qua những vùng đất anh đi qua đều coi anh như một người giải phóng tiềm năng hoặc ít nhất là một phương tiện để đánh đuổi người Ba Tư. Nhưng một khi anh vượt qua những ngọn núi và tiến về Persepolis, anh sẽ chẳng là gì khác ngoài một kẻ xâm lược trong lãnh thổ thù địch. Anh biết người Ba Tư sẽ chiến

đấu dũng cảm hơn nữa cho quê hương. Ngoài họ còn có người Bactria, người Scythia và người da đỏ - tất cả đều nằm trong số những chiến binh giỏi nhất trên thế giới, những người cũng sẽ chiến đấu cho vùng đất của riêng họ. Trận chiến phía tây có thể đã thắng, nhưng phần khó khăn nhất của cuộc chiến chỉ mới bắt đầu.

PERSEPOLIS

CÓ ĐỦ CAN ĐẢM ĐỂ LÀM MỘT VỊ VUA VÀ DIỄU HÀNH TRONG CHIẾN THẮNG QUA PERSEPOLIS?

CHRISTOPHER MARLOWE

Cách Susa vài ngày về phía đông, Alexander và quân đội rời vùng đồng bằng ấm áp của Mesopotamia và tiến vào vùng núi tuyết phủ của Ba Tư. Những vùng cao nguyên này bị chiếm đóng bởi một dân tộc được gọi là người Uxian, vua của họ là Madates, anh em họ của Darius. Mặc dù có liên quan đến gia đình hoàng gia, họ là một dân tộc riêng biệt và chỉ cấp quyền đi lại qua vùng đất của họ cho những ai trả tiền. Mọi Đại vương kể từ Cyrus đều tặng vàng cho các lữ đoàn Uxian để cho phép người của ông đi qua các hẻm núi hẹp vốn là con đường thực tế duy nhất giữa Susa và Persepolis. Thật là một sự sỉ nhục cay đắng cho vua Ba Tư khi phải trả phí cho bọn cướp, nhưng với bản chất khó tiếp cận của những

ngọn núi, không một đội quân nào có thể khuất phục hoặc đánh đuổi chúng.



Các sứ giả từ người Uxian đến gặp Alexander tại trại ở chân đồi và chào đón nhà vua một cách tôn trọng. Họ chào đón anh đến vùng đất của họ và - không có lòng trung thành với bất kỳ ai, trừ người của họ - không phản đối việc anh băng qua những ngọn núi để tấn công Persepolis. Nhưng có một vấn đề nhỏ trong việc trả phí. Họ sẽ để cho quân đội của anh băng qua trong hòa bình miễn là anh trả phí giống như Đại vương. Alexander rất tự chủ vào lúc này, anh mỉm cười và ra giá, bảo họ đợi anh trên đèo, nơi họ sẽ nhận được tiền.

Darius và những người tiền nhiệm của ông ta có thể đã nhượng bộ những tên cướp vùng cao này, nhưng Alexander không định bắt đầu cuộc hành quân vào Ba Tư bằng cách bị tống tiền. Anh định dạy cho người Uxian một bài học mà họ sẽ không bao giờ quên. Nhà vua lấy vài nghìn quân tốt nhất của mình và dẫn họ qua một con đường mòn hẹp vào vùng núi cùng với hướng dẫn viên từ Susa. Ở đó, anh tìm thấy một số ngôi làng của người Uxian nép mình trong các thung lũng cao. Từng người một, anh tấn công họ trong đêm và giết tất cả những người có thể tìm thấy, nhiều người trong số họ vẫn còn trên giường. Anh lấy những thứ giá trị mà họ có, chủ yếu là ngựa và cừu tốt, nhưng đối tượng thực sự là gây ra nỗi kinh hoàng.

Khi di chuyển về phía con đèo nơi các chiến binh Uxian đang canh gác trên con đường chính, anh đã cử thân tín đáng tin cậy của mình là Craterus cùng với một lữ đoàn núp sau các đỉnh núi phía trên họ, biết đây là nơi người bản

địa sẽ rút lui khi anh tấn công. Người Uxian tin tưởng vào địa hình khó tiếp cận để bảo vệ họ khỏi kẻ thù, nhưng họ chưa bao giờ đối phó với những người đàn ông từ vùng cao nguyên Macedonia và Thrace. Những người lính này đã lớn lên trên những ngọn núi gồ ghề như họ và cảm thấy hoàn toàn thoải mái như ở nhà khi mò mẫm trên những tảng đá và gờ nơi có những con dê hoang dã.

Alexander đột ngột lao lên từ phía dưới về phía những người Uxian đang canh gác trên đèo, khiến họ ngạc nhiên đến nỗi bỏ chạy vào những ngọn đồi xung quanh — chỉ để thấy Craterus và người của anh ta đang đợi họ ở đó. Nhiều người đã bị giết ngay lập tức bằng gươm và giáo, trong khi những người khác bị ném khỏi vách đá. Một số người trốn thoát để loan tin về vị vua mới không thể ngăn cản và đội quân hung dữ của anh ta. Alexander ở ngay sau họ cùng với người của mình, phá hủy làng này qua làng khác khi họ băng qua vùng cao nguyên. Vua Madates quá quẫn trí đã cử

sứ giả đến Susa bằng một con đường bí mật để cầu xin mẹ của Darius, xin với Alexander và cứu người của ông ta.

Sisyngambris miễn cưỡng tham gia vào các vấn đề quân sự, nhưng vì lợi ích của gia đình, bà đã đồng ý và gửi một lá thư cho Alexander cầu xin anh tha cho người Uxian khỏi sự hủy diệt. Nhà vua có lẽ vẫn cảm thấy áy náy về sự hiểu lầm với Sisyngambris về việc dệt vải, vì vậy anh đã nhượng bộ lời cầu xin của bà và ân xá cho Madates cũng như tất cả những người Uxian sẽ đầu hàng. Anh để nguyên những ngôi làng còn lại của họ với điều khoản bây giờ họ sẽ cống nạp cho anh một trăm con ngựa mỗi năm cùng với năm trăm các loài động vật vận chuyển và ba mươi nghìn con cừu. Chỉ trong vài ngày, Alexander và người của anh đã làm được điều mà Đế chế Ba Tư không thể làm được trong hai trăm năm.

Người Macedonia tiếp tục cuộc hành quân về phía đông sâu hơn vào những ngọn núi đóng băng ngăn cách họ với Persepolis. Con đường

thẳng vào Ba Tư vắt qua một con đèo cao gọi là Cổng Ba Tư, một khe hẹp được bao quanh bởi những vách đá không thể vượt qua ở mọi phía.



Lựa chọn khác duy nhất là đi đường vòng dài về phía nam, nhưng việc này sẽ mất thêm nhiều ngày di chuyển. Alexander biết từ những người do thám rằng thống đốc Ba Tư địa phương, Ariobarzanes, đang đợi anh với một lực lượng đáng kể canh gác Cổng, nhưng anh không tin số lượng của họ sẽ nhiều. Tuy nhiên, họ có lợi thế về địa hình và sẽ khó bị đánh bật. Ariobarzanes là một nhà lãnh đạo

giàu kinh nghiệm chiến tranh, người đã chiến đấu chống lại Alexander tại Gaugamela và vẫn trung thành với Darius. Ông ta quyết tâm ngăn chặn quân xâm lược tiến vào quê hương.

Alexander xem xét tình hình và một lần nữa thực hiện một hành động bất ngờ. Anh quyết định chia nhỏ lực lượng, gửi hầu hết quân đội đi đường vòng với Parmenion để tiếp cận Persepolis từ phía nam. Có thể đúng là nhà vua đang tìm cớ để một lần nữa hoạt động độc lập khỏi vị tướng già, nhưng mối quan tâm chính của anh là đến được Persepolis trước khi người Ba Tư có thể tháo giỡ kho bạc. Cách duy nhất có thể làm là nhanh chóng vượt qua Cổng Ba Tư được bảo vệ nghiêm ngặt. Ariobarzanes rõ ràng mong đợi anh sẽ chuyển toàn bộ quân đội về phía nam khi nghe tin con đèo đã được canh gác, qua đó câu giờ cho việc phòng thủ hoặc ít nhất là sơ tán thủ đô. Biết được điều này, Alexander đã làm ngược lại và từ bỏ lợi thế về quân số vượt trội của mình cho một cuộc tấn công mạo hiểm. Đó không phải

là một kế hoạch mà bất kỳ vị tướng nào cũng có thể thực hiện, nhưng, một lần nữa, Alexander không phải là một vị tướng bình thường.

Chỉ với vài nghìn quân Macedonia và Thracia, Alexander khởi hành với tốc độ chóng mặt lên thung lũng dẫn đến Cổng Ba Tư. Cách tiếp cận là qua một bờ vực dốc với vách đá nhô lên ở cả hai bên. Nhà vua có thể nhìn thấy từ xa Ariobarzanes đã xây một bức tường chắn ngang khoảng trống dẫn qua đường đèo. Có rất nhiều binh lính Ba Tư đang canh gác bức tường, nhưng Alexander tin người của mình có thể vượt qua được và di chuyển thành đội hình vào phần hẹp nhất của thung lũng ngay trước bức tường.

Đột nhiên, có một tiếng va chạm mạnh như sấm sét từ những rặng núi phía trên khi những tảng đá rơi xuống người của anh. Tên mồi lửa được bắn từ máy phóng ở những ngọn đồi phía trên, những mũi lao do lính Ba Tư ném xuống, và những mũi tên từ hàng ngàn cung thủ rơi

xuống như mưa khi quân Macedonia cố gắng trèo lên những vách đá phủ đầy tuyết để lao vào quân phòng thủ. Nhưng những vách đá quá dựng đứng nên họ cứ trượt xuống đầu những người bạn đồng hành của mình, trong khi hàng trăm đồng đội của họ đang chết xung quanh. Alexander đã dẫn người của mình vào một cái bẫy hoàn hảo. Ariobarzanes được cho là có bốn mươi nghìn người bảo vệ con đèo, nhưng ngay cả khi có một phần tư con số này, không kẻ thù nào - thậm chí là Alexander - có thể hy vọng đánh chiếm Cổng Ba Tư trong một cuộc tấn công trực tiếp. Nhà vua ra lệnh cho binh lính nâng khiên của họ lên trên đầu theo đội hình rùa bảo vệ, nhưng những người đàn ông vẫn tiếp tục rơi xuống dưới những tảng đá khổng lồ từ trên cao. Alexander cuối cùng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc ra lệnh rút lui, để lại thi thể của nhiều binh lính tốt nhất của mình nằm gục trong hẻm núi hẹp trước bức tường.

Alexander không quen với việc bị đánh bại và sự xấu hổ đã đeo bám anh. Sự tự tin liều lĩnh đã từng phục vụ anh rất tốt trong quá khứ đã phải trả giá bằng mạng sống của hàng trăm người đàn ông dũng cảm nhất.

Anh cân nhắc việc kêu gọi nhà tiên tri Aristander để hỏi các vị thần xem liệu anh có làm mất lòng họ bằng cách nào đó hay không, nhưng quyết định điều quan trọng hơn vào lúc này là truyền cảm hứng cho những người đàn ông đang nản lòng của mình. Để thua một trận chiến đã đủ khó đối với họ, nhưng buộc phải bỏ lại những xác chết tan nát của bạn bè là điều không tưởng. Nhiệm vụ quan trọng nhất đối với bất kỳ người lính nào là chôn cất người đồng đội đã ngã xuống. Alexander biết Ariobarzanes có thể sẽ cho phép anh tìm lại người chết dưới lá cờ đình chiến, nhưng sự sỉ nhục sẽ quá sức chịu đựng. Anh quyết định sẽ phải bỏ lại những cái xác và đi theo Parmenion quanh con đường dài phía nam đến Persepolis

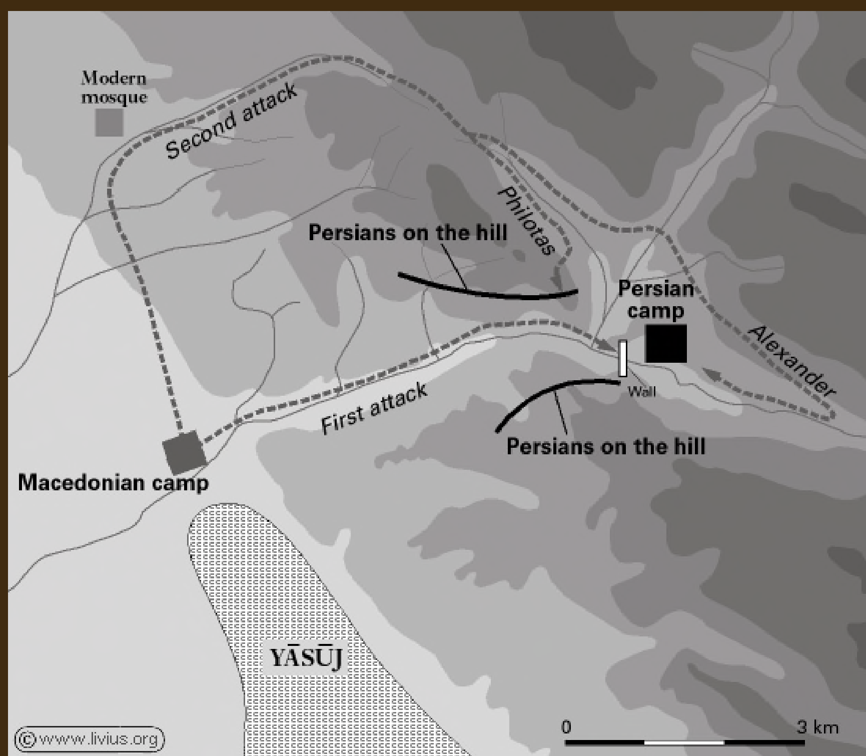
— hoặc bằng cách nào đó tìm cách đánh bại quân Ba Tư đang giữ Cổng.

Quân Macedonia đã bắt được một vài tù nhân trong cuộc tấn công và Alexander ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình. Bị đe dọa bởi những màn tra tấn khủng khiếp nhất có thể tưởng tượng, anh hỏi họ liệu có con đường nào xung quanh Cổng Ba Tư không. Tất cả đều lắc đầu, nhưng có một người đàn ông trong số đó nói được tiếng Hy Lạp. Anh ta là người gốc Lycia ở Nam Tiểu Á, nhiều năm trước đó đã bị bắt và bị đày đến góc xa xôi của Ba Tư. Anh ta lao động ở vùng núi địa phương với tư cách là một người chăn cừu và được Ariobarzanes thu nạp để giúp bảo vệ con đèo. Anh ta nói với Alexander có một con đường mòn đầy đá dẫn đến phía sau Cổng, nhưng đó là một con đường mòn hẹp chỉ thích hợp cho chuyến du lịch mùa hè của một vài con cừu chứ không phải là một đội quân hàng nghìn con ngựa. Alexander nhìn thẳng vào mắt anh ta với một cường độ đáng sợ và hỏi anh ta lần nữa liệu có

cách nào để binh lính của anh có thể vượt qua con đường bí mật này không. Người Lycia nhắc lại điều đó là không thể.

Lúc này Alexander mới nhớ lại một lời tiên tri mà anh đã nghe khi còn là một cậu bé. Vào một thời điểm nào đó, khi đang mơ về cuộc chiến chống lại Đại vương, anh đã gửi đến Delphi để hỏi xem liệu anh có bao giờ chinh phục được Ba Tư hay không. Các sứ giả trở về với lời tiên tri rằng anh sẽ được dẫn đến Ba Tư bởi một con sói. Anh đã quên điều này trong nhiều năm, nhưng với người đàn ông đến từ Lycia trước mặt thì điều đó bắt đầu có ý nghĩa. Từ “sói” trong tiếng Hy Lạp là lykos, thực tế giống với Lykios - một người Lycian. Trong suy nghĩ của Alexander, đây không thể là một sự trùng hợp. Anh nói với người tù Lycian rằng toàn bộ quân của anh sẽ theo anh ta trên con đường mòn ngay đêm hôm đó. Người đàn ông cầu xin Alexander tha cho. Những người đàn ông trong bộ giáp chiến đấu đầy đủ sẽ không bao giờ vượt qua được con đường và chắc chắn

sẽ đổ lỗi cho anh ta vì thất bại của họ. Nhà vua trả lời bất cứ điều gì một người chăn cừu có thể làm cho đàn gia súc của mình, quân đội của Alexander có thể hoàn thành vì mục tiêu vinh quang vĩnh cửu.



Nhà vua bỏ lại Craterus với hầu hết bộ binh và tất cả kỵ binh. Anh ta được lệnh đốt nhiều ngọn lửa như thể cả quân đội vẫn còn cắm trại trước đèo, sau đó chờ có hiệu kèn sẽ xông vào bức tường. Alexander ra lệnh cho những

người còn lại mang theo thực phẩm dự phòng cho ba ngày và chuẩn bị cho chuyến leo núi khó khăn nhất trong cuộc đời của họ. Với lời cầu nguyện thì thầm với các vị thần, nhà vua và binh lính đã lên đường ngay trong đêm để tìm ra con đường mòn.

Con đường bị tuyết bao phủ sâu đến nỗi những người đàn ông liên tục bị chìm sâu đến ngực như thể họ bị rơi trong hố. Những người bạn của họ, những người cố gắng kéo họ ra đã rơi vào tình trạng như họ. Các khe núi ẩn và hẻm núi sâu ở khắp mọi nơi, trong khi những cây thông dày đặc che khuất các vì sao ở mọi phía. Gió lạnh buốt quất những cành cây đông cứng vào mặt những người lính khốn khổ. Nhưng Alexander đã ra lệnh cho người của mình di chuyển qua ngọn núi trong sự im lặng tuyệt đối, vì vậy không có bất kỳ lời phàn nàn nào. Giờ này qua giờ khác, họ phải vật lộn với những điều kiện bất khả trên những con đường mòn vô danh trong bóng tối hoàn toàn, tin tưởng cuộc sống của họ vào một người

chăn cừu Lycia duy nhất và vua của họ, người tin vào một lời tiên tri thuở nhỏ.

Cuối cùng, khi ngày mới đang bắt đầu, họ đã đến được đỉnh của con đường mòn phía trên Cổng Ba Tư. Tại đây, Alexander ra lệnh cho những người đang kiệt sức của mình nghỉ ngơi và ăn uống trong khi thảo luận với các sĩ quan. Kế hoạch của anh là chia nhỏ lực lượng một lần nữa, gửi một phân đội khá lớn dưới quyền của Ptolemy trực tiếp xuống sườn núi để tấn công vào cạnh của bức tường vào đúng thời điểm. Với những người còn lại, Alexander tiếp tục đi theo con đường mòn đến phía sau của con đèo, một đoạn đường khó khăn hơn đoạn leo lên đỉnh. Khi đến con đường chính phía sau Cổng, anh gây bất ngờ cho một đơn vị bảo vệ Ba Tư đóng ở đó, giết chết tất cả, trừ một số người bỏ chạy xuống núi.

Màn đêm lại buông xuống khi Alexander tập hợp quân và tiến đánh quân Ba Tư. Anh ra lệnh thổi kèn để báo hiệu cho Craterus ở phía xa bắt đầu cuộc tấn công. Cùng lúc đó,

Ptolemy và người của mình đánh quân Ba Tư từ phía sau khi họ tự mình leo xuống núi dốc. Bây giờ Ariobarzanes đã bị mắc vào một cái bẫy. Một số người của ông ta cố gắng đứng vững trong khi những người khác cố gắng chạy trốn, sự xuất hiện bất ngờ của Alexander đã khiến hầu hết bị tàn sát. Chỉ có Ariobarzanes và một số người cố gắng chạy thoát bằng ngựa vào những ngọn đồi. Đó là một trong những trận chiến kinh khủng nhất có thể tưởng tượng được, chiến đấu trong bóng tối ở một con đèo hẹp, phủ đầy tuyết. Hàng nghìn người Ba Tư đã chết để bảo vệ bản địa của họ, bị tấn công bởi các chiến binh Macedonia và Thracia mệt mỏi nhưng đầy quyết tâm, những người đã thực hiện một chuyến đi bất khả qua những ngọn núi sâu trong mùa đông. Xác chết đông cứng của những người đàn ông đã chết trong trận chiến trước đó trước bức tường cuối cùng được tổ chức theo nghi thức tang lễ. Người chăn cừu Lycia, người đã dẫn đường, đã được Alexander ban thưởng một cách xa hoa và được những

người đàn ông mà anh ta nắm giữ mạng sống của mình ca ngợi nồng nhiệt. Cổng Ba Tư đã sụp đổ và con đường đến Persepolis giờ đang rộng mở trước mắt họ.

Bây giờ nó là một cuộc chạy đua để đến thủ đô trước khi người Ba Tư có thể thiết lập một tuyến phòng thủ hiệu quả hoặc di tản kho bạc lên phía bắc. Alexander đã cử Philotas đi trước để bắc cầu qua sông Araxes trên đường đến thành phố. Anh cũng vừa nhận được một lá thư từ Tiridates, thủ quỹ hoàng gia tại Persepolis, người có lẽ là một hoạn quan, thông báo với nhà vua rằng anh ta sẽ giao thành phố và ngân khố cho Alexander nếu anh có thể đến nhanh chóng. Nhưng điều quan trọng là người Macedonia phải nhanh chóng giành quyền kiểm soát thủ đô. Tiridates rõ ràng đang hy vọng về sự đối xử ưu tiên giống như những quan chức quan trọng đã sẵn lòng trao các thành phố của họ trước đây.

Quân Macedonia lao hết tốc lực xuống từ Dãy núi Zagros về phía Persepolis, nhưng khi họ

gần đến thành phố, họ nhìn thấy điều gì đó khiến Alexander phải dừng lại bất chấp đang vội. Trước mặt anh trên đường là một đám rước gồm tám trăm người đàn ông và phụ nữ cao tuổi đang cầu xin. Đó là một cảnh tượng kinh dị và đáng thương vì từng người đã bị cắt xẻo. Một số không có tay, những người khác không có chân, một số không có tai hoặc mũi. Để thêm phần sốc, tất cả họ đều kêu lên với nhà vua bằng tiếng Hy Lạp. Người đại diện của họ giải thích họ đã bị một vị vua Ba Tư trước đó mang đến nơi này nhiều năm trước để trừng phạt những việc làm ở quê hương cũ. Họ đã thành lập một vùng định cư của những người Hy Lạp lưu vong ngay trước cửa thủ đô của Ba Tư để phục vụ như một lời nhắc nhở hữu hình cho những người đi ngang qua về cái giá của sự bất trung với Đại vương. Nhiều người trong số này là thợ thủ công, nhưng những người chủ Ba Tư đã không thèm để ý đến tay chân của họ, tất cả đều bị biến dạng.

Alexander đã rất xúc động trước câu chuyện của những linh hồn già nua và tan nát này đến nỗi nước mắt chảy dài trên khuôn mặt. Anh hứa sẽ làm mọi cách để giúp họ trở về nhà ở Hy Lạp. Những người lưu vong cảm ơn và hỏi liệu thay vào đó họ có thể ở lại không. Ở Hy Lạp, họ giải thích, họ sẽ bị phân tán thành những nhóm nhỏ và bị coi như những đối tượng bị khinh miệt. Nhưng ở đây, ở Ba Tư, họ là một cộng đồng có mối liên kết chung về nỗi bất hạnh, những người luôn hướng về nhau. Tất cả những gì họ yêu cầu từ Alexander là giúp đỡ trong việc chăm sóc bản thân. Nhà vua vui vẻ đồng ý và ra lệnh cho tất cả được cấp đủ tiền để họ được thoải mái trong phần đời còn lại, cùng với quần áo, bò, cừu và lúa mì. Anh miễn thuế cho họ và ra lệnh nghiêm khắc đối với các quan chức cai trị khu vực phải đối xử với họ một cách tôn trọng nhất.

Persepolis nằm trong một đồng bằng rộng lớn được bao quanh bởi những ngọn núi xa xôi ở trung tâm của quê hương Ba Tư. Có những thủ

đô khác — Susa, Babylon, Ecbatana — nhưng đây là những thành phố đã bị chiếm lấy trong các cuộc chiến tranh mở rộng. Mặt khác, Persepolis là linh hồn của đế chế. Đây là nơi Đại vương và các quý tộc của ông đã đến để ghi nhớ những gì họ đã đạt được trong hơn hai thế kỷ. Vào thời Cyrus Đại đế còn trẻ, người Ba Tư là một dân tộc ít người, một nhóm các chiến binh cao nguyên đã tràn vào từ các vùng đất phía bắc để sinh sống ở rìa nền văn minh. Họ là những người chiến đấu quyết liệt và là những người có danh dự, nhưng họ chẳng hơn gì những người anh em họ Medes, những người đã cai trị họ, và không gì khác ngoài là những kẻ man rợ đối với các nền văn hóa cổ xưa ở vùng Lưỡi liềm màu mỡ. Họ không có ngôn ngữ viết và không có kỹ năng xây dựng các tượng đài vĩ đại. Nhưng sau đó chỉ trong một đời người, họ đã chinh phục được người Media và lan sang Tiểu Á, Lưỡng Hà, Ai Cập và Trung Á. Không có đế chế nào trong lịch sử đạt được thành tựu kỳ diệu như vậy. Tại Persepolis, nơi từng tập hợp các thị tộc Ba Tư

trong lều, họ xây dựng một thành phố tráng lệ bằng cách sử dụng tài năng của các dân tộc văn minh mà họ cai trị. Tại đây họ cất giữ cống vật và kho báu thu được từ các tỉnh xa để tài trợ cho quân đội và quản lý đế chế của mình. Vua Darius I là kiến trúc sư đầu tiên của Persepolis, tuyên bố bằng một dòng chữ trên tường:

TA LÀ DARIUS, VỊ VUA VĨ ĐẠI, VUA CỦA CÁC VUA, VUA CỦA NHIỀU QUỐC GIA, VUA CỦA THẾ GIỚI RỘNG LỚN, CON TRAI CỦA HYSTASPES, GIA TỘC ACHAEMENID.

VUA DARIUS THÔNG CÁO: TẠI NƠI PHÁO ĐÀI NÀY ĐƯỢC XÂY DỰNG, CHƯA TỪNG CÓ PHÁO ĐÀI NÀO KHÁC TRƯỚC ĐÂY. ĐÓ LÀ ÂN HUỆ CỦA AHURAMAZDA, TA ĐÃ XÂY DỰNG PHÁO ĐÀI GIỐNG NHƯ AHURAMAZDA VÀ TẤT CẢ CÁC VỊ THẦN CỦA ÔNG ẤY MUỐN THẾ. TA ĐÃ XÂY DỰNG NÓ, HOÀN THÀNH NÓ, KHIẾN NÓ ĐẸP ĐẼ VÀ VỮNG CHẮC, CHÍNH XÁC NHƯ TA ĐÃ THÔNG CÁO.

Alexander và quân đội Macedonia đã tiếp cận thành phố vĩ đại này vào cuối tháng 1, gần bốn

năm sau khi họ rời châu Âu và vượt qua châu Á. Bằng những cuộc hành quân thần tốc vượt qua những địa hình bất khả, sự bền bỉ trong trận chiến và sự quyết tâm tuyệt đối, họ đã đánh bại Ariobarzanes tại Cổng Ba Tư và đến được những bức tường thành của Persepolis. Thủ ngân Tiridates đã giữ lời và mở cổng cho nhà vua. Nhưng không giống như ở Babylon, không có đám đông chào đón nào xếp hàng trên đường phố. Các công dân của thành phố ẩn náu trong nhà để cầu nguyện với các vị thần, vì lý do chính đáng là lo sợ điều tồi tệ nhất sẽ xảy ra dưới tay của vị vua trẻ tuổi đến từ rìa thế giới này.



Thành phố Alexander bước vào không giống Babylon về vẻ hùng vĩ cổ kính, sôi động hay thậm chí giống như Susa với quần thể cung điện nguy nga và di sản văn hóa Elamite phong phú. Persepolis là một thành phố mới, hoành tráng theo nghĩa chân thật nhất, một

kiến trúc trang nghiêm bằng đá tuyên bố sức mạnh khủng khiếp của Đế chế Ba Tư. Khu phức hợp cung điện lớn nằm trên một thềm đá nhô lên trên đồng bằng và được tiếp cận bởi một cầu thang đôi rộng được bảo vệ bởi những bức tượng của những con bò đực khổng lồ để xua đuổi ma quỷ, một sự vay mượn từ biểu tượng Lưỡng Hà trước đó. Leo lên sân thượng, du khách sẽ thấy khán phòng với những bức phù điêu tuyệt đẹp về binh lính Ba Tư và các quốc gia thần dân đang tiến đến ngai vàng của hoàng gia.

Đó là những bức chạm khắc chi tiết đẹp đẽ về các quý tộc trong xe ngựa của họ và một bên là lính gác triều đình. Ở phía bên kia là những người A Rập dẫn lạc đà và những người da đỏ mang quà tặng, cùng với những người Parthia, người Bactria, người Ai Cập, người Scythia, người Hy Lạp, người Syria, người Babylon, người Lydia, người Elamite, người Medes và những người khác. Tất cả những ai được vinh

dự diện kiến Đại vương sẽ được chứng thực về sức mạnh của Ba Tư.



Gần khán phòng là một không gian tụ họp rộng lớn khác với một trăm cột trụ, cũng như kho bạc lớn được bảo vệ cẩn mật, được xây bằng gạch bùn trơn. Các cung điện do Darius I và con trai của ông là Xerxes xây dựng ở phía nam. Cung điện của Darius được lấy cảm hứng từ Ai Cập, nhỏ và gọn, được lót bằng những bức tường được đánh bóng đến mức nó được gọi là Sảnh Gương. Cung điện Xerxes chiếm

phần cao nhất của khu phức hợp và hoành tráng hơn nhiều so với cấu trúc của cha mình.



Hàng chục gian nhỏ choán hết mặt sau của tòa nhà, có lẽ là nơi chứa hậu cung của nhà vua. Tại đây, nhiều người vợ và thê thiếp sống trong cảnh biệt lập lộng lẫy. Những người phụ nữ này là quý tộc Ba Tư hoặc con gái của các hoàng gia được cam kết là biểu tượng cho lòng trung thành với đế chế. Những người phụ nữ này được các hoạn quan canh giữ ngày đêm.

Khu phức hợp cung điện Persepolis là một trung tâm hành chính và ngoại giao, nơi ở của Đại vương và đoàn tùy tùng của ông, một kho báu và địa điểm nghi lễ vô cùng quan trọng.

Có lẽ ở đây, lễ mừng năm mới của người Ba Tư được cử hành hàng năm vào ngày xuân phân, khi những món quà được trao tặng và nhà vua vững chắc như đại diện trần thế của vị thần vĩ đại Ahuramazda. Phần lớn dân số sống bên ngoài khuôn viên của cung điện trong thành phố xung quanh. Đây là những quan chức chính phủ, doanh nhân và thương gia sở hữu những ngôi nhà sang trọng được trang trí những tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp. Người dân Persepolis là tầng lớp ưu tú của thế giới Ba Tư và đã thu lợi rất nhiều từ các cống phẩm đổ vào thủ đô trong hai trăm năm.



Alexander đã hào phóng với quân đội của mình trong suốt chiến dịch, đảm bảo họ được trả công xứng đáng khi có thể và được chia

nhiều chiến lợi phẩm trên đường đi. Nhưng bây giờ khi những người đàn ông bước vào Persepolis, họ cảm thấy bồn chồn. Họ thấy xung quanh mình sự giàu có không thể đo đếm được và biết những ngôi nhà riêng mà họ đi qua đều chứa đựng sự giàu có đáng kinh ngạc. Tuy nhiên, họ rất kỷ luật và kiềm chế bản thân để không chọc giận Alexander.



Tuy nhiên, nhà vua biết rằng ngay cả sự tự chủ của binh lính cũng có giới hạn của nó. Các đội quân trong thế giới cổ đại tin chắc việc cướp phá bất kỳ thành phố nào mà họ chinh phục là quyền tự nhiên của họ. Sau cùng, họ đặt mạng

sống của mình vào chiến đấu vì nhà vua và đất nước. Vinh quang là tất cả và tốt cho các hoàng tử và quý tộc, nhưng họ khao khát có được kho báu hữu hình để tiêu trong khi họ vẫn còn đủ trẻ để tận hưởng nó và vàng để mua trang trại ở quê nhà. Đối với những phụ nữ bị giam cầm, trong tâm trí của những người lính, họ không hơn gì chiến lợi phẩm của chiến tranh và phải được đối xử như vậy.

Alexander đã làm cho tình hình ở Persepolis trở nên biến động hơn nữa bằng cách mô tả thành phố thủ đô như mục tiêu cuối cùng trong chiến dịch của họ. Nhà vua đã điều động binh lính tiếp tục cuộc hành quân qua sa mạc và núi non đến Persepolis để tìm cách trả thù, gọi đây là thành phố bị ghét nhất châu Á. Vào thời điểm quân đội thực sự đến được thủ đô của Ba Tư, họ đã hướng về thành phố như biểu tượng của tất cả những gì xấu xa trên thế giới đến mức họ không để mắt đến vẻ đẹp của các cung điện hay bất kỳ quan tâm nào đến việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với người bản

địa vì lợi ích của đế chế mới. Họ muốn giành lấy mọi thứ có giá trị cho bản thân và xem phần còn lại bùng cháy.

Sau khi Alexander chiếm được sân thượng nhìn ra thành phố, Alexander cảm thấy mình không còn có thể hạn chế người của mình nữa.



Thay vì để xảy ra bạo loạn, anh cho quân đội của mình tự do kiểm soát để cướp phá thành phố vĩ đại Persepolis, chỉ để lại khu phức hợp cung điện cho riêng mình. Quân đội của anh đã cướp bóc các thành phố trước đây từ Thebes đến Gaza, nhưng đây là lần đầu tiên

anh cho phép một thành phố đã đầu hàng hòa bình bị tàn phá. Đó là một sự thay đổi triệt để trong chính sách của anh đối với các dân tộc bị chinh phục và hoàn toàn không có lợi cho việc xây dựng lòng tin giữa các thần dân của mình. Việc cho phép như vậy đối với một đội quân cũng là một tiền lệ nguy hiểm, nhưng nhà vua tin giải pháp thay thế còn nguy hiểm hơn.

Suốt cả ngày và đêm, những người lính chạy loạn xạ trên các đường phố của Persepolis với lòng tham dữ dội hiếm ai sánh được trong lịch sử. Những người Macedonia xông vào từng ngôi nhà riêng và giết những người đàn ông bên trong, sau đó thay nhau hãm hiếp phụ nữ và trẻ em gái. Khi họ mệt mỏi với điều này, họ trói những người bị bắt để bán làm nô lệ. Đồng thời, họ lấy bất cứ thứ gì có giá trị trong nhà, thậm chí tranh giành nhau những đồ vật tốt nhất. Một số đã cắt bỏ tứ chi của các bức tượng vàng khi họ thấy không thể mang các vật nặng đi theo. Không ít người trong số những người

đàn ông đã bị giết bởi các đồng đội vì tranh giành. Một số thậm chí đã bị chặt tay bởi những người mà họ đã chiến đấu bên cạnh từ lâu khi cố gắng lấy thêm một chút kho báu cho mình. Một số hộ gia đình Ba Tư cố gắng chống trả, nhưng vô ích. Những người dũng cảm nhất trong số những người dân đã nhìn thấy những gì sắp xảy ra và tự đốt nhà của họ cùng với chính họ và gia đình bên trong trước khi người Macedonia có thể phá cửa. Những người khác mặc bộ quần áo đẹp nhất và ném vợ con từ trên mái nhà xuống các đường phố bên dưới, sau đó tự sát. Cuối cùng, sau một ngày đêm kinh hoàng cho người dân thủ đô, Alexander đã ra lệnh cho người của mình ngừng cướp phá thành phố và ngừng giết chóc. Nhưng đến lúc đó, chỉ còn lại một ít đồ chưa cướp và rất ít mạng sống còn lại. Persepolis là một đống đổ nát đầy xác chết, một cảnh tượng kinh hoàng khó tả khi những góa phụ khỏa thân và trẻ mồ côi bị dẫn đi trong cái lạnh mùa đông đến các chợ nô lệ. Alexander cuối cùng đã trả thù đế

chế của Đại vương, nhưng người Ba Tư sẽ không bao giờ quên những gì anh đã làm.

Trong khi quân của anh vẫn đang tàn phá thành phố, Alexander đi qua cung điện để kiểm kê tài sản mới của mình. Điều đầu tiên anh nhận thấy là bức tượng Xerxes đã bị một số người của anh bất cẩn lật úp. Đây là vị vua Ba Tư đã xâm lược Hy Lạp vào đầu thế kỷ trước, tàn sát người Sparta tại Thermopylae, và thiêu rụi Athens. Alexander biết Xerxes có nhiều phẩm chất đáng ngưỡng mộ, trong đó không thể không kể đến năng khiếu xây dựng cung điện nguy nga xung quanh ông. Anh dừng lại trước bức tượng bị lật đổ và nói chuyện với nó như thể nó còn sống, hỏi rằng liệu anh có nên đặt nó lên bệ một lần nữa hay không mặc dù ông đã làm hại Hy Lạp như vậy. Anh trầm ngâm suy nghĩ vấn đề một lúc lâu, rồi bỏ đi.

Tiếp theo, nhà vua bước vào phòng ngai vàng và tiến đến chỗ ngồi của Đại vương, một món đồ nội thất hoành tráng trên một bệ cao được

che phủ bởi một tán cây vàng. Ngai vàng rõ ràng đã được đặt một bệ kê chân có chiều cao thích hợp trước nó để đề phòng Alexander ngồi vào, vì các nguồn cổ xưa không đề cập đến chân của ông lơ lửng trên sàn nhà như ở Susa. Đó là một khoảnh khắc xúc động đối với Alexander và tất cả những người có mặt. Ở đây cuối cùng nhà vua đã hoàn thành ước mơ của mình là ngồi trên ngai vàng của Đại vương tại Persepolis. Trong bốn năm, anh đã chiến đấu trên khắp Đế quốc Ba Tư, đánh bại quân đội hùng mạnh và cướp phá các thành phố để giành được quyền này. Demaratus of Corinth, người bạn cũ của gia đình anh, đã bật khóc khi chứng kiến cảnh tượng này. Ông tuyên bố mình thương tiếc những người Hy Lạp đã chết trước khi họ có thể nhìn thấy Alexander ngồi trên ngai vàng của Darius.



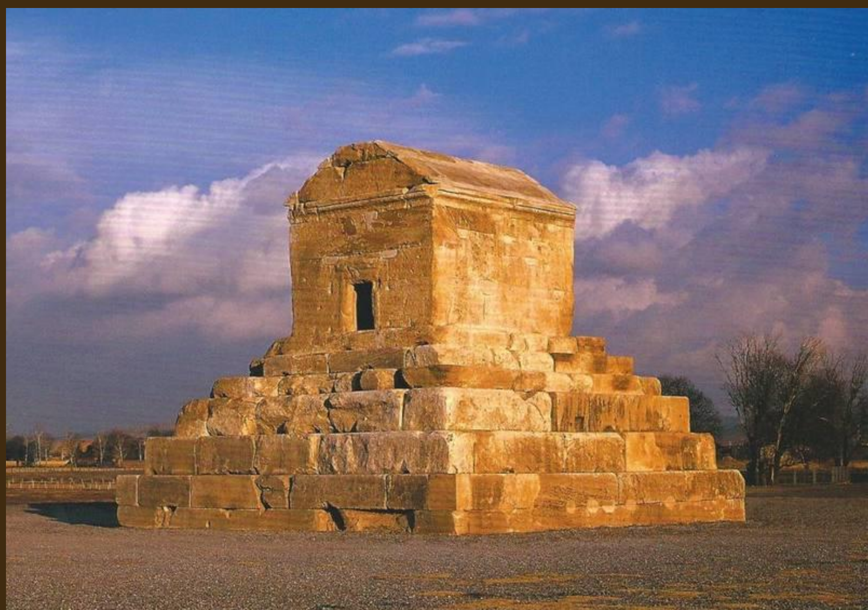
Từ cung điện, Alexander di chuyển đến kho bạc, nơi anh nhìn chằm chằm vào những cống phẩm mà các vị Vua vĩ đại của Ba Tư thu được trong hai thế kỷ. Kho bạc hoàng gia ở Susa chứa một kho vàng và bạc không thể tin được, nhưng sự dồi dào chứa trong tòa nhà gạch bùn đơn sơ ở Persepolis này khiến các kho bạc ở Susa trông nhỏ bé. Có nhiều hàng kệ đặt những chiếc rương chứa đầy tiền vàng được thu thập từ tất cả các quốc gia của đế chế. Alexander nghĩ tốt nhất là nên lấy tiền ra khỏi Persepolis và ra lệnh vận chuyển nó đến kho bạc ở Susa. Nhưng tải trọng quá lớn đến nỗi các chỉ huy người Macedonia phải gửi hàng

nghìn con la và lạc đà từ Mesopotamia để chuyển kho báu.

Alexander cũng đã đến thăm trung tâm hoàng gia tại Pasargadae chỉ một vài dặm về phía đông của Persepolis. Đây là nơi Cyrus đã giành được chiến thắng cuối cùng trước quân Medes, khiến vị Vua đầu tiên của Ba Tư xây dựng cung điện ở đó. Đây cũng là thánh địa nơi các vị vua Ba Tư lên ngôi. Mỗi người đàn ông trước khi lên ngôi sẽ bước vào thánh địa ở đó và đặt chiếc áo choàng của riêng mình sang một bên, thay vào đó là chiếc áo mà Cyrus đã từng mặc. Những nghi lễ đăng quang có vẻ lạ đối với người ngoài, nhưng vị vua mới, đầu tiên ăn một chiếc bánh, sau đó nhai gỗ nhựa thông, và cuối cùng uống một cốc sữa chua. Có vẻ như mỗi vị vua bắt đầu triều đại của mình theo cách này để nhớ rằng mặc dù có những cung điện vàng và những tiện nghi của nền văn minh, nhưng điều quan trọng nhất, ông là thủ lĩnh của một bộ tộc chiến binh cao nguyên

được nuôi dưỡng bằng sự đơn giản và đôi khi cay đắng.

Alexander đã chiếm đoạt ngân khố tại Pasargadae để thêm vào đoàn lữ hành hướng đến Susa, nhưng anh thậm chí còn quan tâm hơn đến việc viếng thăm lăng mộ của Cyrus.



Đó là một công trình kiến trúc bằng đá hình chữ nhật, nhỏ ở đầu bậc thang. Một khu vườn bao quanh lăng mộ được chăm sóc bởi đội ngũ tư tế thường trực. Cánh cửa của lăng mộ hẹp và nhỏ, đến nỗi ngay cả một người thấp bé như Alexander cũng khó chen chân qua một kẽ hở.

Bên trong là một cỗ quan tài bằng vàng chứa xác của Cyrus. Bên cạnh đó là một chiếc ghế dài được phủ một tấm thảm Babylon và được bao quanh bởi những tấm thảm tím trên nền đá lạnh. Bên cạnh chiếc ghế dài được đặt một chiếc quần dài thời Trung Cổ và áo choàng hoàng gia, cùng với một chiếc bàn đựng kiếm và đồ trang sức. Gia đình cha truyền con nối của các tư tế chăm sóc lăng mộ, hàng ngày nhận được một con cừu và ngũ cốc cho nhu cầu riêng của họ, cùng với một con ngựa mỗi tháng để dâng làm vật hiến tế cho linh hồn của Cyrus. Bên ngoài cánh cửa có một dòng chữ Ba Tư mà vị tư tế giải nghĩa cho Alexander:

CON NGƯỜI BẤT TỬ, TA LÀ CYRUS, CON TRAI CỦA CAMBYSES, NGƯỜI SÁNG LẬP ĐẾ CHẾ BA TƯ VÀ VUA CỦA CHÂU Á. ĐỪNG GHEN GHÉT VỚI TA VÌ LĂNG MỘ NHỎ BÉ NÀY.

Alexander vô cùng xúc động trước chuyến viếng thăm lăng mộ của Cyrus và truyền lệnh những điều ước của vị Vua đầu tiên sẽ mãi mãi

được tôn vinh. Các tư tế phải tiếp tục vĩnh viễn các nghi lễ hoàng gia cho Cyrus và lăng mộ phải bất khả xâm phạm.



Có thể do mùi hôi thối của thành phố bị đốt cháy hoặc sự xấu hổ khi cho phép binh lính của mình hoành hành qua Persepolis khiến Alexander phải rời thành phố để đến vùng nông thôn Ba Tư. Anh biết Darius và tàn dư của quân Ba Tư đang ở Media chờ xem anh sẽ làm gì tiếp theo, nhưng anh chưa vội đuổi theo họ. Sau bốn năm vận động, anh cảm thấy người của mình cần được nghỉ ngơi. Mùa đông tuyết vẫn bao phủ các ngọn núi ở phía bắc và nhà vua biết sẽ có nhiều cuộc hành quân khó khăn phía trước, thậm chí nhiều binh sĩ nghĩ chiến dịch đã kết thúc và họ sẽ sớm trở về nhà. Có vẻ như tốt nhất là để cho quân đội lấy lại sức mạnh ở Persepolis, trước khi bắt đầu chiến dịch một lần nữa vào mùa xuân.

Nhưng bản chất năng động của Alexander không ở lâu tại bất kỳ nơi nào. Có những báo cáo về các bộ lạc nguyên thủy trên những ngọn đồi từ chối thừa nhận chủ quyền của anh, nhưng đây không chỉ là một cái cớ để tự mình khám phá thêm Ba Tư. Bỏ lại quân đội, anh mang theo những người bạn đồng hành thân thiết nhất và một lực lượng nhỏ chỉ một nghìn kỵ binh và bộ binh trang bị nhẹ tiến vào vùng núi hiểm trở.

Thời tiết thật kinh khủng và những con đường bị bao phủ bởi băng tuyết. Khi họ leo lên vùng cao, những người đàn ông bắt đầu cảm thấy như thể đã đến ngày tận thế. Không có trang trại hay nhà ở, không có người hay động vật, chỉ có bầu trời vô tận và ánh sáng mờ dần. Có điều gì đó kỳ lạ và đáng lo ngại về những ngọn núi này ngay cả đối với những người đàn ông đã lớn lên ở vùng cao nguyên Macedonia. Cuối cùng, một nhóm binh lính đã dám đến gần Alexander và cầu xin anh quay lại.

Thay vì mắng mỏ những người lính đang sợ hãi, nhà vua nhảy xuống khỏi ngựa và tự mình vượt lên trên con đường mòn trên tuyết và những mảng băng trơn trượt. Anh bắt đầu phá vỡ lớp băng bao phủ con đường khi anh tiến về phía trước. Tất cả những người đàn ông đã thấy và đầy xấu hổ. Đầu tiên bạn bè tham gia cùng anh trong việc chinh phục con đường, sau đó là các sĩ quan, và cuối cùng là những người lính còn lại. Họ từ từ băng qua rừng và qua núi cho đến khi cuối cùng họ nhìn thấy dấu vết của nền văn minh loài người một lần nữa. Các đàn chăn gia súc sống ở những ngọn đồi khó tiếp cận này không mong đợi nhìn thấy người ngoài vào giữa mùa đông và chắc chắn đã không chuẩn bị cho một đội quân nhỏ tràn xuống thung lũng. Nhiều người trong số các bộ lạc đã giết người dân của mình để giải thoát khỏi những kẻ xâm lược, và bỏ chạy lên núi cao hơn.

Sau đó, người Macedonia thậm chí còn di chuyển sâu hơn vào vùng cao nguyên để đến vùng đất biệt lập của một tộc người được gọi là Mardi, một bộ tộc còn sót lại từ thời đại khác. Họ sống trong các hang động trên núi và nuôi gia đình bằng cừu và động vật hoang dã. Những người phụ nữ cũng cứng rắn như những người đàn ông, mặc áo chẽn gần như không che đùi và buộc tóc rậm của họ bằng dây rừng. Khi cần, phụ nữ sẽ chiến đấu bên cạnh những người đàn ông với sức tàn phá khủng khiếp. Đối với Alexander, cứ như thể chuyến đi từ Persepolis trở thành một cuộc thám hiểm săn bắn hoành tráng với con mồi là con người. Có ít chiến lợi phẩm ngoài một số ít những con cừu gầy còm, nhưng dù sao thì người Mardi đã trốn chạy. Khi trở về thành phố sau ba mươi ngày sống hoang dã, Alexander đã tổ chức chuyến du ngoạn và tặng cho mỗi người đi cùng những món quà để ghi nhớ sự kiện.

Truyền thống tốt đẹp của Hy Lạp là đổ lỗi cho phụ nữ về những hành động dại dột của đàn ông. Helen là gương mặt đã khiến một ngàn con tàu đầy chiến binh và chết trước bức tường thành Troy. Pandora đã cho phép cái ác vào thế giới khi cô ấy mở chiếc lọ bị cấm của mình (chiếc hộp là một bản dịch sai). Tương tự như vậy tại Persepolis vào mùa xuân năm đó, một cô gái điếm người Athen sẽ đi vào lịch sử với tư cách là người phụ nữ đã khiến Alexander phá hủy cung điện của Đại vương.

Pandora, (tiếng Hy Lạp: “tất cả quà tặng”) trong thần thoại Hy Lạp nghĩa là người phụ nữ đầu tiên. Theo tác phẩm Theogony của Hesiod, sau khi Prometheus, một thần lửa và kẻ lừa gạt thần thánh, đã đánh cắp lửa từ thiên đường và ban cho người phàm, Zeus, vua của các vị thần, quyết tâm chống lại sự ban phước này. Theo đó, ông đã ủy thác Hephaestus (thần lửa và người bảo trợ của các thợ thủ công) tạo ra một người phụ nữ ngoài trái đất, người được các vị thần ban tặng những món quà tuyệt vời nhất. Pandora có một chiếc lọ chứa đựng tất cả sự khốn khổ và xấu xa. Zeus gửi cô đến chỗ Epimetheus, người đã quên lời cảnh báo của anh trai Prometheus và biến Pandora trở thành vợ của mình. Sau đó, cô mở chiếc lọ, từ đó những điều xấu xa bay ra khắp trái đất.



Trong một câu chuyện khác, chiếc lọ không phải chứa đựng những điều xấu xa mà là những phước lành, thứ mà lẽ ra sẽ được bảo tồn cho loài người nếu chúng không bị mất khi mở chiếc lọ vì tò mò. Chiếc lọ Pandora đã trở thành một chiếc hộp

vào thế kỷ 16, khi nhà nhân văn thời Phục hưng Erasmus dịch sai tiếng Hy Lạp hoặc nhầm lẫn chiếc kim khí với chiếc hộp trong câu chuyện về thần Cupid và Psyche.

Như câu chuyện được kể bởi Plutarch và các tác giả cổ đại khác, có một bữa tiệc rượu vào một đêm không lâu sau khi Alexander trở về từ chuyến thám hiểm vùng núi. Rượu chảy tự do như mọi khi trong các bữa tiệc của người Macedonia, đến nỗi ngay sau đó tất cả bạn bè và khách mời của nhà vua đều say mềm. Người bạn cũ của Alexander là Ptolemy đã ở đó cùng với tình nhân của mình, một người Thaïs - người sau này sẽ kết hôn và có ba đứa con với anh ta. Cô ấy không phải một cô gái điếm thông thường và đi theo trại mà là một phụ nữ được người Athen gọi là hetaira - một phụ nữ xinh đẹp, có học thức và quyến rũ, người sẽ chung giường với nhà tài trợ của mình nhưng cũng là người bạn tâm giao và cố vấn cho anh ta. Những người phụ nữ như vậy đã làm tốt trong xã hội Hy Lạp và thường trở thành bạn đời của người yêu họ. Người Thaïs - là một người Athen, hiểu rõ lịch sử của cuộc xung đột

Ba Tư hơn hầu hết những người lính Macedonia xung quanh cô và đã tận dụng khoảnh khắc vui vẻ này để thực hiện một bài phát biểu kích động trước Alexander và những người bạn của anh. Cô tuyên bố, đó là một phần thưởng xứng đáng, sau khi lang thang khắp châu Á, dùng bữa trong sự sang trọng trong cung điện lộng lẫy của Xerxes. Nhưng sẽ là một niềm vui ngọt ngào hơn nhiều nếu đốt cháy ngôi nhà của người đàn ông đã thiêu rụi thành phố của chính cô. Đó là một bài phát biểu đầy cảm hứng, vì vậy những tràng pháo tay và cổ vũ đã nổ ra từ toàn bộ đám đông, vang vọng khắp hội trường. Mọi người bắt đầu thúc giục nhà vua hành động. Alexander háo hức đồng ý và chộp lấy ngọn đuốc gần nhất. Đầu tiên, chính anh đốt cháy các cột và xà nhà bằng gỗ tuyết tùng, sau đó tất cả những người khác chạy qua các hành lang và phóng hỏa. Chẳng bao lâu, cả khu phức hợp là một địa ngục hoành hành thắp sáng đồng bằng Persepolis. Nhưng ngay khi nhà vua chứng kiến cung điện vĩ đại của Xerxes bị cháy, anh

bắt đầu hối hận vì hành động vội vàng của mình. Anh cố gắng dập lửa nhưng đã quá muộn. Đến sáng, không còn gì ngoài những cây cột cháy xém và tro.



Đây là một câu chuyện được lưu truyền qua các tài liệu cổ, nhưng có một câu chuyện đen tối hơn và nham hiểm hơn được tìm thấy với nhà sử học Arrian, thường là nguồn tốt nhất của chúng ta về cuộc đời của Alexander. Điều khiến Arrian rất tin tưởng trong trường hợp này là ông ấy thường có cái nhìn khá tích cực về nhà vua Macedonia, nhưng ông đã xem xét các sự kiện của đêm đó và lên án thẳng thắn về hành động của Alexander. Ông nói rằng nhà vua đã lên kế hoạch đốt cháy cung điện và ngay cả Parmenion cũng cố gắng ngăn cản một hành động quyết liệt như vậy. Vị tướng

già cho rằng thật ngu ngốc khi tự mình phá hủy tài sản của mình và người dân châu Á sẽ coi anh chỉ là một kẻ chinh phục hung hãn không có hứng thú thực sự trong việc xây dựng một đế chế. Nhưng trong phiên bản của Arrian, Alexander phản bác anh muốn trả thù cho tất cả những điều xấu xa mà người Ba Tư đã gây ra cho thế giới Hy Lạp.

Khám phá sự thật về những gì đã xảy ra vào đêm đó là điều không thể khi các nguồn cổ xưa không ghi chép. Điều có thể nói chắc chắn là cung điện đã cháy rụi trước khi Alexander rời thành phố. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy một lớp tro dày khắp các di vật, nhưng không có vàng hay châu báu quý giá, cho thấy những vật có giá trị đã được cố tình loại bỏ từ trước — một lần nữa cho thấy sự sắp đặt trước. Nếu Arrian đúng và Alexander đã cố tình đốt cháy cung điện, thì việc trả thù có phải là một lý do đủ? Có lẽ, nếu đó là một hành động tuyên truyền được thiết kế để tăng cường sự ủng hộ ở Hy Lạp, đặc biệt là Athens. Nhưng nhà vua

tỏ ra ít quan tâm đến những gì người Hy Lạp nghĩ về cuộc chiến của anh kể từ khi rời bờ biển Aegean. Thay vào đó, khán giả chính là người Ba Tư trong nỗ lực cho họ thấy rằng ngày xưa đã kết thúc và Alexander giờ đã là Đại vương. Trong kịch bản này, việc đốt cháy nhằm mục đích ngăn cản sự kháng cự trước khi anh tiếp tục chiến dịch chống lại Darius. Chưa hết, sau khi tàn sát người dân Persepolis, người Ba Tư sẽ thực sự nghi ngờ việc chống lại Alexander là nguy hiểm và vô ích? Cuối cùng, chúng ta chỉ đơn giản là không thể biết liệu nhà vua có cố tình đốt cháy cung điện của Xerxes hay không. Nhưng chúng ta có thể chắc chắn hầu hết các sử gia cổ đại đã viết về tình tiết này đều vô cùng khó chịu với hành động của Alexander và thích đổ lỗi cho sự kiện đêm đó là do rượu và cái lưỡi của một người phụ nữ.



Darius đã trải qua mùa đông ở thủ đô Ecbatana, gần bốn trăm dặm về phía bắc Persepolis, chờ đợi Alexander sẽ làm gì tiếp theo. Nhà cai trị Ba Tư đã tập hợp một đội quân ấn tượng có lẽ lên đến mười nghìn binh sĩ, bao gồm cả những người lính đánh thuê Hy Lạp trung thành. Ông biết mình không có đủ binh lực để đối mặt với quân Macedonia trong một trận chiến mở, nhưng ông đã lên kế hoạch rút quân về phía đông băng qua các ngọn núi vào Bactria, đốt cháy các cánh đồng khi ông đi qua. Vì khu vực có ít cây trồng, nên sự tàn phá này sẽ khiến Alexander gặp khó khăn trong việc nuôi quân khi truy đuổi ông ta. Khi ở Bactria, ông sẽ dẫn đầu một nỗ lực hậu phương để chiếm lại đế chế. Với kích thước nhỏ và địa hình hiểm trở của các vùng đất từ biển Caspi đến sông Indus, đó là một kế hoạch hợp lý. Darius có thể cầm chân quân Macedonia trong nhiều năm ở vùng núi và thung lũng Hindu Kush, đồng thời khiến Alexander thất vọng và chuyển hướng sự chú

ý và nguồn lực khỏi những vấn đề tiềm ẩn ở nơi khác trong vương quốc mới của anh ta.

Alexander hiểu khá rõ chiến lược của Darius và đánh giá cao mối đe dọa mà nó gây ra cho sự cai trị của mình. Anh cũng biết theo một nghĩa nào đó, anh không thể là Đại vương trong mắt người châu Á cho đến khi Darius thoái vị hoặc chết. Do đó, điều cần thiết là anh phải vượt qua Darius trước khi ông ta có thể trốn vào Bactria. Khi anh giải thích với các sĩ quan và binh lính, cuộc chiến chống lại Ba Tư không thể kết thúc cho đến khi vị vua Ba Tư chết. Kết thúc trò chơi phải là shah mat, một cụm từ tiếng Ba Tư sẽ phát triển theo thời gian thành chiếu tướng - checkmate.



Ngay khi phần lớn tuyết đã tan chảy giữa Persepolis và Ecbatana, Alexander chuẩn bị cho quân đội một cuộc hành quân chớp nhoáng lên phía đông của Dãy núi Zagros.



Anh một lần nữa bổ nhiệm một người Ba Tư làm satrap địa phương, lần này là một quý tộc tên là Phrasaortes, nhưng cũng để lại một đồn lũy Macedonia mạnh mẽ tại Persepolis dưới sự chỉ huy của một sĩ quan thân tín. Alexander sau đó cùng người của mình lên đường băng qua rìa sa mạc lớn của vùng cao nguyên trung

tâm Ba Tư hướng tới Ecbatana. Họ hành quân hơn hai mươi dặm một ngày (hơn 30km) qua đồi khô cằn và những ốc đảo rải rác trong một nỗ lực ngăn Darius có thể chạy trốn. Sau gần hai tuần với tốc độ chóng mặt này, Alexander nghe nói Darius đã quyết định đứng vững ở Ecbatana vì quân Ba Tư đã được tiếp viện từ Scythia và người thuộc các bộ lạc gần Biển Caspi. Đây chỉ là những gì Alexander đã hy vọng. Anh tách khỏi đoàn hậu cần để quân đội di chuyển nhanh hơn về phía bắc. Nhưng chỉ vài ngày sau, anh nhận được một báo cáo cập nhật rằng quân tiếp viện của Ba Tư trên thực tế đã không đến, khiến Darius phải thay đổi kế hoạch từ chiến đấu sang rút lui. Nhà lãnh đạo Ba Tư đã gửi trước hậu cung và các đoàn xe tiếp tế đến một con đường được gọi là Cổng Caspi ở vùng núi phía đông Rhagae (Tehran) dẫn đến Bactria. Ba ngày sau khi ra khỏi Ecbatana, một quý tộc Ba Tư tên là Bisthanes đến trại của Alexander. Người đàn ông này là con trai duy nhất của Đại vương trước đó, Artaxerxes III, người đã thoát khỏi cuộc thanh

trừng đẫm máu do thái giám Bagoas mưu mô thực hiện - dẫn đến sự thăng tiến của Darius. Ông ta không có tình yêu với vua Ba Tư và đã quyết định cùng với nhiều người khác giành lấy cơ hội của mình với Alexander. Bisthanes báo cáo Darius hiện đã trốn khỏi thủ đô Media và đang trên đường đến Cổng Caspi. Ông ta có trong xe ngựa đủ vàng để trả cho người của mình và thuê các chiến binh địa phương trong nhiều năm tới.



Cổng Caspi

Alexander giờ đang lo lắng. Nếu Darius vượt qua những ngọn núi với binh lính và kho báu, ông ta có thể tiếp tục cuộc chiến vô thời hạn. Do đó, điều cần thiết là Alexander phải di chuyển nhanh hơn nữa. Nhưng dù vội vàng và thực sự lấy đó làm cái cớ, anh đã nắm bắt thời điểm để thực hiện một sự thay đổi triệt để trong đội ngũ chỉ huy của mình. Đầu tiên, anh thông báo sẽ gửi các đơn vị kỵ binh từ Thessaly trở về quê hương Hy Lạp. Những người đàn ông này đã dũng cảm phục vụ như là sự đóng góp của quốc gia họ trong nỗ lực chống lại Ba Tư. Tất cả họ sẽ khởi hành trong danh dự với một khoản tiền thưởng lớn và sẽ được hộ tống trở lại Địa Trung Hải để được vận chuyển bằng tàu đến Aegean. Sau khi về nhà, họ có thể đoàn tụ với gia đình và sống trong hòa bình và thịnh vượng. Mặt khác, nếu bất kỳ ai trong số họ muốn gia nhập quân đội của anh với tư cách là những người tình nguyện được trả lương chứ không phải là những người lính bắt buộc, anh sẽ chào đón họ với một khoản tiền thưởng thậm chí còn lớn hơn. Hầu hết

những người Thessaly đã chớp lấy cơ hội ở lại và được chuyển sang một sĩ quan chỉ huy mới.

Không phải ngẫu nhiên mà kỵ binh Thessaly được tái phân công vì đó là trụ cột hỗ trợ của Parmenion trong quân đội. Họ đã cùng ông chiến đấu nhiều năm và trung thành một cách ngoan cố với vị tướng già. Khi loại bỏ họ khỏi lệnh của Parmenion, Alexander đã cắt đứt người bạn lâu đời nhất của cha mình khỏi nền tảng quyền lực. Sau đó, nhà vua gọi Parmenion đến lều của mình và thông báo cử ông đến Ecbatana để canh giữ kho bạc và để mắt đến Harpalus, người hiện đang điều hành tài chính của Alexander từ thủ đô Media. Đó là một vị trí quan trọng, Alexander đảm bảo với Parmenion, và ngoài ra, ở tuổi hơn bảy mươi, vị tướng anh hùng xứng đáng được nghỉ ngơi trong việc đánh đuổi những người Ba Tư chạy trốn trên khắp các ngọn núi. Với thời gian, Darius nhất định sẽ kêu gọi được quân tướng đông đủ.



Parmenion nhận ra chính xác những gì Alexander đang làm. Nhà vua đã từ từ loại bỏ những người ủng hộ và thành viên gia đình

của ông khỏi các vị trí quyền lực trong chiến dịch, để một người ở đây làm satrap và người khác ở đó với tư cách là trưởng đồn. Giờ đây, những người chơi quan trọng duy nhất còn lại là chính ông và hai con trai. Cuối cùng, trong một lần chớp nhoáng mà không có thời gian để tranh luận về vấn đề này, nhà vua đã cắt đứt Parmenion khỏi binh lính của mình và giao cho ông già làm nhiệm vụ bảo vệ kho bạc, tách khỏi quân đội. Parmenion đã được đặt sang một bên như một con ngựa già bị đưa ra đồng cỏ. Không có lý do gì để tranh cãi khi Alexander rời đi ngay lập tức để theo đuổi Darius. Con trai Philip đã khao khát được độc lập trong nhiều năm và sự im lặng mãi mãi của giọng người cha thì thầm bên tai cậu qua đôi môi của Parmenion. Trong vài năm gần đây, nhà vua đã tự tin vào kỹ năng lãnh đạo bẩm sinh của mình và ngày càng có kinh nghiệm lãnh đạo quân đội. Giờ đây, anh hy vọng, những trận chiến lớn đã kết thúc và phần lớn đế chế đã bị chinh phục; Alexander không cần Parmenion nữa.

Alexander khởi hành từ Ecbatana sau khi Darius với một lực lượng kỵ binh và bộ binh lớn nhưng di chuyển nhanh. Anh háo hức vượt qua người Ba Tư đến nỗi nhiều người của anh bị tụt lại phía sau khi anh lao qua vùng cao nguyên khô cằn trên đường tới Cổng Caspi. Những con ngựa phải chạy nhanh đến mức chúng bắt đầu chết. Họ đến Rhagae chỉ trong mười một ngày và cuối cùng đã nhìn thấy dãy núi Elburz cao chót vót mọc lên trước mặt.



Nhưng không có thời gian để dừng lại khi chạy về phía đông, chỉ để thấy Darius đã đi qua Cổng Caspi trước họ vài ngày. Alexander hạ trại tại con đèo vào đêm hôm đó, cử một tiểu

đoàn tiến về phía trước để chuẩn bị kho tiếp tế vì anh đã nghe nói những vùng đất bên kia còn hoang vắng hơn.

Khi anh vẫn còn ở trong trại, một người Babylon tên là Bagisthanes đã đến gặp anh cùng với Antibelus, một trong những con trai của Mazaeus, thống đốc do chính anh bổ nhiệm tại Babylon. Họ vừa rời khỏi Darius và mang thông tin quý giá cho Alexander. Bessus, vệ thần của Bactria và bà con của Darius, đã bắt giữ vua Ba Tư với sự hỗ trợ của một vệ thần phương đông khác tên là Barsaentes, hiện tại Darius không hề hấn gì, bị giam cầm trong một toa xe. Alexander đã lo sợ điều gì đó như thế này có thể xảy ra. Một cuộc đảo chính trong hàng ngũ Ba Tư chỉ làm phức tạp mục tiêu của anh là bắt được nhà vua và kết thúc chiến tranh. Nếu Bessus giết Darius và chiếm lấy ngai vàng, điều đó sẽ kéo theo cuộc chiến, đặc biệt là vì Bessus là một chiến binh và tướng lĩnh giỏi, có lòng trung thành của người Bactria và các tỉnh phía đông.

Phản ứng của Alexander là truy đuổi Bessus với một lực lượng kỵ binh nhỏ hơn, nhanh hơn và bộ binh chọn lọc. Anh thậm chí không đợi các kho tiếp tế được chuẩn bị sẵn sàng, mà khởi hành từ Cổng Caspi với lệnh những người lính còn lại phải di chuyển càng nhanh càng tốt. Anh đi suốt đêm và chỉ dừng lại vào buổi trưa khi người và ngựa đã kiệt sức. Anh đã đến được trại nơi Darius bị bắt. Sau đó, anh biết được từ những người Ba Tư còn lại phía sau rằng Bessus đã đảm nhận danh hiệu Đại vương với sự hỗ trợ của kỵ binh Bactria. Một số quân Ba Tư vẫn trung thành với Darius và không chịu đi theo Bessus, bao gồm cả những người lính đánh thuê Hy Lạp đã lên đường vào núi để cố gắng tìm đường về nhà. Kế hoạch của Bessus là nếu người Macedonia ngừng truy đuổi, họ sẽ đạt thỏa thuận với Alexander và giao Darius cho anh để đổi lấy các điều khoản có lợi. Nhưng nếu người Macedonia tiếp tục truy đuổi, họ sẽ rút vào vùng núi và tiến hành một chiến dịch du kích chống lại

Alexander, thành lập chính phủ Ba Tư lưu vong ở vùng cao nguyên Bactria.

Người Macedonia là một trong số những người lính kiên gan nhất trên thế giới, nhưng đến thời điểm này, họ đã kiệt sức. Tuy nhiên, Alexander đã thúc đẩy họ đi xuyên đêm và sang ngày hôm sau. Anh đã đến được trại mà người Ba Tư đã ở ngay hôm trước, nhưng họ vẫn đang đi trước. Anh hỏi cư dân địa phương xem có con đường tắt nào qua sa mạc mà anh có thể vượt qua Bessus không. Có, nhưng đó là con đường không có nước, chỉ hiếm khi có đoàn lạc đà đi lại. Alexander sau đó cho năm trăm kỵ binh mệt mỏi ở lại và đưa bộ binh khỏe nhất của mình lên ngựa, khởi hành vào ban đêm với tốc độ tối đa. Với lực lượng nhỏ xuyên qua gần năm mươi dặm trong bóng tối và cuối cùng đã thấy người Ba Tư ở phía xa lúc bình minh.

Hầu hết người Ba Tư hoảng sợ bỏ chạy khi thấy quân Macedonia đang tiến đến, mặc dù họ đông hơn rất nhiều. Một số cố gắng trì hoãn

kẻ thù đang tiếp cận bằng cách quay lại và chiến đấu, nhưng họ đã bị gạt sang một bên. Trong một thời gian ngắn, Bessus tiếp tục chở Darius trên xe ngựa phía sau, nhưng ông ta sớm nhận ra mình sẽ không bao giờ có thể thoát được. Alexander thực tế ở ngay gần ông ta, Bessus lao đến toa xe và đâm Darius bằng một ngọn giáo, khiến ông ta chết ngay. Bessus cũng giết chết hai nô lệ trung thành đi cùng nhà vua và làm bị thương những con ngựa đang kéo Darius. Sau đó với kỵ binh Bactria của mình, Bessus chạy trốn về phía đông vào vùng núi.

Khung cảnh là một sự lộn xộn của những người đàn ông, ngựa và xe chạy theo mọi hướng với những người Macedonia ở phía sau. Chiếc xe chở Darius không còn người điều khiển, vì vậy những con ngựa bị thương lang thang trên đường trong đau đớn và bối rối, tìm đường đến một ốc đảo nhỏ trong một thung lũng gần đó. Alexander ngay lập tức cử các nhóm tìm kiếm lên đồi để tìm Darius. Và vì vậy,

một người lính Macedonia trẻ tuổi mệt mỏi tên là Polystratus đã đến gần xe khi anh ta dừng lại để lấy nước bằng mũ của mình. Anh nhìn thấy những con ngựa bị thương và tự hỏi tại sao có người lại tàn nhẫn với những con vật bất lực như vậy. Sau đó, anh nghe thấy tiếng rên rỉ từ bên trong và đẩy rèm cửa sang một bên để thấy hai nô lệ đã chết và hình dạng đẫm máu của Darius, hầu như đã chết.

Các thông tin sau này tạo nên phần lớn cảnh cuối cùng trong cuộc đời của nhà vua. Trong một số phiên bản, Alexander đã có mặt để chia tay Darius và khóc trước cái chết của kẻ thù. Trong những câu chuyện này, Darius giao cả gia đình và vương quốc của mình cho Alexander chăm sóc và sau đó trút hơi thở cuối cùng. Trong những câu chuyện khác, Darius tôn thờ Polystratus bằng chút tiếng Hy Lạp, yêu cầu anh ta ban phước lành cho mình và cảm ơn vì anh ta là một đối thủ cao quý. Nhưng sự thật, theo như những gì có thể được biết, đơn giản hơn và đáng buồn hơn. Darius

nhìn thấy Polystratus bước vào toa xe và quỳ xuống bên cạnh anh ta. Ông ra hiệu cho uống nước, người thanh niên đưa cho ông từ mũ của mình. Sau đó - chỉ với một người lính địch duy nhất tham dự trong một thung lũng sa mạc cằn cỗi - Đại vương Ba Tư đã nhắm mắt.





FRANK L. HOLT

Into the Land of Bones

ALEXANDER THE GREAT IN AFGHANISTAN

WITH A NEW PREFACE

FOREWORD BY PETER GREEN



“INTO THE LAND OF BONES [VÀO VÙNG ĐẤT XƯƠNG] LÀ BẢN TƯỜNG THUẬT ĐẦY ĐỦ NHẤT VỀ CÁC CHIẾN DỊCH CỦA ALEXANDER Ở BACTRIA - AFGHANISTAN BẰNG TIẾNG ANH. NÓ ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI KIẾN THỨC TOÀN DIỆN VỀ CÁC NGUỒN CỔ XƯA, ĐỊA LÝ VÀ KHẢO CỔ HỌC CỦA AFGHANISTAN. TÁC PHẨM ĐÃ ĐẶT RA CÂU HỎI VỀ TÍNH XÁC THỰC CỦA NHỮNG THÔNG TIN ĐÃ TỪNG ĐƯỢC BIẾT TRƯỚC ĐÂY”.

SĂN LÙNG KẺ THÙ

THÀNH PHỐ XƯƠNG

Vào mùa xuân năm 329 trước Công nguyên, ở tuổi hai mươi sáu, Alexander dựng trại ở một thành phố được đồn đại là lâu đời nhất trên thế giới. Zariaspa nằm bên cạnh sông Bactrus và là thủ đô hành chính của Bactria, một tỉnh cũ của Đế chế Ba Tư; vì những lý do này, thành phố thường được gọi đơn giản là Bactra (không có dấu). Ngày nay, gọi là Balkh, là một đống đổ nát ngổn ngang ở miền bắc Afghanistan với vài dặm của bức tường đổ nát bao quanh một ngôi làng nhỏ bụi bặm.



Trong truyền thống Hồi giáo, Noah đã thành lập thành phố này sau khi sống sót qua trận Đại hồng thủy.

Tàu Noah (hay Noah) là con thuyền được nhắc đến ở chương 6 đến chương 9 của Sách Sáng thế trong Kinh Thánh. Văn bản đó mô tả việc Noah đóng con tàu này theo ý Chúa là để cứu ông và gia đình cùng các loài động vật nhằm khỏi bị diệt vong bởi trận trừng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Đức Chúa Trời nhận ra loài người càng sinh sôi nhiều thì họ càng phạm tội đến nỗi không thể cứu chữa. Ngài hối hận vì đã tạo ra loài người nên quyết định sẽ hủy diệt tất cả thế giới bằng trận đại hồng thủy. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời thấy Noah là người công chính nên không nỡ loại trừ cả ông. Đức Chúa Trời phán truyền cho Noah: "Ngươi sẽ làm chiếc tàu thế này: chiều dài một trăm năm mươi thước, chiều rộng hai mươi lăm thước, chiều cao mười lăm thước. Ngươi sẽ làm một cái mui che tàu, và đặt mui cách phía trên tàu nửa thước. Cửa tàu, ngươi sẽ đặt ở bên hông; ngươi sẽ làm tầng dưới, tầng giữa rồi tầng trên." (Sáng Thế 6:15-16).

Ngoài ra, Đức Chúa Trời cũng hướng dẫn Noah cách thức để sinh tồn và bảo tồn các giống động thực vật trên tàu: "Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, ngươi sẽ đưa vào tàu mỗi loại một đôi, để giữ cho chúng sống với ngươi; phải có một con đực và một con cái. Trong mỗi loại chim, mỗi loại gia súc, mỗi loại vật bò dưới đất, mỗi loại một đôi sẽ đến với ngươi, để ngươi giữ cho chúng sống. Phần ngươi, hãy lấy mọi thứ ăn được và tích trữ cho mình; đó sẽ là lương thực của ngươi và của chúng." (Sáng thế 6:19-21).



Chim bồ câu hòa bình

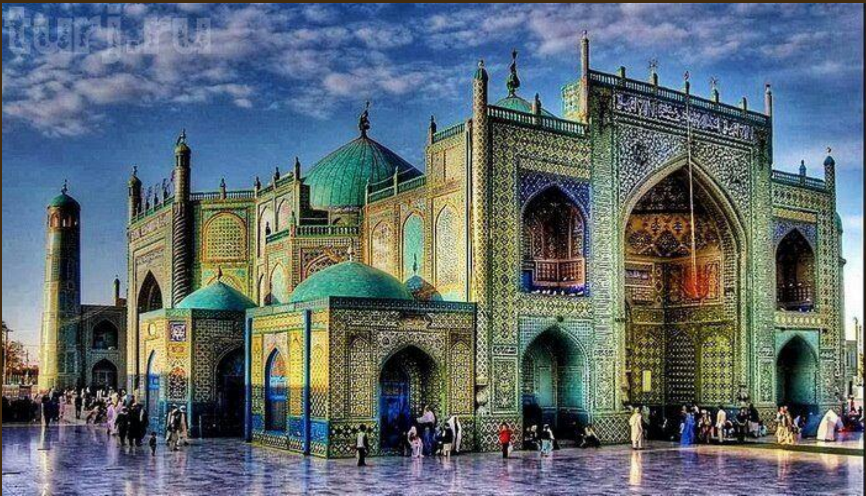


Sau trận lụt kinh hoàng, nước rút dần khỏi mặt đất thì Noah thả một con chim bồ câu bay ra khỏi tàu để xem xét tình hình bên ngoài. Lần thứ nhất, con chim bồ câu không tìm được chỗ đậu chân vì nước chưa rút, nên nó bay về lại tàu. Bảy ngày sau, con bồ câu được thả ra lần nữa, và lần này nó bay trở về,

trên mỏ ngậm cành ô liu tươi. Noah biết nước đã giảm xuống, mặt đất đã bình yên vì Đức Chúa Trời đã thôi cơn thịnh nộ.

Ngày nay, hình ảnh chim bồ câu ngậm cành lá là biểu tượng của hòa bình (hoặc sự an bình).

Hàng ngàn năm sau, Balkh vẫn còn là “một thành phố lộng lẫy với kích thước vĩ đại” (mặc dù đã giảm) khi Marco Polo đi ngang qua. Dần dần, dân số của nó di chuyển mười bốn dặm về phía đông đến Mazar-i-Sharif, đặc biệt là sau khi thành lập đền thờ nổi tiếng của Hazrat 'Ali, con rể của Muhammad, vào năm 1481?



Mazar-i-Sharif chưa tồn tại như là thành phố vào thế kỷ thứ tư trước Công nguyên. Khi Alexander cưỡi ngựa từ Babylon đến Bactra,

đạo Hồi vẫn chưa vẽ lại bản đồ của các đế chế cổ đại. Zoroastrianism thịnh hành ở phần lớn lãnh thổ Ba Tư, và Bactra là thành phố thánh của nhà tiên tri của nó.

Hỏa giáo hay Bái hỏa giáo là tôn giáo do nhà tiên tri Zoroaster sáng lập vào khoảng cuối thế kỷ 7 TCN tại miền Đông Đế quốc Ba Tư cổ đại. Đây là một trong những tôn giáo lâu đời nhất của nhân loại, với bộ kinh chính thức là kinh Avesta tôn vinh thần trí tuệ Ahuramazda là thần đứng đầu.

Một ngôi đền vàng nổi tiếng của Anahita, được tôn thờ bởi những người Zoroastri như một nữ thần của sự sinh sản và thanh tẩy, vẫn đứng trên sông Bactrus khi Người Hy Lạp và người Macedonia đến.

Trong truyền thuyết sau này, Anahita sẽ trở thành vợ của Alexander và sử dụng sức mạnh của mình để giúp chồng giành chiến thắng trong các cuộc chiến. Trên thực tế, điều duy nhất mà giáo phái của cô có thể làm cho nhà vua là chủ trì các vùng nước để nuôi dưỡng quân đội của anh trên vùng đất khô cằn này. Sông Bactrus, và hàng chục kênh tưới tiêu lấy từ dòng chảy của nó, đã mang lại sự sống cho

một vùng đất bị khô cằn bởi các cồn cát lấn chiếm, bão bụi và nhiệt độ ban ngày sôi sục trên 110°F [43°C].



Bên trong thành phố, ốc đảo lấp lánh trở nên xấu xí. Thi thể phân hủy và xương người bị tẩy trắng nằm rải rác trên đường phố. Một trong những người đàn ông của Alexander cho biết đã nhìn thấy bầy chó đang gặm nhấm người chết, trong khi một số ít rình rập và húc vào những bữa ăn tươi ngon hơn vẫn còn sống nhưng bất lực trước bầy chó săn. Những người Hy Lạp phẫn nộ đã rùng mình khi chứng kiến cảnh tượng ngoài hành tinh này. Tất nhiên, cảnh tượng bình thường hay mùi chết chóc không làm những chiến binh lo lắng. Họ đã lội qua máu ngập sâu trong các thành phố bị chiếm và xác chất đống trên chiến trường. Họ đã tàn sát toàn bộ quần thể khi có lệnh, hoặc khi cơn sốt chiến thắng đã đưa họ đi quá xa để dừng lại. Chắc chắn họ đã nhiều lần chứng kiến cảnh háu ăn của những con chó và những con chim ăn thịt sống trong chiến tranh.

Bactra thì khác, quân đội của Alexander đã không xông vào cổng hoặc mở rộng các bức tường của nó. Những con chó bên trong không

gầm gừ vì xương người chết trong trận chiến. Điều khiến người Hy Lạp và Macedonia vô cùng kinh ngạc là họ đã bước vào một thành phố khá sống động với hoạt động bình thường của con người, người dân vẫn tiếp tục công việc hàng ngày của họ với ánh mắt cảnh giác đối với những người mới đến nhưng dửng dưng với cảnh kinh dị xung quanh. Là một phần của tôn giáo, những người Bactria theo đúng nghĩa đen đã ném cái chết của họ cho những con chó và thậm chí đẩy nhanh quá trình bằng cách để những con chó săn này hành quyết những công dân già, bệnh tật và không hợp lệ với họ. Không ai can thiệp. Trên thực tế, những con chó được nuôi chỉ vì mục đích này. Theo ngôn ngữ riêng của họ, người dân địa phương gọi những con chó săn của họ là những kẻ ăn thịt người hoặc kẻ giết người và để chúng làm một công việc bẩn thỉu nhưng thiêng liêng mà ở Hy Lạp sẽ là công việc của một lăng mộ hoặc giàn thiêu. Alexander và quân đội của anh đã lên án việc sử dụng những con chó Devourer là một phong tục

man rợ, trong khi những người Bactria lại không thể tin rằng bất cứ ai lại sa đọa đến mức phóng hỏa đốt một người chết. Alexander đã hỏa táng cha mình ở Macedonia; không ai ở Bactria có thể tưởng tượng được một vật hy sinh như vậy. Hai nền văn hóa khác nhau, bây giờ số phận đã ném họ lại với nhau? Những người còn sống nên đối xử với những người đã chết như thế nào khi giờ đây một trong những người chinh phục trẻ nhất thế giới đã đến một trong những thành phố lâu đời nhất thế giới?

Đối với công lao của Alexander, chính sách của anh nói chung là tôn trọng các phong tục và tôn giáo địa phương. Điều này đã đúng ở Ai Cập, nơi nhà vua bày tỏ lòng kính trọng đối với những niềm tin hoang đường về nền văn minh kỳ lạ đó. Thật vậy, Alexander sẽ được ướp xác và chôn cất ở đó nếu anh ở Ai Cập. Khi nhà hiền triết Ấn Độ Calanus bị ốm trong trại của Alexander, nhà vua đã cho phép — thậm chí hỗ trợ — chuẩn bị một lễ tang cầu kỳ với đỉnh điểm là vụ tự thiêu đáng kinh ngạc của người

đàn ông trên giàn thiêu. Tại Pasargadae ở Ba Tư, Alexander đã đặc biệt quan tâm đến việc khôi phục lại ngôi mộ lâu đời của Cyrus, và sau đó anh trừng phạt những kẻ làm ô uế vùng đất linh thiêng đó. Alexander tuân theo tất cả các loại truyền thống địa phương trong chuyến hành quân dài ngày từ Hy Lạp đến Ấn Độ, nhưng tại Bactra anh quyết nhanh và không thay đổi: những con chó Devourer phải biến mất. Quyết định này đã đưa ra gợi ý đầu tiên về một cuộc đấu tranh quân sự trở thành chính trị và tôn giáo. Bactria sẽ được đối xử không giống bất kỳ phần nào khác trong đế chế rộng lớn của Alexander. Người Macedonia coi nó là đặc biệt xa lạ và phát triển một sự chán ghét kỳ lạ đối với người dân của nó. Dưới con mắt của quân đội Alexander, không nơi nào cần văn minh hơn khung cảnh ảm đạm này, nơi các lãnh chúa ẩn náu trên những ngọn đồi và một tôn giáo tàn bạo trên các đường phố.

Tất nhiên, những kẻ xâm lược mệt mỏi và xấu tính không hoàn toàn công bằng. Như một tác

giả người Hy Lạp đã phàn nàn khi đọc về những con chó Devourer sau này, những người đồng hương của Alexander “không cho chúng tôi biết điều gì ngoài điều tồi tệ nhất” về những dân tộc bản địa mà họ gặp ở Trung Á. Những lời kể thiên vị của họ đã để lại những thành tựu địa phương phi thường được tiết lộ cho chúng ta ngày nay qua nỗ lực lớn của các nhà khảo cổ học. Khu vực này chắc chắn đã được đô thị hóa, giàu có và được tưới tiêu tốt. Do đó, chúng ta phải cảnh giác với những tuyên truyền cổ xưa rằng những người Hy Lạp chinh phục đầu tiên đã mang lại nền văn minh, nghệ thuật cao và thịnh vượng kinh tế cho những người Bactria lạc hậu. Trên thực tế, vùng đất này đang tận hưởng một trong những thời kỳ hoàng kim của nó. Do đó, quân đội của Alexander đã không tìm thấy khu vực trong tình trạng hoàn toàn đổ nát như ngày nay, mặc dù những kẻ xâm lược đã sớm thực hiện phần việc của họ để san bằng các thị trấn và thành phố của nó, đốt cháy đất trồng trọt và phân tán dân cư. Trong một thời gian, chính

người Hy Lạp và Macedonia đã biến Bactria thành một vùng đất hoang tàn khó khăn phải được xây dựng lại để lấy lại vẻ hào quang trước đây (chưa được công nhận) của nó. Chu kỳ đó sẽ tiếp tục kéo dài qua các thời kỳ, với các cuộc xâm lược lặp đi lặp lại và các giai đoạn phục hồi. Một số trong những thời đại này tồi tệ hơn những thời đại khác (người Umayyad và người Mông Cổ nổi bật về ảnh hưởng lâu dài với các cuộc xâm lăng của họ), nhưng nó bắt đầu với Alexander: mức độ mà anh thực sự mang nền văn minh cao cấp đến Afghanistan chính là mức độ anh đã phá hủy những gì đã có từ thời kỳ đồ đồng.



Chỉ vài tuần trước khi Alexander đến Bactra, Bessus đã tổ chức một hội đồng chiến tranh sôi nổi trong thành phố. Nếu chúng ta có thể tin tưởng lời kể của một người đào ngũ về cuộc gặp gỡ đó, được lưu truyền qua nhiều thế kỷ,

thì Bessus đã thể hiện khá tốt. Giữa những bữa tiệc hoành tráng, Bessus đã cố gắng tập hợp tinh thần thượng võ của những người bạn và những người đi theo mình. Ông ta khoe khoang sức mạnh của họ và coi thường những kẻ xâm lược. Ông ta đã cầu khẩn các vị thần của vùng đất để hỗ trợ cho sự nghiệp của mình và nhắc nhở người nghe về bản thân ông ta trong cuộc chiến chống lại người Hy Lạp.

Hai năm trước đó, Bessus đã chiến đấu chống lại Alexander trong trận Gaugamela (tháng 10 năm 331 TCN) gần Irbil ngày nay ở Iraq. Vào thời điểm đó, Bessus là thần vệ của Bactria dưới thời Darius III, "Vua của các vị vua" người đã cai trị Đế chế Ba Tư. Vua Ba Tư và các vệ thần của ông là bà con, và Darius rất cần Bessus và đội kỵ binh lừng danh từ Bactria để giúp ngăn chặn bước tiến không ngừng của quân Macedonia. Quân của Alexander đã chiếm được một phần ba phía tây của đế chế, và tại Gaugamela, số phận của mọi thứ khác sẽ được quyết định trong vài giờ chiến đấu bụi

bặm tuyệt vọng. Kế hoạch của Darius, đã giao cho Bessus và đội kỵ binh Bactria nhiệm vụ chính là tiêu diệt Alexander tại cánh trái của Ba Tư. Trong trận chiến, Bessus và binh lính của ông ta đã chiến đấu tốt, nhưng bị kìm kẹp trong khi Alexander lao qua một khoảng trống trên chiến tuyến và đuổi theo Darius. Với đội kỵ binh của mình vẫn còn nguyên vẹn, Bessus tháo chạy. Theo một phân tích hiện đại về hành vi của Bessus ngày hôm đó, "không có chỉ huy nào có thể bị đổ lỗi cho việc ra lệnh rút quân trong những trường hợp như vậy. Sau đó Bessus có thể tuyên bố một cách hợp lý rằng những người khác đã làm ông ta thất vọng, sẽ là tự sát nếu ở lại, và ông ta đã không bị đánh bại."

Khi Darius và Bessus gặp lại nhau, những gì còn lại của quân Ba Tư và các sĩ quan của nó chắc chắn phải rất vất vả để giải thích rằng họ đã thua như thế nào trước một lực lượng xâm lược nhỏ hơn họ gấp 5 lần. Sự hèn nhát của ai đã gây ra sự suy sụp như vậy? Không còn nghi

ngờ gì nữa, Bessus vẫn bảo vệ hành động của mình khi, tại Bactra năm 329 TCN, ông ta đã tranh luận dọc theo những quan điểm được trích dẫn ở trên và đổ lỗi cho Darius: Đó là sự kém cỏi của Darius, không phải do bản thân ông ta hay tướng lĩnh của Alexander, đã khiến mọi người rơi vào mớ hỗn độn này. Đó là lý do tại sao Bessus đã dàn xếp vụ sát hại Darius vào năm 330 trước Công nguyên. Vua của các vị vua Ba Tư lần đầu tiên đã bị lừa, bị bắt, và bị cùm và sau đó bị nhốt vào một toa xe bị khóa để được kéo đi như một con vật đã chết. Các kỵ binh Bactria đã tôn vinh Bessus là người kế vị hoàng gia của Darius, gọi ông là Artaxerxes V. Khi Alexander đến gần, những kẻ âm mưu đâm chết Darius và bỏ mặc ông ta. Họ đã chú ý đến sự an toàn của những ngọn đồi ở Bactria và rút về đó.

Alexander đã không biết âm mưu này. Anh đã đánh bại Darius, đốt cháy cung điện lớn nhất ở Persepolis để xóa bỏ đế chế cũ, và bắt đầu coi mình là Đại vương mới hợp pháp trong

cuộc chinh phục Ba Tư. Vụ giết hại tàn bạo Darius đã tước đi ân sủng của Alexander và làm mất ổn định đế chế mới giành được. Cuộc chiến lẽ ra đã kết thúc, nhưng thay vào đó, tên tội phạm Bessus này đã cướp đi ngai vàng của Darius - ngai vàng của Alexander. Alexander sẽ phải xâm lược Bactria để đưa tên điên này ra trước công lý. Để chuẩn bị đường đi, nhà vua đã có một bài phát biểu tại Hecatompylus, trong đó anh tố cáo Bessus và đội quân của hắn là mối đe dọa đối với thế giới văn minh. Chiến dịch này sẽ mang người lãnh đạo của thế giới Hy Lạp và Macedonia vượt xa nhiệm vụ ban đầu của Liên đoàn Corinth. Về mặt kỹ thuật, liên minh đã hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự sụp đổ của Ba Tư. Tuy nhiên, nếu cần, Alexander đã chuẩn bị sẵn sàng để chống lại Bessus. Anh cho phép những người không muốn quay trở về nhà và trả phần còn lại một cách hậu hĩnh để đăng ký làm tình nguyện viên với những người Macedonia của anh. Đó là lý do tại sao Alexander cần định hình một cuộc chiến tranh cá nhân về cơ bản theo một

nguyên nhân mới, lớn hơn, trừu tượng hơn. Đây không còn là một cuộc chiến tranh chinh phục và trừng phạt người Hy Lạp chống lại một quốc gia đối địch, mà là một cuộc đấu tranh không thể tránh khỏi để giữ hòa bình và bảo vệ tất cả các quốc gia theo luật pháp khỏi bọn tội phạm có tổ chức. Alexander có ý muốn săn lùng Bessus ngoài vòng pháp luật và tất cả những ai chứa chấp hắn ta, không phải một cuộc chiến thông thường chống lại kẻ thù với danh hiệu Vua Artaxerxes V.

Alexander đã phải thực hiện một số canh bạc ngoại giao để củng cố vị thế của mình chống lại Bessus và những người theo hắn ta. Trong một hành động cân bằng bấp bênh, anh đồng thời đóng vai trò vua Macedonia, lãnh đạo (bá chủ) của người Hy Lạp, và người cai trị tất cả các lãnh thổ Ba Tư. Thay vì quét sạch mọi dấu tích của chế độ Darius, Alexander đã áp dụng một số yếu tố của lễ phục và nghi thức hoàng gia Ba Tư. Anh cũng chọn một vài người Ba Tư để giữ chức vụ cao. Điều này khiến cho việc

chiếm đóng Ba Tư trở nên ít nghiêm trọng hơn và tạo ra đòn bẩy chống lại luận điệu của Bessus, nhưng nó khiến nhiều người Hy Lạp và Macedonia tức giận. Tuy nhiên, Alexander đã thực hiện chính sách hòa giải đối với những người có độ tin cậy đáng ngờ. Ngay cả một số kẻ giết người của Darius cũng được ân xá và đưa vào các vị trí có thẩm quyền, một hành động khiến Alexander rất nhanh chóng hối hận.

Bessus, tất nhiên, là ngoại lệ quan trọng: hắn ta sẽ phải trả một cái giá cực kỳ đau đớn và công khai cho những giả thuyết hoàng gia của mình. Thay vì đánh thẳng vào Bactria, Alexander vòng qua con mồi của mình. Anh đã chiến đấu trong một chiến dịch ở khu vực Herat hiện đại ở phía tây Afghanistan vì thống đốc bản địa ở đó, tên là Satibarzanes, sau khi đầu hàng, đột nhiên từ bỏ lòng trung thành với Alexander và tàn sát những người nước ngoài đóng quân trong tỉnh của ông ta. Các chính sách của Alexander đã phản tác dụng. Người

đàn ông này rõ ràng đã hành động cùng với Bessus, vì vậy Alexander nhanh chóng di chuyển để cô lập mối nguy hiểm. Quân nổi dậy bị đánh bại một cách rõ ràng, mặc dù Satibarzanes đã trốn thoát. Các tướng lĩnh của Alexander sẽ đối phó với ông ta sau. Trong khi đó, Alexander bổ nhiệm một người Ba Tư khác làm thống đốc. Sau đó quân đội tràn về phía nam đến quận Drangiana. Tại Phrada (Farah hiện đại), những nỗ lực gần đây của Alexander nhằm hợp pháp hóa quyền lực của mình ở Ba Tư đã làm lộ ra sự rạn nứt nghiêm trọng trong đoàn tùy tùng của anh. Những người Macedonia theo chủ nghĩa truyền thống đã phẫn nộ với một số chính sách mới của Alexander, chẳng hạn như việc bổ nhiệm những kẻ thù cũ vào các chức vụ có uy tín và việc anh mặc trang phục vương giả Ba Tư. Một âm mưu ám sát được hình thành nhằm hỗ trợ cho sự phản bội rõ ràng của nhà vua đối với người dân của mình. Âm mưu thất bại và những kẻ phản bội bị xử tử. Các nạn nhân nổi bật nhất là các vị tướng vĩ đại của Macedonia

là Philotas và cha của mình, Parmenio, mặc dù rõ ràng là vô tội, nhưng vẫn bị thanh trừng để xóa bỏ những kẻ phản kháng. Một phe mới gồm những người trung thành vây xung quanh Alexander; Các cuộc chiến tại Bactria sẽ nhanh chóng thúc đẩy sự nghiệp của những người đàn ông như Craterus, Hephaestion, Coenus, Perdiccas và Ptolemy.

Sau khi thoát khỏi mối nguy hiểm này, Alexander đã đổi tên nơi này thành Prophthasia (Anticipation) để nhắc nhở về thất bại của âm mưu. Cuộc hành quân của anh tiếp tục về phía nam và sau đó đi về phía đông dọc theo rìa cao của Dashti Margo (Sa mạc của cái chết).



Anh hy vọng có thể tiêu diệt Barsaentes, một trong những tay chân khác của Darius đã lạm dụng sự ân xá của anh và đứng về phía Bessus. Tuy nhiên, họ đã đi trước quá xa và biến mất (giống như Taliban ngày nay) vào vùng đất bây giờ là Pakistan. Quân đội Hy Lạp và Macedonia đi ngang qua Kandahar, một địa điểm do Alexander xây dựng và vẫn mang tên anh (bắt nguồn từ Iskandariya, Alexandria trong tiếng A Rập). Trung tâm của rất nhiều xung đột trong các cuộc xâm lược của Anh, Liên Xô và bây giờ là Hoa Kỳ, Kandahar cũ bảo vệ các tuyến đường chiến lược dẫn về phía

đông nam đến Thung lũng Indus, và phía đông bắc đến khu vực Kabul.



Alexander sau đó đã đi trên con đường mà Lord Roberts đã đi vào năm 1880; Người Hy Lạp và Macedonia đã đến các khu mùa đông ở vùng lân cận của Begram hiện đại, nơi nhà vua củng cố doanh trại như một Alexandria khác.

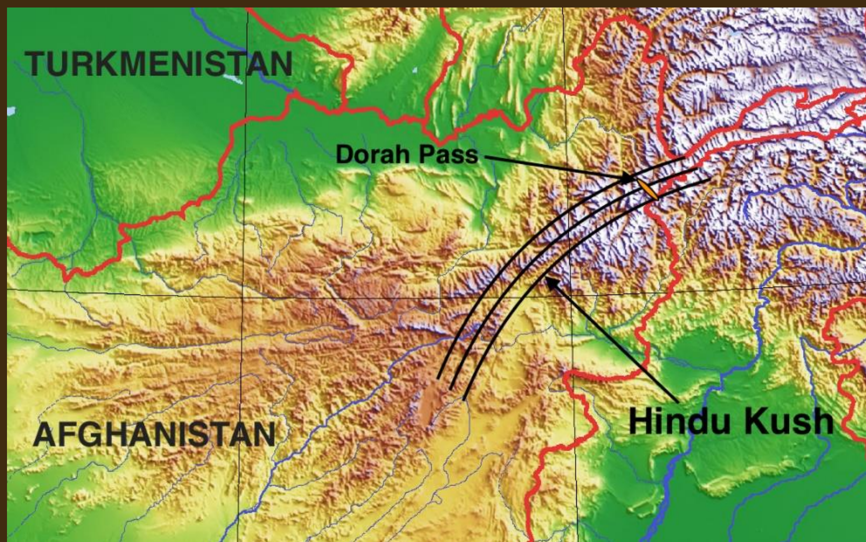
Kể từ khi tuyên bố ý định của mình để trừng phạt phe phái của Bessus, Alexander đã hành quân một ngàn năm trăm dặm [2400km]

trong tám tháng trên một vòng cung rộng là nửa phía nam của Afghanistan ngày nay.



Các phần của cuộc hành trình như thâm nhập vào một lò luyện ngục khốn khổ với “bệnh dịch từ muỗi vằn, muỗi, ruồi nhà, rắn độc và gió bão.” Tệ hơn nữa đây là một vùng thường xuyên thiếu đói. Bất kể điều kiện khí hậu hay hoàn cảnh thế nào, Alexander phải mua mỗi ngày tương đương 255 tấn lương thực và thức ăn gia súc, cộng với 160.000 gallon nước [600.000 lít], chỉ để giữ cho quân đội của mình sống sót và tiến về phía trước. Ở phía bên kia

(phía bắc) của dãy núi Hindu Kush, Bessus và những người theo ông ta đang phá hủy mọi thứ có thể nuôi sống những kẻ xâm lược.



Hindu Kush là một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng A Rập và có nghĩa là "Các ngọn núi của Ấn Độ". Nó là phần kéo dài nhất về phía tây của dãy núi Pamir, rặng Karakoram và là phần kéo dài của dãy núi Himalaya.

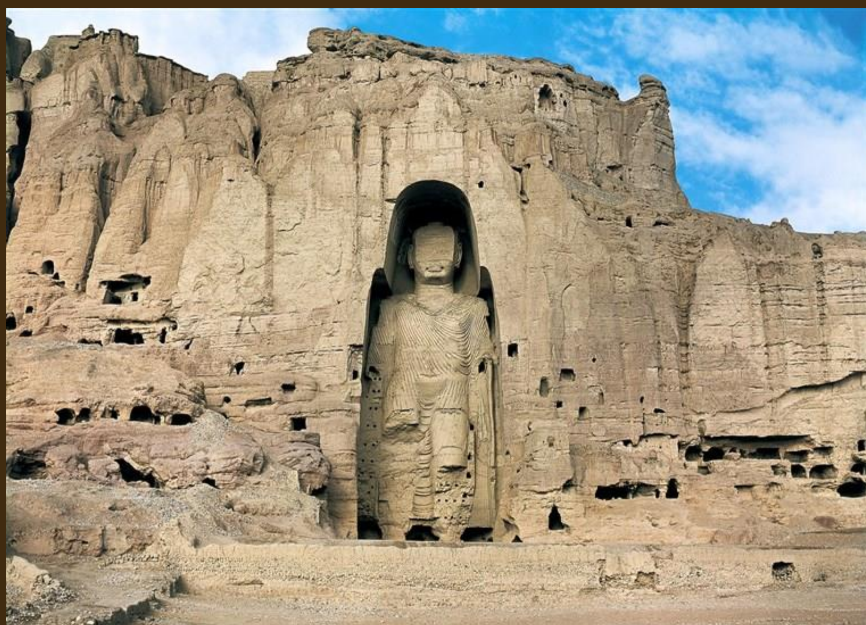
Những người nổi dậy biết người Macedonia sẽ tiêu hao tất cả các nguồn cung cấp của họ khi vật lộn trên những con đèo cao của những ngọn núi, đến vùng trung tâm của Bactria trong tình trạng kiệt sức và đói. Kế hoạch thiêu đốt, một kế hoạch tốt trong mọi tình huống, đã

thừa nhận chiến tranh ở Trung Á phụ thuộc vào hậu cần, và sự tiêu hao đó có thể đối phó với những đòn khó nhất.

Dãy núi Hindu Kush huyền thoại, được người của Alexander gọi nhầm là Caucasus, cao tới 17 nghìn feet (5km). Các sườn núi thấp hơn có thảm thực vật khiêm tốn, chủ yếu là cây bụi và cỏ, nhưng đá cằn cỗi chiếm ưu thế ở độ cao trên 14 nghìn feet (4km). Vào mùa đông, tuyết rơi xuống độ sâu 6 nghìn feet (2km) và chặn các con đèo; bão tuyết là phổ biến và tuyết rơi ngay cả trong mùa hè ở các độ cao cao hơn. Mùa xuân, băng tan chảy thường bắt đầu vào tháng Ba hoặc tháng Tư, dần dần giải phóng các con đèo và mang theo những dòng nước băng giá và những tảng đá đổ xuống mọi lòng suối. Sớm nhất có thể — thực tế là quá sớm — Alexander đưa quân đội của mình băng qua những ngọn núi này. Anh có ba tuyến đường khả thi: phía tây, qua Bamian và đèo Shibar; trung tâm, qua đèo Salang; và phía đông, qua Thung lũng Panshir và đèo Khawak. Con

đường xuyên qua Bamian, nơi những tượng Phật khổng lồ sau này sừng sững, gần đường mòn của những người hành hương (cho đến khi bị Taliban cho nổ tung) đưa ra lựa chọn dễ dàng và rõ ràng nhất, vì vậy Alexander có lẽ đã từ chối nó để làm Bessus ngạc nhiên.

Các tượng Phật của Bamiyan là hai bức tượng lớn có từ thế kỷ thứ 6 của Phật Gautama được tạc vào vách đá ở thung lũng Bamyan, miền trung Afghanistan, cách Kabul 130km (81 dặm) về phía tây bắc ở độ cao 2.500 mét (8.200 feet).



Con đường trung tâm ngắn nhất nhưng dốc nhất, và nó không bao giờ thực tế cho đến khi Đường hầm Salang dài 1,6 dặm, cao nhất thế

giới, được Liên Xô xây. Con đường dài hơn qua đèo Khawak dường như phù hợp với mục đích của Alexander trong mùa xuân năm 329 TCN.

Người Macedonia đã phải vật lộn trong hai tuần qua tuyết dày trước khi các con đèo hoàn toàn thông thoáng. Thức ăn cạn kiệt, và những người chết đói đương nhiên phải dùng đến mọi cách: họ bắt và ăn cá sống, nhai các loại thực vật địa phương, và cuối cùng ăn thịt những con vật mang hành lý để tồn tại. Giống như người Anh trong Chiến tranh Afghanistan lần thứ nhất đã ăn da cừu chiên, những kẻ xâm lược vẫn kiên trì. Vì không thể tìm củi, họ ăn thịt chưa nấu chín và đi về phía Bactra. Hoặc là vua của họ đã tính toán sai nhu cầu quân đội của mình, hoặc anh đã di chuyển vào vùng núi trong khi thời tiết vẫn còn nguy hiểm. Có lẽ việc làm phức tạp các hoạt động của Alexander là do sự bất thường về khí hậu. Các phân tích gần đây ở Fennoscandinavia chứng minh một số mùa hè mát mẻ nhất trong bảy mươi bốn nghìn năm qua (5407 TCN-1997)

xảy ra chính xác vào những năm 330-321 TCN. Điều khiến miền Bắc lạnh đi đáng kể vào thời điểm này là không chắc chắn, nhưng những tác động có thể đã góp phần vào rắc rối của Alexander khi tạo ra mùa đông bất ngờ sớm và dài hơn, với tuyết rơi dày hơn, vào năm 329-327, cũng như nạn đói đương thời ở Hy Lạp do tình trạng thiếu ngũ cốc trên diện rộng. Dữ liệu này không có nghĩa là mùa hè ở Trung Á mát mẻ, chỉ có điều chúng có thể ngắn hơn và bớt khủng khiếp hơn trong khi mùa đông tương ứng khắc nghiệt hơn.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, quân Macedonia đã vượt qua những ngọn núi và tìm thấy sự thoải mái ở các thị trấn Drapsaca (Qunduz hiện đại?) Và Aornus (Tashkurgan hiện đại?). Nếu quân nổi dậy sử dụng chiến thuật du kích mà các lãnh chúa Afghanistan ngày nay hay dùng, thì người Macedonia có thể đã phải chịu một thất bại lớn. Nhưng Bessus chỉ sử dụng một nửa chiến lược chiến thắng: ông ta cắt đứt nguồn cung cấp của Alexander, nhưng lại

không tấn công khi có cơ hội. Hóa ra, Bessus đã tưởng Alexander sẽ chọn con đường dễ đi nhất trong khi phớt lờ những con đường khác. Bước đi mạo hiểm của Alexander đã được đền đáp. Anh và quân đội của mình làm mới bản thân (rèn luyện trong gian khổ) và tập hợp lại trong khi Bessus, cách một vài dặm về phía tây tại Bactra, đang vội vàng tổ chức Hội đồng chiến tranh.

Bất kể lời nói của Bessus trong bài phát biểu ngạo mạn của mình với các chiến binh, ông ta và người Bactria đều vô cùng lo lắng. Hàng trăm nghìn người nước ngoài đã vào Bactria và đang nhanh chóng tiếp cận, họ sẽ không kịp ứng phó. Khi Bessus vạch ra giai đoạn tiếp theo trong chiến lược của mình, rượu đã được uống đủ để khiến nó có vẻ khá hợp lý: Họ sẽ rút lui về phía bắc qua sa mạc, băng qua sông Oxus, và tạo chỗ đứng vững chắc trong khu vực Sogdiana. Người Oxus (Amu Darya hiện đại) sẽ kìm chân người Hy Lạp và Macedonia trong khi Bessus chiêu mộ đồng minh từ các

dân tộc du mục trên thảo nguyên rộng lớn phía bắc.



Đối với kế hoạch này, một người tên là Gobares, đã phản đối. Trong một bài phát biểu có lẽ được tô điểm thêm trong những câu chuyện kể lại qua nhiều thời đại, Gobares đã gieo rắc lời kêu gọi của mình bằng những câu tục ngữ địa phương vẫn còn phổ biến cho đến ngày nay, chẳng hạn như "nước vẫn chảy sâu" và "vỏ cây còn tệ hơn vết cắn của anh ta." Tài hùng biện này nhằm thuyết phục Bessus từ bỏ và tận dụng cơ hội của mình với Alexander,

người đôi khi có thể vô cùng thương xót. Gobares đặt câu hỏi về tính hợp pháp cho quyền lực của Bessus, một dấu hiệu cho thấy Alexander đã chiến thắng giữa một số người Ba Tư trong cuộc chiến chính trị giành lấy ngai vàng của Darius. Bessus, tất nhiên, sẽ không chấp nhận ý kiến này; Khi ông ta rút kiếm trong cơn giận dữ, Gobares chạy trốn khỏi Bactra và báo cáo toàn bộ sự việc cho Alexander. Vị vua Macedonia vội vã đến thủ đô, ốc đảo Anahita kỳ quái rải rác xương người, chỉ để thấy Bessus đã biến mất.

CHIẾN THẮNG

Tại Bactra, người Macedonia dù sao cũng nhận được một số tin tức rất tốt. Các tướng lĩnh ở lại gần Herat đã bắt hoặc giết đồng minh của Bessus là Satibarzanes. Đã có một trận chiến quan trọng trong đó Satibarzanes đã dừng lại, cởi bỏ mũ và thách thức bất kỳ đối thủ nào đủ dũng cảm để chiến đấu với ông ta trong một trận chiến riêng. Erigyius già, tóc trắng, bước tới và chấp nhận lời đề nghị. Trong

cuộc chiến, Satibarzanes đã ném trượt ngọn giáo của mình và Erigyius lao tới, đưa cây thương của mình vào cổ họng của kẻ thù và thủng ra sau gáy. Bị ném khỏi con ngựa của mình, Satibarzanes tiếp tục chiến đấu dù đã bị đâm. Erigyius nắm lấy cây thương và kéo nó ra, sau đó đâm mạnh vào mặt Satibarzanes.

Tại Bactra, Alexander và những người lính của mình ngạc nhiên trước cái đầu nham nhở của Satibarzanes, mà Erigyius mang theo như một chiến tích. Chiến thắng đã kết thúc cuộc nổi dậy xung quanh Herat, ngăn chặn những kẻ nổi loạn đó tiếp viện cho Bessus như kế hoạch của lãnh chúa. Tin tức đó có thể là điều đã buộc Bessus rút vào Sogdiana để tìm kiếm các đồng minh khác, và không nghi ngờ gì nữa, nó đã làm mất tinh thần của kỵ binh Bactria, vốn trông chờ vào sự hỗ trợ của Satibarzanes. Khi người Bactria biết Alexander đã vượt qua Hindu Kush, Satibarzanes đã chết, và Bessus dự định rút lui về phía bắc qua Oxus và bỏ mặc

Bactria cho những kẻ xâm lược, hầu hết các kỵ sĩ bản địa chỉ đơn giản là bỏ chạy về nhà.

Tại Bactra, Alexander xem xét những sự thật này và quyết định tiến lên càng nhanh càng tốt để kết liễu Bessus trước khi hắn kịp khắc phục tổn thất. Tất nhiên, hành động với tư cách là Vị Vua hợp pháp, Alexander đã bổ nhiệm Artabazus - người Ba Tư vừa trở về sau chiến thắng trước Satibarzanes - trở thành vệ thần của Bactria. Thông điệp rất rõ ràng: hãy tham gia vì sự nghiệp của Alexander, như Artabazus, và nhận tất cả các quyền lợi như trước; hoặc sống ngoài vòng pháp luật, như Satibarzanes và Bessus, và chịu đựng những hình phạt chính đáng của thế giới văn minh. Không ai có thể trung lập.



Bactra

Cuộc hành quân từ Bactra đến sông Oxus băng qua một đoạn sa mạc khắc nghiệt sẽ lại thử thách khả năng phục hồi của quân đội Macedonia. Họ đã gần như chết cóng và chết đói chỉ vài tuần trước đó trên núi, và bây giờ là trong mùa hè cao điểm họ phải đi bộ qua gần năm mươi dặm khô cằn. Những người cung cấp thông tin địa phương khuyên Alexander chỉ nên đi vào ban đêm, vừa để thoát khỏi nhiệt độ tồi tệ nhất vừa để điều hướng sa mạc theo các vì sao. Để giữ cho cuộc hành trình kéo dài đến hai đêm, nhà vua giảm nhẹ tải trọng

của quân đội bằng cách để hành lý của họ tại Bactra dưới sự trông coi của Artabazus. Tuy nhiên, đó là một thảm họa. Cát rực sáng bởi sức nóng, ma thuật nhảy múa, và không khí khô ráo hút từng giọt hơi ẩm từ miệng những người đàn ông đau khổ. Túi nước cạn quá sớm, và kỷ luật không thành.



Những người lính ngấu nghiến các giếng dầu và rượu, chỉ để nôn ra thứ mà họ đã uống một cách ngu ngốc. Với số lượng ngày càng tăng từ những người bị mất nước hoặc đã chết,

Alexander tiến về phía sông Oxus và đốt lửa báo hiệu để hướng dẫn và khuyến khích quân đội. Những người mang nước tiếp sức trở lại sa mạc để hỗ trợ những người đi lạc yếu nhất. Thật không may, nhiều người đã uống quá mức đến nỗi họ bị “nghẹt thở” và tử vong. Alexander được cho là đã chờ đợi bên đường mòn, để chào đón từng người sống sót khi anh lảo đảo vào trại. Cuộc chiến chính trị để giành lấy người Bactria đang diễn ra tốt đẹp, nhưng chính vùng đất này đã giết chết người Hy Lạp và Macedonia theo đúng nghĩa đen.

Trở ngại tiếp theo là sông Oxus, sông dài nhất và lớn nhất ở Trung Á. Như ngày nay, nó xác định phần lớn biên giới phía bắc của Afghanistan, trong thời cổ đại, nó tách Bactria ra khỏi Sogdiana. Vùng Sogdiana trải dài về phía bắc đến sông Jaxartes (Syr Darya hiện đại); nó được gắn về mặt hành chính với Bactria như một phần mở rộng của tỉnh (satrapy). Tại điểm băng qua của mình,

Alexander đo chiều rộng của con sông vào khoảng ba phần tư dặm.



Các học giả từ lâu đã tranh cãi về vị trí chính xác. Trong thời cổ đại, các giao lộ quan trọng nằm ở Kerki, Kilif, Kampyr-Tepe và Termez. Kerki có lẽ ở quá xa về phía tây đối với mục đích của Alexander. Trong số các khả năng còn lại, tầm quan trọng của Termez trong lịch sử sau này (nó đã trở thành một trung tâm thương mại Hồi giáo quan trọng) đã khiến nhiều người tin là nó. Truyền thuyết liên kết

Alexander với sự thành lập của Termez. Termez chắc chắn là một phỏng đoán hợp lý, nhưng Kampyr-Tepe và Kilif không thể bị loại trừ là nơi Alexander lần đầu tiên chạm trán và băng qua Oxus. Trên thực tế, Kampyr-Tepe là địa điểm băng qua duy nhất nơi đồ gốm được tìm thấy cùng thời với triều đại của Alexander. Thử thách sẽ giống nhau ở bất kỳ địa điểm nào. Bessus đã đốt cháy tất cả các con thuyền. Trong mọi trường hợp, không thể tìm thấy gỗ để xây dựng một cây cầu tạm. Giải pháp duy nhất là cách chế tạo thiết bị nổi lâu đời bằng cách nhét rơm vào vỏ lều bằng da. Bằng cách khâu chúng thật chặt, chúng duy trì đủ sức nổi để đưa người qua sông. Toàn bộ quá trình kéo dài năm hoặc sáu ngày.

Trong thời gian này, Alexander nhận được thông tin tình báo mới về tình hình của Bessus. Lãnh chúa đã không thực hiện lời hứa của mình là chống lại những kẻ xâm lược tại "bức tường Oxus". Trên thực tế, với mỗi chặng đường theo đuổi không ngừng của Alexander,

Bessus thấy mình đơn độc hơn. Người đàn ông tự xưng là Artaxerxes V đã trải qua (trớ trêu và có lẽ chính xác) cùng cảnh ngộ với Darius sau trận Gaugamela: ông ta bỏ trốn, không thể tham gia chiến đấu và mất đi những tướng lĩnh cuối cùng của mình. Lời nói về lòng tốt của Alexander đối với Gobares, người đàn ông đã đào tẩu sau khi phản đối bài phát biểu của Bessus tại Bactra, đã khuyến khích những kẻ nổi loạn khác bỏ chạy theo đội quân đang tới. Trong mọi hoàn cảnh, thật dễ dàng để theo Alexander hơn là đi với Bessus đang chạy trốn. Các lãnh chúa có xu hướng cam kết trung thành khi có điều kiện đảm bảo, bất kể tội ác tôn giáo và chính trị bị cáo buộc của kẻ thù. Điều này vẫn là Bài học thứ nhất cho đến ngày hôm nay: "Không có sự trung thành hay liên minh bất biến ở Afghanistan, dù họ có thể được hình thành dưới chiếc ô tôn giáo hay sắc tộc nào và nhiệt thành với những lời thề đã niêm phong họ đến đâu". Bessus phản bội Darius, và những người khác tiết lộ họ sẵn sàng phản bội Bessus nếu cần.

Do đó, Alexander có thể gửi một phần quân của mình về nước. Một số người Macedonia già nua và không đủ sức khỏe đã được xuất ngũ trên bờ sông Oxus. Họ sẽ không bị kéo qua sa mạc từ Bactra vì Alexander không cần họ để chiến đấu với Bessus; rõ ràng, tình hình quân sự đã thay đổi và nhà vua có thể thoải mái. Một đội lính đánh thuê Hy Lạp khác từ Thessaly cũng về nước, nhưng họ dường như đã bị sa thải. Họ có thể đã phải chịu trách nhiệm về việc vi phạm kỷ luật trong cuộc hành quân sa mạc gần đây và vì đã cằn nhằn về những khó khăn. Dự đoán một cuộc bắt giữ thay vì một trận chiến, Alexander tiếp tục cuộc hành quân của mình vào Sogdiana với gần một nghìn người đàn ông.

Sau đó, một điều gì đó kỳ lạ đã xảy ra - nếu chúng ta có thể tin vào một số nguồn cổ xưa. Khi những người Macedonia đến gần một thị trấn, cư dân của nó đã đầu hàng trong sự ăn mừng lớn. Họ nói một dạng tiếng Hy Lạp bị thoái hóa và tự nhận là hậu duệ của

Branchidae, một tộc người Hy Lạp đã bị trục xuất khỏi Miletus (thuộc Tây Tiểu Á) bởi vua Ba Tư Xerxes vào năm 479 TCN. Họ vui vẻ chào đón Alexander trong các bức tường của thị trấn, không mong đợi điều gì giống như cái gọi là sự giải phóng mà họ sắp nhận được. Trong những năm dài lưu vong này, người Branchidae đã biết được những người Hy Lạp đồng hương có thể vẫn giữ mối hận thù trong quá khứ. Quân đội của Alexander quyết định Branchidae là những kẻ phản bội sống dưới sự bảo vệ của người Ba Tư, những người đã từng phá hoại một ngôi đền nổi tiếng ở Miletus. Do đó, Branchidae vẫn là kẻ thù hơn là bạn bè, tội phạm hơn là đồng bào. Alexander và binh lính đã cướp bóc thị trấn và giết từng người. Không có lòng thương xót nào được thể hiện. Cuộc thảm sát đã hoàn tất. Tiếp theo, trong một cơn thịnh nộ gợi nhớ đến người La Mã tại Carthage, những kẻ xâm lược đã phá hủy mọi dấu tích của thị trấn và thậm chí san bằng những khu rừng thiêng xung quanh. Bản thân những gốc cây đã được nhổ lên và những chiếc

rễ gãy của chúng đã chết cháy khắp mặt đất. Điều gì đã khơi dậy sự giận dữ như vậy, chúng ta không thể biết được. Có lẽ quân đội của Alexander cần một cuộc thanh trừng đẫm máu sau những cuộc hành quân gần đây; có lẽ những người đàn ông đang cảnh báo cho bất kỳ ai chống lại trên con đường của họ; có lẽ nhà vua muốn gửi lời tới đồng bào ở quê nhà Hy Lạp sau khi gần đây đã hành động rất nhiều với tư cách là một vị vua hợp pháp của Ba Tư. Dù lý do là gì đi nữa, thì hành động tàn bạo đầu tiên đã xảy ra trong một chiến dịch sẽ sớm trở thành nơi sản sinh ra sự tàn bạo vô nghĩa.

Sau khi xử tử những kẻ phản bội này vì chính nghĩa Hy Lạp, sự chú ý của Alexander quay trở lại Bessus. Một thông báo gửi đến nói rằng ba phiến quân (Spitamenes, Dataphernes và Catanes) đã bắt nhốt Bessus. Sau khi tước bỏ tất cả các vương quyền của thủ lĩnh cũ, các lãnh chúa muốn giao nộp kẻ bị giam cầm cho Vua Alexander để trừng phạt. Có hai phiên

bản về việc chuyển giao quyền giám hộ của Alexander. Phiên bản một, Spitamenes đích thân giải tù nhân bị trói và khỏa thân, được dắt quanh bởi một chiếc vòng cổ và dây xích. Nhân dịp này, Spitamenes đã có một bài phát biểu nhỏ, tuyên bố lòng trung thành của mình với ký ức về Darius, mà Alexander đã ca ngợi. Trong phiên bản khác, anh hùng là Ptolemy. Câu chuyện này chắc chắn bắt nguồn từ hồi ký của chính Ptolemy, được viết khi ông trở thành vua của Ai Cập ngay khởi đầu của thời đại Hy Lạp hóa. Ptolemy không thể cưỡng lại cơ hội để trình bày một cách dài dòng — thực sự, phóng đại — vai trò của ông trong việc đưa Bessus ra trước công lý. Khi Alexander biết tin Bessus bị bắt, nhà vua đã giao cho Ptolemy nhiệm vụ cưỡi ngựa đi trước với một lực lượng được tuyển chọn gồm năm nghìn người để bảo vệ tù nhân. Đây là mệnh lệnh cấp cao đầu tiên của Ptolemy và ông muốn tận dụng tối đa điều đó. Tốt hơn hết là tự mô tả mình là nhân vật chủ chốt, hơn là trao vinh dự đó cho Spitamenes - con gái của ông ta sau này kết

hôn với tướng Seleucus, một đối thủ chính trị của Ptolemy.

Lo sợ bản chất thất thường của những kẻ được gọi là man rợ, Ptolemy chạy đến điểm hẹn vì sợ Spitamenes và những người khác đổi ý. Quân đội của Ptolemy đã thực hiện cuộc hành trình mười ngày chỉ trong bốn ngày. Chắc chắn, Ptolemy khẳng định, những kẻ chủ mưu đang có suy nghĩ thứ hai. Khi người Macedonia đến gần, Spitamenes và những người đi theo ông ta được cho là đã bỏ đi, bỏ lại Bessus trong một ngôi làng nhỏ. Ptolemy đã bao vây nơi này và ra lệnh cho cư dân của nó đầu hàng, điều mà dân làng sợ hãi đương nhiên đã làm, sau những gì đã xảy ra với Branchidae. Được thông báo về thành công của Ptolemy, Alexander đã gửi hướng dẫn về cách đối xử với tù nhân. Bessus bị trói và khỏa thân ở bên phải con đường mà Alexander sẽ đi qua. Một vài ngày sau, nhà vua dừng lại bên cạnh kẻ địch và yêu cầu giải thích về tội ác của hắn. Tất cả các tài liệu đều đồng ý rằng Bessus đã đưa

ra một lời giải thích khập khiễng: ông ta đã chiếm lấy ngôi vị chỉ với ý định chuyển nó cho Alexander. Chuyến chạy trốn dài của ông ta đã bào chữa cho cái cớ, và hình phạt sẽ rất khủng khiếp. Đầu tiên, ông ta bị tra tấn trong khi một sứ giả công bố những hành động xấu xa khác nhau của ông ta. Sau đó, ông ta bị anh trai của Darius, Oxathres, quản thúc, và bị đưa đến nhà tù ở Bactra. Ở đó vào mùa đông sắp tới, Bessus sẽ bị kéo đến trước một Loya Jirga và biến mất theo đúng nghĩa đen.

Loya Jirga: hội đồng

Theo phong tục Ba Tư, Vua của các vị Vua phải là một người đẹp trai; Ví dụ, Darius đã từng là “người đẹp nhất và cao nhất trong tất cả những người đàn ông.” Do đó, Bessus đã bị làm biến dạng dã man trước khi bị giết, để khiến hoàn toàn không phù hợp với ngai vàng mà ông ta thèm muốn. Sau đó ở Bactra, nơi Bessus gần đây đã tổ chức hội đồng chiến tranh của mình dưới cái tên Artaxerxes V, tai và mũi của ông ta đã bị cắt khỏi mặt.

Alexander xuất hiện trước đám đông với vẻ ngoài trẻ trung và đẹp trai. Anh cạo râu sạch sẽ, lùn và vạm vỡ, với thói quen đầu nghiêng về bên trái. Tóc và nước da của anh ấy rất đẹp; giọng anh trầm và lạnh lùng; Đôi mắt trong veo và có xu hướng chuyển sang màu xanh lam. Sau cái chết của Darius, Alexander bắt đầu mặc một số trang phục vương giả của các vị vua Ba Tư, đặc biệt là chiếc áo choàng và thắt lưng. Chắc chắn với hiệu ứng đáng kinh ngạc, bên cạnh anh là Bessus bị xích và chảy máu. Lãnh chúa Byron có thể đã nghĩ về Bessus bị tước bỏ áo choàng hoàng gia và tên của mình (thay vì nghĩ về Napoléon) khi ông viết những dòng này:

Đã xong — nhưng hôm qua vẫn là vua! Và vẫn chiến đấu — nhưng bây giờ chỉ là người vô danh: Thật tồi tệ — nhưng vẫn còn sống!

Nhưng không lâu. Trong một bài tường thuật, Oxathres đã chủ trì việc đóng đinh Bessus và tiêu hủy xác ông ta. Trong một trường hợp khác, Bessus bị trói giữa hai cái cây bị uốn

cong và bị xé ra từng mảnh khi những cây non mọc thẳng đứng. Ngay cả những người ngưỡng mộ vĩ đại nhất của Alexander cũng cảm thấy sốc trước sự man rợ này. Người ta nhớ lại cảnh ám ảnh cho thấy tổng thống Afghanistan Muhammad Najibullah bị treo cổ từ một kiốt giao thông ở Kabul sau khi bị Taliban bắt giữ, thiến và sau đó giết chết ông vào năm 1996. Chiến thắng là cơ hội tuyệt vời cho sự báo thù trong các cuộc chiến tại Afghanistan.



CUỘC ĐẤU TRANH TUYỆT VỌNG

BÙNG NỔ

Vào mùa hè năm 329 TCN, một sự yên tĩnh kỳ lạ bao trùm Bactria và Sogdiana. Hiểm họa chiến tranh đã qua đi. Một người Ba Tư tuân thủ giữ chức vụ thống đốc Bactria; đội kỵ binh Bactria nguy hiểm đã xuất ngũ; những người nông dân và người chăn gia súc đã trở lại với nhiệm vụ cổ xưa của họ. Những lãnh chúa cuối cùng đã lùi bước và phản bội thủ lĩnh của họ. Do đó, không có đối thủ nào tranh giành quyền cai trị đế chế Ba Tư của Alexander. Cuộc xâm lược đầu tiên vào Bactria-Afghanistan của một siêu cường khó có thể dễ dàng hơn. Ngoại trừ thời tiết khắc nghiệt và địa hình khó khăn, hoạt động này chắc chắn có ít rủi ro hơn bất kỳ ai đã dự đoán. Satibarzanes đã gây chiến, nhưng không phải Bessus. Không thành phố Bactria nào, kể cả Bactra, đã đóng cổng và phải tiến hành một cuộc bao

vây. Mặt khác, việc phá hủy đất trồng là do lệnh của Bessus, không phải của Alexander. Những người dân địa phương duy nhất bị giết là hậu duệ của những người Hy Lạp khác. Không có người Bactria nào ngoại trừ Bessus bị xét xử và kết án tử hình. Dường như chỉ trong chốc lát đã có một cơ hội tuyệt vời để thực sự có thể kết thúc tốt đẹp. Hoa Kỳ cảm nhận được khả năng đó ngay bây giờ, như Liên Xô đã từng; người Anh đã cảm thấy nó hai lần. Về mặt lịch sử, đó là một cảm giác nguy hiểm.

Kể từ khi cuộc tranh giành chính trị giữa Alexander và Bessus liên quan đến ngai vàng ở vùng Lưỡng Hà xa xôi, nó có lẽ không quan trọng lắm đối với những người Bactria mà cuối cùng Alexander đã ngồi vào nó, không có gì thay đổi nhiều ở Bactria. Họ muốn được ở lại một mình, trở về với những vấn đề địa phương như gia đình, đức tin, trang trại, bầy đàn và những mối thù nhỏ của riêng họ. Tuy nhiên, Alexander, không hoàn toàn sẵn sàng để họ làm việc của mình. Vị vua ưa mạo hiểm này

không bao giờ bỏ lỡ cơ hội khám phá biên cương khác. Anh thích dâng lễ vật ở các cực của đế chế, đặc biệt là dọc theo các con sông lớn. Ngay phía trước quân đội, sông Jaxartes (Syr Darya hiện đại) đã chảy dọc theo biên giới của phần mở rộng Sogdiana của Bactria, do đó xác định biên giới phía đông bắc của Đế chế Ba Tư cũ. Nhà vua muốn thêm những tượng đài cá nhân của mình vào những tượng đài của những người tiền nhiệm, đồng thời, để tái khẳng định một phạm vi quan trọng. Các biện pháp dự phòng dường như có thứ tự.

Ngoài Jaxartes trải dài qua các thảo nguyên rộng mở của Trung Á, nơi các bộ lạc Scythia độc lập khác nhau sống du mục. Những dân tộc cứng rắn này, nổi tiếng với tinh thần chiến đấu và khả năng cưỡi ngựa, đôi khi hợp lực với các nước láng giềng ít vận động của họ ở phía nam. Bessus đã đặt hy vọng cuối cùng của mình vào một liên minh như vậy, và điều đó cho Alexander lý do chính đáng để chặn cửa. Giống như vùng biên giới hiện tại trên danh

nghĩa ngăn cách Afghanistan với Pakistan, Uzbekistan, Tadjikistan và các quốc gia khác, biên giới Jaxartes cung cấp cho phiến quân một nơi ẩn náu, buôn lậu và tuyển mộ.



Alexander dự định củng cố biên giới này và ngăn chặn bất kỳ sự thông đồng nào như vậy trong tương lai bằng cách thiết lập một hàng rào quân sự vĩnh viễn giữa Sogdiana và người Scythia. Nhà vua đã làm điều này trước đây; trên thực tế, anh bắt đầu trị vì vào năm 336 TCN, với một chiến dịch Balkan ở phía bắc sông Danube, nơi anh bắt nạt một số bộ tộc Scythia đe dọa can thiệp vào lãnh thổ của

mình. Nó đã làm nên điều kỳ diệu ở quê nhà, nhưng anh không còn ở Balkan nữa.

Lúc rảnh rỗi, Alexander di chuyển quân đội của mình lên phía bắc qua Sogdiana. Anh có thể đã đi theo con đường lữ hành cũ xuyên qua Cổng Sắt và xuất hiện trên lãnh thổ Nautaca ở phía nam Maracanda (Samarkand ngày nay).



Cuộc truy đuổi lâu dài với Bessus trong khí hậu khắc nghiệt, đã gây thiệt hại cho những con ngựa. Vì vậy, tại đất nuôi ngựa tốt quanh Karshi (nơi có căn cứ không quân quan trọng

được Liên Xô sử dụng và sau này là Lực lượng Đặc nhiệm Dagger của Hoa Kỳ), Alexander đã trưng dụng những con ngựa mới cho người của mình. Nhìn lại, điều này có thể đã chạm đến lợi ích của người dân địa phương luôn nhạy cảm với bất kỳ sự mất mát gia súc nào. Nhiều cuộc xâm nhập không được chào đón ngay sau đó.

Quân đội của Alexander tạm dừng một thời gian ngắn ở Maracanda, thành phố lớn nhất ở Sogdiana.

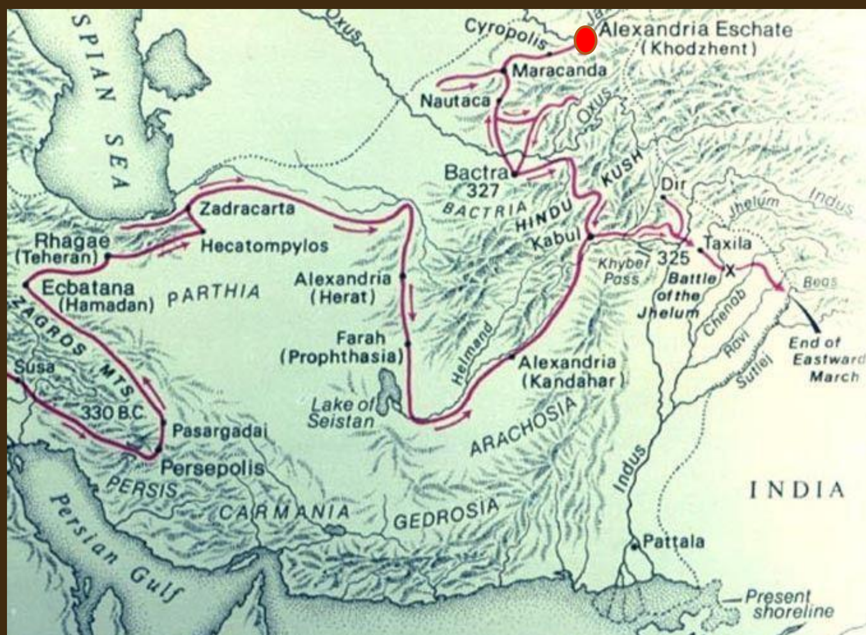


Bên trong hệ thống tường thành và thành trì vững chắc đầy ấn tượng của nó, nhà vua đã để lại một ngàn quân làm đồn trú. Khoảng 180

dặm xa hơn về phía đông bắc của sông Jaxartes. Các kế hoạch của Alexander cho khu vực này chắc chắn đã thành hình, và việc chuẩn bị của nhà vua đã khiến người dân bản địa không thể bỏ qua. Gần sông chỉ tồn tại một thành phố quan trọng, một nền tảng Ba Tư cũ có tên là Cyropolis (có lẽ là Ura-Tyube hiện đại), cùng với sáu thị trấn có tường bao quanh. Mặc dù ấn tượng, Cyropolis cách hai mươi lăm dặm về phía nam của sông Jaxartes, quá xa để thực hiện các kế hoạch mà nhà vua dự kiến. Với dân số dư thừa có sẵn từ những khu định cư này, Alexander quyết định xây dựng một đồn quân sự mới, hùng mạnh ngay trên Jaxartes (có thể là tại Khodzhent hiện đại). Được bao quanh bởi bảy dặm tường phòng thủ và đặt tên là Alexandria Eschate ("Alexandria xa nhất"), nó sẽ bảo vệ các cạnh của đế chế.

Điều này gây khó chịu cho người dân địa phương. Các kế hoạch cho thành phố mới báo hiệu sự hiện diện lâu dài của người Hy Lạp trên

biên giới Sogdian-Scythia. Điều này sẽ làm giảm vị thế thương mại và hành chính của Cyropolis và có nghĩa là các vùng đất trồng trọt và đồng cỏ trong khu vực sẽ gắn liền với Alexandria Eschate như sự phụ thuộc.



Theo những cách khác, đóng cửa biên giới sẽ phá vỡ các mô hình sống truyền thống trong một môi trường mà các dòng sông tự nhiên thu hút các dân tộc lại với nhau hơn là chia cắt họ. Người Scythia và người Sogdian-Bactrian có mối quan hệ cộng sinh, đặc biệt là thông qua các tương tác kinh tế và các liên minh

quân sự không thường xuyên. Đế chế Ba Tư đã chấp nhận trạng thái linh hoạt này, nhưng Alexander thì không. Anh định cô lập khu vực này khỏi các nước láng giềng. Rõ ràng là người cai trị mới của Ba Tư đã có những ý tưởng sâu sắc về việc quản lý Bactria. Các lãnh chúa sợ hãi như Spitamenes bắt đầu băn khoăn về việc họ trao Bessus cho Alexander. Việc triệu tập chính thức của họ để tham dự hội đồng Afghanistan tại Bactra để chứng kiến sự trừng phạt Bessus đã nhấn mạnh sự ra đời của một chế độ mới và khiến người dân Bactria cảm thấy thoải mái về tương lai không chắc chắn của họ.



Không báo trước, toàn bộ khu vực bùng nổ thành cuộc kháng chiến vũ trang. Một nhóm binh lính Hy Lạp không nghi ngờ đang thu thập vật tư đã bất ngờ bị tấn công. Những người không bị giết đã bị bắt làm tù binh vào những ngọn núi gần đó. Choáng váng và sau

đó tức giận, Alexander dẫn đầu một cuộc tấn công trả đũa chống lại quân nổi dậy, quân số của họ nhanh chóng tăng lên đến hai mươi nghìn. Trong cuộc giao tranh đầu tiên, nhà vua đã dính một mũi tên xuyên qua chân khiến mảnh xương vỡ vụn. Anh đã không bị thương kể từ khi rời bờ biển Địa Trung Hải, và người của anh đã phản ứng gay gắt trước cảnh tượng đó. Họ xông vào đồn địch, giết chết hầu hết quân trú phòng.

Cuộc nổi dậy lan nhanh đến Cyropolis và các thị trấn lân cận, nơi cư dân của họ đã sát hại các đơn vị đồn trú của Alexander và đóng cổng thành phố. Alexander phái một trong những tướng giỏi nhất của mình, Craterus, để bao vây Cyropolis. Trong khi đó, mặc dù bị thương, nhà vua bắt đầu một cuộc tấn công có hệ thống chống lại từng thị trấn trong số sáu thị trấn xa xôi. Khi từng nơi sụp đổ, những đám cháy lớn và những làn khói bốc lên thông báo cho những nơi tiếp theo rằng Alexander sẽ đến. Không thương tiếc, những người Hy Lạp

và Macedonia giận dữ đã tàn sát những người đàn ông và đưa phụ nữ xuống làm nô lệ. Tiếp đến, người Sogdian cũng phản bội, tuân theo các cam kết và dụ những kẻ xâm lược vào cuộc phục kích dưới lá cờ đình chiến. Quay trở lại Cyropolis, Alexander đã bắt đầu cuộc bao vây với Craterus. Nhà vua nhận thấy một dòng suối chạy dưới các bức tường của nó, dẫn nước vào bên trong qua một số kênh. Với một lực lượng biệt kích nhỏ, Alexander đích thân luồn qua các đường ống dẫn và tiến vào thành phố. Anh và người của mình đã phá được một cánh cổng và đưa thêm đồng đội vào. Nhiều người trong số mười lăm nghìn quân trú phòng của Cyropolis đã bị giết.

Trên khắp vùng đất, hàng chục nghìn người đã chết và vô số người khác bị thương hoặc bị bắt. Các cuộc giao tranh ác liệt, cận chiến không chừa một ai; thậm chí Alexander còn bị một chấn thương nặng khác. Nhà vua bất tỉnh khi bị một hòn đá lớn đập vào đầu và cổ. Trong nhiều ngày, thị lực của anh mờ đi và hầu như

không thể nói được. Vết thương cứ đóng vảy, kéo dài quá trình hồi phục đau đớn của anh. Vết thương này, có lẽ là trường hợp mù vỏ não thoáng qua được báo cáo đầu tiên, kết hợp với vết thương ở chân khiến Alexander không thể đi lại, cưỡi ngựa, nhìn rõ hoặc nói rõ ràng. Anh đã có tình trạng tồi tệ vào một thời điểm tồi tệ, vì tin tức trở nên tồi tệ hơn theo giờ.

Quân đội của Alexander có thể đã sốc khi họ tính toán thiệt hại của mình. Gần như chỉ sau một đêm, những gì tưởng như một cuộc xâm lược thành công đã trở thành một đống đổ nát. Người Macedonia đã không chuẩn bị cho hậu quả của hành động, và họ nhận ra quá muộn rằng cuộc giao tranh đã kéo dài suốt dọc đường liên lạc của họ tới Bactria. Đường bộ đã trở thành một cuộc hành quân tử thần.

Alexander hẳn đã cảm thấy mình bị mắc kẹt và bị cắt đứt với thế giới bên ngoài khi bị bao vây tại Jaxartes, anh biết nơi đồn trú khổng lồ của mình tại Maracanda cũng đang bị tấn công nghiêm trọng. Thêm sự xúc phạm cho

vết thương của Alexander, Spitamenes và các cộng sự - những kẻ bắt giữ Bessus - đã cầm vũ khí và đưa kỵ binh Bactria trở lại cuộc chiến. Không một lãnh chúa nổi dậy nào, được người Hy Lạp gọi là hyparchs (chỉ huy), tự xưng là vua. Họ cai trị, theo nghĩa thô thiển, không hơn những địa phương biệt lập. Một số kiểm soát một thung lũng, những người khác là một pháo đài trên núi hoặc một chuỗi các ngôi làng. Khi không tham gia cuộc nổi dậy, họ thường phục vụ với tư cách là các hoàng tử hoặc tù trưởng địa phương, thu tiền từ người dân và đóng thuế cho satrap Bactria, những người thừa hành cho Đại vương. Họ chỉ huy lực lượng dự phòng của mình trong chiến tranh. Sự sắp xếp lỏng lẻo này đã mang lại cho họ rất nhiều quyền tự chủ và duy trì ý thức mạnh mẽ của chủ nghĩa địa phương rất tự nhiên ở những nơi như Afghanistan. Lòng trung thành dễ dàng đối với nhà nước và những người đại diện của nó có thể biến mất trong nháy mắt một khi lợi ích dường như bị đe dọa. Khi những “chỉ huy” như vậy (một mô hình vẫn còn phổ

biến trong các lãnh chúa Afghanistan ngày nay) từ chối lời thề của họ với một vị vua hoặc nhà nước, đôi khi họ có thể cùng nhau chống lại kẻ thù chung hoặc chia tay và chiến đấu một mình cùng những người đi theo và họ hàng của họ. Tại thời điểm đó, chúng ta biết một vài trong số những kẻ mạnh nhất: Ariamazes, Austanes, Orsodates, Catanes, Dataphernes, Itanes, Oxyartes, Sisimithres và Spitamenes.

Những người đàn ông này gợi nhớ đến các lãnh chúa gia tộc phổ biến trong lịch sử Afghanistan hiện đại. Những kẻ khủng bố có vẻ là một thuật ngữ quá mạnh đối với họ, nhưng từ này thực sự áp dụng theo nhiều cách. Họ hoạt động đơn lẻ hoặc tập thể như những điệp viên nước ngoài có ý định phá hoại một chính phủ đã thành lập thông qua bạo lực và đe dọa, thường nhắm vào dân thường cũng như binh lính và quan chức một cách bừa bãi. Như các nhà bình luận hiện đại chỉ ra, tất cả các loại nhóm có thể rơi vào loại này, một số

bị phỉ báng và những người khác được công khai ngưỡng mộ: al-Qaeda. Đối với quân đội của Alexander, những lãnh chúa Bactria và Sogdian đã trở thành những kẻ khủng bố thực sự, và Spitamenes là kẻ tồi tệ nhất trong số đó; nhưng với những người dân bản xứ, Alexander và các tướng lĩnh của anh mới là kẻ thù thực sự. Không có cuộc thảo luận nào về bất cứ điều gì như Công ước Geneva, không có lời xin lỗi về việc lạm dụng tù nhân, không có sự giám sát công khai đối với các hành động hoặc chi tiêu quân sự. Ở tất cả các phía, sự tàn bạo được trả lời bằng sự tàn bạo trong sự tàn khốc của chiến tranh và hậu quả.

Các cuộc chiến tranh vào thế kỷ thứ tư trước công nguyên tập trung nỗi kinh hoàng vào một không gian hẹp gồm những lưỡi dao chém, trục xuyên và những chấn thương nặng. Hiếm có ai có thể giết kẻ thù mà không nhìn chằm chằm vào mắt hắn; mọi thứ trở nên cá nhân và tuyệt vọng trong làn mưa máu của nạn nhân và tiếng thở hổn hển của anh ta. Nếu

hầu hết binh lính thực sự sợ lưỡi lê hơn viên đạn, thì chiến tranh cổ đại nổi bật với những cuộc tàn sát tầm gần điên cuồng bằng vũ khí thô sơ. Bactria và các đồng minh Scythia sử dụng đá, cung tên, chiến mã, giáo và kiếm. Một số cung là loại hợp chất mạnh mẽ; mũi tên thường có đầu nhọn bằng đồng, ba cạnh. Các kỵ sĩ người Scythia đã phát triển một thiết bị mang theo tiện dụng được gọi là gory-tus, kết hợp giữa hộp đựng cung và máy lắc. Họ cũng đã thử nghiệm với loại kỵ binh bọc thép sau này nổi tiếng trong thời Trung cổ. Những ngọn giáo có độ dài khác nhau được sử dụng làm vũ khí đâm hoặc lao. Người Bactria mang một thanh kiếm ngắn treo ở hông bên phải và buộc vào chân. Họ mặc một chiếc áo nịt ngực dài đến thắt lưng làm bằng da dày được gia cố bằng kim loại. Váy có dải da bảo vệ háng và đùi. Một số chiến binh Bactria đội mũ bảo vệ, trong khi những người khác thích đội mũ trùm đầu nhẹ hơn.

Về phần mình, lực lượng vũ trang của Alexander bao gồm một loạt các đơn vị chiến thuật hoạt động theo một cơ cấu chỉ huy phức tạp, tiên tiến nhất trong thời đại đó, phần lớn nhờ vào những đổi mới do Philip II bắt đầu. Ban đầu, kỵ binh tạo thành cánh tay tinh nhuệ, đặc biệt là Kỵ binh Đồng hành (Hetairoi) của nhà vua. Thuật ngữ Đồng hành nêu bật mối liên hệ chặt chẽ với vị vua - ban tặng cho địa vị và đặc quyền.



Aleksander Wielki

Hetajrowie

Ilustracja przedstawia żołnierza z oddziału hetajrów konnych Aleksandra tak, jak mógł on wyglądać podczas bitwy. Za czasów Filipa II i Aleksandra Wielkiego jeźdźcy odgrywali ważną rolę na polu bitwy. Dotychczas, w V w. p.n.e., ich rola ograniczała się do wstępnych utarczek lub walki w roli konnych łuczników. Aleksander osobiście dowodził jednym szwadronem (*ile*) hetajrów (*hetairoi*). Analiza jego sposobu walki prowadzi do wniosku, że macedońska jazda pełniła rolę oddziałów szturmowych. Uzbrojenie hetajrów było ciężkie i służyło do zadawania ciosów. Zdyscyplinowane manewry i szybkość wpływały na ich wielką skuteczność w walce. Ponadto Aleksander posługiwał się także oddziałami lekkozbrojnymi (*prodromoi*), które były uzbrojone w długie włócznie.

Postać na rys. czarno-białym ma hełm beocki, rozpowszechniony wśród jazdy, gdyż nie ograniczał pola widzenia, gorset z brązu i *pteruges*, przypasane nagolenniki (których nie zawsze używano), odkryte sandały i prosty miecz (choć zakrzywiony *kopis* był również popularny). Rys. pokazuje hetajra podczas marszu, z własnym bagażem, bez nagolenników, w trackim hełmie na głowie. Nie używano jeszcze ani siodła, ani strzemion.

Formacja jazdy

Powyższe schematy ukazują formacje stosowane przez jazdę. Typowa formacja grecka to czworobok: 16 jeźdźców wszerz na 8 jeźdźców w głąb (obszar zajmowany przez jeźdźca i konia wynosił 1,2 m wszerz oraz 3,4 m w głąb). Lekka jazda przyjmowała szyk jeszcze bardziej otwarty.

Typowa formacja scytyjska, przejęta przez Traków i Macedończyków, to klin. Natomiast tesalska formacja w kształcie rombu pozwalała na nagłe zmiany kierunku jazdy. W armii Aleksandra 4 *ilai*, liczące po 200 jezdnych każda, tworzyły *hipparchia*.

p.n.e.

82

Để tránh giảm bớt lực lượng bộ binh, người Macedonia đã khôn ngoan mở rộng danh hiệu cho một lữ đoàn đặc biệt gọi là Bộ binh Đồng hành (Pezhetairoi); khi cái tên này sau đó được cấp cho bộ binh Macedonia nói chung, những Người Bộ binh đồng hành trước đây được chỉ định là Người mang khiên (Hypaspists) và sau đó là Người mang Khiên bạc (Argyraspids).



Bộ binh Đồng hành (Pezhetairoi)



Người mang khiên (Hypaspists)



Người mang Khiên bạc (Argyraspids)

Những người mang Khiên được tuyển chọn và đào tạo cẩn thận, cơ động và linh hoạt hơn trong trận chiến so với sáu (sau này là bảy) lữ đoàn Bộ binh Đồng hành của nhà vua, vì vậy họ thực hiện nhiệm vụ quan trọng là liên kết các phần tử nhanh nhất (Kỵ binh Đồng hành) và chậm nhất (Bộ binh Đồng hành) của quân đội Macedonia. Họ cũng hành động như những người lính biệt kích trong những tình huống đặc biệt, chẳng hạn như các chiến dịch trên núi gian khổ ở Afghanistan.

Hầu hết lính bộ binh Macedonia đều mặc áo giáp, bao gồm cả mũ bảo hiểm và cuirasses. Vũ khí quốc gia của họ là sarissa, một ngọn giáo dài tới 18 feet và nặng khoảng 14 pound. Lưỡi dao đe dọa của nó đã được cân bằng bởi một mũi nhọn, có thể tự xoay và sử dụng nếu trục của sarissa bị hỏng. Đông đảo với đội hình chính xác, những người đàn ông mang những chiếc áo dài sarissa tiến sâu vào hàng ngũ của kẻ thù.

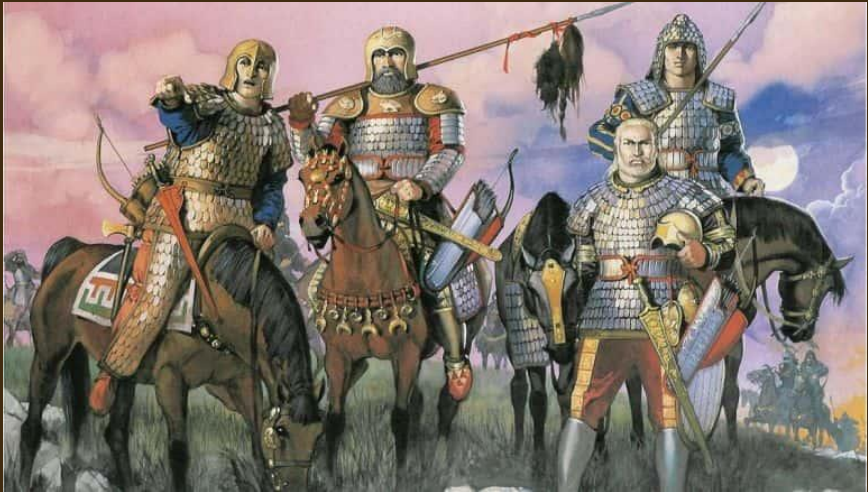
Các kỵ binh của Alexander chiến đấu bằng kiếm và sarissas. Vì lúc đó chưa biết đến cái kiềng, nên những người kỵ binh phải cẩn thận để không bị rớt khỏi ngựa trong khi chém hoặc đâm.



cái kiềng để chân khi cưỡi ngựa

Các lực lượng gắn kết của nhà vua đã trải qua sự thay đổi để ứng phó với chiến dịch Bactria. Các đội cũ (ilae) gồm hai trăm kỵ sĩ được tổ chức thành các tiểu đoàn lớn hơn. Các đơn vị này phục vụ tốt hơn cho các đội hùng mạnh do nhà vua cử đi săn lùng quân nổi dậy, và họ có cơ hội tốt hơn để chống lại các cuộc tấn công

của các kỵ binh hạng nhất của Bactria và Scythia. Tổng chỉ huy kỵ binh, từng được giao cho một người duy nhất, phải được phân chia vì lý do an ninh sau khi Philotas bị hành quyết.



kỵ binh hạng nhất của Scythia

Alexander cũng triển khai một số lượng lớn quân đội đồng minh và lính đánh thuê. Thiếu quân tiếp viện của Macedonia, nhà vua ngày càng phụ thuộc vào việc sử dụng lính đánh thuê Hy Lạp khi ở Bactria. Hơn nữa, để duy trì nguồn nhân lực Macedonia đang ngày càng cạn kiệt, Alexander đã chọn ra từ những người lính đánh thuê bị bỏ lại làm lực lượng đồn trú. Điều này gây ra sự phẫn nộ trong những người

Hy Lạp buộc phải ở lại Bactria và dẫn đến một số bất đồng trong hàng ngũ. Một nguồn xích mích khác là quyết định của nhà vua trước khi rời Bactria là bổ sung vào lực lượng vũ trang của mình với những tân binh bản địa. Quân đội của anh từ đó pha trộn ba yếu tố bất ổn, nhưng những yêu cầu khắc nghiệt của cuộc chiến Bactria khiến Alexander không còn lựa chọn nào khác. Anh phải chấp nhận rủi ro hoặc rút lui khỏi khu vực.

SÓNG XUNG KÍCH

Để đối phó với cuộc khủng hoảng nổ ra sau lưng mình, Alexander đã cử một đội quân lớn gồm bộ binh và kỵ binh đến cứu Maracanda khỏi Spitamenes. Việc nhà vua đặt một thông dịch viên thay vì một vị tướng phụ trách tổng thể nhiệm vụ này cho thấy một tính toán sai lầm: anh tin có thể thuyết phục phiến quân Bactria hạ vũ khí. Trong khi đó, bản thân Alexander lại tham dự vào vấn đề nghiêm trọng hơn, hoặc có vẻ như vậy, xây dựng Alexandria Eschate và đánh bại những người

Scythia thù địch đang đe dọa người của anh từ bờ đối diện của Jaxartes. Những người du mục này coi pháo đài mới như một lưỡi dao trên cổ, và họ tham gia cùng với những người Bactria và Sogdian, những người đã đứng lên chống lại nó. Trong khi quân Macedonia dựng tường nhanh nhất có thể, người Scythia đã bắn tên về phía họ và chế nhạo Alexander. Tất nhiên, nhà vua đã cố gắng giữ bình tĩnh đủ lâu để chữa bệnh và củng cố thành phố. Sau vài tuần, anh vẫn gặp khó khăn khi thuyết phục những người bạn thân nhất rằng anh đủ sức khỏe để chiến đấu. Những điềm báo về trận chiến cũng không thuận lợi. Tuy nhiên, nhà vua không thể khuyên can.

Để vượt qua sông Jaxartes dưới làn đạn của kẻ thù, Alexander không thể chỉ dựa vào phương pháp mà anh đã sử dụng tại Oxus. Anh không có năm ngày để di chuyển quân đội của mình trên những chiếc phao cá nhân; ngoài ra, một hoạt động như vậy sẽ khiến những người của anh phải hứng chịu những mũi tên Scythia có

sức tàn phá khủng khiếp. Nhà vua cần một hệ thống phức tạp hơn để bảo vệ các phao cá nhân với một đội bè lớn. Cả hai thiết bị đều được làm từ da bọc ngoài, những chiếc bè kết hợp một số phao gắn liền với nhau trên đó có thể tạo ra một cái bè lớn chắc chắn. Những chiếc bè cần thủy thủ đoàn để điều khiển, nhưng chúng cũng có khả năng mang theo đội quân lớn và thậm chí một số ngựa.

Kẻ thù của anh đang chuẩn bị cho một cuộc chiến, và Alexander sử dụng máy phóng tầm xa để đánh lui người Scythia và chuẩn bị một cuộc đổ bộ. Những người du mục sừng sỏ kinh hoàng nhìn một tảng đá xé nát hoàn toàn một đồng đội và tất cả áo giáp của anh ta. Trên những chiếc bè, đội ngũ cung thủ, xe trượt và nhiều máy bắn đá khác tiếp tục tấn công ổn định khi các nhóm bộ binh và kỵ binh đi ngang qua. Tướng J. F. C. Fuller mô tả việc triển khai của Alexander giống như “một dòng xe tăng theo sau là tàu đổ bộ”. Dòng sông chảy xiết một cách đáng ngạc nhiên và tàn phá đội bè,

nhưng một khi hoạt động đã bắt đầu thì không thể quay đầu lại. Người Scythia phải lui lại khi Alexander thiết lập một vành đai vững chắc xung quanh khu vực đổ bộ của mình. Hồi phục, những người du mục thử theo cách cổ điển của họ là tấn công theo chuyển động tròn. Các cung thủ trên lưng ngựa quay vòng quanh sườn quân Hy Lạp và Macedonia, bắn và sau đó rút lui khỏi tầm bắn. Alexander đã giải quyết vấn đề bằng một cách điều động thông minh của riêng mình, ném vào con đường của kẻ thù một lực lượng hỗn hợp gồm kỵ binh và bộ binh hạng nhẹ. Điều này đã phá vỡ cuộc tấn công của người Scythia và làm kinh ngạc các thủ lĩnh của họ, những người rút lui trong thất vọng. Quân Macedonia theo đuổi họ hàng dặm vào sa mạc trước khi ngừng lại để giải cơn khát từ suối nước lợ gần đó. Hân hoan, họ quay trở lại Alexandria Eschate. Tuy nhiên, nhiều người bị bệnh kiết lỵ, vì nước họ uống có mùi hôi.



Alexander phải đối mặt với một trong những cú sốc lớn nhất trong cuộc đời mình. 2.360 binh lính mà anh cử đến Maracanda đã sa vào một cuộc phục kích và nhiều người trong số đó đã không sống sót. Qua câu chuyện của họ, Alexander đã cố gắng trấn an quân đội của mình, cho thấy người Macedonia đã thiếu chuẩn bị như thế nào - dành cho loại chiến tranh này. Các chỉ huy của lực lượng viễn chinh, không ai trong số họ trở về, bao gồm thông dịch viên người Ba Tư Pharnuches và ba tướng: Andromachus, Menedemus và Caranus. Họ đến Maracanda, mong đợi Pharnuches đàm phán với Spitamenes, nhưng lãnh chúa Bactria đã rút lui về phía tây dọc theo sông Polytimetus (Zerafshan hiện đại). Quá thông minh để bị kìm kẹp, Spitamenes đã chứng tỏ mình là một bậc thầy về chiến tranh du kích. Ông ta đã tìm cách hợp lực với sáu trăm kỵ binh Scythia theo kiểu liên minh mà Alexander muốn ngăn chặn. Những quân tiếp viện này đã truyền cảm hứng cho Spitamenes đặt một cái bẫy cho quân Macedonia đang

hừng hực khí thế. Ông ta dụ họ đi về phía sa mạc và sau đó sử dụng kỵ binh cao cấp của mình liên tục tấn công kẻ thù và rút lui khỏi tầm bắn, giống như người Scythia đã làm với Alexander tại Jaxartes. Thật không may, nhà vua đã không có mặt để chống lại cuộc tấn công. Các tướng của anh đã gặp khó khăn.

Trò chơi mèo vờn chuột này tiếp tục cho đến khi những người Macedonia, bị cắt thành nhiều mảnh, cố gắng rút lui đến một số khu rừng gần Polytimetus. Thêm vào sự hoảng loạn, sự bất hòa nảy sinh giữa các chỉ huy. Về mặt kỹ thuật, Pharnuches có thể phụ trách theo lệnh ban đầu của Alexander, khi nhiệm vụ dường như tập trung vào các cuộc đàm phán, nhưng tình hình đã thay đổi hoàn toàn. Nó đã trở thành một vấn đề quân sự, một vấn đề tuyệt vọng mà các tướng lĩnh Macedonia không thể giải quyết; Ban lãnh đạo sụp đổ, khiến mỗi người phải tranh giành sự sống cho mình. Một số quân liều lĩnh bơi đến một hòn đảo nhỏ trên sông để bị bao vây và bắn hạ.

Spitamenes đã giết tất cả những người bị bắt. Những người Hy Lạp và Macedonia đã tìm cách trốn thoát theo các hướng khác nhau mang theo tin tức về thất bại, điều tồi tệ nhất trong triều đại của Alexander. Các tướng đều đã chết, và binh kính trốn thoát đưa ra những lời tường thuật lẫn lộn và mâu thuẫn cho vị vua đang kinh ngạc của họ.

Alexander phản ứng với cuộc hành quân nhanh nhất trong cuộc đời mình, bao gồm 180 dặm đến Maracanda chỉ trong vòng ba ngày. Spitamenes trong khi đó đã tấn công Maracanda một lần nữa, nhưng ông ta nhanh chóng rút lui trước sự tiếp cận của Alexander. Cuộc truy đuổi của nhà vua đã đưa quân đội của anh vượt qua chiến trường ma quái và ra rìa sa mạc. Tuy nhiên, Spitamenes đã dẫn trước quá xa, vì vậy Alexander đã để ông ta đi. Quay trở lại, nhà vua chôn cất những người đồng đội đã chết dưới một gò đất lớn và đưa ra một mệnh lệnh thâm độc: quét qua thung lũng Polytimetus, chiếm giữ mọi pháo đài và

làng mạc, phá hủy chúng một cách có hệ thống, đốt tất cả mùa màng và giết bất cứ ai có thể đồng cảm với Spitamenes. Những biện pháp đàn áp này chỉ làm tăng thêm sự phẫn nộ, xác nhận cho người Bactria và người Sogdia rằng họ đã đúng khi chống lại những kẻ xâm lược ngay từ đầu. Phần lớn Sogdiana nằm trong đống đổ nát, toàn bộ thị trấn và làng mạc đã bị xóa sổ, số người chết tăng lên, và cuộc khủng hoảng người tị nạn hẳn là rất lớn. Một số học giả ước tính 120.000 người Bactria đã bị giết.

Trong cái gọi là sương mù của chiến tranh, người của Alexander đâm, chém, đốt đuốc và bắn phá điên cuồng. Không nghi ngờ gì nữa, những người vô tội đã bỏ mạng khi sử dụng nhiều hỏa lực, giống như các máy bay chiến đấu của Mỹ đã vô tình ném bom vào các đồng minh Afghanistan, các đối tác liên minh và thậm chí một số tiệc cưới. Những sự kiện như vậy gây ra một hậu quả nặng nề không chỉ cho người dân bản địa mà còn cho những người

lính không may mắn có mệnh lệnh đặt họ vào những hoàn cảnh bất thắng này. Cố gắng kiềm chế sức mạnh của các lãnh chúa và ngăn chặn liên minh của họ với người Scythia, Alexander đã không ngừng tăng cường (với một cái giá đắt) chính tai họa mà anh muốn tránh. Kết quả là một chu kỳ và quy mô bạo lực ngày càng leo thang. Điều này cũng xảy ra vào thế kỷ 19, khi một thiếu tướng người Anh giết mọi người đàn ông, phụ nữ và trẻ em trong làng Killah-Chuk để trả thù cho một đội quân của ông ta. Trong suốt những năm 1980, học thuyết quân sự của Liên Xô đã phê chuẩn các cuộc tấn công tàn khốc nhằm vào các vùng nông thôn của Afghanistan, điều này cũng gợi nhớ đến những hành động của Alexander. Ví dụ, bất cứ khi nào mujahideen[người tham gia thánh chiến] phục kích một đoàn xe, lực lượng Liên Xô ngay lập tức ném bom tất cả các ngôi làng xung quanh như sự trả đũa. Họ phá hủy mùa màng và chặt cây. Các cuộc tấn công mặt đất vào các khu định cư gần nơi ẩn náu của phiến quân bị nghi ngờ thường được thiết kế

để không còn người sống sót; đôi khi binh lính hoạt động theo lệnh để tàn sát ngay cả gia súc, ngựa, chó và mèo.



Khi mùa đông đang đến rất nhanh, nhà vua để lại ba nghìn bộ binh canh gác ở Sogdiana trong khi lê phần lớn quân đội của mình trở lại Bactra. Các khoản dự trữ được để ở đó, và Alexander đã sắp xếp để gặp các sứ giả và quân tiếp viện trong những tuần nhàn rỗi. Alexander cũng triệu tập đại hội đồng chứng kiến cảnh Bessus bị cắt xẻo. Nhà vua chắc hẳn đã cảm thấy hài lòng với những thủ tục này, tuy kỳ cục, nhưng anh biết một kẻ thù nguy hiểm hơn rất nhiều đã được hiện thực hóa. Spitamenes tỏ ra là một nhà lãnh đạo xảo quyệt và lôi cuốn nhất. Không giống như Bessus, ông ta kết hợp chiến lược tiêu hao với các cuộc tấn công du kích đúng lúc. Spitamenes đã không ngần ngại thực hiện cuộc tấn công, như tại Maracanda, nơi mối đe

dọa của ông ta đối với đường tiếp tế quan trọng của Alexander cho thấy sự thông minh nhạy bén. Chỉ thị của Alexander về việc đốt cháy Thung lũng Polytimetus vào đêm trước mùa đông có thể đã được hoàn vốn về mặt hậu cần. Kể từ thời điểm đó, cả hai người đàn ông thăm dò nhau nhiều hơn là đối đầu trực diện.

Sau những thất bại cay đắng ở Sogdiana, sự xuất hiện của hai mươi hai nghìn binh sĩ Hy Lạp mới (tương đương với hai sư đoàn) đã tạo ra một động lực đáng mừng cho nhân lực trong khu vực. Không nghi ngờ gì nữa, Alexander ban đầu đã triệu tập những người này, tất cả là lính đánh thuê Hy Lạp, để củng cố cuộc xâm lược Ấn Độ theo kế hoạch của anh; Không thể đoán trước được, cuộc khủng hoảng ở Bactria đã thúc ép những lực lượng này vào một vai trò khác mà họ không được chuẩn bị. Khi họ hòa nhập với các cựu binh của nhà vua ở Bactria, việc trao đổi tin tức đã liên kết một bên của đế chế Alexander với bên kia. Từ quê hương Hy Lạp, những người lính đánh

thuê này đã đưa tin về một tình huống nghiêm trọng. Tập hợp xung quanh Sparta, một phong trào chống người Macedonia đã cố gắng giải phóng các thành bang khỏi ách thống trị độc đoán của Alexander và Antipater, nhiếp chính của anh ở miền bắc Hy Lạp. Cảm xúc đã tăng cao ngay từ đầu, khi người Macedonia lần đầu tiên bắt nạt đối tác – từng là đồng minh của họ - tuy chỉ là miễn cưỡng, để lật đổ Darius. Ví dụ, ở Athens, các nhà hùng biện đã tấn công nhau vì không phục các chính sách của Alexander hoặc ngược lại, vì gây nguy hiểm cho phúc lợi của thành phố bằng cách chống lại vị vua quyền lực. Khi Alexander hành quân ngày càng xa Hy Lạp, nhiệm vụ của Antipater là giữ cho sự bất đồng này trong tầm kiểm soát trong khi bảo vệ sự kìm kẹp của Macedonia đối với Balkan. Để đạt được mục tiêu đó, ông đã tăng cường một đội quân bốn vạn người và đánh về phía nam. Gần Megalopolis, Antipater đã đánh bại cuộc nổi dậy của người Hy Lạp. Các con tin bị bắt và bị đưa về phía đông để đối

mặt với sự phán xét của Alexander. Các cuộc nổi dậy tại Hy Lạp chống người Macedonia, vào lúc này, đã thất bại.

Các con tin đến Bactra cùng với 22 vạn lính đánh thuê Hy Lạp. Do đó, binh đoàn lớn này đã biết “trực tiếp về những rắc rối ở Hy Lạp”, và chắc chắn những người đàn ông ở hai phe của cuộc xung đột đó đã được đánh số trong những người lính mới. Trên thực tế, tám nghìn người Hy Lạp do chính Antipater cử đến có thể là lính đánh thuê của phe thua cuộc, những người quá nguy hiểm để lại thất nghiệp ở quê hương. Không nghi ngờ gì nữa, nhà vua đã sử dụng họ để chinh phục Ấn Độ. Hóa ra, Alexander bây giờ phải quản lý những kẻ gây rối tiềm năng - họ sẽ giúp chinh phục, và sau đó là đồn trú, các vùng hoang dã của Bactria và Sogdiana.

Có lẽ vì khuynh hướng phẫn nộ với chính quyền của Alexander, nhiều lính đánh thuê mới chắc chắn là những người không hài lòng khi cắm trại ở Trung Á. Sau khi kể những câu

chuyện của họ về công việc ở Hy Lạp, họ lần lượt lắng nghe những lời kể gây sốc từ những người sống sót sau cuộc nổi dậy của người Sogdian. Họ biết được chính thành phố mà họ bị tấn công có một thứ gọi là chó Devourer. Họ chắc chắn rùng mình khi nghe tin về vụ thảm sát Branchidae. Nhiều người có thể đã chứng kiến cảnh hành quyết Bessus công khai, chỉ để tự hỏi liệu Spitamenes sẽ thế nào. Họ sẽ sớm biết. Đến lượt họ giải quyết các phần tử nổi dậy của Afghanistan, và họ chắc chắn hy vọng sẽ có kết quả tốt hơn hàng ngàn người đàn ông đã chết chỉ vài tuần trước đó.

Ngày nay, chúng ta thấy mình có một vị trí để đánh giá cao cuộc đấu tranh ở Bactria cổ đại tuyệt vọng như thế nào. Về phần mình, Alexander cảm thấy hoàn toàn cam kết với nhiệm vụ khó khăn là trấn áp các lãnh chúa trong vùng. Những tính toán sai lầm của anh khi bắt đầu sứ mệnh không thể ngăn cản anh thực hiện nhiệm vụ của mình, như anh đã thấy, đó là bảo vệ thế giới văn minh. Anh không

ngần ngại mang theo đầy đủ kho vũ khí theo ý mình để đập tan bất cứ kẻ nào phản đối. Anh không nhận ra sự trung lập của ai cả. Tất nhiên, với sự nhiệt tình của mình, anh đôi khi khiến vấn đề trở nên tồi tệ hơn ở cả tiền tuyến và hậu phương. Không dễ dàng gì để cùng nhau tổ chức một liên minh thiếu tầm nhìn thống nhất về thế giới sau khi Ba Tư sụp đổ. Liên đoàn Corinth rõ ràng không có liên quan đến các vấn đề của Afghanistan xa xôi, và nhiều quốc gia lo lắng cuộc chiến này chỉ khiến Alexander trở nên kiêu ngạo và liều lĩnh hơn, và anh thậm chí không quan tâm đến ảnh hưởng đang suy yếu của liên minh.

Đối với những người lính phục vụ trong quân đội quốc gia của Alexander, cảm giác tuyệt vọng ngày càng tăng. Chiến dịch dường như đã kết thúc ở Persepolis, và sau đó một lần nữa với việc đánh đuổi Bessus. Tuy nhiên, cuộc giao tranh vẫn tiếp tục diễn ra - không còn là trong những trận chiến lớn, mà là trong các cuộc phục kích và tập kích có số lượng

thương vong vượt xa cả cuộc chiến toàn lực chống lại Darius. Xa quê hương ở một vùng đất khiến họ hoang mang, những đội quân này phải đối mặt với một tương lai dài không chắc chắn, hoàn toàn khác với chuyến đi làm nhiệm vụ mà họ đã dự đoán trước. Các cựu binh đã không gặp gia đình trong nhiều năm, và họ không có thiện cảm với những tân binh, những người đã không giúp được gì trong cuộc chiến cho đến nay nhưng đã gây nguy hiểm cho mọi thứ bằng cuộc nổi dậy chống người Macedonia ở quê hương Hy Lạp. Sự căng thẳng trong hàng ngũ quân đội đã sớm bùng phát.

Các dân tộc bản địa của Bactria, Sogdiana và Scythia cũng phải chịu đựng một cách khủng khiếp. Các cuộc chiến tranh được tiến hành một cách hăng hái hơn chống lại những kẻ thù được coi là lạc hậu, tàn bạo và không thể cứu vãn được nữa, ngoại trừ bằng cách ép buộc cải thiện hoặc chết. Thật không may, lời khuyên mà Aristotle đưa ra cho Alexander trước cuộc chiến dường như phản ánh suy nghĩ chung của

thời đó: “Hãy đối phó với người Hy Lạp với tư cách là thủ lĩnh của họ, và với những kẻ man rợ như là chủ nhân của họ. Hãy chăm sóc người trước như bạn bè và bà con, trong khi đối xử với người sau như bạn đối với thực vật hoặc động vật”. Nhà đạo đức học người Hy Lạp và nhà viết tiểu sử Plutarch sau này đã đi xa đến mức tuyên bố, “Những người bị Alexander đánh bại còn hạnh phúc hơn những người không bị đánh bại, vì những người sau này không có ai kết thúc cuộc sống đau khổ của họ, trong khi Alexander buộc những người thua cuộc sống hạnh phúc”. Như rất nhiều quốc gia đế quốc khác đã làm trong nhiều thiên niên kỷ, người Hy Lạp đã khử nhân tính các nạn nhân trong các cuộc xâm lược của họ: người bản xứ cần chinh phục vì bản chất họ là những người thấp kém hơn. Một sử gia hiện đại đã lặp lại câu nói cổ xưa này khi ông viết rằng các dân tộc bại trận của Đế quốc Ba Tư, “bất kể khả năng tiềm ẩn của họ, thường không phải là trí thức vào thời điểm đó, có năng lượng chính trị hoặc xã hội của người Hy

Lạp". Ngày nay, một số chuyên gia đã khoe khoang rằng Hoa Kỳ ném bom Afghanistan để giúp nó tiến về phía trước chứ không phải quay lại thời kỳ đồ đá.

Tất nhiên, những người bị xâm lược có thể sẽ có một quan điểm khác về vấn đề này. Trên thực tế, các cuộc khám phá khảo cổ học hiện đã xóa tan nhiều nhận xét sai lệch về Bactria của các nhà văn Hy Lạp cổ đại. Chúng tôi thấy bằng chứng về các thành phố phát triển được hỗ trợ bởi các hệ thống tưới tiêu phức tạp, điều hoàn toàn bị bỏ qua trong các nguồn cổ đại. Chúng tôi tìm thấy nghệ thuật cao và mạng lưới thương mại rộng lớn. Thật vậy, Bactria đã từng là trung tâm văn minh từ rất lâu trước khi các thành phố Hy Lạp trỗi dậy, bất chấp hình ảnh man rợ được vẽ bởi những kẻ xâm lược thù địch. Chúng ta phải nhớ rằng các nguồn tài liệu cung cấp một bức tranh không đầy đủ về một khu vực đang bị tấn công.

Chính quan niệm rằng một nhóm người Hy Lạp và Macedonia hào phóng đã đạt được

điều gì đó cao quý bằng cách nghiền nát Ba Tư sẽ có vẻ lố bịch đối với kẻ thù của Alexander ở Bactria. Việc bảo vệ gia đình và tài sản của họ đã kêu gọi nhiều người hy sinh trong tuyệt vọng, ngay cả khi đối mặt với lực lượng quân sự áp đảo. Toàn bộ các khu định cư chỉ đơn giản là từ chối cho phép người nước ngoài can thiệp vào công việc địa phương của họ. Bản thân các lãnh chúa, như người Hy Lạp và người Macedonia, rất tự hào về kỹ năng võ thuật, ý thức danh dự và sự độc lập mãnh liệt. Họ đánh trả bằng các chiến thuật du kích lâu đời của khu vực, đôi khi đơn độc và đôi khi trong các liên minh tạm thời. Đương nhiên, những người nổi dậy coi mục đích của họ là chính nghĩa và thường tìm thấy sự giúp đỡ trong số những người dân đang yên ổn bị cuốn vào cuộc đấu tranh. Nhiều cộng đồng nông thôn ngay lập tức cho rằng điều tồi tệ nhất là mỗi khi quân xâm lược ập đến, vì vậy đàn ông, phụ nữ và trẻ em sẽ chạy trốn đến những nơi ẩn náu trên núi hẻo lánh để tránh nguy hiểm. Các gia đình và thị tộc tụ tập lại như những

con thú bị săn bắt trong hang động hoặc rừng rậm, điều này chỉ khiến người ngoại quốc nghĩ rằng dân cư bản địa là những người hoang dã, thô thiển, thiếu văn minh và sống như những tên cướp man rợ. Ngay cả tôn giáo kỳ lạ của họ cũng đánh bật những kẻ xâm lược. Quân đội của Alexander sợ hãi những gì họ không thể hiểu được, và đó là kẻ thù không đội trời chung của họ.

CÁI ĐẦU HYDRA CỦA BACTRIA

LỜI TIÊN TRI

Theo thần thoại Hy Lạp thì Hydra là một con rồng có 7 tới 9 đầu, là con của Echidna và Typhon. Khi chém đứt đầu nó thì từ chỗ bị đứt liền mọc ra hai cái đầu mới. Một trong 12 chiến công của Hercules là tiêu diệt con rồng này.



Vào đầu mùa xuân năm 328 TCN, đội quân kỳ cựu của Alexander và hai mươi hai nghìn quân tiếp viện Hy Lạp bắt tay vào một nỗ lực khác nhằm khuất phục Bactria. Trước nguy cơ lan rộng, nhà vua không thể hy vọng thành công khi sử dụng các chiến lược thông thường. Di chuyển đội quân khổng lồ của mình từ nơi này

sang nơi khác, như anh đã làm để lật đổ Ba Tư, sẽ là một cuộc tập trận không có mục đích ở Trung Á. Không có cung điện của kẻ thù để tấn công và cướp bóc, không có sự tập trung lớn của quân đội thù địch để giao chiến, và không có thủ lĩnh thực sự nào để bắt hoặc giết. Phe đối lập di chuyển và tan biến xung quanh những kẻ xâm lược, thử nghiệm quyết tâm của Alexander trong khi chấp nhận rủi ro đã được đo lường. Điều này đặt ra một thách thức mới cho một siêu cường quân sự phù hợp hơn để giành chiến thắng trong các trận chiến lớn trên con đường chinh phục thế giới. Cái gọi là chiến thuật búa và đe nổi tiếng của người Macedonia không thể sử dụng ở đây, vì kẻ thù không thể bị ghìm chặt vào đe đủ lâu để búa đập xuống.

Alexander phải đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan giống như các chiến thuật gia hiện đại mà những chiếc búa công nghệ cao thường hoạt động không hiệu quả, như trường hợp trong suốt cuộc xâm lược của Liên Xô, nơi

“chiến đấu với người Afghanistan giống như đóng đinh vít vào tường; Cuối cùng chỉ có một bức tường đầy đinh bị bẻ cong”. Vào tháng 12 năm 2001, Tướng Tommy Franks tin rằng người của al-Qaeda đã bị mắc kẹt giữa “một cái búa và một cái đe” tại Tora Bora ở miền đông Afghanistan? Bất chấp một chiến dịch ném bom lớn của Hoa Kỳ, bin Laden và hầu hết các chiến binh của ông ta đã bỏ trốn. Những chiếc búa dẫn đường bằng laser trị giá hàng triệu đô la đã nghiền nát những ngọn núi nhưng không phải kẻ thù. Sau đó ở Thung lũng Shah-i Kot (Chiến dịch Anaconda), một kế hoạch chiến đấu búa và đe táo bạo đã thất bại khi lực lượng không quân Hoa Kỳ vô tình bắn trúng chiếc búa của quân đồng minh. Do đó, lãnh chúa Afghanistan Zia Lodin đã rút quân của mình ra khỏi cuộc chiến, khiến lực lượng đe dọa của Mỹ phải hứng chịu hỏa lực dày đặc từ al-Qaeda. Tổn thất cao, và bài học đã được rút ra về hoạt động chung với lãnh đạo địa phương?

Thiên tài và khả năng thích ứng của Alexander đã khiến anh thử một phản ứng cơ động và lan tỏa hơn đối với quân nổi dậy. Chiến lược này đặt ra trách nhiệm lớn hơn cho quân đoàn sĩ quan của nhà vua và khiến quân đội của anh phải chịu đựng nguy hiểm kéo dài và mất mát? Trải nghiệm này đã thay đổi lịch sử và cả những người đàn ông đã tạo ra nó. Giai đoạn mới này của chiến dịch bắt đầu khi Alexander phân chia lực lượng của mình trong một nỗ lực táo bạo để dập tắt cuộc nổi dậy. Để tuần tra Bactria ở phía nam sông Oxus, nhà vua ra lệnh cho bốn chỉ huy lữ đoàn (Polyperchon, Attalus, Gorgias và Meleager) phối hợp với vùng nông thôn và giữ hòa bình với họ. Bốn người này có thể đã hoạt động dưới sự giám sát của Craterus, một thống chế cao cấp lãnh đạo phía tây Bactra. Bản thân Alexander dẫn đầu phần còn lại của quân đội trở lại Sogdiana. Đã rút ra kinh nghiệm, nhà vua lần này băng qua sa mạc mà không gặp sự cố nào và để tránh vấn đề đã gặp trước đó, đã ra lệnh cho người của mình đào giếng gần sông Oxus để

tìm nước sạch. Con sông ở đây nổi tiếng là nặng trĩu phù sa, và những kẻ xâm lược cảnh giác vì không thể chắc chắn những người bản địa thù địch và đàn gia súc của họ đã không đầu độc hay làm ô nhiễm nó. Những giếng mới đã mang lại cho Alexander và các lực lượng của anh phương tiện chắc chắn duy nhất để tìm nước an toàn.



Sau khi vượt qua Oxus, nhà vua chia quân thành năm, mỗi phần cho mỗi thung lũng chính trải dài về phía bắc từ Oxus giữa các ngón tay nhô ra của Dãy núi Pamir. Những người bản xứ đã từ bỏ thị trấn và làng mạc của họ xuống các thung lũng để tìm nơi ẩn náu ở những ngọn núi xung quanh. Để đánh mạnh và nhanh, một cuộc tấn công phối hợp lan ra bên ngoài. Người bạn thân của nhà vua là Hephaestion đã dẫn đầu cuộc càn quét thung lũng sông Panj; Ptolemy đã dọn sạch Vakhsh, Perdiccas với Kafirngan, và Coenus với

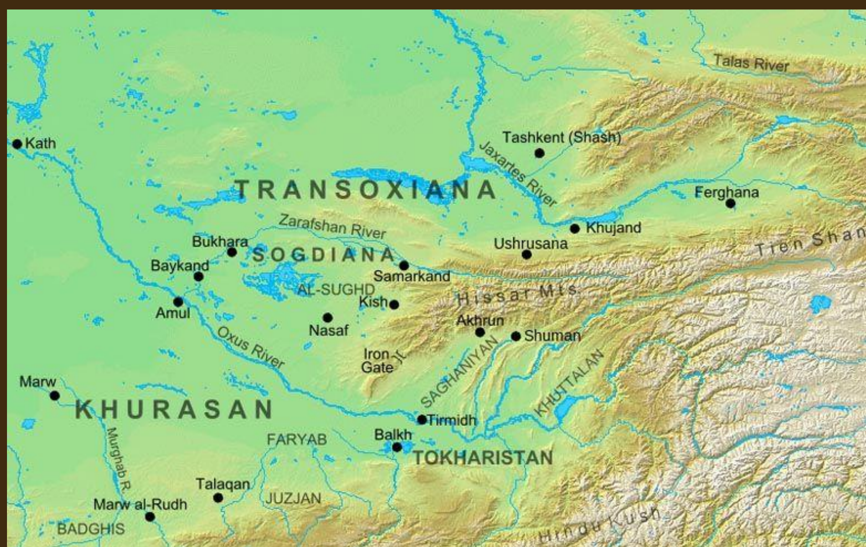
Surkhan-Darya. Artabazus, thần vệ của Bactria, được cử đến để hỗ trợ Coenus. Alexander chỉ huy phần thứ năm vây quanh sườn phía tây Maracanda. Gần địa điểm xảy ra vụ thảm sát Branchidae một năm trước đó, nhà vua phát hiện ra một thành trì trên núi do Ariamazes trấn giữ. Lãnh chúa này được cho là đã thu thập ba mươi nghìn người và trú ngụ trong các hang động cao trên núi. Alexander lần đầu tiên cử Cophes, con trai của Artabazus, đến nói chuyện với quân nổi dậy. Điều này không thành công. Ariamazes chế giễu ý tưởng đầu hàng, thách thức quân Hy Lạp và Macedonia đuổi theo "nếu họ có thể bay". Luôn nhạy cảm với những lời chế nhạo, Alexander điều động quân đội của mình và tưởng thưởng cho những người leo núi giỏi nhất để mạo hiểm đi lên. Anh hứa người lính đầu tiên lên đến đỉnh núi tuyết sẽ được trả một khoản tiền thưởng đặc biệt và những người sau đó sẽ được trả theo tỷ lệ phần thưởng giảm dần. Những người sống sót cũng kiếm được tiền cho họ.

Những người tình nguyện sử dụng dây thừng và gai sắt để leo lên phía sau ngọn núi, tránh khỏi tầm nhìn của kẻ thù. Chuyến leo núi nguy hiểm mất ít nhất một ngày mệt nhọc. Hơn một phần mười rơi xuống, nhưng những người khác đã lên trên các hang động và báo hiệu cho vị vua ở phía dưới. Alexander sau đó chế nhạo Ariamazes, bảo ông ta nhìn lên phía trên và thấy những kẻ xâm lược có thể bay. Ông ta buộc phải đầu hàng, đặt bản thân, gia đình và tất cả những người đi theo vào tay Alexander. Nhà vua lạnh lùng chọn ra những người nổi bật nhất, bao gồm cả Ariamazes, để truy xét và đóng đinh ở chân núi. Những người còn lại trở thành nô lệ. Để ngăn chặn sự xuất hiện của một lãnh chúa khác ở đó, Alexander đặt thành trì bị chiếm giữ dưới sự kiểm soát trực tiếp của Artabazus.

Mỗi nhóm đều đã hoàn thành nhiệm vụ của mình và trong những tháng mùa hè, họ đã đi đến điểm hẹn ở Maracanda. Các tướng lĩnh đã báo cáo về hoạt động của họ, nhưng nguồn tin

của chúng tôi không cung cấp chi tiết. Như thường lệ, chúng ta chỉ tìm hiểu về chiến công của nhà vua, không phải của cấp dưới. Chắc chắn là các lãnh chúa nổi dậy khác cũng phải chịu chung số phận giống như Ariamazes. Alexander tiếp theo cử biệt đội dưới quyền của Coenus và Artabazus để săn lùng Spitamenes, người được cho là đang ở cùng người Scythia. Hephaestion và quân đội của mình đã thực hiện nhiệm vụ tái định cư các vùng lãnh thổ bị tàn phá. Trong khi đó, nhà vua và các sĩ quan khác lùng sục các vùng xa xôi hơn của Sogdiana để tìm kiếm bất kỳ ổ kháng chiến nào còn sót lại. Chiến dịch này có thể đã kéo theo một cuộc càn quét mạnh mẽ trên sông Polytimetus (Zerafshan hiện đại), với các đơn vị phân nhánh qua các thung lũng dốc của các phụ lưu của nó.

Zerafshan là một con sông ở Tajikistan và Uzbekistan, Trung Á. Tên của nó - “người rải vàng” trong tiếng Ba Tư, dùng để chỉ sự hiện diện của cát chứa vàng ở thượng nguồn sông. Đối với người Hy Lạp cổ đại, nó được gọi là Polytimetus. Trước đây nó còn được gọi là sông Sughd.



Alexander có ý cho toàn dân chứng kiến sức mạnh và tầm hoạt động của quân đội của mình. Thật kỳ lạ, những huyền thoại về Alexander vẫn phát triển mạnh mẽ trong những thung lũng xa xôi nơi vị vua đã để lại dấu ấn của mình. Có một Iskander Darya (sông Alexander) chảy ra từ Iskander Kul (Hồ Alexander).

Người dân địa phương tin rằng Alexander đã xây dựng một con đập bằng vàng để tạo thành hồ, và những vết loang từ con đập vẫn có thể tràn xuống hạ lưu ở Ayni và Penzhikent. Họ nói thêm, cứ mỗi lần trăng tròn, con chiến

mã đáng tin cậy của Alexander - Bucephalus lại nhô lên khỏi hồ và băng qua bầu trời đêm.



Iskander Kul (Hồ Alexander)

Trong sứ mệnh tái định cư do Hephaestion thực hiện, những người tị nạn di chuyển ra khỏi các ngọn đồi được dồn về làng của họ và làm việc. Các đồn trú được thành lập ở những điểm quan trọng. Được bố trí trong các thuộc địa quân sự với lính đánh thuê Hy Lạp cộng với nhiều nô lệ nổi dậy như những người theo Ariamazes. Một trong những khu định cư phát

sinh từ lệnh của Hephaestion có thể là đồn chiến lược tại Ai Khanoum.



Một cộng đồng trước đó đã tồn tại ở đó, nhưng có lẽ trong thời kỳ này, nơi này đã được người Hy Lạp gia cố với những bức tường và mương phòng thủ. Từ thành phố, lính canh có thể quan sát xa về phía nam, cũng như bảo vệ phía bắc và phía tây nơi hợp lưu của sông Oxus và Kokcha. Công dân mới là những người lính Hy Lạp được hưởng tất cả các tiện nghi của thành phố, trong khi một lực lượng lao động khổng lồ là người bản xứ lo xới đất và có xu hướng thực hiện các nhiệm vụ trần tục. Trong một vài

thế hệ, Ai Khanoum sẽ trở thành một thành phố Hy Lạp thịnh vượng, nhưng nguồn gốc khiêm tốn của nó là khu quân sự được canh phòng nghiêm ngặt. Alexander đã không lùi bước khỏi các chính sách liên quan đến nền tảng trước đó của Alexandria Eschate.

Với bốn đội quân lớn, quân Macedonia tuần tra khắp Bactria, một số người khác thăm dò sâu vào Sogdiana cùng với Alexander, Hephaestion giám sát kế hoạch tái định cư, và lực lượng dưới quyền Coenus và Artabazus săn lùng Spitamenes trong lãnh thổ Scythia, toàn bộ khu vực vang lên hoạt động quân sự. Có vẻ như điều tồi tệ nhất đã trôi qua, chỉ với vài tuần dọn dẹp trước khi nghỉ ngơi ở các khu trú đông. Vào mùa xuân, quân đội cuối cùng có thể rời khỏi Bactria và chuyển sang các nhiệm vụ khác hoặc trở về nhà. Nhưng những lãnh chúa như Spitamenes tháo vát sẽ không nằm im. Ông ta đã lập ra một kế hoạch táo bạo tấn công người Hy Lạp và Macedonia. Bằng cách nào đó, vượt qua tất cả, lãnh chúa không

thể đoán trước này đã tấn công trực diện vào nơi khó xảy ra nhất: Bactra, phục vụ đồng thời là trụ sở chính của Alexander, thủ phủ của tỉnh và trại trú đông của quân đội. Cuộc tấn công này không chỉ là một hành động mạo hiểm mà còn là một nỗ lực nhằm phá vỡ điểm mấu chốt quan trọng trong hệ thống hậu cần phức tạp của nhà vua.

Đầu tiên, những người Bactria đi theo Spitamenes và các đồng minh Scythia đã gây bất ngờ và phá hủy một đồn binh Hy Lạp bảo vệ các hướng tiếp cận phía tây đến Bactra. Những người nổi dậy đã giết tất cả những người bảo vệ nhưng bắt người chỉ huy dũng cảm làm tù nhân. Sau đó cướp bóc các ngôi làng xung quanh Bactra, đặc biệt là xua đuổi gia súc được tập trung gần thành phố để nuôi quân trong mùa đông. Spitamenes đương nhiên không bao vây thủ đô và không bao giờ có ý định làm như vậy. Bactra có những bức tường phòng thủ huyền thoại, và các lãnh chúa nổi dậy hiếm khi thành công trong các

hoạt động bao vây lâu dài như vậy. Kế hoạch của ông ta đơn giản hơn. Khi những đàn gia súc quan trọng bị đuổi đi, một nhóm binh lính bên trong thành Bactra quyết định can thiệp. Trong một bản tường thuật, tướng Attinas của Alexander dẫn đầu ba trăm kỵ binh truy đuổi nhưng rơi vào một cuộc phục kích giống như người Hy Lạp và Macedonia đã bị năm trước gần Maracanda. Người ta cho rằng không có ai sống sót. Phiên bản khác cho biết Peithon dẫn đầu sứ mệnh thu hồi gia súc. Người đàn ông này phụ trách thu xếp việc chăm sóc và giết thịt gia súc. Điều này cho thấy, trên thực tế, việc chuẩn bị cho các khu nghỉ đông đang được tiến hành, và Peithon phải chịu một số trách nhiệm đối với gia súc và các nguồn cung cấp khác đang bị Spitamenes phá hoại.

Tham gia cùng Peithon có một nhóm bệnh binh và thương binh từ các bệnh viện cơ sở, một số người phục vụ hoàng gia, và khoảng tám mươi lính đánh thuê Hy Lạp đang làm nhiệm vụ đồn trú. Cũng có mặt và sẵn sàng

chiến đấu là Aristonicus, nhạc sĩ nổi tiếng nhất của thời kỳ đó. Ông chơi một nhạc cụ giống như đàn hạc, kithara, và thường hát cho Alexander và những người bạn của anh nghe. Trong ít nhất hai mươi hai năm, Aristonicus đã nổi tiếng khắp nơi, vì vậy ông không thể còn trẻ. Tuy nhiên, ông đã gạt đàn kithara của mình sang một bên và lên đường cùng những người khác để đụng độ với Spitamenes.

Liệu những người tình nguyện này đi cùng Attinas, hay đi riêng lẻ, các nhà sử học không biết. Ban đầu, họ được cho là đã thành công trong việc lấy lại các nguồn cung cấp bị cướp và giết nhiều quân nổi dậy, nhưng họ cũng bị phục kích khi quay trở lại. Không ai nhận quyền chỉ huy trong bối cảnh rối ren, và tổn thất nặng nề. Peithon bị thương và bị giam cầm, lính đánh thuê mất 3/4 quân số, và Aristonicus dũng cảm đã chết “giống một người lính hơn là một nhạc sĩ”. Alexander đã tôn vinh ông bằng một bức tượng tại đền thờ Delphi ở Hy Lạp. Mặc dù những mất mát này

không thể so sánh về mặt số lượng với thảm họa năm 329 trước Công nguyên, nhưng hiệu quả đã chứng minh đáng kể. Các kế hoạch cẩn thận của Alexander đã bị dội gáo nước lạnh, điều này đã sớm làm bùng lên sự phẫn uất dồn nén trong các tướng lĩnh của chính anh. Một trong số họ sẽ chết bởi chính tay nhà vua trong vòng vài tuần tới.

Spitamenes đã thực hiện một cuộc tấn công tuyệt đẹp; nhưng với đàn gia súc lớn cướp được, ông ta không thể trốn tránh khỏi lính do thám trong đội quân lớn của nhà vua. Craterus đánh chặn hậu phương của quân nổi dậy gần sa mạc, có vẻ là phía tây Bactra, và đánh bại quân Scythia. Tuy nhiên, Spitamenes lại trốn thoát. Alexander giờ đây phải đối mặt với viễn cảnh đáng thất vọng khi phải chiến đấu một năm nữa ở Bactria, góc ngoan cố nhất trong đế chế rộng lớn. Anh đang phải đối mặt với sự khó lường trong cuộc chiến ở Afghanistan.



Lần thứ hai vào năm 328 TCN, Alexander tái hợp cánh quân Sogdian của mình tại Maracanda. Anh đã gặp các sứ giả từ một số bộ lạc Scythia xa xôi hơn, lịch sự từ chối đề nghị của họ về một liên minh hôn nhân. Ở tuổi hai mươi tám, nhà vua vẫn còn độc thân, một điều bất thường đối với các vi vua Macedonia đa thê, mặc dù anh sẽ sớm tìm thấy cô dâu đầu tiên. Tuy nhiên, vào lúc này, tâm trí của anh dành cho công việc hậu cần. Cuộc đột kích bất ngờ của Spitamenes vào Bactra đã buộc Alexander sửa đổi lại các sắp xếp của mình cho những tháng mùa đông.

Đầu tiên, nhà vua và quân đội đã đến một khu rừng được bảo vệ ở Bazaira. Người Ba Tư gọi là thiên đường hoàng gia, một nơi mà hoàng gia có thể săn bắn trong một khung cảnh tuyệt đẹp của rừng, suối và đồng cỏ. Khu vực này đã được đóng kín trong bốn thế hệ. Không giống như những cuộc đi săn nhỏ, mang tính giải trí mà Alexander rất yêu thích, cuộc đi săn này chứng kiến hàng nghìn binh lính Hy Lạp và

Macedonia đói khát nhanh chóng săn lùng và giết khoảng bốn nghìn con thú; quân đội mở tiệc trên chiến lợi phẩm và trở về Maracanda.

Thứ hai, Alexander cho phép Artabazus – thống đốc của Bactria, được nghĩ hưu theo yêu cầu vì tuổi già. Một nguồn cổ xưa cho rằng Artabazus đã gần một trăm tuổi, các bằng chứng khác cho thấy ông ta trẻ hơn ít nhất ba mươi tuổi. Ngay cả khi đã sáu mươi hoặc bảy mươi, Artabazus vẫn nằm trong độ tuổi của các sĩ quan đang hoạt động phục vụ trong lực lượng vũ trang của Alexander. Do đó, có vẻ như tuổi của Artabazus đã bị thổi phồng lên rất nhiều để biện minh cho việc nghỉ hưu của mình. Nếu quyết định thực sự là của ông ta, điều này cho thấy Artabazus đã kiệt sức trong các chiến dịch mệt mỏi của năm 329-328 TCN và không thể nghĩ ra lý do nào tốt hơn. Dẫn đầu một đội quân Bactria và Sogdia, ông ta chủ yếu phục vụ với tư cách là một sĩ quan liên lạc trực thuộc quyền chỉ huy của Coenus. Ngay cả khi nhà vua cho phép Artabazus nghỉ

ngơi, như làm công việc hành chính ở Bactra, thì rõ ràng là cần sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn ở đó sau cuộc tấn công của Spitamenes. Artabazus có thể đã vận động đủ nhiều và cầu xin hết sức có thể bằng cách phóng đại tuổi của mình. Tuy nhiên, thật khó để tưởng tượng Alexander không hiểu Artabazus, vì nhà vua đã lấy con gái của ông làm vợ lẽ. Điều thú vị là Alexander quyết định chỉ định một người Macedonia vào vị trí thống đốc Bactria. Điều này làm dấy lên khả năng chính Alexander đã khởi xướng cho sự nghỉ hưu của Artabazus. Có lẽ nhà vua đã lường trước được việc bỏ lại một đội quân khổng lồ đang chiếm đóng ở Bactria, một lực lượng sẽ phải được chỉ huy bởi một người Macedonia. Để thay thế Artabazus, nhà vua đã bổ nhiệm một sĩ quan cấp cao tên là Cleitus, một Người bạn đồng hành với những khả năng đã được chứng minh, người sẽ không bao giờ thực sự phục vụ - anh chỉ còn sống được vài ngày trước khi nhà vua giết anh. Cuộc khủng hoảng đó buộc Alexander phải chọn

một satrap người Macedonia khác, tên là Amyntas.

Thứ ba, đối mặt với các vấn đề cung cấp thực phẩm sau cuộc đột kích của Spitamenes, nhà vua từ bỏ ý định trú đông một lần nữa tại Bactra. Ông phái Hephaestion về phía nam để khôi phục trật tự trong và xung quanh thành phố xương cũ. Trong tình hình đó, phần còn lại của quân đội sẽ vẫn phân tán ở Sogdiana. Những người đàn ông sẽ sống ngoài trời trong các nhóm di động để không cho Spitamenes tiếp cận với bất kỳ nguồn cung cấp sẵn có nào ở đó trong mùa đông. Hậu cần đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định người chiến thắng trong cuộc chiến không hồi kết này.

MỘT CÁI CHẾT

Cái chết của Cleitus là một trong những bi kịch lớn trong triều đại của Alexander. Các vị vua không thường giết những người bạn thân của mình trong cơn thịnh nộ, và ngay cả W. W.

Tarn cũng không dễ dàng bào chữa cho hành động đó.

Ngài William Woodthorpe Tarn là một học giả cổ đại người Anh và một nhà văn. Ông đã viết nhiều về thế giới Hy Lạp, đặc biệt là về đế chế của Alexander Đại đế và các quốc gia kế thừa của nó.

Điều tốt nhất mà ông biết là thừa nhận "con thú hoang dã" trong Alexander và ca ngợi một cách hợp lý là "sức mạnh của ý chí thường có thể giữ một con thú như vậy bị xích". Không giết người nhiều hơn đã trở thành một trong những đức tính của Alexander. Có lẽ Tarn đang suy nghĩ trong tiềm thức về những lời cuối cùng của Cleitus với Alexander, trong đó có lời than thở: "Tôi bị ném cho thú dữ!" Dĩ nhiên, kẻ cam chịu không phải là nhà vua, mà là những người Bactria ngoan cố và hiếu chiến, người mà anh ta phải cai trị với tư cách là thống đốc.

Ca ngợi Alexander, Plutarch nhấn mạnh không ai trong số những người đương thời của nhà vua chấp nhận thách thức chiến thắng

trong cuộc chiến tranh mệt mỏi này: “Ai trừ Alexander sẽ không mệt mỏi và từ bỏ việc thống chế và trang bị quân đội của mình, bao vây các thành phố, đánh đuổi các dân tộc trong nhiều cuộc nổi dậy, đào ngũ, và bạo loạn; Theo đuổi các lãnh chúa đến Bactra, Maracanda và Sogdiana như thể cắt đầu của Hydra, loài luôn mọc lại gấp đôi”. Hydra thần thoại cung cấp một hình ảnh xác đáng về chiến tranh Afghanistan qua nhiều năm. Khả năng tự phục hồi của kẻ thù làm mất tinh thần ngay cả những kẻ xâm lược tự tin nhất. Loại chiến tranh này gây ra thiệt hại nặng nề cho tất cả mọi người, và tác động của nó là tâm lý cũng như thể chất. Chiến thắng giòn giã của quân đội Alexander trước Darius đã xảy ra nhiều năm trước đó, gần nhà hơn. Các trận đánh trên sông Granicus (334), Issus (333) và Gaugamela (331 TCN), mỗi trận đều nhanh chóng, kịch tính, kiểu chiến tranh mà người Hy Lạp rất giỏi. Ngay cả những cuộc vây hãm dài ngày ven biển tại Halicarnassus (334), Tyre (332), và Gaza (332 TCN) ít nhất đã kết thúc

một cách dứt khoát. Trong những chiến dịch đó, những cựu binh và Alexander đã quen với kỳ vọng: khi họ chiến đấu với ai đó, họ hoàn toàn thắng thế; và kẻ thù bại trận luôn luôn bị đánh bại. Sự kiêu ngạo về quyền lực này, như thường lệ, đã mất đi ở Afghanistan. Nơi này và người dân của nó không để ý đến lịch sử gần đây, bỏ qua sức mạnh và sự hiện đại tinh vi của những kẻ xâm lược. Họ chạy trốn như những tên cướp nếu đối đầu với lực lượng áp đảo, sau đó tấn công bất cứ khi nào có cơ hội. Bạn không bao giờ có thể biết được mình có thắng trong cuộc chiến hay không. Trong khi đó, thương vong ngày càng gia tăng và ngày càng rõ ràng rằng ngay cả khi có được cái gọi là chiến thắng, một số lượng đáng kể người Hy Lạp và một số người Macedonia sẽ phải ở lại Bactria với tư cách là lực lượng gìn giữ hòa bình. Cleitus ghét ý nghĩ phải ở lại. Anh ta cũng có thể đã rất phẫn nộ vì vị trí mới của anh ta phải lo quản lý quân bản địa của Artabazus. (sẽ rất mệt mỏi)

Trong một bữa tiệc của triều đình ở Maracanda, Cleitus thoải mái bày tỏ sự không hài lòng của mình. Các vị khách, theo thông lệ, đã uống quá nhiều rượu và đang xả hơi trong bầu không khí náo nhiệt. Các chiến binh gan góc tự hào về sức mạnh của họ, mỗi người đều cạnh tranh và nhạy cảm quá mức với bất kỳ cảm nhận nào từ đồng nghiệp của mình. Những người thích giải trí và phục vụ cho những thứ phù phiếm mà họ yêu thích, đặc biệt là nhà vua, người được biết đến với những món quà xa hoa dành cho những kẻ xu nịnh của mình. Alexander từng tặng cho một diễn viên xu nịnh mười talents (258kg bạc), và một nhà thơ lẩm cẩm nhận được mười nghìn đồng vàng. Sự kích thích của rượu, cái tôi và phần thưởng tức thì đã làm mờ đi khả năng phán đoán tốt của mọi người và đôi khi đẩy những vị khách của Alexander vượt quá giới hạn. Vào dịp này, nhà vua đã bày tỏ niềm đam mê ngày càng tăng của mình về thần thánh và so sánh với những thành tựu của cha mình là Philip II; anh cũng cho phép một nhà thơ sáng tác một

bài hát chế giễu sự thất bại gần đây của các vị tướng của anh trước Spitamenes. Đối với những người đàn ông lớn tuổi thuộc thế hệ của Philip, những lời xúc phạm này đã hằn sâu. Cleitus đã bước tới và dám ca ngợi không chỉ Philip mà còn cả bản thân anh ta — nhắc nhở mọi người có mặt rằng anh ta đã cứu mạng Alexander sáu năm trước khi một người Ba Tư chuẩn bị đập đầu nhà vua trong trận chiến. Mọi người lính đều đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tại sao Alexander phải đánh cắp tất cả vinh quang, và tại sao một số người không tham chiến lại được phép coi thường những người chiến đấu?

Có vẻ lạ là nhà vua lại khuyến khích màn biểu diễn thiếu tế nhị như vậy, đặc biệt là màn trình diễn của nghệ sĩ chế nhạo những người đồng đội đã chết. Để giải thích cho hành vi của Alexander, một số nhà sử học cho rằng bằng cách cho phép chế giễu những vị tướng bất tài, chính nhà vua đã thoát khỏi sự đổ lỗi cho những gì đã xảy ra và có vẻ nghiêm túc hơn

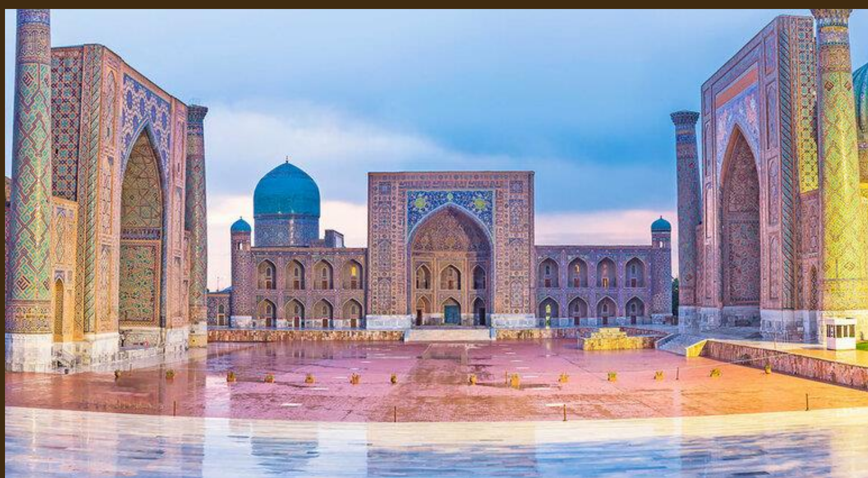
khi so sánh. Điều tương tự cũng có thể nói về cuộc tấn công gần đây hơn của Spitamenes vào Bactra. Hơn nữa, sự dũng cảm dễ thấy của nhạc sĩ Aristonicus đã tạo nên một chủ đề hấp dẫn cho người biểu diễn được mời hát tại Maracanda. Một nghệ sĩ giải trí đã tham gia cùng các sĩ quan chuyên nghiệp trong trận chiến đó, sự kiện mà Alexander đã tưởng nhớ bằng một phương tiện nghệ thuật khác. Không nghi ngờ gì, điều này khiến nhiều cựu binh đang say phải đối mặt với sự xấu hổ. Thay mặt họ, Cleitus say sưa nói.

Cảm xúc bùng nổ. Những lời lăng mạ bay đi, và sau đó là những đồ vật bay khỏi bàn. Alexander chộp lấy vũ khí để bịt miệng Cleitus trong khi những người đàn ông bình tĩnh hơn cố gắng can thiệp. Nhà vua điên tiết, nghĩ rằng số phận của Darius giờ đã giáng xuống mình. Các thống chế của Alexander đã không biết cách kiềm chế vị vua đang kích động của họ và không thực sự muốn tước vũ khí và kìm giữ anh lại. Trong một cơn điên

cuồng đáng tiếc, Alexander đã giật giáo của một vệ sĩ và đâm chết Cleitus ngay tại chỗ. Sự hối hận của nhà vua đã trở thành huyền thoại, nhưng đêm đó anh mất bình tĩnh hơn cả. Do đó, những Người bạn Đồng hành cảnh giác đã giữ miệng và chỉ khuyên người lãnh đạo của họ bình tĩnh lại. Alexander đau buồn và trong ba ngày đã không ăn uống gì. Khi anh trở lại, tất cả mọi người đều tự nhiên tha lỗi cho anh. Nhà triết học Anaxarchus long trọng tuyên bố rằng bất cứ điều gì Alexander làm trên thực tế là do bị sỉ nhục; nhà vua không sai. Do đó, mọi người đổ lỗi toàn bộ sự việc cho Cleitus và quay trở lại chiến đấu.

Amyntas tiếp quản vị trí satrap, kế thừa đội quân từng dưới quyền chỉ huy của Artabazus (bao gồm cả những tân binh bản địa). Alexander chia tay Coenus và Amyntas đến trú đông ở Maracanda với một đội kỵ binh lớn, hai lữ đoàn Macedonia và các đơn vị khác. Họ phải canh chừng phía bắc Sogdiana. Nhà vua tự mình dẫn một phần quân đội đến một vùng

màu mỡ gọi là Xenippa (có lẽ gần khu vực Karshi hiện đại). Khi anh đã phân tán binh lính, việc kiếm thức ăn trở nên hiệu quả hơn, mặc dù những khó khăn đối với người bản địa là vô cùng lớn. Ngoài ra, việc binh lính có mặt khắp nơi đã ngăn Spitamenes tiếp tế cho các vùng thân cận. Nếu ông ta cố gắng, lãnh chúa và lực lượng của ông ta có thể bị phát hiện như thể họ đã chạm vào mạng nhện đang chờ sẵn. Ý tưởng là để bẫy những kẻ nổi dậy hoặc đẩy chúng vào nanh vuốt của một trong những nơi tập trung quân đội Hy Lạp và Macedonia đóng quân gần Maracanda.



Tại Xenippa, khoảng 250 quân nổi dậy Bactria đã cố gắng hòa vào dân cư địa phương trong suốt mùa đông. Tuy nhiên, cách tiếp cận của Alexander đã thuyết phục các ngôi làng bản địa trục xuất những vị khách nổi loạn của họ. Không có vỏ bọc, quân du kích chạy về phía bắc, lao thẳng vào vòng tay của Amyntas. Trong một cuộc giao tranh ác liệt, cả hai bên đều bị thương vong nặng nề trước khi quân Bactria phân tán trở lại. Khi họ chạy trốn về phía nam, cái bẫy đóng chặt và họ đầu hàng Alexander. Nhà vua tiếp tục di chuyển đến Nautaca (quanh Shahrisabz ngày nay) để chờ mùa đông qua đi.



Trong khi đó, chính Spitamenes đã rút đi khi nhận ra quân đội của Alexander có ý định chiếm toàn bộ Bactria và Sogdiana, khiến bà con và đồng minh của Spitamenes không có nơi trú ẩn an toàn cho mùa đông. Chiến lược của Alexander đã lật ngược tình thế. Cuộc khủng hoảng hậu cần của Spitamenes khiến ông ta phải tấn công một đơn vị đồn trú ở biên giới, báo động của họ đã nhanh chóng đưa Coenus đến hiện trường. Spitamenes và những người Bactria đi theo, cùng với sự tiếp viện của khoảng ba nghìn kỵ binh Scythia, đã chiến đấu với Coenus trong một trận chiến lớn gần một nơi gọi là Gabae. Người Hy Lạp báo cáo chỉ có ba mươi bảy thương vong về phía họ so với hơn tám trăm của kẻ thù. Một số quân Bactria đầu hàng, nhưng Spitamenes lại trốn thoát một lần nữa. Biến cố bất ngờ đã mang lại lợi ích cho người Scythia, những người tự nhiên có được tài sản từ các đồng minh cũ và xem xét lại mối quan hệ của họ với Spitamenes. Khi Alexander củng cố mạng lưới của mình, cảm giác tuyệt vọng ngày càng tăng

với Spitamenes: như ông ta đã từng phản bội Bessus, các cộng sự giờ quay lưng lại. Người Scythia đã chặt đầu Spitamenes, gửi chiếc đầu đầy máu tới trại của Alexander.

Một tài liệu cổ khác khẳng định rằng vợ của lãnh chúa Bactria thực sự đã giao đầu của chồng cho Alexander. Spitamenes yêu cô ấy tha thiết, câu chuyện tiếp tục, và giữ cô ấy ở bên mình trong suốt cuộc chiến cam go với Alexander. Cuối cùng cô cũng mệt mỏi với sự vất vả và nguy hiểm. Năn nỉ chồng, vì lợi ích của cô và ba đứa con của họ, làm hòa với những kẻ xâm lược, cô đã làm dấy lên sự nghi ngờ từ Spitamenes. Ông ta đe dọa tính mạng của cô, nhưng anh em cô đã can ngăn. Sau một thời gian ngắn bị ghẻ lạnh, cô trở về trại của ông. Một đêm ông ta đang ngủ say. Cô nắm lấy khoảnh khắc, cắt đầu ông ta, và mang tới cho Alexander. Vị vua được cho là rất vui mừng trước sự thay đổi của vận may này nhưng ngay lập tức đuổi kẻ sát nhân đẫm máu đi “kẻo cô ta làm gương xấu cho những người

lính hiền lành của anh”. Chúng ta hãy giả sử rằng, trước rất nhiều sự tàn bạo, Alexander đã có một hành động khó hiểu. Apama, con gái của Spitamenes, đã không bị gì: sau đó cô kết hôn với tướng quân Macedonia Seleucus, trở thành nữ hoàng duy nhất trong số những phụ nữ Ba Tư bị bắt, hạ sinh một vị vua vĩ đại cho Macedonia, và nhận được sự tôn vinh từ nhiều người Hy Lạp bất chấp tội lỗi của cha cô và sự phản bội của mẹ cô.

Cái chết của Spitamenes chắc chắn đã giảm bớt gánh nặng đang đè nặng lên vai Alexander. Lãnh chúa Bactria đã khiến cuộc sống của những người Macedonia trở nên khốn khổ. Mặc dù Spitamenes không phải là một vị vua như Darius, hay thậm chí là một thống đốc đầy tham vọng như Bessus, các học giả vẫn coi Spitamenes là “đối thủ đáng gờm nhất từng đối đầu với Alexander”. Chiến lược và chiến thuật của ông đã được kế thừa bởi các chiến binh Afghanistan hiện đại: yếu tố bất ngờ, không ở cố định một vị trí, sử dụng khủng

bố, khai thác thời tiết và địa hình, áp dụng công nghệ thô sơ để đạt được kết quả bất ngờ. Những thành công của ông đã buộc Alexander phải thử các chiến thuật mà ngày nay vẫn được một số kẻ xâm lược hiện đại sử dụng, chẳng hạn như biện pháp chống nổi dậy của Liên Xô nhằm phá hủy lương thực, gia súc. Spitamenes là người quan trọng nhất trong số những người nổi dậy, đã đe dọa quân xâm lược Hy Lạp và Macedonia. Những người khác có thể vươn lên thay thế vị trí của ông ấy, nhưng họ thiếu tài năng của ông về chiến tranh du kích.



Vào một thời điểm nào đó vào cuối mùa thu hoặc đầu mùa đông, Alexander tấn công một hoặc hai người trong số các lãnh chúa nổi loạn tại các hang động và pháo đài của họ. Các nguồn tài liệu cổ xưa về các cuộc hành quân này làm lẫn lộn tên và sự kiện với nhau, nhưng có vẻ như nhà vua đã tiến hành một số cuộc

tấn công khó khăn trên núi cao. Giống như thành Ariamazes, bị chiếm vào đầu mùa xuân, những thành trì này lợi dụng địa hình dốc. Một lãnh chúa, tên là Sisimithres (người cũng có thể được gọi là Chorienes), tập hợp người và cố thủ ở một con đường hẹp, kiên cố ở Cổng Sắt. Địa điểm này rõ ràng đã được gia cố bởi một bức tường giống như bức tường được xây dựng sau đó, vẫn còn được nhìn thấy cho đến ngày nay. Như một nơi ẩn náu xa hơn, những người bản địa trú ẩn trong một pháo đài bằng đá được bảo vệ bởi một khoảng không hẹp và một con sông hung hãn. Nguồn cung cấp đã được tích trữ ở đó, và gia đình của nhiều lãnh chúa khác đã gia nhập cùng Sisimithres trong một nơi có vẻ an toàn. Trong số những người này có một phụ nữ Bactria khác thường khiến người Hy Lạp tò mò: mẹ của Sisimithres, cũng là vợ và mẹ của hai con trai ông ta.



Cổng Sắt

Trong tuyết dày và lạnh cóng, quân của Alexander lần đầu tiên tấn công con đèo kiên cố. Vị trí được bảo vệ nghiêm ngặt, nhưng nhà vua đã mang đến những đòn đánh hiểm hóc. Những cỗ máy ấn tượng hoạt động dưới sự bảo vệ của hỏa lực tầm xa từ các cung thủ Hy Lạp. Quân Macedonia đã bắc cầu qua khe núi và thác nước bảo vệ pháo đài vào ban ngày, nhà vua giám sát hoạt động bao vây; vào ban đêm, công việc tiến triển dưới sự giám sát của ba vị tướng Macedonia: Ptolemy, Perdiccas và Leonnatus. Một khối đất được đắp cao lên, giúp đưa máy bắn đá của Alexander vào vị trí.

Nhà vua đã sử dụng máy bắn đá xoắn để khiến những người Bactria kinh hoàng. Một số bằng chứng bất thường về hoạt động quân sự này có thể đã được tìm thấy gần đây. Các nhà khảo cổ vào tháng 9 năm 2002 đã phát hiện ra tại Cổng sắt trên sông Shurob một quả cầu phóng bằng đá. Hiện vật này được mô tả có lẽ là “vũ khí duy nhất từ quân đội của Alexander từng được phục hồi”.

Sisimithres nhận ra ông ta không thể bảo vệ pháo đài của mình trước công nghệ tiên tiến của quân xâm lược: kỹ thuật và hỏa lực của Alexander quá nhiều. Sisimithres tiếp các sứ giả từ Alexander, những người khuyên ông nên đầu hàng, ám chỉ nhà vua đang nóng lòng muốn rời khỏi khu vực và tiến về phía đông đến Ấn Độ. Sisimithres, giống như rất nhiều lãnh chúa khác, không muốn gì hơn là sự rút quân của Macedonia, nhưng người mẹ - người vợ cố chấp của ông đã thuyết phục cầm cự lâu hơn. Nhưng khi các máy bắn đá và các cuộc tấn công của kẻ thù đến gần hơn, thần kinh

của ông ta suy sụp. Cuối cùng ông ta đã giao nộp thành trì, cư dân và kho lương thực dự trữ mùa đông khổng lồ của họ.

Lần này, không giống như hồi đầu năm, không có các vụ đóng đinh hay nô dịch. Những ngày tháng bị tra tấn, cắt xẻo, cắt đầu, và khủng bố chống lại dân thường đã tạm thời kết thúc. Thay vào đó, Alexander bắt tay vào một chính sách mới. Anh đã thể hiện lòng thương xót với Sisimithres và sớm khôi phục quyền lực cho ông ta. Có lẽ nhà vua cảm thấy cần phải đánh cược một lần nữa vào việc giành được lòng trung thành của những lãnh chúa này. Nhưng sự phản bội của Spitamenes đã làm cho viễn cảnh này trở nên tối hơn. Để chắc chắn Alexander đã cho hai con trai của Sisimithres vào quân đội của mình, nơi họ có thể phục vụ như con tin. Điều có lẽ khiến Alexander do dự hơn bất cứ thứ gì khác là những dấu hiệu cho thấy dân số đã đông lên. Dân làng Xenippa đã thông báo về sự thay đổi lớn khi họ từ chối chỗ trú ẩn cho quân nổi dậy Bactria. Bài học vô giá,

ngay cả đối với mujahideen Afghanistan hiện đại: “Khi người dân địa phương phải chịu những đòn trả thù không mong muốn... thì họ vẫn thường chỉ muốn được yên bề gia thất. Mujahideen trong khu vực này đã mất rất nhiều sự hỗ trợ từ địa phương và do đó sẽ yếu dần”. Nếu không có sự hỗ trợ, các lãnh chúa của Bactria đã đánh mất thứ mà Alexander háo hức — hy vọng.



TÌNH YÊU VÀ CHIẾN TRANH

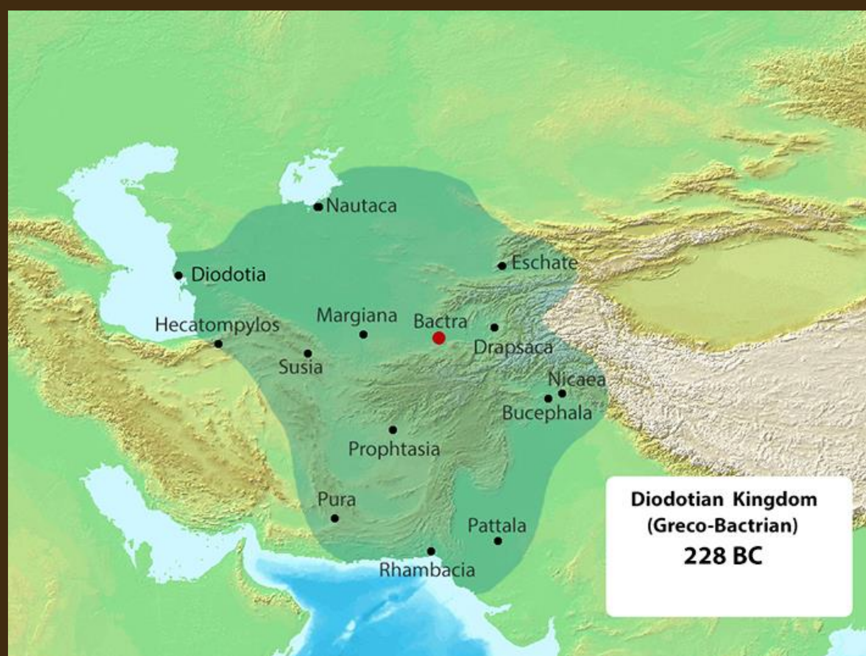
NGÔI SAO NHỎ CỦA HY VỌNG

Khi vị vua hai mươi tám tuổi cho quân đội của mình nghỉ ngơi tại Nautaca, vùng lân cận của Karshi hiện đại, quân đội của anh rùng mình, đói khát và mệt mỏi sau một năm chiến đấu tàn khốc. Đối với một số người, đây là mùa đông thứ bảy của họ xa các bãi biển của Hy Lạp, là mùa đông thứ ba kể từ khi xâm lược Afghanistan. Băng giá tại Nautaca khiến ngay cả Bactra cũng có vẻ mời gọi, nhưng quân của Alexander sẽ thích những điểm tránh đông trước đó ở những nơi sang trọng như Ai Cập và Persepolis. Ở đây không có cung điện cao cấp để có những buổi tối dài nghỉ ngơi và thư giãn. Những đêm lạnh giá dường như bị ám ảnh bởi những ký ức tươi mới về thảm họa: những thất bại trong vai trò lãnh đạo chống lại Spitamenes tại sông Polytimetus và tại Bactra đã khiến hàng nghìn người phải trả giá bằng

mạng sống; những cuộc cãi vã say sưa giữa các tướng lĩnh đã leo thang thành vụ giết Cleitus của nhà vua. Alexander tỏ ra can đảm và lôi cuốn hơn bao giờ hết khi anh chịu đựng mọi khó khăn của cuộc chiến trên núi cùng với quân của mình, nhưng việc nói về thần tính của anh và cách anh hòa giải người Ba Tư đã tạo ra một khoảng cách nào đó giữa nhà vua và các cựu binh của mình. Đã có nhiều điều để càu nhàu và chỉ còn vài tuần nữa thôi.

Tuy nhiên, hàng loạt tin xấu giờ đây có thể bị kìm hãm bởi một sự thay đổi thường xuyên của vận may. Alexander biết những người lính của mình nhẹ nhõm như thế nào khi nhận được đầu của Spitamenes và sự đầu hàng của Ariamazes và Sisimithres. Tin đồn nhanh chóng lan truyền khi người Scythia cũng quay lưng với lãnh chúa Dataphernes, bị trói bằng xiềng xích giống như hắn đã trói Bessus. Tại một thời điểm nào đó trong cuộc chiến, Alexander đã đích thân tiêu diệt kẻ nổi loạn Orsodates bằng một nhát đâm. Các vị tướng

chịu trách nhiệm khôi phục trật tự ở các tỉnh lân cận đã đến Nautaca với tin tức kịp thời về thành công của họ. Một lần nữa, Alexander và quân đội có thể cảm nhận được cơ hội để kết thúc cuộc xâm lược Bactria này theo những điều kiện thuận lợi. Cơ hội đó đã biến mất trước đó, nhưng nó không thể được phép lẩn tránh một lần nữa. Alexander cân nhắc các lựa chọn và nắm bắt thời điểm với quyết tâm. Không phải ai cũng tán thành quyết định của anh, nhưng họ sẽ hoan nghênh kết quả của nó.



Cho dù được truyền cảm hứng bởi lời đề nghị gần đây của một cô dâu Scythia hay choáng váng trước vẻ đẹp của một người Bactria trẻ bị giam cầm, Alexander quyết định kết hôn với một phụ nữ địa phương từ gia tộc lãnh chúa nổi tiếng. Anh chọn một người con gái của Oxyartes tên là Rauxnaka, có nghĩa là “Ngôi sao nhỏ” trong tiếng Ba Tư và được người Hy Lạp phát âm là Roxane. Oxyartes (tên của ông ta phản ánh mối quan hệ của tổ tiên với sông Oxus gần đó) là một trong những người Bactria đã phản bội Darius và sau đó ủng hộ Bessus. Ông ta ở lại với Bessus cho đến khi bị bắt, sau đó có lẽ đã tham gia cuộc nổi dậy chống lại Alexander. Chúng tôi không thể chắc chắn liệu ông ta có đi cùng Spitamenes hay hoạt động độc lập hay không, nhưng ngay khi Spitamenes qua đời, ông ta đã đầu hàng và trở nên hữu ích với Alexander trong vai trò một nhà đàm phán. Gia đình của ông đã nương náu với Sisimithres, người đã đầu hàng có thể do Oxyartes sắp xếp. Trong số những người đầu hàng với Sisimithres là con của

Oxyartes, bao gồm cả Roxane nổi tiếng quyến rũ. Cô đã lọt vào mắt xanh của nhà vua và trở thành đối tượng của những tưởng tượng xa vời và đa cảm. Cuộc hôn nhân của cô với Alexander nhanh chóng truyền cảm hứng cho bức tranh nổi tiếng của Action, một người cùng thời với đôi vợ chồng trẻ, người đã trưng bày tác phẩm cho đám đông trầm trồ tại Thế vận hội Olympic ở Hy Lạp xa xôi.



Nhiều thế kỷ sau, nhà văn La Mã Lucian đã nhìn thấy bức tranh ở Ý. Mô tả của ông ấy về kiệt tác tình cảm của Action sau này được

Botticelli và Sodoma sao chép: “Khung cảnh là một căn phòng rất đáng yêu, và trong đó cô dâu Roxane ngồi trên một chiếc ghế dài, thiếu nữ xinh đẹp nhất, đang thơ thẩn trên đó. Đôi mắt cô ấy nhìn xuống khi Alexander tiếp cận. Có những Erotes tươi cười: một trong số họ đang đứng sau Roxane, gỡ bỏ khăn che mặt; một người khác, giống như một người hầu đang chuẩn bị cho cô ấy đi ngủ, đang lấy dép từ chân cô ấy; người thứ ba nắm áo choàng của Alexander và cố kéo anh về phía Roxane. Lucian cho biết thêm một số thần cupid đang biểu diễn các trò thể thao với áo giáp của Alexander để nhấn mạnh tình yêu lớn khác của nhà vua - chiến tranh.

Erotes là một tập thể của các vị thần có cánh gắn liền với tình yêu và tình dục trong thần thoại Hy Lạp. Erotes là số nhiều của Eros, người với tư cách là một vị thần duy nhất có một thần thoại phức tạp hơn.

Trong thần thoại La Mã, Cupid (tiếng Latinh: Cupido, có nghĩa là “khao khát”) là vị thần của ham muốn, tình yêu tình dục, quyến rũ và cảm xúc.



Hình ảnh của á thần Roxane xâm nhập một cách ngọt ngào và không thể cưỡng lại vào cuộc đời chinh phục của Alexander tạo nên những giai điệu du dương, nhưng chúng ta phải hết sức cẩn thận để không tô bóng lên những thực tế khó khăn trong hoàn cảnh của cô ấy.



Một hình mẫu tốt hơn cho Roxane có thể là người nổi tiếng thứ hai trong số tất cả phụ nữ Afghanistan. Gần như ai cũng biết bức ảnh chụp cô gái Afghanistan với đôi mắt xanh đầy

ám ảnh. Lần đầu tiên cô xuất hiện trên trang bìa của tạp chí National Geographic số tháng 6 năm 1985, là hình ảnh nổi tiếng nhất trong lịch sử lâu đời của tờ tạp chí. Thế giới đã đồng cảm với khuôn mặt đó đến nỗi các biên tập viên đã quyết tâm, sau mười bảy năm hỏi thăm, để tìm lại cô. Không ai biết tên cô ấy. Cô ấy đã biến mất trở lại đáy của các cuộc chiến tranh Afghanistan hiện đại, một cái kim vô danh trong đống cỏ khô của 3,5 triệu người tị nạn và 1,5 triệu người chết. Những người liên tục tìm kiếm cuối cùng đã xác định được vị trí của cô ấy, được cho là sống trong một ngôi làng gần các khu trại cùa những kẻ khủng bố al-Qaeda khét tiếng. Cô ấy tiến đến một cách miễn cưỡng, không quan tâm đến sự nổi tiếng của mình và không thoải mái với sự chú ý của những người phương Tây. Tôn sùng và bất chấp, cô ấy kể câu chuyện của mình mà không mỉm cười và sau đó quay lưng lại với công chúng mà những người cùng thời với cô ấy khao khát ở những nơi khác trên thế giới.

VOL. 167, NO. 6



JUNE 1985

NATIONAL GEOGRAPHIC

GREAT SALT LAKE: THE FLOODING DESERT 694

U. S.-MEXICAN BORDER: LIFE ON THE LINE 720

JAVA'S WILDLIFE RETURNS 750

Along Afghanistan's War-torn Frontier 772

Haunted eyes tell of an Afghan refugee's fears

FAIR SKIES FOR THE CAYMAN ISLANDS 798

SEE NATIONAL GEOGRAPHIC EXPLORER EVERY SUNDAY ON NICKELODEON CABLE TV

Hóa ra tên của cô ấy là Sharbat Gula. Ai cũng có thể nhớ, cô sinh năm 1973 trong một gia

đình Pushtun có ba chị gái và một anh trai. Máy bay chiến đấu của Liên Xô đã giết chết cha mẹ cô, và khi mới 6 tuổi, cô trở thành người tị nạn ở Pakistan. Chính tại đó vào năm 1984, nhiếp ảnh gia đã chộp được bức ảnh của cô, một sự đột nhập bất ngờ khiến cô tức giận. Bây giờ đã kết hôn và làm mẹ, cô sống cuộc đời giản dị của mình với sự thận trọng điển hình. Cô ấy chấp nhận Hồi giáo và burqa. Cô ấy thậm chí còn dành những lời tốt đẹp cho Taliban.

Burqa, còn được gọi là chadri tại Trung Á là một loại áo dài của phụ nữ Afghanistan, có phần vải để trùm lên đầu, phía trước có một tấm lưới dày che mặt nên họ chỉ có thể nhìn từ trong ra ngoài.



Giống như Sharbat Gula, Roxane đã tận mắt chứng kiến sự tàn khốc của chiến tranh. Các học giả ước tính cô sinh ra vào khoảng năm 340 trước Công nguyên, khiến cô trẻ hơn 16 tuổi so với Alexander. Thế giới của cô dường như luôn không ổn định bất chấp vị trí của cha cô trong số các thủ lĩnh bộ lạc địa phương. Trước khi Roxane lên năm, hai trong số các vị vua Ba Tư đã bị giết. Khi cô lên bảy, vị vua tiếp theo đang chiến đấu vì mạng sống của mình chống lại người chồng tương lai của cô. Lúc 10 tuổi, cô biết được cha cô đã tham gia vào vụ giết Darius và cùng với Bessus, đang quay trở lại bảo vệ quê hương Bactria của họ. Roxane có lẽ không biết cô và gia đình bị coi là một phần của mối đe dọa.

Cô ẩn mình khỏi những kẻ xâm lược như vô số những người khác, trên núi cao. Cuối cùng khi rơi vào tay kẻ thù, Roxane được kêu gọi biểu diễn một điệu nhảy bản địa dành cho những kẻ chinh phục. Từ giữa đoàn múa, Alexander đã chọn cô ấy; bằng cách chia sẻ một ổ bánh

mì được cắt bởi thanh kiếm của mình, họ chính thức kết hôn. Nhiều khách thắc mắc: Tại sao lại là cô ấy? Tại sao ở đây? Những gì người Macedonia biết về những người vợ Bactria đã xua tan nhiều nét quyến rũ của những người phụ nữ này; liên minh khét tiếng của Spitamenes và Sisimithres đã làm mất lòng người nước ngoài. Không có phụ nữ Hy Lạp hoặc Macedonia nào xứng với vua của họ, trong khi cha của anh, Philip, đã kết hôn bảy lần? Trên thực tế, trước khi rời Macedonia, Alexander trẻ tuổi đã được khuyên lấy một cô dâu và tạo ra một người thừa kế. Cuộc sống của một vị vua Macedonia không bao giờ có thể được đảm bảo trước những rủi ro mà anh ta phải chấp nhận và an ninh của vương quốc phụ thuộc vào người kế vị. Alexander, tuy nhiên, đã từ chối lời khuyên này. Qua hàng ngàn dặm của cuộc tuần hành nguy hiểm và hành động quân sự, nhà vua trẻ chưa bao giờ nhượng bộ. Rồi đột nhiên ở vùng hoang dã ở Trung Á, anh cưới con gái của một lãnh chúa. Đây là niềm đam mê hay chính trị? Với

Alexander, không có gì là chắc chắn. Anh ấy đối xử hào hiệp với những người phụ nữ trong gia đình Darius, nhưng mãi đến sau này mới kết hôn. Anh lịch sự từ chối cô con gái được mời chào của một vị vua Scythia. Anh có thể có một tình nhân tên là Barsine, con gái của Artabazus, người đã nghỉ hưu với tư cách là satrap của Bactria. Để duy trì sự xuất hiện của hoàng gia, anh được cho là đã duy trì một hậu cung Ba Tư với số lượng tương đương với các đêm trong năm. Tuy nhiên, các tin đồn lan truyền anh thực sự thích đàn ông hoặc không cảm thấy bị thôi thúc tình dục. Luôn là một bí ẩn, cuộc sống cá nhân của nhà vua khiến chúng ta bối rối. Có lẽ anh đã cảm thấy một tình yêu hoặc ham muốn nào đó đối với Roxane, nhưng không nghi ngờ gì nữa, cô ấy cũng đáp ứng nhu cầu của anh về một sự hòa giải tượng trưng với người Bactria. Khi được làm dâu, Roxane đã đưa hai phe đối địch lại với nhau.

Không giống như truyền thuyết về sự kết hợp giữa vua và nữ thần Anahita, sự kết hợp lịch sử này đã liên kết Alexander với máu thịt của Bactria. Cuộc hôn nhân ngẫu hứng đã đưa gia đình nhà vua trở thành một trong những thị tộc nổi bật của khu vực, nơi anh có thể xây dựng một mạng lưới cá nhân gồm những người trung thành mới. Cũng giống như anh đã đóng vai một vị vua Ba Tư để cắt giảm quyền lực của Bessus, bây giờ anh đảm nhận vai trò của một chàng rễ Bactria để làm suy yếu những kẻ nổi loạn. Đó là một hành động táo bạo nhưng khiến nhiều người không hài lòng. Các chính sách của Alexander cũng không phù hợp với binh lính của anh. Để làm cho vấn đề tồi tệ hơn, nhà vua cũng thăng chức cho một con trai của Oxyartes lên chức vụ cao và mạnh mẽ tuyển mộ người Bactria vào quân đội của mình. Điều này đã lấy đi những người lính khỏi cuộc kháng chiến nhưng đương nhiên đã khiến nhiều cựu binh Hy Lạp và Macedonia hoảng hốt.

Qua tất cả những điều này, Roxane đã phải chịu đựng. Cô đã rời quê hương để có cuộc sống được cho là xa hoa, tình yêu và phiêu lưu. Nhưng mọi thứ không phải là thiên đường. Không còn là một nàng công chúa cổ tích, người may mắn nhất trong số những cô bé Afghanistan nhỏ bé, cô ấy đã được định làm góa phụ của Alexander lâu hơn là vợ của Alexander, và cuối cùng bị sát hại vì là mẹ của người thừa kế Alexander. Cô ấy chết mà không bao giờ được chấp nhận vào thế giới của chồng mình. Trong nhiều năm, cặp đôi thậm chí không thể tiếp tục trò chuyện mà không có sự hỗ trợ của thông dịch viên. Nếu được lựa chọn, cô ấy thực sự có thể đã từ chối chiếc vương miện được trao trong bức tranh lãng mạn hóa của Action. Giống như Sharbat Gula, Roxane có thể muốn ẩn danh, kết hôn với một người dân địa phương hơn là một kẻ chinh phục từ một nền văn hóa xa lạ và thù địch.



Sau hai tháng ở trại mùa đông, nhà vua vội vã trở lại hành động trước khi mùa xuân đến vào năm 327 TCN. Hai năm trước đó, người Hy Lạp và Macedonia đã vượt qua Hindu Kush trong khi mùa đông vẫn đeo bám những ngọn núi này, và họ đã phải chịu đựng rất nhiều vì nó. Lần này ở Sogdiana, quân đội lao thẳng vào một cơn bão dữ dội kinh hoàng, tồi tệ hơn lần trước. Ngày đầu tiên của cuộc hành quân không có điềm báo trước về thảm họa. Vào ngày thứ hai, bầu trời tối sầm lại và đầy đe dọa. Vào ngày thứ ba, tia chớp lóe lên khắp nơi và tạo ra một luồng khí kỳ quái, đáng sợ. Sấm sét chói tai khiến quân lính giật mình. Đột nhiên, mưa và mưa đá ập xuống những người lính, những người đang cúi mình để trú ẩn bên dưới lá chắn của họ. Khi băng tích tụ trên các tấm khiên, chúng trở nên quá nặng và trơn để cầm. Những người đàn ông trở nên mệt mỏi và ướt đẫm. Họ phá vỡ hàng ngũ và tìm nơi trú ẩn trong rừng. Bóng đêm bao phủ và những người đàn ông hoảng sợ bị lạc. Hơn hai nghìn người được cho là đã thiệt mạng trong một

cảnh rùng rợn, với những thi thể bị nhốt trong băng như thể những người chết vẫn đang trò chuyện và tán gẫu với nhau để tránh đi cái lạnh giá. Như đã làm trong cơn ác mộng tại Oxus vào năm 329 TCN, Alexander đã tập hợp lại những người sống sót choáng váng và hứa sẽ cứu trợ. Cựu phiến quân Sisimithres thay nhau cung cấp thực phẩm để giúp quân Macedonia vui vẻ, phần thưởng vật chất đầu tiên từ các chính sách ôn hòa hơn của Alexander. Nhà vua sau đó đã đáp lại lòng tốt này bằng cách đột kích vào lãnh thổ của người Scythia và mang về ba mươi nghìn gia súc để đền đáp.

Các lãnh chúa Bactria đầu tiên, những người đàn ông như Oxyartes và Sisimithres, hiện đã gia nhập lực lượng của Alexander và chứng tỏ lòng trung thành. Một số vẫn còn lỏng lẻo, Catanes và Austanes đứng đầu trong số họ. Alexander đã ra lệnh cho một Người bạn Đồng hành đáng tin cậy để săn lùng họ. Chỉ huy một lực lượng lớn gồm ba lữ đoàn bộ binh

cộng với kỵ binh, Craterus đảm nhận truy lùng lực lượng chính của quân nổi dậy trong khi một trung úy (Polyperchon) đã dọn sạch khu vực được gọi là Bubacene ở đâu đó gần Thung lũng Surkhandarya hiện đại.



Craterus đã giết chết 1.620 kẻ thù, bao gồm cả lãnh chúa Catanes (nổi tiếng là cung thủ giỏi nhất của Bactria); Austanes bị bắt và giao cho Alexander. Tình hình cuối cùng lại diễn ra giống cuộc hành quân đầu tiên vào trung tâm Bactria, với dân bản địa ít nhất giả vờ chấp

nhận chủ quyền của Alexander. Trong khi đó, nhà vua đã trở lại Bactra, háo hức tổ chức giai đoạn tiếp theo cho chiến dịch của mình. Các kế hoạch cho một cuộc xâm lược Ấn Độ, được trì hoãn từ lâu, đã được bộ tham mưu chấp nhận. Tuy nhiên, trước khi Alexander rời đi, hai cuộc khủng hoảng khác đã phát sinh. Giống như vụ giết Cleitus, những vấn đề này cho thấy sức mạnh của các lực lượng âm ỉ đang xây dựng trong vòng tròn bên cạnh nhà vua. Một cách tự nhiên, nó nổ ra ở Bactria.

THÊM ĐỐI ĐẦU

Vào mùa xuân năm 327 TCN, nỗ lực của Alexander để hòa giải các phe phái xung quanh anh đã chạm vào một dây thần kinh khác. Kể từ lần thử thách đầu tiên của Bessus, Alexander đã thêm vào những trách nhiệm truyền thống của người Hy Lạp và Macedonia những vai trò khác nhau của vị vua hợp pháp Ba Tư. Điều này kéo theo việc bổ nhiệm một số người Ba Tư vào các văn phòng của thống đốc, việc áp dụng một số khía cạnh của nghi

thức triều đình Ba Tư, và việc mặc một số quần áo vương giả Ba Tư. Alexander hầu như không thể cai trị bằng cách khác, mặc dù những nhượng bộ này đã khiến những người đồng hương thêm ghen tị. Nhiều người công khai phẫn nộ về cuộc hôn nhân của anh với Roxane và vinh dự này đã được ban cho lãnh chúa Oxyartes. Khi ngày càng có nhiều người nước ngoài như vậy gia nhập đoàn tùy tùng của Alexander, một triều đình mà ngay cả người Hy Lạp và Macedonia thường không thể hòa hợp đã trở thành một cuộc bạo động về sắc tộc và văn hóa.



Khi mùa xuân náo động đã qua, nhà vua ra lệnh cho mười vạn bộ binh và 350 kỵ binh đồn trú ở Bactria trong khi phần còn lại của quân đội hành quân theo anh đến Ấn Độ. Những con số này thật đáng kinh ngạc và gợi ý rằng khu vực vẫn chưa hoàn toàn bình ổn. Không có một đội quân chiếm đóng khổng lồ nào tương

đương ở bất kỳ vùng nào khác của đế chế. Trên thực tế, hơn 43% tổng số bộ binh và hơn 95% kỵ binh được gửi cho các đơn vị đồn trú đóng tại Bactria, mặc dù vương quốc của nhà vua vào thời điểm đó trải dài trên chín quốc gia, bao gồm Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Syria, Iraq và Iran ngày nay. Không cần bàn cãi, điểm nóng của thế giới Alexander là Bactria.

Ngay cả sự hiện diện quân sự đáng kể này cũng không nói lên toàn bộ câu chuyện, vì có tới mười nghìn người Hy Lạp và Macedonia khác cư trú như những người định cư lâu dài giữa những người Bactria và các nước láng giềng của họ. Những cựu binh già và tàn tật này sống trong các thành phố và thuộc địa rải rác khắp khu vực, ở lại để sống những ngày cuối đời giữa những quần thể mà họ đã chiến đấu, ở những nơi mà họ ghê tởm. Đó hẳn là một viễn cảnh ảm đạm, khi đánh giá sự tuyệt vọng của những người đàn ông này để trốn thoát bất cứ khi nào có cơ hội. Đương nhiên, phải đào thải những người không còn sức

chiến đấu. Tuy nhiên, những cựu binh này có thể cảm thấy họ giống như những người Bactria già cỗi bị ném sang một bên cho những con chó Devourer, những con chó mà họ từng thấy đang gặm xương người tại thành phố lớn nhất Bactria. Khi một trong những người Macedonia, một Người bạn Đồng hành tên là Menander, từ chối ở lại nơi đóng quân mà anh ta phụ trách, Alexander đã xử tử để làm gương cho những người khác.

Alexander hành quân trở lại Dãy núi Hindu Kush theo hướng Ấn Độ, đó không phải là sự kết thúc của một chương trong sự nghiệp của anh và bắt đầu một chương khác. Anh đã dành nhiều thời gian của cuộc đời mình hơn - và mất nhiều người hơn - chiến đấu ở Bactria và Sogdiana hơn bất kỳ nơi nào khác của thế giới Ba Tư. Và anh vẫn chưa kết thúc. Alexander đã biết trong nhiều năm rằng anh phải xâm lược vùng biên giới xa xôi ở phía đông Kabul hiện đại để kết thúc cuộc chiến tranh Bactria. Ít nhất một trong những đối tác tội phạm của

Bessus, Barsaentes, đã chạy trốn theo hướng đó và vẫn ở cùng đồng minh nguy hiểm; một trong những tay sai khác của Bessus, Sisicottus, đã xuất phát từ vùng đó, nơi mà không nghi ngờ gì nữa, những kẻ nổi loạn chắc cũng đang ở đó. Nếu kẻ thù có thể tìm thấy những đồng minh hùng mạnh ở Scythia, họ cũng có thể làm như vậy ở Ấn Độ. Do đó, chiến dịch ở miền đông Afghanistan phải được coi là phần mở rộng của cuộc chiến ở miền bắc Afghanistan. Như anh đã thấy, các mục tiêu chiến lược đã hướng dẫn cuộc càn quét của nhà vua về phía sông Indus theo một động thái gần giống với cuộc đấu tranh ở Bactria và Sogdiana chính xác vì nó là một phần của chiến dịch đó. Cơ hội thăm dò ranh giới của phương Đông kỳ lạ, đối với Alexander ít nhất là một phần thưởng; không nhiều môn đồ của anh chia sẻ sự nhiệt tình của nhà vua đối với điều chưa biết.

Chuyến đi trở lại Hindu Kush lần này diễn ra suôn sẻ. Alexander đã chọn con đường dễ

dàng nhất là vượt qua đèo Shibar, nơi không gây ra vấn đề lớn về hậu cần. Mùa đông tuyết đã tan, và một trong những thành phố Alexandria của anh, được thành lập gần Begram vào đầu năm 329 trước Công nguyên, đang chờ quân đội ở phía bên kia dãy núi. Trong khi ở Alexandria này, nhà vua đã thay thế vị chỉ huy ban đầu của thành phố bằng một người đáng tin cậy hơn, một Người bạn Đồng hành tên là Nicanor. Anh thu thập thêm nhiều người dân địa phương đến sống trong thành phố và để lại những người lính bổ sung làm quân đồn trú. Sau đó, quân đội tràn qua thung lũng sông Kabul.

Alexander chia nhỏ lực lượng của mình để bao phủ nhiều vùng hơn, như anh đã từng làm một năm trước đó ở Sogdiana. Hephaestion và Perdiccas đã dẫn một nửa quân Macedonia và tất cả lính đánh thuê Hy Lạp khi họ đi dọc theo tuyến đường chính qua Kabul và Jalalabad ngày nay. Họ được lệnh trấn áp mọi cuộc kháng cự trên đường đi và thiết lập các đồn

trú. Họ gặp ít kháng cự và cuối cùng vượt qua Đèo Khyber nổi tiếng; họ cùng nhau đến sông Indus vào đầu tháng 12.



Khi họ chuẩn bị lắp ráp một cây cầu phao, một cuộc nổi dậy đã nổ ra sau lưng. Giống như Satibarzanes và Spitamenes, một người đàn ông tên là Astis, người được cho là đã làm hòa với người Macedonia, đột nhiên thay đổi quyết định. Vì vậy, ngay khi vấn đề có vẻ trong tầm kiểm soát, Hephaestion phải quay trở lại với một lực lượng đã chọn để đối phó với thủ lĩnh nổi dậy này. Sau cuộc bao vây kéo dài ba mươi

ngày, Hephaestion chiếm được thành trì của quân nổi dậy ở Peucelaotis (Charsada ngày nay) và đưa Astis vào chỗ chết.



Trong khi đó ở phía bắc, biệt đội của Alexander đã phải trải qua một cuộc hành quân đầy thử thách qua địa hình hiểm trở, lạnh giá. Biết rằng ở đây, cũng như ở Sogdiana, nhiều lãnh chúa địa phương và những người đi theo sẽ chỉ đơn giản là chạy trốn sâu vào các thung lũng vùng cao xa xôi để tránh đội quân chính đi cùng Hephaestion và Perdiccas, Alexander đã dẫn đầu một lực lượng tấn công nhanh dọc theo một vòng cung phía bắc để đánh chặn và tấn công vào các pháo đài lạnh giá của họ. Nhà vua đã tăng cường cho kỵ binh với tám trăm lính bộ binh được trang bị để tăng tốc độ tấn công nhưng vẫn giữ một lực lượng lớn cho các cuộc hành quân qua núi và bao vây khó khăn. Bộ binh chính quy tốt nhất dưới sự chỉ huy của Craterus. Nhà vua đã tấn

công pháo đài đầu tiên mà những người tị nạn trong khu vực đã tập trung, một nơi nào đó phía bắc Jalalabad.



Cuộc giao tranh giống với tình huống trước đó ở Sogdiana. Alexander bị thương ở vai, mặc dù không nghiêm trọng; một số bạn Đồng hành (bao gồm cả Ptolemy và Leonnatus) cũng bị thương. Tiếp theo là hành động tàn sát, một phần của chiến dịch có chủ đích “khủng bố

tuyệt đối". Người Macedonia xông vào pháo đài và không bắt tù nhân nào; chỉ những người chạy trốn ngay lập tức sống sót sau cuộc thảm sát do Alexander ra lệnh. Sau đó, nhà vua đã san bằng thị trấn. Craterus và bộ binh phá hủy tất cả các khu định cư gần đó nếu do dự đầu hàng.

Rõ ràng là, trước sự tàn bạo liên quan đến toàn bộ hoạt động này, Alexander đã thể hiện lòng tốt đối với một cộng đồng. Tại Nysa (ngay bên trong Afghanistan hiện đại, phía đông bắc Jalalabad), nhà vua cho người của mình tin rằng họ đã tìm thấy một số tín đồ tốt bụng của thần Hy Lạp Dionysos. Trời trở nên quá lạnh và quân đội đã mệt mỏi. Vì vậy, khi những người bản xứ Nysa cầu xin các điều khoản, Alexander đã ngừng cuộc tấn công và cắt giảm yêu cầu với một trăm con tin quý tộc. Tiến vào thành phố, những người lính nhớ nhà thư giãn và tận hưởng những trò giải trí xa hoa giống như một cuộc vui say sưa của Dionysos. Bữa tiệc linh đình đã vực dậy tinh thần của họ

khi ở sâu trong núi vào mùa đông chết chóc giống như bữa tiệc của Sisimithres đã làm cho họ vào năm trước. Cuộc sống của họ dường như siêu thực hơn bao giờ hết khi họ tỉnh táo và lên đường trở lại.

Tiếp theo, biệt đội của Alexander xâm chiếm vùng đất của người Aspasian, nơi những cư dân khiếp sợ đã đốt nhà và chạy tán loạn vào núi. Nhà vua ra lệnh tàn sát bừa bãi những người chậm chạp hơn. Trong cuộc truy đuổi, Ptolemy đã tìm cách đâm lãnh chúa địa phương. Tại thị trấn tiếp theo cũng vậy, những người bản xứ đốt đồ đạc của họ và chạy trốn; họ không biết những biện pháp tuyệt vọng như vậy sẽ không thể ngăn cản Alexander. Nhà vua đợi Craterus đuổi kịp và ra lệnh cho anh ta củng cố địa điểm bỏ hoang để giúp quân sự hóa vùng biên cương này. Khi Craterus giám sát công việc, Alexander thu hút những người dân địa phương đến cư trú tại nơi này cùng với những người định cư được thu hút từ những người lính không còn phù hợp

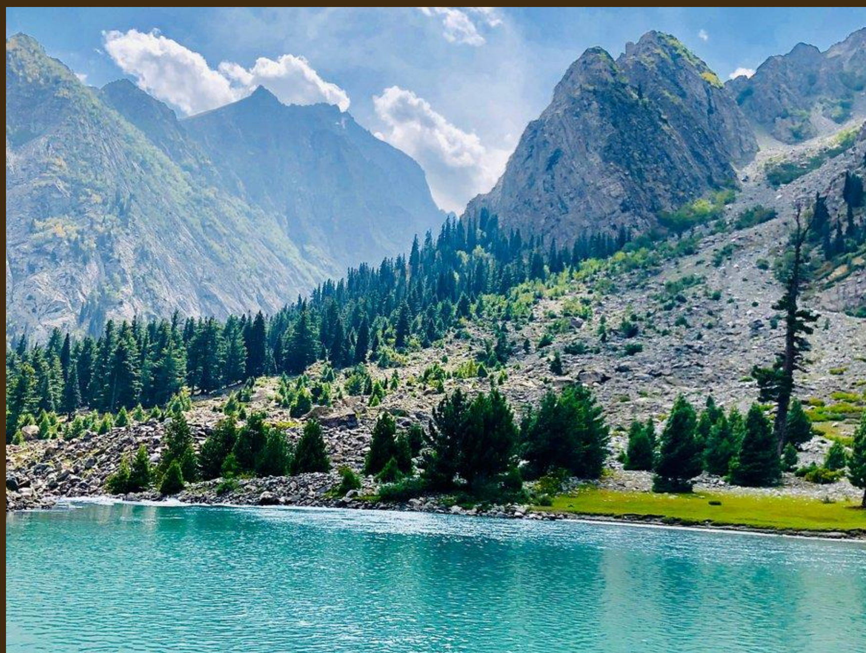
của mình. Trong khi đi tuần tra, Ptolemy phát hiện ra nhiều người tị nạn và báo cáo số lượng đáng kinh ngạc cho nhà vua. Alexander bắt đầu hành động. Anh đã dàn dựng một cuộc tấn công ba mũi nhọn, sau trận chiến ác liệt, đã bắt được khoảng bốn mươi nghìn tù nhân và 230 nghìn con bò. Mặc dù rõ ràng là một sự phóng đại của Ptolemy, những số liệu này cho thấy ở đây (biên giới Jaxartes) cuộc xâm lược của Alexander đã ảnh hưởng đến mọi sinh vật trên đường đi của quân đội.

Khi Alexander băng qua thung lũng này đến thung lũng khác, anh đi qua biên giới hiện đại của Afghanistan và tiến vào khu vực ngày nay được gọi là Khu vực bộ lạc do Liên bang quản lý và Tỉnh biên giới Tây Bắc của Pakistan. Những khu vực hẻo lánh này từ lâu đã có rải rác các trại tị nạn từng nuôi dưỡng Sharbat Gula. Vào thời của mình, Alexander đã nhắm mục tiêu đến các khu định cư là nơi trú ẩn của các lãnh chúa và nơi gieo mầm kháng chiến. Tuyến đường chính xác của anh từ lâu đã trở

thành chủ đề được các nhà thám hiểm quan tâm. Ngài Marc Aurel Stein (1862-1943) gan dạ đã cho ra đời một cuốn hồi ký hấp dẫn về nhiệm vụ cá nhân của mình, “Trên con đường Alexander hành quân đến Indus”, cuốn sách vẫn được đọc rộng rãi cho đến ngày nay. Stein lần theo con đường Alexander đi lên Thung lũng Kunar, băng qua Panjkora, và sau đó xuống Swat. Cheo leo trên những tảng đá và tàn tích, nhà khảo cổ học người Hungary đã xác định nhiều địa điểm chiến đấu, dựa trên các văn bản cổ và địa hình hiện đại. Những phỏng đoán của ông cũng tốt như bất kỳ điều gì, và năng khiếu miêu tả của ông đã làm sống động những khó khăn mà các chiến binh thời xưa phải chịu đựng.

Tại Thung lũng Swat, Alexander lần đầu tiên bao vây một nơi có tên là Massaga, nơi anh phải chịu đựng một vết thương khác. Máy bắn đá và tháp bao vây đã tiêu diệt nhiều quân trú phòng, bao gồm cả chỉ huy của họ. Những cỗ

máy này hẳn là một điều kỳ diệu để xem giữa những ngọn núi hoang dã của Swat.



Thung lũng Swat

Cao năm mươi sáu mươi mét, với những cây cầu tấn công hạ xuống để giải phóng những cung thủ và quân lính khác, các tháp có bánh xe của người Macedonia rất đồ sộ. Stein ngạc nhiên về cách Alexander vận chuyển chúng, nhưng tất nhiên chúng được chuyển thành từng mảnh và ráp lại tại chỗ. Tuy nhiên, nỗ lực là rất lớn và cho thấy tầm nhìn xa của nhà vua.



Các cư dân của Massaga đã thuê bảy nghìn lính đánh thuê từ nước láng giềng Ấn Độ; Khi trận chiến trở nên tồi tệ, những người đàn ông thực dụng này đã chấp nhận đình chiến và hứa sẽ phục vụ trong quân đội của Alexander. Tuy nhiên, sau đó nhà vua đã thay đổi quyết định. Bất chấp hiệp định đình chiến, anh đã bao vây những người lính đánh thuê và hành quyết họ đến người cuối cùng. Cuộc thảm sát này nhằm mục đích khiến các thành phố khác phải khiếp sợ và đầu hàng, nhưng người bản địa không muốn hạ vũ khí và tiếp tục chiến đấu. Từng nơi

một, các khu định cư của họ sụp đổ, với thiệt hại lớn về nhân mạng.

Ngay cả pháo đài hùng mạnh trên núi ở Aornus (PirSar hiện đại?) Cũng không thể chống lại những kẻ xâm lược Macedonia kiên gan, kẻ luôn ấp ủ suy nghĩ rằng chính Hercules đã từng thất bại trong việc đánh chiếm nó. Sử dụng các phương pháp tương tự đã thành công ở Sogdiana, quân của Alexander đã chiến thắng con người và thiên nhiên. Nhà vua đã cử Ptolemy với một lực lượng được chọn để giành lấy một số vị trí trên cao sau một cuộc leo núi khó khăn, gợi nhớ đến việc chống lại Ariamazes. Alexander bắt đầu các chiến dịch bao vây bằng cách xây dựng một cái ụ đất nhô lên giống như cái được sử dụng để chống lại Sisimithres. Người Macedonia do đó đã vượt qua Hercules bằng cách chiếm được ngọn núi. Nhiều người tị nạn đã chết ở đó hoặc dưới bàn tay của quân đội Alexander hoặc do nhảy xuống từ các vách đá. Nhà vua ăn mừng chiến thắng và ngay sau đó

nhận được cái đầu bị chặt đứt của lãnh chúa cuối cùng, một nhà lãnh đạo nổi loạn ở Buner, đã bị những người đi theo giết chết để ngăn chặn giao tranh. Vì vậy, chiến dịch mùa đông ở miền đông Afghanistan đã diễn ra như trước đó ở miền bắc: nhà vua gặp phải sự kháng cự mãnh mẽ. Anh không hề tỏ ra thương xót hay hòa giải cho đến khi đổ rất nhiều máu. Khi đã xông vào tất cả các pháo đài và nơi ẩn náu đã biết, giết đủ số lượng người dân địa phương và các thủ lĩnh bộ lạc của họ, đồng thời nhận những phiến quân còn lại thành từng bộ phận hoặc theo dây chuyền, Alexander bỏ lại những đồn trú quân lớn và lên đường. Anh tái hợp với Hephaestion và Perdiccas tại cây cầu Indus, tự tin vào tình hình phía sau họ. Tuy nhiên, trong vòng một năm, khu vực bùng lên cuộc nổi dậy mới - một điềm báo tồi tệ cho tương lai.

Sông Indus-Ấn Độ, gọi tắt là Sông Ấn, còn được ghi lại là Sindhu, Sinthos, và Sindus, là con sông chính của Pakistan. Trước năm 1947 khi Ấn Hồi phân chia thành hai quốc gia Ấn Độ và Pakistan thì sông Ấn là con sông lớn thứ nhì sau sông Hằng của xứ Ấn Độ ở vùng Nam Á. Con sông này có vai trò quan trọng về mặt văn hóa lẫn thương mại của cả khu vực.

Địa danh “Ấn Độ” cũng xuất phát từ tên của con sông này. [Indus - India]

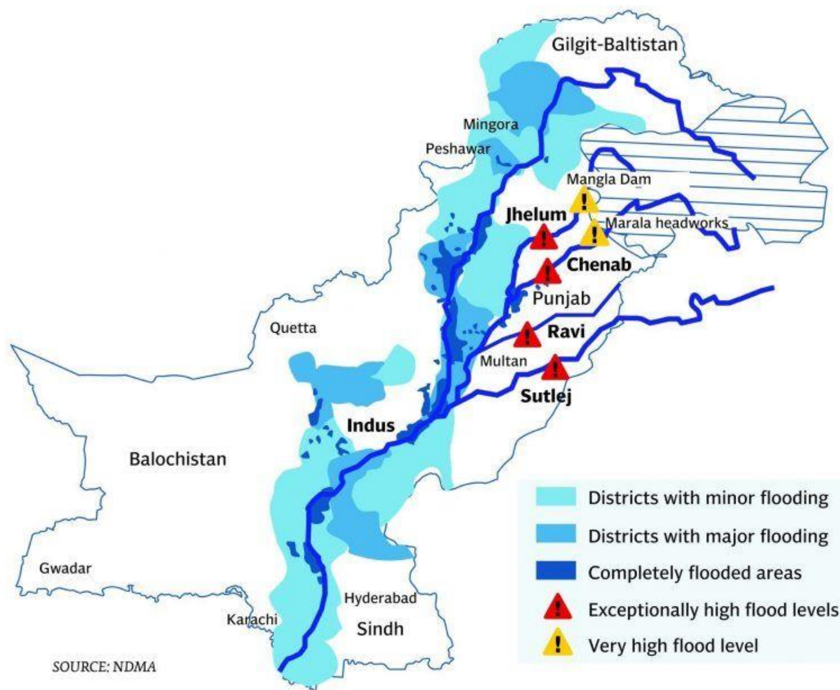
Sông Ấn bắt nguồn từ Tây Tạng, chảy từ dãy núi Himalaya theo hướng Đông nam lên tây bắc qua Kashmir trước khi rẽ về hướng nam, chếch tây nam sau khi vào địa phận Pakistan. Chiều dài của sông Ấn tùy theo cách đo đạc, dao động từ 2.900 đến 3.200 km.

Sông Ấn là cái nôi của một nền văn minh cổ đại, nơi đã sớm xuất hiện những đô thị đầu tiên trên thế giới.

Nền văn minh thung lũng sông Ấn là một trong bốn nền văn minh của thế giới cổ đại, ba nền văn minh cổ đại khác là nền văn minh Lưỡng Hà (Mesopotamia), nền văn minh Ai Cập cổ đại và nền văn minh Trung Hoa. Các đô thị chính của nền văn minh thung lũng sông Ấn, chẳng hạn như Harappa và Mohenjo Daro đã ra đời vào khoảng năm 3000 TCN, và là hiện thân của những khu vực con người cư trú lớn nhất trong thế giới cổ đại.

Cá heo sông Ấn là một phân loài của cá heo chỉ tìm thấy ở sông Ấn. Trước kia, chúng đã từng tồn tại ở các sông nhánh của sông Ấn. WWF xếp loài này là một trong những loài trong bộ Cá voi nguy cấp vì chỉ còn khoảng 1000 cá thể. Cá palla (Hilsa ilisha) sống trong sông này là đặc sản của người dân sống dọc theo hai bờ sông.

Nằm ở phía đông nam Karachi, đồng bằng châu thổ lớn được các nhà bảo tồn sinh thái đánh giá là một trong những khu sinh thái quan trọng nhất của thế giới.


Gilgit-Baltistan
Mingora
Peshawar
Mangla Dam
Jhelum
Marala headworks
Chenab
Punjab
Quetta
Ravi
Multan
Sutlej
Indus
Balochistan
Gwadar
Hyderabad
Karachi
Sindh
SOURCE: NDMA
Districts with minor flooding
Districts with major flooding
Completely flooded areas
Exceptionally high flood levels
Very high flood level



BÓNG TỐI

HỖN LOẠN

Alexander Đại đế không bao giờ đặt chân lên đất Afghanistan một lần nữa. Trong phần còn lại của cuộc đời ngắn ngủi của mình, nhà vua đã đi ngang qua đất nước trong một cuộc hành quân hủy diệt qua Pakistan và trở lại dọc theo bờ biển đến Babylon ở Iraq. Mỗi bước đi khó khăn trên con đường, ảnh hưởng từ chiến tranh Bactria quấy rối Alexander và đội quân kiệt sức của anh. Quân đội mệt mỏi và chán nản; họ mất ý chí cho những cuộc chinh phục xa hơn. Những người đàn ông trở nên khó chịu khi sự vất vả và đổ máu đã khiến họ phải gánh chịu hậu quả. Họ đã căm ghét và săn lùng các lãnh chúa quá lâu, đến nỗi sự tàn bạo có hệ thống đã trở thành bản chất thứ hai. Không ai còn bận tâm về các vụ thảm sát thường dân. Chiến tranh du kích và nhiệm vụ đồn trú dường như rất mới mẻ với họ, khác xa so với

những ngày náo nhiệt với những chuyến xe nặng nề từ các cung điện bị cướp bóc ở Ba Tư. Họ nhìn xung quanh và thấy một đội quân rất khác - đang tràn ngập lính đánh thuê và lính nghĩa vụ nước ngoài. Nhiều gương mặt thân quen đã không còn nữa.

Dịch bệnh trở nên phổ biến hơn khi họ đi lang thang ngày càng xa Địa Trung Hải. Họ cảm thấy thiếu tin tưởng vào các chỉ huy của mình, kể cả nhà vua. Anh ấy đã thay đổi như bao người khác. Những vết sẹo trên cơ thể của anh đang tích tụ với tốc độ đáng kinh ngạc, nhưng những tổn thương về tình cảm và tâm lý của anh dường như còn lớn hơn. Có tin đồn anh đã uống rượu đến bất tỉnh trong nhiều ngày liền. Anh tỏ ra ủ rũ, đôi khi lao vào cơn thịnh nộ hay hờn dỗi như một đứa trẻ. Vào những ngày khác, anh yêu kẻ thù tồi tệ nhất của mình. Hội chứng căng thẳng sau chấn thương khiến mọi người sống sót sau các chiến dịch Bactria trở thành nạn nhân khó lường.

Đối lập với thực tế tồi tệ của trải nghiệm đó là khuôn mặt vui vẻ của chiến tranh được nhiều người biện hộ vẽ lên như những tấm khiên cho quân đội Alexander. Còn ai tin Plutarch rằng các dân tộc cổ đại ở Afghanistan tự cho mình là may mắn khi Alexander tìm thấy và chinh phục họ, hay mục đích duy nhất của nhà vua khi tàn sát họ là chấm dứt sự thù địch của loài người và thay thế hòa bình cho chiến tranh? Để khẳng định quyền lực và bảo vệ đế chế của mình khỏi các mối đe dọa tiềm tàng, Alexander đã hành động đơn phương và chấp nhận ít sự kiềm chế: mục đích luôn biện minh cho phương tiện.

Alexander đã tìm cách cô lập Bactria khỏi các nước láng giềng Scythia của nó, để đè bẹp các lãnh chúa nổi dậy của Bactria, và tàn phá vùng nông thôn như một phương tiện để phá vỡ sự ủng hộ của những kẻ nổi loạn. Trước sự tín nhiệm và xấu hổ của mình, Alexander đã tránh một nửa các biện pháp một khi anh đặt tâm trí vào nhiệm vụ. Nhà vua đã vượt xa việc chiếm

được nhất thời các thành phố trọng yếu, cưỡng bức một số thủ lĩnh bộ lạc, và thành lập một thủ lĩnh bù nhìn nước ngoài. Anh lùng sục mọi ngóc ngách tối tăm của Afghanistan và những vùng biên giới hoang dã nhất của nó. Anh truy tìm mọi kẻ nổi loạn. Anh đã thiết lập các cơ sở quân sự xâm nhập để phong tỏa các biên giới. Anh đột kích và đốt cháy các thành phố, làng mạc, trang trại, pháo đài, và thậm chí cả trại tị nạn. Anh trừng phạt dân thường như thể họ là quân địch. Anh đã phát minh ra chiến tranh tổng lực và coi nó như một cuộc chiến ít tàn ác hơn.

Cuộc xâm lược của Alexander vào Bactria và các vùng phụ cận đã phải trả giá bằng mạng sống của vô số người dân bản địa. Ước tính đàn ông, phụ nữ và trẻ em thiệt mạng bắt đầu ở mức 120.000 người và cao hơn đáng kể. Những tổn thất đã biết của nhà vua (lên đến 7.000 binh sĩ) có vẻ nhỏ khi so sánh, nhưng chúng thể hiện một tỷ lệ đáng kể nhân lực sẵn có của anh. Quan trọng hơn, thương vong của

người Hy Lạp và Macedonia vượt xa bất cứ điều gì phải chịu đựng trong các chiến dịch của Alexander cho đến thời điểm đó. Chúng làm mất tinh thần những người đàn ông, vượt quá khả năng chịu đựng. Những tổn thất trước Spitamenes tại sông Polytimetus là tồi tệ nhất đối với bất kỳ cuộc giao tranh quân sự nào trong triều đại của Alexander; trên thực tế, vào ngày hôm đó, nhà vua đã mất số quân nhiều hơn tất cả các trận chiến lớn và các cuộc bao vây nhằm lật đổ Darius. Cũng đáng chú ý là những thiệt hại lớn cho môi trường, bị lu mờ trước những thiệt hại từ trận chiến. Những khó khăn như vậy chưa bao giờ làm chùn bước đội quân của nhà vua khi băng qua những ngọn núi và sa mạc của Afghanistan và chìm vào trận bão tuyết Sogdian. Tuy nhiên, để khám phá tác động của cuộc xâm lược Afghanistan này, phải xem xét số phận của những người sống sót. Chẳng hạn, các chiến dịch Bactria tốn kém đã thực sự mang lại lợi ích gì cho người Hy Lạp và Macedonia? Họ nên tận hưởng một tuổi già yên bình ở quê hương hay

phải đi ra nước ngoài để trở thành quân đồn trú? Thế giới có trở nên an toàn hơn cho những người bị chinh phục không? Mối đe dọa từ các lãnh chúa và chủ nghĩa khủng bố đã chấm dứt hay chính những kẻ xâm lược và chiếm đóng đã trở thành những kẻ khủng bố?

Không dễ để xác định điều gì đã xảy ra ở Afghanistan cổ đại trong các chiến dịch của Alexander. Trong suốt thời gian trị vì của anh, bất cứ điều gì xảy ra với nhà vua đều khó có cơ hội được ghi lại cho hậu thế. Rốt cuộc, các nhà sử học chính thời đó là thành viên của đoàn tùy tùng, những người tập trung vào môi trường xung quanh và trải nghiệm trước mắt của họ. Sự chú ý của họ đương nhiên theo sau nhà vua và triều đình của anh ấy, để lại mọi thứ khác trong bóng tối. Vì vậy, khi Alexander hành quân khỏi những nơi như Bactria, bóng tối nuốt chửng vùng đất, khiến chúng ta tự hỏi về những gì đã xảy ra sau đó. Một số học giả hiện đại cho là điều tốt nhất. Ví dụ, quan điểm thông thường nói rằng “điều kiện định cư” ở

Bactria và Sogdiana mang lại sự thịnh vượng, hòa bình, thương mại và đô thị hóa. Những người khác đã lập luận một cách tỉnh táo hơn rằng tình hình Alexander để lại là không ổn định và đầy biến động. Hầu như không có nhà vua nào đi chệch choạc hơn là các sứ giả đến trại của anh để báo cáo các cuộc nổi dậy mới ở những nơi được cho là đã bình định. Khi những sứ thần như vậy đến triều đình, họ mang đến những gợi ý về những gì thực sự đang xảy ra ở nơi khác. Dựa trên những manh mối này, có thể thấy những người bị bỏ lại Bactria vẫn ở trong tình trạng chiến tranh và hỗn loạn, không phải hòa bình và thịnh vượng.

Ví dụ, vào mùa hè năm 326 TCN, một người đưa tin đến trại của Alexander ở Punjab để thông báo rắc rối đã nổ ra dọc theo biên giới Afghanistan và Pakistan ngày nay. Nhà vua vừa rời khỏi khu vực chỉ vài tháng trước đó, nhưng những người trong bộ lạc Assacenia đã sát hại người cai trị mà Alexander giao phó. Do đó, nhà vua đã ra lệnh cho một trong

những Người bạn Đồng hành của mình, Philip, con trai của Machatas, hỗ trợ Sisicottus (chỉ huy của đồn Aornus) trong việc dập tắt cuộc nổi loạn trước khi nó lan rộng hơn nữa. Mức độ của vấn đề được tiết lộ qua việc Tyriespis, thống đốc của vùng Kabul, cũng được kêu gọi để giúp ngăn chặn cuộc nổi dậy. Các nguồn tin của chúng tôi không đề cập đến một thống đốc khu vực khác, Nicanor, điều này cho thấy anh ta có thể đã bị giết trong cuộc nổi dậy.



Trong lúc đó, các lực lượng của Alexander tiến vào Ấn Độ huyền bí.

ẤN ĐỘ

CHO TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ BIẾT VỀ THẾ GIỚI, NGƯỜI ẤN ĐỘ SỐNG Ở NƠI XA NHẤT CỦA TRÁI ĐẤT VÀ GẦN NƠI MẶT TRỜI MỌC NHẤT, ẤN ĐỘ XA XÔI KHÔNG LÀ GÌ KHÁC NGOÀI SA MẠC CÁT KHÔ CẰN.

HERODOTUS

Đám cưới của Alexander với Roxane vào năm thứ bảy của chiến dịch chỉ là bước đầu tiên trong một số bước gây tranh cãi mà nhà vua đã thực hiện để thống nhất các phe phái khác nhau trong đế chế của mình khi anh chuẩn bị tiến tới biên giới Ấn Độ. Một trong những tầm nhìn xa nhất là quyết định đào tạo ba mươi nghìn thanh niên bản địa từ khắp đế quốc thành binh lính Macedonia. Kế hoạch này được thúc đẩy bởi sự cần thiết, vì Alexander biết ngay cả khi hầu hết các sĩ quan của anh từ chối chấp nhận sự thật - quốc gia nhỏ bé Macedonia đơn giản là không thể sản xuất đủ quân để kiểm soát tất cả các vùng đất mà anh

đã chinh phục và hy vọng sẽ chinh phục được. Giống như những người Ba Tư trước đây, nhà vua nhận ra cần thu hút nhân lực của nhiều quốc gia dưới sự kiểm soát của mình để đảm bảo và mở rộng quyền thống trị. Những thanh niên được chọn này sẽ được dạy tiếng Hy Lạp, được trang bị như những người lính Macedonia, và được huấn luyện để chiến đấu như những thành viên trong quân đội. Họ sẽ không phải là lực lượng hỗ trợ nước ngoài, như đã phổ biến trong thế giới cổ đại, mà là một phần không thể thiếu của quân đội Macedonia mới, bao gồm các thủ lĩnh ở cấp cao nhất. Đó là một kế hoạch sáng tạo, táo bạo vượt ra ngoài bất cứ điều gì đã được thử nghiệm trong lịch sử quân sự. Alexander đã rất cố gắng để đảm bảo với quân đội hiện tại của mình rằng hành động này sẽ không làm giảm tầm quan trọng của họ, nhưng họ không tin anh. Bất cứ ai cũng có thể thấy nhà vua đang có kế hoạch biến quân đội Macedonia từ một tỉnh thành một lực lượng quốc tế. Khi những người lính già đi và lứa tân binh bản địa đến tuổi, những

người đàn ông đã chiến đấu với anh bấy lâu nay sẽ được đưa về nhà ở Macedonia với một túi vàng và một cái vỗ nhẹ vào lưng. Tất nhiên, con trai và cháu trai của họ cũng sẽ phục vụ dưới quyền của Alexander, nhưng với tư cách là thành viên của quân đội đế quốc mà người Macedonia chỉ là một phần. Các chỉ huy tương lai có thể sẽ đến từ Ba Tư, Babylon, hoặc Ấn Độ như Pella. Đó là một đòn cay đắng đối với quân đội, sĩ quan và binh lính trung thành của anh, những người không có chung tầm nhìn với Alexander về một đế chế thế giới mới.



Nhưng điều đáng lo ngại hơn đối với nhiều người Macedonia là vấn đề nghi thức tôn kính trước nhà vua, một nghi lễ được người Hy Lạp gọi là proskynesis. Herodotus nói rằng khi hai người Ba Tư gặp nhau trên phố, người ta luôn có thể biết được địa vị xã hội bằng cách quan sát cách họ chào hỏi nhau. Những người bình đẳng sẽ hôn nhau trên miệng, nhưng một

người đàn ông ở cấp bậc thấp hơn một chút sẽ nhận được nụ hôn trên má từ cấp trên của mình. Tuy nhiên, những người có vị thế kém cỏi sẽ phủ phục trên mặt đất trước những người giỏi hơn họ. Nghi thức tương tự được áp dụng cho Đại vương tại triều đình, mặc dù ông là người cao hơn tất cả những người khác, người ta mong đợi tất cả mọi người sẽ quỳ xấp xuống đất trước ông, trừ một số ít được miễn. Các cảnh trong nghệ thuật Ba Tư cho thấy các quan chức cấp cao tiến đến gần nhà vua trên ngai vàng và hôn tay phải của ông, nhưng hầu hết những người cầu xin - và chắc chắn là tất cả người Hy Lạp - đều phải cúi đầu trước vinh quang tuyệt vời của hoàng gia.

Đối với người Hy Lạp và Macedonia, hành vi hèn hạ như vậy trước bất kỳ vị vua nào là không thể tưởng tượng được. Người Hy Lạp tự do không cúi đầu trước các vị vua, mà chỉ cúi đầu trước các vị thần. Phủ phục trên sàn nhà trước một người đàn ông là tư thế của một nô lệ trước chủ nhân của anh ta hoặc một người

thờ phượng trước một vị thần. Ngay cả khi cầu nguyện, người dân Aegean thường đứng trong sự tôn kính trước hình ảnh một vị thần không cúi đầu quá sâu. Người Ba Tư không coi việc quỳ trước Đại vương như một hành động tôn thờ, mà là một dấu ấn sâu sắc của sự tôn kính và phục tùng hoàng quyền. Người Hy Lạp biết điều này, nhưng họ không bao giờ có thiện cảm để thực hiện sự vâng lời như vậy khi xuất hiện trước ngai vàng của người Ba Tư. Một sứ thần Thebes thông minh đến Persepolis đã từng đến gần vua Ba Tư và để chiếc nhẫn của ông rơi xuống sàn, sau đó khom người nhặt nó lên, tự bào chữa rằng mình vừa cúi xuống đất để lấy tài sản cá nhân. Tuy nhiên, một số du khách Sparta đến triều đình ở Susa tỏ ra cố chấp hơn. Khi các vệ sĩ hoàng gia bảo họ hãy lễ lạy, họ đã từ chối. Khi các lính canh cố gắng đẩy họ xuống sàn, họ đã đánh trả, nói rằng việc quỳ xuống trước bất kỳ người phàm nào không phải là phong tục của họ. Sự phản kháng của người Hy Lạp đối với nghi lễ Ba Tư này đã ăn sâu vào tâm lý dân

tộc, đến nỗi nhiều người thích mạo hiểm với cái chết hơn là chịu sự sỉ nhục như vậy.

Nhưng đối với người Ba Tư và những người khác tại triều đình, proskynesis là một phần bình thường của nghi thức. Ngay từ lần đầu tiên họ đến trước Alexander, người Ba Tư đã quỳ xuống đất như một hành động tôn trọng, mặc dù thực tế là người Macedonia đã nhìn vào màn trình diễn của họ với vẻ thích thú và khinh thường. Điều này đã tạo ra một tình huống không thể tránh khỏi cho Alexander. Các thần dân châu Á thường xuyên thực hiện nghi lễ trước anh và từ chối thay đổi cách thức, trong khi người Hy Lạp và Macedonia coi nghi lễ này như một sự man rợ và hèn hạ. Vào lúc Alexander đang chuẩn bị cho cuộc xâm lược Ấn Độ, anh biết phải giải quyết tình hình. Hy vọng của anh là giới thiệu proskynesis dần dần cho người Macedonia, có lẽ ở dạng đã được sửa đổi, để họ chấp nhận nó như một nghi thức thuần túy không có ý nghĩa tôn giáo. Alexander không muốn được đồng hương tôn

thờ như một vị thần hay thậm chí tận hưởng những nghi lễ cung đình phức tạp như truyền thống bao quanh các Đại vương của Ba Tư, nhưng sẽ thật nực cười và gây chia rẽ khi một nửa triều đình thực hiện nghi lễ quỳ trước mặt mình và nửa kia-coi nó như một trò đùa tồi tệ.

Nỗ lực của nhà vua để giới thiệu proskynesis giữa những người Hy Lạp và Macedonia hóa ra lại là một thất bại thảm hại, phần lớn là bởi sử gia triều đình Callisthenes. Anh ta ghét bị thua trong một cuộc tranh luận và tự hào khi miêu tả mình là người bảo vệ quyền tự do trước chế độ chuyên quyền của phương Đông. Nhiều người trong số những người lính Macedonia ngưỡng mộ lập trường thẳng thắn, ủng hộ truyền thống của anh ấy vì Callisthenes nói những gì theo suy nghĩ của họ, nhưng nhà sử học đã nhầm tưởng rằng mình không thể chạm tới. Ngay cả Aristotle cũng nhận xét cháu trai của ông là một nhà hùng biện tuyệt vời, nhưng không có ý thức chung.

Một đêm nọ, Callisthenes đã tự định đoạt số phận của mình trong một bữa tiệc khi Alexander cố gắng giới thiệu một hình thức proskynesis có thể chấp nhận được với các sĩ quan và bạn bè người Macedonia của mình. Nhà vua chuyển một chén rượu cho người bạn ăn tối gần nhất của mình, người này sau đó sẽ cúi đầu trước một ngôi đền nhỏ của một vị thần nằm ngay phía sau nhà vua. Sau đó, mỗi vị khách sẽ nhận được một nụ hôn từ Alexander và trở về vị trí của mình trên chiếc ghế dài. Khi đến lượt Callisthenes, anh ta lấy rượu nhưng không thực hiện proskynesis. Lúc này Alexander đang bận nói chuyện với Hephaestion và không để ý, nhưng một người bạn của anh đã chỉ ra sơ sót cho nhà vua. Khi Alexander đối mặt với Callisthenes, anh ta trả lời một cách không khéo léo rằng anh ta sẽ làm mà không có nụ hôn.

Alexander đã sắp đặt cái chết của vị tướng vĩ đại nhất (Parmenion) và con trai của ông (Philotas), sau đó giết một trong những người

bạn trung thành nhất của mình trong cơn tức giận(Cleitus). Callisthenes là một kẻ ngu ngốc nếu nghĩ nhà vua sẽ ngần ngại trừng phạt một sử gia đơn thuần vì sự cố tình như vậy. Nhưng Alexander cũng rất khôn ngoan và biết nếu anh chơi theo sự phù phiếm của Callisthenes - sẽ đẩy nhanh sự diệt vong của mình. Do đó, anh đã thách thức anh ta đưa ra một bài phát biểu ngẫu hứng để ca ngợi lòng dũng cảm của người Macedonia. Callisthenes quá vui mừng tuân theo, ca ngợi vinh quang của những người đàn ông Macedonia trong khi họ vỗ tay và ném vòng hoa vào chân anh ta. Nhưng sau đó, để kiểm tra kỹ năng của mình theo cách được giảng dạy ở tất cả các trường hùng biện của Hy Lạp, nhà vua yêu cầu anh ta lập luận ngược lại và tố cáo đức hạnh của người Macedonia. Callisthenes đã cắn câu và đáp lại một cách hào hứng, chê bai những lỗi lầm của người nhà bằng những đánh giá sâu sắc. Vì các tướng lĩnh của Alexander không đánh giá cao các sắc thái của sự hùng biện Hy Lạp, họ nhận những lời chỉ trích và trở nên giận dữ với

Callisthenes. Vì vậy, chỉ với một cú đánh khéo léo, Alexander đã thành công trong việc tách anh ta khỏi những người ủng hộ nhiệt thành nhất của mình. Bây giờ tất cả những gì anh phải làm là đợi thời điểm thích hợp để khiến Callisthenes im lặng mãi mãi.

Cơ hội sớm xuất hiện khi một trong những người phục vụ hoàng gia, một chàng trai trẻ hóm hỉnh ngu ngốc tên là Hermolaus, lập ra một kế hoạch để đạt được danh tiếng vĩnh cửu bằng cách giết Alexander. Cậu ta trước đó đã xúc phạm Alexander khi giết một con lợn rừng trong một cuộc đi săn trước nhà vua, khiến bị phạt. Hermolaus bị làm nhục và muốn trả thù. Giống như Pausanius đã hy vọng giành được danh tiếng bằng cách giết Philip nhiều năm trước đó, Hermolaus bây giờ muốn ghi dấu ấn vào lịch sử với tư cách là sát thủ của một vị vua nổi tiếng. Khi kể cho một số người bạn biết kế hoạch của mình, chàng thanh niên khờ khạo đã nhanh chóng bị phản bội và bị bắt. Alexander biết đây chỉ là một âm mưu được

nâng cấp bởi một cậu bé ngay từ đầu, nhưng anh đã nhìn thấy một cơ hội hoàn hảo để thoát khỏi Callisthenes. Mặc dù Hermolaus không buộc tội nhà sử học khi bị tra tấn, nhưng không có gì khó khăn khi lôi kéo Callisthenes vào câu truyện, vì anh ta thân thiện với tất cả người phục vụ hoàng gia (con của những nhà quý tộc Macedonia). Trước khi biết điều đó, Callisthenes đã bị bắt và bị trói trong xiềng xích mà không có sự phản đối nào từ những người lính Macedonia mà anh ta đã xúc phạm gần đây. Một số nguồn tin nói anh ta bị treo cổ ngay lập tức, những nguồn khác cho rằng anh ta chết vài tháng sau đó vì bệnh tật, nhưng tất cả đều đồng ý sự nghiệp của anh ta với tư cách là sử gia triều đình đã gặp phải cái kết chết người ở biên giới Ấn Độ. Tuy nhiên, anh ta đã thành công khi ngăn chặn Alexander giới thiệu nghi lễ proskynesis cho người Macedonia. Cuối cùng, nhà vua quyết định nó không đáng để gây rắc rối.

Vào cuối mùa xuân năm thứ bảy sau khi băng qua châu Á, Alexander và quân đội bắt đầu cuộc xâm lược Ấn Độ. Anh đã vượt qua những ngọn núi về phía nam trong mười ngày, nhanh hơn nhiều so với chuyến đi về phía bắc hai năm trước đó bằng đường đèo Khawak. Anh đã dành vài ngày ở Alexandria mà ông đã thành lập ở phía bắc của thung lũng Kabul và thay thế một thống đốc ở đó, người đã cai trị kém khi anh vắng mặt. Có thể dễ dàng coi Alexander không là gì khác ngoài một vị tướng và kẻ chinh phục vì đây là cách anh thường được miêu tả trong các nguồn cổ xưa, nhưng anh đã dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu các chi tiết hành chính của đế chế. Việc anh luôn đưa ra những lựa chọn khôn ngoan hay không là điều còn tranh cãi. Anh có thói quen nhanh chóng chọn một thống đốc cho một thành phố hoặc tỉnh, sau đó thay thế người được bổ nhiệm sau khi đã có thành tích quản lý yếu kém. Tại Alexandria vùng Kavkaz, anh đã chọn một người Macedonia rắn chắc làm người cai trị mới của thành phố, nhưng

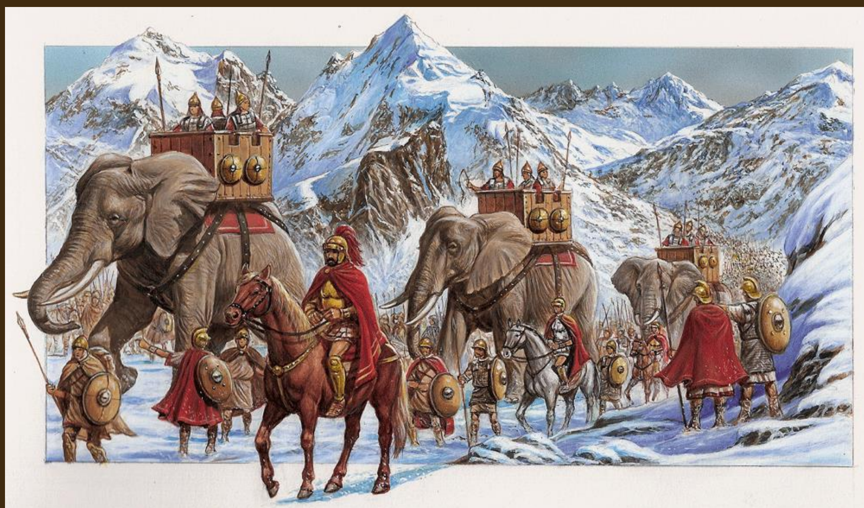
gần như sau đó, anh đã chọn một người Ba Tư tên là Tyriespis làm thần vệ của khu vực. Đúng như hình thức, hai năm sau Alexander sẽ thay thế Tyriespis và xử tử anh ta vì tội tham nhũng.



Alexandria vùng Kavkaz

Khi còn ở Sogdiana, Alexander đã cử sứ giả đến các thành phố gần nhất ở Ấn Độ để triệu tập các vị vua địa phương đến dự và phục tùng quyền lực của anh. Những người cai trị này đã đến khi anh di chuyển về phía đông qua thung lũng Kabul và cam kết trung thành. Người cai trị thành phố Taxila quan trọng của Ấn Độ, ngay bên kia sông Indus, cũng nằm trong số

đó. Ông ta đã nhìn thấy cơ hội để Alexander giúp đánh bại kẻ thù của mình. Để chứng tỏ lòng thành với người cai trị Macedonia, ông ta đã tặng 25 con voi chiến để sử dụng trong chiến dịch sắp tới.



Tại thời điểm này, Alexander chia quân làm đôi và gửi Hephaestion với một lực lượng đáng kể đi dọc theo con đường tương đối dễ dàng về phía đông, băng qua đèo Khyber với lệnh khuất phục các bộ lạc nổi loạn trên đường đi, và quan trọng nhất là đến sông Indus càng nhanh càng tốt. và xây một cây cầu, như anh ấy đã làm tại Euphrates, để phần còn lại của quân đội băng qua. Các vị vua Ấn Độ và một

đội kỹ sư lớn đã đi cùng người bạn thân nhất của anh trên tuyến đường này. Alexander tự mình đưa phần còn lại về phía đông bắc vào vùng núi trên một chuyến đi vòng quanh để bình định các bộ lạc cao nguyên ở phía đông Hindu Kush. Như thường lệ, vị vua trẻ thích thú nhận những nhiệm vụ khó khăn nhất.

Cuộc thám hiểm qua những ngọn núi đã mất nhiều tháng lê bước trên những con đường mòn hẹp và băng qua những con suối dữ dội. Nếu có một pháo đài không thể tiếp cận và không chịu đầu hàng, thì Alexander sẽ chiếm lấy nó, bất kể khó khăn thế nào. Các ghi chép về chiến dịch cao nguyên này lặp đi lặp lại cùng một câu chuyện — Alexander yêu cầu một thành phố đầu hàng, người dân từ chối, quân Macedonia xông vào thành phố sau một cuộc chiến, và cư dân bị tàn sát. Nhưng có những thay đổi trong thói quen theo thời gian. Tại thời điểm đầu trong cuộc hành quân, Alexander bị một mũi tên bắn vào vai, khiến anh mất nhiều máu. Tại một thời điểm khác,

anh và quân của mình bị phục kích bởi những người bộ lạc xông lên ngay khi quân Macedonia đang đóng trại vào buổi tối, buộc họ phải rút lui đến một ngọn đồi gần đó. Nhưng sau đó Alexander đánh trả và đẩy lùi các chiến binh sau bức tường thành, giết chết nhiều người trong số họ. Đây là những đối thủ khó khăn nhất mà nhà vua phải đối mặt trong chiến dịch này, nhưng sau bốn ngày tấn công thành phố, anh đã buộc họ phải đầu hàng và tha mạng với điều kiện họ tham gia quân đội của anh với tư cách phụ tá. Họ đồng ý, nhưng khi họ cố gắng lẻn đi vào đêm đó, Alexander đã ra tay và giết họ, sau đó chiếm thành phố.



Khi di chuyển về phía đông qua những đỉnh núi cao chót vót và những khu rừng tuyệt đẹp của thung lũng Swat, nhà vua tiếp tục chiếm các pháo đài và buộc các bộ lạc địa phương phải phục tùng. Nhưng khi đến thành phố Bazira, anh thấy binh lính và người dân đã chạy trốn đến một ngọn núi gần đó tên là

Aornus. Cũng giống như những người bảo vệ ở Sogdian Rock, người bản xứ trong vùng tin rằng nơi ẩn náu này là một biện pháp phòng thủ hoàn hảo chống lại những kẻ xâm lược. Nó được bao quanh bởi những con dốc tuyệt đối cao vài nghìn feet với duy nhất một con đường dựng đứng và được bảo vệ tốt để lên đỉnh.



Trên đỉnh núi là một cao nguyên rộng thích hợp cho việc trồng nhiều ngũ cốc cùng với lượng gỗ dồi dào và nguồn cung cấp nước lâu năm. Các hướng dẫn viên địa phương đi cùng Alexander nói ngay cả Hercules cũng không

thể lên núi trong chuyến đi của mình. Đây là sự khích lệ mà nhà vua cần.

Không giống như Sogdian Rock, Aornus không thể leo lên mà chỉ có thể tấn công trực tiếp vào con đường duy nhất đi lên dọc theo một sườn núi hẹp. Các hướng dẫn viên đã có thể dẫn Ptolemy và một số quân đến một phần của ngọn núi mà họ có thể chống lại kẻ thù, nhưng vị trí này không đủ an toàn cho một cuộc tấn công trực tiếp vào pháo đài chính.



Ptolemy giữ vị trí này trước một cuộc tấn công dữ dội trong khi Alexander và các kỹ sư của

mình bắt tay vào việc xây dựng một con đường lên đỉnh. Họ có thể chiến đấu theo cách của mình đến gần đỉnh núi, nhưng có một khe núi dốc trước điểm tiếp cận cuối cùng đã cản bước tiến của họ. Nhà vua ra lệnh cho quân của mình chặt hàng nghìn cây cọc để giữ đất và bắt đầu mở rộng một gò đất lớn dày hàng trăm feet qua khoảng trống dưới hỏa lực liên tục của quân phòng thủ phía trên. Phải mất nhiều ngày nỗ lực cực khổ, nhưng cuối cùng họ đã xây dựng được một con đường đắp nhỏ hẹp. Những người bộ lạc kinh ngạc đã đề nghị đầu hàng vào ngày hôm sau. Nhưng một lần nữa, kẻ thù cố gắng lẻn đi vào ban đêm, chỉ để thấy Alexander đang đợi họ. Anh đã giết nhiều người khi họ chạy trốn, trong khi những người khác rơi xuống vách đá, sau đó nhà vua xông vào các bức tường và chiếm giữ ngọn núi cuối cùng. Alexander vô cùng tự hào đã chinh phục được một nơi đã đánh bại cả Hercules.

Nhà vua quay về phía nam từ Aornus và tiếp tục cuộc hành quân về phía Indus, tìm thời

gian cho một cuộc săn voi hoang dã trên đường đi. Nhưng bất ngờ lớn nhất trong cuộc hành quân đến khi anh tới gần thành phố Nysa. Người dân địa phương và thậm chí cả hệ thực vật có vẻ khác lạ ở những ngọn núi này. Người Nysian đặt người chết trong quan tài tuyết tùng trên cây — một số nơi Alexander vô tình phóng hỏa — và làm rượu từ nho, không giống như các bộ tộc khác trong khu vực. Những người bản địa đã gặp Alexander và cầu xin anh đừng làm hại thành phố vì họ là hậu duệ của những người định cư mà thần Dionysus đã đặt ở đó nhiều thế hệ trước. Cây thường xuân sung mãn của họ, một loài thực vật thiêng liêng đối với Dionysus, không mọc ở nơi nào khác trên núi, là bằng chứng họ là một dân tộc được thần thánh ban phước. Đây là loại câu chuyện hấp dẫn Alexander. Họ cho nhà vua xem khu rừng Dionysus, được bao phủ bởi cây thường xuân, nơi Alexander và binh lính được trang trí bởi những vòng hoa và hát những bài thánh ca cho thần rượu vang.

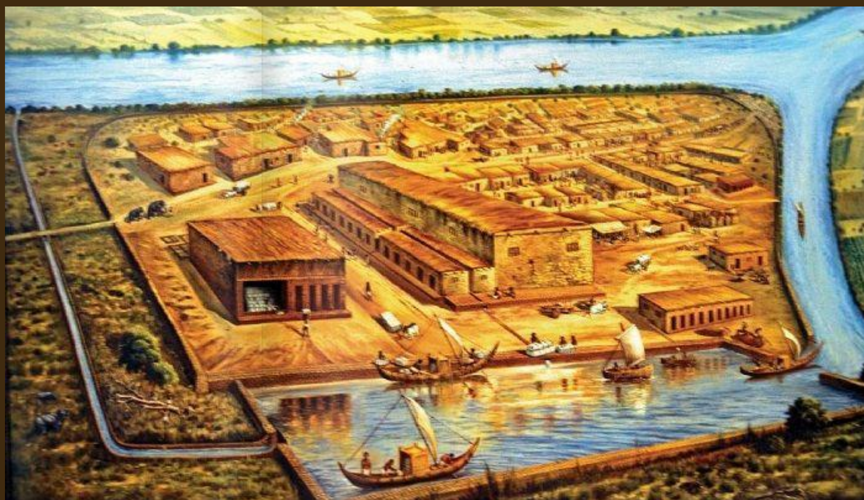


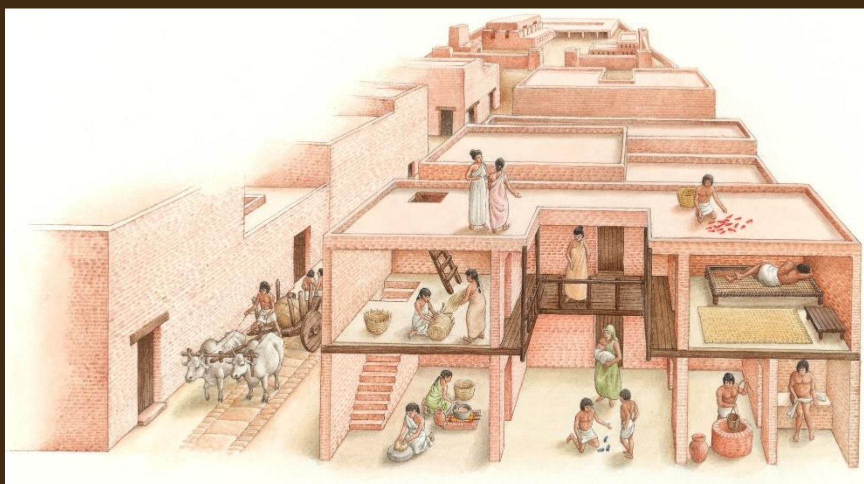
cây thường xuân

Mặc dù thần thánh được người dân Nysa tôn thờ nhiều khả năng là thần Shiva hoặc một vị thần phương Đông khác hơn là một vị thần Hy Lạp thất lạc, Alexander đã chấp nhận câu chuyện và đối xử tử tế với người bản xứ, coi sự hiện diện của họ ở những ngọn núi hẻo lánh đó như một dấu hiệu cho thấy bây giờ anh đã đến giới hạn của những cuộc lang thang cổ đại của Dionysus. Đây là bằng chứng trong tâm trí rằng anh đã đến rìa trái đất.

Cuối cùng khi xuống núi cao và đến Indus, Alexander thấy Hephaestion đã hoàn thành một chiếc cầu phao lớn bắc qua sông rộng. Bên kia là Ấn Độ, một vùng đất thần thoại hầu như không được thế giới Hy Lạp biết đến. Những câu chuyện sớm nhất về Ấn Độ ở phương Tây do một thủy thủ tên là Scylax đến từ Caria ở Tiểu Á mang về. Vua Darius I đã ủy quyền cho ông ta gần hai trăm năm trước Alexander để khám phá sông Indus, chuẩn bị cho một cuộc tiếp quản của Ba Tư. Scylax đi thuyền dọc sông Indus ra biển và sau đó vòng quanh bán đảo A Rập để đến Ai Cập. Công việc của ông ta chỉ tồn tại trong những mảnh vỡ rải rác, nhưng thông tin tình báo ông ta thu thập được đã cho phép Darius có thêm thung lũng Indus vào Đế chế Ba Tư như tỉnh thứ hai mươi. Vào thời Alexander, quyền kiểm soát của Ba Tư đối với Indus chỉ là trên danh nghĩa, nhưng Alexander coi nó là thuộc quyền của Đại vương và do đó là một phần của lãnh thổ mà anh phải đảm bảo.

Nền văn minh thung lũng sông Indus









Một thầy thuốc người Hy Lạp cũng đến từ Caria tên là Ctesias đã viết ngắn gọn về Ấn Độ trong lịch sử Ba Tư chỉ vài năm sau Scylax, kể về chuyến đi của người thủy thủ và việc kiểm tra các loại động vật Ấn Độ của chính ông ta

đưa đến triều đình Ba Tư. Tương tự như vậy, tác phẩm của ông chỉ tồn tại như những mảnh riêng biệt, nhưng Alexander hẳn đã đọc được toàn bộ lời tường thuật của cả hai người. Nhà vua cũng sẽ quen thuộc với những đề cập đến Ấn Độ của Herodotus. Nhà sử học Hy Lạp đã không đến thăm Ấn Độ như ông đã đến Ai Cập và Babylon, vì vậy thông tin từ ông bị hạn chế và thậm chí còn nhiều tưởng tượng hơn bình thường. Ông mô tả Ấn Độ giàu vàng, đóng góp cho ngân khố Ba Tư nhiều hơn bất kỳ tỉnh nào khác, nhưng khẳng định số vàng này được kiến đào lên từ lòng đất. Ông kể có nhiều quốc gia sống dọc theo sông Indus nói các ngôn ngữ khác nhau và có phong tục tập quán đa dạng. Một số chỉ ăn thịt sống, trong khi những người khác không bao giờ giết bất kỳ con vật nào. Herodotus cũng tuyên bố một số người da đỏ ăn xác của những người cha đã chết của họ như một biểu hiện của sự tôn trọng và cảm thấy ghê tởm khi họ nghe tin người Hy Lạp đã hỏa táng người chết. Nhưng một chủ đề liên tục nhắc đến Ấn Độ trong tác phẩm của

Herodotus và các nguồn khác mà Alexander có thể đã đọc là đất nước này nằm ở rìa cực đông của thế giới, ngăn cách với đại dương bao bọc bởi một dải sa mạc mỏng. Không ai trong số các tác giả cổ đại cho đến thời kỳ Macedonia xâm lược có bất kỳ ý tưởng nào về việc lãnh thổ Ấn Độ còn vươn xa hơn sông Indus.

Vì vậy, Alexander tiếp cận Ấn Độ với niềm tin nếu có thể chinh phục thung lũng Indus, vương quốc của anh sẽ đạt đến giới hạn của thế giới có người sinh sống. Chỉ cần một cuộc hành quân ngắn qua sa mạc và anh sẽ đứng trên bờ biển phía đông vĩ đại. Một số người Hy Lạp thậm chí còn tin có thể nhìn thấy vùng biển này từ đỉnh núi Hindu Kush. Hẳn là khi vua của thành phố Taxila của Ấn Độ đến trại Macedonia ở Bactria và bắt đầu nói về đất nước của mình thì Alexander mới biết mình đã sai lầm như thế nào. Hoàng tử Ấn Độ hẳn đã mô tả cho anh về địa lý của Punjab, vùng đất có năm con sông trải dài như những ngón tay

trên thung lũng phía bắc Indus. Nhưng sau đó anh ta sẽ nói với Alexander về con sông Hằng dài chảy qua một vùng đất rộng lớn bên dưới dãy núi Himalaya xuống một vịnh lớn. Dọc theo bờ sông Hằng là những vương quốc cổ đại, hùng mạnh và giàu có. Ở phía nam sông Hằng là bán đảo Ấn Độ khổng lồ trải dài ra biển, với hòn đảo huyền thoại Taprobane (Ceylon hay Sri Lanka) nằm ngay ngoài khơi bờ biển đông nam. Vua của Taxila chắc hẳn cũng biết đến một bán đảo bao la khác ngoài cửa sông Hằng kéo dài đến biển phía nam hướng tới những hòn đảo tuyệt vời, nơi các loại gia vị quý hiếm mọc lên. Có lẽ cũng chính tại cuộc gặp gỡ này, Alexander đã trở thành người đàn ông đầu tiên từ Aegean nghe về những người Seres, hay còn gọi là người tơ lụa, sống giữa hai con sông lớn ở một vùng đất xa xôi ngoài dãy Himalaya (Trung Hoa). Alexander hẳn đã mất phương hướng theo đúng nghĩa khi phát hiện ra tầm nhìn của mình về các vùng đất phía Đông là không đủ. Chưa hết, ngay cả khi rìa thế giới không nằm ngoài

Indus chỉ vài ngày, ý tưởng về một thế giới hoàn toàn mới gồm những vùng đất trù phú và vương quốc thịnh vượng hẳn đã khuấy động trí tưởng tượng và tham vọng vô tận của anh.

Sông Hằng (tiếng Hindi: गंगा, tiếng Bengal: গঙ্গা , tiếng Phạn: गङ्गा / Ganga, Hán – Việt: 恒河 / Hằng hà) là con sông quan trọng nhất của tiểu lục địa Ấn Độ. Sông Hằng dài 2.510 km bắt nguồn từ dãy Hymalaya, chảy theo hướng Đông Nam qua Bangladesh và vào vịnh Bengal. Tên của sông được đặt theo tên vị nữ thần Hindu Ganga. Sông Hằng có lưu vực rộng 907.000 km², một trong những khu vực phì nhiêu và có mật độ dân cao nhất thế giới.



Sông Hằng là sông linh thiêng nhất đối với Ấn Độ Giáo. Con sông là nguồn sống của hàng triệu người Ấn Độ sống dọc theo và phụ thuộc vào nó hàng ngày. Con sông có vai trò quan trọng về lịch sử với nhiều thủ đô, thủ phủ của các đế quốc trước đây (như Pataliputra, Kannauj, Kara, Kashi, Allahabad, Murshidabad, Munger, Baharampur, Kampilya, và Kolkata) nằm dọc theo bờ sông này.



Những người Hindu, dân tộc chiếm đa số trong dân số Ấn Độ, xem sông Hằng là một dòng sông thiêng: Ganga là con gái của thần núi Himavan hay Himalaya. Theo tín ngưỡng Hindu, tắm trên sông Hằng được xem là gột rửa mọi tội lỗi, và nước sông được sử dụng rộng rãi trong các nghi lễ thờ cúng. Uống nước sông Hằng trước khi chết là một điềm lành và nhiều người Hindu đã yêu cầu được hỏa thiêu dọc hai bên sông Hằng và lấy tro thiêu của họ rải lên dòng sông.

Những người Hindu hành hương đến các thành phố thánh Varanasi, nơi các nghi lễ tôn giáo thường được cử hành; Haridwar được tôn sùng vì nó là nơi sông Hằng rời dãy Himalaya; còn Allahabad, nơi dòng sông Saraswati huyền thoại được người ta tin là chảy vào sông Hằng. Mỗi 12 năm, một lễ hội Purna Kumbha (Vạc Đầy) được tổ chức ở Haridwar và Allahabad. Trong các lễ hội này hàng triệu người đến để tắm trên sông Hằng. Những người hành hương cũng đến các địa điểm linh thiêng khác gần các thượng nguồn sông Hằng, bao gồm đền thờ dưới núi băng Gangotri.



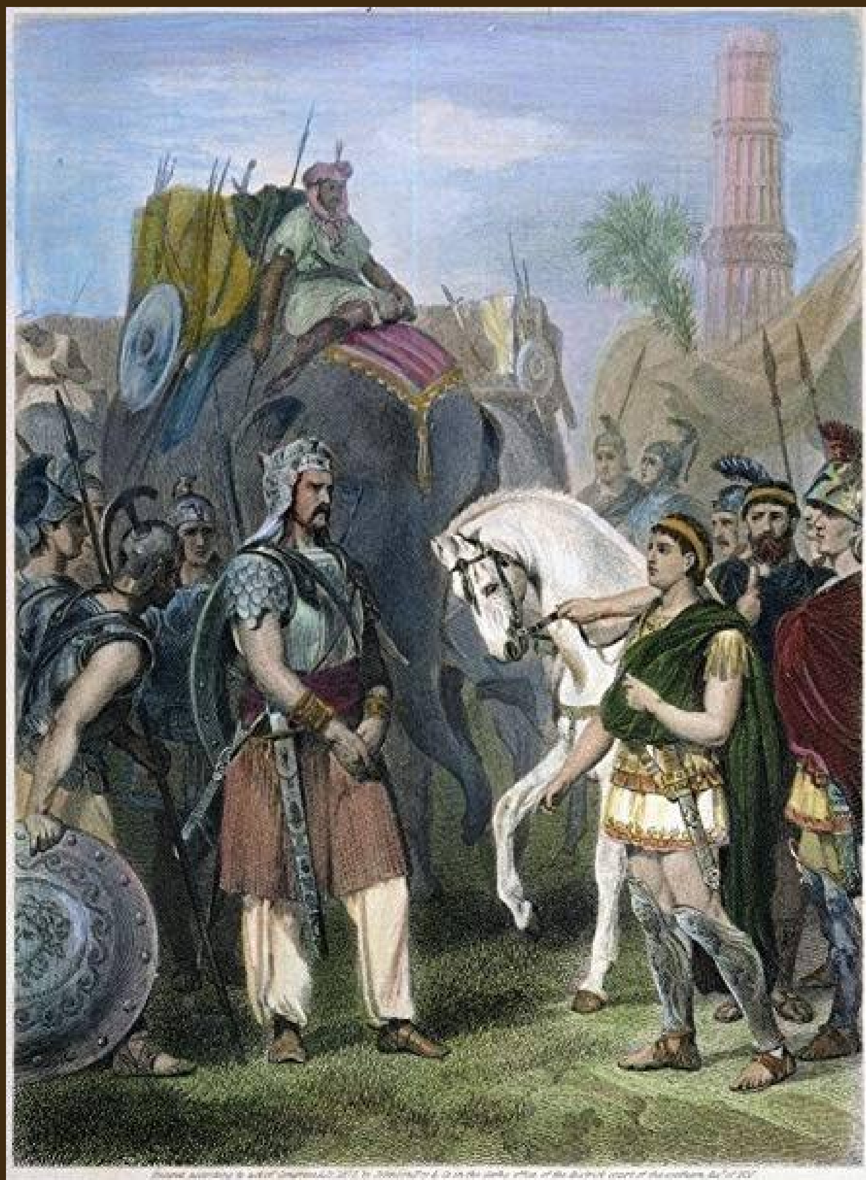
Alexander và quân đội đã băng qua Indus trên cây cầu Hephaestion và các kỹ sư đã xây dựng bằng cách buộc hàng chục chiếc thuyền lớn nhỏ và xây dựng một con đường phía trên. Ở khu vực này, nơi những cơn mưa xối xả tràn

ngập các vùng đất vào mỗi mùa hè, những cây cầu vĩnh cửu là không thể thực hiện được. Sau khi tạm dừng để dâng lễ và tổ chức các cuộc thi thể thao như lời cảm ơn vì đã qua sông an toàn, họ tiếp tục đi về phía nam đến Taxila qua những ngọn đồi thấp. Họ vẫn còn cách thành phố vài ngày khi vua của nó gửi những món quà bằng bạc, gia súc, cừu và voi để thể hiện thiện chí của mình. Người cai trị Taxila không phải là người mà Alexander đã gặp trước đó ở Bactria mà là con trai của ông, Omphis, vì vị vua già vừa qua đời. Vị vua mới đã thể hiện giống như cha mình về mọi dấu hiệu hợp tác với người Macedonia, cung cấp ngũ cốc cho Hephaestion và các đội làm việc, mặc dù điều đáng ngạc nhiên là ông ta đã không rời thành phố của mình để đến chào người bạn của Alexander.

Khi quân Macedonia đến gần Taxila, Alexander đã hoảng hốt khi thấy một đội quân ra đón mình. Có hàng nghìn binh lính Ấn Độ trong đội hình chiến đấu với những con voi

được trang trí lớn đến mức trông giống như những pháo đài đang di chuyển.

Anh ngay lập tức ra lệnh cho người thổi kèn báo hiệu và cử kỵ binh ra cánh để chuẩn bị cho cuộc tấn công sắp tới. Vua Omphis ngạc nhiên khi thấy những gì đang xảy ra và đoán rằng màn trình diễn vĩ đại của ông đã bị hiểu sai. Ông ta ra lệnh cho quân đội của mình dừng lại và đi về phía trước để gặp Alexander chỉ với một vài người bên cạnh. Đó là một khoảnh khắc căng thẳng, đặc biệt là cả hai vị vua đều không biết ngôn ngữ của nhau, nhưng cuối cùng một thông dịch viên đã được tìm thấy và Omphis giải thích ông chỉ chào đón vị lãnh chúa mới của mình theo cách truyền thống của Ấn Độ. Nhà vua Ấn Độ cam kết trung thành với Alexander và giao vương quốc của mình cho anh. Alexander lần lượt trao lại Taxila và lãnh thổ xung quanh cho Omphis.



Alexander dẫn đầu quân đội đến Taxila và thị sát một thành phố lớn của Ấn Độ lần đầu tiên. Đó là một thành phố lộn xộn với những ngôi

nhà bằng gạch và đá vôi thô ráp nằm dọc theo những con phố ngoằn ngoèo, bất thường — giống một ngôi làng um tùm hơn là thủ đô của một vương quốc giàu có. Tuy nhiên, những gì còn thiếu về sự hùng vĩ của kiến trúc đã được bù đắp bởi sự sống động của con người và lòng hiếu khách của chủ nhà. Omphis đã chiêu đãi Alexander và các sĩ quan trong một bữa tiệc ba ngày và tặng nhà vua cùng những người bạn nhiều quà tặng, bao gồm cả một gia tài bằng bạc đúc. Alexander ân cần cảm ơn nhà vua, nhưng trong một cử chỉ hào phóng của hoàng gia, đã trả lại mọi thứ cho Omphis và thêm vào những chiếc bình vàng bạc, áo choàng Ba Tư, và một lượng vàng đáng kinh ngạc từ kho bạc. Điều này khiến một trong những người bạn đồng hành của Alexander, Meleager, phải chúc mừng nhà vua vì đã đi đến tận Ấn Độ để tìm một người đàn ông xứng đáng với nhiều tiền như vậy. Alexander coi thường lời mỉa mai này, nhưng sau cái chết của Cleitus, anh đã học được cách kiềm chế bản thân, lạnh lùng nói với Meleager rằng những

người đàn ông ghen tuông chỉ tự làm khổ mình. Điều mà người bạn đồng hành của anh không biết là Alexander đang mua lòng trung thành, một thứ hàng hóa quý giá ở một vùng đất rất xa trung tâm đế chế. Anh cần bảo vệ cả Taxila và vua của nó trước khi có thể di chuyển xuống Indus. Nếu nó khiến anh mất một phần nhỏ trong kho tàng khổng lồ đã tích lũy được từ người Ba Tư, thì hãy cứ như vậy.

Omphis háo hức muốn được ở trong tình trạng chiến tranh thường trực với các vương quốc lân cận, bao gồm cả một quốc gia hùng mạnh ở phía nam, ngoài sông Hydaspes do Porus, vua của một dân tộc Ấn Độ được gọi là Paurava, cai trị. Người cai trị của Taxila muốn mở rộng biên giới của vương quốc và vui mừng sử dụng vàng và quân đội của Alexander để thực hiện mục tiêu của mình. Triển vọng có vẻ còn hứa hẹn hơn khi một sứ thần mà Alexander đã cử đến chỗ Porus đã quay trở lại Taxila. Nhà vua Macedonia đã yêu cầu lãnh chúa Ấn Độ phải cống nạp và gặp anh tại biên

giới của lãnh thổ khi anh di chuyển về phía nam. Các nhà cai trị địa phương khác đã đệ trình, nhưng Porus trả lời rằng sẽ không cống nạp cho Alexander, mặc dù sẽ rất vui khi được gặp anh tại Hydaspes với đội quân đã sẵn sàng chiến đấu.

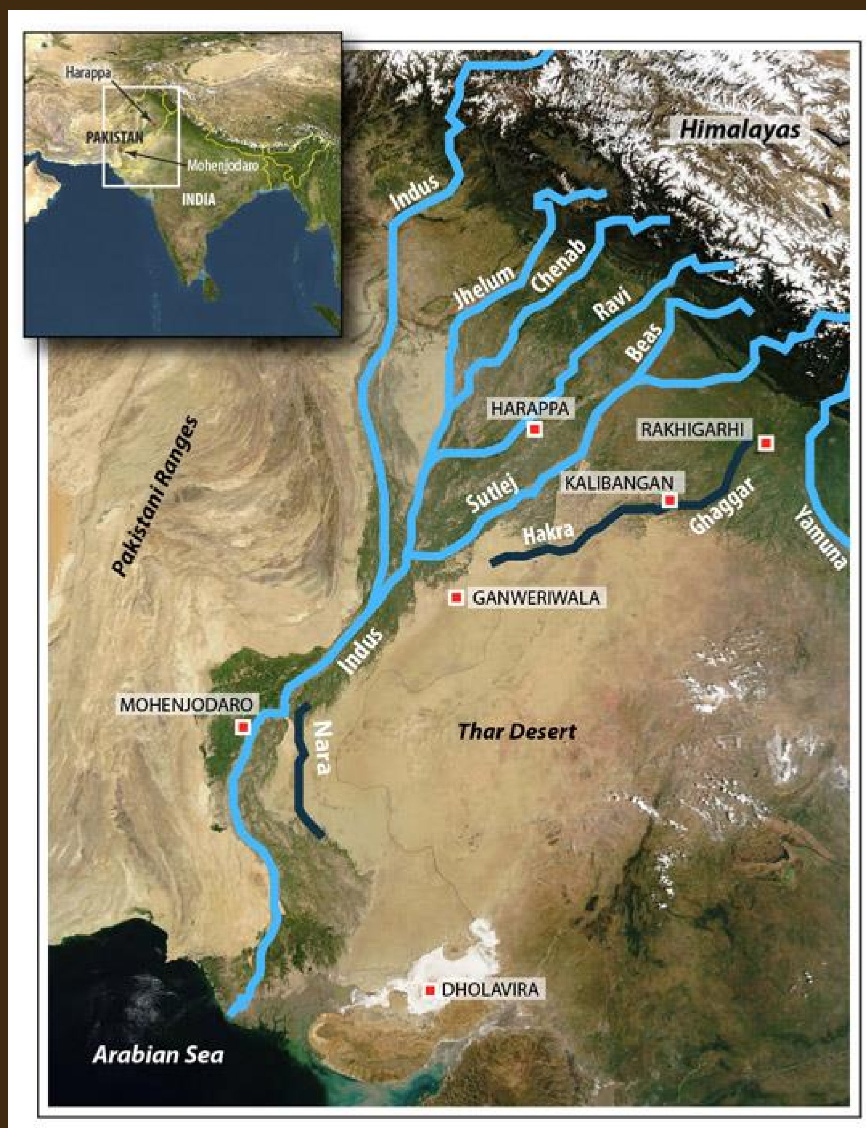
Đây là một đòn giáng nghiêm trọng vào kế hoạch của Alexander về một cuộc hành quân nhanh chóng và hòa bình qua Ấn Độ. Mạng lưới tình báo đã thông báo cho anh biết Porus có một đội quân lớn, bao gồm hơn một trăm con voi chiến. Alexander tự tin mình có thể đánh bại một kẻ thù như vậy, nhưng điều đó sẽ không dễ dàng, đặc biệt là khi gió mùa mới bắt đầu. Người Macedonia không ngại mưa, nhưng họ chưa bao giờ trải qua điều gì như trận đại hồng thủy trút xuống từ bầu trời Ấn Độ. Thêm vào nỗi thống khổ là cái nóng không thể chịu nổi, tạo ra cảm giác vừa nóng vừa ướt hiếm thấy và cực kỳ khó chịu. Ngày này qua ngày khác, mưa vẫn tiếp diễn không ngừng nghỉ. Đường phố biến thành sông, cánh đồng

trở thành hồ, và bùn dày bao phủ mọi thứ. Người da đỏ hoàn toàn vui vẻ trong cơn mưa vì gió mùa là điều cần thiết cho mùa màng của họ, nhưng người Macedonia bắt đầu thất vọng. Người dân địa phương cam đoan mưa sẽ ngừng trong vài tháng nữa, nhưng Alexander không thể đợi lâu như vậy. Anh chỉ định một người Macedonia làm chỉ huy đơn vị đồn trú quân sự thường trực tại Taxila - để phòng trường hợp Omphis dao động, bất chấp vàng - và dẫn đội quân ướt nhẹm của mình đến sông Hydaspes.

Sông Hydaspes (Jehlum ngày nay) là một con sông chảy qua Ấn Độ và Pakistan. Đây là sông lớn nhất và ở cực tây trong số năm con sông của vùng Punjab, và chảy qua quận Jhelum. Jehlum là một chi lưu của sông Chenab và có tổng chiều dài 505 dặm (813 km).

Jhelum ban đầu là một dòng suối Verinag nằm ở chân Pir Panjal tại phần đông nam của thung lũng Kashmir tại Ấn Độ. Sông chảy qua Srinagar và hồ Wular trước khi vào lãnh thổ Pakistan qua một hẻm núi hẹp và sâu. Sông Kishenganga (Neelum), chi lưu lớn nhất của Jhelum, hợp lưu với nó tại Domel Muzaffarabad, và một chi lưu lớn khác là sông Kunhar thì hợp lưu tại thung lũng Kaghan. Sông sau đó nhận nước từ sông Poonch, và chảy đến hồ chứa tạo ra bởi đập Mangla tại

quận Mirpur. Jhelum chảy đến Punjab tại quận Jhelum. Từ đây, sông chảy qua các vùng đồng bằng của Punjab thuộc Pakistan, tạo thành ranh giới giữa Doab Chaj và Sindh Sagar. Sông hợp lưu vào Chenab tại Trimmu thuộc quận Jhang. Chenab hợp lưu với Sutlej để tạo thành Panjnad rồi đổ vào sông Indus tại Mithankot.



Alexander và những người lính đã hành quân về phía nam trên một dãy núi thấp trong vài ngày cho đến khi họ bất ngờ đi đến một con đèo dẫn xuống đồng bằng Hydaspes. Từ khoảng trống này, lần đầu tiên họ nhìn thấy đồng bằng Punjab rộng lớn, một cảnh quan hoàn toàn bằng phẳng trải dài về phía nam và phía đông đến tận sông Hằng. Bên dưới họ có thể nhìn thấy sông Hydaspes, rộng gần một dặm, chảy xiết và mở rộng bởi mùa mưa và tuyết tan trên dãy Himalaya. Porus ở phía xa của trận lụt này với một đội quân nhỏ hơn Alexander, nhưng người thống trị Ấn Độ biết rõ lãnh thổ và sở hữu nhiều voi được huấn luyện sẽ khiến bất kỳ con ngựa nào đến gần phải khiếp sợ.

Alexander xem xét sông Hydaspes và gửi Coenus trở lại Indus để tháo dỡ cây cầu phao mà Hephaestion đã xây dựng và mang những chiếc thuyền đến. Trong khi đó, nhà vua đóng trại ở bờ bắc con sông và xem xét làm thế nào có thể vượt qua sông mà không bị Porus phát

hiện. Anh phải tìm một chỗ ven sông khuất tầm nhìn ra bờ biển phía nam. Sau nhiều ngày tìm kiếm, các tuyển trạch viên phát hiện ra một nơi cách vài dặm về phía đông gần một đỉnh của dãy núi tiếp cận Hydaspes. Bên kia mũi đất này là một hòn đảo lớn trên sông được bao quanh bởi một số hòn đảo nhỏ hơn, tất cả đều được bao phủ bởi cây cối rậm rạp che khuất bờ phía bắc khỏi quân đội của Porus, liên tục tuần tra phía đối diện. Alexander nhận ra đây là vị trí hoàn hảo để tiến hành cuộc tấn công đổ bộ của mình, nhưng anh phải đảm bảo vua Ấn Độ không biết cuộc tấn công sẽ đến rất xa về phía đông. Để khiến Porus không nghi ngờ, Alexander ra lệnh các đơn vị quân đội di chuyển qua lại dọc theo bờ phía bắc đối diện nhiều dặm. Anh sẽ chuyển quân sang phía Tây, rồi phía Đông, rồi quay trở lại trại chính của mình. Người Macedonia cũng đốt lửa trại dọc sông và gây ồn ào khi họ thực hiện nhiệm vụ. Quân đội Ấn Độ trên khắp Hydaspes đã bị phân tâm bởi chuyển động liên tục này và cuối cùng đã từ bỏ việc cố gắng theo dõi mọi

chuyển động của binh lính Macedonia — đúng như ý định của Alexander. Nhà vua cũng ra lệnh vận chuyển hàng tấn ngũ cốc từ các vùng nông thôn xung quanh đến trại của mình như thể dự định ở đó cho đến mùa thu khi mưa sẽ ngừng và dòng sông lắng xuống. Anh cũng thông báo với quân đội - và với các gián điệp Ấn Độ trong số họ - rằng sẽ đợi ít nhất hai tháng để di chuyển qua sông. Khi Porus nghe báo cáo, ông ấy không bị thuyết phục, nhưng cũng không tìm ra lý do nào khác.

Cuối cùng, khi thuyền đã sẵn sàng, Alexander để Craterus phụ trách doanh trại chính đối diện với Porus với một lực lượng mạnh và ra lệnh không được di chuyển trừ khi vua Ấn Độ chuyển hướng về phía đông đến địa điểm sắp tới. Sau đó, trong bóng tối, Alexander dẫn những đội quân cứng rắn nhất của mình âm thầm vượt sông. Chắc hẳn anh đã cảm thấy ông trời ưu ái cho mình khi những cơn mưa rào bình thường đều đặn đã biến thành một cơn bão dữ dội, sấm sét và mưa đập mạnh đã che

đi tiếng ồn do người Macedonia tạo ra khi chuẩn bị vượt sông, mặc dù một số người đã thiệt mạng do sét đánh.

Hàng ngàn quân xuống thuyền và bắt đầu chèo qua dòng sông cuồng nộ và xung quanh hòn đảo lớn hết sức có thể. Cuối cùng khi đến đất liền, họ đổ ra thuyền để sẵn sàng đối mặt với Porus, chỉ để thấy trong bóng tối, họ vẫn chưa đến được bờ nam mà là một trong nhiều hòn đảo nhỏ hơn trên sông. Đó là một thảm họa khi cơn bão đang tan và mặt trời mọc, khiến người Macedonia có thể bị nhìn thấy bởi các do thám quân Ấn. Không còn thời gian để mất, Alexander ra lệnh cho quân tiến vào con kênh sâu ngăn cách họ với bờ nam. Những người lính được bọc thép nặng nề ngập đến cổ trong dòng nước xiết và những con ngựa hầu như không thể bơi qua dòng chảy, nhưng cuối cùng họ đã cố gắng vượt sông để vào đất liền.

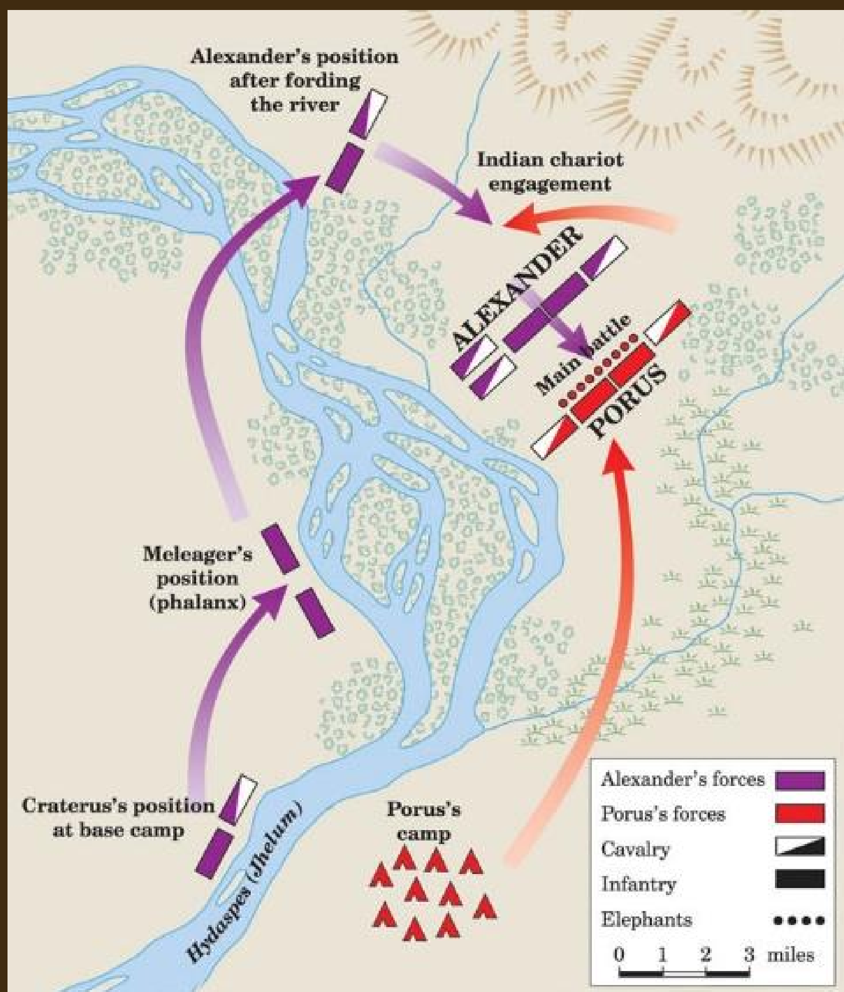
Porus được báo cáo một lực lượng lớn Macedonia đã vượt qua vài dặm về phía đông, khiến nhà vua Ấn đứng trước quyết định khó

khăn. Ông có thể thấy nhiều kẻ thù vẫn đang đối diện trước mắt trong trại của Alexander. Cuộc tấn công phía đông có phải là một âm mưu kéo ông ra xa để lực lượng phía Tây có thể băng qua và tấn công từ phía sau, hay đó thực tế là lực đẩy chính của cuộc tấn công, bao vây từ phía đông? Không có thời gian để cử thêm người do thám, vì vậy Porus đã ra lệnh cho con trai điều động một lữ đoàn chiến xa để ngăn chặn cuộc đổ bộ nếu có thể hoặc trì hoãn nếu không. Sau đó, ông đi cùng lực lượng chính, chỉ để lại một phân đội nhỏ với một vài con voi phía sau để cản trở những người Macedonia còn lại vượt sông.

Porus là một nhà lãnh đạo dũng cảm và có năng lực, nhưng ông đã ở trong một tình huống bất khả thi. Với số lượng ít hơn, giờ đây ông thấy mình phải đối mặt với đội quân được huấn luyện tuyệt vời của Alexander, những người đã quá mệt mỏi vì ướt sũng và khốn khổ đến mức sẵn sàng tàn sát mọi người da đỏ mà họ tìm thấy. Lợi thế duy nhất Porus có được là

những con voi, mà Alexander lo sợ sẽ gây ra sự tàn phá cho các kỵ binh và dẫm đạp người của anh. Nhưng bây giờ người Macedonia đã phát triển một cách phòng thủ chống lại những sinh vật này. Mặc dù phải trả giá bằng mạng sống của nhiều người đồng hương, quân đội của Alexander sẽ bao vây một con voi và đâm nó bằng những ngọn giáo sarissa dài trong khi các cung thủ bắn vào mắt nó. Sau đó, con thú điên cuồng và bị mù sẽ lao vào một cách điên cuồng, có thể coi bạn bè như kẻ thù.

Alexander khảo sát đội hình chiến đấu của Ấn Độ và quyết định triển khai chiến thuật bao vây cổ điển. Anh cử kỵ binh sang trái và phải với lệnh tiến về phía sau người da đỏ trong khi quân chủ lực tấn công từ phía trước. Đó là một trận chiến tàn khốc được diễn ra một cách man rợ trong bùn và máu với thương vong nặng nề cho cả hai bên.



Alexander đang cưỡi Bucephalus thì con ngựa già bị một ngọn giáo đâm và trọng thương. Nhà vua phải chuyển sang con ngựa khác và tiếp tục cuộc chiến. Khi phòng tuyến của người da đỏ bắt đầu bị đứt, Craterus nhanh chóng

băng qua sông và tiến lên phía sau để cắt đứt đường rút lui của người da đỏ.





Chỉ có Porus tiếp tục cuộc chiến từ lưng con voi khổng lồ của mình. Alexander ngưỡng mộ lòng dũng cảm đến nỗi đã gửi một sứ giả đến chỗ nhà vua để khuyên ông đầu hàng và sẽ được tha.



Thật không may, sứ giả là Omphis của Taxila, người Porus vô cùng căm ghét và cố giết bằng giáo. Sau đó, Alexander cử một sứ giả khác đến thuyết phục nhà vua Ấn Độ từ bỏ vũ khí. Khi hai người thống trị gặp nhau, con voi Porus đang cưỡi quỳ xuống bất chấp vết thương để

nhà vua bước xuống. Alexander đến gần Porus và ngạc nhiên trước tầm vóc của người đàn ông, chiều cao hơn 1,8m, cũng như sự vương giả của ông ta ngay cả khi thất bại. Alexander hỏi ông ấy muốn được đối xử như thế nào, Porus trả lời: “Giống như một vị vua”.



Người chiến thắng cho phép ông rời khỏi chiến trường để được chăm sóc vết thương, sau đó trả lại ông vương quốc, thậm chí thêm các vùng đất lân cận, điều này khiến cho Omphis kinh hoàng. Người Macedonia đã tổ chức tang lễ cho những người đã chết, cúng tế và tổ chức các trận đấu thể thao trên bờ sông Hydaspes

để vinh danh chiến thắng đắt giá của họ. Sau đó, để tưởng nhớ Bucephalus, Alexander đã thành lập một thành phố gần nơi diễn ra trận chiến và đặt tên nó cho con ngựa yêu quý của mình.



Alexander trong khi đó cử một nhóm làm việc vào núi để đốn gỗ đóng tàu. Kế hoạch là xây dựng một lực lượng hải quân lớn và đi thuyền dọc theo Hydaspes đến Indus, sau đó theo sông ra biển, chinh phục các vương quốc trên đường đi. Vì dự án xây dựng lớn này sẽ mất nhiều tuần nếu không phải là vài tháng, nhà

vua đã tuyên bố với quân của mình trong thời gian chờ đợi họ sẽ xâm lược miền đông Ấn Độ. Quân đội chắc hẳn vẫn tin biển lớn chỉ nằm ở phía trên đường chân trời, mặc dù lúc này Alexander đã biết được phạm vi thực sự của tiểu lục địa Ấn Độ. Một lần nữa vấn đề là làm thế nào để quân đội tiếp tục di chuyển. Điều này đặc biệt khó khăn vì gió mùa vẫn đang hoành hành khi họ di chuyển đến một vùng đất có nhiều rắn đến mức những người đàn ông phải ngủ trên võng như người dân địa phương. Tuy nhiên, nhà vua vẫn tiếp tục hành quân với đội quân trung thành nhưng ngày càng bất mãn của mình phía sau.

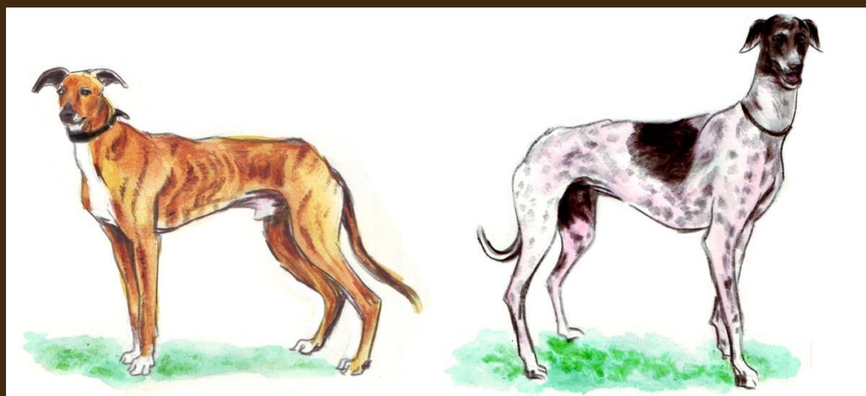
Các nhánh phía tây của sông Hằng dài hai trăm dặm, trong khi hệ thống sông lớn nằm hơn một ngàn dặm về phía đông. Tuy nhiên, Alexander vẫn quyết tâm dẫn quân của mình đến đồng bằng sông Hằng, chiếm lấy các vương quốc giàu có dọc theo bờ của nó. Điểm dừng chân đầu tiên là các thành phố gần biên giới của Porus, ba mươi bảy thành phố nằm

dưới bóng của dãy núi Himalaya. Anh chinh phục những thứ này một cách dễ dàng và trao chúng cho Porus như một phần của vương quốc mở rộng của mình. Sau đó, tiến đến Acesines, một trong những con sông lớn nhất và chảy xiết nhất của Punjab. Anh chất quân lên những chiếc thuyền và phóng ra dòng sông, chỉ để thấy dòng chảy đã xé nát nhiều thuyền, giết chết một số người. Sau đó, anh tiến về phía sông Hydraotes, rộng bằng sông Acesines nhưng dòng chảy không nhanh bằng. Những người bản xứ ở phía xa bờ chỉ cử chiến mã đến thông báo, sau đó cống nạp cho người Macedonia. Nhưng ngoài Hydraotes là vùng đất của người Cathaean, một bộ tộc hiếu chiến với thành phố Sangala là thủ đô của họ. Người Macedonia đã nghe những câu chuyện kể về những góa phụ Cathaean được khuyến khích tự thiêu chính mình trên giàn hoả táng của chồng, một nghi lễ lâu đời được bắt đầu khi một phụ nữ địa phương đầu độc chồng mình. Những người da đỏ đặt xe ngựa ở phía trước thành phố để chặn quân Macedonia và

binh lính trên các bức tường bắn tên và ném giáo vào những kẻ tấn công. Nhưng người của Alexander cuối cùng đã có thể xuyên thủng những bức tường gạch và chiếm thành phố, với sự hỗ trợ của Porus, người gần đây đã đến cùng một lữ đoàn voi.

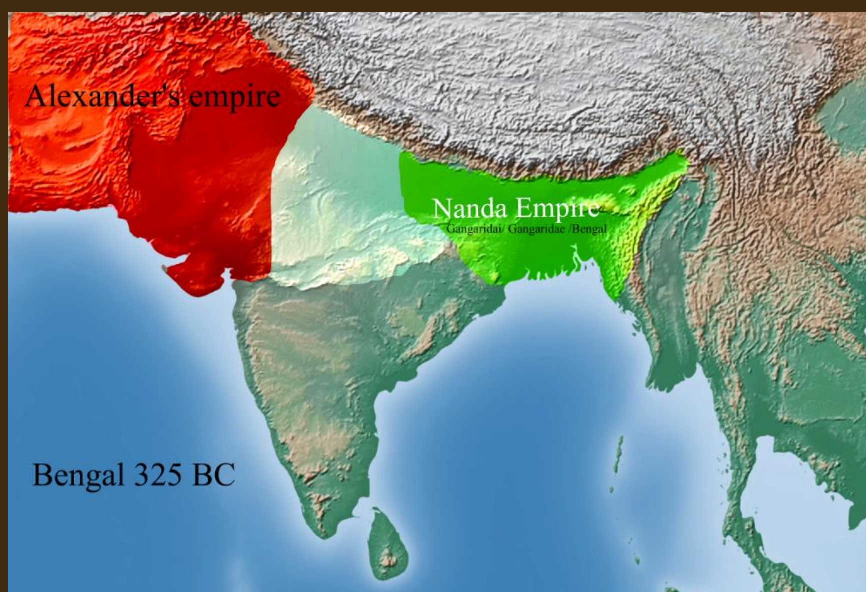
Vị vua của đất nước tiếp theo trong cuộc hành quân đẫm máu là Sopeithes, người đã khôn ngoan đầu hàng trước khi quân Macedonia đến gần thủ đô. Alexander đã trao lại vương quốc cho anh ta để cai trị nhân danh anh, sau đó tận hưởng sự hiếu khách của vị vua trong vài ngày tiếp theo. Những phong tục khác thường của đất nước chắc chắn khiến Alexander nhớ đến xã hội Spartan hoặc thành phố lý tưởng được đặt ra trong tác phẩm Cộng hòa của Plato. Khi mới sinh, những đứa trẻ ở vương quốc Sopeithes được chia thành hai nhóm, những đứa trẻ đẹp và khỏe nhất được nuôi cẩn thận, những đứa còn lại bị giết. Khi những người sống sót lớn lên, họ được sắp đặt trong các cuộc hôn nhân với những người bạn

đời có khả năng sinh ra những đứa con tốt nhất. Sopeithes cũng tự hào về những con chó săn được nuôi ở vùng đất của mình và đã cho Alexander hơn một trăm con, chúng rất hung dữ được cho là có máu của hổ trong huyết quản. Để chứng minh điều này với vị khách của mình, nhà vua đã tổ chức một cuộc chiến đấu với bốn con chó chống lại một con sư tử trưởng thành. Những chiếc răng nanh đã chiến thắng khi Sopeithes cử một người hầu vào để chặt chân phải của một trong những con chó đã kẹp chết sư tử. Alexander cố gắng phản đối, nhưng con chó săn thậm chí không hề nao núng khi chân của nó bị cắt đứt, giữ chặt hàm của nó trên con mồi ngay cả khi nó đang dần chảy máu đến chết.



Đến giờ, sau nhiều tuần chiến đấu trên khắp Punjab, những người Macedonia từng chiến thắng bắt đầu cảm thấy giống như con chó của Sopeithes. Alexander đẩy họ đến vương quốc Phegeus trên Hyphasis, con sông cuối cùng trong số những con sông lớn của Punjab. Người cai trị nơi này cũng đã nộp và nhận lại ngai vàng của mình, phần lớn là nhờ sự trợ giúp của những người lính Macedonia, những người không muốn có một trận chiến khác trong mưa. Alexander hỏi Phegeus về đất nước phía trước và được biết có một sa mạc rộng ở phía đông, tiếp theo là một con sông sâu dẫn đến sông Hằng. Ngoài kia là vương quốc lớn của Gandaridae do Xandrames cai trị, người được cho là sở hữu hai trăm nghìn bộ binh, hai mươi nghìn kỵ binh và bốn nghìn con voi chiến. Alexander không thể tin được những con số, nên đã gửi thư cho Porus và hỏi riêng. Porus đảm bảo với vị lãnh chúa mới báo cáo là chính xác, tuy nhiên, thêm vào đó, Xandrames là con trai thấp hèn của một người thợ cắt tóc đã chiếm lấy ngai vàng từ sự phản

bội và giết người. Tin tức này chỉ khơi dậy mong muốn của Alexander được tiến quân và chinh phục những vùng đất mà không một nhà cai trị phương Tây nào khác, thậm chí không phải các vị vua vĩ đại của Ba Tư, dám mơ tới. Anh tự nhắc mình lời tiên tri ở Delphi đã nói anh là kẻ bất bại và Zeus-Ammon ở Siwa đã khẳng định quyền thống trị của anh trên toàn thế giới.



Alexander vui mừng đến mức dẫn quân xuống bờ Hyphasis để bắt đầu cuộc vượt sông. Anh đã tung ra một bài phát biểu tuyệt vời ca ngợi

lòng dũng cảm của những người Macedonia và các đồng minh, lôi kéo họ bằng những lời hứa về chiến lợi phẩm từ các thành phố giàu có ở phía trước. Tất nhiên có quân đội và voi ở phía đông, nhưng chúng chẳng là gì so với những trở ngại họ đã vượt qua. Sau tám năm, nhà vua tuyên bố, chúng ta đã cùng nhau vượt qua Hellespont, sau đó chinh phục Tiểu Á, Syria, Ai Cập, Babylonia, Ba Tư, Bactria, Sogdiana... Chúng ta đã hành quân vạn dặm và thực hiện những điều không thể. Không có giới hạn cho những gì người đàn ông có tinh thần bất khuất có thể đạt được. Tất cả châu Á nằm trong tầm tay nếu chúng ta tiến xa hơn một chút. Biển đông ở đó, ngay phía sau đường chân trời, đang chờ chúng ta ngâm chân trong làn nước của nó. Sau đó, chúng ta có thể trở về nhà, biết rằng đế chế mới của chúng ta đã an toàn và vui mừng khi tên của chúng ta sẽ tồn tại mãi mãi. Tất nhiên, nếu bạn muốn dừng lại ở đây, bạn chắc chắn có thể. Bạn có thể chạy về nhà và nói với con cái rằng bạn đã bỏ rơi vua của mình ở một vùng đất xa

xôi. Nhưng đối với bản thân tôi, tôi sẽ tiếp tục ngay cả khi hành quân một mình. Nhưng những người đi cùng tôi đến những vùng đất giàu có tuyệt vời phía trước sẽ là niềm ghen tị của tất cả mọi người khi họ trở về nhà để sống như những vị vua.



Loại bài phát biểu này đã luôn có tác dụng với Alexander trước đây, vì vậy anh chờ đợi sự cổ vũ cuồng nhiệt mà anh biết sẽ theo sau. Nhưng trước sự ngạc nhiên của anh, hoàn toàn im lặng khi quân của anh cúi đầu, thậm chí không dám ngước mắt lên nhìn vị vua của mình. Cuối cùng thì Coenus, vị tướng cao cấp nhất còn sống của Alexander, người đã phục vụ anh một cách trung thành như với cha anh, Philip, đã đứng lên phát biểu. Người lính già đã nói thay cho toàn quân khi ông nói với Alexander rằng họ đã rất vinh dự được đi theo anh bấy lâu nay giữa những khó khăn và nguy hiểm mà họ đã cùng nhau đối mặt. Nhưng bây

giờ họ đã kiệt sức và tinh thần suy sụp. Rất nhiều bạn bè của họ đã chết, rất nhiều người sống sót mang theo vết sẹo của trận chiến. Quần áo của họ đã cũ từ lâu nên bây giờ họ buộc phải mặc quần áo của Ba Tư và Ấn Độ bên dưới áo giáp. Họ muốn gặp lại cha mẹ mình, nếu họ vẫn còn sống, và được ôm hôn vợ con một lần nữa. Ông kêu gọi nhà vua quay trở lại Macedonia cùng họ và dẫn dắt một thế hệ binh lính mới trở lại, những chàng trai trẻ sẽ tiếp bước anh đến những chiến thắng hiển hách chắc chắn còn ở phía trước. Nhưng đối với chính mình, họ không thể đi xa hơn.

Giờ đây, một sự cổ vũ lớn từ quân đội ủng hộ Coenus khi những người đàn ông công khai khóc khi nghĩ về nhà. Tuy nhiên, Alexander vô cùng tức giận đến mức giải tán cuộc họp và xông vào lều của mình, không gặp ngay cả những người bạn thân nhất trong ba ngày. Anh chờ người của mình thay đổi ý định và đến với anh như những gì họ đã từng làm trong quá khứ, cầu xin anh tha thứ, thề sẽ theo anh

đến cùng trời cuối đất — nhưng không ai đến cả. Cuối cùng nhà vua phải chấp nhận giấc mơ hành quân xuống sông Hằng đã chết. Để cứu lấy thể diện, anh đã tổ chức một cuộc cúng tế công khai để tìm kiếm lời khuyên từ các vị thần. Sau khi xem xét các lối đi trước mặt, những thầy cúng khôn ngoan tuyên bố những điềm xấu cho việc vượt sông. Alexander sau đó đứng trước quân đội một lần nữa và tuyên bố anh sẽ không chống lại ý chí của các vị thần cũng như người của mình. Tất cả họ sẽ về nhà.

Trước khi rời Hyphasis, Alexander đã ra lệnh cho quân của mình dựng lên mười hai bàn thờ cao chót vót, mỗi bàn thờ một vị thần trên đỉnh Olympia. Những điều này là để tạ ơn các vị thần đã cưu mang anh cho đến nay, nhưng cũng là để kỷ niệm cho những thành tựu của anh. Một số câu chuyện kể rằng anh cũng đã xây dựng một pháo đài khổng lồ với giường dài hơn bảy feet và máng ăn gấp đôi kích thước bình thường để các thế hệ người da đỏ

trong tương lai nghĩ người Macedonia và ngựa của họ là những người khổng lồ.

Với cái nhìn đăm chiêu cuối cùng về phía đông, Alexander bắt đầu cuộc hành quân dài trở về Macedonia. Họ vẫn còn ở rìa phía bắc của Ấn Độ, hơn một trăm dặm từ hạm đội được chuẩn bị sẵn sàng trên sông Hydaspes. Sau đó là một hành trình gần sáu trăm dặm ra biển. Kế hoạch của Alexander là chinh phục các bộ tộc còn lại của thung lũng Indus trong chuyến hành trình thay vì quay trở lại Bactria. Anh hẳn đã sử dụng sự quyến rũ và thuyết phục đáng kể để thuyết phục các sĩ quan và quân đội rằng con đường nhanh nhất về nhà nằm ở phía nam. Từ quan điểm quân sự, nó cũng có ý nghĩa hoàn hảo để hoàn thành cuộc chinh phục miền tây Ấn Độ. Từ châu thổ Indus, anh sẽ gửi hạm đội của mình dọc theo bờ biển đến điểm hẹn ở Ba Tư với đội quân mà anh sẽ dẫn đầu trên bộ. Điều này sẽ khép lại vòng tròn lớn mà nhà vua đã bắt đầu khi rời Persepolis bốn năm trước đó để đuổi theo Darius, nhưng cũng

cho anh cơ hội thiết lập một tuyến đường thương mại giữa các tỉnh ở Ấn Độ và phần còn lại của đế chế. Điều mà quân đội không biết - và chính Alexander cũng không nhận ra - là một số cuộc chiến đấu cam go nhất của chiến dịch dài hơi vẫn còn ở phía trước, cũng như một trong những cuộc hành quân qua sa mạc khốc liệt nhất trong lịch sử quân sự.

Cuộc hành trình trở lại Hydaspes không hề êm ả, ngoài sự đầu hàng của một số vị vua Ấn Độ còn sót lại, những người quyết định chiến đấu là không cần thiết khi người Macedonia đang rút lui. Alexander cũng hài lòng với sự xuất hiện của một nhóm quân tiếp viện đáng kể, những người đã đi từ Hy Lạp. Họ bao gồm ba mươi nghìn bộ binh và sáu nghìn kỵ binh, cùng với các toa xe chở vật tư và 25 nghìn bộ áo giáp dát vàng và bạc từ thủ quỹ Harpalus (của Babylon). Một ghi chú đáng buồn đã được nhấn mạnh bởi cái chết đột ngột của Coenus già. Bất chấp thời gian, nhiều khả năng ông đã chết vì nguyên nhân tự nhiên. Trên thực tế, có

lẽ cảm giác về cái chết sắp đến đã cho Coenus can đảm đối mặt với Alexander tại Hyphasis.

Khi quân đội quay trở lại Hydaspes, nhà vua đã rất vui mừng khi thấy hạm đội đã sẵn sàng. Đã có hơn một nghìn tàu chuẩn bị cho chuyến đi, bao gồm tàu chiến lớn, tàu vận tải ngựa và tàu chở hàng. Alexander đã tuyển dụng những người đi biển Phoenicia, Cypriot, Carian và Ai Cập trong quân đội để làm thủy thủ và bổ nhiệm người bạn thời thơ ấu Nearchus làm đô đốc. Một vài ngày sau vào lúc bình minh, khi mọi thứ cuối cùng đã đi vào nề nếp, Alexander đã hiến tế cho Zeus và Hercules cũng như nhiều vị thần khác, bao gồm cả các quyền lực thần thánh cai trị các dòng sông của Ấn Độ. Anh đổ rượu vào Hydaspes từ một cái bát vàng, giống như đã làm ở giữa Hellespont trước khi băng qua thành Troy. Không có đủ chỗ trên các con tàu cho phần lớn quân đội, vì vậy Alexander đã cử Hephaestion và Craterus dẫn những người còn lại đi dọc hai bờ đối diện theo sau hạm đội. Hai người bạn đồng hành

của nhà vua đã nảy sinh lòng căm thù và thậm chí đã từng rút kiếm chém nhau, vì vậy Alexander coi việc giữ một dòng sông giữa họ là điều cần thiết.

Việc khởi hành là một buổi lễ trọng đại, với những con thuyền di chuyển trong đội hình hoàn hảo xuôi theo dòng nước rộng với tiếng trống và mái chèo nổi trên mặt nước. Những người da đỏ địa phương chưa bao giờ nhìn thấy cảnh tượng như vậy và đặc biệt ấn tượng trước cảnh tượng những con ngựa cưỡi trên thuyền. Người dân địa phương đều xuống bờ để cổ vũ người Macedonia và hát mừng. Alexander vô cùng xúc động trước lời từ biệt tuyệt đẹp mà người da đỏ dành cho anh, coi đó như một dấu hiệu của tình cảm của họ, nhưng chắc chắn họ đã rất mừng khi thấy anh và đội quân ra đi.

Những ngày đầu tiên của cuộc hành trình về phía nam dọc theo Hydaspes đã mang đến cho Alexander cơ hội thư giãn. Với hàng ngàn dặm hành quân sau lưng và quyết định sự

sống hay cái chết liên tục phải thực hiện, đó là một sự xa xỉ khi được ngồi trên một con thuyền nhẹ nhàng trôi xuống một con sông ở Ấn Độ. Anh đã dành thời gian để nghe người bạn cũ là Aristobulus đọc cuốn lịch sử của cuộc thám hiểm mà anh ta đang viết. Nhà văn Hy Lạp đọc to một đoạn gần đây về trận chiến chống lại Porus. Trong phiên bản của mình, Alexander đã chiến đấu trong một trận chiến vinh quang với vua Ấn Độ - người tự tay giết con voi bị thương của mình bằng một ngọn giáo. Nhà vua chộp lấy cuốn sách và ném nó xuống sông, nói rằng anh cũng nên ném người đàn ông đã viết những điều vô nghĩa như vậy xuống sông.

Sau năm ngày, hạm đội Macedonia đã đến nơi hợp lưu của Hydaspes và Acesines. Tại đây, hai con sông rộng, chảy nhẹ nhàng nhập vào một con kênh hẹp, tạo ra dòng chảy xiết và xoáy nước hỗn loạn. Các thủy thủ đã quen với những cơn bão trên Địa Trung Hải, nhưng không ai, ít nhất là Alexander, có kinh nghiệm.

Các thuyền nhỏ được sử dụng để vận chuyển đã xoay sở đủ tốt khi chúng xoắn và rẽ trong dòng chảy, nhưng các tàu chiến lớn hơn bị quăng như nút chai. Chúng nhanh chóng quay sang một bên và va vào nhau khi mái chèo bị gãy. Những người đàn ông đã đối mặt với các chiến binh man rợ và những con voi sừng sững đã hét lên kinh hoàng khi bị ném xuống sông, với nhiều người chết đuối trong dòng nước chảy xiết. Bản thân Alexander cũng hoảng sợ khi chiếc soái hạm của mình va phải ghềnh đá. Anh trút bỏ quần áo và khỏa thân nhảy xuống dòng nước xoáy dù chưa bao giờ học bơi. Bạn bè đã lao theo sau và kéo anh vào bờ, biết ơn họ đã cứu sống mình. Nhà vua cũng rất biết ơn các vị thần đã tha thứ cho mình, đến nỗi đã cúng tế cho họ như thể mình vừa thắng một trận chiến lớn. Sau khi nghỉ ngơi một chút, anh thậm chí có thể nói đùa về trải nghiệm, tự hào rằng giờ đây anh đã chiến thắng trong cuộc thi chống lại một con sông, giống như người anh hùng Achilles trong cuộc chiến thành Troy.

Sau khi sửa chữa những con thuyền bị hư hỏng, Alexander cử Nearchus tới chỗ tiếp theo của con sông trong khi nhà vua và hầu hết quân đội hành quân trên bộ đến vương quốc Malli, một trong những bộ tộc đáng sợ nhất của Punjab. Những người da đỏ này đã chuẩn bị cho sự xuất hiện của người Macedonia bằng đường sông, nhưng Alexander đã lẻn vào từ phía sau bằng cách băng qua một sa mạc vào ban đêm. Anh tấn công thành phố đầu tiên một cách bất ngờ trong khi một số binh lính đang thư giãn bên ngoài thành phố, sau đó xông vào các bức tường và chiếm giữ thành, giết tất cả hai nghìn người bản xứ trú ẩn ở đó. Một số ít trốn đến đầm lầy gần đó bị săn lùng và giết chết. Tiếp theo là thành phố thứ hai và thứ ba, với Alexander dũng cảm — hoặc liều lĩnh — leo lên bậc thang đầu tiên để đến các bức tường và đích thân dẫn đầu cuộc chiến chống lại quân phòng thủ.

Những người Malli còn lại đều đã chạy trốn đến thành phố mạnh nhất của họ còn đứng

vững để chống lại những kẻ xâm lược. Alexander đến thành phố lúc hoàng hôn và cho quân nghỉ ngơi để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào lúc bình minh. Anh chia quân thành hai lực lượng, tự mình dẫn đầu và giao lực lượng thứ hai cho người bạn đồng hành là Perdiccas. Người da đỏ vô cùng kinh hãi trước đội quân đang đến, họ bỏ đồn và rút vào thành trong, bỏ mặc những bức tường bên ngoài không có người bảo vệ. Hầu hết những người Macedonia nghĩ họ đã chiếm toàn bộ thành phố khi tràn qua các cánh cổng chỉ để nhìn thấy những người bản địa giữ một vị trí mạnh hơn nhiều tại pháo đài trung tâm. Các binh sĩ cố gắng tìm đường vào thành, nhưng không chọc thủng được tường thành. Alexander nhanh chóng trở nên thất vọng và tự mình nắm lấy một cái thang, cầm chiếc khiên của mình trước mặt, và bắt đầu trèo tường. Thị vệ của anh là Peucestas leo lên phía sau, mang theo chiếc khiên thiêng liêng mà nhà vua đã lấy từ đền thờ Athena ở thành Troy. Theo sau là hai người đàn ông, Leonnatus cận vệ của

anh - người mà anh đã cử đến để an ủi những người phụ nữ của Darius sau trận chiến Issus - và Abreas, một người lính bình thường.

Alexander lên đến đỉnh tường và đứng đó chiến đấu chống lại những người bảo vệ Malli trong khi ba người bạn đồng hành leo lên bậc thang phía sau anh. Những người lính bên dưới xấu hổ đến mức đã đồng loạt trèo lên thang, khiến thang bị gãy vì quá tải. Điều này khiến nhà vua và ba người khác trên đỉnh phải tự chiến đấu. Thay vì chờ người của mình trên đỉnh bức tường, Alexander quyết định nhảy vào thành phố. Khi những người lính bên ngoài nhìn thấy anh biến mất, họ đã rất kinh hoàng. Vượt khỏi tầm nhìn của họ, Alexander quay lưng vào một cái cây lớn và đâm bất cứ ai đến gần. Sau khi một số người bị giết, quân Malli lùi lại và tạo thành một hình bán nguyệt xung quanh anh ngay ngoài tầm kiếm. Sau đó, nhà vua nhặt những viên đá nằm trên mặt đất và ném chúng vào bất cứ ai dám đến gần.

Người bản xứ phản công bằng cách lấy đá ném lại.

Tại thời điểm này, ba người đã lên đến đỉnh bức tường với Alexander đã nhìn thấy những gì đang xảy ra và nhảy xuống để bảo vệ nhà vua. Abreas bị giết gần như ngay lập tức bởi một mũi tên vào mặt. Sau đó, Alexander bị trúng một mũi tên bắn ở cự ly gần xuyên qua áo giáp và vào ngực, làm thủng phổi. Anh tiếp tục tự vệ, nhưng anh đã chảy rất nhiều máu và cố gắng thở đến nỗi ngã quỵ xuống đất. Leonnatus chiếm vị trí ở một bên nhà vua trong khi Peucestas giữ chiếc khiên thành Troy phía trên để che chắn những viên đá và mũi tên dội xuống họ.

Quân Macedonia bên ngoài các bức tường trong khi đó đang điên cuồng cố gắng tìm đường vào thành. Một số bám vào những viên gạch và leo lên bức tường. Những người khác đứng trên vai đồng đội để trèo lên, trong khi những người khác đẩy vào cánh cổng cho đến khi thanh chắn cửa bị gãy. Cuối cùng, khi họ

đến được chỗ Alexander, họ thấy anh nằm trong một vũng máu bên dưới cái cây với Peucestas vẫn đứng bên cạnh. Những người lính không được học nhiều, nhưng họ biết thương tích chiến trường và có thể thấy nhà vua bị thương nặng, có lẽ là trọng thương. Trong cơn giận dữ, họ đã quay lại tấn công người Malli bên trong thành và triệt hạ tất cả từ đàn ông, phụ nữ và trẻ em.

Alexander được đưa đến con thuyền gần đó, nơi một số nguồn tin báo rằng Critodemus, một thầy thuốc từ đảo Cos của Hy Lạp và là hậu duệ của người chữa bệnh huyền thoại Asclepius, đã gỡ bỏ mũi tên. Những người khác nói không có thầy thuốc nào nên Perdiccas đã cắt mũi tên bằng con dao của mình. Trong cả hai trường hợp, nhà vua bắt đầu xuất huyết rất nhiều khi mũi tên được rút ra và rơi vào trạng thái bất tỉnh. Tin đồn lan truyền khắp quân đội rằng Alexander đã chết, tiếng than khóc vang vọng khắp trại. Một lần nữa những người đàn ông bắt đầu tự hỏi ai có

thể dẫn họ về nhà nếu nhà vua băng hà. Nằm sâu trong lãnh thổ của kẻ thù, xa Macedonia như mọi người có thể tưởng tượng, tình hình dường như vô vọng đối với những người lính quẫn trí. Cuối cùng các nhân viên chỉ huy thông báo nhà vua còn sống và sẽ sớm xuất hiện, mặc dù hầu hết những người đàn ông cho rằng đây là một lời nói dối để che đậy sự thật Alexander đã chết. Cuối cùng thì những tấm rèm trên thuyền cũng mở ra và quân đội chứng kiến thi thể bất động của nhà vua được mang ra khỏi thuyền. Anh dường như đã chết đối với tất cả những người đang đứng trên bờ, nhưng thình lình, Alexander giơ tay và vẫy chào đám đông. Những tiếng la hét và tiếng khóc đã vang lên tận trời trong khi một số chiến binh cứng rắn nhất trên thế giới gục ngã và khóc như những đứa trẻ khi nhìn thấy vị vua của họ vẫn còn sống. Các sĩ quan của Alexander muốn chuyển anh đến bến tàu, nhưng thay vào đó, nhà vua ra lệnh cho một con ngựa tiến về phía trước. Đây hẳn là một trong những hành động dũng cảm nhất trong

cuộc đời của anh, vị vua bị thương nặng đã đẩy những người bạn của mình ra xa và từ từ leo lên ngựa để trấn an quân của mình rằng anh vẫn ổn. Quân đội ở bên cạnh vui mừng, đồng loạt vỗ tay và ném cho Alexander những bông hoa tươi đang nở xung quanh. Những người đàn ông căng thẳng để chạm vào ngay cả gấu áo khi anh đi qua hàng ngũ. Sau đó, với những nỗ lực cao nhất, anh xuống ngựa và đi với sức mạnh của chính mình vào trong lều và gục xuống giường.

Khi anh đã lấy lại được một số sức mạnh của mình, các sĩ quan bắt đầu chế nhạo anh rằng màn trình diễn trên tường là một hành động dũng cảm nhưng ngu ngốc đối với một vị vua. Họ nói nhiệm vụ của một chỉ huy không phải là liều mạng theo cách như vậy khi có rất nhiều người trong quân đội có thể làm điều tương tự. Alexander không biết làm thế nào để nói với bạn bè của mình rằng đối với anh những hành động như vậy là một phần thiết yếu để trở thành một vị vua. Đối mặt với những lời chỉ

trích như vậy, anh bước ra khỏi lều. Một cựu binh tóc hoa râm đến từ Boeotia ở miền trung Hy Lạp, người đã nghe về những lời quở trách từ những người bạn đồng hành đã đến gần. Người đàn ông nhìn thẳng vào mắt nhà vua và chỉ nói một vài từ bằng phương ngữ nông thôn của mình – “Alexander, những việc làm dũng cảm là những gì người đàn ông chân chính làm”. Nhà vua đã ôm chầm lấy người lính già và coi ông là người bạn trong suốt quãng đời còn lại.

Chiến dịch khó nhằn tại Ấn Độ không cản trở niềm đam mê liên tục của anh với các tôn giáo bản địa. Ngay từ chuyến viếng thăm Taxila, anh đã tập hợp các nhà thông thái Ấn Độ để hỏi về niềm tin của họ. Nhà vua đã may mắn được đến thăm một vùng đất có nhiều truyền thống tôn giáo phong phú. Một số khía cạnh của tôn giáo Ấn Độ, chẳng hạn như niềm tin vào vô số các vị thần, có thể quen thuộc với bất kỳ ai từ thế giới Địa Trung Hải, nhưng

nhiều ý tưởng mà anh gặp sẽ khá khó hiểu đối với Alexander.

Những người theo truyền thống Jain bản địa đã tìm cách giải thoát linh hồn khỏi vòng luân hồi đau đớn thông qua việc thực hành khổ hạnh. Người mộ đạo nhất trở thành những nhà sư trần truồng lang thang khắp vùng đất không có gì ngoài một cái chậu nhỏ để rửa. Tất cả các Kỳ Na giáo đều tìm cách làm theo lời dạy của các bậc thầy từ quá khứ, những người đã đạt được hiểu biết. Người mới nhất là Mahavira, một nhà tu sống dọc sông Hằng trước Alexander hai thế kỷ. Những người Ấn Độ khác là tín đồ của một vị thầy tên là Siddhartha Gautama (Đức Phật Thích Ca), người đã sống gần Himalaya cùng thời với Mahavira. Siddhartha được sinh ra là một hoàng tử, nhưng đã từ bỏ ngai vàng khi lần đầu tiên chứng kiến tuổi già, bệnh tật và cái chết. Bên dưới một cây bồ đề, Ngài đã giác ngộ và giải thoát khỏi vòng luân hồi, trở thành Đức Phật - nghĩa đen là "người tỉnh thức" - và

sau đó cống hiến hết mình để hướng dẫn những người đi theo trên con đường giải thoát (thoát khỏi luân hồi – tam giới).



Cũng có nhiều truyền thống tôn giáo được biết đến dưới thuật ngữ chung của Ấn Độ giáo, bắt nguồn từ sự xuất hiện của các bộ lạc Aryan ở

Ấn Độ nhiều thế kỷ trước. Những kẻ xâm lược này mang theo những bài thánh ca của kinh Veda và nhiều vị thần tương tự như đền thờ Ba Tư, nhưng niềm tin của họ cũng được hình thành do tiếp xúc với những truyền thống phong phú của người bản địa mà họ gặp ở vùng đất mới. Người theo đạo Hindu tôn thờ Vishnu, Brahma, Shiva và nhiều vị thần khác, nhưng chia sẻ với Kỳ Na giáo và Phật giáo mong muốn đạt được sự giải thoát khỏi vòng luân hồi vô tận. (còn luân hồi là còn đau khổ)

Đối với Alexander, những lời dạy của những bậc thầy tâm linh này — được người Hy Lạp gộp lại với nhau như là gymnosophistai, hay "những nhà thông thái khỏa thân" — gần giống nhất với những lời dạy của Diogenes, nhà triết học Cynic, người Alexander đã gặp khi sống trong cái hốc của mình ở Corinth mười năm trước. Một câu chuyện kể về cách Alexander gặp một nhóm các thầy tu dưới bầu trời rộng mở trên một đồng cỏ. Khi anh đến gần, họ đứng dậy và đập chân xuống đất.

Alexander hỏi thông qua một người phiên dịch rằng hành động này có ý nghĩa gì và được cho biết mỗi người đàn ông còn sống không giữ miếng đất nào khi anh ta đang đứng. Họ thúc giục anh nhớ rằng mặc dù anh bận rộn chinh phục thế giới, một ngày nào đó anh cũng sẽ chết và không sở hữu nhiều đất hơn nơi chứa xương của mình.

Hai trong số những vị thầy tôn giáo Ấn Độ được tôn kính nhất trong vùng là Dandamis và Calanus, mỗi người sống lặng lẽ một mình trong rừng. Alexander đã cử Onesicritus - một tín đồ của Diogenes và là một trong những triết gia đi theo chiến dịch - để tìm và chất vấn họ. Dandamis đón tiếp một cách nồng nhiệt và hỏi về các triết gia Hy Lạp nổi tiếng. Onesicritus đã giải thích những lời dạy của Socrates, Diogenes và Pythagoras (những người cũng tin vào sự luân hồi) cho Dandamis, nhưng nhà thông thái nói mặc dù mỗi người đều có những điểm tốt của mình, họ dường như quá quan tâm đến việc tuân theo các quy

tắc. Khi Onesicritus đến gặp Calanus, người thầy Ấn Độ đã quát mắng, yêu cầu cởi quần áo và ngồi trần truồng trước mặt nếu không ông sẽ không nói gì, kể cả khi chính Zeus sai anh ta đi. Onesicritus đã làm như vậy và nghe theo lời dạy của ông, sau đó thuyết phục Calanus quay trở lại với ông để thăm Alexander. Khi ông đến, nhà vua hỏi ông cách tốt nhất để điều hành một đế chế. Người đàn ông ném một cái bập bênh xuống đất và ấn xuống một bên, bên kia sẽ bật lên. Sau đó, ông đứng ở trung tâm để nó cân bằng - bài học là Alexander nên ở gần trung tâm của vương quốc và không đi lang thang về biên giới. Nhà vua rất ấn tượng về Calanus nên đã mời ông đi cùng mình trong phần còn lại của cuộc thám hiểm. Mặc dù các nhà thông thái Ấn Độ khác không chấp nhận việc tham gia vào các vấn đề thế tục như vậy, nhưng Calanus đã chấp nhận lời mời.

Alexander đã ra lệnh cho đóng thêm nhiều thuyền hơn nữa trong thời gian anh dưỡng

bệnh để chở thêm quân ra biển. Khi những thứ này đã sẵn sàng, anh một lần nữa chất hàng nghìn người của mình lên thuyền trong khi những người còn lại hành quân dọc theo các bờ biển. Vượt qua sông Acesines rộng lớn sau vài ngày, tiếp đó là Hyphasis chảy vào từ phía đông, cuối cùng hạm đội tiến vào Indus. Tại điểm nối cuối cùng của các con sông, nhà vua đã thành lập một Alexandria khác với kỳ vọng một ngày nào đó nó sẽ phát triển thành một thành phố được cả thế giới biết đến. Anh xây dựng các bến tàu và bố trí đường phố, sau đó bỏ lại quân đồn trú ở đô thị mới, bao gồm nhiều cựu binh từ vùng núi Thrace, những người sẽ sống xa nhà trên bờ sông Indus.

Sau đó, quân đội trôi dạt dọc theo vùng đồng bằng rộng lớn trong vài tuần tương đối yên bình cho đến khi họ đến vương quốc Musicanus ngay phía trên châu thổ Indus. Vị vua địa phương đã đầu hàng và một lần nữa Alexander cho ông ta trở lại vương quốc để cai trị nhân danh mình. Tuy nhiên, mọi chuyện

diễn ra không suôn sẻ như vậy tại một vùng đất gần đó được cai trị bởi một vị vua tên là Sambus. Một trong những thành phố của ông là trung tâm linh thiêng của người Bà La Môn, giai cấp tư tế của Ấn Độ. Những nhà lãnh đạo tôn giáo đã thúc giục cuộc kháng chiến chống lại người Macedonia và gửi các chiến binh vào trận chiến với vũ khí được tẩm chất độc từ nọc rắn. Thuốc gây ra những cơn đau buốt, co giật và cái chết khủng khiếp kéo dài. Bạn của nhà vua, Ptolemy là một trong số nhiều người bị trúng nọc độc, trước khi Alexander biết về một loại cây địa phương có thể chữa được. Anh dán nó lên cơ thể Ptolemy, sau đó xay phần còn lại trong một cái ly, rồi đưa cho bạn mình, nó đã chữa khỏi bệnh cho anh ta. Alexander tiếp tục cuộc chiến chống lại thành phố của người Bà La Môn, hiện đã được tiếp viện bởi Musicanus, khi cảm thấy người Macedonia đang ở thế bất lợi. Alexander nhanh chóng xua tan quan niệm này bằng cách xông vào thành phố và treo cổ Musicanus cùng những người Bà La Môn lãnh đạo quân nổi dậy.

Cuối cùng quân đội đã đến thành phố Patala, nơi Indus chia thành hai nhánh, cả hai đều chảy qua vùng châu thổ rộng lớn trước khi vào biển phía nam. Nhà vua thấy thành phố vắng vẻ, nhưng cuối cùng đã thuyết phục được cư dân địa phương trở về. Tại đây Alexander đã chia quân thành ba. Nhóm đầu tiên, dưới quyền Craterus, sẽ hành quân trên bộ về phía tây bắc trở lại Kandahar và tham gia cùng Alexander ở Ba Tư. Anh ta sẽ mang theo tất cả những con voi và các cựu binh Macedonia sắp nghỉ hưu. Nhóm thứ hai, dưới sự chỉ đạo của Nearchus, sẽ chèo thuyền dọc theo bờ biển đến Vịnh Ba Tư khi gió thuận. Đích thân nhà vua sẽ dẫn lực lượng chính của quân đội trở về Persepolis bằng con đường phía nam xuyên qua sa mạc Gedrosia.

Gedrosia là tên Hy Lạp hóa của một phần bờ biển Baluchistan gần tương ứng với Makran ngày nay. Trong các cuốn sách về Alexander Đại đế và những người kế vị, khu vực được gọi là Gedrosia chạy từ sông Indus đến rìa phía nam của eo biển Hormuz.



Mặc dù sắp kết thúc chiến dịch ở Ấn Độ, Alexander vẫn không thể cưỡng lại một chút khám phá cuối cùng. Anh đi thuyền xuống một nhánh của Indus và thả neo không xa đại dương. Ở đó, nhà vua và người của mình đã phải nhận một cú sốc khi chỉ trong vài giờ, nước biển dâng cao nhiều mét và làm hư hại thuyền của họ. Alexander chưa bao giờ nghe nói về thủy triều. Ở Địa Trung Hải, nước biển dâng lên và hạ xuống mỗi ngày nhiều nhất chỉ vài cm, vì vậy ngay cả những người đàn ông có học thức cũng không biết dọc theo bờ biển,

nước có thể xuống và chảy nhanh như vậy. Nhưng sau khi sửa chữa thuyền và chuẩn bị tinh thần cho sự lặp lại hai lần mỗi ngày của hiện tượng kỳ lạ này, anh tiếp tục hành trình xuống một hòn đảo tên là Cilluta ở cửa sông.

Từ đó, anh đi đến một hòn đảo khác với tầm nhìn ra biển. Alexander và người của mình ngạc nhiên nhìn đại dương rộng lớn trước mặt— một cảnh tượng mà lâu lắm rồi họ mới được chứng kiến. Nhưng điều này là không đủ đối với nhà vua. Lấy một chiếc thuyền, anh đã đi nhiều dặm ra biển để xem có bất kỳ vùng đất nào để chinh phục không. Cuối cùng, khi anh tin không có gì khác ngoài đại dương mênh mông, anh đã cúng tế cho Poseidon và ném một chiếc bát vàng xuống nước để tạ ơn các vị thần vì đã đưa anh đến tận cùng thế giới.

BABYLON

KHI ANH BĂNG QUA SÔNG TIGRIS VỚI QUÂN ĐỘI CỦA MÌNH TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN BABYLON, ALEXANDER ĐÃ GẶP NHỮNG NHÀ TIÊN TRI NGƯỜI CHALDEA – NHỮNG NGƯỜI ĐÃ ĐẾN GẦN VÀ CẦU XIN ANH, VÌ VẬN MỆNH CỦA CHÍNH MÌNH, ĐỪNG HÀNH QUÂN ĐẾN THÀNH PHỐ.

ARRIAN

Những cơn mưa gió mùa đã quay trở lại Ấn Độ trong những tháng Alexander và quân đội tiến xuống Indus và chinh phục vùng đất này. Craterus đã rời đi cùng với nhiều cựu binh Macedonia và voi để trở về Persepolis dọc theo tuyến đường phía bắc. Bây giờ sau mười năm ở châu Á, nhà vua nóng lòng muốn bắt đầu cuộc hành trình trở lại Ba Tư, nhưng hạm đội dưới quyền của Nearchus đã không thể rời cảng Patala trên sông Indus cho chuyến đi dài đến Mesopotamia cho đến khi gió thuận chiều. Do đó, vị vua thiếu kiên nhẫn tạm biệt người bạn cũ với những chỉ dẫn cẩn thận để khám

phá bờ phía bắc của đại dương và tìm kiếm các điểm hẹn dọc theo bờ biển, nơi quân trên bộ sẽ đào giếng nước ngọt cho các thủy thủ và nhận lại nguồn cung cấp thực phẩm cần thiết từ các con thuyền. Đó là một cuộc hành trình trên cả đất liền và đại dương được phối hợp cẩn thận để cả hai cùng sinh tồn.

Alexander biết cuộc hành quân phía trước qua sa mạc Gedrosian sẽ cực kỳ khó khăn cho quân đội của mình, nhưng dù sao anh vẫn quyết tâm dẫn dắt quân của mình vượt qua một trong những cảnh hoang tàn nhất trên trái đất. Một số học giả, cổ đại và hiện đại, đã cho rằng nhà vua muốn trừng phạt binh lính vì đã buộc anh phải quay trở lại sau cuộc chinh phục thung lũng sông Hằng. Theo dòng suy luận này, Alexander đang cố tình tiêu diệt quân của mình trong vùng hoang dã phía trước. Đây chắc chắn không phải là ý định của anh. Alexander có thể nhỏ nhen và hay báo thù, nhưng thật không hợp lý khi cho rằng anh muốn loại bỏ chính lực lượng đã giúp anh tạo

ra và kiểm soát đế chế của mình. Câu trả lời cho bí ẩn của cuộc hành trình trên sa mạc Gedros đã được nhà sử học Arrian tuyên bố rõ ràng và hoàn toàn phù hợp với những gì chúng ta biết về Alexander từ các phần khác của cuộc đời anh. Đầu tiên, như một vấn đề thực tế, anh muốn giữ liên lạc chặt chẽ với hạm đội khi nó di chuyển về phía tây qua Ấn Độ Dương.



sa mạc Gedrosia – Makran ngày nay

Việc khám phá bờ biển và mở tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Ba Tư là một phần thiết yếu trong kế hoạch tương lai. Thứ hai, và

có lẽ còn quan trọng hơn, Alexander muốn dẫn đội quân của mình băng qua sa mạc Gedrosian bởi vì chưa ai từng làm điều đó trước đây. Có những câu chuyện kể rằng nữ hoàng Semiramis của Babylon đã từng đưa một đội quân từ Ấn Độ trở về theo con đường này, nhưng chỉ có 20 người của bà sống sót trong cuộc hành trình. Theo báo cáo, Đại vương đầu tiên Cyrus đã thử con đường tương tự, chỉ có bảy binh sĩ của ông còn sống để kể câu chuyện. Tính chính xác của những câu chuyện này là đáng nghi ngờ, nhưng thách thức mà chúng có thể khuấy động trong trí tưởng tượng của Alexander là có thật. Nếu anh có thể đưa quân đội của mình trở lại từ Ấn Độ qua vùng đất hoang của Gedrosia, thì đó sẽ là một câu chuyện về vinh quang sẽ sống mãi. Đối với Alexander, thế là đủ.

Hơn năm mươi nghìn binh sĩ Macedonia và đồng minh rời sông Indus vào cuối mùa hè cùng với một đoàn thuyền khổng lồ gồm những người đi theo, hầu hết là phụ nữ và trẻ

em theo sau quân đội bất cứ nơi nào nó đến. Đất đai và khí hậu lúc đầu đủ dễ chịu khi di chuyển về phía tây dọc theo bờ biển và qua những ngọn núi thấp vào lãnh thổ của Arabitae. Alexander cử người đào giếng cho hạm đội trên bờ và dành thời gian để mở một loạt các cuộc tấn công bất ngờ vào những người bản xứ trong khu vực chưa phục tùng chính quyền. Sau hai tuần, anh đến một thung lũng đầy nước gần bờ biển, là quê hương của người Oreitae, họ đã bỏ trốn. Khu vực chính của họ ở Rhambacia là một địa điểm đầy hứa hẹn cho một trạm buôn bán, vì vậy Alexander đã để lại Hephaestion để lo thành lập một Alexandria khác - thành phố cuối cùng mang tên anh ở phía Đông.



Nhà vua phát hiện ra những người bản xứ đang ẩn náu trên những ngọn đồi ở phía tây ngôi nhà của họ để chờ tấn công người Macedonia. Nhưng khi Alexander chỉ đưa một lực lượng nhỏ tới gặp, họ lập tức bỏ chỗ trú ẩn và đầu hàng. Anh chấp nhận sự phục tùng của họ và đảm bảo với người bản xứ rằng họ sẽ được phép sống trong hòa bình trên đất của họ dưới sự cai trị của một satrap và đồn trú Macedonia. Nhà vua cũng bỏ lại người bạn đồng hành Leonnatus để chờ hạm đội và dọn dẹp mọi kháng cự còn sót lại trong khu vực. Tại thời điểm này, Hephaestion đã bắt kịp khi những người đàn ông rời khỏi thung lũng của Oreitae và bắt đầu chuyến đi về phía tây vào sa mạc.

Gedrosia, nằm giữa biên giới Iran và Pakistan hiện đại, là tỉnh nghèo nhất và kém hiếu khách nhất trong số các tỉnh của Đế chế Ba Tư. Nó chỉ bao gồm một vùng đất hoang vu khô cằn với những bãi muối bao quanh bởi những ngọn núi quá khô cằn để làm nông nghiệp. Chỉ

những thương nhân người Phoenicia đi buôn bán dưới sự bảo vệ của một đội quân mới có vẻ ấn tượng trước những gì sa mạc mang lại. Có những cây myrh cao bất thường ở các vị trí rải rác (dùng để làm kẹo cao su), mà những người buôn bán chất lên xe.



Họ cũng hái cỏ gừng, dù phần lớn đã bị dập nát dưới chân đoàn quân đi qua, để lại hương thơm thoang thoảng khắp vùng quê. Ban đầu, những người lính có thể ăn tối ngon lành với những con thỏ bám đầy bụi gai khi chúng chạy trốn khỏi quân đội, nhưng chẳng bao lâu sau ngay cả những con thỏ này cũng không còn.

Một số ít người bản địa sống ở Gedrosia tập trung dọc theo bờ biển và có cuộc sống nguyên thủy, không giống bất cứ điều gì mà người Macedonia từng thấy. Họ được gọi là Ichthyophagi, hay Fish Eaters vì nguồn dinh dưỡng duy nhất của họ đến từ bất kỳ loài cá nhỏ nào mà họ có thể đánh bắt ngoài khơi và phơi khô dưới ánh nắng mặt trời. Những người bản địa này để tóc dài thành thảm và không bao giờ cắt tỉa móng tay. Quần áo của họ được làm bằng vảy cá và những ngôi nhà nguyên thủy bằng vỏ và da trải dài trên xương sườn cá voi. Những người này nghèo khổ đến nỗi Alexander thậm chí không buồn cướp bóc ngôi làng của họ để lấy nguồn cung cấp.

Nhưng vì vẫn không có dấu hiệu của Nearchus và hạm đội dọc theo bờ biển, Alexander bắt đầu lo lắng. Không có đủ lương thực cho quân đội nếu không có tiếp tế bằng đường biển. Sau khi nguồn cung cấp ngũ cốc không còn, những người đàn ông bắt đầu ăn thịt những con vật mang theo. Nhà vua đã cử sứ giả cưỡi lạc đà

đến các vệ tinh gần đó với mệnh lệnh gửi đồ cung cấp càng nhanh càng tốt, nhưng khoảng cách quá xa khiến liên lạc không thể dễ dàng. Khi nước cạn, những người lính hoàn toàn phụ thuộc vào bất kỳ ốc đảo nào họ có thể tìm thấy trong sa mạc, mặc dù chúng rất ít và xa. Một khi phát hiện ra một hố nước, những người đàn ông đầu tiên gần đó sẽ lao vào và uống hết những gì họ có thể múc vào tay, và uống quá nhiều, làm bẩn nước cho những người còn lại. Sau đó Alexander ra một quy tắc - mỗi trại sẽ được hưởng hai dặm từ một nguồn nước và sử dụng hạn chế.

Khi ngày trở thành tuần, đàn ông bắt đầu ngã quỵ bên đường tới hàng trăm, rồi hàng nghìn người, vì bệnh tật, say nắng và khát nước. Nhiều người chỉ đơn giản là bỏ cuộc và không chịu đứng dậy khỏi chiếc giường của họ. Những người khác kéo nhau lại sau khi đoàn quân khởi hành, sẽ cố gắng lần theo dấu vết của những người bạn đồng hành, nhưng hầu hết những người này đều bị lạc trong sa mạc.

Một đêm, quân đội đóng trại dưới lòng sông khô cạn. Nhưng khi bóng tối buông xuống, một bức tường nước đột nhiên đổ xuống dòng sông từ một cơn giông bão ở những ngọn đồi phía xa. Trận lũ quét bất ngờ ập đến khiến binh sĩ hoảng hốt, nhưng hầu hết đều chạy thoát được, dù nhiều người chỉ mang theo vũ khí và quần áo trên lưng. Những người dân thường không may mắn như vậy. Hầu hết phụ nữ và trẻ em đã lê mình trong chuyến đi qua vùng hoang dã này đã không kịp chạy trốn và bị chết đuối trong chính làn nước mà họ vô cùng khao khát.

Vào cuối cuộc hành quân, khi các sĩ quan và nam giới đều từ bỏ hy vọng sống sót thoát khỏi sa mạc, một số trinh sát tìm thấy một vũng nước nhỏ chỉ đủ chứa trong một chiếc mũ. Đội tuần tra đã mang nó đến trước mặt Alexander, người đang khát như bất kỳ ai. Tuy nhiên, cũng khốn khổ như chính tình trạng của mình, anh biết người của mình còn đau khổ hơn nữa. Do đó, giống như đã làm trong cuộc

vượt sa mạc ở Bactria bốn năm trước, Alexander từ chối uống khi quân đội của anh không có. Anh lấy chiếc mũ đựng nước và đổ xuống đất trước toàn bộ đội quân của mình. Đối với những người đang khát khô, việc nhà vua chia sẻ nỗi khổ với họ có ý nghĩa hơn cả việc ngâm mình vào nước. Arrian nói rằng họ rất vui mừng, cứ như thể họ được uống từng giọt mà anh đổ xuống đất.



Alexander sau đó quay trở lại biển trong nỗ lực cuối cùng để tìm nước và đến điểm hẹn với hạm đội. Không thấy các con thuyền đâu,

nhưng quân đội đã có thể đào giếng dọc theo bờ biển để phục vụ nhu cầu riêng và ở lại trong một tuần với nguồn cấp nước đầy đủ. Cuối cùng, nhà vua nhận ra hạm đội của mình hẳn đã bị lạc đâu đó dọc theo bờ biển phía nam. Anh thất vọng với Nearchus vì đã làm thất lạc toàn bộ hải quân. Đội quân đã theo anh qua sa mạc trong hai tháng khá hơn một chút. Có lẽ một nửa binh lính đã bỏ mạng trên bãi cát Gedrosia và hầu như tất cả dân thường đã bị mất tích. Sau đó, anh dẫn những người đàn ông đi hơn một trăm dặm về phía tỉnh lỵ ở biên giới tồi tàn của Paura trên đường đến Persepolis. Những người Macedonia tiều tụy và kiệt sức khi bước qua cổng thành hẳn là một cảnh tượng đáng sợ đối với người bản xứ, họ vẫn chào đón trong hòa bình và cung cấp thức ăn, nước uống và những thứ cần thiết.

Đoạn cuối cùng của cuộc hành trình từ Paura đến Persepolis dài gần năm trăm dặm, dù vùng nông thôn khô cằn, vẫn hứa hẹn một nguồn cung cấp ổn định thực phẩm và nước

cho binh sĩ còn lại. Một số tác giả cổ đại kể lại nhà vua rất nhẹ nhõm sau cuộc hành quân qua sa mạc Gedrosian đến nỗi dẫn quân đi dọc theo con đường như trong một cuộc diễu hành. Alexander cũng tổ chức các lễ hội và cuộc thi để kỷ niệm cuộc vượt khó, bao gồm một cuộc thi ca hát và nhảy múa do thái giám Ba Tư Bagoas, người đã từng là một trong những người yêu của nhà vua từ khi họ rời Persepolis vài năm trước đó. Sau cuộc thi, Bagoas diễu hành qua nhà hát và ngồi xuống bên cạnh Alexander, trước sự vui mừng của quân đội. Những người đàn ông hét lên và lớn tiếng kêu gọi nhà vua hôn người chiến thắng, điều anh vui mừng làm.

Alexander giờ đã trở lại rìa của nền văn minh và có thể chuyển tâm trí của mình sang những vấn đề khác ngoài sự sống còn đơn thuần. Đã 5 năm kể từ khi quân Macedonia rời vùng trung tâm của Ba Tư cho chiến dịch ở các tỉnh phía đông. Nhiều thống đốc và quan chức mà Alexander đã bỏ lại nghi ngờ anh sẽ không

bao giờ quay lại — trên thực tế, hầu hết đều hy vọng anh sẽ không quay lại. Các báo cáo bắt đầu đến tai nhà vua rằng những người được bổ nhiệm đã lợi dụng thời gian dài anh vắng mặt để tự thiết lập mình như những người cai trị hầu như độc lập trong vùng của họ, say mê lối sống xa hoa và thực thi ý chí của họ với các dân quân riêng. Alexander đã dành vài tháng tiếp theo để thanh trừng đế chế của mình gồm các quan chức tham nhũng - người bản địa, người Hy Lạp và người Macedonia - bao gồm cả người bạn cũ Harpalus. Kẻ xấu hổ không thể thay đổi này đã được giao trách nhiệm quản lý ngân khố và đã phung phí vô số đồng vàng vào những thứ xa xỉ và phụ nữ. Anh ta mua những món ngon quý hiếm từ những vùng đất xa xôi cho bàn ăn của mình và những món đồ thời trang nổi tiếng của Athen cho chiếc giường của mình. Khi tin tức đến với anh ta rằng Alexander đang rất tức giận trên đường trở về Ba Tư, anh ta đã hoảng sợ và chạy trốn đến Athens cùng với sáu nghìn lính đánh thuê và tất cả số tiền có thể chất lên một

con thuyền. Demosthenes và các đồng minh chống Macedonia của ông trong hội đồng Athen lúc đầu miễn cưỡng mạo hiểm với cơn thịnh nộ của Alexander bằng cách cho Harpalus nương náu, nhưng một khoản hối lộ hào phóng đã thuyết phục họ rằng hậu quả là xứng đáng. Nhưng khi một trong những đô đốc của Alexander xuất hiện bên dưới Acropolis để yêu cầu dẫn độ anh ta, người Athen đã bắt giữ Harpalus, mặc dù họ đã giữ tiền của anh ta. Harpalus nhanh chóng trốn thoát và tìm đường đến Crete, nơi anh ta bị sát hại bởi các đặc vụ Macedonia.

Trong khi Harpalus vẫn đang bay đến Aegean, Alexander và quân đội đã đi qua vùng đất Carmania gần eo biển Hormuz ở lối vào vịnh Ba Tư. Tại đây Craterus đã đến nơi với các cựu binh và voi sau cuộc hành quân dọc theo tuyến đường phía bắc từ Ấn Độ qua Kandahar và phía đông Ba Tư. Cũng gần eo biển, một nhóm nhỏ gồm những người đàn ông bẩn thỉu, cháy nắng đã đến rìa trại của

Alexander với mái tóc dài và quần áo tẩm nước muối. Không ai nhận ra họ lúc đầu, mặc dù họ tự nhận mình là các sĩ quan Macedonia. Sau đó, người chỉ huy nói với giọng khàn khàn và tuyên bố mình là Đô đốc Nearchus, vừa mới đến từ Ấn Độ, và yêu cầu được dẫn đến chỗ Alexander để kể câu chuyện của mình.

Câu chuyện về chuyến du hành của Nearchus là một trong những tài liệu thám hiểm được lưu giữ tốt nhất từ thời cổ đại, phần lớn là do nhật ký của cuộc thám hiểm được sử gia Arrian sao chép gần như từng chữ. Nearchus và hạm đội rời cảng Patala trên sông Indus vào tháng 9, vài tuần sau khi Alexander khởi hành bằng đường bộ. Những cơn mưa gió mùa vẫn đang thổi, nhưng vị đô đốc đã háo hức bắt kịp quân đội và quyết định liều mình đi tiếp bất chấp điều kiện không thuận lợi. Sau những buổi tế lễ thông thường cho các vị thần, hạm đội đi xuôi theo châu thổ trong vài ngày cho đến khi cuối cùng họ đến vùng biển mở ở cửa sông Indus. Từ đây họ rẽ về phía Tây và men theo

bờ biển dọc vùng đất của Arabitae cho đến khi đến một hòn đảo tên là Crocala. Nearchus có thói quen đi thuyền càng gần bờ càng tốt, neo đậu tại các vịnh được bảo vệ hoặc các đảo gần đó vào ban đêm để tránh rủi ro khi dựng trại trên đất liền. Ngày hôm sau, họ tìm thấy một bến cảng được bảo vệ tốt gần một hòn đảo tên là Bibacta. Nearchus bị ấn tượng bởi khung cảnh yên tĩnh đến mức đặt tên cho địa điểm là Thiên đường của Alexander. Một cơn gió mùa mạnh vẫn đang thổi vào từ đại dương, buộc hạm đội phải hoãn khởi hành. Khi những cơn gió bất lợi tiếp tục không suy giảm, Nearchus nhận ra anh ta sẽ phải chờ đợi ở Bibacta và vì vậy đã xây dựng một pháo đài trên hòn đảo được bao quanh bởi những bức tường đá để đề phòng các cuộc đột kích của người bản địa. Hạm đội phải ở lại một tháng tại hòn đảo. Nearchus chắc hẳn đã rất điên cuồng vào lúc này, nhận ra sự chậm trễ như vậy sẽ khiến anh ta bị tụt lại phía sau. Tuy nhiên, anh ta không thể làm gì cho đến khi thời tiết thay đổi. Bản thân các thủy thủ cũng lạc quan hơn và tận

hưởng những tuần trên hòn đảo nhiệt đới bằng cách săn trai, hàu và các loài động vật có vỏ khác, mặc dù phàn nàn nước ngọt có vị lợ.

Ngay khi gió chuyển từ tây sang đông, Nearchus thả neo và đi dọc theo bờ biển đến một hòn đảo hoang có tên là Domai, nơi người của anh ta tìm kiếm nước trong vô vọng. Đây là mối quan tâm hàng đầu của đô đốc trong suốt chuyến đi và là lý do chính khiến anh ta quá phụ thuộc vào các nhóm đào giếng của Alexander đã đi trước. Tuy nhiên, có vẻ như chỉ trong một vài trường hợp hiếm hoi, Nearchus mới có thể tìm thấy những cái giếng mà quân đội đã đào, để tự cung cấp nước cho những thủy thủ đang khát của mình. Vấn đề này đã được giải quyết tại Domai và các nơi khác bằng cách gửi quân tuần tra vào nội địa, đôi khi nhiều dặm, để thu thập nước ngọt trong vại lớn và da, rồi chuyển trở lại thuyền.

Tại một thời điểm trong vài ngày tiếp theo, Nearchus đi thuyền quá gần bờ biển đến nỗi thuyền gần như không thể chen vào giữa bãi

biển và những tảng đá ngay ngoài khơi, buộc những người đàn ông phải đập mái chèo vào nền đất vững chắc ở cả hai bên. Nhưng hạm đội đã vượt qua điểm nguy hiểm này và tìm thấy nơi trú ẩn an toàn trong một vịnh nhỏ được đặt tên theo ngôn ngữ địa phương là Woman's Harbour dành cho một nữ hoàng từng trị vì ở đó. Để tránh những con sóng lớn và thủy triều thay đổi, hạm đội đi dọc theo bờ biển được bao quanh bởi một khu rừng rậm đến cửa sông Arabis. Điều này đánh dấu sự kết thúc của các vùng đất do Arabitae cai trị và bắt đầu lãnh thổ của Oreitae, người trước đó đã chạy trốn khỏi quân đội của Alexander trong hoảng loạn.

Biển động khi họ tiếp tục di chuyển, buộc Nearchus phải thả neo ngoài khơi để bảo vệ các thuyền không bị va vào đá. Tuy nhiên, ba con tàu đã bị mất trong sóng. Những người đàn ông trên thuyền bị say sóng liên tục đến nỗi sau vài ngày, vị đô đốc đã mạo hiểm xây dựng một doanh trại kiên cố trên một bãi biển

để cho người của mình nghỉ ngơi qua đêm trên nền đất ổn định. Tại thời điểm này, Nearchus vui mừng khi tìm thấy Leonnatus, người bạn đồng hành của Alexander, người mà nhà vua đã bỏ lại để chờ hạm đội và bảo vệ khu vực. Mọi chuyện không suôn sẻ ở vùng đất Oreitae kể từ khi Alexander rời đi, buộc Leonnatus phải giết vài nghìn chiến binh địa phương trong một trận chiến cũng cướp đi sinh mạng của satrap Apollophanes. Nhưng vị tướng trung thành đã chuẩn bị cho hạm đội và cung cấp đủ lương thực cho các thủy thủ trong ít nhất mười ngày. Nearchus cũng nhân cơ hội để sửa chữa một số thuyền bị hư hỏng và loại bỏ những thủy thủ rắc rối, để họ lại và thay thế bằng những người đàn ông của Leonnatus.

Bờ biển trở nên nhiều núi hơn khi hạm đội di chuyển về phía tây lên bờ biển Gedrosia trong khi vùng đất ngày càng khô cằn hơn. Nước là một mối quan tâm cấp bách, buộc những chuyến đi dài hơn vào bên trong để đào giếng. Tại một nơi mang tên Tomerus, hạm đội lần

đầu tiên đã gặp những người Fish Eaters nguyên thủy, những người mà họ đã chạm trán dọc theo bờ biển. Nearchus mô tả họ thiện chiến hơn Alexander, có lẽ vì kinh nghiệm gần đây của họ với lực lượng trên bộ Macedonia. Một dân tộc hiếm khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài trong nhiều thế hệ đột nhiên buộc phải đối phó với cuộc xâm lược lần thứ hai của một lực lượng lớn nước ngoài trong nhiều tháng. Sáu trăm người bản xứ giận dữ đang chờ đợi để tấn công các thủy thủ khi họ lên bờ, nhưng Nearchus có thể thấy những ngọn giáo bằng gỗ của họ chỉ là mối đe dọa khi ở gần. Do đó, anh ta đã cử những người bơi giỏi nhất với trang bị hạng nhẹ xuống vùng biển nông và ra lệnh cho họ tiến lên cùng với đội quân chính. Với một tiếng kêu lớn, những người đàn ông lao về phía trước chống lại những người bản địa với một loạt mũi tên từ các con thuyền. Những người Fish Eaters khỏa thân vô cùng sợ hãi và bỏ chạy vào đất liền đến vùng hoang vu để trốn thoát. Một số ít bị bắt là nguồn mê hoặc với người Macedonia.

Nearchus, cũng như Alexander, đã lưu ý họ để móng tay dài, nhưng quan sát thấy điều này không phải do thiếu vệ sinh mà là do họ có thể sử dụng móng tay thay cho công cụ bằng sắt, vì họ không có kỹ năng rèn kim loại.

Bờ biển Gedrosia là điểm cực nam, vì vậy Nearchus, một thủy thủ tinh ý, đã nhìn thấy những ngôi sao khác lạ trên bầu trời và biết hạm đội đã ở rất xa về phía nam, các chòm sao phương bắc quen thuộc đều bị chìm xuống dưới đường chân trời và các ngôi sao mới xuất hiện.

Nhưng những quan sát thiên văn không làm Nearchus phân tâm khỏi tình huống ngày càng nguy hiểm của mình. Bờ biển ngày càng nhiều đá và khắc nghiệt với nước ngày càng khó tìm. Ngày qua ngày, những thủy thủ khát nước đi về phía Tây dọc theo bờ biển cằn cỗi chỉ nhẹ nhõm khi thỉnh thoảng xuất hiện một ngôi làng của người Fish Eaters. Những người bản địa này có rất ít thứ để trộm cắp, nhưng họ vẫn cố gắng vớt được một vài con cừu gầy

còm. Vì không có cỏ ở vùng đất này để chăn thả, các loài động vật được cho ăn cá khô, tạo cho thịt cừu một hương vị biển đặc biệt. Hầu hết các ngôi làng đều bị bỏ hoang trước khi hạm đội có thể vào bờ, nhưng tại một bến cảng nhỏ, Nearchus đã tìm thấy một thủy thủ bản địa giàu kinh nghiệm để hướng dẫn họ dọc theo phần còn lại của bờ biển Gedrosian. Gần bến cảng cũng là một nguồn cung cấp nước ngọt cho họ.



Sa mạc Gedrosia nhìn từ vệ tinh

Bờ biển từ thời điểm này trở đi đã tốt hơn một chút, với nguồn nước đáng tin cậy hơn và những người bản địa, theo Nearchus, không hoàn toàn sống như động vật. Có những cây chà là được người dân địa phương trồng và những khu vườn mang lại những bông hoa được dân làng dệt thành vòng hoa.



cây chà là

Các ngư dân địa phương chèo thuyền bằng tay chứ không sử dụng mái chèo gắn trên các chốt như người Hy Lạp. Những người bản xứ muốn

tránh xung đột với người Macedonia và mang cho họ tất cả thực phẩm có thể, bao gồm cả cá nấu chín và bánh làm từ chà là. Nearchus dù sao cũng đã chiếm thị trấn bằng vũ lực và tước đoạt của những người dân làng nghèo bất cứ thứ thực phẩm nào anh ta có thể tìm thấy được giấu trong nhà của họ. Thật không may cho các thủy thủ, dân làng chỉ có bột cá cùng với một lượng nhỏ lúa mì và lúa mạch dùng cho những dịp đặc biệt.

Lên đường ra khơi một lần nữa, vào một buổi sáng, hạm đội đã bị bất ngờ bởi những vòi nước phun ra từ mũi của một bầy cá voi.



Các loài động vật tương tự ở Địa Trung Hải rất nhỏ, nhưng so sánh với những loài giáp xác này thì rất lớn. Luôn mê tín, các thủy thủ Ai Cập, Hy Lạp và Phoenicia, những người chiếm phần lớn thủy thủ đoàn đã vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy những sinh vật này ở rất gần các con thuyền. Họ bỏ mái chèo và xúm xít lại với nhau, tự hỏi chúng có phải từ các vị thần. Tuy nhiên, Nearchus đã đi dọc boong để trấn an những người đàn ông — nhưng đã khiến các thủy thủ sợ hãi đến phát điên khi ra lệnh cho những người cầm lái quay cung về phía những con cá voi đang trong đội hình tấn công. Anh ta ra lệnh chèo nhanh hướng thẳng về phía các sinh vật biển với tiếng kèn và tiếng kêu chiến đấu vang lên trên biển. Những con cá voi bối rối chỉ đơn thuần trượt xuống dưới mặt nước và bơi khỏi những kẻ xâm nhập ồn ào, nhưng người Macedonia coi trận chiến của họ với những con quái vật dưới đáy sâu là một chiến thắng lớn.

Xa hơn dọc theo bờ biển hạm đội đến một hòn đảo gọi là Nosala vài dặm ngoài khơi mà hướng dẫn địa phương nói là thiêng liêng đối với thần mặt trời. Không ai dám hạ thủy ở đó, anh ta báo cáo, và một số ít người đã bị cuốn vào bờ biển và không bao giờ trở lại. Hòn đảo được cho là quê hương của một nữ thần biển, người đã chào đón những người thủy thủ vào giường của mình trong một đêm say đắm, sau đó biến họ thành cá vào sáng hôm sau. Điều này đối với Nearchus nghe giống như một câu chuyện trong tác phẩm Odyssey của Homer, nhưng ngày hôm sau, khi một trong những con thuyền do một thủy thủ đoàn Ai Cập điều khiển bị mất tích gần hòn đảo, vị đô đốc quyết định tự mình điều tra. Anh chèo thuyền vào gần bờ và gọi tên các thủy thủ, nhưng không ai trả lời. Sau đó, anh ta buộc thủy thủ đoàn của mình đổ bộ lên đảo và tự mình lên bờ, tìm kiếm những người mất tích trong vô vọng. Dù bị lạc trong sóng hay bị nữ thần biến thành cá, họ không bao giờ được nhìn thấy nữa.

Nearchus trở lại hạm đội một cách an toàn và ra khơi về phía tây.



Sau khi di chuyển gần năm trăm dặm dọc theo bờ biển Ấn Độ Dương, hạm đội cuối cùng đã đi qua vùng đất cằn cỗi Gedrosia và bây giờ đang bước vào eo biển Hormuz đối diện với bán đảo A Rập. Vào một buổi sáng, họ nhìn thấy một mũi đất xa xôi, cách mũi tàu của họ chỉ một ngày đi thuyền, đánh dấu lối vào Vịnh Ba Tư. Nearchus biết bây giờ đã hoàn thành nhiệm vụ khám phá bờ biển vô danh cho

Alexander. Anh ta cũng biết nhà vua đang lo lắng sau nhiều tháng không có tin tức từ hạm đội. Do đó, anh ta đã đưa các thuyền vào eo biển và ra lệnh cho các thủy thủ của mình xây dựng một kho dự trữ trong khi đưa một số người vào đất liền để tìm kiếm quân đội. Gần như ngay lập tức họ bắt gặp một người đàn ông đang lang thang một mình mặc chiếc áo choàng Hy Lạp và nói cùng ngôn ngữ mà Nearchus đã lớn lên trên đảo Crete. Người lang thang ngạc nhiên nói rằng anh ta là một người lính của Alexander, người đã tách khỏi quân đội vài ngày trước đó. Anh ta báo cáo rằng doanh trại chính của quân Macedonia chỉ còn vài ngày nữa là đến, với nhà vua ở đó. Nearchus đã rất vui mừng trước sự may mắn này và lên đường cùng người của mình băng qua sa mạc.

Cuối cùng, khi đến trại và thuyết phục các lính canh mình thực sự là đô đốc mà nhà vua đang tìm kiếm, Nearchus được đưa đến trước Alexander. Nhà vua đã rất vui mừng khi gặp

lại người bạn cũ, anh đã rơi nước mắt và không thể nói trong vài phút. Nearchus và những người đồng hành gầy còm và rách nát đến nỗi Alexander cho rằng cả hạm đội đã bị mất, ngoại trừ một vài người sống sót. Alexander thở phào khi Nearchus cho biết nguyên nhân gây ra sự chậm trễ và giải thích hạm đội đã được cập bến an toàn. Alexander sau đó lại khóc, lần này vì vui mừng, và tuyên bố sự an toàn của hạm đội đã bù đắp cho những tổn thất khủng khiếp mà anh đã phải gánh chịu trong chuyến đi xuyên sa mạc Gedrosia. Sau khi cúng tế để tạ ơn, Alexander ra lệnh cho Nearchus ở lại trong khi một trong những vị tướng khác của anh chỉ huy các con thuyền trong phần còn lại của chuyến đi lên Vịnh Ba Tư. Nhưng Nearchus cầu xin nhà vua cho anh ta hoàn thành những gì đã bắt đầu và đi thuyền đến Susa cùng với hạm đội. Alexander đã chấp nhận yêu cầu và gửi anh ta lên đường với rất nhiều vật dụng, và tự hào khi có một người như vậy phục vụ dưới quyền của mình.

Gần sáu năm sau khi rời Ba Tư và tròn một thập kỷ kể từ khi rời châu Âu, Alexander cuối cùng đã trở lại vùng đất trung tâm của đế chế ngay khi mùa đông đang đến trên những ngọn đồi xung quanh Persepolis. Chuyến đi của anh thông qua Hyrcania, Parthia, Bactria, Sogdiana, Ấn Độ, Gedrosia, và Carmania đã bao phủ hàng ngàn dặm trên những sa mạc, đỉnh núi cao chót vót và rừng rậm. Không có đội quân nào khác trong lịch sử thực hiện một chiến dịch kéo dài như vậy cũng như chưa có cuộc thám hiểm nào trước đó khám phá và ghi lại nhiều thông tin mới về các vùng đất và dân tộc xa xôi. Khi Alexander rời Persepolis, anh hai mươi sáu tuổi. Giờ đây, anh đã ngoài ba mươi, một vị tướng đã được chứng minh và là người cai trị đế chế lớn nhất mà thế giới từng biết - thậm chí còn vĩ đại hơn cả những người tiền nhiệm Ba Tư của anh. Vẫn còn nhiều vùng đất để chinh phục, nhưng nhiệm vụ đầu tiên là thiết lập quyền kiểm soát vững chắc đối với các vùng đất mà anh cai quản. Sự quản lý lỏng

lẻo của các tỉnh trong thời gian dài anh vắng mặt đã phải chấm dứt khi nhà vua trở lại.



Điểm dừng chân đầu tiên của Alexander là Pasargadae để thăm lại lăng mộ của Vị vua vĩ đại đầu tiên, Cyrus, một người mà anh kính trọng, đã chiến đấu chống lại nhiều kẻ man rợ như người cai trị trước đây ở phía đông xa xôi. Khi cúi xuống và bước vào căn buồng nhỏ, anh

kinh hoàng khi thấy nó đã bị cướp phá. Tất cả mọi thứ ngoại trừ chiếc ghế dài hoàng gia và cỗ quan tài đã bị đánh cắp. Nắp của chiếc quan tài bằng đá vĩ đại đã bị cạy tung và thi thể được bảo quản của Cyrus bị ném bất cẩn trên sàn. Những tên cướp thậm chí đã cố gắng phá chiếc quan tài thành nhiều phần để mang nó ra ngoài lối vào, nhưng đã thất bại và để lại những mảnh vụn nằm rải rác bên trong. Alexander choáng váng. Anh bắt toàn bộ gia đình của các linh mục Magi mà anh đã giao nhiệm vụ chăm sóc lăng mộ và tra tấn để tìm ra thủ phạm, nhưng vô ích. Anh ngay lập tức giao cho người bạn cũ là Aristobulus nhiệm vụ khôi phục lại nguyên trạng di tích. Sự xúc phạm thô bạo này đối với Cyrus Đại đế là sự sĩ nhục danh dự của chính anh với tư cách là Đại vương Ba Tư.

Từ Pasargadae, Alexander cưỡi vài dặm về phía thành phố Persepolis trong một tâm trạng rất xấu. Đã có nhiều công trình xây dựng lại trong thời gian anh vắng mặt, nhưng những

tàn tích cháy đen của cung điện vẫn lấp ló trong thành phố. Một lần nữa nhà vua vô cùng hối hận vì đã đốt cháy các hoàng cung của Darius và Xerxes. Parmenion đã đúng khi nói thật ngu xuẩn khi phá hủy tài sản của chính mình và gây ác cảm cho người Ba Tư. Trong cơn thất vọng mới tái phát, anh bắt giữ satrap Orxines và buộc ông ta tội phản quốc. Vị thống đốc này đã chào đón nhà vua trở về chỉ vài ngày trước đó tại Pasargadae với những món quà lộng lẫy cho toàn bộ đoàn tùy tùng. Sau khi tặng những món quà tuyệt vời cho tất cả bạn bè của Alexander, ông ta rõ ràng đã không tặng món quà nào cho thái giám Bagoas, một người được nhà vua đánh giá cao về cả lời khuyên thiết thực và kỹ năng trong nghệ thuật yêu thương. Khi được một trong những người bạn đồng hành của Alexander lặng lẽ khuyên nhủ về sự sai sót trong giao tiếp này, Orxines trả lời ông ta chỉ tặng quà cho bạn bè của nhà vua, không tặng cho... của anh ta. Sau khi lời bình luận này đến tai Bagoas, người thái giám và cận thần giàu kinh

nghiệm trong cung đã nhanh chóng thực hiện cuộc trả thù của mình. Bagoas thì thầm vào tai Alexander rằng chính Orxines là kẻ đứng sau vụ cướp phá lăng mộ của Cyrus cũng như nhiều tội ác khác. Nhà vua đang muốn đổ lỗi cho một người nào đó về sự quản lý kém cỏi, cảm thấy hợp lý khi quy lỗi cho satrap — người chắc chắn đã phạm nhiều tội lỗi trong nhiệm kỳ của mình. Ông ta được dẫn ra sân ở Persepolis và bị treo cổ, khiến Bagoas vô cùng thích thú. Thay thế vị trí, Alexander chỉ định vệ sĩ của mình là Peucestas, người đã cứu mạng anh khi giữ chiếc khiên của mình bên trên Alexander bên trong các bức tường tại thành phố Malli của Ấn Độ. Peucestas là một người Macedonia trung thành tuyệt đối với nhà vua. Anh ta cũng đã gây ấn tượng lớn với Alexander khi là một trong số ít các sĩ quan đã công khai chấp nhận chính sách của Alexander là thích ứng với trật tự chính trị mới. Anh ta đã học thành thạo tiếng Ba Tư và mặc quần áo địa phương khi thích hợp, đúng như những gì nhà vua hy vọng những người quản

lý của anh sẽ làm. Anh ta được người Ba Tư yêu mến vì những nỗ lực này và nhiều hứa hẹn là người trung gian giữa tầng lớp tinh hoa Macedonia và những người bản địa vẫn còn hùng mạnh trong vùng.

Khi Alexander trên đường từ Persepolis đến Susa ở Mesopotamia, anh ngập tràn kế hoạch cho những cuộc chinh phục trong tương lai. Hầu hết đàn ông sẽ hài lòng với việc củng cố quyền cai trị của họ và tận hưởng thành quả của một đế chế rộng lớn như vậy, nhưng Alexander không thể ngừng mơ về những chân trời mới. Như Arrian nói, anh luôn tìm kiếm thứ gì đó nhiều hơn, để **cạnh tranh với chính mình thay vì đối thủ** khác. Các báo cáo của Nearchus liên quan đến bờ biển A Rập gần đó đã củng cố mong muốn mà anh ấp ủ từ lâu là mở rộng quyền kiểm soát các vùng biển từ sông Indus quanh bán đảo A Rập đến Ai Cập. Thủy quân Hy Lạp Scylax xứ Caria đã thực hiện cuộc hành trình dài trên đại dương từ Ấn Độ đến Ai Cập hai thế kỷ trước cho vua

Darius I, vì vậy Alexander biết kế hoạch của mình là khả thi. Anh cũng muốn chinh phục các vương quốc ven biển của A Rập cùng lúc. Nội địa của bán đảo khổng lồ phần lớn là cát, nhưng các bộ lạc giáp với những vùng đất hiếu khách hơn dọc theo Vịnh Ba Tư, Ấn Độ Dương và Biển Đỏ từ lâu đã được biết đến như những nguồn sinh lợi của ngọc trai, quế, nhũ hương và myrrh, được vận chuyển bằng các đoàn xe qua các sa mạc đến Palestine và Syria. Tại sao không loại bỏ những người trung gian và để sự giàu có này dưới sự kiểm soát trực tiếp của mình?

Như thể điều này là chưa đủ, Alexander hình thành một khao khát được hồi tưởng lại chuyến đi của người Phoenicia mà anh đã đọc từ Herodotus và đi vòng quanh chính châu Phi, đi thuyền từ Tigris quanh A Rập và xuống bờ biển phía đông, theo bờ lục địa cho đến khi cuối cùng đến tượng Hercules ở lối vào phía tây của Biển Địa Trung Hải. Anh không hề biết về khoảng cách bao la trong chuyến đi như

vậy, mặc dù thực tế là người Phoenicia đã phải mất ba năm để hoàn thành cuộc hành trình. Anh trở nên phấn khích trước khả năng chinh phục các vùng biển A Rập và một chuyến đi vòng quanh châu Phi, anh đã ra lệnh cho các thủy thủ tập hợp và một đội tàu thuyền được xây dựng trên sông Euphrates để chuẩn bị cho chuyến thám hiểm.

Nhưng kế hoạch của nhà vua không kết thúc ở đó. Anh đã nuôi mối hận thù với Carthage vì đã giúp đỡ Tyre kể từ cuộc vây hãm thành phố diệt vong đó. Anh cũng biết bước mở rộng hợp lý tiếp theo về phía tây sang Địa Trung Hải ngoài Cyrene sẽ khiến anh xung đột với vương quốc mạnh mẽ này ở Bắc Phi. Anh quyết định việc phá hủy Carthage và giành quyền kiểm soát toàn bộ bờ biển châu Phi, cũng như các hòn đảo và thành phố mà nó cai quản là điều cần thiết và hợp lý. Anh cũng biết về sức mạnh đang lên của một thành bang nhỏ trên sông Tiber ở miền trung nước Ý. Những người bản địa này, được gọi là người La Mã, đã đánh lui

những kẻ xâm lược Gaulish trước đó và hiện đang bắt đầu lan rộng sức mạnh của họ, bằng chiến tranh và ngoại giao, trên khắp bán đảo Italic. Họ có thể trở thành những đối tượng hữu ích — họ nổi tiếng là những chiến binh thiện chiến — nhưng họ không thể được phép mở rộng ảnh hưởng của mình một cách độc lập ở một vùng trọng điểm như vậy của Địa Trung Hải. Các thuộc địa của Hy Lạp ở miền nam nước Ý và Sicily cũng sẽ phải được đưa vào đế chế cùng với người Samnites và các dân tộc Ý khác. Tây Ban Nha với những mỏ vàng và bạc phong phú nằm ngay bên ngoài và sẽ tạo thành ranh giới tự nhiên cho rìa phía tây của đế chế của anh - trừ khi anh đi thuyền vượt qua tượng Hercules vào Đại Tây Dương, thêm cả Anh và Ireland vào vương quốc của mình.



tượng Hercules

Sau khi hoàn thành việc ở phía tây, anh mong muốn trở lại phía đông và hoàn thành cuộc chinh phục Scythia như đã lên kế hoạch trong các cuộc chiến của mình ở Sogdiana. Băng qua Biển Đen, hạm đội Macedonia sẽ đi thuyền, sau đó quân đội sẽ hành quân về phía đông qua thảo nguyên đến bờ Oxus và Jaxartes với sự giúp đỡ của các đồng minh trong số các vị vua Scythia. Đồng thời, anh đã ủy thác một hạm đội của Hy Lạp ở Hyrcania khám phá Biển Caspi để xem liệu nó có kết nối với đại dương

lớn bao quanh hay không. Khi những cuộc phiêu lưu về phương bắc này hoàn thành, các vương quốc ở thung lũng sông Hằng ở Ấn Độ vẫn đang chờ đợi, cho dù họ có thể tập hợp nhiều voi chiến đến đâu. Alexander chế giễu ý tưởng người Medes và người Ba Tư đã tự gọi mình là vua của châu Á, khi phần lớn lục địa chưa bị chinh phục. Anh sẽ tạo ra đế chế toàn cầu thực sự đầu tiên bao gồm châu Âu, châu Phi và châu Á, trải dài từ Tây Ban Nha và các bờ biển chưa được biết đến của châu Phi đến Scythia và biển lớn phía đông, thậm chí có thể đến Trung Quốc. Đó là một tầm nhìn tuyệt đẹp về sự thống trị thế giới. Nếu ông trời cho anh đủ thời gian, anh có thể biến điều đó thành sự thật.



Khi Alexander đến Susa, anh triệu tập satrap Abulites và yêu cầu cho biết lý do tại sao không gửi đồ tiếp tế cho anh khi ở sa mạc Gedrosian theo yêu cầu. Thống đốc Ba Tư im

lặng trước sự quản lý kém cỏi của mình trong thời gian dài vắng bóng nhà vua. Ông ta cố gắng xoa dịu Alexander bằng cách đưa một khoản hối lộ rất lớn bằng tiền vàng, nhưng nhà vua chỉ đơn giản là đặt tiền trước ngựa của ông ta. Khi những con vật phớt lờ kho báu, Alexander hỏi ông ta số tiền nhiều như vậy có thể thay thế cho những thứ họ cần trong sa mạc không. Sau đó, anh ném Abulites vào tù và hành quyết ông ta. Sau đó, anh đích thân xử tử một trong những đứa con trai của satrap, Oxathres, bằng một ngọn giáo.

Đúng lúc này, nhà thông thái người Ấn Độ Calanus, người đã đi cùng Alexander từ Punjab đột ngột đổ bệnh vì chứng rối loạn đường ruột cấp tính và quyết định tự kết liễu cuộc đời của mình. Ông đã hơn bảy mươi tuổi và đã sống suốt thời gian đó trong sự đơn sơ khổ hạnh và đã tránh được bệnh tật. Thay vì phải chịu sự dày vò của căn bệnh gầy mòn ở đất nước xa lạ, ông nói với nhà vua rằng ông định tự thiêu trong khi vẫn còn minh mẫn.

Alexander, người rất yêu mến nhà triết học già, đã tranh luận với ông và cố gắng can ngăn, nhưng Calanus không thay đổi. Vì vậy, cuối cùng nhà vua đã đồng ý và ra lệnh cho người bạn của mình là Ptolemy xây dựng một giàn thiêu lớn cho Calanus.

Vào buổi sáng của ngày đại thiêu, Calanus được đưa lên giàn thiêu vì ông không còn đi được quãng đường dài. Người thầy vui mừng bước tới và đứng dưới chân công trình kiến trúc bằng gỗ, nói lời tạm biệt và tặng cho những người bạn Macedonia tất cả những món quà phong phú mà Alexander đã tặng cho mình. Ông cắt một lọn tóc và ném nó lên các khúc gỗ, sau đó từ từ leo lên giàn thiêu và nằm xuống. Trong khi toàn bộ quân đội theo dõi, Calanus bắt đầu tụng kinh cho các vị thần Ấn Độ bằng tiếng mẹ đẻ của mình ngay khi ngọn lửa được thắp lên.



Nhà vua dẫn đầu những người đàn ông trong một tiếng hét náo nhiệt như thể họ đang tấn công kẻ thù, trong khi kèn thổi vang và voi rú lên. Khi ngọn lửa nhấn chìm, Calanus không cử động một cơ bắp nào, bất động cho đến khi ngọn lửa thiêu rụi. Sau đó, một số binh sĩ nhận

xét vị lão sư chắc hẳn đã phát điên khi phải trải qua sự dày vò như vậy, trong khi những người khác cho rằng ông quá tự hào về khả năng chịu đau của mình. Nhưng hầu hết — chắc chắn là Alexander trong số họ — ngạc nhiên trước sự dũng cảm và bất chấp cái chết của ông.

Sau đám tang của Calanus là một đám cưới tập thể vào mùa đông năm đó tại Susa. Đây lại là một nỗ lực khác của Alexander nhằm hợp nhất các phe phái Macedonia và bản địa dưới quyền chỉ huy của mình, mặc dù ở quy mô lớn hơn bất cứ điều gì anh đã cố gắng trước đó. Nhà vua tự mình lấy hai cô dâu Ba Tư, Stateira, con gái của Darius, và Parysatis, con gái của Đại vương Artaxerxes trước đây. Anh đã ban một người con gái khác của Darius, Drypetis, cho người bạn thân nhất của mình, Hephaestion, để những đứa con tương lai của họ có thể là anh em họ của con anh. Craterus cưới em gái của người vợ đầu tiên của Alexander, Roxane, trong khi Perdiccas,

Ptolemy, Nearchus, Seleucus và hàng chục người bạn đồng hành khác có cô dâu từ tầng lớp quý tộc bản địa của Ba Tư, Media và Bactria. Bản thân buổi lễ cố tình theo phong cách Ba Tư chứ không phải Macedonia, với những chiếc ghế dành cho các chàng rể được đặt gần nhau. Sau khi nâng ly chúc sức khỏe tất cả mọi người, các cô dâu bước vào và ngồi xuống bên cạnh người chồng của mình. Mỗi cặp đôi nắm tay nhau khi chú rể hôn người vợ mới của mình — hoặc trong trường hợp của Alexander, các bà vợ — sau đó dẫn họ về phòng ngủ. Nhà vua đã ban cho tất cả cô dâu của hồi môn cao quý để làm cho họ trở nên hấp dẫn hơn đối với các sĩ quan Macedonia của anh.

Đó là một chương trình tuyệt vời và là một nỗ lực cao quý của Alexander, nhưng cũng như hầu hết các chương trình của anh để tập hợp những thành viên hay cãi vã trong triều đình, đó là một thất bại thảm hại. Không ai trong số những người Macedonia nhiệt tình với việc lấy

cô dâu bản địa. Phụ nữ nước ngoài là thú vui để giải trí, các sĩ quan của Alexander muốn có những người vợ đáng kính từ quê hương của họ. Rất ít cuộc hôn nhân viên mãn ở Susa sẽ kéo dài. Nhà vua gặp may mắn hơn với những người lính cấp dưới. Nhiều người sẵn sàng tiếp nhận phụ nữ bản địa khi họ diễu hành khắp châu Á và làm cha cho những đứa trẻ trong trại. Alexander giờ đây đã chính thức công nhận những nhóm này và tặng cho từng cặp đôi những món quà cưới lộng lẫy. Anh cũng đã trả hết các khoản nợ cho binh lính - đã tích lũy trong vài năm qua từ những người cho vay tiền, buôn rượu và gái mại dâm - không có câu hỏi nào được đặt ra - mặc dù đó là một sự tiêu hao ngân khố rất lớn. Ban đầu, những người đàn ông nghi ngờ khi họ được yêu cầu viết ra số tiền họ nợ, vì sợ đó là một cái bẫy nào đó. Nhưng khi họ nhận ra nhà vua thành tâm và thậm chí không ghi tên họ khi giao tiền, họ vô cùng cảm kích.

Tuy nhiên, tâm trạng anh trở nên chua chát, khi ba mươi nghìn chàng trai Ba Tư mà anh đã huấn luyện như những người lính Macedonia trong vài năm qua đến Susa để sẵn sàng thay thế vị trí đã hứa của họ trong quân đội đế quốc mới. Những thanh niên này đã được dạy kèm tiếng Hy Lạp và được học về kỹ thuật chiến đấu và quản lý quân sự của người Macedonia cho đến khi họ ngang bằng với bất kỳ chàng trai nào đến từ những ngọn đồi xung quanh đỉnh Olympus. Họ thực hiện các cuộc tập trận của mình trước nhà vua và các sĩ quan trong trang phục chuyên nghiệp, và trang bị như những người lính Macedonia truyền thống, Alexander thích thú nhưng khiến phần còn lại của quân đội phải rùng mình. Những Người kế vị này, như nhà vua gọi một cách đáng ngại là đội quân trẻ, sẽ trở thành sĩ quan trong lực lượng quốc tế của Alexander để cai trị đế chế và mở rộng quyền lực của nhà vua đến những vùng đất mới. Người Macedonia tràn đầy phẫn uất và sợ hãi khi nghĩ đến việc bị thay thế bởi những thanh niên bản địa này, những người

mà họ khinh thường gọi là “những vũ công chiến tranh”. Việc chinh phục thế giới có ích gì nếu họ mất vị trí xứng đáng vào tay trẻ em nước ngoài?

Cuộc khủng hoảng ập đến khi Alexander quyết định rằng bây giờ là thời điểm để xử lý nhiều cựu binh của mình và đưa họ về nhà. Anh đã đi về phía bắc từ Susa lên Tigris đến thành phố Opis để giám sát việc dỡ bỏ các con đập mà người Ba Tư đã xây dựng trên sông để ngăn cản bất kỳ lực lượng hải quân nào xâm lược Lưỡng Hà từ phía nam. Những con đập này khiến việc vận chuyển trên sông Tigris trở nên khó khăn và như Alexander nói, là dấu hiệu của một đế chế thiếu quyền lực quân sự tối cao. Anh triệu tập quân đội Macedonia đến Opis và thông báo anh sẽ gửi đi tất cả những người không thích hợp do tuổi tác hoặc chấn thương. Họ sẽ được khen thưởng xứng đáng cho quá khứ phục vụ, trong khi những người ở lại sẽ trở nên giàu có đến mức khiến tất cả mọi người ở Macedonia phải ghen tị. Nhà vua đã

cho rằng tin tức sẽ được chào đón vui vẻ bởi những người ra đi và ở lại, nhưng anh gặp phải sự im lặng. Những người lính đã chiến đấu rất lâu với anh đã thất vọng vì bị giải tán, mặc dù họ muốn về nhà từ lâu. Những người được chọn ở lại chỉ có thể tự hỏi một lúc nào đó anh cũng sẽ quyết định loại bỏ họ. Việc Alexander nhập các lực lượng nước ngoài vào quân đội, việc áp dụng đường lối Ba Tư, các cuộc hôn nhân ép buộc của Alexander — tất cả những điều này cuối cùng đều quá sức đối với những người lính bình thường. Thay vì vỗ tay cho nhà vua, những tiếng hét vang lên từ quân đội kêu gọi anh đưa tất cả họ về nhà vì anh không cần họ nữa. Để anh chiến đấu bên cạnh người cha mới của mình, thần Ammon, một số đã khóc.

Alexander vô cùng tức giận trước sự bất hợp tác này và nhảy khỏi bục nơi anh đang đứng. Anh ra lệnh cho lính canh bắt giữ hàng chục kẻ kích động nổi bật nhất và đưa đi hành quyết ngay lập tức. Sau đó, anh leo trở lại sân khấu và bắt đầu một trong những bài phát biểu

nóng nảy nhất trong cuộc đời mình với những người lính đang choáng váng. Anh trừng phạt họ vì sự vô ơn sau tất cả những gì anh đã làm cho họ. Anh nhắc nhở rằng họ không là gì cả trước khi cha anh, Philip, nhận họ vào quân đội của mình, chỉ là những người mặc da thú chiến đấu chống lại sói và bọn cướp Illyrian. Dưới thời cha anh, họ đã truyền bá quyền lực của người Macedonia trên khắp Hy Lạp và vùng Balkan. Sau đó, dưới ngọn cờ của chính anh, họ đã xâm chiếm châu Á và Địa Trung Hải từ Troy đến Cyrene, thêm bờ biển Aegean, Syria, Phoenicia và Ai Cập vào đế chế của họ. Từ đó, nó được chuyển sang Ba Tư, tiếp theo là Bactria, Sogdiana và Ấn Độ. Họ đã trở thành những người đàn ông giàu có trong khi anh không giữ những thứ xa xỉ cho riêng mình. Anh đã ăn cùng thức ăn và cùng lao động với những người lính thấp kém nhất. Nếu họ có vết thương để cho anh xem, thì anh cũng sẽ lột đồ và cho họ xem vết thương của mình. Có những vết sẹo trên mọi bộ phận của cơ thể anh giống như của họ. Anh đã cùng họ vượt

qua mọi thứ. Anh đã trả nợ cho họ và hợp thức hóa những đứa con mà họ đã làm cha với những người đi theo. Nếu bất kỳ người đàn ông nào trong số họ chết trên đường đi, anh ta sẽ được vinh danh bằng một đám tang lộng lẫy và gia đình anh ta ở quê nhà Macedonia được miễn các khoản thuế trong tương lai. Vì vậy, anh hét lên, tất cả các người hãy biến khỏi tầm mắt của ta. Mỗi người trong số các bạn hãy trở về nhà ở Macedonia dù bạn có già yếu hay không. Tôi không cần các bạn nữa. Chỉ cần nhớ nói với gia đình của bạn ở quê nhà rằng bạn đã từ bỏ nhà vua của mình, giao anh ta và đế chế bạn đã giành được cho những kẻ man rợ mà bạn đã đánh bại.

Alexander sau đó dậm chân tại chỗ và lui về lều của mình trong ba ngày, từ chối gặp ai. Đây cũng chính là thủ thuật mà anh đã sử dụng tại sông Hyphasis ở Ấn Độ để thúc đẩy quân đội của mình hành quân xuống sông Hằng. Nó đã thất bại thảm hại sau đó, nhưng Alexander giờ đã biết thước đo cho người của

mình. Anh gọi những người Ba Tư và bắt đầu phân chia quyền chỉ huy quân đội cho họ. Vào lúc này, tất cả những người Macedonia đã tập trung bên ngoài lều, ném vũ khí của họ xuống, cầu xin anh tha thứ. Họ tuyên bố sẽ ở đó cả ngày lẫn đêm cho đến khi nhà vua thu nhận họ. Cuối cùng, Alexander xuất hiện và nhìn thấy những người lính ăn năn trước mặt mình. Một trong số họ, một kỵ binh Macedonia già tên là Callines, tiến đến để nói chuyện với những người đàn ông. Ông kêu gọi nhà vua xem xét lại việc gửi tất cả họ về nhà và thương xót họ vì những lời hấp tấp trước đó. Họ không thể chịu được khi thấy anh ôm hôn người Ba Tư trong khi họ bị xa lánh. Alexander sau đó đã ôm Callines trong vòng tay và hôn ông trong tiếng vỗ tay cuồng nhiệt của đám đông khi những giọt nước mắt lăn dài trên khuôn mặt họ. Nhà vua cũng khóc và chào đón tất cả đến và nhận phước lành của anh bằng một nụ hôn. Tất cả đã được tha thứ. Chỉ những người thực sự không thể chiến đấu được nữa mới được đưa về nhà ở Macedonia và những người

này sẵn sàng ra đi, với rất nhiều vàng và bạc trong túi của họ. Người đồng đội trung thành của anh, Craterus, sẽ đi cùng họ về nhà như một dấu hiệu của vinh dự mà anh gửi cho họ. Alexander chỉ yêu cầu họ để vợ con lại cho anh hơn là đưa họ về nhà. Ở Macedonia, những người vợ và con cái ngoại quốc này sẽ khuấy động sự oán giận trong họ hàng của họ. Anh sẽ coi họ là người thân và nuôi dạy các con trai của họ như những người lính Macedonia thực thụ, những người thừa kế đầy tự hào của những người cha dũng cảm. Chắc hẳn đã có nhiều giọt nước mắt khi những người vợ và những đứa con nước ngoài nói lời từ biệt với cha, nhưng những người lính biết rằng nhà vua có lẽ đã đúng. Tốt hơn nên bắt đầu lại với người vợ cũ hoặc một cô dâu trẻ mới ở Macedonia hơn là đưa một phụ nữ Bactria hoang dã hoặc Ấn Độ và con cái của cô ấy về nhà để gặp gỡ gia đình.

Trở lại Macedonia, Craterus cũng phải xử lý một tình huống tế nhị nảy sinh giữa mẹ của

Alexander, Olympias, và nhiếp chính già của anh, Antipater. Hai tính cách cứng đầu này chưa bao giờ thích nhau nhưng buộc phải chịu đựng trong khi nhà vua đi xa trong các cuộc chinh phạt phía đông. Cả hai đã gửi một dòng thư liên tục cho Alexander từ Hellespont đến Indus và trở lại, buộc tội người kia về mọi hành vi sai trái có thể tưởng tượng được. Antipater cho rằng Olympias là một con chuột chù cố ý, nóng tính, luôn can thiệp vào công việc của chính phủ. Olympias phản pháo lại Antipater đã quên mất ai là người bổ nhiệm ông ta và đang cư xử giống như một vị vua hơn là một nhiếp chính. Alexander đã lắng nghe cuộc chiến này trong thập kỷ qua từ một khoảng cách vui vẻ, nhưng bây giờ đã đến lúc giải quyết vụ việc rắc rối này. Antipater đã từng là một cận thần trung thành và hữu ích trong chuyến thám hiểm châu Á, nhưng ông ta vẫn là một mối đe dọa. Với việc phe của Parmenion bị loại bỏ, chỉ Antipater và gia đình ông ta ở Macedonia mới có thể gây nguy hiểm cho quyền kiểm soát quê hương của

Alexander. Nhà vua không thể dễ dàng từ chối mẹ mình, vì vậy anh đã chọn cách loại bỏ Antipater khỏi quyền lực. Anh gửi lệnh cho nhiếp chính để chuyển giao quyền cai trị của Hy Lạp và Macedonia cho Craterus khi anh ta đến và lên đường đến Babylon cùng với một kế hoạch mới cho quân Macedonia. Ở đó, anh sẽ rất vinh dự vì sự phục vụ của ông và tận hưởng một kỳ nghỉ sung sướng giữa những khu vườn của thành phố. Khi Antipater nhận được bức thư, ông ta biết đó là lệnh tử hình của mình.

Thay vì chấp nhận số phận, Antipater đã cử con trai của mình, người bạn thời thơ ấu của Alexander - Cassander, đến Babylon để thương lượng với nhà vua và câu giờ. Cuộc gặp gỡ này diễn ra vô cùng tồi tệ khi Cassander được dẫn đến trước mặt nhà vua, anh ta đã cười nhạo một nhóm người Ba Tư đang quỳ xấp mặt xuống đất. Alexander nhảy lên khỏi ngai vàng, túm tóc Cassander và đập đầu vào tường. Con trai của Antipater đã sớm bình

phục, nhưng nhiều năm sau khi trở lại Hy Lạp, khi nhìn bức tranh hoặc tượng của Alexander vẫn khiến anh ta ngất xỉu. Ngay cả khi Cassander sợ hãi, người ta vẫn thấy con trai khác của Antipater, Iolaus, là người nâng cốc cùng nhà vua - một vị trí đáng tin cậy, có thể dễ dàng bỏ một lọ thuốc độc vào chén rượu hoàng gia. Antipater có thể đã quyết định nếu các cuộc đàm phán thất bại, ông ta sẽ hạ độc Alexander trước khi nhà vua có thể giết ông ta.



Bộ giáp của Alexander

Để thoát khỏi cái nóng mùa hè đang đến, Alexander đã làm theo tất cả các vị vua Ba Tư trước đó, rút đến kinh đô hoàng gia Ecbatana ở vùng núi Media mát mẻ phía trên đồng bằng Mesopotamian. Ở đó, anh tổ chức các cuộc thi thể thao và âm nhạc lộng lẫy vào ban ngày cho những người đàn ông của mình và những bữa tiệc rượu hoành tráng vào ban đêm cho những người bạn đồng hành. Ba nghìn diễn viên và nghệ sĩ đã đến từ Hy Lạp cho lễ hội, diễn ra trong nhiều ngày cùng một lúc. Người bạn thân nhất của Alexander, Hephaestion, quan tâm đến các cuộc vui chơi vào buổi tối hơn là các cuộc thi, nhưng nhà vua đã tự mình tham dự hầu hết các cuộc thi với sự thích thú thực sự. Sau một bữa tiệc, Hephaestion bị sốt và được thầy thuốc riêng của mình, Glaucias, cảnh báo nghiêm khắc rằng không nên tự chuốc lấy nguy hiểm cho sức khỏe của mình. Hephaestion miễn cưỡng đồng ý trong khi thầy thuốc ở bên cạnh trong bảy ngày, nhưng ngay khi Glaucias tin rằng Hephaestion sẽ bình phục và tự mình khởi hành đến nhà hát,

bạn của Alexander đã nhảy ra khỏi giường và chạy đến phòng ăn. Ở đó, anh ta ăn cả một con gà luộc và uống cả thùng rượu ướp lạnh. Anh ta gần như gục xuống ngay lập tức và được vội vàng đưa trở lại giường. Alexander nhanh chóng nhận được tin Hephaestion bị ốm nặng và chạy từ sân vận động đến bên người bạn Đồng hành, nhưng khi anh đến nơi, người bạn thân nhất của anh đã chết.



Hephaestion và Alexander

Các nguồn cổ xưa kể lại những phiên bản khác nhau của những gì xảy ra tiếp theo, nhưng tất cả đều đồng ý Alexander đang ở bên cạnh

Hephaestion. Anh ngay lập tức yêu cầu đóng đinh thầy thuốc của Hephaestion, đổ lỗi cho ông ta vì đã không chăm sóc bệnh nhân của mình đúng cách. Sau đó, anh ra lệnh cắt ngắn tất cả bờm và đuôi của ngựa và la như một phong tục để tang được thực hiện bởi người Thracia và người Ba Tư. Anh ra lệnh tất cả âm nhạc trong thành phố ngừng lại và đền thờ Asclepius, vị thần chữa bệnh, ở Ecbatana phải được đốt cháy. Trong ngày hôm sau, anh nằm phủ phục, khóc lóc bên xác người bạn của mình, không ăn cũng không uống cho đến khi những người bạn của anh cuối cùng phải bế anh đi. Cuối cùng, giống như người anh hùng Achilles đang than thở cho Patroclus của chính mình, bị Hector giết chết trước bức tường thành Troy, Alexander đã cắt tóc và tự mình ôm xác Hephaestion trong đám tang.

Alexander đã gửi đến nhà tiên tri tại Siwa, Ai Cập để hỏi xem liệu Hephaestion có thể được tôn vinh như một vị thần hay không, nhưng điều này là quá sức đối với các thầy tế của

Zeus-Ammon. Tuy nhiên, họ đã đồng ý bạn của anh có thể được tôn vinh như một anh hùng thần thánh với sự sùng bái của chính anh. Nhà vua đã giải quyết việc này, ít nhất là lúc đầu, và ra lệnh xây dựng các đền thờ ở Ai Cập và các nơi khác cho Hephaestion. Chức vụ chỉ huy quân sự của bạn anh đã bị bỏ trống để tôn vinh Hephaestion và các nghi lễ xa hoa đã được lên kế hoạch. Những người bạn đồng hành còn sống của nhà vua đã cố gắng vượt mặt nhau để bày tỏ sự tôn kính với Hephaestion, dâng hiến bản thân và cánh tay của họ để tưởng nhớ anh trong khi đặt tượng vàng và ngà voi cho người đã khuất. Một vài người bạn mạnh dạn đã cố gắng an ủi Alexander với gợi ý rằng anh có những người bạn khác, chẳng hạn như Craterus, người quan tâm đến anh nhiều như Hephaestion. Anh trả lời rằng Craterus yêu anh như vua, nhưng Hephaestion yêu anh như bản thân mình. Người bạn thời thơ ấu thậm chí đã đứng lên chống lại mẹ của Alexander - người luôn ghen tị với mối quan hệ thân thiết giữa cặp đôi - và

cảnh báo bà ấy trong một bức thư, đừng cố gắng gây ra sự thù địch giữa họ, vì Alexander có ý nghĩa với anh ấy hơn bất cứ điều gì trên thế giới.

Nhà vua đã ra lệnh xây dựng một ngôi mộ cho Hephaestion, sánh ngang với bất kỳ đài tưởng niệm nào trước đây về chi phí và sự xa hoa. Nó có hình dạng của ziggurat ở Babylon với phần đế rộng hơn sáu trăm bộ vuông và các bậc tăng dần chiều cao gần hai trăm bộ. Các nghệ sĩ giỏi nhất đã được đưa đến để trang trí cho nó, bao gồm các bức chạm khắc của các cung thủ trong chiến tranh, các cuộc săn bắt động vật hoang dã và đại bàng với đôi cánh xòe ra. Trên tượng đài là những con thuyền vàng, sư tử và bò tót theo phong cách Ba Tư, và những tác phẩm điêu khắc của Sirens, trong đó mỗi người sống có thể đứng và hát những bài hát tiếc thương cho người bạn đã khuất của mình. Ngay cả đối với những người ủng hộ Alexander, những người thích Hephaestion,

điều này là quá đáng - mặc dù họ không dám chia sẻ suy nghĩ của mình với nhà vua.



Khi còn trẻ, Aristotle đã dạy cả Alexander và Hephaestion rằng tình bạn là một trong những giá trị lớn nhất trên thế giới, nhưng sự điều độ trong mọi việc mới là mục tiêu của một người đàn ông chân chính. Đối với tất cả những ai theo dõi quá trình chuẩn bị tang lễ cho Hephaestion, rõ ràng Alexander đã đi quá xa. Sự đau buồn phô trương như vậy đối với một người bạn, ngay cả với ý định tốt nhất, là

một sự sỉ nhục đối với các vị thần. Và như họ đều biết, các vị thần sẽ trả thù.

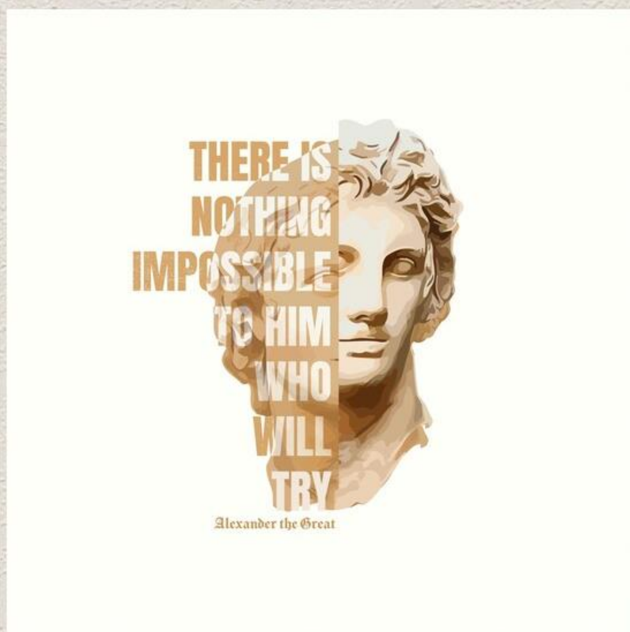
Sự thương tiếc của Alexander dành cho Hephaestion tiếp tục kéo dài nhiều tuần cho đến khi mọi người trong triều nhận ra họ phải tìm cách đưa anh ra khỏi chứng trầm cảm.

May mắn thay, một cơ hội để hành động quân sự — điều duy nhất được đảm bảo để thu hút nhà vua — vào lúc này dưới hình dạng một bộ tộc nổi loạn được gọi là người Cossaeans sống ở vùng núi phía tây nam Ecbatana. Giống như những người láng giềng của họ là người Uxians, những người mà Alexander đã phải đối mặt nhiều năm trước đó, những chiến binh cao nguyên này chưa bao giờ phục tùng người Ba Tư và đã yêu cầu thanh toán phí nếu muốn đi qua đất của họ. Khi được các sứ thần Macedonia yêu cầu đầu hàng, người Cossaean đã từ chối. Đối với Alexander, điều này giống như vẫy một lá cờ đỏ trước một con bò đực. Trước sự nhẹ nhõm của những người bạn đồng hành, nhà vua đã đứng dậy từ tuyệt vọng với

một tinh thần mới và quyết tâm dạy cho những người dân bộ lạc miền núi này một bài học. Trong quá khứ người Cossaean đã rút lui sâu vào những ngọn đồi của quê hương khi đối đầu với một đội quân, sau đó xuất hiện trở lại và làm mới các cuộc đột kích khi mối đe dọa đã qua. Nhưng bây giờ Alexander, được sự trợ giúp của Ptolemy, đã bao vây vùng đất và cô lập làng mạc của họ, sau đó phát động một loạt các cuộc tấn công tàn khốc chống lại người Cossaean trên khắp vùng núi phủ đầy tuyết trong bốn mươi ngày. Alexander tuyên bố những người bị giết là lễ vật cho linh hồn của Hephaestion, giống như Achilles đã hiến sinh những thanh niên thành Troy cho Patroclus. Một số ít người sống sót sau các cuộc tấn công của người Macedonia đã bị bắt làm nô lệ, ngay sau đó các nhà lãnh đạo của họ đã đầu hàng. Họ đồng ý trở thành thần dân của Alexander và phục tùng quyền lực của anh.

Khi mùa xuân đang bắt đầu và dãy núi Zagros nở rộ hoa dại, Alexander cuối cùng đã bắt đầu cuộc hành quân từ Ecbatana đến Babylon. Trên đường đi, các sứ giả đã đến từ những vùng đất xa xôi để chúc mừng cho nhiều cuộc chinh phạt và bày tỏ hy vọng chân thành mong anh sẽ thiết lập mối quan hệ hữu nghị với họ. Ít nhất, họ muốn đánh giá ý định của anh và chuẩn bị tinh thần cho bất kỳ cuộc xung đột nào sắp xảy ra. Có các đại sứ từ châu Phi ở phía tây Cyrene mang vương miện thần phục và người Ethiopia từ các vùng đất phía nam Ai Cập. Người Carthage cũng đến, có nhiều lý do để lo lắng hơn hầu hết. Các bộ lạc của Ý cũng ở đó —Bruttians, Lucanians và Etruscans — bao gồm các sứ thần từ La Mã, theo một số nguồn Hy Lạp, mặc dù các sử liệu La Mã sau này đã bỏ qua bất kỳ tham chiếu nào về sự tôn kính mà họ có thể đã dâng lên Alexander. Người Celt đã cử đại sứ, giống như họ đã làm trong chiến dịch đầu tiên của nhà vua dọc sông Danube mười hai năm trước. Người Iberia đến từ Tây Ban Nha xa xôi, cũng

như người Scythia từ vùng đất phía bắc Biển Đen. Một số dân tộc Alexander đã gặp trước đây, nhưng có những dân tộc khác lần đầu xuất hiện. Nhà vua chào đón tất cả với sự nồng nhiệt và đảm bảo về tình bạn, cùng với những lời hứa về hòa bình.



Không gì là không thể nếu bạn cố gắng – Alexander Đại đế

Cuối cùng, khi Alexander đến gần các bức tường của Babylon, anh đã gặp một nhóm các thầy tu Chaldean, những người đã cầu xin anh đừng vào cổng thành. Họ tuyên bố đã nhận được một lời tiên tri, từ vị thần vĩ đại Bel-Marduk cảnh báo nhà vua nên tránh Babylon bằng mọi giá. Alexander tôn trọng người Chaldea, thực sự anh đã tổ chức một bữa tiệc cho họ trong cuộc hành quân tới phương Đông, nhưng anh cũng nghi ngờ về động cơ của họ. Anh biết từ các báo cáo rằng lệnh của anh để khôi phục lại ngôi đền Bel-Marduk đã bị bỏ qua trong chuyến đi đến Ấn Độ và các thầy tu vui vẻ với tình hình này. Số tiền khổng lồ dành cho việc trùng tu vẫn nằm trong kho bạc của ngôi đền, có sẵn để sử dụng và lạm dụng bởi người Chaldean. Nếu nhà vua tiến vào Babylon và bắt họ khởi công xây dựng, thì sự giàu có của họ sẽ nhanh chóng kết thúc. Lúc đầu, Alexander cố gắng cười nhạo lời tiên tri, trích dẫn một câu của nhà viết kịch người Hy Lạp Euripides rằng nhà tiên tri giỏi nhất là người đoán giỏi, nhưng ông vẫn là người của

thời đại và đủ mê tín để thận trọng khi có những cảnh báo đáng ngờ từ các vị thần. Khi người Chaldean thấy kế hoạch không hiệu quả, họ nhanh chóng thay đổi chiến thuật và kêu gọi nhà vua ít nhất không nên tiến vào thành phố quay mặt về hướng Tây [mặt trời lặn], biểu tượng chung của cái chết trong thế giới cổ đại. Đây là một mưu đồ thông minh nhằm ngăn chặn hoàn toàn Alexander khỏi Babylon vì các thầy tu biết thành phố của họ bị bao quanh bởi một đầm lầy khổng lồ, khiến việc xâm nhập từ hướng khác trở nên khó khăn. Do đó, nhà vua đã cử một số người của mình vào thành phố trong khi dẫn những người còn lại đi vòng qua các đầm lầy để tiếp cận từ phía đối diện. Nếu người Chaldean nghĩ họ sẽ giữ được Alexander dễ dàng như vậy, thì đáng buồn là họ đã nhầm. Vài ngày sau, anh đi qua cổng Babylon và đến cư trú tại cung điện hoàng gia.

Nhưng khi vào bên trong thành phố, những điềm xấu từ các vị thần chỉ tăng lên. Khi một

trong những người bạn của anh đang cúng tế thay mặt nhà vua, nhưng con vật được phát hiện có một lá gan dị tật, luôn luôn là một điềm xấu. Một ngày nọ, những con quạ chiến đấu với nhau trên đầu Alexander và một số con đã chết dưới chân anh. Sau đó, con sư tử [đã thuần hóa] lớn nhất và đẹp nhất trong vườn thú của anh đã bị tấn công bởi một con lừa và bị đá đến chết. Vài ngày sau, Alexander rời thành phố để đi thuyền dọc theo sông, tự mình hướng dẫn chiếc thuyền dẫn đầu sau khi người hoa tiêu bị lạc. Anh đang đi thuyền ngang qua những ngôi mộ ngập nước của một số vị vua Assyria cổ đại thì đột nhiên gió giật chiếc vương miện khỏi đầu anh. Nó mắc trên một cây sậy mọc ra từ một ngôi mộ cũ. Một trong những thủy thủ nhảy xuống để lấy nó. Người đàn ông giật lấy nó từ cây, nhưng không thể bơi khi giữ nó trên mặt nước. Vì vậy, anh ta đội nó lên đầu, bơi trở lại thuyền, và trao nó cho nhà vua. Alexander rất biết ơn và đã thưởng cho anh ta một phần thưởng lớn, nhưng cũng ra lệnh trừng phạt vì anh ta dám

đặt chiếc vương miện lên đầu mình. Một số nguồn tin nói người đàn ông đã bị đánh bằng roi, trong khi những người khác nói anh ta đã bị chặt đầu. Dù hình phạt thế nào, nhà vua rõ ràng coi vụ việc là một lời cảnh báo rằng anh có nguy cơ mất vương miện vĩnh viễn.

Nhưng tình tiết đáng lo ngại nhất xảy ra vào một ngày nọ khi Alexander trở về thành phố và đang chơi bóng với bạn bè của mình. Mùa xuân đã đến nhưng thời tiết nóng nực không thể chịu nổi, vì vậy nhà vua đã cởi áo choàng và đặt nó lên ngai vàng gần đó. Khi anh trở lại, anh nhìn thấy một người đàn ông đang ngồi trên ngai vàng của mình, mặc áo choàng và đội vương miện. Kẻ đột nhập dường như chết lặng và chỉ trả lời các câu hỏi sau một vòng tra tấn dữ dội. Tên của anh ta là Dionysius và đến từ thành phố Messenia của Hy Lạp, gần Sparta. Anh ta nói mình là một tù nhân vượt ngục và đã bị trói trong xiềng xích từ lâu, nhưng một vị thần đã đến và giải thoát anh ta, cho anh ta mặc trang phục của nhà vua và

ngồi im lặng trên ngai vàng. Như Alexander có thể đã biết, việc này mang một nét tương đồng kỳ lạ với một phong tục địa phương của người Babylon, trong đó một tên tội phạm bị kết án hành động như một vị vua thay thế để gây ra cơn thịnh nộ của thiên đường cho chính mình và giải thoát cho vị vua thực sự không may. Alexander không chắc vụ việc có phải là may mắn hay không, nhưng anh đã đóng vai trò của mình và đã xử tử anh ta như vật tế thần, hy vọng sự hy sinh của người đàn ông này sẽ làm hài lòng các vị thần.

Khi tháng 5 chuyển sang tháng 6, Alexander bận rộn với kế hoạch cho chuyến thám hiểm sắp tới của mình tới A Rập. Hàng trăm con thuyền đã được cung cấp các phụ kiện cuối cùng và các thủy thủ đoàn đã tiến hành các cuộc đua dọc theo sông Euphrates. Các trinh sát báo cáo có nước ngọt dọc theo bờ biển A Rập, cũng như các đảo ngoài khơi dọc theo Vịnh Ba Tư thuận tiện cho việc neo đậu. Đó sẽ là một cuộc thám hiểm lớn xuống vịnh và qua

eo biển, sau đó vòng quanh bờ phía nam của bán đảo, chiếm giữ các vùng đất của trầm hương và myrr, sau đó đi lên Biển Đỏ đến Ai Cập. Nhà vua không thể chờ đợi lâu hơn.

Alexander dành cả ngày để lên kế hoạch chi tiết cho chuyến đi, nhưng đêm xuống lại tràn ngập các bữa tiệc theo phong cách Macedonia thực sự. Một buổi tối, nhà vua mở tiệc chiêu đãi đô đốc Nearchus, sau đó đang trên đường về phòng thì tình cờ gặp người bạn Medius từ Thessaly, người đã mời anh đến dự một buổi dạ tiệc muộn với một vài người bạn đồng hành. Alexander tham gia cùng họ cho đến khuya, nhưng đã dậy sớm vào sáng hôm sau để thực hiện các nghi lễ hiến tế theo phong tục. Buổi tối hôm sau, anh trở lại nhà Medius để tổ chức lễ kỷ niệm vinh danh Hercules. Ở đó, anh đã mở đầu bằng cách uống hết một cốc rượu không pha trong một ngụm, sau đó anh hét lên như thể bị trúng tà và được bạn bè đưa trở lại giường. Sáng hôm sau, anh bị sốt, nhưng vẫn cẩn thận cúng tế cho các vị thần.

Anh ra lệnh cho hạm đội và bộ binh sẵn sàng trước khi ra khơi. Sau đó anh xuống sông và chèo thuyền đến một khu vườn ưa thích để tắm và nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, anh vẫn tiến hành các lễ tế và chỉ ăn uống bình thường. Anh bảo các sĩ quan gặp anh vào ngày hôm sau để dự một hội nghị, nhưng suốt đêm đó bị sốt cao. Anh thức dậy vào sáng hôm sau để thực hiện các nghi lễ hiến tế, sau đó tắm rửa và nói chuyện với Nearchus về việc khởi hành của hạm đội. Ngày hôm sau, anh thực hiện nghĩa vụ của mình với các vị thần, mặc dù anh ngày càng yếu đi. Anh vẫn tin mình sẽ sớm khỏe lại để cùng các con thuyền của mình tới A Rập, mặc dù những người bạn đồng hành giờ đang vô cùng lo lắng. Anh bị sốt đến mức phải nghỉ ngơi trong nhà tắm mát mẻ thay vì phòng ngủ cung điện. Trong vài ngày tiếp theo, anh tiếp tục các hoạt động cúng tế, họp hành, tắm rửa và nghỉ ngơi, thực hiện tất cả trong khi các tướng lĩnh bắt đầu tập trung xung quanh.

Tin đồn đã lan truyền đến quân đội là nhà vua bị ốm nặng. Một số người thậm chí còn cho rằng, như họ đã từng nói ở Ấn Độ, anh đã chết và nó đang được che đậy bởi các sĩ quan cấp cao. Để chấm dứt những tin đồn này, Alexander đã ra lệnh cho những người lính tới gặp, mặc dù vào thời điểm đó, anh phải cố gắng nói chuyện. Những người đàn ông đi qua giường của anh trong im lặng và nước mắt, mỗi người nhận được một cái gật đầu hoặc ít nhất là một nụ cười từ chỉ huy và nhà vua của họ. Không ai có thể tin rằng Alexander vĩ đại, người luôn chiến đấu với cái chết trên chiến trường, lại chết trên giường của mình ở Babylon. Một số người bạn đồng hành muốn mang anh đến một ngôi đền gần đó với hy vọng các vị thần sẽ tha mạng cho anh, nhưng những người khác cho rằng tốt nhất là không nên di chuyển. Cơn sốt của anh bùng phát, cơn đau ngày càng gia tăng, và ngay cả Alexander - chỉ trước sinh nhật lần thứ ba mươi ba - cũng biết ngày tàn đã gần kề. Anh tháo chiếc nhẫn hoàng gia của mình và đưa nó cho Perdiccas

để anh ta có thể tạm thời làm nhiếp chính, nhưng sự kế vị cuối cùng vẫn chưa rõ ràng. Roxane, cô dâu người Bactria của anh, đã mang thai, anh hy vọng có một bé trai, mặc dù đứa trẻ sẽ không đủ tuổi trong nhiều năm tới ngay cả khi người Macedonia chấp nhận một người cai trị nửa man rợ lên ngôi. Tình hình hứa hẹn sẽ hỗn loạn cho đế quốc trừ khi nhà vua nói rõ mong muốn của mình. Cuối cùng, những người bạn đến gần giường và cầu xin anh gọi tên người kế vị: Anh trao vương quốc của mình cho ai?

Họ ghé sát vào để nghe những lời anh nói. Với nỗ lực cuối cùng, Alexander thì thầm trả lời: Cho kẻ mạnh nhất.

Cùng với đó, vị vua của thế giới đã nhắm mắt và trút hơi thở cuối cùng.

ĐIỂM TẬN CÙNG CỦA THẾ GIỚI

DƯỜNG NHƯ KHÔNG CÓ QUỐC GIA, THÀNH PHỐ NÀO TRONG NHỮNG NGÀY ĐÓ, KHÔNG CÓ NGƯỜI NÀO Ở BẤT KỲ VÙNG ĐẤT NÀO MÀ TÊN TUỔI CỦA ALEXANDER KHÔNG VƯƠN TỚI.

ARRIAN

Ngay cả trước khi cơ thể của Alexander nguội lạnh, tin đồn bắt đầu lan truyền nhà vua đã bị sát hại. Nhiều câu chuyện phát triển rằng Antipater đã ra lệnh đầu độc thông qua người con trai là Iolus, người vẫn đang ở Babylon sau trận đánh mà anh ta nhận lệnh từ Alexander. Vì Antipater có động lực để cứu lấy mạng sống của chính mình và ông ta tiếp cận nhà vua thông qua con trai nhỏ của mình, đó là một lời buộc tội chính đáng đối với nhiều người. Một số nguồn tin nói chất độc, có lẽ là strychnine, đã được đưa vào cung điện trong cái móng rỗng của một con la. Thực tế là người tình của Iolus không ai khác chính là Medius - người đã mời Alexander đến bữa tiệc định

mệnh, trong đó anh kêu lên đau đớn sau khi uống rượu - khiến cho những lời buộc tội trở nên đáng tin hơn. Liệu Aristotle, một người bạn của Antipater, có dính líu từ xa đến vụ ám sát cậu học trò cũ của mình hay không vẫn tiếp tục được tranh luận trong thời cổ đại.

Hấp dẫn như các thuyết âm mưu ở mọi thời đại, có khả năng Alexander chết vì những nguyên nhân tự nhiên. Anh có thể đã bị bệnh sốt rét trong nhiều năm, ít nhất là kể từ khi gục ngã ở sông Cydnus tại Tarsus ngay trước trận chiến Issus. Anh đã thoát chết hàng chục lần kể từ đó với những vết thương và bệnh tật có thể giết chết hầu hết đàn ông. Những cơn đau không dứt với căn bệnh kiết lỵ và đặc biệt là chiếc phổi bị thủng mà anh phải chịu đựng ở thành phố Malli, Ấn Độ đã khiến khả năng chống chọi với bệnh tật yếu đi. Thêm vào đó là sự kiệt sức sau mười hai năm dài hành quân qua đầm lầy và vượt núi cùng với việc uống nhiều rượu và thật ngạc nhiên khi Alexander sống lâu như vậy. Nếu sốt rét, nhiễm trùng

phổi hoặc suy gan không giết chết anh, thì sốt thương hàn là một khả năng khác, với các triệu chứng đau bụng và sốt cao trong những ngày cuối cùng của anh.

Có một câu chuyện buồn và quyến rũ khi Alexander nhận ra mình sắp chết, anh đã bí mật lê mình từ giường bệnh ra khỏi cung điện để ném mình xuống sông Euphrates để rồi biến mất khỏi thế giới mà không để lại dấu vết. Anh hy vọng nó sẽ củng cố tuyên bố của anh là con trai của một vị thần nếu anh biến mất một cách bí ẩn chứ không phải chết như bất kỳ người đàn ông nào khác. Nhưng câu chuyện kể rằng, vợ của anh, Roxane đã nhìn thấy anh vào giây phút cuối cùng đang vùng vẫy dưới nước và cứu anh, khiến Alexander phàn nàn cô đã từ chối danh tiếng vĩnh cửu mà anh hằng mong muốn. Trong mọi trường hợp, cho dù bằng thuốc độc hay căn bệnh quái ác cướp đi sinh mạng, nhà vua đã chết và những người sống vẫn để tang anh.

Người dân Macedonia và người bản xứ đều khóc trước tin Alexander qua đời, họ hoảng sợ chạy qua các đường phố. Thần dân Ba Tư cạo trọc đầu, theo phong tục của ngày Đại vương qua đời, trong khi mẹ của Darius được cho là đã tuyệt thực như thể bà đã mất con trai của mình. Những người lính Macedonia nhanh chóng rơi vào cuộc chiến phe phái — Perdiccas, kẻ mang chiếc nhẫn đầy tham vọng; Meleager, chỉ huy bộ binh và lực lượng bảo thủ kiên cường; hoặc có lẽ là tướng Ptolemy, người bạn thời thơ ấu của nhà vua. Sau khi đổ nhiều máu, các nhà lãnh đạo đã đồng ý gặp nhau trong hòa bình để quyết định cách cai trị đế chế. Sau đó, những người lính tưởng nhớ cái chết của nhà vua bằng một phong tục cổ xưa của người Macedonia là diễu hành giữa hai nửa của một con chó đã mổ bụng trên đồng bằng bên ngoài Babylon. Tại cuộc họp sau đó, người ta đồng ý rằng Arrhidaeus, người anh cùng cha khác mẹ thiểu năng của Alexander, cư trú ở Babylon, sẽ lên ngôi vua với danh hiệu Philip III cho đến khi

đứa con mong đợi của Roxane, nếu nó là một cậu bé, sẽ đến tuổi và thế chỗ của cha mình. Không ai coi Arrhidaeus là một người cai trị, chỉ coi ông như một biểu tượng tạm thời và có thể phế bỏ. Những gì những người chơi chính cần là thời gian để củng cố vị trí của họ trong phần đế chế mà mỗi người đều mong muốn cho riêng mình. Các vị tướng cũng không mong đợi đứa con của Roxane là một người cai trị tốt. Đứa con ngoài giá thú Hercules của Alexander với người tình Barsine của anh thậm chí không đáng được coi là người thừa kế khả dĩ.

Một kết quả của cuộc họp là sự chia rẽ của đế chế. Ptolemy tiếp nhận Ai Cập, trong khi Seleucus, một người bạn của Perdiccas, sẽ nắm giữ phần lớn châu Á trong thời điểm hiện tại. Antipater và con trai ông ta là Cassander sẽ giữ lại Macedonia và Hy Lạp, còn vệ sĩ cũ của nhà vua là Lysimachus sẽ tiếp quản Thrace. Thi thể của Alexander sẽ được ướp và trở về Macedonia để chôn cất cùng hoàng gia,

mặc dù kế hoạch này đã bị cản trở khi Ptolemy cướp đám tang và đưa hài cốt của nhà vua đến Ai Cập.



Ở đó, lăng mộ của anh ở Alexandria vẫn là điểm đến yêu thích của du khách Hy Lạp và La Mã, trong số đó có hoàng đế Augustus, cho đến thời kỳ đầu của Cơ đốc giáo.

Vị trí lăng mộ Alexander Đại đế là một bí ẩn lâu dài. Không lâu sau cái chết của Alexander ở Babylon, việc sở hữu thi thể của anh đã trở thành chủ đề của các cuộc đàm phán giữa Perdiccas, Ptolemy I Soter, và Seleucus I Nicator. Theo Nicholas J. Saunders, trong khi Babylon là "địa điểm hiển nhiên" cho nơi an nghỉ của Alexander, một số người lại ủng hộ việc chôn cất tại Aegae - Vergina hiện đại. Aegae là một trong hai nơi được đề xuất ban đầu, theo Saunders, nơi kia là ốc đảo Siwa và vào năm 321 TCN, Perdiccas có lẽ đã chọn Aegae. Tuy nhiên, cơ thể đã bị cướp trên đường đi bởi Ptolemy I Soter. Theo Pausanias và các ghi chép của Biên niên sử Parian đương thời trong những năm 321–320 trước Công

nguyên, Ptolemy ban đầu chôn cất Alexander ở Memphis. Vào cuối thế kỷ 4 hoặc đầu thế kỷ 3 trước Công nguyên, trong thời kỳ đầu của triều đại Ptolemaic, thi hài của Alexander được chuyển từ Memphis đến Alexandria, nơi nó được cải táng.





Các cuộc nội chiến nhanh chóng bắt đầu khi Perdiccas đã giết Meleager trong một ngôi đền nơi anh ta ẩn náu. Đó là một khởi đầu không tốt cho những năm nội chiến, trong đó mỗi bên chỉ tìm cách củng cố bản thân, mà ít

quan tâm đến số phận của hàng triệu người dưới sự cai trị của họ. Trong số những người từng biết và phục vụ Alexander, rất ít người chết một cách yên bình trên giường của họ. Roxane nhanh chóng đầu độc Stateira, con gái của Darius mà Alexander đã kết hôn ở Susa, cùng với em gái của cô và ném xác của cả hai người phụ nữ xuống giếng, tất cả đều được sự đồng ý của Perdiccas. Con riêng của nữ hoàng Bactria hóa ra là một bé trai và được đặt tên là Alexander IV. Perdiccas đã bảo vệ cả hai mẹ con để tiến xa hơn đến mục đích của riêng mình cho đến khi bản thân bị giết ở Ai Cập khi chiến đấu với Ptolemy. Roxane và hoàng tử trẻ trốn đến Macedonia và được chào đón bởi Olympias. Nhưng ngay sau đó Cassander, người đã tiếp quản Macedonia sau cái chết của người cha - Antipater, đã giết họ, kết thúc dòng dõi của Alexander. Olympias tiếp tục âm mưu trong suốt các cuộc tranh giành quyền kế vị, giết chết nhiều quý tộc của Macedonia và gây thù hận bất diệt với họ. Cuối cùng khi bị bắt bởi Cassander, những người lính mà anh

ta cử đến để giết bà đã ngưỡng mộ nhân phẩm của bà trong những giây phút cuối cùng và lặng im trong khi bà chải tóc và chỉnh trang quần áo ngay cả khi đang chảy máu đến chết vì vết thương.

Số phận của hầu hết những người bạn và gia đình còn lại của Alexander cũng bạo tàn không kém. Arrhidaeus đã bị một lính canh người Thracia giết chết sau khi trở về Macedonia, theo lệnh của Olympias. Con trai sống sót của Barsine và Alexander, Hercules dường như đã bị đầu độc tại Pergamum ở Tiểu Á. Aristotle buộc phải chạy trốn khỏi Athen trong bối cảnh các cuộc nổi dậy chống Macedonia sau cái chết của Alexander. Nhắc đến Socrates, ông tuyên bố không muốn cho người Athen cơ hội thứ hai để phạm tội chống lại triết học. Thay vào đó, ông chết vì một căn bệnh đường tiêu hóa. Nhà hùng biện Demosthenes, kẻ thù khét tiếng nhất của Alexander ở Hy Lạp, cũng trốn thoát khỏi Athen sau khi bị buộc tội nhận hối lộ trong vụ

Harpalus và tự sát trên một hòn đảo nhỏ ở Aegean, những kẻ ám sát được Antipater cử đi theo dấu vết của ông ta. Craterus, vị tướng trung thành của Alexander, người đã chiến đấu dũng cảm trong chiến dịch phía đông, đã chết trong trận chiến khi bị văng khỏi ngựa. Vua Porus của Ấn Độ tiếp tục trị vì sau cái chết của Alexander, nhưng bị một trong những tướng của Alexander giết hại vài năm sau đó. Antigonus một mắt, bị bỏ lại vùng Tiểu Á ngay từ đầu trong chiến dịch đối phó với những người bản địa nổi loạn, đã biến tỉnh của mình thành một vương quốc riêng cho đến khi béo lên đến mức không thể chỉ huy quân đội trong trận chiến. Seleucus, sau khi thoát khỏi người bạn Perdiccas, đã mở rộng quyền cai trị của cá nhân đối với phần lớn đế chế cũ của Alexander, từ Aegean đến các thảo nguyên ở Trung Á. Vương triều mà anh ta thành lập sẽ tiếp tục trong nhiều năm tới, cho đến khi bị người Parthia ở phía đông và La Mã ở phía tây nhấn chìm. Ptolemy củng cố quyền kiểm soát Ai Cập và sống để viết hồi ký về chiến dịch vĩ

đại cùng Alexander từ sông Danube đến sông Indus. Gia đình ông đã truyền lại ngai vàng của các pharaoh trong nhiều thế hệ cho đến khi hậu duệ của ông là Cleopatra qua đời, người đã tự sát bằng vết cắn của một con rắn và trao Ai Cập cho La Mã.



Di sản của Alexander và ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa Hy Lạp mà anh khởi xướng với đế chế tồn tại ngắn ngủi của mình đã nhanh chóng lan rộng khắp châu Á, châu Phi và châu Âu trong những thế kỷ tiếp theo. Có thể nói rằng nếu không có vua Macedonia và các cuộc chinh phạt của anh, triết học, nghệ thuật và văn học Hy Lạp cổ đại sẽ không ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của chúng ta trong hơn hai nghìn năm, thay vào đó sẽ chỉ là một trong nhiều tiếng nói trong một bản hợp xướng cổ đại của các nền văn minh. Kế hoạch truyền bá văn hóa Hy Lạp qua ba lục địa của Alexander không bao giờ là một phương tiện

thực tế và hạn chế để kiểm soát quân đội đối với một dân số đa dạng. Giống như những người Ba Tư trước anh và những người La Mã sau đó, anh không quan tâm đặc biệt đến ngôn ngữ mà người bản xứ nói hay những vị thần nào họ tôn thờ miễn là họ tuân theo các quy tắc của anh. Các phong tục Hy Lạp được đưa vào các thành phố trên lãnh thổ phần lớn là vì lợi ích của những người thực dân Macedonia và Hy Lạp, những người đã trở thành tầng lớp cai trị trong khu vực của họ. Anh muốn những người đi theo cảm thấy như ở nhà dù họ phục vụ anh ở Bactria hay Babylon. Ngay cả hàng ngàn thanh niên bản xứ mà anh đã đào tạo bằng tiếng Hy Lạp như một phần của quân đoàn sĩ quan mới cũng không bao giờ được coi là đại sứ văn hóa cho người dân của họ. Nhưng những người kế vị Alexander, đặc biệt là những người thừa kế của Seleucus, đã biến sự truyền bá của nền văn minh Hy Lạp thành một công cụ thống trị chính trị đôi khi tàn nhẫn, được hỗ trợ rất nhiều bởi các thành viên của giới quý tộc địa phương,

những người coi việc áp dụng các cách thức Hy Lạp là chìa khóa của quyền lực, sự giàu có, và uy tín trong thời đại Hy Lạp mới.

Ở Ấn Độ, ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp lan rộng ngay cả khi quyền kiểm soát chính trị trực tiếp của người Macedonia suy yếu. Các vương quốc ở thung lũng sông Hằng sụp đổ dưới sự lũng đoạn của một người cai trị quyền lực tên là Chandragupta, người đã thành lập đế chế Mauryan và mở rộng quyền cai trị của mình đến sông Indus. Hai mươi năm sau khi Alexander chiến đấu hết sức để giành quyền kiểm soát khu vực, Seleucus gặp Chandragupta và nhượng lại chủ quyền Ấn Độ của mình để đổi lấy năm trăm con voi chiến để sử dụng chống lại kẻ thù ở phía tây. Seleucus đã cử một đại sứ tên là Megasthenes đến triều đình Ấn Độ, người cũng giống như Herodotus trước ông, đã kết hợp những quan sát trực tiếp với những câu chuyện địa phương đáng ngờ để tạo ra một tài liệu sâu rộng và có ảnh

hưởng nhất về Ấn Độ đối với thế giới Địa Trung Hải cổ đại.

Nhưng ngay cả với sự rút lui của Seleucus khỏi thung lũng Indus, văn hóa và ảnh hưởng của Hy Lạp vẫn tồn tại ở phương Đông xa xôi trong nhiều thế kỷ. Vị vua Phật giáo vĩ đại và là cháu nội của Chandragupta, Ashoka, đã mở rộng đế chế Mauryan trên phần lớn tiểu lục địa Ấn Độ và tuyên bố quyền lực bằng các dòng chữ tiếng Hy Lạp. Dưới ảnh hưởng của các nghệ sĩ Hy Lạp, lần đầu tiên hình ảnh của Đức Phật xuất hiện với trang phục giống thần Apollo trong trang phục Hy Lạp. Hậu duệ của những người lính Macedonia và Hy Lạp tiếp tục cư trú trong nhiều thành phố Alexandria mà nhà vua đã thiết lập ở phương Đông. Phần lớn nam giới của những người định cư đã kết hôn với phụ nữ địa phương và tạo ra một nền văn hóa lai đầy sức sống. Các cuộc khai quật khảo cổ học tại Ai Khanum trên sông Oxus đã phát hiện ra một thành phố tráng lệ với nhà hát Hy Lạp, phòng tập thể dục và xưởng đúc

tiền có khắc chữ Hy Lạp. Trong thời gian đó, đế chế Mauryan đã mất quyền kiểm soát vùng thượng lưu thung lũng Indus vào tay một loạt các quốc gia Greco-Bactrian do hậu duệ nói tiếng Hy Lạp của những người thuộc địa thời Alexander cai trị. Những người cai trị như Demetrius I duy trì liên lạc với thế giới Aegean. Ngay cả sau khi người Parthia nổi lên ở Ba Tư cắt đứt quan hệ giữa Greco-Bactrian và Địa Trung Hải, những người thừa kế là các cựu binh và thương gia ban đầu vẫn phát triển mạnh mẽ. Người vĩ đại nhất trong số những người cai trị phương Đông của Hy Lạp là Menander, sinh ra gần Kabul, người đã chinh phục Punjab và xâm chiếm thung lũng sông Hằng. Ông đã trở thành một Phật tử bất chấp thành công của mình trong chiến tranh và bảo trợ sự kết hợp giữa nghệ thuật và văn hóa Hy Lạp và Ấn Độ sẽ tồn tại lâu dài sau sự sụp đổ của các vương quốc Greco-Bactrian hai trăm năm sau cái chết của Alexander.

Ở Ba Tư, Alexander từ lâu đã được nhớ đến như một anh hùng và một nhân vật phản diện. Trong thời trung cổ Shahnameh, Alexander - hay Iskandar, như anh đã được biết đến ở Trung Đông - là một hoàng tử Iran cao quý thuộc dòng dõi hoàng gia, nhưng cũng bị gièm pha là kẻ hủy diệt quyền lực Ba Tư. Iskandarnameh được miêu tả như một người cai trị lý tưởng có nguồn gốc Hy Lạp, một triết gia và nhà khoa học cũng như một chiến binh, người kết hôn với Roxane, con gái của Đại vương Darius, và lên ngôi, sau đó đi đến Trung Quốc và hành trình đến Mecca. Nhưng đối với những người Zoroastrian, những người vẫn còn thực hành tôn giáo cũ của các vị vua Ba Tư, anh ta là Alexander bị nguyền rủa, người đã phá hủy sách thánh của họ và ngâm trái đất trong máu. Việc đốt cháy Persepolis không bị lãng quên vì ngày nay họ vẫn hướng tới ngọn lửa thiêng của Ahuramazda. Ngay cả trong số những người Hồi giáo ở Iran ngày nay, Alexander xuất hiện như một nhân vật trong các cuộc diễu hành trong làng cùng với những

kẻ vô lại xấu xa trong lịch sử bao gồm cả chú Sam (Mỹ), trong khi các bà mẹ đe dọa những đứa trẻ nghịch ngợm rằng Iskandar sẽ bắt chúng nếu chúng cư xử sai.

Trên khắp Trung Đông, di sản của Alexander tồn tại lâu dài. Anh xuất hiện trong kinh Koran với cái tên Dhul-Qarnayn, nghĩa đen là "người hai sừng", liên quan đến hình ảnh của anh trên đồng tiền cổ đeo sừng của người cha thần thánh Zeus-Ammon. Theo những lời được ghi lại bởi nhà tiên tri Mohammed, anh là một nhà vua - triết gia, "người Thượng đế ban xuống để làm cho vùng đất hùng mạnh và trao cho phương tiện để đạt được tất cả mọi thứ." Việc học tiếng Hy Lạp mà Alexander đưa vào khu vực vẫn tồn tại trong thời kỳ Hồi giáo và có ảnh hưởng đặc biệt đến lịch sử trí tuệ của Hồi giáo Shiite.

Văn hóa Do Thái cũng xung đột về Alexander và giá trị của nền văn minh Hy Lạp. Người Do Thái đã thịnh vượng dưới sự cai trị của Ba Tư và nhiều người không thiện cảm với kẻ xâm

lược từ phương bắc. Trong sách Daniel của Kinh thánh, vua Macedonia là người cuối cùng xuất hiện trong hàng các nhà cai trị nước ngoài:

Sẽ có một vương quốc thứ tư trên trái đất,

nó sẽ khác với tất cả các vương quốc trước đây;

nó sẽ nuốt chửng cả trái đất,

và phá vỡ trái đất thành nhiều mảnh.

Sách Daniel là cuốn sách khải huyền trong Kinh thánh vào thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, kết hợp lời tiên tri về lịch sử với thuyết tiên tri về phạm vi vũ trụ và chính trị.

Như trong kinh Koran, Alexander có nhiều sừng - 10 cái, đại diện cho những kẻ thống trị độc ác của dòng Seleucus, những người tranh giành quyền kiểm soát Palestine sau khi anh qua đời. Đáng chú ý nhất trong số này là Antiochus IV Epiphanes, người đã tích cực truyền bá văn hóa Hy Lạp cho người Do Thái. Tầm nhìn này đã được tán thành bởi nhiều nhà lãnh đạo Do Thái có ảnh hưởng, những người đã vui vẻ chấp nhận một phòng tập thể dục

kiểu Hy Lạp và các cơ sở giáo dục ngay cả ở Jerusalem. Những thanh niên Do Thái khỏa thân thi đấu trong các cuộc thi thể thao cùng với những người Hy Lạp dưới bóng của Đền thờ. Một số, xấu hổ vì việc cắt bao quy đầu khiến họ khác biệt với những người bạn Hy Lạp, thậm chí phải trải qua một cuộc phẫu thuật đau đớn để phục hồi da bao quy đầu. Đối với một nhóm nhỏ nhưng tận tâm của những người theo chủ nghĩa Do Thái, tất cả những điều này đều là báng bổ. Họ đã phát động một cuộc chiến chống lại vua Seleucus, nhưng đã bị quân đội của ông ta đánh bại và một đồn lính của ông ta được thành lập trên tòa thành ở phía bắc của Ngôi đền. Antiochus đặt ngoài vòng pháp luật sự tôn thờ của người Do Thái và làm ô uế Thánh Địa, khiến ngay cả những người Do Thái hiền lành nhất cũng nổi dậy chống lại. Họ được dẫn đầu bởi gia đình Hasmonean, những người cùng với nhóm chiến binh du kích được gọi là Maccabees, đã đánh đuổi những người Seleucus đáng ghét và những ảnh hưởng Hy Lạp khỏi Jerusalem

và khôi phục lại việc thờ cúng trong Đền - một sự kiện vẫn được tổ chức bởi lễ Hanukkah.

Nhưng không phải tất cả người Do Thái đều phản đối những ảnh hưởng do Alexander đưa vào. Ở Ai Cập, người Do Thái đổ xô đến thành phố Alexandria mới được thành lập trên bờ biển Địa Trung Hải và giúp biến nó thành đô thị vĩ đại nhất thời đại. Chỉ một thế kỷ sau cái chết của vị vua ở Babylon, người Do Thái ở Alexandria đã dịch kinh sách thiêng liêng của họ từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp vì họ trở nên thoải mái hơn với ngôn ngữ Socrates hơn là tiếng mẹ đẻ. Kết quả là Bản Septuagint, bản kết xuất của Kinh thánh tiếng Do Thái đã trở thành ấn bản tiêu chuẩn cho người Do Thái nói tiếng Hy Lạp (và người Cơ đốc) sau họ. Nhưng Septuagint chỉ là một trong nhiều sản phẩm đáng chú ý của nền văn hóa Hy Lạp cổ đại đã lớn lên ở Alexandria với sự hỗ trợ của các vị vua Ptolemaic. Thành phố trở thành trung tâm học thuật của Hy Lạp trong thế giới cổ đại, vượt xa cả Athens. Các công dân được

tuyển chọn từ khắp nơi trên thế giới Hy Lạp, cùng với những cư dân Do Thái và những người Ai Cập bản địa hạng hai, đã hình thành nên một trung tâm quốc tế vô song trong lịch sử. Bảo tàng và thư viện nổi tiếng của thành phố đã trở thành ngôi nhà của các nhà khoa học và học giả vĩ đại nhất của thời đại Hy Lạp. Aristarchus của Samos, người đầu tiên đưa ra giả thuyết mặt trời là trung tâm của thái dương hệ và trái đất quay trên trục của chính nó, cư trú trong thành phố, cũng như nhà địa lý học đa năng Eratosthenes của Cyrene, người đã tính toán chu vi của trái đất với độ chính xác tuyệt vời.

thư viện nổi tiếng ở Alexandria, Ai Cập







Nhưng trong số tất cả các vùng đất được hưởng lợi từ di sản của Alexander, vùng đất mà nền văn hóa Hy Lạp được chấp nhận nhất là đất nước mà Alexander chưa bao giờ chinh phục — Rome. Các quân đoàn đã chiếm giữ Macedonia và Hy Lạp cho đế chế của họ hai

thế kỷ sau Alexander, nhưng vùng đất bị chiếm lại lần lượt gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến những kẻ chiếm giữ nó. Bất kỳ người La Mã nào dám nhận mình là có học đều thông thạo tiếng Hy Lạp và đắm mình trong triết học và văn học Hy Lạp. Không phải người La Mã không nghi ngờ những cách thức ngoại lai và không tin tưởng vào bất kỳ người Hy Lạp nào mang những món quà văn hóa bên trong bức tường của họ, nhưng sức hấp dẫn của nền văn minh Hy Lạp quá lan tỏa và mạnh mẽ để chống lại. Văn hóa Hy Lạp lan rộng khắp thế giới La Mã từ Syria đến Anh. Julius Caesar đã nghiên cứu Homer và Herodotus cẩn thận như bất kỳ học giả Hy Lạp nào và đã khóc khi nhìn thấy bức tượng Alexander được trưng bày tại một ngôi đền ở Tây Ban Nha bên bờ Đại Tây Dương. Vị tướng La Mã giải thích về những giọt nước mắt của mình rằng ông đã đạt được quá ít thành tựu ở độ tuổi của Alexander. Augustus cũng ngưỡng mộ Alexander, vì kỹ năng quân sự vô song của anh hơn là khả năng điều hành đế chế một cách hiệu quả.

Nhiều hoàng đế kế vị đã lấy hình mẫu của Alexander và cố gắng phù hợp với các cuộc chinh phạt của anh ở phía Đông, mặc dù không ai có thể mở rộng quyền thống trị của La Mã ra ngoài vùng Lưỡng Hà.

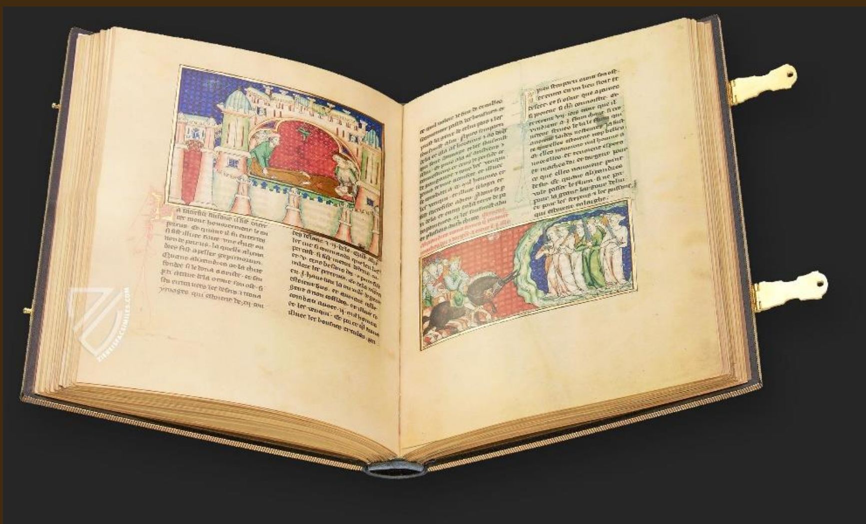
Sự truyền bá văn hóa Hy Lạp của Alexander khắp thế giới La Mã và xa hơn nữa đã trở thành yếu tố chính dẫn đến thành công cuối cùng của Cơ đốc giáo. Tân Ước và hầu hết các văn học Cơ đốc giáo ban đầu phổ biến khác được viết bằng tiếng Hy Lạp, không phải tiếng Aramaic bản địa của Chúa Jesus thành Nazareth. Kiến thức gần như phổ thông về tiếng Hy Lạp cho phép đọc các sách Phúc âm một cách dễ dàng ở Jerusalem, Ai Cập và Rome. Khi Thánh Paul viết các bức thư trong Tân Ước cho người bản xứ ở Tiểu Á, Hy Lạp, hoặc cho chính người La Mã, chúng được viết bằng ngôn ngữ của Alexander. Thật vậy, người ta có thể đưa ra một trường hợp thuyết phục rằng nếu không có các cuộc chinh phạt

của vua Macedonia, thì Cơ đốc giáo sẽ vẫn là một hiện tượng địa phương.

Ngôn ngữ Hy Lạp cũng là phương tiện ban đầu để phát tán phiên bản nổi tiếng nhất của câu chuyện về Alexander, The Alexander Romance. Chỉ một thế kỷ sau khi nhà vua qua đời, một bộ sưu tập các câu chuyện thú vị và giàu trí tưởng tượng về cuộc đời của anh đã được xuất bản, có thể là ở Ai Cập. Những câu chuyện này trở nên vô cùng phổ biến và được dịch trong nhiều thế kỷ sau đó sang tiếng Latinh, tiếng Aramaic, tiếng Do Thái, tiếng A Rập, tiếng Armenia, tiếng Phạn, tiếng Ba Tư và nhiều ngôn ngữ khác, bao gồm tiếng Iceland và tiếng Anh của thời đại Chaucer. Những câu chuyện vượt xa bất cứ điều gì được ghi lại trong Arrian và các sử gia cổ đại khác. Alexander of the Romance bay lên không trung trong một chiếc giỏ do đại bàng mang theo, khám phá độ sâu đại dương trong một chiếc chuông lặn và tìm kiếm Water of Life trong truyền thuyết. Thông qua bộ sưu tập

những câu chuyện này, thế giới cổ điển và trung cổ biết đến Alexander như một vị vua vĩ đại nhất trong các vị vua cổ đại. Truyền thuyết về Alexander lan rộng đến cả Tây Phi thời trung cổ, nơi hoàng tử nổi tiếng Sundiata háo hức lắng nghe những câu chuyện về người cai trị Macedonia.

Alexander Romance là một bản tường thuật về cuộc đời và chiến tích của Alexander Đại đế. Mặc dù được xây dựng xung quanh cốt lõi lịch sử, nhưng câu chuyện tình lãng mạn phần lớn là hư cấu. Nó đã được sao chép và dịch rộng rãi, tích lũy các truyền thuyết và các yếu tố kỳ ảo ở các giai đoạn khác nhau.



Hiếm có quốc gia nào trên thế giới không có những câu chuyện của riêng mình về vị vua vĩ đại Alexander. Nhưng, cũng như ở Ba Tư, không phải ai trong lịch sử cũng nhìn nhận anh theo một cách tích cực. Nhà thơ người Ý Dante đã đặt anh vào vòng thứ bảy của Địa ngục, sôi sục mãi mãi trong chính dòng máu của người khác mà anh tự do đổ vào. Nhiều người khác kể từ đó đã dễ dàng đồng ý rằng Alexander chẳng qua là một bạo chúa giết người. Quan điểm về Alexander đã quay đi quay lại như một con lắc qua nhiều thế kỷ, tùy thuộc vào dòng chảy lịch sử và khuynh hướng của những người đã viết nên câu chuyện về anh. Đối với người Victoria ở Anh Quốc, anh là một tấm gương phản chiếu chính họ như những người khai sáng nền văn minh thông qua một nền văn hóa vượt trội được hỗ trợ bởi một quân đội hùng mạnh. Quan điểm màu hồng này về Alexander đã sụp đổ sau cuộc chiến tàn khốc của thế kỷ 20, khi thực tế khủng khiếp của quyền lực tuyệt đối quét sạch mọi khái niệm lãng mạn về chế độ chuyên chế nhân từ. Ngày

nay, nhiều học giả hiện đại thích xem Alexander là một "tên côn đồ vị thành niên say xỉn", như một nhà sử học nổi tiếng gần đây đã mô tả về anh.

Quan điểm này về Alexander là quá đơn giản. Anh ta một người đàn ông của thời kỳ bạo lực, không tốt hơn hay tệ hơn trong hành động của mình so với Caesar hay Hannibal. Anh đã giết hàng chục ngàn thường dân trong các chiến dịch và gieo rắc nỗi kinh hoàng khi anh thức dậy, nhưng mọi vị tướng khác trong thế giới cổ đại cũng vậy. Nếu anh còn sống đến ngày hôm nay, chắc chắn anh sẽ bị kết án là tội phạm chiến tranh - nhưng anh không sống trong thời đại của chúng ta. Giống như các anh hùng trong bài thơ châm biếm kỳ diệu của Thomas Love Peacock "Bài ca chiến tranh của Dinas Vawr", Alexander đã chinh phục phần lớn thế giới cổ đại chỉ vì anh có thể.

Bản thân Alexander sẽ không phản bác lý luận như vậy và những người đã ngã xuống dưới thanh kiếm của anh. Nếu Đại vương

Darius có thể vượt qua Hellespont và tàn sát mọi người Macedonia trên con đường của mình để thêm đất đai vào đế chế, thì ông ấy sẽ làm như vậy mà không hối hận.

Cho dù chúng ta có tán thành các chiến thuật thường tàn bạo của Alexander hay không, thì mọi sinh viên lịch sử đều phải đồng ý rằng anh là một trong những nhà quân sự vĩ đại nhất mọi thời đại. Không ai ngoài một thiên tài thực sự trong trận chiến có thể chiến đấu với toàn bộ Đế chế Ba Tư trong một cuộc chiến lâu dài và chiến đấu theo cách của mình trên khắp châu Á cho đến tận Ấn Độ. Về động cơ của anh, chúng ta đã sai lầm rất nhiều khi cố gắng biến Alexander trở thành một người đàn ông có khả năng quân sự tối cao, người muốn nhiệt thành thống trị thế giới. Quan điểm vị vua Macedonia là Prometheus mang ánh sáng của nền văn minh Hy Lạp đến với những người nghèo ở châu Á vừa là vô cảm vừa là xúc phạm đối với các nền văn hóa tiên tiến của phương đông cổ đại.

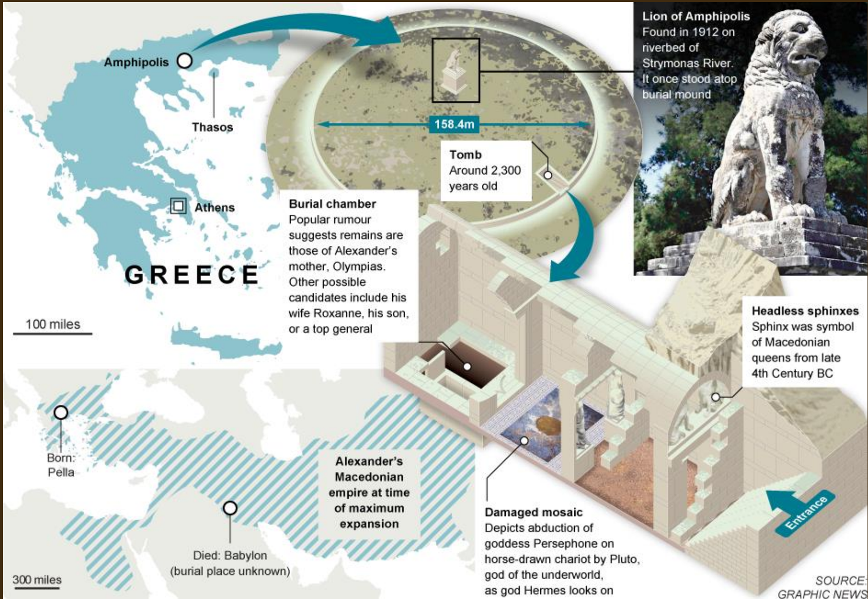
Trong thần thoại Hy Lạp, Prometheus có nghĩa là “người biết trước tương lai,” là một vị thần khổng lồ, con trai của Iapetus và Themis, anh em của Atlas, Epimetheus và Menoetius.



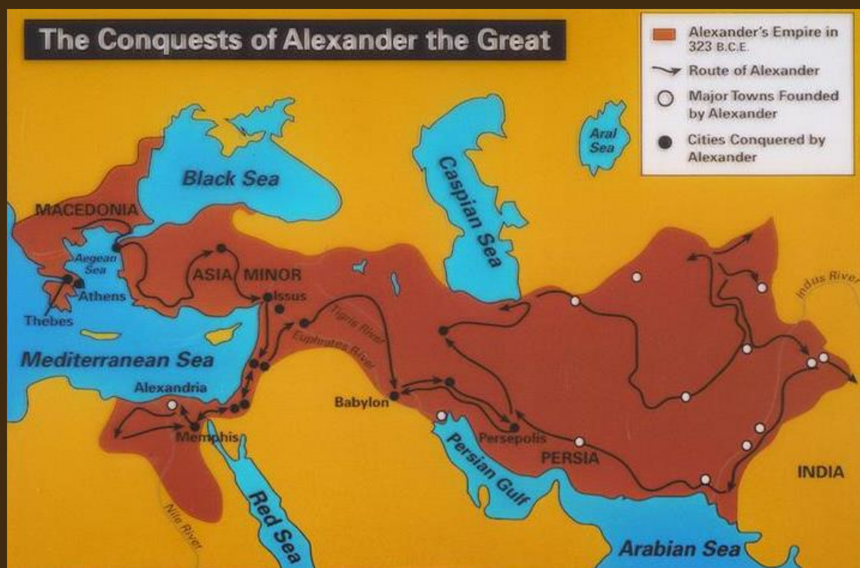
Ông nổi tiếng với trí thông minh và chính ông đã tạo ra loài người (ban đầu là những hình nhân đất sét sau đó ông đã lén Zeus thổi linh hồn vào những hình nhân đó) và chính ông là người giúp đỡ rất nhiều cho con người lúc đó bằng cách ngụy trang giấu đồ ăn (phần ngon nhất) được hiến tế cho Zeus dưới xương và ruột, là người đã ăn cắp ngọn lửa từ thần Apollo và trao nó cho nhân loại. Zeus đã trừng phạt bằng cách buộc ông vào một tảng đá để một con đại bàng ăn gan của ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ ban ngày bị ăn thì ban đêm lại tái sinh. Sau đó được Zeus tha cho vì đã tiết lộ cho ông biết trước tương lai rằng ông sẽ bị lật đổ bởi con trai mình (của Zeus và nữ thủy thần Thetis) và Zeus đã tránh được điều tương tự như cha (Cronos) và ông nội (Ouranos). Thần thoại về ông xuất hiện trong một vài nguồn tư liệu cổ, trong đó Prometheus được cho là đóng vai trò then chốt trong thời kỳ đầu lịch sử của nhân loại.

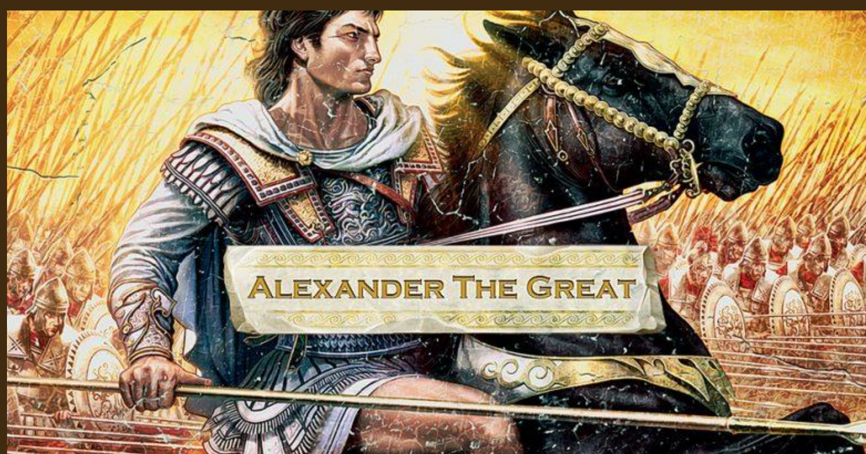
Để thực sự hiểu Alexander, chúng ta phải nhận ra rằng - có lẽ hơn bất kỳ người đàn ông nào trong lịch sử - anh ghét thua cuộc. Alexander đã và đang là hiện thân tuyệt đối của tham vọng thuần túy của con người với tất cả những hậu quả tốt và xấu của nó. Chúng ta có thể lên án cái chết và sự tàn phá mà anh để lại khi sải bước trên khắp thế giới, nhưng cuối cùng chúng ta không thể không ngưỡng mộ

một người đàn ông đã dám làm những việc tuyệt vời như vậy.











Đọc thêm sách khác tại:

https://is.gd/readbook